ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 431 /ĐA-UBND	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

ĐỀ ÁN
Thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026

Hưng Yên là tỉnh nằm ở trung tâm của vùng đồng bằng Sông Hồng, cách Thủ đô Hà Nội 54 km về phía Đông Nam, có vị trí địa lý cụ thể như sau: phía Đông giáp thành phố Hải Phòng và Biển Đông, phía Tây giáp Thủ đô Hà Nội và tỉnh Ninh Bình, phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình, phía Bắc giáp Thủ đô Hà Nội, thành phố Bắc Ninh và thành phố Hải Phòng. Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, tỉnh Hưng Yên có 2.637,84 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 3.600.396 người, với 104 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 11 phường và 93 xã).

Hưng Yên là cửa ngõ phía Đông Nam Thủ đô Hà Nội, có vai trò chiến lược quan trọng trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là tỉnh có hệ thống giao thông đường bộ phát triển đồng bộ và hiện đại, với các tuyến giao thông quan trọng như: Quốc lộ 5A, Quốc lộ 39A, Quốc lộ 38, Quốc lộ 38B, Quốc lộ 10, Quốc lộ 39, Quốc lộ 1, Quốc lộ 5, Quốc lộ 21B, cùng với đó là hệ thống đường thủy và hàng hải liên quan đến sông Hồng và Vịnh Bắc Bộ,... Đặc biệt đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng được thông xe từ năm 2015 với chiều dài 105,5km từ Hà Nội qua Hưng Yên đến Hải Phòng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng, nối Hưng Yên với các tỉnh phía Bắc như: Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Tỉnh Hưng Yên có hệ thống sông Hồng, sông Luộc chảy qua, đồng thời gần các cảng biển như Hải Phòng, Cái Lân, gần sân bay quốc tế Nội Bài, Gia Bình và sân bay Cát Bi tạo thành mạng lưới giao thông thuận lợi cho giao lưu hàng hóa và đi lại. Việc nằm trong vành đai kinh tế ven vịnh Bắc Bộ với 54km bờ biển, thuận lợi về giao thông hàng hải và các nguồn lợi từ biển là một ưu thế lớn cho sự phát triển, mở rộng giao thương và miền ảnh hưởng của Tỉnh tới các vùng kinh tế khác trong nước và quốc tế. Mặt khác, việc tiếp giáp trực tiếp với 128 km sông Hồng với cửa biển Ba Lạt và các cửa biển của hệ thống sông Thái Bình như cửa Thái Bình, Diêm Hộ, Trà Lý và cửa Lân là một lợi thế rất lớn, qua đó khai thác các tiềm năng về giao thông vận tải, vận chuyển hàng hóa, thương mại dịch vụ, du lịch và các giao lưu văn hóa - xã hội của tất cả các vùng miền, các nền văn minh liên quan đến tuyến sông này trong mối quan hệ chi phối bởi kinh tế biển và lục địa.

Năm 2026 là năm bản lề, cả hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên tập trung cao độ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I,

nhiệm kỳ 2025 - 2030, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng 02 con số bền vững, lan tỏa mô hình phát triển hiệu quả trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư ảm đạm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, tỉnh Hưng Yên đã tập trung chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Bộ Chính trị, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo từng tháng, từng quý; với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát, kịp thời, có trọng tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự vào cuộc tích cực của các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh, sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển ổn định và đạt được nhiều kết quả tích cực; phát triển kinh tế duy trì đà tăng trưởng, hoạt động sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp tăng trưởng khá, thu hút đầu tư được các doanh nghiệp lớn vào tỉnh đầu tư sản xuất, kinh doanh hoạt động xuất nhập khẩu tăng. Lĩnh vực văn hóa xã hội đều có những chuyển biến tích cực theo định hướng, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên; năm 2025, toàn tỉnh còn 0,99% hộ nghèo và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của Nhân dân trên địa bàn. Cơ sở vật chất, trường học, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của Nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Xuất phát từ vị trí địa lý, vai trò và tiềm năng phát triển của 36 xã (gồm: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc) trong không gian phát triển đô thị của tỉnh Hưng Yên; từ yêu cầu đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, xây dựng và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại theo định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm hoàn thiện tổ chức đơn vị hành chính đô thị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn đô thị.

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các xã Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc trong việc tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng, đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phát huy mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; quốc phòng - an ninh được tăng cường, củng cố trên địa bàn có tốc độ phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ của tỉnh Hưng Yên trong thời gian qua.

Đến nay, 36 xã đã bảo đảm các điều kiện, đạt đủ các tiêu chuẩn thành lập phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xây dựng Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026, với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

1.1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.3. Nghị quyết 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW, ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW.

1.4. Nghị quyết 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.5. Kết luận số 76-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ Ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Kế hoạch số 06-KH/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ Ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

1.6. Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

1.7. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; Kết luận số 421-KL/TU ngày 29/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về Kế hoạch xây dựng phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15).

2.2. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025.

2.3. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 144/2025/QH15).

2.4. Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.5. Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2.6. Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025.

2.7. Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.8. Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

2.9. Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng điều chỉnh Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.10. Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.11. Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị; Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị.

2.12. Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.13. Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

1. Thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên nhằm cụ thể hóa quan điểm, định hướng, mục tiêu của Đảng về phát triển hệ thống đô thị; thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 05 năm 2026 - 2030 là tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 50%; phát triển hệ thống đô thị tập trung vào xây dựng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và sáng tạo; đồng thời chú trọng nâng cấp hạ tầng, cải thiện dịch vụ, đảm bảo an sinh, an toàn môi trường sống, hướng tới đô thị phát triển nhanh, bền vững và kết nối quốc tế; trong năm 2026 phát triển một số tỉnh trở thành thành phố, nâng cấp các xã đủ điều kiện trở thành phường. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới.

b) Nghị quyết 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu đến năm 2030 vùng đồng bằng Sông Hồng đạt tỷ lệ đô thị hóa trên 55%.

c) Nghị quyết 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu giai đoạn tới đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại; kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy. Kết luận số 224-KL/TW, ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã định hướng: *"Trong năm 2026, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, đồng bộ với chính quyền địa phương 2 cấp, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, bền vững, chống chịu với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường"*.

d) Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị đã yêu cầu *rà soát, đánh giá các xã trên địa bàn, nhất là đối với các xã được hình thành từ việc sắp xếp các thị trấn trước đây*.

đ) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đặt mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 50%. Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026, đặt mục tiêu thành lập 36 phường, gồm: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc trong năm 2026.

e) Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định đến năm 2030, xây dựng tỉnh Hưng Yên là tỉnh có nền kinh tế năng động, phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển xanh; bảo

đảm an ninh năng lượng; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; sớm đưa Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I, là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Đặc biệt, khu vực 36 xã được hình thành từ các thị trấn năm 2025 hoặc đã có khu vực được phân loại đô thị như: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc đều được định hướng trở thành phường trong giai đoạn đến năm 2030, hướng đến mục tiêu chung thành lập thành phố Hưng Yên trực thuộc Trung ương trong giai đoạn tiếp theo theo định hướng.

2. Thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên xuất phát từ vị trí, vai trò và tiềm năng, lợi thế của các xã đối với tỉnh Hưng Yên và khu vực

Các xã: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc là 36 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên, có điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi. Trong những năm qua, công tác phát triển đô thị trên địa bàn các xã đã được quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác quy hoạch được quan tâm, tập trung; nhiều dự án hạ tầng khung, dự án khu đô thị, khu dân cư đã được triển khai đầu tư đồng bộ; công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, trật tự đô thị ngày càng được chú trọng; không gian, cảnh quan kiến trúc đô thị có nhiều đổi mới; chất lượng đô thị ngày càng được nâng cao.

Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xác định các xã: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc đều nằm trong các vùng chức năng trọng điểm, hành lang phát triển chủ đạo và các cực tăng trưởng chiến lược của tỉnh Hưng Yên. Quy hoạch xác định phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên dựa trên cấu trúc khung phát triển với 03 vùng kinh tế gồm: Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội): Có vị trí chiến lược nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của Thủ đô Hà Nội, tiếp giáp trực tiếp với Bắc Ninh, Hải Phòng và Hà Nội, nằm trên trục hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Vùng trung tâm tỉnh: Nằm ở trung tâm địa lý của không gian phát triển tỉnh Hưng Yên, có vị trí chiến lược trong việc liên kết vùng động lực phía Bắc với vùng ven biển, đồng thời là trục kết nối quan trọng trong mạng lưới phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và hành lang kinh tế ven biển; Vùng ven biển: Nằm ở khu vực ven biển phía Đông và Đông Nam của tỉnh, là vùng kinh tế biển tổng hợp, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển hành lang kinh tế ven biển Bắc Bộ, nằm tại trung điểm kết nối giữa Hải Phòng - Ninh Bình, đồng thời là cửa ngõ hướng biển của Hưng Yên. Hình thành 02 hành lang phát triển gồm: Hành lang sinh thái - kinh tế - văn hóa sông Hồng trải dài dọc theo bờ sông Hồng từ khu vực giáp ranh với Hà Nội đến cửa Ba Lạt, gắn với tuyến đường di sản ven sông Hồng (trục dọc số 03). Phát triển du lịch lịch sử, văn hóa và sinh thái gắn với tuyến đường "Di sản" ven sông Hồng. Hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với hệ thống các tuyến cao tốc (CT.16), trục dọc số 02 giữ vai trò xương sống tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời là cửa ngõ giao thương và liên kết vùng quan trọng với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh và Ninh Bình. Là không gian phát triển tổng hợp đa ngành, đa chức năng, bao gồm công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics và đổi mới sáng tạo.

Với vị trí phân bố trên các hành lang này, 36 xã có điều kiện thuận lợi để kết nối với các đô thị trung tâm của tỉnh, với Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, các cửa khẩu quốc tế và hệ thống cảng biển phía Đông Bắc, tạo dư địa lớn cho phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại, dịch vụ, logistics và nông nghiệp chất lượng cao. Đây là cơ sở quan trọng cho việc thành lập các phường mới nhằm hình thành các trung tâm phát triển cấp xã có vai trò lan tỏa trong toàn tỉnh. Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình mạng lưới, đa cực, đa trung tâm và tuyến tính, gắn với các hành lang kinh tế chủ đạo theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây; mở rộng không gian phát triển về khu vực ven biển phía Đông và Đông Nam của tỉnh - vùng có lợi thế nổi bật về địa hình ven biển, quỹ đất

rộng, giao thông thuận lợi và khả năng phát triển hệ thống cảng biển, khu kinh tế và năng lượng tái tạo; là vùng động lực tăng trưởng chiến lược mới của tỉnh, được định hướng là trung tâm phát triển kinh tế biển tổng hợp, bao gồm công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics cảng biển, đô thị - dịch vụ biển và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển.

Định hướng quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên bao gồm cấu trúc 02 hành lang (gồm: Hành lang đô thị - công nghiệp Đông Bắc - hành lang phát triển các đô thị công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, khai thác tuyến cao tốc 5B, tuyến mới từ nút giao Tân Phúc - Võng Phan kết nối trực tiếp với CT.16 và Hành lang sinh thái sông Hồng - hành lang đô thị du lịch, văn hóa, sinh thái và di sản, gắn với tuyến cao tốc Văn Giang, Đường mới 02 cao tốc - CT39A, Thái Bình - Đồng Tu A, Thái Bình - Cồn Vành; tuyến đường Di sản ven sông Hồng), 03 phân vùng (gồm: tiểu vùng đô thị trung tâm, tiểu vùng đô thị phía Bắc và tiểu vùng đô thị ven biển) và 18 đô thị theo hướng đô thị mạng lưới, đa cực đa trung tâm và tuyến tính. Cụ thể: Giai đoạn 2026 - 2030, hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên gồm 18 đô thị, gồm: 04 đô thị loại II (Phố Hiến, Mỹ Hào, Văn Giang, Thái Bình) và 14 đô thị loại III (Long Hưng, Văn Lâm, Ân Thi, Khoái Châu, Yên Mỹ, Trà Giang, Kiến Xương, Vũ Thư, Đông Hưng, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Tiền Hải, Thái Thụy, Hưng Phú). Định hướng đến năm 2030, tỉnh Hưng Yên hình thành 09 khu vực phát triển đô thị (FUA) đặt trong cấu trúc tổng thể mô hình Mạng lưới - Đa cực - Đa trung tâm - Tuyến tính và mô hình đô thị 30 phút (HungYen30); toàn tỉnh Hưng Yên là đô thị loại I, phát triển trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, có cấu trúc đa cực, đa trung tâm, có hệ thống 09 đô thị trung tâm là các đô thị loại II, III gồm: (1) Đô thị Phố Hiến, (2) Đô thị Mỹ Hào, (3) Đô thị Văn Giang, (4) Đô thị Khoái Châu, (5) Đô thị Thái Bình, (6) Đô thị Quỳnh Phụ, (7) Đô thị Tiền Hải, (8) Đô thị Thái Thụy và (9) Đô thị Hưng Phú - Ba Lạt. Trong đó, 36 xã: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc đều là trung tâm, hạt nhân phát triển của các đô thị; có vị trí, vai trò, chức năng rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị tại các cực, trung tâm phát triển, gắn với mô hình phát triển đô thị mạng lưới, đa cực đa trung tâm và tuyến tính, cụ thể:

a) Các xã: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Như Quỳnh, Khoái Châu, Mễ Sở, Lạc Đạo, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Châu Ninh thuộc Vùng I - Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát

triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), đường tỉnh 378, đường tỉnh 379, tuyến đường di sản, đường vành đai 3,5, vành đai 4 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao; đóng vai trò là trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Các xã: Tân Hưng, Lương Bằng, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Trãi, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Quỳnh Phụ thuộc Vùng II - Vùng trung tâm tỉnh, hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục của toàn tỉnh, giữ vai trò điều phối, cân bằng và lan tỏa phát triển không gian kinh tế - xã hội giữa hai vùng động lực phía Bắc và vùng kinh tế ven biển phía Nam; trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao.

c) Các xã: Hưng Phú, Thái Thụy, Tiền Hải, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Thái Ninh, Kiến Xương thuộc Vùng III - Vùng ven biển, là vùng kinh tế biển tổng hợp, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển hành lang kinh tế ven biển Bắc Bộ, nằm tại trung điểm kết nối giữa Hải Phòng - Ninh Bình, đồng thời là cửa ngõ hướng biển của Hưng Yên; có lợi thế nổi bật về địa hình ven biển, quỹ đất rộng, giao thông thuận lợi và khả năng phát triển hệ thống

cảng biển, khu kinh tế và năng lượng tái tạo. Là vùng động lực tăng trưởng chiến lược mới của tỉnh, được định hướng là trung tâm phát triển kinh tế biển tổng hợp, bao gồm công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics cảng, đô thị - dịch vụ biển và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển; là vùng kinh tế mở, có cơ chế phát triển linh hoạt, thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời giữ vai trò trọng điểm về an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

Từ những lợi thế về vị trí địa lý, kết nối giao thông, không gian phát triển, công nghiệp, logistics, đô thị, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp chất lượng cao theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, việc thành lập các phường: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc là cần thiết nhằm hình thành các trung tâm phát triển cấp xã có vai trò lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và tổ chức không gian phát triển tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại, đa cực, liên kết vùng và bền vững.

3. Thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên xuất phát từ thực trạng phát triển của các xã và yêu cầu phải chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị

a) Thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên xuất phát từ thực trạng phát triển của các xã

Năm 2026 là năm bản lề, cả hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên nói chung và 36 xã dự kiến thành lập phường nói riêng tập trung cao độ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng ở mức hai con số bền vững, lan tỏa mô hình phát triển hiệu quả trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư ảm đạm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, các xã đã tập trung chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn các xã ổn định, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, nâng cấp,

đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của các xã; văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; công tác giải quyết việc làm, an sinh xã hội, giảm nghèo đạt nhiều kết quả; đời sống vật chất và tinh thần người dân được nâng cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Cụ thể:

(1). Xã Nghĩa Trụ có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 97,32%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 2.677,86 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 97,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(2). Xã Phụng Công có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 94,28%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 828,04 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 98,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(3). Xã Văn Giang có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 92,04%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.623,75 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 97,1 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(4). Xã Mễ Sở có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,2%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 745,55 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 97 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(5). Xã Lương Bằng có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 93,37%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 716,72 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,8 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(6). Xã Nguyễn Văn Linh có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 99,56%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 669,98 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 86,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(7). Xã Việt Tiến có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 92,06%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 979,74 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 86,4 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(8). Xã Yên Mỹ có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 98,34%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.053,52 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 88,8 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(9). Xã Như Quỳnh có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 99,39%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.062,97 tỷ đồng; thu

nhập bình quân đầu người đạt 89 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(10). Xã Ân Thi có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 93,07%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 697,86 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(11). Xã Hoàng Hoa Thám có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 80,24%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 776,44 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 83,5 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(12). Xã Khoái Châu có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 77,47%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 680,34 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 85,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(13). Xã Thái Thụy có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 94,83%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 702,55 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(14). Xã Hưng Hà có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,53%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 828,88 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,3 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(15). Xã Long Hưng có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,44%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 359,18 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 92,5 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(16). Xã Tiền Hải có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 80,44%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.138,89 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 81,4 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(17). Xã Kiến Xương có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 73,14%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 386,33 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(18). Xã Quỳnh Phụ có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 71,45%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 2.038,11 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(19). Xã Hưng Phú có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,68%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 254,82 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 81 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(20). Xã Đông Hưng có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 88,82%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 407,09 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,9 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(21). Xã Vũ Thư có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 78,68%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 547,07 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(22). Xã Vũ Quý có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 86,38%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 257,13 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(23). Xã Phụ Dực có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 88,27%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 519,49 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(24). Xã Tiên Lữ có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,49%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 618,56 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 81,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(25). Xã Lạc Đạo có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 98,7%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 346,67 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 87 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(26). Xã Tân Hưng có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,54%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 267,73 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 85 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(27). Xã Thái Ninh có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,11%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 331,91 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(28). Xã Tiên Tiến có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,23%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 681,91 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 81,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(29). Xã Nghĩa Dân có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 82,78%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 529,36 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(30). Xã Quang Hưng có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 77,14%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 492,16 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 82 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(31). Xã Việt Yên có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 86,61%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.024,19 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,3 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(32). Xã Hoàn Long có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 82,9%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 982,48 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,1 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(33). Xã Nguyễn Trãi có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 72,96%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 870,80 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(34). Xã Xuân Trúc có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 92,26%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 399,49 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 78,7 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(35). Xã Châu Ninh có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,88%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 280,87 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 79,2 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

(36). Xã Triệu Việt Vương có tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 77,69%; tổng thu ngân sách địa phương đạt 1.262,42 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 84,3 triệu đồng/người/năm và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

b) Thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên xuất phát từ thực trạng phát triển đô thị và nhằm đáp ứng yêu cầu cần thiết chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị

Phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, các xã đã chủ động đề ra nhiều mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể thúc đẩy tiến trình đô thị hóa. Thực hiện Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các xã đã huy động mọi nguồn lực để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị theo quy

hoạch; gắn kết giữa phát triển không gian đô thị mới với cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đô thị hiện hữu; xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc,... Đồng thời, phát triển hạ tầng thương mại, hạ tầng xã hội phục vụ các hoạt động kinh tế như: nhà hàng, nhà ở xã hội, trường học, cơ sở y tế,...; bám sát chủ trương phát triển đô thị theo định hướng hiện đại, thông minh, bản sắc. Tuy nhiên, quá trình phát triển đô thị đòi hỏi: Cơ chế quản trị đô thị thống nhất, chuyên nghiệp và linh hoạt hơn; tăng thẩm quyền quyết định về quy hoạch, đất đai, đầu tư, tổ chức bộ máy; nâng chất lượng cung ứng dịch vụ công và dịch vụ đô thị; đầu tư mạnh hơn cho hạ tầng số, giao thông thông minh, quản trị dữ liệu và hạ tầng xã hội chất lượng cao. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng cao, việc thành lập các phường có vị thế cao hơn trong điều phối vùng, thu hút nguồn lực chiến lược; tăng khả năng tiếp cận các chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, đầu tư công và cơ chế phát triển đô thị bền vững.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tỉnh Hưng Yên nói chung và đặc biệt là khu vực 36 xã được hình thành từ các thị trấn năm 2025 hoặc đã có khu vực được phân loại đô thị nói riêng như: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc phát triển nhanh về kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa cao; cùng với đó là việc tỉnh mới hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã làm phát sinh nhiều bất cập trong quản lý của chính quyền địa phương như: quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường,... mô hình quản lý chính quyền nông thôn như hiện nay không còn phù hợp, đòi hỏi sự ra đời của một bộ máy chính quyền đô thị (phường thuộc tỉnh) nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và quản trị của địa phương; đồng thời tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh theo định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc thành lập 36 phường: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu

Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc là cần thiết, phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa đang diễn ra nhanh trên địa bàn các xã trong thời gian qua; đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa của tỉnh, hướng đến phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối các đô thị trong và ngoài tỉnh; kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ theo định hướng; tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, giải quyết các bất cập trong quản lý của chính quyền địa phương; phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định; là nguyện vọng thiết tha của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn; góp phần tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CÓ LIÊN QUAN

1. Xã Nghĩa Trụ

1.1. Lịch sử hình thành

Nghĩa Trụ là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, văn hóa và hiếu học. Trong lịch sử khoa cử Nho học Việt Nam, từ khoa thi đầu tiên dưới triều Lý năm 1075 đến khoa thi cuối cùng dưới triều Nguyễn năm 1919, vùng đất Hưng Yên đã đóng góp nhiều nhân tài cho đất nước. Theo các tài liệu lịch sử, Hưng Yên là một trong những địa phương có truyền thống khoa bảng tiêu biểu của cả nước, với nhiều người đỗ đại khoa và nhiều danh nhân nổi tiếng. Đặc biệt, trên địa bàn xã Nghĩa Trụ ngày nay có Trạng nguyên Đỗ Tông, người thôn Lại Ốc (thuộc xã Long Hưng trước đây), là niềm tự hào của quê hương và là minh chứng sinh động cho truyền thống hiếu học, trọng nhân tài của địa phương. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, các thế hệ nhân dân Nghĩa Trụ đã không ngừng vun đắp và phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống yêu nước, cách mạng và hiếu học, tạo nên bản sắc riêng của vùng đất giàu truyền thống văn hiến, địa linh nhân kiệt.

Nghĩa Trụ là quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Ngay từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, địa phương đã sớm trở thành một trong những địa bàn có phong trào cách mạng phát triển. Nhiều cán bộ, chiến sĩ

và nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu xuất thân từ quê hương Nghĩa Trụ đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu như Tô Chấn, Tô Hiệu, Lê Văn Lương, Tô Quyền, cùng các văn nghệ sĩ nổi tiếng như Nguyễn Công Hoan, Tô Ngọc Vân,… Tiếp nối truyền thống vẻ vang đó, Nghĩa Trụ tự hào là quê hương của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là niềm vinh dự của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương, đồng thời góp phần khẳng định truyền thống hiếu học, yêu nước, cách mạng và bề dày văn hiến của quê hương. Bên cạnh truyền thống cách mạng, Nghĩa Trụ còn là vùng đất giàu giá trị văn hóa - tín ngưỡng với hệ thống di tích lịch sử phong phú, nhiều công trình có giá trị về lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật, trong đó có các di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh. Tiêu biểu như đình Ngu Nhuế, đình Nhân Vực, đình Ngọc Bộ, Khu lưu niệm liệt sĩ Tô Hiệu, địa điểm lưu niệm đồng chí Lê Văn Lương,…

Trong quá trình phát triển, địa bàn xã Nghĩa Trụ đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính gắn với sự thay đổi tổ chức đơn vị hành chính qua các thời kỳ lịch sử. Trước năm 1947, xã Nghĩa Trụ thuộc huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh. Trong thời kỳ phong kiến và thời Pháp thuộc, đơn vị hành chính trên địa bàn nhiều lần được điều chỉnh theo các đơn vị tổng, xã của huyện Văn Giang. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hệ thống đơn vị hành chính được sắp xếp lại. Ngày 06/6/1947, theo Nghị định số 79 của Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ, huyện Văn Giang được chuyển về tỉnh Hưng Yên, trong đó xã Nghĩa Trụ thuộc địa bàn huyện Văn Giang.

Năm 1977, theo Quyết định số 58-CP của Hội đồng Chính phủ, huyện Văn Giang hợp nhất với huyện Yên Mỹ và một phần huyện Khoái Châu thành huyện Văn Yên, xã Nghĩa Trụ thuộc huyện Văn Yên. Năm 1979, theo Quyết định của Hội đồng Chính phủ, huyện Châu Giang được thành lập trên cơ sở sáp nhập một số xã của các huyện Văn Giang, Yên Mỹ và Khoái Châu, trong đó có xã Nghĩa Trụ. Sau khi tỉnh Hưng Yên được tái lập năm 1997, địa bàn xã Nghĩa Trụ thuộc tỉnh Hưng Yên. Năm 1999, thực hiện Nghị định số 60/1999/NĐ-CP của Chính phủ, huyện Văn Giang được tái lập với 11 đơn vị hành chính trực thuộc, trong đó có xã Nghĩa Trụ.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nghĩa Trụ, Long Hưng và Vĩnh Khúc thành xã mới có tên gọi là xã Nghĩa Trụ và tồn tại cho đến ngày nay.

1.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Nghĩa Trụ nằm ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh Hưng Yên, thuộc không gian phát triển của Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Như Quỳnh;
- Phía Tây giáp xã Văn Giang;
- Phía Nam giáp các xã: Văn Giang, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh;
- Phía Bắc giáp xã Phụng Công và xã Như Quỳnh.

1.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nghĩa Trụ có 22,79 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 13,66 km^2 và đất nông nghiệp là 9,13 km^2.

1.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

1.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Nghĩa Trụ có quy mô dân số là 51.460 người, trong đó dân số thường trú là 42.099 người và dân số tạm trú là 9.361 người.

1.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nghĩa Trụ là 30.360 người, trong đó: lao động công nghiệp và xây dựng là 13.635 người, chiếm tỷ lệ 44,91%; lao động thương mại - dịch vụ là 14.958 người, chiếm tỷ lệ 49,27%; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 1.767 người, chiếm tỷ lệ 5,82%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 28.593 người, chiếm tỷ lệ 94,18%.

1.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Nghĩa Trụ chủ yếu là người Kinh. Phân bố dân cư trên địa bàn xã Nghĩa Trụ có sự chuyển biến rõ nét theo quá trình đô thị hóa, hình thành hai khu vực chính gồm: khu dân cư phát triển theo hướng đô thị và khu dân cư truyền thống nông thôn, với mật độ dân cư phân bố không đồng đều, trung bình khoảng 2.046 người/km^2.

Khu vực có mật độ dân cư cao tập trung chủ yếu tại các khu vực thuộc địa bàn xã Nghĩa Trụ và xã Long Hưng trước đây, nơi hình thành và phát triển các khu đô thị mới và khu chức năng đô thị. Đây là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, gắn với việc triển khai các dự án khu đô thị quy mô lớn như Vinhomes Ocean Park 2, một phần Vinhomes Ocean Park 3 và các khu đô thị lân cận, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu không gian dân cư theo hướng đô thị.

Khu vực còn lại là các khu dân cư truyền thống, phân bố dọc theo các trục giao thông liên xã và khu vực trung tâm hành chính, nơi vẫn duy trì mô hình cư

trú nông thôn kết hợp với xu hướng chuyển đổi sang các loại hình dịch vụ và phi nông nghiệp. Quá trình đô thị hóa đã bước đầu hình thành các điểm dân cư có tính chất đô thị hóa, làm thay đổi dần cấu trúc không gian dân cư trên địa bàn.

Nhìn chung, phân bố dân cư của xã Nghĩa Trụ đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực đô thị, giảm dần tính thuần nông, phù hợp với định hướng phát triển đô thị và yêu cầu tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình phường trong giai đoạn tới.

1.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

1.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Từ một vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, Nghĩa Trụ hôm nay đang chuyển mình mạnh mẽ trở thành trung tâm đô thị sinh thái hiện đại, năng động và giàu sức sống. Việc sáp nhập năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng, mở ra không gian phát triển mới, phát huy hiệu quả các nguồn lực và tạo nền tảng để địa phương bứt phá, hướng tới mục tiêu xây dựng một đô thị kiểu mẫu với ba trụ cột: Đô thị sinh thái - Thương mại, giải trí - Dịch vụ thông minh.

Kinh tế - xã hội xã Nghĩa Trụ phát triển toàn diện trong năm 2025. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 15,2%, cao hơn bình quân chung của tỉnh (8,78%); Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng (tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 91%); trong đó ngành có tốc độ phát triển mạnh là Thương mại - dịch vụ (GRDP theo giá hiện hành đạt 3,778 tỷ đồng). Công nghiệp - xây dựng bứt phá mạnh mẽ (GRDP theo giá hiện hành đạt 3,326 tỷ đồng). Các chỉ tiêu này phản ánh nền kinh tế địa phương đã hình thành rõ nét các yếu tố của kinh tế đô thị, kinh tế dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ.

1.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 2.677.859 triệu đồng, đạt 941,9% dự toán, là mức thu kỷ lục trên địa bàn xã từ trước tới nay, đưa xã Nghĩa Trụ trở thành địa bàn có đóng góp lớn về cho ngân sách tỉnh, tổng chi ngân sách xã đạt 1.382.459 triệu đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, tỷ lệ thu/chi đạt 193,7%.

Nhìn chung công tác quản lý và sử dụng ngân sách được thực hiện đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội trên địa bàn. Việc triển khai kế hoạch vốn đầu tư công được tập trung thực hiện đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông, giáo dục, văn hóa và chỉnh trang đô thị; góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao chất lượng không gian đô thị và thúc đẩy phát triển toàn diện xã Nghĩa Trụ.

1.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Nghĩa Trụ đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức tỉnh Hưng Yên và xã Nghĩa Trụ đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm.

Theo nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội của toàn xã, đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người của xã không ngừng tăng qua các năm. Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023 đạt 81,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 đạt 87,4 triệu đồng/người/năm và năm 2025 đạt 97,2 triệu đồng/người/năm, bằng 1,24 lần mức thu nhập bình quân đầu người tỉnh Hưng Yên (tỉnh Hưng Yên năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người). Với kết quả trên, Nghĩa Trụ là một trong những địa phương có bình quân thu nhập đầu người cao top đầu trong tỉnh Hưng Yên và đạt chuẩn thành lập phường.

1.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nghĩa Trụ là 0,15%, trong đó: năm 2023 là 0,45%, năm 2024 là 0% và năm 2025 là 0%.

1.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của xã Nghĩa Trụ năm 2025 ước đạt 376,9 tỷ đồng, tăng 2,3% so với năm 2024. Sản xuất nông nghiệp duy trì và đạt kết quả khá. Nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao, gắn với phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao, đưa giá trị thu bình quân trên 1 ha đất canh tác năm 2025 ước đạt 320 triệu đồng. Chăn nuôi phát triển theo hướng bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Công tác giám sát, kiểm soát dịch bệnh, tiêm vắc xin, vệ sinh tiêu độc khử trùng cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm; chăn nuôi theo mô hình liên kết tiếp tục được hình thành và phát triển.

b) Công nghiệp - xây dựng

Xã Nghĩa Trụ là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, giữ vai trò quan trọng trong không gian phát triển đô thị - dịch vụ của tỉnh Hưng Yên. Trên địa bàn hiện có sự hình thành và phát triển của các khu đô thị quy mô lớn, tiêu biểu như Vinhomes Ocean Park 2 và Vinhomes Ocean Park 3, góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị hóa.

Sự phát triển của các dự án đô thị đã thu hút nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản, quản lý vận hành đô thị và dịch vụ hỗ trợ, tạo việc làm cho lao động địa phương và khu vực lân cận, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Cùng với quá trình phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ, các hạ tầng kinh tế trên địa bàn xã Nghĩa Trụ tiếp tục được quan tâm đầu tư, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - đô thị. Nổi bật là dự án Khu công nghiệp Văn Giang - Hy PARK được quy hoạch trên địa bàn xã Nghĩa Trụ với quy mô khoảng 272,76 ha. Dự án sở hữu vị trí thuận lợi trên trục đường Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội, có khả năng kết nối nhanh với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực. Khu công nghiệp được định hướng phát triển theo mô hình khu công nghiệp chuyên ngành thế hệ mới, ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, điện tử, viễn thông, logistics, thiết bị điện, năng lượng, công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp dữ liệu ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo. Dự kiến sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động, Khu công nghiệp Văn Giang - Hy PARK sẽ thu hút khoảng 19.000 lao động, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tăng nguồn thu ngân sách, thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ và tạo động lực quan trọng cho quá trình đô thị hóa trên địa bàn xã Nghĩa Trụ.

Bên cạnh lợi thế phát triển công nghiệp công nghệ cao, xã Nghĩa Trụ còn là địa phương có nhiều làng nghề truyền thống và các hộ sản xuất, kinh doanh hoạt động ổn định. Các làng nghề và cơ sở sản xuất trên địa bàn đã từng bước thích ứng với quá trình đô thị hóa, duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, kết nối cung cầu do tỉnh và các cơ quan chuyên môn tổ chức. Nhiều sản phẩm đặc trưng của địa phương đã được giới thiệu tại các hội chợ thương mại, hội nghị kết nối cung cầu và các sự kiện xúc tiến đầu tư, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và phát triển kinh tế địa phương.

Sự phát triển đồng thời của khu công nghiệp công nghệ cao, các hoạt động thương mại - dịch vụ và các ngành nghề truyền thống đã tạo nên cơ cấu kinh tế đa dạng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu xây dựng xã Nghĩa Trụ trở thành phường trong thời gian tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ phát triển mạnh tiếp sau công nghiệp nhằm thúc đẩy giao lưu hàng hóa sản phẩm, thúc đẩy các dịch vụ sản xuất và đời sống như tài chính, viễn thông, vận tải, văn phòng,... Trên địa bàn xã đã hình thành mạng lưới công trình dịch vụ với quy mô cấp khu vực và vùng, đặc biệt đáp ứng nhu cầu tài chính, tín dụng của vùng kinh tế phía Bắc của tỉnh.

Với vị trí tiếp giáp các trục giao thông quan trọng như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Vành đai 3,5 và Vành đai 4 vùng Thủ đô, xã Nghĩa Trụ có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và các loại hình dịch vụ đô thị. Trên địa bàn đã và đang hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ và vui chơi giải trí quy mô lớn như Mega Grand World Hà Nội; Vincom

Mega Mall; Vịnh biển bốn mùa Paradise Bay… góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng thương mại và nâng cao mức độ phục vụ nhu cầu dân cư đô thị đang gia tăng nhanh.

Nghĩa Trụ là thị trường lớn của vùng tam giác Hưng Yên - Hà Nội - Bắc Ninh về thương mại dịch vụ, đô thị sinh thái và logistics; Trong đó phải kể đến các đại đô thị và tổ hợp vui chơi giải trí tầm cỡ quốc tế như Vinhomes Ocean Park 2, Vinhomes Ocean Park 3, và quần thể ẩm thực - mua sắm - giải trí Mega Grand World Hà Nội (nay thuộc Ocean City). Ngoài ra, địa phương còn có các trung tâm giao thương, dịch vụ hiện đại cấp vùng như: Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall, phân khu kinh tế dịch vụ dọc hành lang đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Quốc lộ 5,... góp phần phát triển hệ thống dịch vụ cấp vùng.

Hệ thống các công trình siêu thị và chợ dân sinh trên địa bàn xã đã được chú trọng đầu tư và cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân. Hiện nay, khu vực có 01 siêu thị kinh doanh tổng hợp và 03 chợ dân sinh truyền thống đang hoạt động hiệu quả. Sự kết hợp giữa mô hình mua sắm hiện đại và các chợ dân sinh không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mua bán, trao đổi hàng hóa phục vụ đời sống, sản xuất, mà còn thúc đẩy tiêu thụ nông sản, hàng hóa địa phương. Ngoài quỹ đất theo hiện trạng, trên thực tế mạng lưới thương mại - dịch vụ còn bao gồm hệ thống cửa hàng bán lẻ, cơ sở kinh doanh tổng hợp, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, logistics nhỏ lẻ và các dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng khác phân bố tương đối tập trung dọc các tuyến đường chính và các khu vực đông dân cư. Sự phát triển của lĩnh vực này không chỉ phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân mà còn tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ.

Cùng với quá trình phát triển đô thị diễn ra mạnh mẽ, các hoạt động giao thương hàng hóa, giao dịch kinh doanh giữa các doanh nghiệp ngày càng sôi động, kéo theo nhu cầu đi lại, lưu trú và nghỉ dưỡng trên địa bàn không ngừng gia tăng. Bên cạnh đó, hoạt động du lịch tiếp tục phát triển mạnh cả về quy mô, loại hình sản phẩm và số lượng du khách. Năm 2025, địa bàn xã đón khoảng 2,2 triệu lượt khách đến tham quan, vui chơi, giải trí. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng về lưu trú, nghỉ ngơi, tham quan và du lịch lữ hành, trên địa bàn xã đã hình thành nhiều cơ sở lưu trú, nghỉ dưỡng do tư nhân đầu tư xây dựng và quản lý. Các cơ sở này có chất lượng tương đối tốt, cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn của người dân và du khách trong và ngoài địa phương, đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ và du lịch của địa phương.

1.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

1.6.1. Giáo dục - đào tạo

Hệ thống giáo dục được quan tâm đầu tư, các trường học các cấp cơ bản

đạt chuẩn quốc gia; cơ sở vật chất ngày càng được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, trong đó có sự phát triển của các cơ sở giáo dục chất lượng cao phục vụ dân cư đô thị.

- Hệ giáo dục phổ thông:

Mạng lưới giáo dục trên địa bàn xã được quy hoạch và đầu tư tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển dân trí của nhân dân. Cơ sở vật chất trường lớp tiếp tục được đầu tư theo hướng hiện đại, khang trang; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Chất lượng dạy và học ngày càng được cải thiện, 100% trẻ em được huy động đến trường, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

Hiện nay, xã có: 03 trường mầm non công lập (trường Mầm non Long Hưng, trường Mầm non Tô Quyền, trường Mầm non Vĩnh Khúc); 13 trường ngoài công lập (trường Mầm non Vinschool Ocean Park 2 và 12 cơ sở giáo dục độc lập); 02 trường Tiểu học (trường Tiểu học Long Hưng và trường Tiểu học Vĩnh Khúc); 02 trường trung học cơ sở (trường THCS Long Hưng và trường THCS Vĩnh Khúc); 01 trường liên cấp Tiểu học và THCS Tô Hiệu.

- Hệ đại học, trung học chuyên nghiệp:

Trên địa bàn xã có 02 trường hệ đại học là trường Đại học Mở cơ sở 2 và Quy hoạch phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội. Ngoài ra các cơ sở đào tạo khác cũng ngày một phát triển như trung tâm ngoại ngữ, tin học,... phong phú, đa dạng, tạo điều kiện cho ngành giáo dục đào tạo phát triển, góp phần quan trọng về nhiều mặt phát triển đô thị, đặc biệt là đào tạo lực lượng lao động có tri thức, thành phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại.

1.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường; hệ thống cơ sở y tế được đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong điều kiện dân số và đô thị hóa ngày càng tăng.

Hiện nay, trên địa bàn xã có hệ thống y tế công lập gồm Trạm Y tế xã Nghĩa Trụ, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng và các chương trình y tế quốc gia. Bên cạnh đó, trên địa bàn còn có các cơ sở y tế ngoài công lập, tiêu biểu như Bệnh viện Đa khoa Vinmec Ocean Park, Bệnh viện Đa khoa Phúc Lâm cùng nhiều phòng khám chuyên khoa, cơ sở hành nghề y, dược tư nhân đang hoạt động ổn định, góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng đa dạng của Nhân dân.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại. Mạng lưới các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập phát triển khá toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch

vụ y tế chất lượng cao ngay trên địa bàn. Ngoài ra, trên địa bàn còn có nhiều cơ sở hành nghề y, dược tư nhân được quản lý, cấp phép hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Với hệ thống cơ sở y tế ngày càng được hoàn thiện, cùng sự tham gia tích cực của các bệnh viện, cơ sở y tế công lập và ngoài công lập, xã Nghĩa Trụ cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đáp ứng các tiêu chí về hạ tầng xã hội trong quá trình xây dựng xã trở thành phường.

1.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Hạ tầng văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn xã Nghĩa Trụ được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ xã đến thôn được duy trì hoạt động hiệu quả, là nơi tổ chức các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa trên địa bàn là 4,16 ha; diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao là 5,86 ha; diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng và sinh hoạt cộng đồng là 92,91 ha. Đây là nguồn lực quan trọng để địa phương tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng, nâng cao chất lượng các dịch vụ văn hóa, thể thao và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai. Đặc biệt, trên địa bàn xã có Trung tâm Đào tạo bóng đá trẻ PVF - một trong những trung tâm đào tạo bóng đá hiện đại hàng đầu cả nước, được đầu tư đồng bộ với hệ thống sân tập, khu đào tạo, khu ký túc xá và các công trình phụ trợ đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, khu vực PVF đang tiếp tục được đầu tư xây dựng sân vận động quy mô khoảng 60.000 chỗ ngồi, hứa hẹn trở thành công trình thể thao trọng điểm của tỉnh Hưng Yên và khu vực phía Bắc. Khi hoàn thành, công trình sẽ là địa điểm tổ chức các hoạt động thể thao chuyên nghiệp, các giải đấu quy mô quốc gia và quốc tế, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế địa phương.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã còn có các khu đô thị hiện đại như Vinhomes Ocean Park 2 và Vinhomes Ocean Park 3 được đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí với quy mô lớn. Các khu đô thị được trang bị hệ thống công viên cây xanh, quảng trường, sân thể thao ngoài trời, sân bóng đá, sân tennis, sân bóng rổ, khu tập luyện thể dục thể thao, bể bơi, khu vui chơi trẻ em, đường dạo bộ và nhiều tiện ích cộng đồng hiện đại khác. Đây là những công trình có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của cư dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và từng bước hình thành môi trường đô thị văn minh, hiện đại trên địa bàn xã.

Với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng hoàn thiện, quỹ đất phát triển rộng lớn cùng sự hiện diện của các công trình thể thao và khu vui chơi giải trí quy mô lớn, xã Nghĩa Trụ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, thể thao, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đồng thời đáp ứng các tiêu chí về hạ tầng xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu xây dựng xã Nghĩa Trụ trở thành phường trong thời gian tới.

Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử của xã, công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương: Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã 6 tháng cuối năm 2025. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số"; tuyên truyền, hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10. Tổ chức triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số" và "Ngày chuyển đổi số quốc gia".

Công tác tuyên truyền cổ động luôn được chú trọng đổi mới về nội dung, đa dạng hoá hình thức như: trên hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử xã, lồng ghép thông qua các hội nghị, cuộc họp; tuyên truyền lưu động, trực quan bằng tranh cổ động, pano, băng zôn, khẩu hiệu,... nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tuyên truyền.

1.6.4. An sinh xã hội

Trong thời gian qua, công tác an sinh xã hội luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm. Các chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân người có công, bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước. Công tác quản lý, chi trả chế độ cơ bản được thực hiện đảm bảo, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng chính sách. Tuy nhiên, do số lượng đối tượng đông, đối tượng đa dạng, nhiều nhóm chính sách khác nhau, nhu cầu hỗ trợ về đời sống, chăm sóc sức khỏe, cũng như công tác tri ân, đền ơn đáp nghĩa vẫn còn đặt ra nhiều yêu cầu đối với địa phương trong thời gian tới.

Về chính sách Người có công: Hiện tại, trên địa bàn xã Nghĩa Trụ hiện có 62 Bà mẹ Việt Nam anh hùng; chi trả trợ cấp hàng tháng đối với 580 người, trong đó: 213 thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; 111 bệnh binh; 75 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và 25 con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; 08 quân nhân xuất ngũ hưởng trợ cấp; 10 người hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; 138 thân

nhân liệt sĩ, thân nhân người có công. Ngoài ra, xã còn quản lý 514 thân nhân thờ cúng liệt sĩ và các và người hoạt động kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến khác.

Về chính sách bảo trợ xã hội: trên địa bàn xã Nghĩa Trụ hiện chi trả trợ cấp hàng tháng đối với 1.699 người, trong đó: 1.263 người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định; 03 Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định; 05 người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên theo Nghị quyết 536 của tỉnh; 71 người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Nghị quyết 536 của tỉnh; 321 người khuyết tật; 32 người chăm sóc trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, người khuyết tật đặc biệt nặng; 04 người đơn thân đang nuôi con nhỏ.

Xã tổ chức nhiều đợt thăm, tặng quà cho đối tượng chính sách, người có công, người cao, trẻ em,... như quà tặng của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tặng áo len cho các cụ tuổi từ 70 trở lên là 1.337 người, tặng quà tết cho đảng viên toàn đảng bộ 1.568 người; thăm tặng quà người có công và thân nhân người có công nhân dịp tết, ngày 27/7; Tổ chức Tết Trung thu, tặng quà cho trên 9.000 các cháu, học sinh tại các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập và tư thục trên địa bàn xã; phối kết hợp với các đơn vị tổ chức: tặng 250 suất quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập do Saigontourit tài trợ, tặng 500 máy huyết áp cho người cao tuổi do công ty Kingpost tài trợ, khám bệnh và tặng quà cho gần 300 người cao tuổi, đối tượng yếu thế do Bệnh viện 19-8 Bộ Công an khám,... Đồng thời, phối hợp với các đơn vị tổ chức khám sàng lọc, tư vấn miễn phí cho người cao tuổi, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng và thực hiện tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội.

1.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Xã Nghĩa Trụ trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã Nghĩa Trụ, Long Hưng và Vĩnh Khúc, hệ thống công trình tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn ngày càng phong phú, đa dạng, phản ánh bề dày lịch sử, văn hóa và đời sống tâm linh của cộng đồng dân cư địa phương. Đặc trưng nổi bật của vùng đất ven sông Tế Giang xưa (nay là sông Bắc Hưng Hải) là sự hiện diện hài hòa của hệ thống đình, đền, chùa, miếu cùng các cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian truyền thống. Đời sống tâm linh của Nhân dân mang đậm bản sắc văn hóa Phật giáo Bắc Bộ, gắn với tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng, thờ các danh nhân, anh hùng dân tộc và những người có công với quê hương, đất nước.

Trên địa bàn xã hiện có nhiều cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng đang hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các

công trình được bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị gắn với hệ thống di tích lịch sử - văn hóa của địa phương, trở thành những điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng quan trọng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, giáo dục đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Bên cạnh giá trị tâm linh, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng còn là nguồn tài nguyên văn hóa đặc sắc, có tiềm năng kết nối với các tuyến, điểm du lịch văn hóa, lịch sử trên địa bàn. Các lễ hội truyền thống, nghi lễ tín ngưỡng được duy trì thường xuyên, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương, thúc đẩy phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế xã hội.

Hệ thống công trình tôn giáo, tín ngưỡng được bảo tồn và phát huy hiệu quả không chỉ đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của Nhân dân mà còn góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình xây dựng xã Nghĩa Trụ trở thành phường văn minh, hiện đại nhưng vẫn giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, như:

- Đình Ngu Nhuế, được xây dựng từ thế kỷ XII, lúc đó là ngôi miếu nhỏ, sau nhiều lần trùng tu, đến nay đình đã khang trang và to đẹp hơn. Ngu Nhuế là tên đặt theo tích xưa: "Ngu Nhuế chất thành". Ngu - Nhuế là tên gọi của hai nước giàu có xưa bên Trung Quốc. Chất thành - tức phồn thịnh và tươi đẹp. Với nhiều hiện vật có giá trị kiến trúc nghệ thuật, trong đó có 8 đạo sắc phong, đình Ngu Nhuế đã được UBND tỉnh Hải Hưng xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa nghệ thuật năm 1984, được Bộ văn hóa thông tin xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia năm 1988 và cấp bằng năm 1989.

- Khu lưu niệm Liệt sỹ Tô Hiệu tọa lạc tại Tam Kỳ, xã Nghĩa Trụ. Đây là nơi tưởng nhớ và thờ phụng liệt sỹ Tô Hiệu, một người con ưu tú của quê hương Hưng Yên. Ông là nhà cách mạng tiền bối của Đảng, có công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

1.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu trong các ngày lễ, tết, các ngày diễn ra Đại hội đảng các cấp; huy động các lực lượng dân quân tham gia phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025; thực hiện tốt kế hoạch phối hợp với công an xã đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ bảo đảm đúng, đủ số lượng theo kế hoạch, có chất lượng tốt. Hội đồng nghĩa vụ quân sự chỉ đạo thực hiện tốt các bước trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025 hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân (44/44). Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với nam công dân đủ 17 tuổi đạt 100% chỉ tiêu.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định; triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về

công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2025, đặc biệt là Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống và kiểm soát ma túy; Chương trình phòng, chống tội phạm mua bán người của Chính phủ; các Kế hoạch của Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc,… phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

1.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

1.8.1. Đảng ủy

Hiện nay, Đảng bộ xã Nghĩa Trụ có 37 chi, đảng bộ trực thuộc; 03 đảng bộ cơ sở (Đảng bộ Uỷ ban nhân dân xã; Đảng bộ Các cơ quan Đảng, Đảng bộ Công an xã); 04 chi bộ cơ sở; 27 chi bộ nông thôn; 01 Chi bộ Hợp tác xã thương mại dịch vụ và nông nghiệp Long Hưng; 02 chi bộ Quỹ tín dụng nhân dân.

Ban Thường vụ Đảng ủy xã có 11 đồng chí, Ban chấp hành Đảng bộ có 30 đồng chí. Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ là 1.568 đồng chí (Đảng viên chính thức: 1.527 đồng chí, đảng viên dự bị: 41 đồng chí).

a) Về Ban Chấp hành Đảng bộ xã có tổng số 30 đồng chí; Ban Thường vụ Đảng ủy có 11/11 đồng chí (gồm 01 Bí thư, 02 Phó Bí thư và các Ủy viên Ban Thường vụ).

b) Cơ cấu tổ chức cơ bản đảm bảo theo quy định, gồm Thường trực Đảng ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng: Văn phòng (05 người), Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (05 người), Ban Xây dựng Đảng (05 người).

c) Về chất lượng hoạt động, Đảng ủy đã phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện trên các lĩnh vực; kịp thời ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác để triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm, chú trọng; nền nếp sinh hoạt cấp ủy, chi bộ từng bước được nâng cao. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện chặt chẽ, góp phần tăng cường sự phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

1.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) Hội đồng nhân dân xã: hiện có 23 đại biểu, trong đó Thường trực Hội đồng nhân dân gồm 04 đồng chí (01 Chủ tịch là đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm, 01 Phó Chủ tịch, 02 Trưởng ban); Hội đồng nhân dân có 02 Ban gồm: Ban Văn hóa - Xã hội (02 đồng chí: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban chuyên trách) và Ban Kinh tế - Ngân sách (02 đồng chí: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban chuyên trách).

b) Ủy ban nhân dân xã: có 08 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

Về tổ chức, Ủy ban nhân dân đã phân công nhiệm vụ tương đối rõ ràng theo từng lĩnh vực phụ trách.

Ủy ban nhân dân xã cơ bản thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tổ chức điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được quan tâm thực hiện.

1.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Hiện nay, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có 07 biên chế. Ban Thường trực gồm 05 đồng chí, trong đó có 01 Chủ tịch và 04 Phó Chủ tịch (đồng thời là người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội); bộ phận giúp việc có 02 chuyên viên. Các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 5.298 đoàn viên; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 6.190 hội viên; Hội Nông dân Việt Nam: 5.621 hội viên; Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 2.371 hội viên.

1.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của xã hiện có 60/76 người, được bố trí tại 02 khối như sau:

a) Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 24/29 người, gồm: Thường trực Đảng ủy (Bí thư, Phó Bí thư): 02 người; Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy: Văn phòng Đảng ủy: 05/06 người; Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 05/05 người; Ban Xây dựng Đảng: 05/06 người; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: 07/10 người.

b) Khối Nhà nước (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân): 36/47 người, gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân: 04 người; lãnh đạo Ủy ban nhân dân (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch): 03 người. Công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân: 30 người, trong đó có 10 công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 20 công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể: Phòng Kinh tế được giao 14 biên chế, hiện bố trí 09 người, gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 06 chuyên viên; Phòng Văn hóa - Xã hội được giao 12 biên chế, hiện bố trí 07 người, gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 04 chuyên viên; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được giao 07 biên chế, hiện bố trí đủ 07 người, gồm: 01 Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng và 05 chuyên viên; Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được giao 06 biên chế, hiện bố trí 05 người, gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 03 chuyên viên; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp được giao 04 biên chế, hiện có 02 người, gồm: 01 Giám đốc và 01 viên chức.

2. Xã Phụng Công

2.1. Lịch sử hình thành

Xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, thuộc trung tâm Châu thổ sông Hồng, có vị trí tiếp giáp thuận lợi với Thủ đô Hà Nội và các khu

vực phát triển kinh tế năng động của vùng. Đây là vùng đất có lịch sử hình thành lâu đời, gắn với quá trình khai phá vùng bãi ven sông Hồng và phát triển nền văn minh lúa nước Bắc Bộ. Với điều kiện địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ cùng hệ thống sông ngòi thuận lợi, khu vực này đã sớm hình thành các làng cổ truyền thống, phát triển sản xuất nông nghiệp và giao thương ven sông. Theo các tư liệu lịch sử, Phụng Công là một trong bốn địa điểm thờ Hai Bà Trưng gắn với sự tích thời khởi nghĩa chống quân Đông Hán năm 40 sau Công nguyên. Tương truyền, nhân dân vùng đất này đã tích cực hỗ trợ nghĩa quân, từ đó được Hai Bà Trưng đặt tên là "Phụng Công", mang ý nghĩa phụng sự việc lớn vì dân, vì nước. Trải qua gần hai nghìn năm lịch sử, tên gọi này vẫn được lưu giữ và trở thành giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương.

Nằm bên vùng bãi phù sa sông Hồng, Phụng Công có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp và kinh tế sinh thái. Từ sản xuất nông nghiệp truyền thống, theo thời gian, người dân Phụng Công với tính cách cần cù chịu khó đã từng bước chuyển đổi sang mô hình trồng hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao, hình thành vùng sản xuất hoa cây cảnh nổi tiếng của miền Bắc. Các làng nghề hoa, cây cảnh tại Xuân Quan và Phụng Công không chỉ tạo sinh kế ổn định cho người dân mà còn góp phần định hình cảnh quan sinh thái đặc trưng của khu vực ven đô Hà Nội.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Xuân Quan, Cửu Cao và Phụng Công thành xã mới có tên gọi là xã Phụng Công và tồn tại cho đến ngày nay.

2.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Hưng Yên, thuộc không gian phát triển của Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Như Quỳnh;
- Phía Tây giáp Thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp xã Văn Giang và xã Nghĩa Trụ;
- Phía Bắc giáp Thành phố Hà Nội.

2.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phụng Công có 14,61 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 9,64 km^2 và đất nông nghiệp là 4,97 km^2.

2.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

2.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Phụng Công có quy mô dân số là 35.712 người, trong đó dân số thường trú là 25.464 người và dân số tạm trú là 10.248 người.

2.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phụng Công là 21.276 người, trong đó: lao động công nghiệp và xây dựng là 5.869 người, chiếm tỷ lệ 27,56%; lao động thương mại - dịch vụ và hành chính sự nghiệp là 10.937 người, chiếm tỷ lệ 51,40%; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.476 người, chiếm tỷ lệ 21,04%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 16.800 người, chiếm tỷ lệ 78,96%.

2.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Phụng Công chủ yếu là người Kinh. Phân bố dân cư trên địa bàn xã Phụng Công có sự chuyển biến rõ nét theo quá trình đô thị hóa, hình thành hai khu vực chính gồm: khu dân cư phát triển theo hướng đô thị và khu dân cư truyền thống nông thôn, với mật độ dân cư phân bố không đồng đều, trung bình khoảng 3.102 người/km². Khu vực dân cư làng xã truyền thống, mật độ dân cư phân bố đều theo các trục giao thông và tại trung tâm xã làm hình thành các điểm dân cư đô thị hoá tại địa phương.

2.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

2.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bắt đầu vào giai đoạn ổn định (sau một thời gian phát triển nhanh); mức tăng trưởng năm 2025 đạt 13,6%, trong đó ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất là thương mại - dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của xã Phụng Công chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 53,4%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 25,4% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 21,5% trong cơ cấu kinh tế của xã. Các chỉ tiêu này phản ánh việc phát triển kinh tế xã hội của khu vực không phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, điều này tác động lớn đến việc chuyển đổi căn bản cơ cấu lao động tại địa phương.

2.5.2. Thu, chi ngân sách

Xã Phụng Công có nhiều lợi thế về vị trí, vị thế trong tỉnh cũng như có nội lực phát triển như lợi thế từ phát triển thương mại kết hợp dịch vụ nên tổng nguồn thu ngân sách phát sinh trên địa bàn đô thị khá lớn. Năm 2025, tổng thu

ngân sách xã đạt 828,037 tỷ đồng trong đó: thu ngân sách xã hưởng 100% đạt 11,7 tỷ đồng, thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ đạt 269,8 tỷ đồng.

Trong những năm qua, tổng chi ngân sách trên địa bàn luôn được cân đối với nguồn thu. Năm 2025, tổng chi Ngân sách xã đạt 738,973 tỷ đồng trong đó: chi đầu tư và phát triển là 253,8 tỷ đồng, chi thường xuyên là 149,8 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

2.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Phụng Công đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Phụng Công tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 82 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 87,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 98,2 triệu đồng/người/năm. Nền tảng kinh tế vững chắc này khẳng định Phụng Công là một trong những địa phương có thu nhập bình quân đầu người cao trong tỉnh Hưng Yên, hoàn thành xuất sắc và vượt tiêu chuẩn quy định về tiêu chí thu nhập đối với đơn vị hành chính thành lập phường.

Để đạt được kết quả trên, trong những năm qua, tỉnh Hưng Yên và xã Phụng Công đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp chủ động nhằm giải quyết việc làm bền vững cho người lao động. Địa phương đã tập trung hỗ trợ vốn, chuyển giao công nghệ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế đô thị hiệu quả, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan tổ chức các chương trình đào tạo nghề và xúc tiến việc làm gắn với nhu cầu thực tế của thị trường.

2.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phụng Công là 0,11%, trong đó: năm 2023 là 0,32%, năm 2024 là 0% và năm 2025 là 0%.

2.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Phát huy lợi thế ven đô với thế mạnh làng nghề hoa, cây cảnh truyền thống như cây hoa Trà, hoa Hải đường, hoa Cúc, hoa Lan,... và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Trong lĩnh vực chăn nuôi toàn xã hiện có 8.275 con lợn; 462 con trâu bò; 4.800 con gia cầm. Nhìn chung tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã năm 2025 giảm.

b) Công nghiệp - xây dựng

Các ngành nghề truyền thống của địa phương, tiếp tục được duy trì và phát triển, xã có nhiều cơ sở sản xuất Bánh Giầy và Bánh Tẻ đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; có 24 hộ sản xuất gốm sứ cơ bản ổn định. Các sản phẩm

sản xuất ra được tiêu thụ rộng rãi, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị nhà thầu thi công trên địa bàn xã đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, đảm bảo tiến độ, đúng quy định, đảm bảo chất lượng công trình cũng như kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. Ngành xây dựng và phát triển đô thị là động lực mũi nhọn trên địa bàn đang triển khai thi công và hoàn thiện các đại dự án quy mô lớn, Nổi bật là khu đô thị Ecopark với quy mô quy hoạch 499,07 ha, cung cấp 1.978 căn nhà ở thấp tầng và 36 toà nhà ở cao tầng. Bên cạnh đó là các khu biệt thự cao cấp như Hải Long Trang, khu biệt thự và nhà phố vườn Vạn Tuế - Sago Palm Garden,... đang đẩy nhanh đầu tư xây dựng, tạo diện mạo đô thị khang trang. Tổng giá trị tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 821,36 tỷ đồng.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển tương đối ổn định, từng bước mở rộng về quy mô và đa dạng về loại hình, góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, giao thương hàng hóa và phục vụ đời sống dân cư. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông thuận lợi, dân cư tập trung ngày càng đông đúc, lĩnh vực thương mại - dịch vụ có điều kiện phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương. Hoạt động mua bán qua mạng Internet phát triên mạnh *(Zalo, facebook, qua các trang thương mại điện từ Voso, Shopee, Ladada,...).* Tăng cường quảng bá thương hiệu làng nghề và các sản phẩm có thế mạnh của địa phương, đảm bảo phát triên kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường. Duy trì hoạt động của HTX hoa, cây cảnh của xã, tiếp tục đăng ký và triển khai cấp nhãn hiệu tập thể sản phẩm hoa, cây cảnh truyền thống xã Phụng Công cho các nhà vườn đủ điều kiện. Dịch vụ cây hoa cây cảnh, vật tư nông nghiệp, dịch vụ vận tải, hành nghề y dược tư nhân, Đông y truyền thống, hộ kinh doanh cá thể, kinh doanh dịch vụ tại chợ,... Tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ của xã Phụng Công năm 2025 đạt 1.726,8 tỷ đồng. Trong đó: Trung tâm thương mại, siêu thị: 05 siêu thị (02 siêu thị Wimark trong khu đô thị Ecopark; 01 Citymark và đặc biệt 02 siêu thị Aeon tại khu đô thị Ecopark).

Hiện nay trên địa bàn xã Phụng Công có 03 Chợ được đầu tư, nâng cấp, trong đó có 03 chợ hạng III được điều hành bởi ban quản lý chợ. Đồng thời hiện nay trên địa bàn xã có hàng ngàn hộ kinh doanh đang cung cấp đầy đủ hàng hóa thiết yếu cho người dân, trên địa bàn xã hiện nay còn có các trung tâm thương mại, cùng các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini được mở rộng tại các khu vực trong xã, kể cả những khu vực xa trung tâm xã. Các loại hình chuyên doanh và tổng hợp, các mặt hàng kinh doanh đa dạng với các chủng loại mặt hàng: điện tử, điện lạnh, kim khí, lương thực, thực phẩm, đồ gia dụng… Điển hình phải kể đến: Siêu thị MarkValue, Vinmark, Qmax. Các cửa hàng tiện lợi phát triển mạnh tại các vị trí trục đường chính ĐT.379B và trong khu Đô thị Ecopark. Đã và đang từng bước hình thành các khu vực kinh doanh tập trung như: Khu phố ẩm thực, khu du lịch, khu dịch vụ chăm sóc sức khỏe,…

Ngoài quỹ đất theo hiện trạng, trên thực tế mạng lưới thương mại - dịch vụ còn bao gồm hệ thống cửa hàng bán lẻ, cơ sở kinh doanh tổng hợp, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, logistics nhỏ lẻ và các dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng khác phân bố tương đối tập trung dọc các tuyến đường chính và các khu vực đông dân cư. Sự phát triển của lĩnh vực này không chỉ phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân mà còn tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ.

Đối với lĩnh vực du lịch cùng với sự phát triển chung của hạ tầng giao thông, thương mại - dịch vụ và quá trình đô thị hóa, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình dịch vụ gắn với thương mại, ẩm thực, nghỉ ngơi, lưu trú và các hoạt động phục vụ nhu cầu dân sinh, từng bước tạo nền tảng cho phát triển dịch vụ chất lượng cao trong tương lai.

2.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

2.6.1. Giáo dục - đào tạo

Xã Phụng Công kế thừa và tiếp tục phát triển hệ thống trường học của các đơn vị hành chính trước sáp nhập, từng bước được chuẩn hóa, hiện đại hóa. Địa phương xác định mục tiêu đến năm 2030 có 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, đồng thời nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ lên trên 40%, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của đô thị sân bay, logistics và dịch vụ chất lượng cao.

Hệ thống giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Phụng Công hiện nay không chỉ dừng lại ở vai trò bảo đảm an sinh xã hội đơn thuần, mà đã vươn tầm trở thành một hệ sinh thái hạ tầng xã hội hoàn chỉnh, đồng bộ và có tính tích hợp cao, đóng vai trò là động lực cốt lõi thúc đẩy tiến trình đô thị hóa bền vững. Sự chuẩn bị bài bản này được phản ánh rõ nét qua việc địa phương dành một quỹ đất sạch khổng lồ lên tới 23,14 ha cho mục đích phát triển giáo dục chuyên ngành. Mạng lưới học đường tại đây thiết lập một cấu trúc phân cấp đô thị vô cùng sắc nét, kết hợp hài hòa giữa các giá trị dân sinh cốt lõi và các tiêu chuẩn quốc tế đỉnh cao:

- Cấp đơn vị ở: Mạng lưới trường công lập được củng cố mạnh mẽ sau sáp nhập với 03 trường mầm non và 03 trường Tiểu học & THCS phân bổ đều khắp các khu vực dân cư hiện hữu. Các công trình đều đạt quy mô diện tích lớn như trường TH-THCS Xuân Quan (20.899 m²), TH-THCS Phụng Công (14.240 m²) và TH-THCS Cửu Cao (12.496 m²). Sự đầu tư đồng bộ này đã đem lại kết quả vượt chuẩn khi 100% các trường đều đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ phòng học kiên cố đạt mức tuyệt đối 100%.

- Cấp đô thị và quốc tế: Đây chính là điểm nhấn mang tính đột biến của Phụng Công so với các đơn vị hành chính cùng cấp. Sự hiện diện của Trường THPT Văn Giang (20.018 m²) cùng các tổ hợp liên cấp cao cấp như Greenfield

(30.000 m²) và Edison Schools (21.500 m²) trong không gian đô thị mới đã chứng minh năng lực thu hút hạ tầng rất mạnh. Đặc biệt hơn cả, sự góp mặt của hai đại học quốc tế đầu não là Đại học Anh Quốc Việt Nam - BUV (65.000 m²) và Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam (150.000 m²) đã chính thức định vị Phụng Công như một trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao cấp vùng.

2.6.2. Y tế

Mạng lưới y tế trên địa bàn xã được tổ chức theo hướng bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đồng thời gắn với hệ thống khám chữa bệnh khu vực. Công tác y tế dự phòng được thực hiện thường xuyên, chủ động giám sát và phòng, chống dịch bệnh; triển khai hiệu quả các chương trình tiêm chủng mở rộng, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm y tế xã được duy trì, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu của người dân; thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định. Địa phương đặt mục tiêu nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế lên trên 96%, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và an sinh xã hội trong bối cảnh dân số tăng nhanh.

Năm 2025, xã Phụng Công giữ vững Trạm y tế đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia, có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 96,2%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi dưới 8%, trong đó tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 05 tuổi giảm còn dưới 7%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi dưới 10%, trong đó tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi giảm còn dưới 9%; duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ, góp phần kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, Trạm y tế xã trực thuộc UBND xã, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động. Công tác an toàn thực phẩm được tăng cường; thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã.

Nhìn chung, hệ thống cơ sở y tế trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Trong những năm qua, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh ban đầu và thực hiện các chương trình y tế quốc gia luôn được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Theo hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế trên địa bàn là 2,93 ha, bao gồm Bệnh viện, Trạm y tế và các cơ sở khám, chữa bệnh khác đang hoạt động trên địa bàn. Xã Phụng Công có hệ thống công trình y tế công được xây dựng cơ bản hoàn chỉnh gồm: 01 bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, 02 trạm y tế tuyến xã và 01 cơ sở y tế ngoài công lập. Ngoài ra, địa phương hiện có 12 cơ sở hành nghề dược tư nhân, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn. Trong đó, Bệnh viện Đa khoa Văn Giang có quy mô 285 giường bệnh, với tổng số 129 cán bộ, nhân viên y tế, gồm 45 bác sĩ, dược sĩ và 84 cán bộ khác. Tuyến y tế cơ sở hiện có 02 trạm y tế gồm Trạm y tế Phụng

Công (cũ) và Trạm y tế Xuân Quan (cũ), mỗi trạm có quy mô 08 giường bệnh. Tổng số cán bộ, nhân viên y tế tại hai trạm là 20 người, gồm 05 bác sĩ, 03 y Sĩ, 7 điều dưỡng, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 nhân viên dân số, 01 nhân viên khác (kế toán). Bên cạnh đó, trên địa bàn còn có 01 cơ sở y tế ngoài công lập là Viện mắt Alina, quy mô 10 giường bệnh, với 34 cán bộ, nhân viên y tế, gồm 11 bác sĩ và 23 cán bộ khác.

Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu hiện tại, hệ thống y tế của địa phương còn có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm điều kiện hạ tầng xã hội khi dân số tiếp tục tăng và quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh hơn trong thời gian tới. Do đó, đây là một trong những lĩnh vực cần tiếp tục được đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực phục vụ để phù hợp với yêu cầu quản lý và phục vụ dân cư đô thị khi thành lập phường.

2.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Trong thời gian qua, lĩnh vực văn hóa, thông tin và thể dục thể thao trên địa bàn xã Phụng Công tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, nội dung phong phú, bám sát các nhiệm vụ chính trị và các ngày lễ, sự kiện quan trọng. Công tác tuyên truyền được triển khai kịp thời, đa dạng về hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa ngày càng tăng, nếp sống văn minh từng bước được hình thành và phát huy. Năm 2025, tổ chức bình xét gia đình văn hóa, kết quả Gia đình văn hóa đạt 96%, thôn văn hóa đạt 100%.

Hệ thống thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, khu thể thao từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa được tổ chức hiệu quả, tạo môi trường lành mạnh, gắn kết cộng đồng dân cư. Xã hiện có 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp được đầu tư trang thiết bị tương đối đầy đủ, có xe chuyên dùng để tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan hội nghị,…; 01 nhà thi đấu đa năng để tổ chức các giải thể dục thể thao; 04 hội trường nhà văn hóa xã và 19 nhà văn hoá thôn.

Xã chú trọng tiếp tục đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, truyền thanh, nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động, đảm bảo thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa thông tin - thể thao, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã. Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã. Nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây

dựng đời sống văn hoá, gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đô thị văn minh; nhất là chú trọng thực hiện đạt hiệu quả chương trình xây dựng ấp văn hóa, gia đình văn hóa. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, nhất là đối với các hoạt động dịch vụ văn hóa - thể thao trên địa bàn xã. Quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động truyền thanh cơ sở. Tập trung thông tin tuyên truyền đưa chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước đi vào đời sống xã hội; tăng cường công tác quản lý nhà nước, kiểm tra các hoạt động văn hóa – thông tin, nhất là quản lý đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa có điều kiện như: trò chơi điện tử, dịch vụ karaoke, massage, internet đồng thời xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh.

2.6.4. An sinh xã hội

Trong thời gian qua, công tác an sinh xã hội luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm. Các chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân người có công, bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước. Công tác quản lý, chi trả chế độ được thực hiện đảm bảo, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng chính sách.

Trên địa bàn xã Phụng Công hiện có 165 đối tượng, trong đó: đối tượng bảo trợ xã hội là 184 người và đối tượng hưu trí xã hội là 981 người. Xã có 540 người có công, thân nhân người có công đang hưởng hàng tháng, bao gồm: 0 Mẹ Việt Nam anh hùng; 102 thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; 39 bệnh binh; 257 người có công với cách mạng; 11 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trực tiếp; 16 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học gián tiếp; 8 quân nhân xuất ngũ hưởng trợ cấp theo Quyết định 142; 06 người hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; 101 người có công đang hưởng hàng tháng khác. Ngoài ra, xã còn quản lý 256 thân nhân thờ cúng liệt sĩ; 32 thân nhân thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng; 0 người có công giúp đỡ cách mạng và hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp 1 lần và các đối tượng có công với cách mạng khác.

2.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trên địa bàn xã có 09 cơ sở tôn giáo đã được công nhận (Phật giáo); 19 cơ sở tín ngưỡng (07 Đình, 03 Đền, 09 Miếu); trong đó có 04 cơ sở được xếp hạng cấp quốc gia, có 01 cơ sở được xếp hạng cấp tỉnh, 15 cơ sở tín ngưỡng chưa được xếp hạng do địa phương quản lý.

Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra bình thường tại các cơ sở thờ tự trên địa bàn; các lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện đúng Hiến chương, Nội quy của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện đúng nội dung, chương trình đăng ký hàng năm và đúng với quy định của pháp luật; chấp hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ và Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

2.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã ổn định; thường xuyên tổ chức ra quân tấn công trấn áp tội phạm, mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng được tập trung chỉ đạo, kịp thời phát hiện và xử lý những vấn đề phát sinh, không để xảy ra bị động bất ngờ, không xảy ra điểm nóng.

Năm 2025, phối hợp với cơ quan Công an cấp trên, đảm bảo tốt về lĩnh vực an ninh trật tự trước, trong và sau tết Nguyên đán Bính Ngọ, các ngày nghỉ lễ và lễ hội truyền thống. Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện. Phối hợp với các ngành đoàn thể trong hệ thống chính trị cơ sở đã tuyên truyền, vận động được 34/34 thanh niên lên đường thực hiện nghĩa vục quân sự; 04/04 thanh niên thực hiện nghĩa vụ công an nhân dân, đạt 100% chỉ tiêu giao năm 2026. Tổ chức đăng ký độ tuổi 17 được 203/209 trường hợp, đạt 97% kế hoạch. Xây dựng kế hoạch, giáo án tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ năm 2026. Hoàn thành công tác huấn luyện dân quân tự vệ. Tổ chức đăng ký di chuyển nghĩa vụ quân sự cho 167 công dân; phối hợp với các bên, rà soát, phát quyết định và thực hiện nhiệm vụ sơ tuyển nghĩa vụ quân sự cho 387 công dân. Kết quả có 387/387 công dân tham ra khám sơ tuyển đạt tỷ lệ 100%.

2.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

2.8.1. Đảng ủy

Hiện nay, Đảng bộ xã Phụng Công có 28 chi, đảng bộ; trong đó có 03 đảng bộ cơ sở, 03 chi bộ cơ sở, 22 chi bộ trực thuộc với 1279 đảng viên.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã có tổng số 27 đồng chí. Ban Thường vụ Đảng ủy có 11/11 đồng chí (gồm 01 Bí thư, 02 Phó Bí thư và các Ủy viên Ban Thường vụ). Cơ cấu tổ chức cơ bản đảm bảo theo quy định, gồm Thường trực Đảng ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng: Văn phòng (05 người), Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (05 người), Ban Xây dựng Đảng (06 người), Trung tâm Chính trị (03 người).

Đảng ủy đã phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, kịp thời ban hành các nghị quyết, chương trình công tác để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tại địa phương. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ từng bước đi vào nền nếp. Việc lãnh đạo chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể có sự phối hợp tương đối chặt chẽ.

2.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) Hội đồng nhân dân xã hiện có 20 đại biểu, trong đó Thường trực Hội đồng nhân dân gồm 04 đồng chí (01 Chủ tịch là đồng chí Bí thư Đảng ủy, 01 Phó Chủ tịch, 02 trưởng ban kiêm nhiệm); Hội đồng nhân dân có 02 Ban gồm:

Ban Văn hoá - Xã hội (02 đồng chí: 01 trưởng ban, 01 Phó ban chuyên trách) và Ban Kinh tế - Ngân sách (02 đồng chí: 01 trưởng ban, 01 Phó ban chuyên trách).

Hội đồng nhân dân cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định; ban hành các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Hoạt động giám sát được triển khai nhưng còn hạn chế về chiều sâu. Một số đại biểu hoạt động kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác Hội đồng Nhân dân.

b) Ủy ban nhân dân xã có 08 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên, được phân công nhiệm vụ rõ ràng theo từng lĩnh vực phụ trách.

Ủy ban nhân dân cơ bản thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Công tác cải cách hành chính có chuyển biến, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân cơ bản đảm bảo. Việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đất đai, xây dựng, trật tự đô thị được quan tâm.

2.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có 9/9 biên chế. Ban Thường trực gồm 05 đồng chí (01 chủ tịch, 04 phó chủ tịch đồng thời là trưởng các đoàn thể chính trị xã hội), bộ phận giúp việc có 04 chuyên viên. Các tổ chức chính trị - xã hội gồm: Đoàn Thanh niên: 1.742 đoàn viên. Hội Liên hiệp Phụ nữ: 5.560 hội viên. Hội Nông dân: 9.652 hội viên. Hội Cựu chiến binh: 1.327 hội viên.

2.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của xã hiện có mặt là 347 người, được phân theo 02 khối như sau:

a) Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: có 28 người, bao gồm:

- Thường trực Đảng ủy (Bí thư, Phó Bí thư thường trực): 02 người.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy gồm: Văn phòng Đảng ủy (5/5 người), Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy (5/5 người), Ban Xây dựng Đảng (6/8 người), Trung tâm Chính trị (3/4 người).

- Cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội: 9/11 người.

b) Khối Nhà nước (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân): có 39 người, bao gồm:

- Thường trực Hội đồng nhân dân: 04 người.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch): 03 người.

- Công chức, viên chức Ủy ban nhân dân: 32 người, trong đó công chức, viên chức lãnh đạo: 8 người, công chức viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo 24 người, cụ thể: Phòng Kinh tế được phân bổ 11 biên chế, đang bố trí 11 người, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 09 chuyên viên. Phòng Văn

hóa - Xã hội được phân bổ 08 biên chế, đang bố trí 07 người, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 05 chuyên viên. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được phân bổ 09 biên chế, đang bố trí 09 người, gồm: 01 Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng và 07 chuyên viên. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được phân bổ 06 biên chế, hiện đang bố trí 06 người, gồm 01 Phó Giám đốc và 05 chuyên viên. Trung tâm dịch vụ tổng hợp phân bổ 04 biên chế, hiện có 04 người gồm 01 Giám đốc và 03 viên chức. Trạm y tế xã hiện có 20 biên chế, hiện có 01 viên chức phụ trách và 13 viên chức. Sự nghiệp giáo dục được phân bổ 280 biên chế, hiện có mặt 257 viên chức.

3. Xã Văn Giang

3.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Văn Giang là một khu vực có lịch sử lâu đời nằm ở trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng, tiếp giáp phía đông nam Thủ đô Hà Nội. Từ xa xưa, nơi đây đã là vùng đất màu mỡ được bồi tụ bởi hệ thống sông Hồng và sông Bắc Hưng Hải, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa nước, cây ăn quả và rau màu. Các làng cổ trong khu vực hình thành khá sớm, gắn với quá trình khai phá vùng đất ven sông của cư dân người Việt cổ.

Trước năm 1945, Văn Giang thuộc tỉnh Bắc Ninh. Thời Hùng Vương, Bắc Ninh thuộc bộ Vũ Ninh - Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Dưới thời Lý, vùng đất này được đổi tên thành lộ Bắc Giang. Thời Hồ được tách ra thành hai lộ Bắc Giang và Lạng Giang. Dưới thời Lê Thánh Tông, lộ Bắc Giang đổi tên thành trấn Kinh Bắc và Văn Giang lúc đó có tên gọi là Tế Giang. Từ năm 1831, Văn Giang trực thuộc tỉnh Bắc Ninh. Sau nhiều lần sáp nhập và thay đổi địa giới, đến ngày 01/9/1999, thực hiện Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 24/7/1999, huyện Văn Giang được thành lập. Từ đây, Văn Giang chính thức trở thành đơn vị hành chính của tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Văn Giang và các xã Liên Nghĩa, Tân Tiến thành xã mới có tên gọi là xã Văn Giang và tồn tại cho đến ngày nay.

3.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Văn Giang nằm ở phía Tây Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên, có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Nghĩa Trụ;

- Phía Tây giáp Thành phố Hà Nội;

- Phía Nam giáp xã Mễ Sở và xã Hoàn Long;

- Phía Bắc giáp xã Phụng Công.

3.2.2. Vai trò chức năng

Xã Văn Giang thuộc tỉnh Hưng Yên, có vị trí địa lý thuận lợi, là địa bàn có vai trò quan trọng trong kết nối giao thông, giao thương và phát triển thương mại - dịch vụ của khu vực. Địa bàn có lợi thế trong liên kết vùng, tiếp giáp các khu vực phát triển năng động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội, khu vực trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đô thị Văn Giang. Là địa bàn tập trung phát triển thương mại và dịch vụ, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đồng thời, xã Văn Giang có vị trí thuận lợi trong kết nối giao thông liên vùng, gắn với Thủ đô Hà Nội, thành phố Bắc Ninh và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng. Xã giữ vai trò là khu vực hạt nhân phát triển không gian đô thị, góp phần giãn dân và hình thành các khu dân cư tập trung, trở thành nơi định cư, đáng sống, khu vực thu hút dân cư với phong cách sống mới (cuộc sống xanh, thông minh, sinh thái),... Đồng thời, xã là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ phục vụ nhu cầu dân sinh và sản xuất. Với các lợi thế nêu trên, xã Văn Giang giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đô thị và định hướng thành lập phường trong thời gian tới.

3.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Văn Giang có 22,96 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 10,20 km^2 và đất nông nghiệp là 12,76 km^2.

3.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Văn Giang có quy mô dân số là 41.407 người, trong đó dân số thường trú là 39.752 người và dân số tạm trú là 1.655 người.

3.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Văn Giang là 26.915 người, chiếm 65% tổng dân số của xã.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động công nghiệp và xây dựng là 10.266 người, chiếm tỷ lệ 38,14%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.138 người, chiếm tỷ lệ 37,67%; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6.511 người, chiếm tỷ lệ 24,19%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 20.404 người, chiếm tỷ lệ 75,81%.

3.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Văn Giang chủ yếu là người Kinh. Dân cư xã Văn Giang phân bố chủ yếu tại vùng lõi của xã tạo thành chuỗi dân cư liên kết liền mạch, bổ trợ cho nhau với mật độ dân số ở mức thấp đến trung bình 1.803,4 người/km^2). Khu vực trung tâm hành chính đặt tại xã Văn Giang cũ, dân cư phân bố dày đặc, mang hình thái rõ nét của đô thị. Các khu dân cư phát triển mạnh dọc theo các trục giao thông và tại trung tâm xã làm hình thành các điểm dân cư đô thị hoá tại địa phương.

3.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

3.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế - xã hội xã Văn Giang phát triển toàn diện trong năm 2025. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 15%, cao hơn bình quân chung của tỉnh (8,78%); cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ chiếm 48%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 45% và ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 7% trong cơ cấu kinh tế năm 2025 của xã.

3.5.2. Thu, chi ngân sách

Xã Văn Giang có nhiều lợi thế về vị trí, vị thế trong tỉnh cũng như có nội lực phát triển như lợi thế từ phát triển nông nghiệp kết hợp dịch vụ nên tổng nguồn thu ngân sách phát sinh trên địa bàn đô thị khá lớn.

Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 1.623,75 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 775,89 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

3.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Văn Giang đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức tỉnh Hưng Yên và xã Văn Giang đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm.

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 81,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 87,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 97,1 triệu đồng/người/năm.

3.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Văn Giang là 0,15%, trong đó: năm 2023 là 0,44%, năm 2024 là 0% và năm 2025 là 0%.

3.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

- Trồng trọt: Chủ động tuyên truyền hướng dẫn người dân công tác phòng trừ sâu gây hại cho cây trồng; trong kỳ báo cáo toàn xã gieo trồng được 970,98 ha cây trồng các loại, trong đó: 304,2 ha hoa cây cảnh, 210,7 ha rau màu và cây hàng năm khác, 393,4 ha cây ăn quả lâu năm 19,2 ha cây cảnh lâu năm, 33,5 ha cây công trình và 9,98 ha diện tích đất nông nghiệp khác.

- Chăn nuôi - thú y - thủy sản: Theo rà soát, toàn xã Văn Giang có: có 235 con trâu, bò; 10.585 con lợn, 200 con dê và 88.650 con gia cầm; tuy trong kỳ báo cáo thời tiết nắng nóng, mưa bão diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều nguy cơ gây bệnh cho đàn gia súc, tuy nhiên được chăm sóc tốt nên không có dịch bệnh trên diện rộng, đàn gia súc, gia cầm bị hại chủ yếu là do các bệnh tiêu chảy, hen suyễn, cảm lạnh,… Bên cạnh đó nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã cơ bản ổn định.

- Công tác phòng chống dịch bệnh động vật: Tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi như thuê máy, phương tiện đội phun thuốc khử trùng tiêu độc (chợ, bãi rác, nơi tập kết rác, ngõ xóm, khu vực có nguy cơ cao,…), đồng thời triển khai, thực hiện kế hoạch tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu - Đông năm 2025.

- Về thủy lợi - Đê Điều - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: xã chú trọng chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã; cụ thể đảm bảo an toàn hạ du khi vận hành hồ thủy điện Hòa Bình và giải tỏa ách tắc dòng chảy kênh mương thủy lợi phục vụ phòng chống úng.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn xã được tăng cường. Thực hiện nghiêm công tác quản lý quy hoạch và các biện pháp ngăn chặn tình trạng vi phạm trật tự xây dựng tại một số công trình, dự án trên địa bàn xã; triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Thực hiện việc lập chủ trương bổ sung các dự án mới, trình Hội đồng nhân dân phê duyệt danh mục đầu tư công bổ sung, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã và định hướng phát triển hạ tầng đô thị.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ các dự án trên địa bàn các xã cũ bàn giao về xã Văn Giang, đồng thời ký các phụ lục hợp đồng điều chỉnh chủ đầu tư đối với những dự án có thay đổi về tổ chức quản lý. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và tiến độ thực hiện đầu tư. Đối với các dự án trọng điểm, tập trung chỉ đạo thi công hoàn thiện và đưa vào sử dụng trong năm 2025,

gồm thi công hoàn thiện đưa vào sử dụng các dự án trọng điểm trong năm 2025: Đường trục chính khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang (cũ); cải tạo, nâng cấp đường ĐT.377, đoạn từ nút giao với đường ĐT.379B đến xã Tân Tiến, huyện Văn Giang (vị trí tiếp giáp với xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu); Kè, chỉnh trang cảnh quan hồ thực phẩm trên địa bàn thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang. Song song với đó, tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm trên địa bàn xã, bao gồm: Xây dựng tuyến ĐH.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379; đường Thanh niên kéo dài đến ĐH.26; đường Thanh niên kéo dài từ ĐH.26 đến ĐT.377; đường thanh niên kéo dài từ ĐT.377 đến đường Vành Đai 4 - Vùng Thủ Đô.

Các dự án này có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng không gian phát triển đô thị, tăng cường khả năng kết nối giao thông liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư vào địa bàn xã. Bên cạnh việc triển khai thi công, công tác quản lý dự án được chú trọng toàn diện, từ lập kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án đang và chuẩn bị triển khai, đến kiểm soát chặt chẽ hồ sơ pháp lý, tiến độ, chất lượng các hạng mục công trình. Các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, bảo đảm chất lượng thi công, an toàn lao động, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật về đầu tư xây dựng. Mục tiêu xuyên suốt là đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ, đúng thiết kế, hiệu quả đầu tư cao, phát huy tối đa giá trị sử dụng công trình, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã Văn Giang trong giai đoạn tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại dịch vụ, lưu thông hàng hóa ổn định đáp ứng tốt nhu cầu cho người dân; mạng lưới phân phối tiếp tục phát triển, đảm bảo về chất lượng, nguồn gốc và chủng loại hàng hóa; chợ dân sinh hoạt động đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Hoạt động thương mại điện tử tiếp tục phát triển, số lượng hàng hóa được buôn bán qua các sàn thương mại điện tử, qua các kênh internet và các trang mạng xã hội không ngừng gia tăng dần thay thế hoạt động mua bán truyền thống. Các dịch vụ vận chuyển hàng hóa phát triển đa dạng, chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện. Các loại hình dịch vụ trên địa bàn xã Văn Giang ngày càng đa dạng bao gồm: dịch vụ vận tải, hệ thống ngân hàng, bưu chính viễn thông, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ hàng hóa, xưởng sản xuất và mua bán. Các cơ sở dịch vụ, thương mại phát triển dọc theo các tuyến ĐT378, ĐT.379,... Nhìn chung, dịch vụ phát triển theo hướng phục vụ nhu cầu tại chỗ, quy mô hộ gia đình là chủ yếu.

Khu vực trung tâm xã, các công trình dịch vụ du lịch đã được xây dựng khá nhiều cơ sở nghỉ dưỡng do tư nhân xây dựng và quản lý với chất lượng tương đối tốt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu nghỉ ngơi và thư giãn của người dân trong và ngoài địa phương như: Khách sạn, nhà nghỉ và các homestay. Ngoài ra, trên địa bàn còn các nhà hàng có cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ tốt, đấp ứng

đầy đủ nhu cầu về ăn uống và quảng bá ẩm thực địa phương đến với du khách tham quan, người đến công tác và khách lữ hành.

3.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

3.6.1. Giáo dục - đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được giữ vững và phát huy; công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên; kỷ cương nề nếp được giữ vững. Thành lập các trường trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng của các trường thuộc huyện trước đây; đổi tên 03 trường cũ thuộc thị trấn Văn Giang thành các trường Mầm non Văn Giang, Tiểu học Văn Giang và THCS Văn Giang. Tập trung triển khai một số nhiệm vụ đầu năm học mới 2025 - 2026 và tổ chức khai giảng năm học mới thành công, đạt kết quả cao, tăng cường công tác đảm bảo an toàn trường học, công tác quản lý bán trú trong các trường mầm non trên địa bàn xã.

Trong năm học có 16 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi các cấp. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng cao (trong năm học có 56 học sinh đạt giải kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh trong đó có 7 giải Nhì, 16 giải Ba, 33 giải Khuyến khích. Tỷ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 THPT đạt 77,7%, trong đó có 57 học sinh đạt 27 điểm trở lên),... Thành lập mới Trung tâm học tập cộng đồng xã Văn Giang. Tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời, khai giảng Trung tâm học tập cộng đồng, trao thưởng cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT; học sinh đạt kết quả xuất sắc trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và xét tuyển vào Đại học năm 2025. Ra mắt và triển khai khai giảng lớp bình dân học vụ số đến đoàn viên, hội viên và nhân dân trong toàn xã gắn với hoạt động khen thưởng, động viên các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn và đạt các giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi.

Trên địa bàn xã hiện có 9 trường công lập, trong đó có 03 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở, 01 trường tiểu học - trung học cơ sở. Việc duy trì và phát triển hệ thống giáo dục với quy mô tương đối đầy đủ ở các cấp học là điều kiện quan trọng để bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và đáp ứng yêu cầu phát triển dân cư đô thị trong tương lai. Đây cũng là một trong những tiêu chí phản ánh mức độ hoàn thiện của hạ tầng xã hội, phù hợp với định hướng xây dựng xã Văn Giang trở thành phường.

3.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm thường xuyên, Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân; Ban chỉ đạo an toàn thực phẩm. Công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng, Trạm Y tế đã phối hợp với đoàn Kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm của xã và của Tỉnh tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất thực phẩm và thức ăn đường phố đạt kết quả tốt. Thực hiện tốt kế hoạch tiêm chủng hàng năm cho các đối tượng, các Trạm y tế thực hiện trực

24/24 đảm bảo theo quy định. Trạm Y tế đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân; trình độ của đội ngũ y, bác sĩ ngày càng nâng cao cả về số lượng, chất lượng. Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, Trạm Y tế xã Văn Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Trạm Y tế xã cũ, tập trung nhân lực và trang thiết bị về Trạm chính, bên cạnh đó Trạm Y tế được bổ sung nhân lực chất lượng cao từ tuyến huyện chuyển về, từ đó chất lượng khám chữa bệnh càng được nâng cao, đáp ứng tốt yêu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trong tình hình mới.

Trạm Y tế đã chủ động thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện sớm các dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm mùa; tuyên truyền và thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng/bọ gậy phòng chống sốt xuất huyết. Không ghi nhận ổ dịch lớn trên địa bàn. 100 % Phụ nữ có thai được khám định kỳ, khám thai đủ 4 lần trên 3 chu kỳ thai nghén; tiêm phòng uốn ván đầy đủ 100%; tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%. Các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm thực hiện.

Về nhân lực y tế: Số lượng cán bộ công nhân viên trong các trạm y tế tuyến xã là 35 người, trong đó có 9 bác sĩ, dược sĩ và 26 cán bộ khác. Số lượng cán bộ công nhân viên trong các trạm y tế ngoài công lập là 95 người, trong đó có 73 bác sĩ, dược sĩ và 22 cán bộ khác. Việc có số lượng bác sĩ tăng lên đặc biệt là bổ sung bác sĩ tuyến huyện về làm việc tại Trạm là điều kiện thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng khám, tư vấn, điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Về hạ tầng y tế: Xã Văn Giang có hệ thống công trình y tế công được xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ và hiện đại, thực hiện chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn gồm 01 Trạm Y tế thị trấn Văn Giang, 01 điểm trạm Y tế xã Tân Tiến và 01 điểm trạm Y tế xã Liên Nghĩa với 27 giường bệnh, cơ sở vật chất của Trạm y tế xã cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn.

Về tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt 100%, thể hiện sự quan tâm của địa phương trong việc đảm bảo an sinh xã hội và quyền lợi chăm sóc sức khỏe cho người dân. Việc toàn dân tham gia bảo hiểm y tế không chỉ giúp giảm gánh nặng chi phí khám chữa bệnh cho người bệnh mà còn tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế một cách thuận lợi, bình đẳng và bền vững. Đây là một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ y tế và là điều kiện thuận lợi để địa phương tiến tới hoàn thiện các tiêu chí theo yêu cầu xây dựng phường.

3.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Cấp ủy và chính quyền xã luôn quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo các thôn tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của việc xây dựng gia đình, dẫn cư văn hoá góp phần hạn chế và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; thường xuyên tuyên

truyền rộng rãi về 03 nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hoá, gắn với tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang và lễ hội; thực hiện tốt các quy định về bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh. Năm 2025, có 22/22 thôn đạt danh hiệu văn hóa (đạt 100%); công tác quản lý nhà nước về di tích, về công tác tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, nội dung phong phú, bám sát các nhiệm vụ chính trị và các ngày lễ, sự kiện quan trọng. Công tác tuyên truyền được triển khai kịp thời, đa dạng về hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa ngày càng tăng, nếp sống văn minh từng bước được hình thành và phát huy.

Hệ thống thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, khu thể thao từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa được tổ chức hiệu quả, tạo môi trường lành mạnh, gắn kết cộng đồng dân cư. Trên địa bàn xã có: 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đang tiếp tục được đầu tư tương đối đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị liên quan để thực hiện các nhiệm vụ; 03 hội trường nhà văn hóa xã và 22 nhà văn hoá thôn.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp với nhiều hình thức đa dạng như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, pickleball,… thu hút đông đảo người dân tham gia. Các giải thể thao được tổ chức nhân dịp lễ, tết và các sự kiện của địa phương, góp phần tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục thể thao được quan tâm, huy động được nhiều nguồn lực tham gia. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao trên địa bàn xã chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của Đất nước của tỉnh và của địa phương.

Công tác phát thanh, truyền thanh hoạt động có hiệu quả, thông tin kịp thời những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các thông tin thiết yếu của địa phương đến với người dân, hiện tại Đài truyền thanh xã thực hiện việc sản xuất chương trình và phát liên tục từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần với thời lượng từ 15 - 30 phút/ 01 chương trình. Tiếp và phát sóng chương trình phát thanh của Báo và Đài phát thanh Truyền hình Hưng Yên. Thực hiện tốt công tác quản lý thông tin, tuyên truyền trên địa bàn xã; hiện nay xã toàn xã có 109 cụm truyền thanh thông minh với trên 350 loa ở 22 thôn. Đảm bảo 100% được số hóa theo định hướng của tỉnh đối với hệ thống Truyền thanh công nghệ thông tin - Viễn thông cơ sở.

3.6.4. An sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách của Đảng, nhà nước cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công, những hộ gia đình có hoàn cảnh

khó khăn, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng khác đảm bảo đúng, đủ, kịp thời không có sai sót nhầm lẫn. Thực hiện kịp thời việc báo tăng, giảm các đối tượng Bảo trợ xã hội và điều chỉnh diện hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng theo đúng quy định. Thực hiện chi một lần mai táng phí, thờ cúng liệt sĩ, hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình cho Thương, bệnh binh từ 81% trở lên.

Nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ: Đã chuyển 849 xuất quà của Chủ tịch nước tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, với tổng số tiền 259,8 triệu đồng; 849 xuất quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Hưng Yên, mỗi xuất quà 900.000 đồng tặng các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc hoá học, người hoạt động cách mạng, với tổng số tiền 464,5 triệu đồng. Nhân dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025), thực hiện chuyển 846 xuất quà Chủ tịch nước tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sỹ, thương bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học với tổng số tiền 258,9 triệu đồng; 848 xuất quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Hưng Yên, mỗi xuất quà 900.000 đồng tặng các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc hoá học, người hoạt động cách mạng với tổng số tiền 424 triệu đồng. Thực hiện Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Xã đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, thẩm định hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với người có công, thân nhân người có công.

Trong năm, xã tổ chức thăm, tặng quà 09 mẹ liệt sĩ còn sống trên địa bàn, trao tặng mỗi mẹ liệt sĩ 01 xuất quà bằng tiền mặt trị giá 500.000 đồng. Tiếp nhận và trao 330 xuất quà từ nhà hảo tâm cho thân nhân liệt sĩ, thương binh, bệnh binh đang hưởng trợ cấp hàng tháng, đề nghị cho 03 đối tượng thương binh trên 81% được hưởng thêm quà từ nguồn xã hội hóa. Thực hiện chuyển tiếp 758 đối tượng đang hưởng chế độ người từ 80 tuổi trở lên không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo trợ xã hội sang chế độ hưu trí xã hội cho người từ 75 tuổi trở lên không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo trợ xã hội. Thực hiện chuyển tiếp đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP sang hưởng trợ cấp xã hội hưu trí theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP. Ban hành Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 09/09/2025 về thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật. Thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi Người có công, đối tượng BTXH hàng tháng và một lần đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời không sai sót. Triển khai Kế hoạch vận động ủng hộ nhân dân Cuba nhân kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Cuba. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các hồ sơ người có công, đối tượng BTXH, BHYT được kịp thời chu đáo.

3.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trên địa bàn xã Văn Giang có duy nhất tôn giáo Phật giáo được công nhận và hoạt động ổn định. Các cơ sở tôn giáo thờ Phật có 18 chùa. Trong đó có 02 cơ sở được xếp hạng trọng cụm di tích cấp tỉnh đó là chùa Hòa Bình Thượng và chùa Bá Khê. Trên địa bàn có 04 Tăng, 10 Ni, trong đó có 01 Tăng, 7 Ni đã có quyết định trụ trì các chùa, 03 Tăng, 3 Ni chưa có quyết định trụ trì.

Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra bình thường tại các cơ sở thờ tự trên địa bàn; các lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện đúng Hiến chương, Nội quy của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện đúng nội dung, chương trình đăng ký hàng năm và đúng với quy định của pháp luật; chấp hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ và Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

3.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, không để bị động trong bất kỳ tình huống nào xảy ra; duy trì lực lượng thường trực, lực lượng phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn mùa mưa bão. Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ Đại hội Thi đua yêu nước; Đại hội Đảng bộ tỉnh. Quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Kiện toàn Hội đồng nghĩa vụ quân sự; Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh; Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn; kiện toàn cán bộ thôn đội trưởng và cán bộ chỉ huy các đơn vị Dân quân tự vệ trên địa bàn.

Năm 2025, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã đã triển khai thực hiện tốt các bước trong quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; thành lập đoàn khám và giao cho Ban CHQS xã phối hợp với Trạm Y tế xã hướng dẫn các cơ sở tổ chức sơ tuyển, tiến hành khám tuyển nghĩa vụ quân sự chặt chẽ, nghiêm túc khách quan, chính xác, 22/22 thôn hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân. Bàn giao đủ 65/65 công dân, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao với chất lượng tốt; tổ chức Lễ giao quân trang trọng, đúng quy định, bàn giao nhanh cho các đơn vị nhận quân; trong thời gian huấn luyện tân binh chỉ đạo các cơ sở tổ chức đưa cán bộ, gia đình quân nhân lên đơn vị thăm và động viên con em mình. Xây dựng kế hoạch tuyển quân năm 2026, tổ chức rà soát nguồn tuyển quân tại các thôn, phố, ấp. Trình Đảng ủy ra chỉ thị tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân năm 2026, tổ chức sơ tuyển đối với 482 thanh niên. Sẵn sàng lực lượng ứng trực, ứng phó các cơn bão theo phương châm bốn tại chỗ.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh, kết hợp với tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; tổ chức mở nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị lớn quan trọng của đất nước, của địa phương và các

đoàn công tác của Đảng, Nhà nước về thăm, làm việc trên địa bàn. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự được củng cố và tăng cường, công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng được coi trọng, qua đó kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề phát sinh, không để xảy ra bị động, bất ngờ, không để hình thành điểm nóng.

3.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

Từ ngày 1/7/2025, xã Văn Giang vận hành bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp mới với đội ngũ lãnh đạo được chỉ định theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy. Bộ máy gồm Đảng ủy, HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể, hoạt động theo mô hình tinh gọn, hiện đại hoá với Trung tâm phục vụ hành chính.

3.8.1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo HĐND: Chủ tịch (kiêm nhiệm) và 01 Phó chủ tịch (chuyên trách).

- Lãnh đạo UBND: Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

- Cơ quan chuyên môn: Hội đồng nhân dân có 02 ban: Ban Kinh tế Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Mỗi ban có Trưởng ban (kiêm nhiệm) và phó trưởng ban (chuyên trách). UBND có 04 phòng chuyên môn gồm: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND - UBND và Trung tâm Phục vụ hành chính công. Các phòng chuyên môn có Trưởng phòng và các cấp phó.

- Vận hành: Áp dụng hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

3.8.2. Đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan thuộc khối chính quyền có mặt 38 người, Trong đó: Văn phòng HĐND và UBND 14 người (bao gồm cả Lãnh đạo HĐND, UBND và các ban HĐND), Phòng Văn hoá - Xã hội 8 người, Phòng Kinh tế 10 người, Trung tâm Phục vụ Hành chính công 6 người.

4. Xã Mễ Sở

4.1. Lịch sử hình thành

Nằm bên tả ngạn sông Hồng, từ lâu Mễ Sở đã được biết đến là một vùng quê trù phú, đậm đặc các giá trị văn hoá truyền thống. Vùng đất Mễ Sở có từ cách đây hàng ngàn năm, thuở các vua Hùng dựng nước, với nhiều địa danh cổ lưu trong truyền thuyết "Chử Đồng Tử - Tiên Dung" như: xứ Hà, chợ Thắm, Hà Lương, Nhất Dạ Trạch,... Trước thời nhà Đinh, vùng đất Mễ Sở bây giờ thuộc Tế Giang của sứ quân Lữ Tá Đường. Tế Giang thuộc Kinh Bắc, giáp với Sơn Nam Thượng. Trải qua các triều đại Lý, Trần, vùng đất Mễ Sở thuộc Khoái Lộ, Lộ Khoái, Khoái Châu,…

Năm 1285, sau chiến thắng quân Nguyên Mông, vua Trần Nhân Tông ban thưởng và đổi tên cho làng thành Mễ Sở để ghi dấu, lưu danh chiến công của nhân dân đã từng cất giấu, tiếp tế lương thảo cho quân đội nhà Trần đánh giặc. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), vùng đất Mễ Sở bây giờ thuộc Tổng Mễ, huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên.

Sau cách mạng tháng Tám 1945, tổng Mễ đổi tên thành xã Mễ Sở. Tháng 8 năm 1955 xã Mễ Sở tách thành hai xã: Mễ Sở và Bình Minh. Năm 1977, theo Quyết định số 58-CP của Hội đồng Chính phủ, huyện Văn Giang hợp nhất với huyện Yên Mỹ và một phần huyện Khoái Châu thành huyện Văn Yên, Khu vực xã Mễ Sở ngày nay thuộc huyện Văn Yên. Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70 hợp nhất huyện Văn Giang, 5 xã của huyện Yên Mỹ và 25 xã của huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng. Mễ Sở thuộc huyện Châu Giang.

Năm 1997, tỉnh Hưng Yên được tái lập theo Nghị quyết của Quốc hội khóa IX; huyện Văn Giang (trong đó có khu vực xã Mễ Sở) trở lại thuộc tỉnh Hưng Yên từ ngày 01/01/1997. Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện là Khoái Châu và Văn Giang. Xã Mễ Sở trực thuộc huyện Văn Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bình Minh (huyện Khoái Châu), Thắng Lợi và Mễ Sở (huyện Văn Giang) thành xã mới có tên gọi là xã Mễ Sở và tồn tại cho đến ngày nay.

4.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Mễ Sở nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, xã có vị trí chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Hoàn Long;
- Phía Tây giáp Thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp xã Triệu Việt Vương;
- Phía Bắc giáp xã Văn Giang.

4.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Mễ Sở có 17,52 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 7,87 km^2 và đất nông nghiệp là 9,65 km^2.

4.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

4.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Mễ Sở có quy mô dân số là 30.569 người, trong đó dân số thường trú là 29.954 người và dân số tạm trú là 615 người.

4.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Mễ Sở là 14.410 người, trong đó: lao động công nghiệp và xây dựng là 1.702 người, chiếm tỷ lệ 11,81%; lao động thương mại - dịch vụ là 8.500 người, chiếm tỷ lệ 58,99%; lao động nông - lâm - thủy sản là 4.208 người, chiếm tỷ lệ 29,2%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 10.202 người, chiếm tỷ lệ 70,80%.

4.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Mễ Sở hiện nay chủ yếu là người Kinh và có khoảng 0,03% thành phần dân tộc thiểu số sinh sống ổn định. Công tác chăm lo cho đồng bào dân tộc được quan tâm chỉ đạo, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, các chính sách an sinh - xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ.

Dân cư xã Mễ Sở sau sáp nhập phân bố chủ yếu tại vùng lõi của ba xã, kết nối với nhau bởi tuyến đường tỉnh 378, tạo thành chuỗi dân cư liên kết liền mạch, bổ trợ cho nhau với mật độ dân số ở mức thấp đến trung bình (1.721 người/km^2). Phân tách thành các phân vùng chức năng rõ rệt sau:

- Phân vùng lõi trung tâm (Khu vực trung tâm hành chính - xã Mễ Sở cũ): Là khu vực có mật độ tập trung dân cư cao nhất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu tư đồng bộ. Hình thái kiến trúc cảnh quan và không gian ở tại đây đã mang đặc trưng rõ nét của một khu vực đô thị hóa giai đoạn đầu.

- Phân vùng phát triển nông nghiệp - sinh thái (Xã Thắng Lợi cũ): Dân cư phân bố theo cấu trúc làng xã truyền thống kết hợp sản xuất nông nghiệp chất lượng cao. Khu vực này có mật độ xây dựng thấp, đóng vai trò là khoảng đệm xanh và không gian sinh thái cho tổng thể không gian đô thị tương lai.

- Phân vùng hành lang kinh tế phía Nam (Xã Bình Minh cũ): Dân cư tập trung chủ yếu tại ven đê sông Hồng (ĐT.378), thụ hưởng lợi thế về giao thương kinh tế đường bộ, đường thủy và các mô hình kinh tế ven sông.

Nhìn chung, xu hướng phát triển dân cư trên địa bàn xã Mễ Sở đang diễn ra mạnh mẽ dọc theo các trục giao thông đối ngoại, giao thông liên vùng và xung quanh khu vực trung tâm xã. Sự chuyển dịch này đang trực tiếp thúc đẩy quá trình hình thành các điểm dân cư đô thị hóa tập trung, tạo tiền đề vững chắc về mặt không gian để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn thành lập phường trực thuộc trong giai đoạn tới.

4.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã Mễ Sở đang diễn ra quá trình chuyển dịch mạnh mẽ và đúng hướng theo mục tiêu hiện đại hóa, nhằm tối ưu hóa giá trị và

nâng cao hiệu quả nội lực trong từng ngành, từng lĩnh vực. Tỷ trọng các ngành kinh tế có sự tái cấu trúc căn bản: tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, đồng thời giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp theo quy luật phát triển đô thị.

Sự đóng góp của khối ngành nông nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm ngày càng thu hẹp về mặt tỷ lệ nhưng tối ưu về mặt chất lượng thông qua mô hình nông nghiệp đô thị sinh thái. Năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã đạt 13,5%; cơ cấu kinh tế của địa phương đã đạt bước ngoặt chiến lược, chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, trong đó: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 29%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 41% và ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 30% trong cơ cấu kinh tế của xã.

4.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 745.548,6 triệu đồng, trong đó: thu ngân sách xã hưởng 100% đạt 7.173,7 triệu đồng, thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ đạt 348.885,5 triệu đồng.

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách trên địa bàn xã trong những năm qua luôn bám sát các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và luôn duy trì trạng thái cân đối thu - chi lành mạnh. Năm 2025, tổng chi ngân sách xã đạt 662.847,5 triệu đồng, trong đó: chi đầu tư xây dựng cơ bản là 376.652,7 triệu đồng và chi thường xuyên là 154.222,8 triệu đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

4.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Mễ Sở đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức tỉnh Hưng Yên và xã Mễ Sở đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm.

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 81,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 87,3 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 97,0 triệu đồng/người/năm.

4.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Mễ Sở là 0,22%, trong đó: năm 2023 là 0,37%, năm 2024 là 0,15%, năm 2025 là 0,13% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

4.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Chăn nuôi, trồng trọt: Tổng diện tích đất trồng trọt: 759,9 ha. Nằm trong hệ sinh thái làng nghề sinh vật cảnh, phân ngành canh tác quất cảnh nghệ thuật và các loại cây đặc sản giá trị kinh tế cao (như cam đường, bưởi cảnh, nhãn lồng) được xác định là một mũi nhọn kinh tế đặc thù của xã Mễ Sở. Việc phát huy tối đa lợi thế kinh tế "ven đô" - nằm sát vách và kết nối trực tiếp với thị trường tiêu thụ khổng lồ của Thủ đô Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng đồng bằng sông Hồng đã biến ngành nghề này thành động lực cốt lõi thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, góp phần quan trọng vào công cuộc tích lũy tư bản địa phương và đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa nông thôn.

Xây dựng Nông thôn mới: Trên địa bàn xã đã có 16/18 thôn đạt khu dân cư NTM kiểu mẫu; đánh giá thực trạng mức độ hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025 và đề xuất Kế hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mễ Sở giai đoạn 2026 - 2030. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Mễ Sở giai đoạn 2021 - 2025.

b) Công nghiệp - xây dựng

Hiện nay, toàn xã có 25 cơ sở sản xuất nghề mộc, 157 doanh nghiệp tư nhân, 12 hợp tác xã sản xuất - dịch vụ, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động địa phương. Hoạt động sản xuất - kinh doanh ổn định, nhiều cơ sở đầu tư thiết bị mới, mở rộng quy mô, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, tăng thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân. Tuy còn hạn chế về quy mô và năng lực cạnh tranh, nhưng cũng đã hình thành được lực lượng sản xuất năng động, thích ứng với cơ chế thị trường, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của tỉnh: Phê duyệt được 202/202 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội. Thực hiện kiểm kê, hoàn thành lập, dự thảo công khai 509/509 phương án bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất nông nghiệp; kiểm kê, lập, công khai, chi trả 382/382 phương án bồi thường đối với việc di chuyển mộ thuộc Dự án đường kết nối di sản văn hóa dọc sông Hồng; Phối hợp với chủ đầu tư nhận chuyển nhượng, chi trả được 707/1.237 thửa đất, diện tích 188.585 m^2 của Dự án sân Golf Sông Hồng. Phối hợp với Chủ đầu tư dự án Nhà máy nước sạch Nam Long hoàn thiện các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình cá nhân thôn Thiết Trụ.

Chuyển tiếp toàn bộ danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các xã: Mễ Sở, Thắng Lợi, Bình Minh và huyện Văn Giang (cũ). Thực hiện điều chuyển chủ đầu tư các công trình, dự án do các xã Mễ Sở, Thắng Lợi, Bình Minh cũ về xã Mễ Sở mới. Ký phụ lục hợp đồng với các chủ đầu tư làm cơ sở để thực hiện các bước theo quy định. Tổ chức hội nghị với các phòng, ban, các đơn vị nhà thầu để triển khai, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu khối lượng, thanh quyết toán để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là nguồn vốn do tỉnh và huyện hỗ trợ trước đây. Thực hiện đúng các quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Ủy ban nhân dân xã.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, hoạt động và phát triển đa dạng; hoạt động vận tải phát triển ổn định. Trên địa bàn xã có 03 chợ truyền thống (Chợ Mễ Sở, chợ Đa Hòa, chợ Thiết Trụ); 900 cửa hàng kinh doanh dịch vụ thương mại, các cơ sở bán lẻ rộng khắp tại các thôn, xóm, tạo thuận lợi cho hoạt động trao đổi hàng hóa và tiêu dùng.

Các loại hình thương mại - dịch vụ trên địa bàn bao gồm hệ thống cửa hàng bán lẻ, cơ sở kinh doanh tổng hợp, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, logistics nhỏ lẻ và các dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng khác phân bố tương đối tập trung dọc các tuyến đường chính ĐT.378, ĐT.382, ĐH.25, ĐH.50 và các khu vực đông dân cư. Sự phát triển của lĩnh vực này không chỉ phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân mà còn tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ.

Ủy ban nhân dân xã thành lập Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả xã Mễ Sở. Giá cả thị trường, các mặt hàng thiết yếu được kiểm soát tốt; các hoạt động phòng chống gian lận thương mại được tăng cường tạo môi trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh. Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương, phát huy hiệu quả các mô hình kinh tế trong sản xuất nông nghiệp như trồng các loại cây cảnh, cây giống, hoa, cây thế. Chủ động phối hợp với các ngành chức năng tổ chức, hướng dẫn các hộ sản xuất, doanh nghiệp, làng nghề tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung - cầu, quảng bá sản phẩm. Khuyến khích các cơ sở sản xuất ứng dụng thương mại điện tử, mở rộng kênh bán hàng trực tuyến; phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, thương mại.

4.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

4.6.1. Giáo dục - đào tạo

Chú trọng triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của trung ương, tỉnh về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới

(đặc biệt là Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo); chất lượng dạy và học không ngừng được nâng cao, tỷ lệ học sinh khá, giỏi đều tăng hằng năm; 100% cán bộ, giáo viên được tham gia các lớp bồi dưỡng chương trình giáo dục mới theo quy định; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản được chuẩn hóa.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các trường luôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp đồng bộ; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025 được chú trọng. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến lớp đạt trên 100% ở bậc tiểu học, 99,8% ở bậc THCS.

Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được duy trì, số học sinh khá, giỏi chiếm khoảng 65 - 70%, học sinh yếu kém giảm còn dưới 2%. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được củng cố; duy trì chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS mức độ 3, chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản về lĩnh vực giáo dục đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, trong đó có việc dạy thêm học thêm ngoài nhà trường; bảo đảm nhu cầu dạy học 2 buổi/ngày từ năm học 2025 - 2026 đối với cấp trường. Trung tâm Học tập cộng đồng xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập các Trung tâm học tập cộng đồng của 03 xã. Trung tâm học tập cộng đồng được đầu tư cơ sở vật chất, tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả, thiết thực.

Tổng số học sinh toàn xã là 5.495 học sinh, với 173 lớp học, trong đó: Mầm non: 1.533 cháu/71 nhóm, lớp; Tiểu học: 2.128 hs/ 61 lớp; Trung học cơ sở: 1798 hs/44 lớp. Bình quân học sinh/lớp đạt khoảng 31hs/lớp, cơ bản phù hợp với quy định (Bình quân Mầm non: 22 cháu/lớp; Tiểu học: 35 hs/lớp, Trung học cơ sở: 40,8 hs/lớp). Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên là 313 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 21 người; Giáo viên: 292 người. Toàn xã có 100 % cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 03 người có trình độ Thạc sĩ.

Năm học 2025 - 2026, toàn xã có 07 trường, trong đó:

- Giáo dục mầm non: trên địa bàn xã hiện tại có 03 cơ sở giáo dục mầm non công lập với chất lượng tốt. Ngoài ra còn có 03 cơ sở giáo dục mầm non tư nhân tại các thôn, giúp giảm tải cho các trường chính và tạo sự thuận lợi cho việc học tập cũng như đi lại của trẻ em trên địa bàn.

- Giáo dục Đại học, giáo dục nghề nghiệp: đến năm 2025, trên địa bàn xã có 01 trường Trung cấp Công nghệ và Kinh tế Việt - Hàn, trong đó cơ sở vật chất gồm: Khu hiệu bộ phòng lãnh đạo trường, phòng họp, cá phòng chuyên môn và khoa đào tạo; phòng để trang thiết bị 40 m^2, 05 phòng học lý thuyết tổng diện tích 250 m^2; 02 phòng thực hành tiếng anh và tin học tổng diện tích 140 m^2; khu vực thực hành xây dựng 500 m^2; phòng kỹ thuật, nhà bảo vệ, nhà xe và cá công trình phụ trợ khác.

4.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm thường xuyên, Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân; Ban chỉ đạo an toàn thực phẩm. Công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng, Trạm Y tế đã phối hợp với đoàn Kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm của xã và của Tỉnh tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất thực phẩm và thức ăn đường phố đạt kết quả tốt. Thực hiện tốt kế hoạch tiêm chủng hàng năm cho các đối tượng, các Trạm y tế thực hiện trực 24/24 đảm bảo theo quy định; Tổng số lượt khám bệnh tại Trạm y tế trên địa bàn xã khoảng trên 3.000 lượt. Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dan xã, Trạm Y tế đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân; trình độ của đội ngũ y, bác sĩ ngày càng nâng cao cả về số lượng, chất lượng. Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, Trạm Y tế xã Mễ Sở được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Trạm y tế xã cũ, tập trung nhân lực và trang thiết bị về Trạm chính, bên cạnh đó Trạm Y tế được bổ sung nhân lực chất lượng cao từ tuyến huyện chuyển về, từ đó chất lượng khám chữa bệnh càng được nâng cao, đáp ứng tốt yêu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân trong tình hình mới.

Trạm Y tế đã chủ động thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện sớm các dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm mùa; tuyên truyền và thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng/bọ gậy phòng chống sốt xuất huyết. Không ghi nhận ổ dịch lớn trên địa bàn. 100 % Phụ nữ có thai được khám định kỳ, khám thai đủ 4 lần trên 3 chu kỳ thai nghén; tiêm phòng uốn ván đầy đủ 100%; tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%. Các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm thực hiện.

Về nhân lực y tế: Tổng số cán bộ y tế tại Trạm Y tế xã Mễ Sở là: 28 người (trong đó: 05 bác sĩ, 08 y sĩ, 10 điều dưỡng, 01 hộ sinh, 03 dược sĩ, 01 kế toán viên). Việc có số lượng bác sĩ tăng lên đặc biệt là bổ sung bác sĩ tuyến huyện về làm việc tại Trạm là điều kiện thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng khám, tư vấn, điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Về tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt 100%, thể hiện sự quan tâm của địa phương trong việc đảm bảo an sinh xã hội và quyền lợi chăm sóc sức khỏe cho người dân. Việc toàn dân tham gia bảo hiểm y tế không chỉ giúp giảm gánh nặng chi phí khám chữa bệnh cho người bệnh mà còn tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế một cách thuận lợi, bình đẳng và bền vững. Đây là một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ y tế và là điều kiện thuận lợi để địa phương tiến tới hoàn thiện các tiêu chí theo yêu cầu xây dựng phường.

Xã Mễ Sở có hệ thống công trình y tế công được xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ và hiện đại, thực hiện chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân

dân trên địa bàn gồm 01 Trạm Y tế xã Mễ Sở, 01 điểm trạm Y tế Thắng Lợi và 01 điểm trạm Y tế Bình Minh.

- Trạm Y tế xã Mễ Sở có diện tích đất 1.056 m², với 01 dãy nhà 3 tầng có diện tích xây dựng là: 1.160 m², được bố trí 5 khoa, phòng chức năng gồm: Khoa Khám bệnh - Chữa bệnh, Khoa Dược - Trang thiết bị y tế - Cận lâm sàng, Khoa Phòng bệnh - ATTP, Phòng Hành chính - Tài chính - Nhân sự, Phòng Dân số - Trẻ em - Bảo trợ xã hội.

- Điểm Trạm Y tế Thắng Lợi có diện tích đất 1.983 m², diện tích nhà trạm 727 m², được bố trí làm điểm khám bệnh và cấp cứu ban đầu.

- Điểm Trạm Y tế Bình Minh có diện tích đất là 1.870 m², diện tích nhà trạm 450 m², được bố trí làm điểm khám bệnh và cấp cứu ban đầu.

4.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Cấp ủy và chính quyền xã luôn quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo các thôn tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích, tác dụng của việc xây dựng gia đình, dẫn cư văn hoá góp phần hạn chế và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; thường xuyên tuyên truyền rộng rãi về 03 nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hoá, gắn với tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang và lễ hội; thực hiện tốt các quy định về bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh. Năm 2025, có 18/18 thôn đạt danh hiệu văn hóa (đạt 100%); công tác quản lý nhà nước về di tích, về công tác tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì thường xuyên, nội dung phong phú, bám sát các nhiệm vụ chính trị và các ngày lễ, sự kiện quan trọng. Công tác tuyên truyền được triển khai kịp thời, đa dạng về hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa ngày càng tăng, nếp sống văn minh từng bước được hình thành và phát huy.

Hệ thống thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, khu thể thao từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa được tổ chức hiệu quả, tạo môi trường lành mạnh, gắn kết cộng đồng dân cư. Trên địa bàn xã hiện có: 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đang tiếp tục được đầu tư tương đối đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị liên quan để thực hiện các nhiệm vụ; 01 Sân vận động đa năng trung tâm ngoài trời có diện tích là 4.973 m^2 để tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao cũng như các hoạt động khác của địa phương; 03 hội trường nhà văn hóa xã và 18 nhà văn hoá thôn.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp với nhiều hình thức đa dạng như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, Pickleball,… thu hút đông đảo người dân tham gia. Các giải thể thao được tổ chức nhân dịp lễ, tết và

các sự kiện của địa phương, góp phần tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục thể thao được quan tâm, huy động được nhiều nguồn lực tham gia. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao trên địa bàn xã chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của Đất nước của tỉnh và của địa phương. Năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt khoảng 55,6%; tỷ lệ gia đình thể thao đạt khoảng 15%.

Công tác phát thanh, truyền thanh hoạt động có hiệu quả, thông tin kịp thời những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các thông tin thiết yếu của địa phương đến với người dân, hiện tại Đài truyền thanh xã thực hiện việc sản xuất chương trình và phát liên tục từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần với thời lượng từ 15 - 20 phút/01 bản tin. Tiếp và phát sóng chương trình phát thanh của Báo và Đài phát thanh Truyền hình Hưng Yên. Thực hiện tốt công tác quản lý thông tin, tuyên truyền trên địa bàn xã; Hiện tại xã đã thực hiện đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống truyền thanh thông minh được khoảng 65% và đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí để cải tạo đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh, đảm bảo 100% được số hóa theo định hướng của tỉnh đối với hệ thống Truyền thanh công nghệ thông tin - Viễn thông cơ sở.

4.6.4. An sinh xã hội

Công tác chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm các chế độ, chính sách đối với các đối tượng thụ hưởng. Các đối tượng chính sách được quản lý, theo dõi và thực hiện chi trả chế độ theo quy định. Công tác bảo trợ xã hội được triển khai đối với các đối tượng theo quy định, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng khác thuộc diện bảo trợ xã hội. Các chế độ trợ cấp được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Công tác bảo hiểm xã hội và các chính sách an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn theo quy định. Người dân tham gia các loại hình bảo hiểm theo điều kiện và quy định của pháp luật, gắn với việc bảo đảm an sinh xã hội.

Các hoạt động lao động, việc làm và an sinh xã hội được tổ chức thực hiện gắn với sự phát triển kinh tế của địa phương và các chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, bảo đảm thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động và các đối tượng trên địa bàn xã Mễ Sở. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được thực hiện hiệu quả. Thường xuyên thăm hỏi, tặng quà cho các em thiếu niên, nhi đồng; nhất là những trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và học sinh nghèo vượt khó; tổ chức cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho trẻ em dưới 6 tuổi.

4.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trên địa bàn xã Mễ Sở hiện có 45 cơ sở tín ngưỡng (8 Đình, 12 Đền, 12 Chùa, 15 Miếu, 1 nhà cổ, 2 nhà thờ họ); trong đó có 01 cơ sở được xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt là đền Chử Đồng Tử - Tiên Dung tại thôn Đa Hòa, có 6 cơ sở

được xếp hạng cấp Quốc gia, có 6 cơ sở được xếp hạng cấp tỉnh, 29 cơ sở tín ngưỡng chưa được xếp hạng do địa phương quản lý.

Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra bình thường tại các cơ sở thờ tự trên địa bàn; các lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện đúng Hiến chương, Nội quy của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện đúng nội dung, chương trình đăng ký hàng năm và đúng với quy định của pháp luật; chấp hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ và Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

4.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu trong các ngày lễ, tết, các ngày diễn ra Đại hội đảng các cấp; huy động các lực lượng dân quân tham gia phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025; thực hiện tốt kế hoạch phối hợp với công an xã đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ bảo đảm đúng, đủ số lượng theo kế hoạch có chất lượng tốt. Hội đồng nghĩa vụ quân sự chỉ đạo thực hiện tốt các bước trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025 hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân (44/44). Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với nam công dân đủ 17 tuổi đạt 216/216.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định; triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2025, đặc biệt là Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống và kiểm soát ma túy; Chương trình phòng, chống tội phạm mua bán người của Chính phủ; các Kế hoạch của Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc,… phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

4.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

Từ ngày 1/7/2025, xã Mễ Sở vận hành bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp mới với đội ngũ lãnh đạo được chỉ định theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bộ máy gồm Đảng uỷ, HĐND, Uỷ ban MTTQ và các đoàn thể, hoạt động theo mô hình tinh gọn, hiện đại hoá với Trung tâm phục vụ hành chính.

4.8.1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo HĐND: Chủ tịch (kiêm nhiệm) và 01 Phó Chủ tịch (chuyên trách).

- Lãnh đạo UBND: Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

- Cơ quan chuyên môn: Hội đồng nhân dân có 02 ban: Ban Kinh tế Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Mỗi ban có Trưởng ban (kiêm nhiệm) và Phó Trưởng ban chuyên trách. UBND có 04 phòng chuyên môn và tương đương gồm: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND - UBND và

Trung tâm Phục vụ hành chính công. Các phòng chuyên môn có Trưởng phòng và 02 cấp phó.

- Vận hành: Áp dụng hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

4.8.2. Đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan thuộc khối chính quyền có mặt 36 người, Trong đó: Văn phòng HĐND và UBND 13 người (bao gồm cả Lãnh đạo HĐND, UBND và các ban HĐND), phòng Văn hóa - Xã hội 05 người, phòng Kinh tế 12 người và Trung tâm Phục vụ Hành chính công 06 người.

5. Xã Lương Bằng

5.1. Lịch sử hình thành

Ngày 27/01/1968, hợp nhất tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng theo Nghị quyết của Quốc hội khóa III và huyện Kim Động thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng do Hội đồng Chính phủ ban hành về việc hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành huyện Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên thuộc tỉnh Hải Hưng do Hội đồng Bộ trưởng ban hành theo đó thực hiện sáp nhập hai xã Hiến Nam và Lam Sơn vào thị xã Hưng Yên quản lý.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, Ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng trong đó chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi. Huyện Kim Động có diện tích tự nhiên 11.633,61 ha và 124.507 nhân khẩu, có 20 xã: Bảo Khê, Chính Nghĩa, Đồng Thanh, Đức Hợp, Hiệp Cường, Hùng An, Hùng Cường, Lương Bằng, Mai Động, Nghĩa Dân, Ngọc Thanh, Nhân La, Phạm Ngũ Lão, Phú Cường, Phú Thịnh, Song Mai, Thọ Vinh, Toàn Thắng, Vĩnh Xá, Vũ Xá.

Ngày 22/3/2002, Chính phủ ban hành Nghị định 28/2002/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn Lương Bằng - thị trấn huyện lỵ của huyện Kim Động trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Lương Bằng cũ. Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định 108/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã, thành lập phường và điều chỉnh địa giới hành chính các phường thuộc thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên trong đó thực hiện sáp nhập xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Động vào thị xã Hưng Yên quản lý. Huyện Kim Động còn lại 11.464,87 ha diện tích tự nhiên và 122.650 nhân khẩu; có 19 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Nghĩa Dân, Toàn Thắng, Vĩnh Xá, Ngũ Lão, Thọ Vinh, Đồng Thanh, Song Mai, Chính Nghĩa, Nhân La, Phú Thịnh, Mai Động, Đức Hợp, Hùng An, Ngọc Thanh, Vũ Xá, Hiệp Cường, Phú Cường, Hùng Cường và thị trấn Lương Bằng.

Ngày 06/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết 95/NQ-CP điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động và huyện Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên trong đó sáp nhập các xã Hùng Cường, Phú Cường thuộc huyện Kim Động vào thành phố Hưng Yên quản lý. Huyện Kim Động còn lại 10.285,30 ha diện tích tự nhiên và 111.417 nhân khẩu; có 17 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Lương Bằng và 16 xã: Toàn Thắng, Nghĩa Dân, Phạm Ngũ Lão, Vĩnh Xá, Đồng Thanh, Thọ Vinh, Phú Thịnh, Đức Hợp, Mai Động, Hùng An, Song Mai, Ngọc Thanh, Hiệp Cường, Chính Nghĩa, Nhân La, Vũ Xá.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025 (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/12/2024). Theo đó, sáp nhập hai xã Thọ Vinh và Phú Thịnh thành xã Phú Thọ; Sáp nhập hai xã Nhân La và Vũ Xá thành xã Diên Hồng. Sau sáp nhập huyện Kim Động có 01 thị trấn và 14 xã.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Lương Bằng và các xã Phạm Ngũ Lão, Chính Nghĩa, Diên Hồng thành xã mới có tên gọi là xã Lương Bằng và tồn tại cho đến ngày nay.

5.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

5.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Lương Bằng nằm ở phía Bắc tỉnh Hưng Yên, cách phường Phố Hiến (trung tâm hành chính tỉnh) khoảng 11 km về phía Bắc, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 50 km về phía Đông Nam. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Hồng Quang;
- Phía Tây giáp Hiệp Cường;
- Phía Nam giáp xã Hiệp Cường và xã Hoàng Hoa Thám;
- Phía Bắc giáp xã Nghĩa Dân và xã Nguyễn Trãi.

5.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Lương Bằng có 29,09 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 11,11 km^2 và đất nông nghiệp là 17,98 km^2.

5.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

5.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Lương Bằng có quy mô dân số là 39.678 người, trong đó dân số thường trú là 38.710 người và dân số tạm trú là 968 người.

5.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Lương Bằng là 27.981 người, trong đó: lao động công nghiệp và xây dựng là 15.991 người, chiếm tỷ lệ 57,15%; lao động thương mại - dịch vụ là 8.403 người, chiếm tỷ lệ 30,03%; lao động nông - lâm - thủy sản là 3.587 người, chiếm tỷ lệ 12,82%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 24.394 người, chiếm tỷ lệ 87,18%.

5.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Dân cư xã Lương Bằng phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực thị trấn Lương Bằng và trung tâm các xã cũ, kết nối với nhau bởi tuyến giao thông đối ngoại, đối nội đi qua địa bàn, tạo thành chuỗi dân cư liên kết liền mạch, bổ trợ cho nhau với mật độ dân số ở mức thấp đến trung bình (1.364 người/km^2).

Nhìn chung, xu hướng phát triển dân cư trên địa bàn xã Lương Bằng đang diễn ra mạnh mẽ dọc theo các trục giao thông đối ngoại, giao thông liên vùng và xung quanh khu vực trung tâm xã. Sự chuyển dịch này đang trực tiếp thúc đẩy quá trình hình thành các điểm dân cư đô thị hóa tập trung, tạo tiền đề vững chắc về mặt không gian để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn thành lập phường trực thuộc tỉnh trong giai đoạn tới.

5.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn xã đạt 6.384.647 triệu đồng, tăng 10,07% so với năm 2024. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản đạt 320.847 triệu đồng, tăng 0,8%; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 4.568.800 triệu đồng, tăng 10,27%; giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 1.495.000 triệu đồng, tăng 11,67%. Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, thủy sản; trong đó năm 2025: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 71,56%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 23,42% và ngành nông nghiệp, thủy sản chiếm 5,02% trong cơ cấu kinh tế của xã.

5.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã

năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 716,71 tỷ đồng, trong đó: thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 253,13 tỷ đồng; thu chuyển giao ngân sách đạt 363,97 tỷ đồng; thu chuyển nguồn đạt 18,66 tỷ đồng; thu kết dư ngân sách năm trước đạt 70,86 tỷ đồng và thu các khoản huy động, đóng góp đạt 10,10 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách trên địa bàn xã trong những năm qua luôn bám sát các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và luôn duy trì trạng thái cân đối thu - chi lành mạnh. Năm 2025, tổng chi ngân sách xã đạt 563,78 tỷ đồng, trong đó: chi thường xuyên đạt 227,31 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển đạt 244,54. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

5.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Lương Bằng tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,9 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 73,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,8 triệu đồng/người/năm.

5.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Lương Bằng là 0,44%, trong đó: năm 2023 là 0,75%, năm 2024 là 0,36%, năm 2025 là 0,08% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

5.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo Kế hoạch. Năm 2025, tổng diện tích trồng lúa đạt 2.041,77ha (giảm 10,26% so với năm 2024); năng suất lúa bình quân cả năm đạt 60,88 tạ/ha (tăng 7,74% so với năm 2024). Diện tích trồng cây vụ Đông 2024 - 2025 được 173,27 ha. Diện tích trồng cây màu xuân hè 128,12 ha. Diện tích trồng cây màu hè thu 89,96 ha. Diện tích trồng cây ăn quả 265 ha. Tổng đàn gia súc 6.206 con; đàn gia cầm 255.600 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.631 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn xã đạt 53,7 ha. Sản lượng thủy sản đạt 441 tấn. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai đồng bộ, kịp thời, đảm bảo, không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm. Tổ chức 01 đợt phun tiêu độc khử trùng và triển khai công tác tiêm phòng đảm bảo kế hoạch đề ra. Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt 320.847 triệu đồng, tăng 0,8% so với năm 2024.

Xây dựng 100% mạng lưới cấp nước sạch trên địa bàn xã. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch qua máy lọc nước và đấu nối từ các nhà máy nước tập trung đạt

100%, trong đó tỷ lệ hộ dân đấu nối sử dụng nước sạch từ các nhà máy cấp nước tập trung là 97%.

b) Công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2025 đạt 4.568.800 triệu đồng, tăng 10,27% so với năm 2024.

Hiện trên địa bàn xã có trên 50 doanh nghiệp và trên 287 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thu hút khoảng 13500 lao động. Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân đã cơ bản hoàn thành thi công hạ tầng kỹ thuật, đã tiếp nhận và có 44 nhà đầu tư thứ cấp đăng ký với diện tích khoảng 38,05 ha (tương đương tỷ lệ lấp đầy 67,47%). Các Cụm công nghiệp Kim Động, Đặng Lễ, Chính Nghĩa đã hoàn thiện san lấp đất các vị trí được UBND tỉnh giao đất và đang trong quá trình hoàn thành thi công hạ tầng kỹ thuật, đã tiếp nhận và thu hút 43 nhà đầu tư thứ cấp trong và ngoài nước đăng ký với diện tích 160,05 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Có 02 Khu công nghiệp đang tổ chức lập Quy hoạch xây dựng phân khu tỷ lệ 1/2000 (KCN Kim Động - Ân Thi và KCN Tiên Lữ - Kim Động - Ân Thi).

Hiện trên địa bàn xã có 15 doanh nghiệp và 30 tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thu hút khoảng 700 lao động. Nhiều công trình, dự án được triển khai đầu tư xây dựng, tập trung vào các lĩnh vực giao thông, giáo dục, văn hóa và hạ tầng kỹ thuật, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quy hoạch, quản lý xây dựng được quan tâm thực hiện, một số dự án đã được chấp thuận quy hoạch theo quy định. Công tác giải ngân vốn đầu tư công được tập trung chỉ đạo quyết liệt, đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra và hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân trong năm 2025. Trên địa bàn xã đã và đang triển khai đầu tư xây dựng 84 công trình với tổng mức đầu tư 633 tỷ đồng, trong đó: Công trình giao thông tổng mức đầu tư 245,2 tỷ đồng; công trình Giáo dục tổng mức đầu tư 199,5 tỷ đồng; công trình văn hóa tổng mức đầu tư 16,9 tỷ đồng; công trình xây dựng khác tổng mức đầu tư 171 tỷ đồng.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, cân đối cung cầu hàng hóa được đảm bảo. Hoạt động thương mại phát triển đa dạng; hoạt động vận tải phát triển ổn định. Trên địa bàn xã có 03 chợ truyền thống; 05 siêu thị mini, 856 cửa hàng kinh doanh, các cơ sở bán lẻ rộng khắp tại các khu trung tâm xã và thôn, xóm, tạo thuận lợi cho hoạt động trao đổi hàng hóa và tiêu dùng; trong năm đã tiếp nhận và cấp 01 giấy phép đăng ký bán lẻ thuốc lá đảm bảo theo quy định. Tiếp nhận và giải quyết 119 hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Tổ chức thành công Hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp, doanh nhân đang hoạt động và đầu tư trên địa bàn xã nhân dịp kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam. Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 1.495.000 triệu đồng tăng 11,67%.

Giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu được kiểm soát tốt; các hoạt động phòng chống gian lận thương mại được tăng cường tạo môi trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh.

5.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.6.1. Giáo dục - đào tạo

Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và triển khai các nhiệm vụ năm học 2025 - 2026; 100% học sinh ra lớp đúng độ tuổi; duy trì kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; đẩy mạnh phong trào thi đua "Dạy tốt - học tốt - quản lý tốt"; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông gắn với các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành giáo dục; tổ chức tốt các hoạt động chào mừng nhân dịp kỷ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; tham dự các Hội thi các cấp đạt kết quả cao. Trong năm trường Tiểu học và THCS Phạm Ngũ Lão được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

5.6.2. Y tế

Thực hiện hiệu quả công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Tổng số lượt khám chữa bệnh tại các trạm y tế là 1.470 lượt. Sơ cấp cứu ban đầu là 2.047 lượt. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giám sát, phòng chống và xử lý các loại dịch bệnh theo quy định (cúm, sốt xuất huyết, tay chân miệng và các bệnh truyền nhiễm khác), chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 95%.

Tổ chức tiêm chủng mở rộng đảm bảo an toàn, đúng quy định; đăng ký khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2026 đối với 02 trạm Y tế; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt dịp Tết trung thu năm 2025 tại 10 cơ sở trong đó 08 cửa hàng tạp hóa 02 cơ kinh doanh dịch vụ ăn uống. Qua công tác kiểm tra đã yêu cầu các cơ sở thực hiện nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm.

5.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác thông tin tuyên truyền được quan tâm chú trọng. Kịp thời tuyên truyền các ngày lễ lớn của Đất nước, của tỉnh và của xã. Toàn xã đã thiết kế, lắp đặt 03 giàn tranh cổ động khổ lớn với tổng diện tích 180 m^2; in ấn, căng treo hơn 900 pano, băngzon, khẩu hiệu; treo và cắm trên 2500 cờ Đảng, cờ Tổ quốc và cờ Hồng kỳ. Tiếp tục bám sát định hướng, kịp thời tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã, đã phát sóng hơn 240 chương trình phát thanh với tổng số gần 1400 tin, bài, chuyên mục, rà soát, khắc phục sửa chữa hệ thống loa truyền thanh 8 thôn trên địa bàn. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền, trên địa bàn xã năm 2025 đã thực hiện tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích cấp tỉnh và

cấp quốc gia như sau: đình Động Xá, đình Giang, đình Mát và đình Tiên Quán đang tiến hành tu sửa. Di tích đền Bà Chúa Mụa đã trình và được Sở Văn hoá thể thao và du lịch trình Cục Di sản văn hóa để hỗ trợ kinh phí tu sửa cấp thiết.

Phong trào "Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại" tiếp tục được đẩy mạnh. Tổ chức Giải Bóng bàn các nhóm tuổi kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc Khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Rà soát trên địa bàn xã có 01 Câu lạc bộ Văn nghệ liên thế hệ và hơn 30 tổ, đội văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tại các thôn trên địa bàn xã nhằm có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển, bồi đắp văn hóa tinh thần, phát huy các giá trị truyền thống, rèn luyện sức khỏe tạo ra môi trường sống lành mạnh cho người dân. Tham gia các giải thi đấu thể thao do tỉnh tổ chức đạt được 14 huy chương các loại (01 HCV, 06 HCB, 07 HCĐ). Tỷ lệ làng Văn hoá đạt 100%; Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 96,1%.

5.6.4. An sinh xã hội

Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai đầy đủ các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn"; Chủ trì, phối hợp với các xã của huyện Kim Động cũ tổ chức trọng thể Lễ tri ân các anh hùng liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng tại Đền thờ các anh hùng liệt sĩ Kim Động. Thăm hỏi, tặng quà các đối tượng Nhân dịp 27/7 trên địa bàn xã Lương Bằng với 324 suất quà của các cá nhân, doanh nghiệp với số tiền 432.800.000 đồng; Tặng quà cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn từ Quỹ vì người nghèo xã với số tiền trên 74 triệu đồng; Bảo trợ 17 trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 102 triệu đồng. Thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ theo Nghị định số 78, Nghị định số 67, Nghị định số 154 và Nghị quyết số 07 đảm bảo quy định. Tổ chức các đoàn thăm, tặng quà các cháu Thiếu nhi nhân dịp Tết thiếu nhi, hỗ trợ các thôn tổ chức Tết Trung thu với tổng kinh phí 100 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 còn 0,08% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội đạt 64,5%. Tổ chức chi trả quà Tết độc lập cho toàn thể nhân dân với số tiền trên 3,8 tỷ đồng.

5.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra bình thường tại các cơ sở thờ tự trên địa bàn; các lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện đúng Hiến chương, Nội quy của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện đúng nội dung, chương trình đăng ký hàng năm và đúng với quy định của pháp luật; chấp hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ và Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

5.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị được giữ vững ổn định; trật tự an toàn xã

hội, an toàn giao thông được bảo đảm; duy trì quân số trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an ninh, an toàn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, dịp lễ, Tết, các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn xã, tỉnh, kịp thời xử lý tốt mọi tình huống có thể xảy ra, không để bị động bất ngờ. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm vi phạm pháp luật, tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; không để hình thành các tụ điểm gây bức xúc trong nhân dân; tổ chức Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Công an Nhân dân; tổng kết nhiệm kỳ đại hội của Công an các xã; triển khai mô hình tổ chức bộ máy Công an địa phương 2 cấp; mô hình Công an địa phương theo địa giới hành chính mới. Ban hành Kế hoạch xây dựng xã Lương Bằng không ma túy giai đoạn 2025 - 2030 và cao điểm thực hiện mục tiêu xã, phường không ma túy năm 2025, giải quyết triệt để tình trạng sót lọt người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn (tổ chức ký cam kết đối với 19/19 thôn, 15 doanh nghiệp, 07 cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trong thực hiện xây dựng xã Lương Bằng không ma túy năm 2025). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, quản lý lưu trú; ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; phòng chống cháy, nổ. Xây dựng Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự các hoạt động, Lễ kỷ niệm trọng đại của đất nước, địa phương.

5.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

5.8.1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân

Vai trò, chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được nâng lên, nhất là việc ban hành và giám sát thực hiện các nghị quyết. Tổ chức các kỳ họp HĐND xã đảm bảo nội dung, chương trình, kế hoạch hàng năm đề ra; các kỳ họp chuyên đề được tổ chức kịp thời quyết định các nhiệm vụ chính trị phát sinh. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, đôn đốc giải quyết kịp thời các kiến nghị cử tri. Thường trực HĐND thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động với UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam cùng cấp.

5.8.2. Xây dựng chính quyền địa phương

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Lương Bằng đã tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn theo quy định. Hiện xã Lương bằng tổ chức 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND xã, phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội) và 01 tổ chức hành chính (Trung tâm Phục vụ hành chính công) thuộc UBND xã; 14 đơn vị sự nghiệp hưởng ngân sách nhà nước (12 trường học, 01 trạm Y tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp); 01 đơn vị sự nghiệp đảm bảo chi thường xuyên (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã). Các phòng chuyên môn và tổ chức hành chính được thành lập và đi vào hoạt động ổn định, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Đến nay, các đơn vị cơ bản được giữ ổn định về tổ chức, đồng thời từng bước được rà soát, sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; chức năng, nhiệm vụ được điều chỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Nhìn chung, hoạt động của các cơ quan, đơn vị được duy trì ổn định, đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công thiết yếu trên địa bàn.

Căn cứ Nghị định số 300/2025/NĐ-CP của Chính phủ (Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về Phân loại đơn vị hành chính), xã Lương Bằng đã thực hiện kiện toàn lãnh đạo UBND xã bảo đảm đúng khung số lượng, cơ cấu theo quy định. Hiện nay, UBND xã bố trí 02 Phó Chủ tịch UBND xã (trong khung quy định), các Ủy viên UBND xã được cơ cấu hợp lý theo lĩnh vực, gồm đại diện các cơ quan chuyên môn và lực lượng liên quan, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn.

Việc phân công nhiệm vụ giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND được thực hiện rõ ràng, cụ thể, gắn với trách nhiệm cá nhân, bảo đảm không chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ.

Tổng số biên chế cán bộ, công chức làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập tại thời điểm ngày 01/7/2025 là 56 người; đến ngày 01/9/2025 còn 51 người (giảm 04 người nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2025/NĐ-CP). Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 xã có 01 công chức được điều động, biệt phái đến làm việc tại Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ xã; điều động 02 công chức khối Đảng sang Trung tâm phục vụ HCC; biệt phái 01 Phó Trưởng phòng Văn hoá xã hội sang Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã; tiếp nhận 02 viên chức Trung tâm khuyến nông tỉnh về Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã; tiếp nhận 11 viên chức từ Trung tâm Y tế Kim Động về trạm y tế xã,...

5.8.3. Công tác xây dựng Đảng

Ban Thường vụ Đảng ủy đã quán triệt, triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo các Đề án, Kế hoạch của tỉnh đảm bảo yêu cầu đề ra.

- Đã thành lập mới 04 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc và 18 chi bộ trực thuộc 03 Đảng bộ cơ sở; thành lập và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo chủ chốt các đơn vị Cơ quan Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ, Ban Xây dựng Đảng xã, Văn phòng Đảng uỷ xã, Cơ quan Uỷ ban MTTQ Việt Nam xã, Trung tâm Chính trị xã. Kịp thời cho ý kiến để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động thông suốt, không bị gián đoạn.

- Kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ xã gồm 26 đồng chí; Ban Thường vụ Đảng ủy xã gồm 9 đồng chí; Thường trực Đảng ủy gồm 03 đồng chí theo đúng Quyết định số 1699-QĐ/TU ngày 19/6/2025 của BTV Tỉnh ủy; tiếp tục bổ sung 02 đồng chí Uỷ viên Ban chấp hành Đảng bộ, 01 đồng chí Uỷ viên Ban Thường

vụ Đảng uỷ theo Quyết định số 123-QĐ/TU ngày 01/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Đến thời điểm hiện tại, Đảng bộ xã Lương Bằng khoá I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 có 28 đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành, trong đó 11 đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ xã.

- Đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thực hiện nghiêm việc tiếp tục sắp xếp, bố trí lại đội ngũ công chức cấp xã trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao để phù hợp với từng vị trí việc làm của cán bộ theo đúng tinh thần tại các văn bản của tỉnh. Đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 16 cán bộ, công chức, viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 08 viên chức là lãnh đạo đơn vị sự nghiệp và tiếp nhận từ nơi khác thêm 02 viên chức. Đã thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và số 67/2025-NĐ-CP đối với 08 cán bộ, công chức viên chức; thực hiện chế độ chính sách đối với 39 người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và có phương án sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách có nguyện vọng tiếp tục công tác. Đến nay, việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức đã cơ bản đảm bảo về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng các tiêu chí theo vị trí việc làm; Chất lượng công việc hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả; giải quyết các thủ tục hành chính cơ bản thông suốt, đáp ứng được sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ từng bước được nâng lên; việc kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, chức danh chủ chốt phục vụ Đại hội MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xã, cán bộ được điều động, bổ nhiệm và quần chúng kết nạp đảng viên được thực hiện thận trọng, chặt chẽ, đúng quy trình; công tác quản lý đảng viên liên quan đến yếu tố nước ngoài được thực hiện theo đúng quy định. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch và phòng, chống "diễn biến hòa bình"; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Triển khai Kế hoạch số 18-KH/ĐU ngày 16/9/2025 về bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ 6 tháng cuối năm 2025 để thực hiện các nhiệm vụ công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, phối hợp với Đảng ủy các xã Đức Hợp, Hiệp Cường và Nghĩa Dân tổ chức thành công Lễ ký kết quy chế phối hợp về công tác đào tạo, bồi dưỡng. Chỉ đạo rà soát, tổng hợp danh sách đăng ký nhu cầu xét tuyển Trung cấp lý luận chính trị năm 2026 gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo quy định. Trung tâm Chính trị xã đã tổ chức 15 lớp bồi dưỡng cho 1142 lượt học viên là cán bộ làm công tác mặt trận, cựu chiến binh, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra giám sát ở cơ

sở và quần chúng ưu tú để xét kết nạp đảng các xã Lương Bằng, Hiệp Cường, Đức Hợp và Nghĩa Dân. Tiếp tục phối hợp tốt với Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh quản lý Lớp trung cấp LLCT hệ không tập trung KA-28 (2024 - 2026) với 68 học viên.

6. Xã Nguyễn Văn Linh

6.1. Lịch sử hình thành

Ngày 25/02/1890, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập đạo Bãi Sậy, gồm 04 huyện: Yên Mỹ, Mỹ Hào, Cẩm Lương và Văn Lâm. Ngày 27/01/1968, Quốc hội ban hành Nghị quyết hợp nhất tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng, huyện Yên Mỹ thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Trong đó, hợp nhất huyện Văn Giang và huyện Yên Mỹ thành huyện Văn Yên. Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Trong đó, hợp nhất huyện Văn Mỹ và huyện Văn Yên thành huyện Mỹ Văn. Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Mỹ Văn thành 3 huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ và điều chỉnh 05 xã: Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa và Hoàn Long thuộc huyện Châu Giang cũ và 04 xã: Giai Phạm, Nghĩa Hiệp, Liêu Xá, Ngọc Long thuộc huyện Mỹ Văn về huyện Yên Mỹ quản lý. Huyện Yên Mỹ lập mới với 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm: Giai Phạm, Đồng Than, Ngọc Long, Thanh Long, Nghĩa Hiệp, Liêu Xá, Tân Lập, Trung Hưng, Lý Thường Kiệt, Tân Việt, Trung Hòa, Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa, Hoàn Long và Thị trấn Yên Mỹ.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thành lập xã Nguyễn Văn Linh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,21 km^2, quy mô dân số là 8.927 người của xã Nghĩa Hiệp và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,08 km^2, quy mô dân số là 8.631 người của xã Giai Phạm. Lúc bấy giờ, khu vực xã Nguyễn Văn Linh ngày nay bao gồm khu vực các xã Ngọc Long, Liêu Xá và Nguyễn Văn Linh thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Ngọc Long, Liêu Xá và Nguyễn Văn Linh thành xã mới có tên gọi là xã Nguyễn Văn Linh và tồn tại cho đến ngày nay.

6.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Nguyễn Văn Linh nằm ở phía Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Đường Hào;

- Phía Tây giáp xã Nghĩa Trụ và xã Hoàn Long;

- Phía Nam giáp xã Việt Yên và xã Yên Mỹ;

- Phía Bắc giáp phường Mỹ Hào và xã Như Quỳnh.

6.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nguyễn Văn Linh có 20,89 km^2 diện tích tự nhiên.

6.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

6.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Nguyễn Văn Linh có quy mô dân số là 50.565 người, trong đó dân số thường trú là 33.974 người và dân số tạm trú là 16.591 người.

6.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nguyễn Văn Linh là 37.721 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 1.256 người, chiếm tỷ lệ 3,33%; lao động công nghiệp và xây dựng là 25.103 người, chiếm tỷ lệ 66,55%; lao động thương mại - dịch vụ là 11.362 người, chiếm tỷ lệ 31,12%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 36.465 người, chiếm tỷ lệ 96,67%.

6.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Nguyễn Văn Linh chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 39A, ĐT376 và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

6.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

6.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Nguyễn Văn Linh năm 2025 theo giá hiện hành đạt 16.091,00 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 11.323,00 tỷ đồng, tăng 12,76%; thương mại - dịch vụ đạt 4.768,00 tỷ đồng, tăng 6,27%, nông - lâm - thủy sản đạt 178,9 tỷ đồng, giảm 2,30% so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương

mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 29,31%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 69,59% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 1,10% trong cơ cấu kinh tế của xã.

6.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nguyễn Văn Linh năm 2025 đạt 669,977 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 470,651 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 195.949 tỷ đồng), cân đối có dư.

6.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 72,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,2 triệu đồng/người/năm.

6.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nguyễn Văn Linh là 0,39%, trong đó: năm 2023 là 0,61%, năm 2024 là 0,44%, năm 2025 là 0,04% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

6.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025, xã tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2025, gieo cấy đúng khung thời vụ. Năm 2025, tổng diện tích đất nông nghiệp 618,23 ha. Diện tích cấy lúa có khoảng 257,68 ha, diện tích còn lại chuyển đổi trồng cây ăn quả tập trung ở các thôn: Dịch Trì, Liêu Trung, Tử Cầu, Yên Thổ. Diện tích trồng cây vụ đông là 40 ha, trong đó tập trung trồng rau màu các loại như: ngô, khoai, đậu tương, su hào, bắp cải, súp lơ, hành,...

Ngành chăn nuôi duy trì ổn định. Tổng đàn vật nuôi gia súc, gia cầm: trâu, bò đạt 158 con; lợn 822 con; gia cầm 40.370 con. Xã đã chỉ đạo các phòng ban, đơn vị hướng dẫn các thôn chủ động triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học cho đàn vật nuôi để tái đàn và tăng đàn. Công tác kiểm soát, giám sát dịch bệnh, chôn xử lý và khử khuẩn môi trường, đặc biệt là khu vực có dịch tả lợn Châu Phi được chặt chẽ; công tác tiêm phòng vắc xin được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 12,18 ha.

Công tác thủy lợi nội đồng, phòng chống thiên tai được triển khai nghiêm túc, bảo đảm an toàn và đúng quy định. Công tác thủy lợi tưới, tiêu, phòng, chống lụt bão được quan tâm, không có thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp. Tổng khối lượng thực hiện nạo vét năm 2025 đạt 3.945 m^3; ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống bão úng và tìm kiếm cứu nạn đặc biệt là cơn bão số 3; phối hợp với Công ty khai thác công trình thủy lợi Yên Mỹ thực hiện tu bổ các tuyến kênh mương và vớt rau bèo trên các tuyến kênh mương, đảm bảo thông thoáng khi có mưa lớn tránh lụt, úng cục bộ.

b) Công nghiệp - xây dựng

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thời gian qua đã tổ chức phối hợp với các ngành chức năng hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo về công nghệ thông tin, đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại với mục tiêu 100% doanh nghiệp mới thành lập được phổ biến về chuyển đổi số, trong đó hơn 50% số doanh nghiệp sử dụng nền tảng số. Các chương trình xúc tiến thương mại, giao thương kết nối trong và ngoài nước được đẩy mạnh, giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường. Các chương trình đào tạo kỹ năng và công nghệ thông tin được tổ chức để nâng cao chất lượng lao động, giúp doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị. Các khóa đào tạo về quản lý, kỹ năng kinh doanh và đổi mới sáng tạo được tổ chức nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa.

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 11.323,00 tỷ đồng, tăng 12,76% so với cùng kỳ năm 2024. Các khu công nghiệp đẩy mạnh vốn đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh; xã kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt và khó khăn, vướng mắc trong thu hút đầu tư để giải phóng, khơi thông các nguồn lực, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn xã. Đặc biệt là Khu Công nghiệp Thăng Long II và Khu Công nghiệp dệt may Phố Nối B đã tạo nhiều việc làm cho lao động tại địa phương, mặt khác các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: xây dựng, nghề mộc, hàn xì, cơ khí, đóng thùng bệ ô tô,... ngày càng phát triển.

Ngay sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo thống kê rà soát các công trình dự án trên địa bàn xã do huyện và các xã (cũ) làm chủ đầu tư, qua đó kết quả tiếp nhận 45 công trình, dự án do huyện Yên Mỹ (cũ) chuyển về; các công trình dự án kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 của xã là 152 công trình, dự án.

Công tác quản lý xây dựng được chỉ đạo quyết liệt; công trình xóa nhà tạm, nhà ở dột nát cho các hộ chính sách, hộ nghèo trên địa bàn xã được đẩy nhanh hoàn thiện sớm hơn so với kế hoạch; các dự án, các công trình công cộng, nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã, Công an, Quân sự, các Trạm y tế, các trường học trên địa bàn xã được đẩy nhanh tiến độ. Tăng cường công tác

quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và quản lý trật tự xây dựng. Chỉ đạo tập trung giải ngân vốn đầu tư công. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo rà soát, đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026; thực hiện nghiêm túc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện chương trình đầu tư xây dựng cơ bản nhất là các công trình giao thông của xã được quan tâm, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội chung trên địa bàn, như: cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá (đoạn từ công ty An Phú đến đường ĐT.380); cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Giai Phạm (tuyến từ Cầu Giai Phạm đi khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và ra ĐT.381); cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã (đoạn từ đầu đường ĐH34 đến nhà ông Trường qua trạm y tế xã); cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Yên Phú (đoạn từ Ao Giếng đến Đình Trà) xã Giai Phạm (cũ).

c) Thương mại - dịch vụ

Cùng với phát triển hạ tầng, xã chủ trương mở rộng quy mô và đa dạng hóa các loại hình thương mại - dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Các loại hình như trung tâm thương mại, khách sạn, siêu thị, khu vui chơi giải trí, dịch vụ ngân hàng, viễn thông, vận tải hàng hóa và hành khách sẽ được ưu tiên phát triển nhằm hình thành diện mạo đô thị hiện đại. Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã năm 2025 đạt 4.768 tỷ đồng (đạt 95,69% kế hoạch), tăng 6,27% so với cùng kỳ năm 2024. Hiện nay, trên địa bàn xã có khoảng 2.705 hộ kinh doanh các loại hình dịch vụ chủ yếu là phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh và cho thuê nhà trọ đáp ứng nhu cầu đời sống của nhân dân.

6.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

6.6.1. Giáo dục - đào tạo

Sau sáp nhập, trên địa bàn xã có 12 cơ sở giáo dục phổ thông và mầm non, gồm: 06 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 02 trường liên cấp Tiểu học - THCS; ngoài ra còn có 01 trường đại học, 01 trường cao đẳng và 01 Trung tâm GDNN - GDTX. Hiện có 10/10 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%; trong đó 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được nâng cao; phong trào khuyến học, khuyến tài được duy trì hiệu quả, tiêu biểu là mô hình "Tiếng kẻng khuyến học xã Nguyễn Văn Linh" vào 19 giờ 30 phút hằng ngày. Đối với bậc mầm non, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 44,5%, mẫu giáo đạt 99,5%; tỷ lệ trẻ ăn bán trú đạt 98,5%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi và nhẹ cân duy trì dưới 1,5%, chất lượng giáo dục thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Yên Mỹ (cũ). Đối với

bậc tiểu học, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,5%, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,8%. Đối với bậc THCS, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2024 - 2025 đạt bình quân 72,3%, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Yên Mỹ cũ; tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%.

Năm học 2024 - 2025 có 01 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 31 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 159 học sinh giỏi cấp huyện; Đội tuyển Trường THCS Nguyễn Văn Linh tham gia Gameshow "Thắp sáng tài năng Xứ Nhãn" năm 2024 và vào vòng bán kết. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; toàn xã hiện có 158 phòng học, 40 phòng chức năng và thư viện, bảo đảm điều kiện phục vụ giảng dạy và học tập; chất lượng đội ngũ giáo viên tiếp tục được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

6.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Nguyễn Văn Linh đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Trạm Y tế trên địa bàn duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo đảm phục vụ kịp thời, an toàn. Trong năm 2025, tổng số lượt tiếp nhận và khám bệnh đạt 7.783 lượt người. Công tác y tế dự phòng, tiêm chủng mở rộng được triển khai hiệu quả với 1.586 trẻ được khám sàng lọc và tiêm chủng; trong đó tiêm phòng lao cho 171 trẻ, tiêm SII cho 541 trẻ, tiêm phòng sởi cho 282 trẻ, tiêm sởi - rubella cho 169 trẻ, tiêm viêm não Nhật Bản B cho 404 trẻ, tiêm bạch hầu - ho gà - uốn ván cho 171 trẻ, tiêm IPV phòng bại liệt cho 325 trẻ, nhỏ OPV phòng bại liệt cho 345 trẻ và thực hiện tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ mang thai. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tiếp tục được quan tâm; thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện tốt chính sách dân số và theo dõi chặt chẽ tình hình sinh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Năm 2025, tổng số trẻ sinh là 252 trẻ, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 0,33%; tỷ số giới tính khi sinh trung bình đạt 132 nam/100 nữ.

6.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thông tin, thể thao tiếp tục được quan tâm triển khai hiệu quả. Xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị và các thôn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, sự kiện

chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh và địa phương; đồng thời triển khai thực hiện hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" năm 2025. Dự kiến công nhận danh hiệu "Làng văn hóa" cho 15/15 làng, đạt tỷ lệ 100%; công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa" cho 9.372/9.810 hộ gia đình, đạt tỷ lệ 95,5%.

Công tác quản lý di tích, tín ngưỡng, tôn giáo và tổ chức lễ hội được tăng cường. Xã đã rà soát, đánh giá hiện trạng các thiết chế văn hóa, thể thao, di tích, cơ sở dịch vụ văn hóa và lưu trú sau sáp nhập để phục vụ công tác quản lý, khai thác hiệu quả. Hiện trên địa bàn có 48 di tích, trong đó có 07 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 05 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Các hiện vật, di tích được bảo đảm an toàn; hoạt động lễ hội, tín ngưỡng được tổ chức đúng quy định. Trong năm, các khu di tích trên địa bàn đã đón tiếp hơn 100 đoàn khách với trên 1.800 lượt khách đến dâng hương, tham quan và dự lễ hội truyền thống.

Hoạt động thông tin, tuyên truyền được duy trì thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng. Đài truyền thanh xã nâng cao chất lượng tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, băng rôn, khẩu hiệu trực quan và nền tảng mạng xã hội; tập trung tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là về cải cách hành chính, chuyển đổi số, giáo dục, quản lý đất đai, hành lang giao thông, thủy lợi. Trong năm đã sản xuất 115 chương trình phát thanh, hơn 800 tin, bài, tài liệu, 230 chuyên mục với gần 2.400 lượt phát sóng; vận hành hệ thống phát thanh số với tổng thời lượng 986 giờ.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển rộng khắp; xã tham gia các giải thể thao cấp trên đạt 15 huy chương các loại; tổ chức Giải cầu lông cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lần thứ I năm 2025; tham gia "Liên hoan hát chèo, ca trù, trống quân" do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức và đạt Giải Ba toàn đoàn. Đồng thời, xã đã tổ chức và phối hợp tổ chức gần 100 hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong các dịp lễ, tết và lễ hội truyền thống.

6.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội, chăm lo người có công và bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời. Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân xã đã tiếp nhận, thụ lý và giải quyết 869 hồ sơ trợ cấp xã hội; cập nhật đầy đủ dữ liệu cho 1.348 đối tượng bảo trợ xã hội trên phần mềm quản lý MISPOSASOFT; giải quyết 52 hồ sơ hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội và 06 hồ sơ trợ cấp hỏa táng cho hộ cận nghèo theo quy định.

Sau sáp nhập, trên địa bàn xã hiện có 349 liệt sĩ, 39 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 79 thương binh, 50 bệnh binh, 50 người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và 10 người hoạt động cách mạng hoặc kháng chiến bị địch bắt, tù đày. Các chế độ, chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời; xã đã chi trả chế độ thờ cúng liệt sĩ cho 318 trường hợp, giải quyết 15

hồ sơ mai táng phí người có công và hoàn thiện 10 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét. Chiến dịch "An sinh xã hội không dùng tiền mặt" theo Đề án 06 được triển khai hiệu quả, đến nay đã thực hiện chi trả qua tài khoản cho 341/342 đối tượng, đạt tỷ lệ 99,7%, với tổng số tiền trên 1,055 tỷ đồng.

Công tác giảm nghèo và hỗ trợ phát triển kinh tế tiếp tục được chú trọng. Thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát theo chủ trương của Trung ương và của tỉnh, toàn xã có 14 hộ được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở; đến nay 14/14 hộ đã hoàn thành, với tổng kinh phí hỗ trợ 1,625 tỷ đồng. Đồng thời, xã duy trì hiệu quả phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội trong hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế; tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 111,1 tỷ đồng với 2.915 hộ vay và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Công tác bảo hiểm y tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả; xã phối hợp thực hiện tốt việc rà soát, cập nhật dữ liệu các đối tượng được Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, tiếp nhận và giải quyết 69 hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, đồng thời rà soát, báo giảm 43 trường hợp bảo trợ xã hội đã qua đời. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,6%.

6.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

6.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng - quân sự địa phương được triển khai toàn diện, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu trong các dịp lễ, tết và các sự kiện quan trọng. Công tác tuyển quân được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm chất lượng; đầu năm 2025 đã bàn giao 58/58 thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu giao. Đồng thời, tổ chức tốt công tác rà soát, phúc tra nguồn động viên, nguồn tuyển quân; tổ chức gặp mặt, tặng quà cho tân binh với tổng trị giá 29 triệu đồng và khen thưởng 12 thanh niên viết đơn tình nguyện nhập ngũ nhằm kịp thời động viên tinh thần thanh niên và gia đình. Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu được thực hiện đúng quy định với 302/302 thanh niên tham gia, đạt 100% kế hoạch.

Xã đã chủ động triển khai các bước phục vụ công tác tuyển quân năm 2026; kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành

viên, tổ chức rà soát nguồn và sơ tuyển nghĩa vụ quân sự theo kế hoạch. Ban Chỉ huy Quân sự xã duy trì xây dựng lực lượng dân quân bảo đảm chỉ tiêu, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, giáo án, mô hình học cụ phục vụ huấn luyện; huy động quân số tham gia luyện tập, phục vụ lễ ra quân huấn luyện năm 2025 theo kế hoạch cấp trên. Công tác hậu cần, kỹ thuật, quản lý và bảo quản vũ khí trang bị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; việc bàn giao, tiếp nhận nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương, văn kiện, sổ sách và trang thiết bị được tổ chức bảo đảm an toàn, chặt chẽ.

Công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật ngày càng đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm phục vụ tốt các yêu cầu công tác và chiến đấu nên tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã được giữ vững ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đấu tranh, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, ma túy, môi trường, triệt xóa các tệ nạn xã hội đạt hiệu quả cao; Công tác phòng chống cháy, nổ được thực hiện nghiêm túc, tích cực tổ chức kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và hướng dẫn giải pháp an toàn về phòng cháy, chữa cháy ở các đơn vị trên địa bàn xã. Công tác thu thập hồ sơ hộ, cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa dữ liệu quốc gia về dân cư được duy trì thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả. Nhập thông tin và cấp đổi thẻ Đảng viên cho 1516 Đảng viên sinh hoạt tại Đảng bộ xã; triển khai cập nhật, bổ sung thông tin về phương tiện (xe mô tô, xe ô tô, xe máy điện) và đăng ký định danh mức 2 cho công dân trên địa bàn xã. Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua Cổng dịch vụ công là 4.012 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết, trả kết quả qua cổng dịch vụ công là 4.012 hồ sơ. Tích hợp định danh điện tử là 2.104 hồ sơ; xác nhận là 88 hồ sơ cư trú, bổ sung vào tàng thư hộ khẩu là 88 hồ sơ.

6.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

6.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy).

6.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Nguyễn Văn Linh nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 22 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 người, chiếm 13,64%; đại học 17 người, chiếm 77,27 %; trung cấp 01 người, chiếm 4,54%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,54%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 05 người, chiếm 22,73%; trung cấp 11 người, chiếm 50 %; sơ cấp 05 người, chiếm 22,73%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,54%.

b) Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Linh có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 13 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế và 02 đơn vị sự nghiệp khác.

6.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực, gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

6.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 490 biên chế. Trong đó gồm: 48 biên chế công chức, 442 biên chế viên chức và 32 hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 11 người, chiếm 2,5%; đại học có 390 người, chiếm 88,6%; cao đẳng, trung cấp có 38 người, chiếm 8,6%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 02 người, chiếm 0,45%; trung cấp lý luận chính trị 73 người, chiếm 16,6%; sơ cấp lý luận chính trị 171 người, chiếm 38,86%.

6.8.5. Về người hoạt động không chuyên trách

Tổng số người hoạt động không chuyên trách thôn trên địa bàn xã là 30 người; người tham gia trực tiếp công việc ở thôn là 90 người.

7. Xã Việt Tiến

7.1. Lịch sử hình thành

Thời các Vua Hùng (1289 - 258 TCN), vùng đất Khoái Châu thuộc bộ Dương Tuyền, nước Văn Lang; từ khi Triệu Đà diệt nước Âu Lạc (211TCN) đô hộ nước ta cho tới thời thuộc Đông Hán, Tống, Tề, Lương, Trần đều thuộc huyện Chu Diên, Quận Giao Chỉ; đến thời vua Đinh Tiên Hoàng (967 - 979) và Tiền Lê (979 - 1009) đổi là Châu Diên, Lê Ngoạ Triều đổi là Phủ Thái Bình. Thời nhà Lý (1010 - 1225), vùng đất thuộc huyện Khoái Châu ngày nay đổi thành huyện Đông Kết thuộc Khoái Lộ. Thời Lý Cao Tông (1176 - 1210) tách Khoái Lộ thành Châu Đằng và Châu Khoái thì Đông Kết thuộc Châu Khoái.

Đến thời Trần sau chiến thắng Nguyên - Mông lần thứ ba (1288), vua Trần ban đất Châu Khoái cho Nguyễn Khoái thì Châu Khoái đổi thành Khoái Châu, huyện Đông Kết vẫn thuộc Khoái Châu. Tới thời Lê, giữa niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) vùng đất huyện Khoái Châu ngày nay đổi là Đông Yên thuộc Sơn Nam thừa tuyên. Đời Lê Trung Hưng chia Sơn Nam thành Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ thì Khoái Châu thuộc Sơn Nam thượng. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), thành lập tỉnh Hưng Yên thì phủ Khoái Châu (trong đó có huyện Đông Yên) thuộc tỉnh Hưng Yên. Tháng 12/1890, toàn quyền Piquet ký Nghị định thành lập Bãi Sậy có 4 huyện mới, đã cắt huyện Đông Yên 3 tổng là Khóa Nhu, Tư Dương, Yên Phú để cùng với các tổng khác cắt từ Văn Giang (Bắc Ninh), Đường Hào (Hải Dương), Ân Thi (Hưng Yên) để thành lập huyện Khoái Châu. Phủ Khoái Châu có 10 tổng, 76 xã.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó phủ Khoái Châu gọi là huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 14/4/1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 63 về bầu cử HĐND và xã; huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tiến hành họp nhất 76 xóm nhỏ thành 22 xã lớn, trong đó có khu vực xã Việt Tiến ngày nay. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu với 25 ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Văn Mỹ và 14 xã của huyện Văn Yên thành một huyện lấy tên là huyện Mỹ Văn; hợp nhất huyện Khoái Châu và 14 xã còn lại của huyện Văn Yên thành một huyện lấy tên là huyện Châu Giang. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Kim Ngưu và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và chia các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Châu Giang thành 02 huyện Khoái Châu và Văn Giang.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, khu vực xã Việt Tiến lúc bấy giờ bao gồm khu vực các xã Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến, Việt Hòa thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,65 km^2, quy mô

dân số là 12.283 người của xã Hồng Tiến vào xã Đồng Tiến. Sau khi nhập, xã Đồng Tiến có diện tích tự nhiên là 9,23 km^2 và quy mô dân số là 17.737 người. Lúc bấy giờ, khu vực xã Việt Tiến ngày nay bao gồm khu vực các xã Đồng Tiến, Dân Tiến và Việt Hòa thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đồng Tiến, Dân Tiến và Việt Hòa thành xã mới có tên gọi là xã Việt Tiến và tồn tại cho đến ngày nay.

7.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Việt Tiến nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 22 km về phía Bắc theo Quốc lộ 39A. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Xuân Trúc;
- Phía Tây giáp xã Khoái Châu;
- Phía Nam giáp xã Nghĩa Dân và xã Chí Minh;
- Phía Bắc giáp xã Triệu Việt Vương, xã Việt Yên và xã Yên Mỹ.

7.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Việt Tiến có 20,20 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 7,61 km^2, đất nông nghiệp là 12,58 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,01 km^2.

7.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

7.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Việt Tiến có quy mô dân số là 36.679 người, trong đó dân số thường trú là 34.207 người và dân số tạm trú là 2.472 người.

7.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Việt Tiến là 21.712 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2.070 người, chiếm tỷ lệ 9,53%; lao động công nghiệp và xây dựng là 4.813 người, chiếm tỷ lệ 22,17%; lao động thương mại - dịch vụ là 14.829 người, chiếm tỷ lệ 68,30%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 19.642 người, chiếm tỷ lệ 90,47%.

7.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Việt Tiến chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

7.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

7.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Việt Tiến năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.099,00 tỷ đồng, tăng 11,11% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 637,50 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 2.116,50 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 310,00 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 9,33%, trong đó: năm 2023 tăng 8,03%, năm 2024 tăng 9,45% và năm 2025 tăng 10,50%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 68,30%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,57% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 11,13% trong cơ cấu kinh tế của xã.

7.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Việt Tiến năm 2025 đạt 979,74 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 751,98 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 175,55 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 496,05 tỷ đồng. Cân đối có dư.

7.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 75,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 80,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,4 triệu đồng/người/năm.

7.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Việt Tiến là 0,68%, trong đó: năm 2023 là 0,87%, năm 2024 là 0,58%, năm 2025 là 0,50% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

7.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp năm 2025 trên địa bàn xã Việt Tiến bảo đảm kế hoạch, tiến độ, chủ động trong dự thính, dự báo, phòng trừ, dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, tiêm phòng vụ xuân cho đàn gia súc, gia cầm triển khai thực hiện có hiệu quả, triển khai các công văn, kế hoạch chỉ đạo về phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi như bệnh dịch tả lợn Châu Phi, thống kê số lượng vật nuôi trên địa bàn xã. Hiện nay tổng đàn trâu, bò của xã có 277 con, tổng đàn lợn trên 6.477 con (chưa kể lợn con theo mẹ), tổng đàn gia cầm khoảng 92.280 con.

Tổng diện tích gieo trồng năm 2025 là 1.715,2 ha, trong đó lúa 1.384,8 ha (2 vụ); cây ăn quả 320,5 ha (chuối 49,3 ha, nhãn 140,7 ha, cây ăn quả khác 130,4 ha), cây rau màu 4,57 ha. Vụ xuân đã triển khai hỗ trợ giống lúa mới như Nếp Hưng Yên, Tiền Hải 1, VNR20,... thực hiện tốt chương trình trợ giá, chương trình diệt chuột hàng năm của tỉnh, năng suất lúa trung bình đạt khoảng 57 tạ/ha/vụ. Năm nay, điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây nhãn phân hóa mầm hoa nên tỷ lệ ra hoa cao đạt trên 95%, tỷ lệ đậu quả đạt khoảng trên 80%, sản lượng nhãn khoảng 1.000 tấn, giá bán trung bình khoảng 10.000 đồng/kg; chuối sản lượng khoảng 1.700 tấn.

Công tác nạo vét Đông Xuân 2024 - 2025 và đắp đê Bắc Hưng Hải được thực hiện tốt. Khối lượng nạo vét Đông Xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải thực hiện theo kế hoạch cấp trên giao. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025 đã được triển khai xây dựng các phương án, kế hoạch, kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; BCH phòng thủ dân sự để chủ động công tác cứu hộ, cứu nạn và phòng chống thiên tai. Bão số 3 (Wipha từ ngày 20 - 24/7) đã gây ngập úng và thiệt hại trên địa bàn xã làm tốc mái tôn với diện tích 200 m^2; Chuối bị gãy đổ (30 - 70%) 3,11 ha; Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ gãy: 11 cây, ước tính tổng thiệt hại do bão số 3 (Wipha) là 323 triệu đồng.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025, đến nay toàn xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 100%; có xã Đồng Tiến (cũ) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 4 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Xã có 04 HTX lĩnh vực Nông nghiệp, có 2 nhà máy nước sạch cấp nước cho các thôn, xóm tỷ lệ số hộ dân đã đấu nối đồng hồ để sử dụng nước sạch (đạt khoảng 88,9%) số hộ.

Xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đất đai; công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, tuân thủ theo các quy định của pháp luật đạt hiệu quả cao; hoạt động quản lý đất đai, môi trường được tăng cường. Công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được triển khai cơ bản đảm bảo tiến độ đề ra. Trong đó, có các dự án trọng điểm như: Dự án Cụm Công nghiệp Đông Khoái Châu; Công viên Trung tâm và Khu đô thị mới Đông Khoái Châu; dự án cải tạo, nâng cấp ĐH 57; dự án tuyến đường nối ĐH.57 với ĐT.384; dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 384B, đường Chí

Tân - Toàn Thắng; các dự án khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở do UBND xã làm chủ đầu tư,... Công tác xử lý vi phạm xây dựng các công trình trái phép theo Kế hoạch 93a; kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 23/9/2025 của UBND xã Việt Tiến về việc tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định vi phạm về đất đai, xây dựng, giao thông, thuỷ lợi trên địa bàn được chỉ đạo quyết liệt, tiếp tục chỉ đạo rà soát, xử lý giải tỏa các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi; xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp; tập trung cao độ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý dứt điểm các vi phạm mới, ra quân thực hiện tháng An toàn giao thông đã xử lý giải toả được 1 nhà tạm, trên 150 trường hợp mái che, mái vẩy, hàng rào sắt, quây tôn, lấn chiếm lòng đường, hành lang giao thông, 1 tường rào dài 30 m, biển quảng cáo 35 cái (70 m^2), cắt tỉa, phát quang các cây xanh trên các tuyến đường 250 cây; giải toả 1 chợ cóc, chợ tạm (Điếm Hương) tại thôn An Lạc, lập lại trật tự tại chợ Trung tâm thương mại Dân Tiến…

Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xử lý đất dôi dư, xen kẹt; tính đến 30/11/2025: Tổng số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 238 giấy chứng nhận (đất ở); Đăng ký biến động đất đai, cấp đổi được 596 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổ chức thành công cuộc đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 49 suất đất, tổng giá trị trúng đấu giá là 317.133.124.220 đồng. Trong đó đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế: 10 suất đất; tổng số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước (bao gồm tiền đặt trước) là: 95,638 tỷ. Triển khai thực hiện chiến dịch 90 ngày làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn xã. Triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường, tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn xã, đã phối hợp với phòng cảnh sát môi trường tỉnh Hưng Yên xử lý 01 điểm tái chế phế liệu nấu nhôm hoạt động mà không có giấy phép môi trường khu sông Điện Biên thuộc xã Đồng Tiến (cũ), tiến hành san gạt đảo trộn, phun chế phẩm tại các bãi rác và chuyển rác về bãi rác tập trung tại xã Khoái Châu.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, xây dựng được tăng cường. Công tác thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp được quan tâm. Khu công nghiệp sạch và Khu công nghiệp số 3, cụm công nghiệp Đông Khoái Châu đang được chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm bảo theo quy định và yêu cầu của của các doanh nghiệp đến hợp tác đầu tư.

Cơ sở hạ tầng tiếp tục được xây dựng đồng bộ tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng, khu vực, thúc đẩy cho phát triển của xã. Quản lý nhà nước về đô thị, nhất là công tác quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch tiếp tục được quan tâm, bộ mặt đô thị, không gian cảnh quan, kiến trúc đô thị từng bước thay đổi theo chiều hướng tích cực. Triển khai lập đồ án Quy hoạch phân khu trung tâm xã Việt Tiến.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thi công các Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐH.57, xây dựng Tuyến đường nối ĐH.57 với ĐT.384 đoạn qua xã Dân Tiến (cũ); các đơn vị thi công đang đẩy nhanh tiến độ thi công dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Bình Minh - Phố Hiến; dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề để bán, siêu thị, nhà hàng ăn uống và trường mầm non TTT,...

c) Thương mại - dịch vụ

Lĩnh vực Thương mại - dịch vụ có chuyển biến rõ rệt; năm 2025 thực hiện tốt công tác chuẩn bị hàng hóa, góp phần cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, phục vụ tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán. Hoạt động xúc tiến thương mại được tăng cường. Các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình mạnh dạn đầu tư mở rộng kinh doanh, đa dạng các loại hình để phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của nhân dân như bán hàng theo hình thức: trực tiếp, trực tuyến, tại nhà, tự chọn... Đến nay, toàn xã có khoảng trên 2.092 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực như tái chế phế liệu, sản xuất nước giặt, đồ nhựa, ống nhựa, điện máy, đồ đồng, đồ thờ, dịch vụ lưu trú, nhà hàng ăn uống, coffee, nước giải khát, quần áo thời trang, dịch vụ xe du lịch, thuốc tân dược, mỹ phẩm, tạp hóa, siêu thị,… xã đã quan tâm chỉ đạo xử lý các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng quá hạn sử dụng, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật về lĩnh vực kinh doanh thương mại không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến khi thị trường có biến động.

Tình hình cung ứng điện của đội điện lực khu vực Khoái Châu tương đối ổn định, không xảy ra trường hợp sa thải phụ tải do thiếu nguồn điện, quá tải lưới điện hoặc do sự cố lưới điện hệ thống, đáp ứng nhu cầu về điện phục vụ sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

7.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

7.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Hệ thống mạng lưới trường, lớp trên địa bàn xã Việt Tiến phát triển ổn định, đảm bảo huy động 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp; cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được bổ sung, củng cố nhằm đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường. Tính đến thời điểm hiện tại đã có 9/10 đơn vị thực hiện đánh giá ngoài và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 90%.

Các nhà trường đã hoàn thành năm học 2024 - 2025 theo đúng kế hoạch. Kết quả: Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99.26%; học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS và GDTX cấp THCS đạt tỷ lệ 99.5%; số học sinh đỗ vào lớp 10 THPT đạt 61.4%. 100% nhà trường đã tổ chức tổng kết năm học, Lễ ra trường cho trẻ mầm non 5 tuổi và ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo để tổ chức các hoạt động giáo dục, được bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, chuyển đổi số và phương pháp dạy học mới. Năm học 2025 - 2026, các nhà trường tiếp tục triển khai tốt các điều kiện đảm bảo an toàn cho học sinh các cấp học; tổ chức tốt công tác tuyển năm học 2025 - 2026 đảm bảo đúng quy định; nhà trường xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện công tác quản lý của UBND xã. Tổ chức gặp mặt kỷ niệm 43 năm ngày nhà giáo Việt Nam và ra mắt Hội cựu giáo chức xã Việt Tiến.

7.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Việt Tiến đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm Y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Tính đến thời điểm báo cáo đã có 334 trẻ dưới 1 tuổi đã được tiêm chủng đầy đủ các mũi theo quy định; 200 mũi tiêm cho trẻ 7 tuổi được hoàn thành; tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đủ 2 mũi đạt 100%. Trong năm, không xảy ra tai biến nặng trong tiêm chủng, bảo đảm tuyệt đối an toàn, tạo được niềm tin của người dân.

Triển khai tốt "Ngày vi chất dinh dưỡng" cho trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi, 100% trẻ được uống vitamin A đầy đủ vào đợt từ ngày 01/6 đến ngày 02/6/2025. Tuyên truyền nhân Ngày thế giới phòng chống lao (24/3) và phát sóng chuyên mục tuyên truyền hàng tháng trên hệ thống loa truyền thanh xã. Hiện nay trên địa bàn xã các trạm đang quản lý 13 bệnh nhân lao tại cộng đồng, 04 người được

cấp phát thuốc điều trị dự phòng, việc cấp phát thuốc theo đúng hướng dẫn chuyên môn, đảm bảo giám sát, tuân thủ điều trị, góp phần hạn chế nguồn lây trong cộng đồng.

Công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe và tổng vệ sinh môi trường được trạm y tế triển khai thường xuyên theo kế hoạch. Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện truyền thanh của xã và các cơ sở thôn về công tác phòng, chống các dịch bệnh theo mùa. Tổ chức tổng vệ sinh môi trường định kỳ, diệt lăng quăng, bọ gậy; phát động nhân dân giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường sống. Trong năm 2025 trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh lớn. Từ đầu năm 2025 đến nay xã Việt Tiến ghi nhận các ca bệnh rải rác gồm: cúm 84 ca, tiêu chảy 65 ca, sởi 22 ca, Covid -19: 4 ca; tay chân miệng 9 ca; sốt xuất huyết 15 ca. Đã thực hiện khám chữa bệnh cho nhân dân 6.605 lượt người, trong đó có 520 lượt khám, điều trị bằng Y học cổ truyền, chủ yếu châm cứu, xoa bóp không dùng thuốc.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, tập trung chỉ đạo, điều hành; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành đi kiểm tra 30 cơ sở sản xuất, kinh doanh, kinh doanh dịch vụ ăn uống, quán ăn vỉa hè để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm đồng thời tuyên truyền, phổ biến các quy định, kiến thức về an toàn thực phẩm, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế hộ gia đình. Tăng cường các giải pháp nâng cao tỷ lệ bao phủ BHYT, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025. Tổng số người tham gia BHXH ước tính đến hết ngày 30/11/2025 là 9.256/16.455 người, tỷ lệ bao phủ đạt 56,2% (chỉ tiêu tỉnh giao 52,1%). Số người tham gia BHYT là 31.578/35.161 người đạt tỷ lệ bao phủ BHYT 89,8% (chỉ tiêu tỉnh giao 95,3%).

7.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Trong năm, xã tổ chức bình xét, công nhận 9.532/10.024 hộ danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 95% và 17/18 thôn, thị tứ đạt danh hiệu Làng văn hóa, đạt tỷ lệ 94,4%. Đẩy mạnh thực hiện Quy ước, Hương ước thôn, thị tứ văn hóa, gắn với nội dung xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ - thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại, thu hút đông đảo cán bộ, nhân dân, học sinh tham gia. Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ văn nghệ, câu lạc bộ thể thao, đặc biệt là CLB hát chèo, CLB bóng chuyền hơi, CLB cầu lông tại các thôn, thị tứ, CLB

liên thế hệ tự giúp nhau thôn Yên Lịch. Tham gia Liên hoan nghệ thuật hát Chèo, Ca trù và Trống quân năm 2025, do Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên tổ chức, đạt đạt 1 giải B và 2 giải C.

Quản lý chặt chẽ hoạt động lễ hội truyền thống tại các điểm tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn, đảm bảo việc tổ chức các lễ hội an toàn, tiết kiệm, văn minh, không để xảy ra mê tín, thương mại hóa lễ hội. Hướng dẫn sử dụng quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và hòm công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Giao Trung tâm dịch vụ tổng hợp trực tiếp quản lý Nhà tưởng niệm bà Hoàng Thị Loan - Thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác nắm bắt, quản lý Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã. Các thiết chế văn hóa như: nhà văn hóa, khu thể thao các thôn, thị tứ tạm thời vẫn được giữ nguyên đảm bảo cho Nhân dân có nơi sinh hoạt, hội họp. Trên địa bàn xã, tổng số có 11 Đình, 2 Đền, 18 Chùa, 11 Miếu, 01 Lăng và 01 Nhà thờ. Trong đó, có 03 di tích cấp quốc gia: Đền An Lạc, Đình Vân Ngoại, cụm di tích Đình - Chùa Yên Khê; 05 di tích cấp tỉnh: Đình Yên Lịch, Đình Yên Trung, Đình Vân Trì, Đình Lôi Cầu và Nhà tưởng niệm Bà Hoàng Thị Loan. Tăng cường công tác quản lý di tích và phòng, chống trộm cắp hiện vật, cổ vật, đồ thờ tự tại các di tích.

Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh và địa phương như: Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02), Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam (30/4), Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7) Ngày Quốc khánh (02/9), Tổ chức thành công Lễ đón xã Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân trong thời kỳ kháng chiến (xã Việt Hoà và xã Dân Tiến cũ); Đại hội Đảng các cấp, các phong trào thi đua yêu nước, công tác bầu cử, phòng chống dịch bệnh, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số,… Thực hiện công tác tuyên truyền trực quan bằng pano, băng rôn, khẩu hiệu, cờ phướn tại trung tâm xã và các trục đường chính; chỉnh trang, treo mới băng rôn, pano, cờ trong các dịp lễ, Tết, góp phần tạo không khí phấn khởi trong nhân dân.

Thường xuyên cập nhật, quản lý và vận hành tốt hệ thống truyền thanh thông minh, đảm bảo thông tin chính thống, kịp thời, có tính định hướng, không để xảy ra tình trạng sai sót hoặc truyền tin sai sự thật. Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền: cập nhật tin, bài trên Cổng thông tin điện tử xã, trang page của xã trên các nền tảng mạng xã hội, bảng tin điện tử nhằm chuyển tải thông tin nhanh, chính xác đến người dân. Duy trì hoạt động tuyên truyền chuyên mục Chuyển đổi số đến từng thôn, thị tứ, tuyên truyền tham gia lớp "Bình dân học vụ số", hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến

mức độ 3, 4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc, phần mềm chữ ký số, đẩy mạnh việc xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số theo lộ trình.

Thực hiện việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Thường xuyên đôn đốc các cơ quan, đơn vị, cập nhật các thông tin, tin tức, thời sự, văn bản để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của xã. Mạng lưới Bưu chính, viễn thông, Internet và hạ tầng kỹ thuật viễn thông ngày càng phát triển mạnh cả về chất lượng và duy trì hoạt động hiệu quả. Ngày 3/12/2025 UBND xã đã ký kết thỏa thuận hợp tác chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2030 với VNPT Hưng Yên, tập trung vào các nội dung: nâng cấp hạ tầng số, triển khai các nền tảng số dùng chung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giải quyết công việc hành chính, từng bước xây dựng mô hình chính quyền số thân thiện, hiện đại.

UBND xã chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ tổng hợp kiểm tra, bảo trì hệ thống thiết bị truyền thanh; đảm bảo hoạt động phát thanh tại các thôn, thị tứ được duy trì thường xuyên, thông suốt và kịp thời. Qua đó, mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của địa phương được truyền tải đầy đủ, đến đúng đối tượng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông tin và tuyên truyền trên địa bàn.

7.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định, góp phần ổn định tình hình địa phương, chi trả trợ cấp thường xuyên, kịp thời cho các đối tượng chính sách đúng đối tượng, định mức, không có sai sót nhầm lẫn, đơn thư, khiếu nại. Trên địa bàn xã hiện có 1.520 đối tượng người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp thường xuyên, gồm các nhóm: thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quản lý hồ sơ, cập nhật biến động đối tượng trên phần mềm quản lý người có công được thực hiện thường xuyên và kịp thời, đảm bảo chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, điều dưỡng tập trung và tại gia đình đúng quy định, kịp thời, không sai sót, không để chậm chi trả.

Tổ chức viếng Tượng đài liệt sỹ xã; thăm, tặng quà và hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025. Tổ chức tốt việc thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách, người cao tuổi, hộ nghèo và các cơ sở trợ giúp xã hội, chức sắc tôn giáo tiêu biểu, các đơn vị lực lượng vũ trang, lực lượng thường trực làm nhiệm vụ trong ngày Tết. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, phát huy truyền thống đại đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc, chủ động, tích cực thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo chu đáo đời

sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, bảo đảm mọi người, mọi nhà đều có điều kiện vui xuân đón Tết. Công tác trẻ em, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội được quan tâm. Nhân dịp Tháng hành động Vì trẻ em năm 2025, UBND xã đã triển khai lập danh sách đề nghị tặng quà cho 30 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, mỗi trẻ em được tặng quà với số tiền là 700.000 đồng; Bảo trợ cho 30 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, mỗi trẻ em được bảo trợ số tiền là 1.000.000 đồng.

Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, đến nay toàn xã đã cơ bản hoàn thành Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã trong năm 2025 theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo xóa nhà tạm, nhà dột nát và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025. Tổng số hộ người có công, hộ nghèo, cận nghèo tham gia Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát từ nguồn của tỉnh năm 2025 là 47 hộ (trong đó: Xây mới 3 hộ; sửa chữa/cải tạo 35 hộ); tổng số hộ trên địa bàn được hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025 bằng nguồn xã hội hóa của huyện (cũ) là 16 hộ (trong đó: Xây mới 15 hộ; sửa chữa/cải tạo 1 hộ). Quỹ Nghĩa tình của cụ Nguyễn Thị Minh, thôn Yên Lịch do ông Nguyễn Minh Tân đại diện đã đề nghị được tài trợ toàn bộ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa cho hộ bà Nguyễn Thị Khuôn thôn Vân Ngoại với số tiền là 250.000.000 đồng, công trình đã đưa vào sử dụng vào tháng 11 năm 2025, tháng 12/2025 Quỹ Nghĩa tình của cụ Nguyễn Thị Minh tiếp tục xây nhà tình nghĩa cho hộ bà Hoàng Thị Hảo là hộ nghèo, thôn Lôi Cầu.

Triển khai các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025). Tổ chức viếng nghĩa trang, dâng hương, thắp nến tri ân tại các nghĩa trang liệt sĩ Dân Tiến, Đồng Tiến, Hồng Tiến, Việt Hòa vào ngày 25/7/2025; các hoạt động thăm hỏi tặng quà của Chủ tịch nước, của tỉnh với tổng số 624 suất quà; Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ Việt Nam xã thăm và tặng quà 20 gia đình người có công; Công ty Cổ phần nhựa Hưng Yên tặng 624 suất quà, mỗi suất quà 300 nghìn đồng; gia đình bà Nguyệt thôn An Lạc đã trao phần quà trị giá 20 triệu đồng (tiền mặt) cho gia đình bà Vũ Thị Nền (vợ liệt sỹ) là gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn.

Công tác quản lý hồ sơ, cập nhật biến động đối tượng trên phần mềm quản lý đối tượng được thực hiện thường xuyên và kịp thời, đảm bảo chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, đúng quy định, kịp thời, không sai sót, không để chậm chi trả. Thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm y tế 100% cho đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng người cao tuổi theo quy định hằng năm. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được quan tâm triển khai thường xuyên, hiệu quả. UBND xã chỉ đạo, các thôn, thị tứ, các trường học tổ chức nhiều hoạt động thiết thực hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em năm 2025 với chủ đề "Chung tay bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại, bạo lực trẻ em".

7.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

7.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Lực lượng Quân sự phối hợp chặt chẽ với Công an nắm chắc tình hình an ninh nông thôn, nhất là trong những ngày lễ, tết, diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước, địa phương. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân đạt 100% chỉ tiêu đảm bảo đúng luật; huy động và tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ tại các cơ sở bảo đảm đúng đối tượng, thời gian hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Cả 3 xã cũ đã giao đủ 47 nam thanh niên lên đường nhập ngũ, tham gia công tác huấn luyện theo kế hoạch. Hoàn thành đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với nam công dân tuổi 17. Tổ chức rà soát làm mới mô hình học cụ, xây dựng giáo án huấn luyện năm 2025. Đảm bảo chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo quản vũ khí trang thiết bị được cấp Phối hợp triển khai phòng chống lụt bão úng, sẵn sàng lực lượng ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 2026, Hội đồng NVQS xã, các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã, trưởng các thôn, thị tứ đã phối hợp đôn đốc công dân lên sơ tuyển, khám tuyển, thực hiện nghiêm túc các khâu, các bước trong quá trình tuyển quân. Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2026 với chất lượng tốt.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định. Triển khai các biện pháp nắm, bám sát tình hình an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo..., không để xảy ra đột xuất, bất ngờ các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự. Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn các sự kiện lớn của địa phương. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật; tập trung thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán năm 2025. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự được chú trọng, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng được đảm bảo. Tiếp tục triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; kiểm tra rà soát, lập danh sách số hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh. Đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, yêu cầu chủ các cơ

sở có nguy cơ về cháy, nổ có nhiều hàng hóa, vật tư, nguyên liệu là chất cháy, chất dễ cháy chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy. Thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn giao thông, ban hành quyết định về Ban An toàn giao thông xã, tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn xã. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tăng cường kiểm tra chấn chỉnh việc chấp hành các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, tổ chức tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho các cơ sở giáo dục, công ty, doanh nghiệp.

7.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

7.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

7.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Việt Tiến nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 22 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 07 người, chiếm 31,8%; đại học 14 người, chiếm 63,6%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,6%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 14 người, chiếm 64%; trung cấp 06 người, chiếm 27,3%; chưa qua đào tạo 02 người, chiếm 8,8%.

b) Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn: Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã và đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm dịch vụ Tổng hợp).

7.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

7.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 428 chỉ tiêu, trong đó có 42 chỉ tiêu công chức, 386 chỉ tiêu viên chức. Hiện có mặt là 361 viên chức và 42 công chức.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 15 người, chiếm 3,7%; đại học có 340 người, chiếm 84,4%; cao đẳng, trung cấp có 48 người, chiếm 11,9%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận có 05 người chiếm 1,2%; trung cấp lý luận chính trị 67 người, chiếm 16,6%.

7.8.5. Về người hoạt động không chuyên trách

Tổng số người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn xã là 45 người, gồm: ở xã là 09 người và ở thôn, thị tứ là 36 người.

8. Xã Yên Mỹ

8.1. Lịch sử hình thành

Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Yên Mỹ với 14 ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Văn Giang và huyện Yên Mỹ thành huyện Văn Yên, với 28 ĐVHC cấp xã trực thuộc.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Văn Mỹ và 14 xã của huyện Văn Yên thành một huyện lấy tên là huyện Mỹ Văn; hợp nhất huyện Khoái Châu và 14 xã còn lại của huyện Văn Yên thành một huyện lấy tên là huyện Châu Giang. Lúc này, phần lớn huyện Yên Mỹ cũ thuộc huyện Mỹ Văn.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định 56-CP về việc thành lập thị trấn Yên Mỹ thuộc huyện Mỹ Văn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Trai Trang cũ. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Khu vực huyện Yên Mỹ cũ và xã Việt Yên lúc bấy giờ thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và chia các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Mỹ Văn thành 03 huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ; điều chỉnh 5 xã: Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa và Hoàn Long (huyện Châu Giang) về huyện Yên Mỹ. Huyện Yên Mỹ sau khi được thành lập có 9.004,7 ha diện tích tự nhiên và 121.927 nhân khẩu, gồm 17

ĐVHC cấp xã trực thuộc gồm thị trấn Yên Mỹ và các xã: Giai Phạm, Đồng Than, Ngọc Long, Thanh Long, Nghĩa Hiệp, Liêu Xá, Tân Lập, Trung Hưng, Lý Thường Kiệt, Tân Việt, Trung Hòa và 05 xã (thuộc huyện Châu Giang cũ chuyển về) Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa, Hoàn Long.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thành lập xã Tân Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,72 km^2, quy mô dân số là 7.777 người của xã Lý Thường Kiệt và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,05 km^2, quy mô dân số là 9.898 người của xã Tân Việt. Sau khi thành lập, xã Tân Minh có diện tích tự nhiên là 11,77 km^2 và quy mô dân số là 17.675 người; Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,41 km^2, quy mô dân số là 10.040 người của xã Trung Hưng vào thị trấn Yên Mỹ. Sau khi nhập, thị trấn Yên Mỹ có diện tích tự nhiên là 7,46 km^2 và quy mô dân số là 27.617 người. Lúc bấy giờ, khu vực xã Yên Mỹ ngày nay bao gồm khu vực thị trấn Yên Mỹ và các xã Tân Minh, Trung Hòa, Tân Lập thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Yên Mỹ và các xã Tân Lập (huyện Yên Mỹ), Trung Hòa, Tân Minh thành xã mới có tên gọi là xã Yên Mỹ và tồn tại cho đến ngày nay.

8.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Yên Mỹ nằm ở khu vực phía Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Đường Hào và xã Phạm Ngũ Lão;
- Phía Tây giáp xã Triệu Việt Vương và xã Việt Yên;
- Phía Nam giáp xã Xuân Trúc và xã Việt Tiến;
- Phía Bắc giáp xã Nguyễn Văn Linh.

8.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Yên Mỹ có 33,11 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 19,23 km^2, đất nông nghiệp là 13,84 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,04 km^2.

8.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

8.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Yên Mỹ có quy mô dân số là 69.532 người, trong đó dân số thường trú là 68.631 người và dân số tạm trú là 901 người.

8.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Yên Mỹ là 58.003 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 1.816 người, chiếm tỷ lệ 3,13%; lao động công nghiệp và xây dựng là 55.279 người, chiếm tỷ lệ 94,22%; lao động thương mại - dịch vụ là 1.538 người, chiếm tỷ lệ 2,65%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Yên Mỹ năm 2025 là 56.187 người, chiếm tỷ lệ 96,87%.

8.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Yên Mỹ chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, các KCN, CCN, dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

8.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

8.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Yên Mỹ năm 2025 theo giá hiện hành đạt 32.166,31 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 28.014,48 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 3.776,20 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 375,63 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 9,67%, trong đó: năm 2023 tăng 9%, năm 2024 tăng 10% và năm 2025 tăng 10%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 11,74%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 87,09% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 1,17% trong cơ cấu kinh tế của xã.

8.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Yên Mỹ năm 2025 đạt 1.053,519 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 883,167 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 365,73 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 333,97 tỷ đồng. Cân đối có dư.

8.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 79,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 82,8 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 88,8 triệu đồng/người/năm.

8.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Yên Mỹ là 0,46%, trong đó: năm 2023 là 0,74%, năm 2024 là 0,36%, năm 2025 là 0,18% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

8.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025 thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả (nhãn, cây có múi) có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng đầu tư thâm canh theo chiều sâu, chuyển đổi mô hình sản xuất từ phân tán sang tập trung; có giải pháp cải tạo, thay thế cây, con giống có giá trị kinh tế cao vào thâm canh sản xuất. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương thức chăn nuôi an toàn, hợp vệ sinh môi trường. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn xã đạt 375,63 tỷ đồng.

Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm trên địa bàn xã Yên Mỹ đạt 960,78 ha; trong đó: diện tích lúa cả năm đạt 887,86 ha, năng suất bình quân 58,18 tạ/ha, sản lượng lúa cả năm đạt 5.165,5 tấn. Diện tích cây màu vụ xuân đạt 19,76 ha; vụ hè thu đạt 26,22 ha; vụ đông đạt 26,94 ha. Diện tích cây ăn quả đạt 138,5 ha. Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn cơ bản ổn định; tổng đàn lợn ước đạt 3.924 con; đàn trâu, bò 368 con; tổng đàn gia cầm 75.592 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 440 tấn. Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 27,62 ha, sản lượng thủy sản ước đạt 135 tấn.

Xã chú trọng thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp gắn với phát triển nghề nông thôn và bảo vệ môi trường. Trong năm, xã đã thành lập 01 HTX và 01 tổ hợp tác, xây dựng mô hình chăn nuôi bò, nuôi gà và nuôi giun quế áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, đảm bảo an toàn thực phẩm và nâng cao giá trị nhãn hiệu tập thể. Duy trì và nâng cao chất lượng 03 sản phẩm OCOP đã được công nhận trên địa bàn xã. Công tác thủy lợi và phòng, chống lụt bão được xã chú trọng quan tâm triển khai đồng bộ. Năm 2025, khối lượng nạo vét công trình thủy lợi vụ Đông Xuân 2024 - 2025 thực hiện đạt 7.289/7.304 m^3, đạt 99,79% kế hoạch. Đã xử lý, giải tỏa 01/01 điểm vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn xã.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp và xây dựng có nhiều có thuận lợi so cùng kỳ năm 2024; hoạt động xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng từ nguồn vốn đầu tư công được quan tâm đẩy nhanh tiến độ thi công, kinh tế tư nhân, các làng nghề tiểu thủ công nghiệp được chú trọng, quan tâm phát triển. Hoạt động xây dựng từ khu vực kinh tế tư nhân của các doanh nghiệp và hộ gia đình tăng cao. Nguồn vốn đầu tư công được UBND tỉnh, các sở ngành, xã quan tâm, bổ sung góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, qua đó thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp, xây dựng. Năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã đạt 28.014,48 tỷ đồng, thương mại - dịch vụ đạt 3.776,20 tỷ đồng.

Trên địa bàn xã có 02 khu công nghiệp và các đơn vị sản xuất ngoài khu công nghiệp hoạt động thu hút nhiều lao động là người địa phương và các vùng lân cận góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Phát huy lợi thế làng nghề truyền thống xay sát, chế biến lương thực, thực phẩm, các làng có nghề như cơ khí, đóng thùng bệ ô tô,... trên địa bàn xã tiếp tục phát triển mở rộng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Trên địa bàn xã có đường tỉnh 39 chạy qua, ĐT.376, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ của xã rất phát triển.

Hệ thống giao thông vận tải của xã tiếp tục được quan tâm đầu tư, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của xã. Từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã đã tiến hành cải tạo và nâng cấp 12 km đường giao thông.

Công tác quản lý trật tự xây dựng: Tăng cường tuyên truyền nhắc nhở các trường hợp buôn bán hàng rong dưới lòng đường, vỉa hè trái quy định; tháo dỡ băng rôn, khẩu hiệu hết hạn, cũ nát; giải tỏa lều lán, mái che mái vẩy vi phạm hành lang an toàn đường bộ; kiểm tra trường hợp xây dựng công trình

c) Thương mại - dịch vụ

Trong năm 2025, hoạt động thương mại trên địa bàn xã diễn ra sôi động, nguồn cung sản phẩm, hàng hóa dồi dào, đa dạng, phong phú, không có tình trạng khan hiếm, tăng giá đột biến; các chợ, cơ sở kinh doanh hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh. Đã vận động các đơn vị, Hợp tác xã đăng ký trưng bày giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn tiêu biểu tại các lễ hội, hội chợ. Trong năm 2025, UBND xã Yên Mỹ đã phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tổ chức hội nghị xúc tiến thương mại, tiêu thụ nhãn và các sản phẩm truyền thống của địa phương.

8.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

8.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Công tác rà soát quy mô trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất được thực hiện thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2026 - 2030. Toàn xã Yên Mỹ hiện có 22 trường, gồm 17

trường công lập và 05 trường mầm non tư thục, có 16/17 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 94%. Các trường chuẩn bị và thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2025 - 2026, tiếp tục thực hiện các biện pháp "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học" có hiệu quả, duy trì phong trào thi đua. Chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm các khoản thu trong các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, thực hiện các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

Chất lượng đội ngũ giáo viên tiếp tục được nâng lên, tỷ lệ giáo viên các cấp bậc đạt chuẩn: Mầm non đạt chuẩn là 77,7% (công lập đạt chuẩn 100%); Tiểu học đạt chuẩn 98,7%, trên chuẩn đạt 1,8%; THCS đạt chuẩn là 99,5%, trên chuẩn đạt 4,4%. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện được nâng lên: Trẻ em hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%, các trường Tiểu học, TH&THCS tuyển sinh 100% trẻ em hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi. Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,6%, 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học được tuyển vào các trường THCS công lập. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,64%, tỷ lệ trúng tuyển lớp 10 THPT công lập đạt 65%, còn lại học các hệ THPT ngoài công lập và GDTX.

Công tác phổ cập năm 2025 tiếp tục được duy trì và nâng cao các tỷ lệ: đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học đạt mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 3, phổ cập xoá mù chữ đạt mức độ 2. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học, thực hiện xin ý kiến và tạm bàn giao 04 trụ sở UBND các xã cũ cho các Nhà trường trên địa bàn sử dụng, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày.

Công tác rà soát, quản lý dạy thêm, học thêm; kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục ngoài công lập được thực hiện thường xuyên. UBND xã chỉ đạo rà soát, tổng hợp báo cáo các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; tăng cường quản lý việc tổ chức bán trú, trải nghiệm ngoài nhà trường, trang phục, trang thiết bị, sách vở trong các nhà trường, bảo đảm an toàn thực phẩm và đúng quy định, không để phát sinh tiêu cực. Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, nghiên cứu, đề xuất cụ thể phương án đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho các trường trên địa bàn xã đảm bảo đồng bộ, đầy đủ công năng sử dụng, đạt chuẩn quốc gia theo quy định, phù hợp với quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhu cầu phát triển.

8.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Yên Mỹ đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm

y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm Y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân ngày càng được quan tâm với tổng số lượt khám 1.472 lượt người. Các trạm y tế đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng hàng tháng cho trẻ dưới 2 tuổi và phụ nữ có thai, triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin Uốn ván - Bạch hầu (Td) cho trẻ 7 tuổi đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,32%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 26,7%; tỷ số mất cân bằng giới tính khi sinh là 155 nam/100 nữ.

Tăng cường công tác kiểm tra việc đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn xã; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. Không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Thực hiện các chỉ tiêu về giảm sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; tỷ lệ các chỉ số cơ bản đạt theo kế hoạch. Ban hành kịp thời các văn bản đình chỉ lưu hành, thu hồi các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, vật tư y tế thuộc danh mục phải thu hồi trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Phối hợp kiểm tra 10 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến lương thực, thực phẩm, số cơ sở đạt là 06, nhắc nhở 04 cơ sở. Đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 01 cơ sở trong lĩnh vực nông nghiệp.

8.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thông tin, thể thao được xã chú trọng triển khai thực hiện, đảm bảo nhu cầu thụ hưởng văn hóa của Nhân dân trên địa bàn. Trên địa bàn xã hiện có 41 cơ sở, trung tâm văn hóa nghệ thuật, trong đó 34/34 thôn có nhà văn hóa được trang bị cơ bản đầy đủ các trang thiết bị để nhân dân tổ chức thực hiện các nội dung sinh hoạt cộng đồng về văn hóa, văn nghệ và triển khai các nhiệm vụ chính trị của thôn.

Công tác văn hóa, thông tin, thể thao được quan tâm triển khai, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Phong trào xây dựng gia đình, làng văn hóa duy trì hiệu quả; 88,3% thôn đạt danh hiệu "Làng văn hóa", 93,4% hộ đạt gia đình văn hóa. Công tác quản lý di tích, tôn giáo được tăng cường; thực hiện tốt quy định về tín ngưỡng, tôn giáo; di tích Đình - Chùa thôn Đỗ Xá đã được Ban Quản lý di tích tỉnh lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp quốc gia.

Công tác thông tin truyền thông đã bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Trong năm 2025, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Yên Mỹ đã xây dựng được 365 chương trình phát thanh với gần 3.700 tin, bài, trong đó có 730 chuyên mục, 01 trang địa phương xã Yên Mỹ phát trên sóng của Báo và Phát thanh Truyền hình Hưng Yên. Thực hiện tiếp sóng đài TNVN, đài tỉnh.

8.6.4. An sinh xã hội

Các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa được quan tâm triển khai kịp thời, chăm lo gia đình chính sách, người có công và hộ nghèo; phát động, sử dụng hiệu quả các quỹ: Vì người nghèo, Đền ơn đáp nghĩa. Phối hợp với các ngành, đoàn thể vận động Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", đến nay huy động được 154 triệu đồng; thăm hỏi, tặng quà 2.475 lượt đối tượng người có công với tổng kinh phí trên 1,1 tỷ đồng.

8.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng được quan tâm, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn xã cơ bản ổn định, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra thuần túy và thực hiện theo quy định.

8.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Đã triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách toàn diện; duy trì nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực phòng không; tổ chức tuần tra, canh gác theo đúng quy định. Phối hợp chặt chẽ với Công an xã trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Thực hiện tốt các bước trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; năm 2025 đã bàn giao 113/113 thanh niên cho các đơn vị, đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao. Tổ chức phúc tra, sơ tuyển công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2026, thành lập 4 Tổ sơ tuyển; kết quả ngày đầu đạt 883/998 thanh niên, đạt tỷ lệ 83,3%. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thăm hỏi, tặng quà thanh niên lên đường nhập ngũ; triển khai hiệu quả chính sách hậu phương Quân đội.

Tổ chức xây dựng kế hoạch và huấn luyện lực lượng Dân quân tự vệ năm thứ nhất, dân quân cơ động, dân quân tại chỗ theo đúng quy định; kết thúc kiểm tra, 100% đạt yêu cầu, trong đó trên 75% đạt loại khá, giỏi. Thực hiện tốt công tác huy động huấn luyện lực lượng dự bị động viên năm 2025. Thành lập Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh xã; xây dựng và phê duyệt kế hoạch công tác Giáo dục Quốc phòng - An Ninh năm 2025, tổ chức thực hiện đúng tiến độ, thời gian quy định. Cử 30 đồng chí cán bộ thuộc đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ các trường THCS trên địa bàn và đại biểu HĐND thuộc đối tượng 4, với quân số 90 đồng chí.

Công an xã đã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện, tham mưu và tổ chức xử lý nhanh, dứt điểm các vụ việc phức tạp, tập trung đông người, không để phát sinh "điểm nóng" về an ninh, trật tự. Trên địa bàn không

phát sinh ổ nhóm tội phạm có tổ chức; không hình thành điểm, tụ điểm mại dâm; không có điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; không xảy ra trọng án, cháy nổ. Tình hình an ninh, trật tự cơ bản ổn định, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong năm 2025, trên địa bàn xã xảy ra 144 vụ việc; Công an xã đã kịp thời xác minh, giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

8.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

8.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

8.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Yên Mỹ nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 28 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 08 người, chiếm 28,57%; đại học 18 người, chiếm 64,29%; trung cấp 01 người, chiếm 3,57%; trình độ khác 01 người, chiếm 3,57%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 10 người, chiếm 35,71%; trung cấp 13 người, chiếm 46,43%; cử nhân 01 người, chiếm 3,57%; sơ cấp 02 người, chiếm 7,14%; chưa qua đào tạo 02 người, chiếm 7,14%.

b) Ủy ban nhân dân xã Yên Mỹ có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 20 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); Trạm Y tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Ban Quản lý dự án.

8.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

8.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là

904 chỉ tiêu, trong đó có 56 chỉ tiêu công chức, 795 chỉ tiêu viên chức và 53 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 09 người, chiếm 16,9%; đại học có 44 người, chiếm 83,1%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 06 người, chiếm 11,03%; trung cấp lý luận chính trị 42 người, chiếm 79,2%; sơ cấp lý luận chính trị 05 người, chiếm 9,5%.

9. Xã Như Quỳnh

9.1. Lịch sử hình thành

Thời kỳ trước năm 1945: Khu vực Như Quỳnh, Tân Quang, Lạc Hồng, Trưng Trắc và Đình Dù ngày nay nằm trong vùng tổng Như Kinh - Như Quỳnh thuộc phủ Thuận An xưa, là khu vực có lịch sử hình thành lâu đời gắn với tuyến giao thương giữa Thăng Long và Phố Hiến. Giai đoạn 1968 - 1996, Các xã Tân Quang, Lạc Hồng, Trưng Trắc, Đình Dù và khu vực Như Quỳnh thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng (sau khi hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên được hợp nhất).

Năm 1997, tỉnh Hưng Yên được tái lập theo Nghị quyết của Quốc hội khóa IX; huyện Mỹ Văn tiếp tục thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/02/1997, Chính phủ ban hành Nghị định thành lập thị trấn Như Quỳnh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Như Quỳnh cũ. Năm 1999, thực hiện Nghị định số 60/1999/NĐ-CP của Chính phủ, huyện Mỹ Văn được chia tách để thành lập ba huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ. Theo đó, huyện Văn Lâm được thành lập với 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thị trấn Như Quỳnh và các xã Tân Quang, Lạc Đạo, Đại Đồng, Chỉ Đạo, Việt Hưng, Lương Tài, Minh Hải, Lạc Hồng, Trưng Trắc, Đình Dù.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Như Quỳnh, các xã Tân Quang, Lạc Hồng, Trưng Trắc và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đình Dù thành xã mới có tên gọi là xã Như Quỳnh và tồn tại cho đến ngày nay.

9.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Như Quỳnh nằm ở khu vực phía Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên; là một xã có vị trí chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, có hệ thống giao thông kết nối vùng thuận lợi, trong thời gian vừa qua có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Lạc Đạo;

- Phía Tây giáp xã Phụng Công và Thành phố Hà Nội;

- Phía Nam giáp phường Mỹ Hào, xã Nguyễn Văn Linh và xã Nghĩa Trụ;

- Phía Bắc giáp xã Lạc Đạo và Thành phố Hà Nội.

9.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Như Quỳnh có 27,30 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 20,05 km^2, đất nông nghiệp là 7,14 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,11 km^2.

9.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

9.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Như Quỳnh có quy mô dân số là 86.559 người, trong đó dân số thường trú là 58.789 người và dân số tạm trú là 27.770 người.

9.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Như Quỳnh là 62.519 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 60.718 người, chiếm tỷ lệ 97,12%.

9.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Yên Mỹ chủ yếu là người Kinh. Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế sâu sắc đã thúc đẩy sự phân bố lại lực lượng sản xuất và dân cư trên địa bàn xã Như Quỳnh. Sự thay đổi này diễn ra theo xu hướng tập trung hóa, hiện đại hóa và gắn kết chặt chẽ với các hành lang kinh tế, trục giao thông huyết mạch. Cấu trúc dân cư nông thôn dạng làng xã truyền thống đang từng bước chuyển đổi đồng bộ sang mô hình không gian đô thị, hình thành nên các tuyến phố thương mại sầm uất, các khu đô thị mới và các cụm dân cư tập trung có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Mật độ dân số bình quân đạt 3.170 người/km^2, mật độ dân số vượt trội này không chỉ phản ánh sức hút cơ học mạnh mẽ của một trung tâm kinh tế năng động, mà còn là chỉ số cốt lõi minh chứng Như Quỳnh hoàn toàn đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về mật độ dân số đô thị của một phường trực thuộc tỉnh.

9.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

9.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, trong đó tỷ lệ kinh tế nông nghiệp ngày càng thu hẹp. Đến hết năm

2025, cơ cấu ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP của xã chiếm 97,14%.

9.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Như Quỳnh năm 2025 đạt 1.062,98 tỷ đồng, trong đó: thu ngân sách địa phương hưởng 100% đạt 34,31 tỷ đồng, thu ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ phần trăm đạt 471,24 tỷ đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 303,00 tỷ đồng và thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang đạt 254,431 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 1.062,98 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 293,40 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển đạt 458,17 tỷ đồng. Cân đối có dư.

9.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Như Quỳnh tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 80,2 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 83,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 89,0 triệu đồng/người/năm.

9.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Như Quỳnh là 0,23%, trong đó: năm 2023 là 0,46%, năm 2024 là 0,13%, năm 2025 là 0,04% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

9.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã Như Quỳnh năm 2025 là 433,94 ha, trong đó diện tích lúa là 90,64 ha, đạt 100% so với kế hoạch. Diện tích lúa năng suất cao là 20,26 ha, chiếm 22,35%; lúa chất lượng cao là 70,38 ha, chiếm 77,65%; năng suất lúa cả năm đạt 63,29 tạ/ha; sản lượng đạt 573,62 tấn. Diện tích trồng cây rau màu các loại là là 343,3 ha.

Tổng đàn gia súc trên địa bàn xã là 3.825 con, trong đó: đàn lợn là 3.500 con, đàn trâu nghé là 140 con và đàn bò là 185 con. Tổng sản lượng thịt gia súc hơi xuất chuồng đạt 927,25 tấn, trong đó: tổng lượng thịt lợn hơi xuất chuồng là 846 tấn và tổng lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng là 81,25 tấn. Tổng đàn gia cầm là 194.500 con, tổng lượng thịt gia cầm xuất chuồng là 82,35 tấn, sản lượng trứng gia cầm là 4.200.000 quả.

Xã chú trọng thực hiện tốt công tác tiêm phòng, chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, cụ thể: tiếp nhận 190 lít thuốc hóa chất khử trùng cho 380.000 m^3 ao nuôi thủy sản; 760 lít thuốc sát trùng phun khử trùng cho 1.660.000 m^2 chuồng trại chăn nuôi; tiêm phòng bệnh dại cho 529 con chó, 71 con mèo; tiêm phòng tụ huyết trùng cho 210 con trâu, bò; tiêm phòng bệnh dịch tả và tụ huyết trùng trên lợn là 2.520 con

lợn; tiêm cúm gia cầm cho 31.920 con gà trên 35 ngày tuổi, 400 con vịt dưới 28 ngày tuổi và 2.740 con vịt trên 28 ngày tuổi; tiêm phòng bệnh u cục trên trâu bò được 250 con; tiêm tai xanh trên lợn được 2.250 con.

b) Công nghiệp - xây dựng

Hạ tầng sản xuất công nghiệp tiếp tục được mở rộng và hiện đại hóa. Đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng đạt 100% tại Cụm công nghiệp (CCN) Minh Khai. Công tác giải phóng mặt bằng tại CCN Lạc Đạo đang được đẩy nhanh tiến độ đồng bộ (đạt 286/295 hộ thuộc khu vực Minh Khai). Song song với đó, xã Như Quỳnh tích cực rà soát, cập nhật và hoàn thiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật tại các khu vực sản xuất tập trung như Tân Quang, Như Quỳnh, Trưng Trắc (cũ), tạo tiền đề vững chắc cho việc thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao.

Sự bứt phá mạnh mẽ của hệ thống các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn đã và đang tạo ra những tác động lan tỏa cực kỳ tích cực đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của đô thị. Công nghiệp đóng vai trò là nền tảng cốt lõi, kiến tạo nên diện mạo đô thị hiện đại và năng động cho Như Quỳnh. Đến nay, Như Quỳnh đã khẳng định vị thế vững chắc là một trong những trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn nhất tỉnh Hưng Yên, giữ mắt xích chiến lược trong hệ thống các vùng phát triển công nghiệp động lực của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Sức hút đầu tư quy mô lớn: Địa phương đã thu hút và là nơi đóng chân của 4 KCN lớn cùng hệ thống hạ tầng liên kết gồm: Khu công nghiệp Như Quỳnh A (quy mô: 65 ha), Khu công nghiệp Như Quỳnh B (quy mô: 45 ha), Khu công nghiệp Phố Nối A (quy mô phân khu địa bàn: 315 ha) và Khu công nghiệp Tân Quang (quy mô liên kết vùng: 241 ha), với tổng diện tích các dự án sản xuất công nghiệp đạt khoảng 1.078,76 ha. Hệ thống này quy tụ rất nhiều doanh nghiệp đang vận hành, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - FDI).

Thương hiệu doanh nghiệp dẫn đầu: Nhiều tập đoàn và doanh nghiệp quy mô lớn như: Công ty TNHH Tôn Hòa Phát, Công ty Nhôm Ngọc Diệp, Công ty Kintee, Công ty YGS,... đang hoạt động cực kỳ hiệu quả, đóng góp giá trị sản xuất công nghiệp và doanh thu xuất khẩu vượt trội.

Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án chuyển tiếp để tránh gián đoạn thi công, đảm bảo hoàn thành công trình đúng thời hạn. Một số dự án chuyển tiếp tiêu biểu như: Dự án ải tạo, nâng cấp nhà văn hóa huyện đã hoàn thành khoảng 74% khối lượng; Dự án cải tạo nâng cấp Phòng giáo dục huyện đã hoàn thành khoảng 98% và Ban Quản lý dự án xã Như Quỳnh đã đưa vào sử dụng; Dự án Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng tuyến đường vành đai 4 trên địa bàn xã Lạc Hồng cũ đã tổ chức bốc thăm suất tái định cư cho 94/115 hộ, ra quyết định giao đất cho hơn 30 hộ.

c) Thương mại - dịch vụ

Đi đôi với tốc độ bứt phá của ngành Công nghiệp, lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ trên địa bàn phát triển mạnh mẽ, giữ vai trò mạch máu thúc đẩy chu chuyển hàng hóa, kích cầu tiêu dùng và nâng cao chất lượng sống đô thị. Địa phương đã và đang hình thành các loại hình dịch vụ cao cấp, phục vụ đắc lực cho hoạt động sản xuất và đời sống dân sinh như: Tài chính - ngân hàng, viễn thông, vận tải logistic, văn phòng cho thuê,... Mạng lưới công trình dịch vụ được đầu tư bài bản, đạt quy mô cấp khu vực và liên tỉnh, đặc biệt khẳng định vị thế là trung tâm tài chính, tín dụng và giao thương trọng điểm của vùng kinh tế phía Bắc tỉnh Hưng Yên, với điểm nhấn là Chợ Đường Cái - Khu vực Chợ Đường Cái (hai bên Quốc lộ 5A) là trung tâm thương mại dịch vụ mang tính biểu tượng và nổi tiếng của vùng phía Bắc tỉnh. Phân khu này quy tụ 02 chợ truyền thống được quy hoạch nền nếp, 02 siêu thị kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn hạng II, 04 cửa hàng tự chọn văn minh, 02 trạm kinh doanh xăng dầu đạt chuẩn an toàn cùng hơn 200 cửa hàng, cửa hiệu có đăng ký kinh doanh. Hệ thống này đảm bảo cung ứng thông suốt vật tư sản xuất và nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của Nhân dân.

Hàng hóa đa dạng về mẫu mã và chủng loại, giá cả ổn định theo từng nhóm thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 tăng 13,11% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể: Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 10,6%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 16,71%; may mặc tăng 3,89%; lương thực, thực phẩm tăng 14,20%; hàng hoá khác tăng 15,81%;... Trong năm, xã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra về các hoạt động buôn bán, vận chuyển hàng cấm, gian lận thương mại, hàng giả dịp trước, trong và sau Tết nguyên đán Ất Tỵ năm 2025. Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phục vụ Tết Nguyên đán năm 2025 trên địa bàn xã. Tham gia đoàn kiểm tra của Sở Công Thương về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động điện lực; giá bán điện cho sinh viên và người lao động thuê nhà để ở.

9.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

9.6.1. Giáo dục - đào tạo

Thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"; phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Toàn xã Như Quỳnh hiện có 05 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 04 trường THCS độc lập và 02 trường liên cấp TH&THCS. 01 trường THPT và 02 trường cấp quốc gia là trường Đại học tài chính quản trị kinh doanh và trường Cao đẳng Asean với cơ sở vật chất khang trang hiện đại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập cho học sinh toàn xã, 100% trường các trường công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 10 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn,

kỷ cương nề nếp trong các nhà trường được duy trì thực hiện tốt, công tác quản lý, chỉ đạo luôn được chú trọng, công tác xã hội hoá giáo dục và khuyến học, khuyến tài ngày càng được đẩy mạnh. Chất lượng dạy và học ở các nhà trường được giữ vững, học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%, học sinh được xét tốt nghiệp THCS 98,8%, học sinh đỗ vào các trường THPT công lập đạt 73%, trong đó nhiều em đỗ vào các trường THPT trọng điểm. Tuyên dương khen thưởng 40 học sinh trên địa bàn xã đỗ đại học tiêu biểu đạt từ 26 điểm trở lên không tính điểm ưu tiên.

Hoàn thành 100% công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập xoá mù chữ theo quy định năm 2025. Các nhóm lớp tư thục hoạt động nền nếp, được kiểm tra định kỳ, đảm bảo điều kiện chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2024 - 2025, 100% các trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 04 tập thể đạt danh hiệu tập thể xuất sắc, 02 tập thể được tặng cờ thi đua của UBND tỉnh, 01 tập thể đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.6.2. Y tế

Được sự quan tâm tích cực của Đảng và Nước, cùng với nhu cầu về khám và chữa bệnh của người dân địa phương. Hệ thống công trình y tế trên địa bàn xã đã được nâng cấp, đầu tư phát triển khá tốt. Hiện tại trên địa bàn xã có 01 Trạm y tế/trung tâm với 45 cán bộ, nhân viên y tế (trong đó có 03 bác sĩ, 05 dược sĩ) và 04 điểm trạm. Đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Ngoài ra còn có 46 cơ sở y tế ngoài công lập, 111 hành nghề y dược tư nhân.

Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên được xã chú trọng quan tâm. Không có vụ việc nào vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm gây hậu quả nghiêm trọng. UBND xã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, buôn bán thực phẩm trên địa bàn xã, tổng kiểm tra 128 cơ sở hành nghề được tư nhân và cơ sở dịch vụ ăn uống an toàn thực phẩm. Phối hợp, kiểm tra rà soát các cơ sở chế biến sản xuất thực phẩm và ký cam kết vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2025.

Công tác y tế dự phòng được thực hiện tốt; thường xuyên giám sát, theo dõi chặt chẽ dịch bệnh truyền nhiễm tại địa phương. Duy trì tốt các hoạt động khám bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Tổng số lượt người thăm khám và tư vấn khoảng 2.500 lượt người; công tác tiêm chủng đạt 98%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, thể cân nặng là 5,6% giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2024, thể thấp còi là 6,65 % giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2024; tổ chức uống vitamin A cho trẻ từ 36 tháng tuổi đến 6 tuổi đạt 99,8%. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện tốt công tác Dân số kế hoạch hóa gia đình. Trạm y tế phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên mở 05 lớp truyền thông dân số, 05 buổi truyền thông đề án

818 trên 5.000 lượt người tham dự. Tổng số sinh là 305 trẻ trong đó nam 163 trẻ, nữ 142 trẻ, 114.8 nam/100 nữ, sinh con thứ 3 + là 72 trẻ, tỷ lệ 23.6%.

9.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao mừng Đảng, mừng Xuân Ất Tỵ 2025, kỷ niệm 50 năm ngày giải phòng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025) và kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2025. Triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2025; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Lễ hội truyền thống của các thôn được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm, lưu trữ được truyền thống quê hương; ban hành Quyết định về quy chế quản lý di tích trên địa bàn xã.

Phong trào xây dựng Làng văn hóa, gia đình văn hóa được đẩy mạnh. Triển khai tổ chức tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới; Đô thị văn minh", cuộc vận động "ngày vì người nghèo"; "người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" có 30/31 thôn giữ vững danh hiệu Làng văn hóa đạt 96,9%; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 95%. Triển khai thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Đến nay toàn xã có 35% dân số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, có 30% số hộ gia đình tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, có 301 câu lạc bộ, các thôn đều có các đội tham gia tập luyện thể dục thể thao, dưỡng sinh, dân vũ,...

Biên tập sản xuất 220 chương trình gốc với trên 800 nội dung, 528 lượt phát sóng, thời lượng 13.200 phút. Đưa vào sử dụng truyền thanh không dây bắt kịp xu thế phát triển chung của xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trang trí gần 3.000 pa nô, khẩu hiệu, cờ các loại tuyên truyền chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, tổ chức 8 cuộc giao lưu văn hóa văn nghệ, 6 giải thi đấu thể dục thể thao nhằm thúc đẩy phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của địa phương ngày càng phát triển.

9.6.4. An sinh xã hội

Thực hiện tốt công tác chi trả trợ cấp ưu đãi Người có công hàng tháng cho 7.724 lượt đối tượng người có công với số tiền khoảng: 24 tỷ đồng; chi trả trợ cấp một lần, mai táng phí cho 103 đối tượng người có công với tổng số tiền 2,5 tỷ đồng; hỗ trợ mua 8.442 thẻ BHYT cho đối tượng người có công, thân nhân người có công, thân nhân liệt sỹ, cựu chiến binh, đối tượng tham gia kháng chiến, bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội, hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có mức sống trung bình, diện khuyết tật nhẹ với tổng số tiền trên 3,8 tỷ đồng.

Triển khai kế hoạch xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn năm 2025, đã hỗ trợ cho 36 trường hợp (xây mới 14 hộ, sửa chữa, cải tạo 22 hộ), đến nay 36/36 hộ đã hoàn thành công trình với số kinh phí hỗ trợ 3,3 tỷ đồng. Hỗ trợ

cho 258 hộ gia đình có người thân qua đời đưa đi hoả táng với số tiền 818 triệu đồng (tính đến hết tháng 6/2025). Thẩm định 02 hộ gia đình người có công đề nghị sửa chữa nhà ở bổ sung năm 2025 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Tổ chức thăm hỏi tặng quà đối tượng người có công gia đình chính sách nhân dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025) với tổng số 1.189 suất quà. Triển khai việc tặng quà của lãnh đạo Đảng, Nhà nước nhân dịp tết Độc lập 02/9 cho tổng số 58.639 nhân khẩu, với số tiền: 5.863,9 triệu đồng. Hướng dẫn gia đình ông Nguyễn Văn Kiệm (thôn Hành Lạc) di chuyển hài cốt liệt sĩ Nguyễn Văn Sáng từ tỉnh Cà Mau về an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ Văn Lâm, ban hành Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 29/10/2025 và Quyết định số 1605/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Tổ chức Lễ truy điệu và an táng.

9.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng được quan tâm, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn xã cơ bản ổn định, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra thuần túy và thực hiện theo quy định.

9.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Nền tảng quốc phòng vững chắc, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững là điều kiện tiên quyết bảo bệ thành quả phát triển kinh tế - xã hội nén của đô thị công nghiệp Như Quỳnh. Trong giai đoạn chuyển mình từ đơn vị hành chính nông thôn lên đô thị, địa phương luôn chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ và thiết lập thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Công tác quốc phòng địa phương được triển khai chủ động, đồng bộ, bám sát các mục tiêu chiến lược của lực lượng vũ trang cấp trên, xây dựng địa bàn thành khu vực phòng thủ vững chắc.

Đảng ủy, UBND xã đã chủ động ban hành và thực hiện hiệu quả Nghị quyết chuyên đề về công tác quân sự quốc phòng địa phương. Hệ thống chính trị luôn duy trì nghiêm ngặt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các ngày lễ lớn, giữ vững thế chủ động trong mọi tình huống. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ khẳng định vai trò điểm sáng toàn diện của địa phương. Địa phương đã hoàn thành 100% chỉ tiêu khi bàn giao đủ 102 trên 102 nam thanh niên lên đường nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, đảm bảo chất lượng chính trị và sức khỏe vượt trội. Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho công dân nam tuổi 17 (đối tượng sinh năm 2008) đạt tỷ lệ tuyệt đối 100% (501 trên 501 thanh niên), tạo nguồn lực dự bị dồi dào, nền nếp. Tổ chức biên chế lực lượng dân quân tự vệ được kiện toàn chặt chẽ theo đúng hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên, bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng chính trị. Các kế hoạch huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân được thực hiện nghiêm túc theo đúng tiến trình biểu. Đồng thời, lực lượng dân quân luôn là hạt nhân nòng cốt,

cơ động nhanh trong công tác phòng chống lụt bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại địa bàn.

Tình hình trật tự an toàn xã hội, an ninh kinh tế tại các khu, cụm công nghiệp và các địa bàn dân cư luôn được kiểm soát chặt chẽ, tạo môi trường kinh doanh và sống an toàn, lành mạnh cho nhân dân. Thích ứng linh hoạt với mô hình chính quyền địa phương đô thị, lực lượng chức năng đã đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung triển khai toàn diện Đề án 06 của Chính phủ. Hệ thống dữ liệu dân cư được số hóa, làm sạch thường xuyên bảo đảm tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống". Địa phương đã hoàn thành xuất sắc chiến dịch thu nhận, kích hoạt và đăng ký tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn. Phục vụ công tác quản lý đảng viên và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng tại đô thị, Đảng bộ xã đã hoàn thành công tác cấp đổi thẻ Đảng viên cho hơn 3.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ một cách khoa học, đúng quy định. Công tác đấu tranh với tội phạm ma túy được thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất thông qua các hành động pháp lý đồng bộ.

9.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

9.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

9.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) Tổ chức bộ máy chính quyền

- HĐND: Chủ tịch (kiêm nhiệm) và 01 Phó chủ tịch (chuyên trách).

- UBND: Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

- Cơ quan chuyên môn: Hội đồng nhân dân có 02 ban: Ban Kinh tế Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội; Mỗi ban có Trưởng ban (kiêm nhiệm) và phó trưởng ban (chuyên trách). UBND có 03 phòng chuyên môn gồm: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND - UBND và 01 tổ chức hành chính là Trung tâm Phục vụ hành chính công. Các phòng chuyên môn có Trưởng phòng, phó phòng và các công chức chuyên môn.

b) Đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan thuộc khối chính quyền có mặt 52 người, Trong đó: HĐND 03 người; lãnh đạo UBND 03 người, Văn phòng HĐND và UBND 11 người, phòng Văn hoá - Xã hội 11 người, phòng Kinh tế 18 người và Trung tâm Phục vụ Hành chính công 06 người.

10. Xã Ân Thi

10.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, Ân Thi là 01 trong 09 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968,

Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành một huyện lấy tên là Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, sáp nhập 02 xã: Lam Sơn và Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi) vào thị xã Hưng Yên quản lý. Ngày 27/01/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, Ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Ân Thi thuộc huyện Ân Thi trên cơ sở xã Thổ Hoàng và 4,43 ha diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 ha diện tích tự nhiên với 520 nahan khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 ha diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lăng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng và có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Ân Thi) và 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Ân Thi lúc bấy giờ là 01 trong 06 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm: 01 thị trấn (Ân Thi), 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc) và tồn tại cho đến ngày nay.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,71 km^2, quy mô dân số là 5.340 người của xã Tân Phúc vào xã Quang Vinh. Sau khi nhập, xã Quang Vinh có diện tích tự nhiên là 10,29 km^2 và quy mô dân số là 12.504 người. Lúc bấy giờ, khu vực xã Ân Thi ngày nay bao gồm khu vực thị trấn Ân Thi và các xã Hoàng Hoa Thám, Quang Vinh thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh và xã Hoàng Hoa Thám thành xã mới có tên gọi là xã Ân Thi và tồn tại cho đến ngày nay.

10.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Ân Thi nằm ở phía Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây giáp xã Xuân Trúc;

- Phía Nam giáp xã Nguyễn Trãi;

- Phía Bắc giáp xã Phạm Ngũ Lão.

10.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Ân Thi có 24,38 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 9,11 km^2, đất nông nghiệp là 15,26 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,01 km^2.

10.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

10.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Ân Thi có quy mô dân số là 30.895 người, trong đó dân số thường trú là 30.511 người và dân số tạm trú là 384 người.

10.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ân Thi là 14.300 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.252 người, chiếm tỷ lệ 22,74%; lao động công nghiệp và xây dựng là 7.003 người, chiếm tỷ lệ 48,97%; lao động thương mại - dịch vụ là 4.045 người, chiếm tỷ lệ 28,29%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 11.048 người, chiếm tỷ lệ 77,26%.

10.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Ân Thi chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 38, ĐT.376, ĐT.386 và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

10.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

10.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Ân Thi năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.349,80 tỷ đồng; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.656,0 tỷ đồng, thương mại - dịch vụ đạt 986,0 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 707,8 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 29,43%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 49,44% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 21,13% trong cơ cấu kinh tế của xã.

10.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Ân Thi năm 2025 đạt 697,858 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 560,706 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 214,354 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 289,724 tỷ đồng. Cân đối có dư.

10.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 72 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 76 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 80 triệu đồng/người/năm.

10.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Ân Thi là 0,74%, trong đó: năm 2023 là 1,42%, năm 2024 là 0,41%, năm 2025 là 0,33% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

10.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Trồng trọt: Tập trung chỉ đạo gieo cấy đúng lịch thời vụ, đúng cơ cấu giống; tăng cường chỉ đạo việc đưa các giống cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng được 2.197 ha, trong đó: Diện tích lúa vụ Xuân là 1.118 ha, đạt 96,5% kế hoạch (diện tích lúa chất lượng cao là 947,7 ha, chiếm 81,8% diện tích gieo cấy); diện tích lúa vụ Mùa là 1.079 ha, đạt 95,6% kế hoạch (lúa chất lượng cao là 890 ha, chiếm 82,4% diện tích gieo cấy). Năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 60 tạ/ha, sản lượng lúa cả năm ước đạt 13.109,2 tấn. Toàn xã có 109,56 ha diện tích cây ăn quả, sản lượng ước đạt 1.500 tấn.

Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã ổn định. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm, kiểm soát tốt, không có dịch bệnh xảy ra. Hiện nay, đàn trâu, bò 710 con, đạt 89,1%; đàn lợn ước đạt 6.580 con, đạt 62,74%; đàn gia cầm trên 100.000 con, đạt 39,7%. Diện tích nuôi

trồng thủy sản là 144,24 ha, sản lượng thủy sản thu hoạch đạt 1.800 tấn. Sản phẩm nuôi trồng phần lớn vẫn là những giống cá trắm, chép, trôi, rô phi,... cho năng suất cao, có giá trị thị trường.

Tổ chức tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và vụ Xuân - Hè và vụ Thu - Đông năm 2025 đảm bảo đúng kế hoạch và hướng dẫn. Các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp an toàn sinh học, chủ động chống nóng, chống rét cho đàn gia súc, gia cầm. Tổ chức phun 250 lít thuốc khử trùng cho 225.000 m^2 chuồng trại chăn nuôi, đường làng, ngõ xóm, chợ, bãi rác.

Công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được Ủy ban nhân dân xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Các tiêu chí nông thôn mới tiếp tục được duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, hướng tới xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại và bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trên địa bàn xã có 05 khu công nghiệp trong quy hoạch và khu công nghiệp có tiềm năng dự kiến thành lập mới giai đoạn 2021 - 2030 được Chính phủ chấp thuận tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024. Hiện khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về việc quyết định chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; khu công nghiệp Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám đã được UBND tỉnh tiếp nhận tài trợ kinh phí và nhà đầu tư lập quy hoạch; các khu công nghiệp khác đang trong quá trình lập quy hoạch, lập dự án đầu tư đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt. 01 Cụm công nghiệp chủ đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đến nay đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiến độ đạt trên 70%, cụm đã thu hút 02 nhà đầu tư thứ cấp có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vào cụm. Hiện trên địa bàn xã có 28 công trình, dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đang thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

c) Thương mại - dịch vụ

Lượng hàng hóa cung cấp và lưu thông trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; giá cả thị trường nhìn chung ổn định, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa thiết yếu. Công tác quản lý thị trường được tăng cường, hàng giả, hàng kém chất lượng và hàng hóa không rõ nguồn gốc được kiểm soát chặt chẽ; việc bảo đảm an toàn thực phẩm luôn được chú trọng. Các lực lượng chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, việc chấp hành các quy định của pháp luật về thương mại và vệ sinh an toàn thực phẩm, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm.

10.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

10.6.1. Giáo dục - đào tạo

Xã Ân Thi hiện có hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh và ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân từ bậc Mầm non đến phổ thông. Trên địa bàn xã có: 03 trường THPT, 04 trường mầm non công lập, 04 cơ sở giáo dục mầm non tư thục, 01 trường THCS, 01 trường Tiểu học, 03 trường liên cấp TH&THCS và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Các nhà trường trên địa bàn xã đã thực hiện đầy đủ chương trình dạy và học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả dạy và học nhiều tiến bộ. Chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục toàn diện của xã không ngừng được nâng lên; công tác giáo dục đạo đức, kỷ cương nền nếp trong các hoạt động giáo dục được chú trọng. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên được tăng cường. 100% giáo viên mầm non, phổ thông của xã đạt chuẩn trình độ đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư; 100% các trường Mầm non, phổ thông của xã đều được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó có 02 trường đạt chuẩn mức độ 2). Kết quả phổ cập giáo dục (PCGD) luôn được duy trì ổn định trong nhiều năm: Đạt chuẩn PCGD Mầm non, đạt PCGD Tiểu học mức độ III, đạt PCGD THCS đạt mức độ III.

Chất lượng giáo dục mũi nhọn có nhiều thành tích: bậc Tiểu học có 06 giáo viên đạt danh hiệu "giáo viên dạy giỏi" cấp huyện; bậc THCS có 02 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 07 giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Thi học sinh giỏi khối lớp 9 cấp tỉnh, học sinh xã Ân Thi đạt 27/36 tổng số giải học sinh giỏi của huyện Ân Thi cũ (trong đó: 02 giải nhất, 8 giải nhì, 9 giải ba, 8 giải khuyến khích). Thi tìm hiểu an toàn giao thông vì nụ cười ngày mai cấp quốc gia đạt 01 giải khuyến khích; thi IOE cấp Quốc gia có 03 học sinh đạt giải (01 huy chương Bạc, 02 giải khuyến khích). Hội thi Nhí IOV có 24 em đạt giải cấp tỉnh, trạng nguyên Tiếng Việt có 44 em đạt giải cấp tỉnh. Các cuộc thi kiến thức trên mạng internet như: IOE, VIOEDU được các nhà trường tích cực hưởng ứng tạo sân chơi kiến thức lành mạnh, bổ ích, học sinh xã Ân Thi đạt được nhiều giải thường cấp tỉnh, cấp huyện. Giải điền kinh học sinh phổ thông tỉnh Hưng Yên đạt: 01 huy chương Bạc, 02 huy chương Đồng (khối THCS); giải cầu lông Tiểu học có 02 em đạt giải nhì cấp tỉnh.

10.6.2. Y tế

Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã đã ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, lộ trình BHYT toàn dân. Tiếp nhận hồ sơ tăng mới thẻ BHYT đối tượng từ đủ 60 tuổi trở lên 09 đối tượng.

Các hoạt động khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã được duy trì. Chủ động ban hành các Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã. Tăng cường công tác quản lý các cơ sở hành nghề y ngoài công lập; yêu cầu các cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở hành nghề y tư nhân ngừng kinh doanh, sử dụng những thuốc cấm lưu hành, các thực phẩm, mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc không có số đăng ký, những thuốc bị thu hồi do không đạt các tiêu chuẩn theo quy định hoặc có phản ứng có hại. Hiện chưa phát hiện thuốc cấm lưu hành trên địa bàn xã.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm thực hiện. Chương trình tiêm chủng mở rộng được triển khai đầy đủ, đúng kế hoạch; các hoạt động bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em được thực hiện theo quy định. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được chú trọng, tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ và tiêm phòng trước sinh đạt cao. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai hiệu quả; công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

Tích cực tuyên truyền, vận động thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng trong độ tuổi. Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển y tế cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

10.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, sự kiện chính trị; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, cảnh giác với các thông tin sai sự thật. Triển khai kế hoạch xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước làng văn hóa, phố văn hóa theo Nghị định 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn, phê duyệt, và ban hành 05 bản quy ước của các phố, 24 bản hương ước của các thôn và đưa vào thực hiện. Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị sự nghiệp thực hiện tốt phong trào văn hoá, văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao, xây dựng nếp sống văn minh góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tỷ lệ gia đình văn hóa năm 2025 là 8.488/9.010 hộ, đạt 94,2%; 17/29 thôn được công nhận danh hiệu thôn văn hóa, đạt 58,6%.

Tăng cường công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích; tổ chức các Lễ hội truyền thống trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của các tầng lớp Nhân dân. Toàn xã có 07 di tích được xếp hạng, trong đó có 01 di tích được xếp hạng di tích quốc gia, 06 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Tăng cường viết tin, bài trên hệ thống truyền thanh và các chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử của xã. Nội dung tuyên truyền Đề án 06, cải cách hành chính, chuyển đổi số, vận động Nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, của đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

Triển khai công tác chuyển đổi số, thực hiện chữ ký số cá nhân trên phần mềm quản lý văn bản. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác cải cách hành chính và điều hành quản lý. Xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn xã.

10.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân được quan tâm thực hiện. Nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, địa phương đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà kịp thời cho các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và người cao tuổi trên địa bàn, bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, góp phần động viên, khích lệ các đối tượng chính sách và bảo đảm mọi người dân đều được vui Xuân, đón Tết trong không khí đầm ấm, nghĩa tình. Nhân dịp kỉ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, UBND xã tổ chức thăm và tặng 822 suất qùa của Chủ tịch nước đến các gia đình chính sách và người có công với số tiền là 411 triệu đồng.

Triển khai chi trả lương cho người có công và bảo trợ xã hội qua tài khoản. Đến tháng 11/2025, đã tổ chức chi trả lương cho đối tượng BTXH qua tài khoản là 1.357 người/1.462 người, đạt 92,81%; chi trả cho đối tượng người có công là 503 người/516 người, đạt 98,05%. Chi trả trợ cấp thờ cúng năm 2025 cho 428 đối tượng với số tiền là 599,2 triệu đồng. Tiếp nhận và giải quyết trước hạn 14 hồ sơ mai táng phí người có công, 04 hồ sơ để nghị thờ cúng liệt sĩ, 02 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chất độc hóa học, 01 hồ sơ đề nghị bệnh binh, 08 hồ sơ đề nghị cấp lại bằng tổ quốc ghi công. Bên cạnh đó, đề nghị cho 07 đối tượng là thương binh 81% nhận quà tặng của tập đoàn Vingroup mỗi suất trị giá 20 triệu đồng. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng yếu thế. Toàn xã có 08 hộ được hỗ trợ (trong đó: xây mới 06 hộ, sửa chữa 02 hộ). Các hộ đều đảm bảo tiến độ xây dựng và giải ngân thanh toán xong trước ngày 31/5/2025.

10.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

10.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Chế độ trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì theo quy

định, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được quan tâm củng cố, kiện toàn; công tác huấn luyện, diễn tập được tổ chức chặt chẽ, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm công khai, minh bạch, hoàn thành chỉ tiêu giao quân hằng năm. Việc đăng ký, quản lý nguồn công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự được thực hiện đầy đủ; công tác rà soát, sơ tuyển, khám tuyển nghĩa vụ quân sự được triển khai nghiêm túc, tạo nguồn bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng địa phương. Lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên phối hợp nắm chắc tình hình cơ sở, duy trì tuần tra, canh gác, bảo đảm an toàn về người, vũ khí, trang bị và cơ sở vật chất, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Tình hình an ninh trật tự cơ bản ổn định. Công an xã đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch; triển khai thực hiện đề án chuyển hóa, xây dựng xã trên địa bàn xã không có ma túy, giai đoạn 2025 - 2030. Tình hình an ninh nông thôn vẫn xảy ra việc công dân đến UBND tỉnh để khiếu kiện liên quan về đất đai, liên kết với các công dân khiếu kiện ở các xã để tổ chức thành nhóm đi khiếu kiện (trước khi sáp nhập), gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Năm 2025, trên địa bàn xã xảy ra 14 vụ về trật tự an toàn xã hội, trong đó: 01 vụ chết không rõ nguyên nhân, 03 vụ trộm cắp tài sản, 04 vụ phạm tội về ma túy, 01 vụ hủy hoại tài sản, 03 vụ tai nạn giao thông, 02 vụ gây rối trật tự công cộng. Công an xã đã xác minh giải quyết. Đã xử phạt vi phạm hành chính 120 trường hợp về đăng ký, quản lý cư trú, 06 trường hợp vi phạm về lĩnh vực môi trường, 14 trường hợp vi phạm về phòng cháy chữa cháy, 06 trường hợp vi phạm đến lĩnh vực kinh tế, 21 trường hợp vi phạm an toàn giao thông, xử phạt vi phạm hành chính 07 trường hợp sử dụng ma túy trái phép.

10.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

10.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

10.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Ân Thi nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 05 người, chiếm 23.81%; đại học 14 người, chiếm 66,67%; trung cấp 02 người, chiếm 9,52%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 10 người, chiếm 47,62%; trung cấp 08 người, chiếm 38,10%; sơ cấp 02 người, chiếm 9,52%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,76%.

b) Ủy ban nhân dân xã Ân Thi có 09 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 06 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã); 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp và 01 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã.

10.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

10.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 40 chỉ tiêu, trong đó có 39 chỉ tiêu công chức và 01 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 08 người, chiếm 20%; đại học có 32 người, chiếm 80%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 06 người, chiếm 15 %; trung cấp lý luận chính trị 30 người, chiếm 75%; sơ cấp lý luận chính trị 03 người, chiếm 7,5% (không là đảng viên 01 người là HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

11. Xã Hoàng Hoa Thám

11.1. Lịch sử hình thành

Thời các Vua Hùng (1289 - 258 TCN), vùng đất Tiên Lữ thuộc bộ Dương Tuyền, nước Văn Lang; từ khi Triệu Đà diệt nước Âu Lạc (211TCN) đô hộ nước ta cho tới thời thuộc Đông Hán, Tống, Tề, Lương, Trần đều thuộc huyện Chu Diên, Quận Giao Chỉ; đến thời vua Đinh Tiên Hoàng (967 - 979) và Tiền Lê (979 - 1009) đổi là Châu Diên, Lê Ngoạ Triều đổi là Phủ Thái Bình. Thời nhà Lý (1010 - 1225), vùng đất thuộc huyện Tiên Lữ thuộc Khoái Lộ. Đời vua

Trần Thái Tông, năm Nhâm Tý 1252, địa danh được gọi là huyện Tiên Hoa thuộc phủ Khoái Châu. Sang thời Hậu Lê, huyện đổi tên thành huyện Tiên Lữ thuộc phủ Khoái Châu. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), huyện Tiên Lữ thuộc trấn Sơn Nam. Đời Lê Trung Hưng chia Sơn Nam thành Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ thì Tiên Lữ thuộc Sơn Nam thượng. Đến năm 1831, vua Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính, thành lập tỉnh Hưng Yên, huyện Tiên Lữ thuộc phủ Tiên Hưng. Năm 1890, sau khi thành lập tỉnh Thái Bình, huyện Thần Khê được chuyển về tỉnh Thái Bình, phủ Tiên Hưng còn lại bốn huyện gồm: Tiên Lữ, Phù Cừ, Duyên Hà và Hưng Nhân. Đến năm Thành Thái thứ 6 (1894), hai huyện Tiên Lữ và Phù Cừ được chuyển trở lại phủ Khoái Châu.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó phủ Khoái Châu gọi là huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quyết định hợp nhất hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng; huyện Tiên Lữ từ đó thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định hợp nhất hai huyện Tiên Lữ và Phù Cừ thành huyện Phù Tiên thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Tiếp đó, ngày 01/9/1999, Chính phủ quyết định tái lập huyện Tiên Lữ trên cơ sở tách từ huyện Phù Tiên cũ thuộc tỉnh Hưng Yên. Sau khi tái lập, huyện Tiên Lữ gồm 21 xã: An Viên, Cương Chính, Dị Chế, Đức Thắng, Hải Triều, Hoàng Hanh, Hồng Nam, Hưng Đạo, Lệ Xá, Liên Phương, Minh Phượng, Ngô Quyền, Nhật Tân, Phương Chiểu, Quảng Châu, Tân Hưng, Thiện Phiến, Thủ Sỹ, Thụy Lôi, Trung Dũng và Trung Nghĩa.

Ngày 07/10/1995, thành lập thị trấn Vương, thị trấn huyện lỵ huyện Tiên Lữ trên cơ sở diện tích tự nhiên 137,96 ha với 2.434 nhân khẩu của xã Ngô Quyền; diện tích tự nhiên 54 ha với 3.880 nhân khẩu của xã Dị Chế. Ngày 23/9/2003, các xã Trung Nghĩa, Liên Phương, Hồng Nam, Quảng Châu được sáp nhập vào thị xã Hưng Yên. Ngày 06/8/2013, các xã Tân Hưng, Phương Chiểu, Hoàng Hanh được sáp nhập vào thành phố Hưng Yên. Lúc này, huyện Tiên Lữ có 01 thị trấn Vương và 14 xã: An Viên, Cương Chính, Dị Chế, Đức Thắng, Hải Triều, Hưng Đạo, Lệ Xá, Minh Phượng, Ngô Quyền, Nhật Tân, Thiện Phiến, Thủ Sỹ, Thụy Lôi, Trung Dũng.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thành lập thị trấn Vương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,25 km^2, quy mô dân số là 6.235 người của xã Ngô Quyền và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,25 km^2, quy mô dân số là 8.733 người của xã Dị Chế vào thị trấn Vương. Sau khi thành lập, thị trấn Vương có diện tích tự nhiên là 13,93 km^2 và quy mô dân số là 21.084 người. Lúc bấy giờ, khu vực xã Hoàng Hoa Thám ngày nay bao gồm khu vực thị trấn Vương và các xã Hưng Đạo, Nhật Tân, An Viên thuộc huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Vương và các xã Hưng Đạo, Nhật Tân, An Viên thành xã mới có tên gọi là xã Hoàng Hoa Thám và tồn tại cho đến ngày nay.

11.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Hoàng Hoa Thám nằm ở phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 10 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tiên Hoa và xã Tiên Lữ;

- Phía Tây giáp xã Hiệp Cường;

- Phía Nam giáp phường Phố Hiến và xã Tân Hưng;

- Phía Bắc giáp xã Lương Bằng, xã Hồng Quang và xã Đoàn Đào.

11.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hoàng Hoa Thám có 31,87 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 11,02 km^2 và đất nông nghiệp là 20,85 km^2.

11.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

11.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hoàng Hoa Thám có quy mô dân số là 47.213 người, trong đó dân số thường trú là 46.722 người và dân số tạm trú là 491 người.

11.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hoàng Hoa Thám là 17.185 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.376 người, chiếm tỷ lệ 19,64%; lao động công nghiệp và xây dựng là 8.334 người, chiếm tỷ lệ 48,5%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.475 người, chiếm tỷ lệ 31,86%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 13.809 người, chiếm tỷ lệ 80,36%.

11.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 38 và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

11.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

11.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám năm 2025 theo giá hiện hành đạt 14.777,81 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 5.053,15 tỷ đồng, tăng 13%; thương mại - dịch vụ đạt 8.159,56 tỷ đồng, tăng 12%, nông - lâm - thủy sản đạt 1.565,10 tỷ đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 10,79%, trong đó: năm 2023 tăng 10,10%, năm 2024 tăng 10,90% và năm 2025 tăng 11,36%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 55,21%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 34,19% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 10,59% trong cơ cấu kinh tế của xã.

11.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám năm 2025 đạt 776,439 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 738,150 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 296,600 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 412,047 tỷ đồng. Cân đối có dư.

11.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 68,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 83,5 triệu đồng/người/năm.

11.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hoàng Hoa Thám là 0,73%, trong đó: năm 2023 là 1,12%, năm 2024 là 0,70%, năm 2025 là 0,15% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

11.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp chịu tác động nhiều bởi diễn biến phức tạp, thất thường của thời tiết, đặc biệt là vụ Mùa chịu ảnh hưởng liên tiếp của các cơn bão làm một phần diện tích lúa mới cấy bị ngập nhưng ngay sau đó chính quyền địa phương đã chỉ đạo các ngành cùng nông dân kịp thời khắc phục nên diện

tích lúa vẫn đạt kế hoạch đề ra. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 3.028 ha, trong đó: Cây lúa đạt 2.828 ha, toàn xã đảm bảo cơ cấu trà vụ với các giống lúa chất lượng cao có thời gian sinh trưởng ngắn từ 120-130 ngày chiếm trên 70%. Năng suất lúa năm 2025 là 65,8 tạ/ha.

Về cây rau màu: vụ Mùa 2025, tổng diện tích rau màu của toàn xã 200 ha cây rau, màu các loại tập trung chủ yếu tại các thôn: Dung, Xuân Điểm, Hậu Xá, Tam Nông, Muội Sảng, An Trạch, Linh Hạ, Cao Đoài, Cao Đông, Phượng Tường, Nội Linh. Trong đó: Ngô 25 ha, dưa chuột 30 ha, bí các loại 30 ha, còn lại là rau màu khác. Diện tích gieo trồng cây vụ đông được 300 ha trong đó 41,5 ha ngô nếp lai F1 HN88 được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh; 5 ha giống ngô nếp mới Ngọc Long CS03 được Trung tâm giống nông nghiệp đưa vào khảo nghiệm trình diễn. Diện tích trồng cây ăn quả của xã là 391,2 ha trong đó gồm: nhãn 152,9 ha, vải 20,3 ha và cây có múi (cam, bưởi): 57,1 ha còn lại là các cây ăn quả khác: Doi, chuối, ổi,... diện tích nhãn cho sản lượng đạt 1.386,58 tấn (năng suất đạt 110,23 tạ/ha).

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã cơ bản ổn định, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Tổng số hộ chăn nuôi (gà, lợn, trâu, bò, dê) trên 600 hộ trong đó: 285 hộ nuôi gia cầm với số lượng hơn 90.000 con; 113 hộ nuôi trâu, bò với số lượng gần 700 con; 230 hộ nuôi lợn với số lượng gần 12.000 con; 06 hộ nuôi dê với số lượng là 275 con. Ngoài ra, trên địa bàn xã có gần 2.200 hộ nuôi chó, mèo với số lượng gần 4.200 con. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và thủy sản vụ Thu - Đông năm 2025.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trong năm, tình hình sản xuất công nghiệp, xây dựng có nhiều biến động: sản xuất gặp nhiều khó khăn do lạm phát tăng cao, một số thị trường xuất khẩu bị thu hẹp (nhất là thị trường Âu - Mỹ), đơn hàng bị cắt giảm,... Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng ủy, HĐND, UBND xã và sự chủ động, tích cực ứng phó với biến động thị trường của các doanh nghiệp nên ngành Công nghiệp, xây dựng của xã tiếp tục tăng trưởng. Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - xây dựng tăng 13% so năm 2024 (KH năm tăng 12,5%). Hiện nay, toàn xã có nhiều cơ sở hoạt động ngành công nghiệp như: Công ty cổ phần Tiên Hưng, Công ty TNHH Ngọc Tề, Giầy Ruixing Việt Nam..., duy trì việc làm cho trên 6.000 lao động với thu nhập bình quân 8 - 9 triệu đồng/người/tháng.

Cụm công nghiệp Ngô Quyền đã được khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Đối với cụm công nghiệp Dị Chế, Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt, hiện nay chủ đầu tư đang hoàn thiện các hồ sơ để chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để có cơ sở thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật; đồng thời xã đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp cùng Chủ đầu tư hoàn thành giải phóng mặt bằng trong tháng 6/2026.

Sau ngày 01/7/2025, thực hiện chính quyền 02 cấp, UBND xã đã tiếp nhận các dự án, công trình do các xã và huyện Tiên Lữ quyết định đầu tư (chủ đầu tư) trước khi thực hiện chính quyền 02 cấp trên cơ sở UBND tỉnh giao. Cụ thể, xã đã tiếp nhận tổng số 260 dự án đầu tư xây dựng (trong đó Dự án của tỉnh là 06, Dự án của huyện Tiên Lữ (cũ) 68, Dự án tiếp nhận từ các xã cũ là 186 dự án). UBND xã đã thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng để giúp UBND xã thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, triển khai tiếp tục các dự án, đảm bảo kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. UBND xã đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng 107 dự án, công trình và trình HĐND xã bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Công tác phát triển hạ tầng giao thông vận tải tiếp tục được quan tâm, triển khai nhiều dự án giao thông quan trọng của tỉnh, của xã, như: Đường nối ĐT.376 với tuyến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ Ninh Bình; Xây dựng mở rộng cầu Phố Giác huyện Tiên Lữ; Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (đoạn qua địa phận xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ) đến đường ĐH.82 huyện Phù Cừ,... Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ được thực hiện đảm bảo an toàn, thông suốt. Công tác đảm bảo an toàn giao thông được tăng cường.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã tương đối ổn định, hàng hóa đa dạng, phong phú về chủng loại, mẫu mã, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, nhất là trong dịp lễ, Tết Nguyên đán. Trên địa bàn xã có khoảng 2.600 cơ sở hoạt động ngành thương mại, dịch vụ, đạt khoảng 110% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó lĩnh vực thương nghiệp: 1.900 cơ sở, vận tải: 20 cơ sở, các lĩnh vực khác: 680 cơ sở. Hàng hóa cung ứng cho thị trường dồi dào, các cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ hàng hóa đã chủ động tích trữ hàng hóa thiết yếu và hàng hóa khác phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân. Xã đã chỉ đạo các cơ quan chức năng của xã phối hợp Đội quản lý thị trường số 3 tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn, kịp thời ngăn ngừa, xử lý các trường hợp buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, quá hạn sử dụng để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các trường hợp trốn thuế, đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý. Một số loại hình dịch vụ trên địa bàn xã được phục hồi và tăng trưởng như ăn uống, vui chơi, giải trí, du lịch, vận tải hành khách.

11.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

11.6.1. Giáo dục - đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện, kỷ cương nề nếp trong hoạt động giáo dục được duy trì. Toàn ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 theo đúng khung chương trình quy định của cấp trên và bảo đảm chất lượng dạy học. Tổ chức thành công kỳ thi vào lớp 10

THPT năm học 2025 - 2026, thi tốt nghiệp THPT quốc gia. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 đối với bậc mầm non 100%; bậc tiểu học 94%, bậc THCS 100%. Chất lượng giáo dục được duy trì, củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; tỷ lệ phòng học kiên cố hóa tăng lên, đối với bậc mầm non đạt 98%, bậc tiểu học và THCS đạt 100%. Triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025; chỉ đạo thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã đảm bảo thông suốt, thống nhất từ Đảng ủy, chính quyền đến các cơ sở giáo dục, trong đó các nhà trường giữ vai trò tiền phong nòng cốt; duy trì tốt kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ như sau: đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

11.6.2. Y tế

Công tác quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn xã được tăng cường; chất lượng khám chữa bệnh tại trạm y tế dần được cải thiện, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. Chỉ đạo tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh mùa hè và mùa bão lũ trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động đảm bảo y tế cho người dân và bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2025. Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm đẩy mạnh công tác chỉ đạo, kiểm tra, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống. Duy trì các Trạm Y tế tại các xã cũ, trước sáp nhập để làm điểm tiêm phòng cho trẻ. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ làm việc đạt 80% do hiện nay trạm y tế Dị Chế chưa có bác sỹ về làm việc. Đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,75%, tỷ số giới tính bé trai/100 bé gái là 124/100.

11.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện tốt nhiệm vụ hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, sự kiện chính trị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là hoạt động chào mừng 80 năm Quốc khánh 02/9. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội, thể dục thể thao được duy trì, phát triển, phong trào văn nghệ quần chúng được duy trì, các Câu lạc bộ văn hóa văn nghệ cơ sở đã đóng góp tích cực vào hoạt động của các tổ chức đoàn thể và nhu cầu của người dân trên địa bàn. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ xã tỉnh lần thứ I, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và hướng tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tích cực huy động và kết hợp nguồn lực từ ngân sách nhà nước với nguồn xã hội hóa để tu sửa nâng cấp và tăng cường trang thiết bị cho Nhà Văn hóa, lắp đặt dụng cụ luyện tập thể thao tại một số Khu dân cư đáp ứng nhu cầu

luyện tập văn nghệ, thể thao thường xuyên của nhân dân (hoàn thành xây dựng vườn hoa trung tâm xã và vườn hoa khu Trung tâm thương mại xã).

Phối hợp với Ban Quản lý di tích tỉnh thẩm định, hoàn thiện hồ sơ xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh Nhà thờ Họ Trần tại xã An Viên và họ Quách tại xã Nhật Tân. Tiếp tục tiến hành giai đoạn 2, xây dựng Dự án mở rộng đền Vương. Hoàn thiện quy hoạch báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án mở rộng Đền Đậu An.

11.6.4. An sinh xã hội

Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai đầy đủ các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn". Nhân kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh liệt sỹ, xã đã tiếp nhận và chuyển chu đáo 1.339 suất quà của Chủ tịch nước và của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh đến người có công và các gia đình chính sách tiêu biểu có hoàn cảnh khó khăn. Xã cũng trích Quỹ đền ơn đáp nghĩa xã tặng quà 60 người có công và các gia đình chính sách tiêu biểu có hoàn cảnh khó khăn, mỗi suất quà trị giá 1.250.000 đồng; đồng thời thành lập 11 đoàn đi thăm, tặng quà thể hiện sự tri ân đối với người có công và các gia đình chính sách, chuẩn bị 30 suất quà để tặng người có công hoặc thân nhân người có công có hoàn cảnh khó khăn, mỗi suất quà trị giá 500.000 đồng tại buổi Lễ thắp nến tri ân các anh hùng liệt sỹ. Xã đã triển khai trao quà nhân kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 02/9 của Nhà nước cho 46.072 nhân khẩu với tổng kinh phí 4.607.200.000 đồng, đảm bảo an toàn, chu đáo, đúng đối tượng và đúng quy định. Xã đã triển khai tặng quà cho thiếu nhi trên địa bàn xã nhân dịp Tết Trung thu năm 2025 với tổng số 1.123 suất quà với tổng số tiền 178.670.000 đồng trích từ Quỹ Bảo trợ trẻ em.

Công tác quản lý Nhà nước về lao động, giải quyết việc làm được quan tâm triển khai thực hiện, toàn xã có 35.195 lao động từ 15 tuổi trở lên, trong đó lao động trong độ tuổi là trên 25.100 người; trong năm đã đào tạo, dạy nghề và đào tạo lại cho khoảng 500 lao động, tạo việc làm mới cho khoảng 400 lao động.

11.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm lo cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc

nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

11.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được đảm bảo. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, đảm bảo an toàn. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ năm 2025 với tổng số 504 đồng chí, trong đó: Dân quân là 403 đồng chí, tự vệ 101 đồng chí. Công tác huấn luyện đảm bảo đúng kế hoạch, chuẩn bị đầy đủ về vật chất, thao trường, giáo án phục vụ nhiệm vụ huấn luyện cho các đối tượng năm 2025, quân số huấn luyện đạt trên 90%. Triển khai các bước của công tác tuyển quân năm 2026. Kết quả sơ tuyển năm 2026 đạt 206/206 công dân lên trạm, trong đó, đề nghị khám tuyển cấp trên là 162 công dân. Đầu năm 2025, giao đủ 71/71, đạt 100% chỉ tiêu thanh niên nhập ngũ theo kế hoạch. Công tác quân sự địa phương được đảm bảo, tham gia khắc phục hậu quả, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong cơn bão số 3 và số 5. Ban Chỉ huy quân sự thường xuyên phối hợp với Công an xã, các ngành đoàn thể trong việc đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các sự kiện trọng đại của đất nước như Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, nghỉ lễ giỗ tổ 10/3, Ngày chiến thắng 30/4, Quốc tế lao động 01/5, 02/9,…

Tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn xã, an ninh nông thôn cơ bản ổn định. Chủ động nắm bắt tình hình, giải quyết ổn định các vụ việc xảy ra ảnh hưởng đến công tác đảm bảo an ninh chính trị tại địa phương. Trong năm, tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, không có án đặc biệt nghiêm trọng, hay tội phạm hoạt động băng nhóm có tổ chức theo kiểu xã hội đen. Lực lượng Công an xã đã làm tốt công tác nắm tình hình, tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, thủ trưởng các cơ quan doanh nghiệp và trường học đóng trên địa bàn triển khai các biện pháp, giải pháp đảm bảo tình hình an ninh trật tự, không để xảy ra các tình huống bị động, bất ngờ.

11.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

11.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

11.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) Hội đồng nhân dân xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Hoàng Hoa Thám nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 24 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 08 người, chiếm 33,33%; đại học 15 người, chiếm 62,5%; trung cấp 01 người, chiếm 4,17%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 07 người, chiếm 29,17%; trung cấp 12 người, chiếm 50%; sơ cấp 04 người, chiếm 16,67%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,17%.

b) Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 19 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 16 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục; 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp.

11.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh).

11.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

a) Khối Chính quyền: Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã là 637 chỉ tiêu, trong đó có 69 chỉ tiêu công chức, 568 chỉ tiêu viên chức và 02 chỉ tiêu hợp đồng phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Số hiện có mặt: tổng số: 632 biên chế, trong đó: 60 biên chế công chức, 570 biên chế viên chức, 02 lao động hợp đồng phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 11 người, chiếm 1,75%; đại học có 534 người, chiếm 84,76%; cao đẳng, trung cấp có 85 người, chiếm 13,49%.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 03 người, chiếm 0,48%; trung cấp lý luận chính trị 97 người, chiếm 15,4%; sơ cấp lý luận chính trị 530 người, chiếm 84,13%.

b) Khối Đảng, MTTQ: Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp khối Đảng ở xã là 40 chỉ tiêu, trong đó có 37 chỉ tiêu công chức, 03 chỉ tiêu viên chức.

- Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 09 người, chiếm 22,5%; đại học có 31 người, chiếm 77,5%.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 06 người, chiếm 15 %; trung cấp lý luận chính trị 32 người, chiếm 80%; sơ cấp lý luận chính trị 02 người, chiếm 5%.

12. Xã Khoái Châu

12.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Khoái Châu là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu trên cơ sở xã Kim Ngưu cũ và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Khoái Châu) và 24 xã (Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tử, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bình Kiều vào thị trấn Khoái Châu.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn

Khoái Châu và các xã Liên Khê, Phùng Hưng, Đông Kết thành xã mới có tên gọi là xã Khoái Châu cho đến tận ngày nay.

12.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Khoái Châu nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 26 km về phía Bắc. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Việt Tiến;

- Phía Tây giáp xã Châu Ninh;

- Phía Nam giáp xã Chí Minh;

- Phía Bắc giáp xã Triệu Việt Vương.

12.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Khoái Châu có 29,33 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 8,91 km^2 và đất nông nghiệp là 20,42 km^2.

12.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

12.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Khoái Châu có quy mô dân số là 49.501 người, trong đó dân số thường trú là 48.837 người và dân số tạm trú là 664 người.

12.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Khoái Châu là 27.542 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.319 người, chiếm tỷ lệ 19,31%; lao động công nghiệp và xây dựng là 12.328 người, chiếm tỷ lệ 44,76%; lao động thương mại - dịch vụ là 9.895 người, chiếm tỷ lệ 35,93%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 22.223 người, chiếm tỷ lệ 80,69%.

12.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Khoái Châu chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo Quốc lộ và các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã.

12.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

12.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Khoái Châu năm 2025 theo giá hiện hành đạt 4.498,90 tỷ đồng, tăng 10,30% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.069,49 tỷ đồng, tăng 11,10%;

thương mại - dịch vụ đạt 1.664,59 tỷ đồng, tăng 10,60%, nông - lâm - thủy sản đạt 764,81 tỷ đồng, tăng 9,20% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 10,12%, trong đó: năm 2023 tăng 9,90%, năm 2024 tăng 10,16% và năm 2025 tăng 10,30%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 37,00%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 46,00% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 17,00% trong cơ cấu kinh tế của xã.

12.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Khoái Châu năm 2025 đạt 680,34 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 651,25 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 263,85 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 315,91 tỷ đồng. Cân đối có dư.

12.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 74,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 78,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 85,2 triệu đồng/người/năm.

12.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Khoái Châu là 0,65%, trong đó: năm 2023 là 0,87%, năm 2024 là 0,67%, năm 2025 là 0,31% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

12.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng diện tích cấy lúa vụ xuân 420 ha, cây ăn quả 1.384 ha, diện tích cây vụ đông 295 ha; tỷ lệ gieo vãi trên 50%, Năng suất lúa đông xuân ước đạt 68,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng lúa vụ xuân năm 2025 ước đạt 77.6 triệu tấn, tăng 6,3 nghìn tấn. Các loại cây ăn quả và rau màu khác cho thu hoạch khá.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát, tạo sự yên tâm cho người chăn nuôi nên quy mô đàn tương đối ổn định và có xu hướng tăng về đàn trâu bò. Đàn lợn những ngày gần đây đang có sự diễn biến xấu của dịch tả châu phi cần tuyên truyền tốt về công tác phòng dịch. Tổng đàn

lợn 31.120 con, gia cầm, thủy cầm khoảng 340.000 con. Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng kế hoạch triển khai tiêm phòng vắc xin cho đàn gia xúc, gia cầm các bệnh như: Lở mồm long móng, tụ huyết trùng, tai xanh cho đàn lợn, trâu bò đảm bảo.

Nuôi trồng thủy sản tổng diện tích 203 ha. Đa phần các hộ nuôi trồng kết hợp nhiều giống cá, xen canh gối vụ. Nhiều hộ đã áp dụng khoa học và kinh nghiệm vào chăn nuôi, trồng trọt, sản phẩm gia tăng xong thị trường đầu gia giá cả thấp lên thu nhập của người dân không đạt so với đầu tư.

b) Công nghiệp - xây dựng

Về tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: Các nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp- xây dựng hoạt động ổn định và phát triển, như nghề sản xuất hương thắp, mây tre đan, nghề mộc,... tạo được nhiều việc làm tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Xây dựng cơ bản: Đẩy nhanh tiến độ tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm của Tỉnh đảm bảo đúng tiến độ đề ra, đẩy nhanh thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành, đôn đốc đơn vị thi công xây dựng thanh toán theo hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 theo chỉ đạo và kế hoạch đề ra.

Công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội vẫn được chú trọng, cơ bản đảm bảo tiến độ đề ra. Tiếp nhận từ Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu cũ các dự án giải phóng mặt bằng, trong đó tuyến đường kết nối di sản: 24,7 ha; dự án đường 384 B (Chợ Bến - Chí Tân): 20,9 ha; dự án đường Chí Tân - Toàn Thắng: 1,8 ha; dự án sân GOFL Khoái Châu (giai đoạn 1): 82,9 ha.

Thực hiện rà soát, sắp xếp, xử lý tài sản công khi sắp xếp đơn vị hành chính; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, quyết định về việc giao, điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc (cơ sở nhà, đất) cho các cơ quan, đơn vị theo quy định.

c) Thương mại - Dịch vụ:

Các ngành nghề dịch vụ như: ăn uống, làm đẹp được nhân rộng trên địa bàn. Tạo hành lang pháp lý cho các cơ sở phát triển, tuyên truyền, phổ biến kiến thức và ký cam kết các cơ sở sản xuất kinh doanh không sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng.

12.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

12.6.1. Giáo dục - đào tạo

Các trường triển khai kế hoạch giảng dạy năm học 2025 - 2026 bám sát đúng theo kế hoạch của các cấp; phát động phong trào "Bình dân học vụ số", phong trào "Tuần lễ học tập suốt đời", và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn xã".

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường cho học sinh luôn được quan tâm chú trọng; kỷ cương nề nếp, chất lượng giáo dục cơ bản ổn định.

Các trường thực hiện chỉ đạo, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của người học sinh; ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học; tăng cường các hoạt động xã hội, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức vào thực tế; 100% các nhà trường dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

12.6.2. Y tế

Hoàn thành Phương án thành lập Trạm Y tế xã trên cơ sở sáp nhập 05 trạm Y tế thuộc các xã. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tiếp tục được duy trì thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tiêm chủng cho trẻ em trong độ tuổi và bà mẹ có thai, điều trị ngoại trú cho bệnh nhân tâm thần, động kinh, bệnh nhân lao đúng phác đồ. Viết bài tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tư vấn sức khoẻ sinh sản tham mưu kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm 02 lần trong năm, không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn.

12.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Tập trung xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh cơ sở; triển khai hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm, gắn với định hướng phát triển du lịch. Tăng cường công tác quản lý hoạt động di tích và lễ hội.

Đẩy mạnh và đổi mới về nội dung, đa dạng hóa về hình thức tuyên truyền như: trên hệ thống loa truyền thanh, lồng ghép các hội nghị, tuyên truyền lưu động đi từng ngõ, thôn, xóm, pano, áp phích, băng rôn, treo cờ tổ quốc, cờ đảng tại các đường trục chính, nơi công cộng và nơi đông dân cư. Viết bài tuyên truyền về thực hiện Kế hoạch 93a, Chỉ thị 02 và Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ thường xuyên phát trên hệ thống loa truyền thanh.

Đẩy mạnh hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, phát thanh gắn với tuyên truyền, cổ động trực quan chào mừng các sự kiện, ngày kỷ niệm phục vụ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Triển khai nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đẩy nhanh chuyển đổi số, đổi mới mạnh mẽ phương thức điều hành; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện trang thông tin điện tử, trang fanpage facebook của xã và tiến hành đưa tin bài trên truyền thanh và các trang thông tin điện tử xã, duy trì lịch tiếp âm phát sóng của Đài truyền thanh, sửa chữa các cụm loa trên địa bàn xã.

12.6.4. An sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn. Hiện xã quản lý 760 đối tượng người có công và thân nhân người có công, 2579 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên. Tổ chức cho 60 người có công đi điều dưỡng tập trung; chi trả tiền thờ cúng cho 676 người, tiền ăn thêm lễ tết cho 05 thương bệnh binh nặng; thẩm tra xác minh, xác định mức độ khuyết tật cho 105 đối tượng khuyết tật; thẩm định và giải quyết kịp thời đối với các hồ sơ hưởng chế độ, chính sách (người có công, người khuyết tật, hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, mai táng, hỏa táng…). Quan tâm thực hiện tốt chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát: 72 hộ; thẩm định và giải quyết kịp thời đối với các hồ sơ hưởng chế độ, chính sách (người có công, người khuyết tật, hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, mai táng, hỏa táng…). Quan tâm thực hiện tốt chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát. Tiếp nhận và cấp phát 47.917 suất quà của Chính phủ nhân dịp 2/9 cho nhân dân. Năm 2025, hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia 61/14.784 hộ; hộ nghèo cận nghèo 61/14.784 hộ và đến năm 2026, xã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

12.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

12.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được quan tâm và tổ chức thực hiện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Năm 2025, đã tuyển chọn và giao tân binh đảm bảo đủ chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng sau giao quân. đồng thời triển khai Kế hoạch tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2026; phúc tra, xét duyệt nguồn sẵn sàng nhập ngũ bảo đảm đủ chỉ tiêu tuyển quân được giao. Triển khai kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tham gia nghĩa vụ công an nhân dân năm 2026. Danh sách công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ Công an là 1.698 công dân. Danh sách tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ năm 2026 là 819 công dân, danh sách đủ điều kiện gọi nhập ngũ là 879 công dân, Danh sách nam công dân không đủ điều kiện gọi khám sơ tuyển là 149 công dân. Đã phát lệnh khám sơ tuyển 730 công dân. Số nam thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân ngày 23/11/2025 là 165 nam thanh niên. Thực hiện kiện toàn các đơn vị dân quân của xã và đơn vị dân quân tự vệ

theo hướng dẫn; tổ chức thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chế độ chính sách đối với dân công hỏa tuyến theo đúng quy định. Tình hình an ninh nông thôn, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định.

12.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

12.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

12.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Khoái Châu nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 24 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 1 người, chiếm 4,17 %; Thạc sỹ 9 người, chiếm 37,50%; đại học 12 người, chiếm 50,00%; trung cấp 1 người, chiếm 4,17%; trình độ khác 1 người, chiếm 4,17%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 10 người, chiếm 41,67 %; trung cấp 10 người, chiếm 41,67%; sơ cấp 3 người, chiếm 12,50 %; chưa qua đào tạo 1 người, chiếm 4,17 %.

b) Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 Ủy viên, gồm: Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy quân sự xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Chánh Văn phòng HĐND và UBND.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn, gồm: Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và 01 tổ chức hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục; 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế: Trạm Y tế; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp.

12.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch.

12.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

a) Khối Đảng

- Tổng số cán bộ công chức, viên chức hiện có là 40 biên chế và 02 hợp đồng 111, trong đó: 35 công chức; 03 viên chức và 02 hợp đồng 111.

- Trình độ chuyên môn: 01 tiến sĩ, 05 thạc sĩ, 33 đại học;

- Trình độ Lý luận chính trị: 8 cao cấp, 30 trung cấp, 01 sơ cấp.

b) Khối Chính quyền

Tổng số cán bộ công chức, viên chức hiện có là 72 biên chế và 01 hợp đồng 111, gồm:

* Công chức: 55 biên chế và 01 Hợp đồng 111

- Hội đồng nhân dân xã: 03 biên chế, trong đó:

+ Lãnh đạo HĐND: 01 Chủ tịch HĐND (do đ/c Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm) và 01 đ/c Phó Chủ tịch thường trực chuyên trách

+ Ban Kinh tế - Ngân sách gồm: Trưởng ban (chức danh kiêm nhiệm); 01 Phó Trưởng ban chuyên trách.

+ Ban Văn hóa - Xã hội gồm: Trưởng ban (chức danh kiêm nhiệm); 01 Phó Trưởng ban chuyên trách.

- Ủy ban nhân dân xã: 52 biên chế và 01 hợp đồng 111, trong đó:

+ Lãnh đạo UBND xã gồm 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

+ Các phòng chuyên môn: 39 biên chế và 01 hợp đồng 111 (Trong đó: Văn phòng HĐND và UBND có 14 biên chế và 01 hợp đồng 111; phòng Kinh tế có 14 biên chế; phòng Văn hóa - Xã hội có 11 biên chế); Trung tâm Phục vụ hành chính công có 10 biên chế

* Viên chức: 17 biên chế (Trong đó: Trung tâm Dịch vụ văn hóa - xã hội: 6 biên chế; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng: 11 biên chế)

* Cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo trình độ

- Trình độ chuyên môn: 13 người trình độ thạc sĩ, 60 người trình độ đại học;

- Trình độ lý luận chính trị: 05 người trình độ cao cấp, 01 cử nhân, 41 người trình độ trung cấp, 26 trình độ sơ cấp;

- Trình độ quản lý nhà nước: 7 người trình độ chuyên viên chính, 44 người trình độ chuyên viên.

13. Xã Thái Thụy

13.1. Lịch sử hình thành

Huyện Thái Thụy được thành lập vào ngày 17/6/1969 trên cơ sở hợp nhất hai huyện Thái Ninh và Thụy Anh thuộc tỉnh Thái Bình. Khi hợp nhất, huyện

gồm 47 xã: Thái An, Thái Đô, Thái Dương, Thái Giang, Thái Hà, Thái Hòa, Thái Học, Thái Hồng, Thái Hưng, Thái Lộc, Thái Mỹ, Thái Nguyên, Thái Phúc, Thái Sơn, Thái Tân, Thái Thành, Thái Thịnh, Thái Thọ, Thái Thuần, Thái Thượng, Thái Thủy, Thái Xuyên, Thụy An, Thụy Bình, Thụy Chính, Thụy Dân, Thụy Dũng, Thụy Dương, Thụy Duyên, Thụy Hà, Thụy Hải, Thụy Hồng, Thụy Hưng, Thụy Liên, Thụy Lương, Thụy Ninh, Thụy Phong, Thụy Phúc, Thụy Quỳnh, Thụy Sơn, Thụy Tân, Thụy Thanh, Thụy Trình, Thụy Trường, Thụy Văn, Thụy Việt, Thụy Xuân.

Ngày 25/06/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 75-HĐBT thành lập thị trấn Diêm Điền trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã: Thụy Lương, Thụy Hà và Thụy Hải. Ngày 11/02/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Bình; theo đó, mở rộng thị trấn Diêm Điền trên cơ sở sáp nhập các xã: Thụy Lương, Thụy Hà.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025; theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích và dân số của Thị trấn Diêm Điền và 4 xã gồm: Thụy Bình, Thụy Liên, Thụy Trình và Thụy Hải thành xã mới có tên gọi là xã Thái Thụy.

13.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Thái Thụy nằm ở phía Đông và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp xã Thụy Anh;
- Phía Nam giáp xã Thái Ninh và xã Bắc Thái Ninh;
- Phía Bắc giáp xã Đông Thụy Anh và xã Bắc Thụy Anh.

13.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Thái Thụy có 47,45 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 25,65 km^2, đất nông nghiệp là 21,60 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,20 km^2.

13.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

13.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Thái Thụy có quy mô dân số là 51.402 người, trong đó dân số thường trú là 50.721 người và dân số tạm trú là 681 người.

13.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thái Thụy là 26.020 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.498 người, chiếm tỷ lệ 13,44%; lao động công nghiệp và xây dựng là 15.471 người, chiếm tỷ lệ 59,46%; lao động thương mại - dịch vụ là 7.051 người, chiếm tỷ lệ 27,10%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 22.522 người, chiếm tỷ lệ 85,56%.

13.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Xã Thái Thụy sở hữu nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý, với không gian phát triển đa dạng, thuận lợi cho phát triển kinh tế biển, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, địa phương có quy mô dân số lớn, nguồn lao động dồi dào, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Dân cư phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm, các điểm dân cư hiện hữu, dọc các tuyến giao thông chính và các khu vực tập trung hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hình thành mật độ dân số tương đối cao và sự liên kết chặt chẽ giữa các khu vực dân cư. Đây là những điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

13.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

13.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Thái Thụy năm 2025 theo giá hiện hành đạt 16.238,20 tỷ đồng; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 11.595,00 tỷ đồng, tăng 20,83% so với cùng kỳ năm 2024; thương mại - dịch vụ đạt 3.199,20 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2024, nông - lâm - thủy sản đạt 1.444,00 tỷ đồng, tăng 2,24% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 11,53%, trong đó: năm 2023 tăng 12,00%, năm 2024 tăng 12,24% và năm 2025 tăng 10,35%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; đồng thời vẫn duy trì tỷ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản nhằm bảo đảm an ninh lương thực. Năm 2025, tỷ trọng các khu vực tương ứng là: thương mại - dịch vụ 19,70%; công nghiệp - xây dựng 71,41%; nông - lâm - thủy sản 8,89%.

13.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Thái Thụy năm 2025 đạt 702,5 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 629,7 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 310,634 tỷ đồng). Cân đối có dư.

13.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

13.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Thái Thụy là 1,68%, trong đó: năm 2023 là 1,83%, năm 2024 là 1,67%, năm 2025 là 0,15% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

13.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Xã tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2025, gieo cấy đúng khung thời vụ. Năm 2025, ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất đã được chú trọng, làm giảm kinh phí cho người nông dân, mang lại hiệu quả kinh tế đối với ngành trồng trọt với tổng diện tích gieo cấy lúa đạt 1.976,8 ha, trong đó vụ Xuân sinh trưởng và phát triển đồng đều, năng suất 70tạ/ha, sản lượng 6.990 tấn, lúa vụ mùa đạt năng suất 57tạ/ha, sản lượng 5.575 tấn. Các hợp tác xã thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách hỗ trợ nông nghiệp tới Nhân dân.

Ngành chăn nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản được duy trì, phát triển ổn định. Trên địa bàn xã, có tổng 170 phương tiện tham gia hoạt động khái thác trên biển với sản lượng hải sản đạt trên 16.000 tấn/năm. Nguồn nguyên liệu dồi dào là điều kiện thuận lợi để nghề chế biến, kinh doanh thủy hải sản phát triển, công tác triển khai được chú trọng bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định (IUU). Bên cạnh đó, đối với các hành vi như ngắt kết nối thiết bị giám sát hành trình, khai thác trái phép ở vùng biển quốc tế, địa phương tiến hành rà soát, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

Năm 2025, sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn xã Thái Thụy cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Mặc dù chịu ảnh hưởng của các cơn bão số 3, 5, 6, 9, 10 và các đợt lốc xoáy trên địa bàn, song với sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, HĐND, UBND xã; sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban, đơn vị cùng sự nỗ lực của Nhân dân, sản xuất nhanh chóng được khôi phục sau bão. Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản đạt 1.444,00 tỷ đồng, tăng chậm so với cùng kỳ năm 2024. Hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định. Công tác thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm an toàn.

b) Công nghiệp - xây dựng

Thời gian qua Thái Thụy cũng tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng

khoa học - công nghệ vào sản xuất; hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề gắn với phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động địa phương. Năm 2025, kinh tế xã Thái Thụy đạt mức tăng trưởng hai con số, phản ánh rõ nét phát triển kinh tế địa phương. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, trong đó công nghiệp - xây dựng giữ vai trò động lực chủ yếu với mức tăng 20,83% so với cùng kỳ năm 2024. Phát huy lợi thế về công nghiệp, toàn xã hiện có khoảng 500 doanh nghiệp hoạt động. Điểm nhấn nổi bật là Khu công nghiệp Liên Hà Thái - mô hình tiêu biểu về đầu tư đồng bộ, hiện đại, đã thu hút hơn 50 nhà đầu tư FDI với tổng vốn đăng ký trên 1,6 tỷ USD. Khu công nghiệp tập trung vào các ngành công nghệ cao, điện - điện tử, công nghiệp ô tô, tự động hóa và công nghiệp phụ trợ, không chỉ đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng mà còn tạo việc làm cho gần 10.000 lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động theo hướng hiện đại. Cùng với đó, nông nghiệp tiếp tục được duy trì ổn định, đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.

Công tác đầu tư, quy hoạch và xây dựng trên địa bàn xã Thái Thụy năm 2025 tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được tập trung thực hiện, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng của địa phương. Công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng được tăng cường; thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Bên cạnh đó, xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

c) Thương mại - Dịch vụ:

Hoạt động thương mại - dịch vụ cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn. Thi hành Quyết định số 1588/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại bà hàng giả xã Thái Thụy, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu gian lận thương mại và hàng giả được đảm bảo. Năm 2025, thương mại - dịch vụ tại xã Thái Thụy đạt 3.199,20 tỷ đồng, chiếm 19,70% cơ cấu kinh tế của xã. Bên cạnh đó, địa phương tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất mở rộng thị trường tiêu thụ, phát triển hệ thống phân phối và ứng dụng thương mại điện tử. Qua đó tăng cường kết nối giữa nhà sản xuất, khách hàng, góp phần đưa sản phẩm nông nghiệp lên các sàn thương mại điện tử, hướng tới mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của xã Thái Thụy nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

13.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

13.6.1. Giáo dục - đào tạo

Sự nghiệp giáo dục đào tạo tiếp tục được phát triển toàn diện và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, quy mô trường lớp được củng cố sắp xếp đảm bảo tinh gọn. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm, đầu tư xây dựng. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và công tác khuyến học, khuyến tài được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao hiệu quả phong trào xây dựng xã hội học tập. Việc tổ chức định về dạy thêm, học thêm đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định theo Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024, Thông tư 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 của Bộ GD&ĐT. Công tác quản lý giáo dục được tăng cường, kỷ cương, kỷ luật trong trường học được chú trọng. Đối với cấp học Mầm non, phương pháp, hình thức dạy học, bám sát quan điểm, tích cực đổi mới phương pháp dạy "lấy trẻ em làm trung tâm". Trong năm học 2024 -2025, bậc giáo dục tiểu học, THCS, đạt tỷ lệ hoàn thành chương trình khá cao, 100% số lượng học sinh tuyển sinh đầu cấp đều được thực hiện đăng ký trên phần mềm theo quy định. Không để xảy ra tình trạng học sinh bỏ học trong năm học. Bên cạnh đó, hoàn thành đánh giá, xếp loại, xét thi đua khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong năm học.

13.6.2. Y tế

Công tác y tế trên địa bàn tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả. UBND xã luôn xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Thái Thụy đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Ngành Y tế duy trì thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Hoạt động trực phòng, chống dịch; chế độ giám sát và báo cáo dịch bệnh được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý hiệu quả các trường hợp bệnh, nghi mắc bệnh và ổ dịch bệnh truyền nhiễm theo quy định. Công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế được tăng cường; các giải pháp mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế được triển khai theo kế hoạch, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%. Việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị y tế và các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn được thực hiện thường xuyên, bảo đảm đúng quy định. Trong năm 2025, địa phương tổ chức triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm"; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo, thường xuyên kiểm

tra, rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm diễn ra trên địa bàn.

13.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước Nhân dân xã Thái Thụy luôn đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau, đóng góp to lớn về sức người, sức của trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cũng như trong lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đã nhận được sự hưởng ứng tích cực, sâu rộng của các tầng lớp nhân dân trong xã, từng bước nâng cao ý thức của người dân trong việc xây dựng và giữ gìn đường phố khang trang, sạch đẹp, không vứt rác bừa bãi, tạo môi trường sống trong lành.

Tuyên truyền và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn, chào mừng Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc, tuyên truyền kỷ niệm 95 năm Ngày truyền thống cách mạng 14/10. Tập trung tuyên truyền việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tuyên truyền, vận động cán bộ Nhân dân tham gia góp ý kiến dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 2013;... Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", thực hiện quy định nếp sống văn hóa trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý di tích, hoạt động du lịch, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, quản lý và tổ chức lễ hội. Rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng thiết chế văn hóa, thể thao, các di tích, cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn sau sáp nhập để quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả. Đặc biệt tại khu vực bãi triều ven biển Thụy Hải, vào các dịp lễ, Tết địa phương tăng cường chỉ đạo các cơ sở lưu trú, các khu, điểm du lịch thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống đuối nước. Tổ chức thành công ngày Hội Đại đoàn kết toàn dân ở 38 thôn trên địa bàn xã. Công tác bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2025 được triển khai thực hiện dân chủ, khách quan, đúng quy định; tỷ lệ thôn đạt danh hiệu thôn Văn hóa là 92,10%, tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa là trên 95%.

13.6.4. An sinh xã hội

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đúng, đủ. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân liệt sỹ, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết được thực hiện kịp thời. Tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng, bảo trợ xã hội

đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt. Chương trình xóa nhà ở dột nát, nhà tạm cho các hộ chính sách, hộ nghèo trên địa bàn xã được thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

13.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

13.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng trong những năm qua luôn được xã quan tâm chỉ đạo, các lực lượng duy trì nghiêm chế độ trực luân phiên, trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ lễ, tết, các ngày sự kiện trọng đại của đất nước đảm bảo quân số và thời gian theo kế hoạch. Tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2025, xã bàn giao 76 công dân hăng hái lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự, đạt và vượt chỉ tiêu giao quân. Công tác rà soát nguồn, sơ tuyển, khám tuyển và quản lý thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm chất lượng giao quân. Lực lượng Biên phòng thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình, trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn địa bàn vùng biển. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát chống khai thác IUU. Duy trì nghiêm chế độ trực bến, trực trạm; tổ chức tuần tra cửa sông, ven biển, tuần tra bộ. Làm tốt công tác phối hợp với các lực lượng chức năng trên địa bàn xã trong công tác nắm bắt tình hình, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, trao đổi thông tin và xử lý vụ việc.

Tình hình an ninh, trật tự được giữ vững, công tác đảm bảo an ninh chính trị, an ninh tôn giáo và trật tự an toàn xã hội đã được cấp ủy Đảng, chính quyền xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng trong Nhân dân. Tuyên truyền hướng dẫn, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đến người dân, phát huy hiệu quả phương châm "bốn tại chỗ" với mục tiêu "từng nhà an toàn - từng doanh nghiệp an toàn - từng xã, thị trấn an toàn".

13.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

13.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng

Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

13.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Thái Thụy nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 25 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 8 người, chiếm 32 %; đại học 10 người 40%, Cao Đẳng 2 chiếm 8%, Trung cấp 4 chiếm 16%, chưa qua đào tạo 1 người chiếm 4,0%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 09 người, chiếm 36%; trung cấp 08 người, chiếm 32%; sơ cấp 01 người, chiếm 4%.

b) Ủy ban nhân dân xã Thái Thụy có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 20 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó gồm 17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 Trạm Y tế, 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và 01 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã.

13.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

13.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn của UBND xã và đơn vị sự nghiệp ở xã là 740 chỉ tiêu, trong đó có 50 chỉ tiêu cán bộ công chức, 690 chỉ tiêu viên chức.

- Khối chính quyền: Tổng số 37 cán bộ công chức, trình độ chuyên môn thạc sỹ 05 chiếm 13,51%, đại học 32, chiếm 86,49% trình độ lý luận chính trị cao cấp 05, trung cấp 26, sơ cấp 05.

- Số lượng viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã: Tổng số 617; trình độ chuyên môn thạc sĩ: 08, chiếm 1,3%, đại học: 520 chiếm 84,27%, cao đẳng: 66 chiếm 10,7%, trung cấp: 23 chiếm 3,73%. Lý luận chính trị: Trung cấp 55, chiếm 8,9%.

13.8.5. Về người hoạt động không chuyên trách

Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 41 người, tháng 9/2025 đã giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP là 22 người; số còn lại là 19 người, trong đó đang đề nghị giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP là 13 người (03 người đang đề nghị chuyển vào công chức khối Đảng và MTTQ xã) và 06 người chuyển sang hoạt động không chuyên trách ở thôn. Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn là 76 người (trong đó Bí thư kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận thôn là 38 người; Trưởng thôn là 38 người).

14. Xã Hưng Hà

14.1. Lịch sử hình thành

Thời phong kiến, vùng đất Hưng Hà ngày nay thuộc phủ Long Hưng, trấn Sơn Nam. Đây là vùng đất có vị trí quan trọng ở hạ lưu sông Hồng, giữ vai trò kết nối giao thương giữa các địa phương trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Đến thời nhà Nguyễn, khu vực này thuộc các huyện của phủ Tiên Hưng và phủ Thái Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi thành lập tỉnh Thái Bình năm 1890 dưới triều vua Thành Thái, địa giới hành chính khu vực tiếp tục được điều chỉnh và thuộc tỉnh Thái Bình.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng bãi bỏ cấp phủ, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện và xã. Huyện Hưng Hà chính thức được thành lập theo Quyết định số 93-CP ngày 17/6/1969, trên cơ sở hợp nhất 02 huyện Duyên Hải, Hưng Nhân và sáp nhập thêm 5 xã của huyện Tiên Hưng thành huyện mới có tên là huyện Hưng Hà. Lúc này huyện Hưng Hà có 43 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (An Đình, An Đồng, Bắc Sơn, Canh Tân, Cấp Tiến, Chí Hòa, Chi Lăng, Cộng Hòa, Dân Chủ, Đoan Hùng, Độc Lập, Đông Đô, Duyên Hải, Hiệp Hòa, Hòa Bình, Hoàng Đức, Hồng Hà, Hồng Lĩnh, Hồng Phong, Hùng Dũng, Kim Trung, Lam Sơn, Liên Hiệp, Minh Hòa, Minh Hồng, Minh Khai, Minh Tân, Phạm Lễ, Phúc Khánh, Tam Điệp, Tam Nông, Tân Mỹ, Tân Sơn, Tân Tiến, Tân Việt, Tây Đô, Thái Hưng, Thái Thịnh, Thống Nhất, Tiến Dũng, Trần Phú, Văn Cẩm và Văn Lang).

Ngày 18/12/1976, huyện Hưng Hà thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính khi sáp nhập xã An Đình vào xã Thống Nhất nhằm tinh gọn đơn vị hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Tiếp đó, ngày 23/02/1977, Phủ Thủ tướng ban hành Quyết định số 618-VP18 về việc sắp xếp, hợp nhất nhiều đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Hưng Hà. Theo đó, hợp nhất xã Minh Hồng và xã Hồng Phong thành xã Hồng Minh; hợp nhất xã Tiến Dũng và xã Hoàng Đức thành xã Tiến Đức; hợp nhất xã Phạm Lễ và xã Tân Mỹ thành xã Tân Lễ; hợp nhất xã Tam Điệp và xã Tam Nông thành xã Điệp Nông; hợp nhất xã Lam Sơn và xã Trần Phú thành xã Phú Sơn; hợp nhất xã Hòa Bình và xã Chi Lăng thành xã Bình Lăng. Đồng thời, hợp nhất xã Tân Việt (gồm

các thôn Điềm, Gạo, Hà) với xã Hồng Hà thành xã Hồng An; hợp nhất phần còn lại của xã Tân Việt (thôn Phương La) với xã Thái Thịnh thành xã Thái Phương. Đối với xã Hiệp Hòa, hợp nhất các thôn Bùi Tịp, Nguộn, Tư Nam, Phú Lâm với xã Cấp Tiến thành xã Hòa Tiến; phần còn lại của xã Hiệp Hòa gồm hai thôn Lương và Me được hợp nhất với xã Tân Sơn thành xã Tân Hòa. Giải thể hai xã Hiệp Hòa và Tân Việt.

Ngày 21/6/1989, thành lập thị trấn Hưng Hà - thị trấn huyện lỵ của huyện Hưng Hà - trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã An Đồng. Ngày 16/5/2005, thành lập thị trấn Hưng Nhân trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Phú Sơn; đồng thời chia xã Bình Lăng thành hai xã Hòa Bình và Chi Lăng như trước đây. Sau lần điều chỉnh này, huyện Hưng Hà có tổng cộng 35 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 02 thị trấn (Hưng Hà, Hưng Nhân) và 33 xã (Bắc Sơn, Canh Tân, Chí Hòa, Chi Lăng, Cộng Hòa, Đoan Hùng, Độc Lập, Đông Đô, Duyên Hải, Hòa Bình, Hòa Tiến, Hồng An, Hồng Lĩnh, Hồng Minh, Kim Trung, Liên Hiệp, Minh Hòa, Minh Khai, Minh Tân, Phúc Khánh, Dân Chủ, Điệp Nông, Hùng Dũng, Tân Hòa, Tân Lễ, Tân Tiến, Tây Đô, Thái Hưng, Thái Phương, Thống Nhất, Tiến Đức, Văn Cẩm, Văn Lang).

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hưng Hà và các xã Hòa Bình, Minh Khai và Thống Nhất, Kim Trung, Hồng Lĩnh, Văn Lang thành xã mới có tên gọi là xã Hưng Hà và tồn tại cho đến ngày nay.

14.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Hưng Hà nằm ở trung tâm của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 24 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Thần Khê;

- Phía Tây giáp xã Lê Quý Đôn và xã Tiên La;

- Phía Nam giáp xã Tiên Hưng và xã Hồng Minh;

- Phía Bắc giáp xã Diên Hà.

14.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hưng Hà có 38,94 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 10,86 km^2, đất nông nghiệp là 26,23 km^2; đất chưa sử dụng là 0,08 km^2 và đất khác là 1,77 km^2.

14.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

14.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hưng Hà có quy mô dân số là 54.887 người, trong đó dân số thường trú là 54.358 người và dân số tạm trú là 529 người.

14.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hưng Hà là 28.242 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.248 người, chiếm tỷ lệ 19,58%; lao động công nghiệp và xây dựng là 14.763 người, chiếm tỷ lệ 52,28%; lao động thương mại - dịch vụ là 8.231 người, chiếm tỷ lệ 29,14%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 22.994 người, chiếm tỷ lệ 81,42%.

14.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Hưng Hà chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 39A và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

14.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

14.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Hưng Hà năm 2025 theo giá so sánh đạt 3.874,62 tỷ đồng, tăng 15,05% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 3.570,52 tỷ đồng, tăng 19,41%; thương mại - dịch vụ đạt 1.547,90 tỷ đồng, tăng 12,54%, nông - lâm - thủy sản đạt 1.109,03 tỷ đồng, tăng 5,91% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 13,00%, trong đó: năm 2023 tăng 12,08%, năm 2024 tăng 12,09% và năm 2025 tăng 15,05%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 23,59%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 59,87% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 16,54% trong cơ cấu kinh tế của xã.

14.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Hưng Hà năm 2025 đạt 828,89 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 800,25 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 314,07 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 376,10 tỷ đồng. Cân đối có dư.

14.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 66,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,3 triệu đồng/người/năm.

14.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hưng Hà là 1,41%, trong đó: năm 2023 là 1,64%, năm 2024 là 1,32%, năm 2025 là 0,27% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

14.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Giá trị sản xuất nghành nông nghiệp ước đạt 597 tỷ 400 triệu đồng, tăng 2,97% so với năm 2024. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; cơ giới hóa được áp dụng nhiều khâu trong sản xuất; chỉ đạo sản xuất trồng trọt theo kế hoạch; công tác gieo cấy lúa bảo đảm đúng thời vụ, thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh. Tổng diện tích gieo trồng lúa ước tính 4.115,03 ha, năng suất đạt cao. Tổng diện tích cây màu gieo trồng 1.422,92 ha gồm các loại cây màu chủ yếu như: Dược liêu, ngô, khoai lang, dưa bí, đậu đỗ, lạc, rau các loại,... sản lượng, giá bán các loại rau màu ở mức tương đương so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây ăn quả 95,25 ha. Công tác quy hoạch, đồn điền đổi thửa và tích tụ, tập trung ruộng đất được tập trung chỉ đạo thực hiện. Tổng giá trị trồng trọt ước đạt 266 tỷ 048 triệu đồng.

Sản xuất chăn nuôi theo hướng bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, ước đến cuối năm 2025, dàn trâu bò 1.190 con, tăng 30%; đàn lợn 13.020 con, tăng 30%; đàn gia cầm 212,663 nghìn con, tăng 20% so với năm 2024. Công tác giám sát, kiểm soát dịch bệnh, tiêm vắc xin, vệ sinh tiêu độc khử trùng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện theo quy định; tập trung kiểm soát bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Chăn nuôi gia trại, trang trại tiếp tục được phát triển góp phần đưa tổng giá trị chăn nuôi năm 2025 trên địa bàn xã ước đạt 301 tỷ 883 triệu đồng.

Diện tích nuôi trồng thủy sản trong khu dân cư và các khu vực chuyển đổi tiếp tục được duy trì và phát triển. Toàn xã hiện có 218,81 ha nuôi trồng thủy sản, tổng giá trị thủy sản ước đạt 43 tỷ 246 triệu đồng.

Hoạt động của các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đạt hiệu quả trong việc phát triển các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương. Các thành viên hợp tác xã được tham gia các tầng lớp tập huấn về kỹ thuật, tham quan các mô hình sản xuất hiệu quả tại các địa phương khác, được hỗ trợ vốn, giống. Từ đó giải quyết được các vấn đề về kinh tế hộ thành viên, giải quyết nguồn lực lao

động tại địa phương cũng như tác động tích cực đến đời sống xã hội của các thành viên. Cùng với việc đẩy mạnh sán xuất, trong tham gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, các HTX chú trọng bảo vệ môi trường nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 1.451 tỷ 608 triệu đồng, tăng 18,3% só với năm 2024, (vượt 0,07% so với kế hoạch đề ra). Giá trí sản xuất ngành xây dựng ước đạt 898 tỷ 112 triệu đồng, tăng 12,31% so với năm 2024 (vượt 0,09% so kế hoạch năm).

Hoạt động của các Cụm công nghiệp trên địa bàn xã: Sau sắp xếp đơn vị hành chính, hiện nay trên địa bàn xã Hưng Hà có 03 Cụm công nghiệp: CCN Đồng Tu (Giai đoạn I: Khu Đồng Tu); CCN Thống Nhất, CNN Văn Lang. CCN Đồng Tu (giai đoạn I), do Uỷ ban nhân dân huyện Hưng Hà cũ quản lý: Đã thu hút 12 dự án thứ cấp, trong đó 09 dự án đã được thuê đất đang hoạt động, 03 dự án đã được chấp thuận đầu tư và đang giải phóng mặt bằng có tỷ lệ lấp đầy 100%; phần mở rộng do Công ty TNHH dệt nhuộm Thăng Long làm Chủ đầu tư, đã hoàn thành giải phóng mặt bằng giai đoạn I, diện tích 23 ha, UBND tỉnh đã giao đất, nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư hạ tầng thực hiện dự án. Trong tổng số có 12 dự án đầu tư thứ cấp, 08 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tại CCN Đồng Tu (giai đoạn I) là các dự án không có nguồn nước thải, khi thải công nghiệp; nguồn nước thải chủ yêu là nước thải sinh hoạt, nước mưa của các cơ sở, doanh nghiệp được xử lý tại hệ thống nội bộ của mỗi cơ sở, doanh nghiệp, đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường bên ngoài. CCN Thống Nhất: Giai đoạn 1 đã hoàn thành xây dựng 100% kết cấu hạ tầng kỹ thậut đồng bộ. Giai đoạn 2 đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, Nhà đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ để đề nghị UBNd tỉnh giao đất. CCN Thống Nhất hiện đã thu hút được 06 dự án thứ cấp với diện tích sử dụng 12,6 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 1.336 tỷ đồng, thu hút khoảng 3000 lao động việc làm. Trong đó 6/6 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, tỷ lệ lấp đầy 47,53%. Trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Thống Nhất được phê duyệt đều có và đã được đầu tư hạng mục trạm xử lý nước thải tập trung được xây dựng ngay tại giai đoạn đầu tiên của dự án sau khi được giao đất theo quy định của tỉnh Thái Bình cũ. CCN Văn Lang: Đang triển khai quy hoạch chi tiết trình chấp thuận chủ trương đầu tư.

c) Thương mại - dịch vụ

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Năm 2025 ước đạt 914 tỷ 031 triệu đồng, tăng 12,31% so với năm 2024. Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục được đảm bảo ổn định, nguồn cung hàng hóa dồi dào, đáp ứng đủ nhu cầu của người dân. Hoạt động của chợ và các cửa hàng tiện ích trên địa bàn xã ổn định và đảm bảo an toàn thực phẩm; cung cấp đầy đủ hàng hóa

thiết yếu cho người dân, giá cả thị trường được kiểm soát. Hệ thống các cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động thường xuyên, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người tiêu dùng. Hàng Hàng hoá, phân phối bán buôn, bán lẻ, nhất là hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tiện ích được phân bổ rộng khắp và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Triển khai và thực hiện các chính sách của Nhà nước và địa phương trong khuyến khích các HTX, các hộ kinh doanh truyền thống tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh, kết hợp các hoạt động thương mại truyền thống và thương mại điện tử nhằm tạo sức lan tỏa với mục đích kích cầu thị trường tiêu thụ nội địa, đẩy mạnh hoạt động sản xuất và kinh doanh; hưởng ứng Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước, đặc biệt trong bối cảnh một số thị trường xuất khẩu lớn áp dụng chính sách bảo hộ; triển khai các hoạt động kết nối cung cầu, kết hợp với việc triển khai, thực hiện chương trình Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Hoạt động của các quỹ tín dụng trên địa bàn xã tiếp tục củng cố và hoàn thiện, chất lượng các dịch vụ được thực hiện bằng công nghệ số với kỹ thuật cao, đảm bảo đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nhu cầu của khách hàng và thành viên.

14.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

14.6.1. Giáo dục - đào tạo

Tổ chức tổng kết nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và triển khai các nhiệm vụ năm học 2025 - 2026; mạng lưới trường học công lập ổn định, chất lượng giáo dục các cấp học được cải thiện. Ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới toàn thê cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Công tác tuyên sinh được tiên hành nghiêm túc, công khai, minh bạch theo đúng hướng dẫn của ngành. Đồng thời, các nhà trường tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, như triển khai phần mềm quản lý học sinh, học bạ điện tử, sổ liên lạc trực tuyến và các công cụ hỗ trợ dạy - học trực tuyến. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học; công tác vệ sinh môi trường, phun khử khuẩn, phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong công tác ăn bán trú.

Tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất các điều kiện cần thiết để chuẩn bị cho khai giảng và triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2025-2026. Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức các đoàn đi chúc mừng các cơ sở giáo dục nhân dịp lễ khai giảng, kỷ niệm ngày nhà giáo Việt nam 20/11, tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Triển khai công tác phổ cập đối với các nhà trường, xây dựng kế hoạch và lộ trình hoàn thành các hồ sơ, thủ tục báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo theo thời gian quy định.

14.6.2. Y tế

Các trạm y tế đã đi vào hoạt động ổn định, duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân, bảo đảm kịp thời tiếp nhận, xử lý các trường hợp cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Các chương trình y tế cơ sở như tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dinh dưỡng học đường được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Đặc biệt, các trạm y tế đã chú trọng đến công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh, kiểm soát dịch bệnh theo mùa; chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó khi có dịch xảy ra. Công tác an toàn vệ sinh thực phâm được chú trọng, không để xảy ra ngộ độ thực phẩm ở bếp ăn đồng người, đám hiếu, hỷ. Công tác dân số - KHHGĐ được thực hiện thường xuyên, chất lượng dân số ngày càng được nâng cao, giảm tỷ lệ chênh lệch giới tính.

14.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức các hoạt động kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng Đảng, mừng Xuân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ, 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Ngày Quốc tế lao động, 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 80 năm Ngày cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Hưng Yên, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Hưng Hà lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,... và các hoạt động văn hóa, thê thao phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng Quy định chi tiết việc xét tặng các danh hiệu "Gia đình văn hóa", "thôn văn hóa". Tô chức đăng tải, phát sóng tin, bài phản ánh kịp thời, lan tỏa sâu rộng các hoạt động chính trị - xã hội của địa phương. Tô chức các giải thi đấu thể dục thể thao chào mừng các ngày Lễ lớn đã được triên khai sôi nôi, thu hút đồng đảo quần chúng nhân dân tham gia.

Tích hợp hệ thống Truyền thanh không dây của 07 xã cũ về tần số 64,8 Mhz để quản lý, thực hiện tiêp âm các chương trình thời sự của Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Hưng Yên và biên tập, phát tin bài của Đài truyền thanh xã. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát, sửa chữa hệ thống mạng lưới đài truyền thanh trên địa bàn đến nay hoạt động cơ bản ổn định.

14.6.4. An sinh xã hội

Các chính sách đối với gia đình có công với cách mạng và các đối tượng Bảo trợ xã hội được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Tổ chức tốt các hoạt động thăm, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sỹ. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt.

Triển khai, thực hiện Nghị định số 176/2025/ND-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; năm 2025, UBND xã đã tổ chức rà soát và ban hành quyết định cho trên 1.608 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định. Thành lập Hội đồng xét duyệt mức độ khuyết tật, tiếp nhận 46 hồ sơ; Họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, kết quả: đã xét duyệt đủ điêu kiện 18 hồ sơ (trong đó: Mức độ khuyết tật nặng 09, đặc biệt nặng 09); Khuyết tật nhẹ 17 hồ sơ; không xác định được mức độ khuyết tật 09 hồ sơ, 02 hồ sơ đề nghị đối tượng tiếp tục hoàn thiện, bổ sung.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tập trung chỉ đạo triên khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã.

14.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

14.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương trên địa bàn xã Hưng Hà tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, bảo đảm an ninh, an toàn trong thời gian diễn ra các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, xã, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và xã, các ngày lễ lớn, Tết và các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trên địa bàn. Chủ động xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ, kịp thời xử lý tốt các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, bảo đảm công khai, dân chủ và đúng quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự. Đầu năm 2025, các xã, thị trấn cũ đã tổ chức giao, nhận quân bảo đảm chặt chẽ, đúng thời gian, đủ số lượng, chất lượng, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Đồng thời, công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2026 đang được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, bảo đảm chặt

chẽ, đúng quy định. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan quân sự cấp trên và các ngành liên quan thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội; tiếp nhận, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với quân nhân và thân nhân quân nhân theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định; an toàn giao thông được bảo đảm. Lực lượng công an xã đã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường tấn công, trấn áp tội phạm, không để hình thành các tụ điểm phức tạp gây bức xúc trong Nhân dân. Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường và duy trì thường xuyên. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả; vai trò của các tổ chức đoàn thể, các mô hình tự quản về an ninh trật tự ở cơ sở được nâng cao, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

14.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

14.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

14.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Hưng Hà nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 25 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 6 người, chiếm 24%; đại học 14 người, chiếm 56%; trung cấp 2 người, chiếm 8%; trình độ khác 3 người, chiếm 12%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 6 người, chiếm 24%; trung cấp 14 người, chiếm 56%; sơ cấp 5 người, chiếm 20%.

b) Ủy ban nhân dân xã Hưng Hà có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 20 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng).

14.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

14.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 664 chỉ tiêu, trong đó có 41 chỉ tiêu công chức, 610 chỉ tiêu viên chức và 13 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 9 người, chiếm 1,35%; đại học có 586 người, chiếm 88,25%; cao đẳng, trung cấp có 69 người, chiếm 10,40%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 04 người, chiếm 0,6%; trung cấp lý luận chính trị 89 người, chiếm 13,40%; sơ cấp lý luận chính trị 457 người, chiếm 68,82%.

15. Xã Long Hưng

15.1. Lịch sử hình thành

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng bãi bỏ cấp phủ, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện và xã. Huyện Hưng Hà chính thức được thành lập theo Quyết định số 93-CP ngày 17/6/1969, trên cơ sở hợp nhất 02 huyện Duyên Hải, Hưng Nhân và sáp nhập thêm 5 xã của huyện Tiên Hưng thành huyện mới có tên là huyện Hưng Hà. Lúc này huyện Hưng Hà có 43 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (An Đình, An Đồng, Bắc Sơn, Canh Tân, Cấp Tiến, Chí Hòa, Chi Lăng, Cộng Hòa, Dân Chủ, Đoan Hùng, Độc Lập, Đông Đô, Duyên Hải, Hiệp Hòa, Hòa Bình, Hoàng Đức, Hồng Hà, Hồng Lĩnh, Hồng Phong, Hùng Dũng, Kim Trung, Lam Sơn, Liên Hiệp, Minh Hòa, Minh Hồng, Minh Khai, Minh Tân, Phạm Lễ, Phúc Khánh, Tam Điệp, Tam Nông, Tân Mỹ, Tân Sơn, Tân Tiến, Tân Việt, Tây Đô, Thái Hưng, Thái Thịnh, Thống Nhất, Tiến Dũng, Trần Phú, Văn Cẩm và Văn Lang).

Ngày 18/12/1976, huyện Hưng Hà thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính khi sáp nhập xã An Đình vào xã Thống Nhất nhằm tinh gọn đơn vị hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Tiếp đó, ngày 23/02/1977, Phủ Thủ tướng ban hành Quyết định số 618-VP18 về việc sắp xếp, hợp nhất nhiều đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Hưng Hà. Theo đó, hợp nhất xã Minh Hồng và xã Hồng Phong thành xã Hồng Minh; hợp nhất xã Tiến Dũng và xã Hoàng Đức thành xã Tiến Đức; hợp nhất xã Phạm Lễ và xã Tân Mỹ thành xã Tân Lễ; hợp nhất xã Tam Điệp và xã Tam Nông thành xã Điệp Nông; hợp nhất xã Lam Sơn và xã Trần Phú thành xã Phú Sơn; hợp nhất xã Hòa

Bình và xã Chi Lăng thành xã Bình Lăng. Đồng thời, hợp nhất xã Tân Việt (gồm các thôn Điềm, Gạo, Hà) với xã Hồng Hà thành xã Hồng An; hợp nhất phần còn lại của xã Tân Việt (thôn Phương La) với xã Thái Thịnh thành xã Thái Phương. Đối với xã Hiệp Hòa, hợp nhất các thôn Bùi Tịp, Nguộn, Tư Nam, Phú Lâm với xã Cấp Tiến thành xã Hòa Tiến; phần còn lại của xã Hiệp Hòa gồm hai thôn Lương và Me được hợp nhất với xã Tân Sơn thành xã Tân Hòa. Giải thể hai xã Hiệp Hòa và Tân Việt.

Ngày 21/6/1989, thành lập thị trấn Hưng Hà - thị trấn huyện lỵ của huyện Hưng Hà - trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã An Đồng. Ngày 16/5/2005, thành lập thị trấn Hưng Nhân trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Phú Sơn; đồng thời chia xã Bình Lăng thành hai xã Hòa Bình và Chi Lăng như trước đây. Sau lần điều chỉnh này, huyện Hưng Hà có tổng cộng 35 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 02 thị trấn (Hưng Hà, Hưng Nhân) và 33 xã (Bắc Sơn, Canh Tân, Chí Hòa, Chi Lăng, Cộng Hòa, Đoan Hùng, Độc Lập, Đông Đô, Duyên Hải, Hòa Bình, Hòa Tiến, Hồng An, Hồng Lĩnh, Hồng Minh, Kim Trung, Liên Hiệp, Minh Hòa, Minh Khai, Minh Tân, Phúc Khánh, Dân Chủ, Điệp Nông, Hùng Dũng, Tân Hòa, Tân Lễ, Tân Tiến, Tây Đô, Thái Hưng, Thái Phương, Thống Nhất, Tiến Đức, Văn Cẩm, Văn Lang).

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hưng Nhân và các xã Thái Hưng, Tân Lễ, Tiến Đức, Liên Hiệp thành xã mới có tên gọi là xã Long Hưng và tồn tại cho đến ngày nay.

15.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Long Hưng nằm ở khu vực trung tâm và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Ngự Thiên và xã Tiên La;
- Phía Tây giáp xã Tân Hưng;
- Phía Nam giáp xã Lê Quý Đôn và tỉnh Ninh Bình;
- Phía Bắc giáp xã Tiên Lữ.

15.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Long Hưng có 33,42 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 11,87 km^2 và đất nông nghiệp là 21,55 km^2.

15.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

15.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Long Hưng có quy mô dân số là 48.596 người, trong đó dân số thường trú là 48.187 người và dân số tạm trú là 409 người.

15.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Long Hưng là 24.705 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.995 người, chiếm tỷ lệ 20,20%; lao động công nghiệp và xây dựng là 12.356 người, chiếm tỷ lệ 50,0%; lao động thương mại - dịch vụ là 7.354 người, chiếm tỷ lệ 29,77%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 19.710 người, chiếm tỷ lệ 79,78%.

15.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Long Hưng chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 39A và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

15.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

15.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Long Hưng năm 2025 theo giá so sánh đạt 3.753 tỷ đồng, tăng 12,78% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.359 tỷ đồng, tăng 16,07%; thương mại - dịch vụ đạt 784 tỷ đồng, tăng 10,85%, nông - lâm - thủy sản đạt 610 tỷ đồng, tăng 3,58% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 110,41%, trong đó: năm 2023 tăng 106,63%, năm 2024 tăng 110,79% và năm 2025 tăng 113,92%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 21,75%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 61,91% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 16,33% trong cơ cấu kinh tế của xã.

15.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Long Hưng năm 2025 đạt 359,18 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 358,31 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 224,58 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển đạt 104,64 tỷ đồng. Cân đối có dư.

15.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là

72,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 79,9 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 92,5 triệu đồng/người/năm.

15.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Long Hưng là 1,52%, trong đó: năm 2023 là 1,75%, năm 2024 là 1,44%, năm 2025 là 0,32% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

15.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; cơ giới hóa được áp dụng ở nhiều khâu trong sản xuất; chỉ đạo sản xuất trồng trọt theo kế hoạch; công tác gieo cấy lúa bảo đảm đúng thời vụ, thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh. Tổng diện tích gieo cấy lúa là 2.558,4 ha, năng suất cả năm đạt 132,28 tạ/ha. Tổng diện tích cây màu gieo trồng là 1.920,78 ha gồm các loại cây màu chủ yếu như: ngô, khoai lang, dưa, bí, đậu đỗ, lạc, rau các loại..., sản lượng, giá bán các loại rau màu ở mức tương đương so với cùng kỳ năm trước. Tổng giá trị trồng trọt đạt 239,53 tỷ đồng.

Sản xuất chăn nuôi theo hướng bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; ước đến cuối năm 2025, đàn trâu bò khoảng 1.010 con; đàn lợn khoảng 13.012 con; đàn gia cầm 145.234 con. Công tác giám sát, kiểm soát dịch bệnh, tiêm vắc xin, vệ sinh tiêu độc khử trùng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện theo đúng quy định; tập trung kiểm soát bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Chăn nuôi gia trại, trang trại tiếp tục được phát triển, góp phần đưa tổng giá trị chăn nuôi năm 2025 trên địa bàn xã ước đạt 292 tỷ đồng.

Diện tích nuôi trồng thủy sản trong khu dân cư và các khu vực chuyển đổi tiếp tục được duy trì và phát triển. Toàn xã hiện có 192,4 ha nuôi trồng thủy sản, tổng giá trị thủy sản là 53,75 tỷ đồng (trong đó vùng nuôi trồng thủy sản tập trung 60 ha tại vùng bãi xã Tân Lễ cũ).

Hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đạt hiệu quả trong việc phát triển các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương. Các thành viên hợp tác xã được tham gia các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật, tham quan các mô hình sản xuất hiệu quả tại các địa phương khác, được hỗ trợ vốn, giống. Từ đó góp phần giải quyết các vấn đề về kinh tế hộ thành viên, giải quyết nguồn lực lao động tại địa phương cũng như tác động tích cực đến đời sống xã hội của các thành viên. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, trong tham gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, các hợp tác xã còn chú trọng bảo vệ môi trường nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục duy trì ổn định và có bước phát triển tích cực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động địa

phương. Hiện nay, trên địa bàn xã Long Hưng có 03 cụm công nghiệp gồm: Cụm công nghiệp Đức Hiệp, Cụm công nghiệp Hưng Nhân và Cụm công nghiệp Tiên Phong với tổng diện tích quy hoạch 140,45 ha. Các cụm công nghiệp đã và đang thu hút nhiều ngành nghề đầu tư sản xuất, kinh doanh như: cơ khí; điện, điện tử; dệt may; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống; chế biến lâm sản, đồ gỗ; sản xuất đồ gia dụng; sản xuất bao bì, nhãn mác; sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm; trang thiết bị, dụng cụ y tế; công nghiệp hỗ trợ và các loại hình dịch vụ công nghiệp khác. Việc phát triển các cụm công nghiệp đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hoạt động xây dựng trên địa bàn xã tiếp tục phát triển khá, nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, trường học, nhà văn hóa và các công trình dân dụng được quan tâm đầu tư xây dựng, góp phần từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị và nâng cao diện mạo nông thôn, đô thị trên địa bàn xã.

c) Thương mại - dịch vụ

Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục được bảo đảm ổn định, nguồn cung hàng hóa dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của Nhân dân. Hoạt động của chợ và các cửa hàng tiện ích trên địa bàn xã cơ bản ổn định, bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm, cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân; giá cả thị trường được kiểm soát tốt. Hệ thống các cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động thường xuyên, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hoạt động phân phối hàng hóa, bán buôn, bán lẻ tiếp tục phát triển; đặc biệt hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tiện ích được phân bổ rộng khắp và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Triển khai và thực hiện hiệu quả các chính sách của Nhà nước và địa phương trong khuyến khích các hợp tác xã, các hộ kinh doanh truyền thống tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết hợp hài hòa giữa hoạt động thương mại truyền thống với thương mại điện tử nhằm tạo sức lan tỏa, kích cầu thị trường tiêu thụ nội địa, thúc đẩy hoạt động sản xuất và kinh doanh phát triển. Đồng thời, tích cực hưởng ứng Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước, nhất là trong bối cảnh một số thị trường xuất khẩu lớn áp dụng các chính sách bảo hộ thương mại; triển khai các hoạt động kết nối cung cầu gắn với thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Công tác giải quyết thủ tục hành chính về cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể được thực hiện bảo đảm đúng quy trình, đúng quy định, không có hồ sơ quá hạn. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền đến các hộ kinh doanh trên địa bàn xã về các quy định mới, chính sách mới như chuyển đổi từ hình thức thuế khoán sang hộ kê khai và triển khai sử dụng máy tính tiền theo quy định.

15.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

15.6.1. Giáo dục - đào tạo

Sự nghiệp giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được quan tâm và nâng cao chất lượng; các nhà trường hoàn thành tốt chương trình, kế hoạch năm học 2024 - 2025 và triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ năm học 2025 - 2026. Tổ chức tổng kết nhiệm vụ năm học 2024 - 2025, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025 - 2026; mạng lưới trường học công lập cơ bản ổn định, chất lượng giáo dục ở các cấp học tiếp tục được cải thiện.

Ngay từ đầu năm học, các nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Công tác tuyển sinh được triển khai nghiêm túc, công khai, minh bạch theo đúng hướng dẫn của ngành giáo dục. Đồng thời, các cơ sở giáo dục tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý và giảng dạy như triển khai phần mềm quản lý học sinh, học bạ điện tử, sổ liên lạc trực tuyến và các công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến.

Công tác bảo đảm an toàn, an ninh trường học tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện vệ sinh môi trường, phun khử khuẩn, phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong tổ chức ăn bán trú cho học sinh. Đồng thời, tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết nhằm chuẩn bị tốt cho lễ khai giảng và triển khai kế hoạch năm học 2025 - 2026. Công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập tiếp tục được chú trọng. Xã đã thành lập Trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức các đoàn thăm, chúc mừng các cơ sở giáo dục nhân dịp khai giảng năm học mới, kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; đồng thời trao tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm động viên, khích lệ tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập. Triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch, lộ trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của ngành. Hiện nay, các nhà trường đang chờ hệ thống phần mềm của ngành mở để cập nhật dữ liệu phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2025.

Bên cạnh đó, ngành giáo dục địa phương đã xây dựng hệ thống kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026; tổ chức khảo sát, lựa chọn và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh; thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025; tổ chức gặp mặt, kỷ niệm 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Công tác thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh được triển khai đầy đủ, kịp thời. Trong năm 2025, đã tiếp nhận 30 bộ hồ sơ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

15.6.2. Y tế

Các trạm y tế trên địa bàn đã đi vào hoạt động ổn định, duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân; bảo đảm kịp thời tiếp nhận, xử lý các trường hợp cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện; tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ từng bước được nâng lên, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân trên địa bàn. Các chương trình y tế cơ sở như tiêm chủng mở rộng, phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dinh dưỡng học đường được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Công tác giám sát, phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm được tăng cường; thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình dịch bệnh để kịp thời triển khai các biện pháp phòng ngừa, không để dịch bệnh bùng phát trên diện rộng.

Đặc biệt, các trạm y tế đã chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân về phòng bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm soát dịch bệnh theo mùa; chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra; chuẩn bị đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

15.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; mừng Đảng, mừng Xuân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ; kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; Ngày Quốc tế Lao động 01/5; 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Hưng Yên; Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Long Hưng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,... cùng nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ đời sống tinh thần của Nhân dân. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; xây dựng quy định chi tiết việc xét tặng các danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn văn hóa" nhằm nâng cao chất lượng phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức chương trình "Lưu giữ hồn quê"; ban hành quyết định thành lập Thư viện xã Long Hưng; thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử xã.

Công tác thông tin, tuyên truyền tiếp tục được tăng cường; tổ chức đăng tải, phát sóng kịp thời các tin, bài phản ánh hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Các giải thi đấu thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Bên cạnh đó, xã đã thực hiện tích hợp hệ thống truyền thanh không dây của 05 xã cũ về cùng

tần số 64,8 MHz để thống nhất quản lý, thực hiện tiếp âm các chương trình thời sự của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hưng Yên và biên tập, phát sóng các tin, bài của Đài truyền thanh xã. Đồng thời, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, sửa chữa hệ thống mạng lưới truyền thanh trên địa bàn; đến nay hệ thống cơ bản hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu công tác thông tin, tuyên truyền tại địa phương.

15.6.4. An sinh xã hội

Các chính sách đối với gia đình có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội được triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời. Tổ chức tốt các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp lễ, Tết và kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7. Đồng thời, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp hằng tháng đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt nhằm tạo thuận lợi trong quá trình tiếp nhận chế độ, chính sách và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội. Triển khai thực hiện Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; tổ chức tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt và ban hành quyết định hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo đúng quy định. Thành lập và duy trì hoạt động của Hội đồng xác định dạng tật và mức độ khuyết tật nhằm bảo đảm việc xác định mức độ khuyết tật được thực hiện khách quan, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Đồng thời, tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã, góp phần cải thiện điều kiện sống, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

15.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

15.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương trên địa bàn xã Long Hưng tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu

quả. Duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, bảo đảm an ninh, an toàn trong thời gian diễn ra các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, xã, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và xã, các ngày lễ lớn, Tết và các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trên địa bàn. Chủ động xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ, kịp thời xử lý tốt các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, bảo đảm công khai, dân chủ và đúng quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự. Đầu năm 2025, các xã, thị trấn cũ đã tổ chức giao, nhận quân bảo đảm chặt chẽ, đúng thời gian, đủ số lượng, chất lượng, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Đồng thời, công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2026 đang được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan quân sự cấp trên và các ngành liên quan thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội; tiếp nhận, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với quân nhân và thân nhân quân nhân theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định; an toàn giao thông được bảo đảm. Lực lượng công an xã đã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường tấn công, trấn áp tội phạm, không để hình thành các tụ điểm phức tạp gây bức xúc trong Nhân dân. Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường và duy trì thường xuyên. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả; vai trò của các tổ chức đoàn thể, các mô hình tự quản về an ninh trật tự ở cơ sở được nâng cao, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

15.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

15.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

15.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Long Hưng nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 23 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 người, chiếm 13,04%; đại học 18 người, chiếm 78,26%; trung cấp 01 người, chiếm 4,35%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,35%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 04 người, chiếm 17,39%; trung cấp 17 người, chiếm 73.91%; sơ cấp 01 người, chiếm 4%.

b) Ủy ban nhân dân xã Long Hưng có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 13 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã).

15.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

15.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 49 chỉ tiêu, trong đó có 48 chỉ tiêu công chức và 01 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 39 chỉ tiêu, trong đó có 38 chỉ tiêu công chức và 01 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 05 người, chiếm 12,8%; đại học có 34 người, chiếm 87,2%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 04 người, chiếm 10,2%; trung cấp lý luận chính trị 34 người, chiếm 87,2%.

16. Xã Tiền Hải

16.1. Lịch sử hình thành

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, khu vực xã Tiền Hải lúc bấy giờ bao gồm khu vực thị trấn Tiền Hải và các xã

Tây An, Tây Sơn, An Ninh, Vũ Lăng, Tây Lương và Tây Ninh thuộc huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Ngày 11/02/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Bình. Theo đó, nhập toàn bộ 3,76 km^2 diện tích tự nhiên, 3.227 người của xã Tây An và toàn bộ 4,05 km^2 diện tích tự nhiên, 3.721 người của xã Tây Sơn vào thị trấn Tiền Hải.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tiền Hải và các xã An Ninh, Tây Ninh, Tây Lương, Vũ Lăng thành xã mới có tên gọi là xã Tiền Hải và tồn tại cho đến ngày nay.

16.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Tiền Hải thuộc tỉnh Hưng Yên, nằm trong khu vực trung tâm của huyện Tiền Hải cũ, trong khu kinh tế Thái Bình, có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông và liên kết vùng, là địa bàn có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đô thị, đặc biệt là phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Đông Tiền Hải;
- Phía Tây giáp xã Lê Lợi;
- Phía Nam giáp các xã: Kiến Xương, Tây Tiền Hải, Ái Quốc, Đồng Châu;
- Phía Bắc giáp xã Nam Thái Ninh.

16.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tiền Hải có 32,98 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất nông nghiệp là 18,56 km^2, đất phi nông nghiệp là 14,36 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,06 km^2.

16.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

16.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tiền Hải có quy mô dân số là 42.447 người, trong đó dân số thường trú là 41.808 người và dân số tạm trú là 639 người.

16.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tiền Hải là 35.655 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.794 người, chiếm tỷ lệ 16,25%; lao động công nghiệp và

xây dựng là 17.695 người, chiếm tỷ lệ 49,63%; lao động thương mại - dịch vụ là 12.166 người, chiếm tỷ lệ 34,12%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 29.861 người, chiếm tỷ lệ 83,75%.

16.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Dân cư phân bố tập trung đông tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông, thương mại và dịch vụ. Quy mô dân số lớn, mật độ cao là đặc trưng điển hình của khu vực đang đô thị hóa, đáp ứng tiêu chuẩn về dân số của đơn vị hành chính cấp phường.

Hiện nay, Tiền Hải vẫn được tổ chức theo mô hình đơn vị hành chính nông thôn, tuy nhiên cơ cấu dân cư và đặc điểm đời sống xã hội đã có nhiều chuyển biến rõ nét theo hướng đô thị. Dân cư phân bố tập trung tại các khu trung tâm, các tuyến giao thông chính và các khu dân cư phát triển mới; mật độ dân số cao, các hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh, từng bước hình thành không gian và nhịp sống mang đặc trưng đô thị. Lực lượng lao động trên địa bàn chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu dân số và có sự chuyển dịch tích cực phù hợp với quá trình đô thị hóa và định hướng phát triển kinh tế của địa phương. Điều này phản ánh rõ xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu dân cư từ nông thôn sang đô thị. Cùng với đó, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao; nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các dịch vụ công cộng, giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường đô thị ngày càng gia tăng. Ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại trong cộng đồng dân cư từng bước được hình thành và phát triển. Đây là những điều kiện quan trọng cho thấy Tiền Hải đã cơ bản mang đặc điểm của khu vực đô thị, đáp ứng yêu cầu thành lập đơn vị hành chính cấp phường theo định hướng phát triển trong giai đoạn mới.

16.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

15.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế xã Tiền Hải tiếp tục tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tổng giá trị sản xuất các ngành chủ yếu năm 2025 thực hiện đạt 3.107.317 tỷ đồng (giá hiện hành), cụ thể: ngành công nghiệp - xây dựng: chiếm 53,2% tổng giá trị sản xuất, tương ứng 1.653.573 tỷ đồng; ngành thương mại - dịch vụ: chiếm 30,5%, tương ứng 946.919 tỷ đồng; ngành nông - lâm - thủy sản: chiếm 15,3%, tương ứng 476.777 tỷ đồng; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 1%, tương ứng 30.048 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng (53,2%); thương mại - dịch vụ (30,5%); giảm dần tỷ trọng nông nghiệp (15,3%).

16.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Tiền Hải năm 2025 đạt 1.138,89 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 963,488. Cân đối có dư.

16.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,4 triệu đồng/người/năm.

16.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiền Hải là 1,55%, trong đó: năm 2023 là 1,74%, năm 2024 là 1,58%, năm 2025 là 0,35% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

16.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Tiền Hải tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong ổn định kinh tế và đời sống Nhân dân khu vực nông thôn. Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản đạt khoảng 476.777 tỷ đồng, chiếm khoảng 15,3% tổng giá trị sản xuất toàn xã, trong đó trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản duy trì phát triển tương đối ổn định trong điều kiện thời tiết và dịch bệnh còn nhiều diễn biến phức tạp. Công tác xây dựng cánh đồng lớn có liên kết được triển khai tích cực, phối hợp với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm lúa chất lượng cao. Có thêm nhiều sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 đến 4 sao.

b) Công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2025 đạt 1.653.573 tỷ đồng, chiếm 53,2% tổng giá trị sản xuất, trên địa bàn hiện có 03 cụm công nghiệp gồm: Trà Lý, Tây An, An Ninh với tổng diện tích quy hoạch 181,83 ha, thu hút khoảng 22 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng khoảng 3.000 lao động; cùng với đó là 467 hộ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các cơ sở, làng nghề may mặc, cơ khí nhỏ, sơ chế nông sản, dịch vụ sửa chữa. Các cơ sở sản xuất từng bước đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô, góp phần giải quyết việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hoạt động xây dựng phát triển mạnh, hạ tầng kỹ thuật và dân cư không ngừng được đầu tư, nâng cấp, tạo diện mạo đô thị ngày càng rõ nét.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 946.919 tỷ đồng, chiếm 30,5% tổng giá trị sản xuất.

Hiện nay, xã có khoảng 2.819 hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ phân bố trên các trục giao thông chính, chợ và khu dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, tiêu dùng và các dịch vụ thiết yếu; tạo việc làm và tăng thu nhập cho nhiều lao động địa phương. Mạng lưới chợ, cửa hàng tạp hóa, dịch vụ

ăn uống, lưu trú, vận tải, sửa chữa và dịch vụ hỗ trợ sản xuất tiếp tục phát triển; trong đó có các dịch vụ gắn với khu, cụm công nghiệp và nhu cầu của khoảng 300 người nước ngoài tạm trú, làm việc. Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động ổn định, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư, sản xuất kinh doanh, đất đai, hộ tịch, xây dựng; xã đang hoàn thiện thủ tục đất đai, quy hoạch để thu hút một số dự án dịch vụ quy mô lớn như siêu thị Lan Chi Tiền Hải, Điện máy xanh và các dự án khu dân cư, mở rộng thêm không gian phát triển thương mại, dịch vụ.

Hệ thống chợ, cơ sở kinh doanh phát triển ổn định; hoạt động lưu thông hàng hóa sôi động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân và khu vực lân cận. Đây là lĩnh vực giữ vai trò động lực trong phát triển kinh tế đô thị.

16.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

16.6.1. Giáo dục - đào tạo

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Tiền Hải tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển toàn diện cả về quy mô và chất lượng. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; trang thiết bị dạy học từng bước được bổ sung, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Hiện có 17/18 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, đạt tỷ lệ 94,4%, 11 trường đạt chuẩn quốc gia mức dộ II, thể hiện sự quan tâm đầu tư và chất lượng phát triển giáo dục của địa phương. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì vững chắc; tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến trường hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; chất lượng dạy và học tiếp tục được giữ vững và từng bước nâng cao.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và các hoạt động chuyên môn được triển khai đồng bộ theo quy định của ngành. Trong đó, Trường Trung học cơ sở 14 - 10 là đơn vị tiêu biểu, giữ vai trò là trường điểm của địa phương về chất lượng giáo dục và công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; nhiều năm liền dẫn đầu khu vực 08 xã Tiền Hải về thành tích học sinh giỏi cấp tỉnh, góp phần khẳng định vị thế và chất lượng giáo dục của địa phương.

Nhìn chung, sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Tiền Hải phát triển ổn định, tạo nền tảng quan trọng trong nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và quá trình đô thị hóa của địa phương trong giai đoạn mới.

16.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn Tiền Hải tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, từng bước đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng tăng của người dân trong điều kiện quy mô dân số lớn và quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh. Các chương trình y tế, dân số, bảo hiểm y tế và an sinh xã hội trong lĩnh vực chăm

sóc sức khỏe được duy trì thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố với 01 trụ sở chính và 03 điểm trạm y tế phân bố trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận các dịch vụ y tế ban đầu. Đội ngũ cán bộ y tế từng bước được kiện toàn, nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được chủ động triển khai; thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình dịch tễ, kịp thời phát hiện và xử lý các ổ dịch, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên diện rộng. Hoạt động khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân được duy trì thường xuyên; công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được thực hiện đầy đủ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 96%, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Nhìn chung, lĩnh vực y tế của Tiền Hải cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và định hướng xây dựng đô thị trong giai đoạn mới.

16.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn xã Tiền Hải được quan tâm đầu tư, phát triển đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa theo hướng đô thị.

Để từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa, trong giai đoạn 2020 - 2025, xã Tiền Hải đã quy hoạch, xây dựng các khu thể thao và công trình nhà văn hóa đa năng với các trang thiết bị đạt chuẩn. Các công trình văn hóa, thể dục - thể thao cơ bản bảo đảm cho việc tổ chức hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao của khu vực như: sân vận động, trung tâm văn hóa, thư viện, bưu điện,... Ngoài ra, các nhà văn hóa thôn đạt từ 100 đến 200 chỗ ngồi; khu thể thao thôn đạt từ 500m^2 trở lên bảo đảm yêu cầu hội họp và sinh hoạt của người dân.

Xã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDTT tạo sự chuyển biến rõ nét về quy mô và chất lượng. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa các hoạt động TDTT, góp phần phát triển phong trào TDTT quần chúng làm nền tảng cho thể thao thành tích cao. Từng bước đầu tư xây dựng đầy đủ các thiết chế TDTT đảm bảo cho phong trào TDTT quần chúng phát triển bền vững. Số người tập luyện TDTT thường xuyên so với dân số ngày một tăng, các Câu lạc bộ TDTT, gia đình thể thao trong xã đã và đang làm cho phong trào thể thao quần chúng ngày một sôi động, thiết thực và bổ ích.

Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức phong phú; nội dung tập trung vào các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin - truyền thông được đẩy

mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền và phục vụ Nhân dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp; các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe được duy trì thường xuyên, thu hút đông đảo người dân tham gia, góp phần nâng cao thể chất và đời sống tinh thần của Nhân dân.

Nhìn chung, lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục thể thao phát triển khá toàn diện, hệ thống thiết chế cơ sở được đầu tư đồng bộ, là nền tảng quan trọng để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thời gian tới.

16.6.4. An sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm và an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm, gắn kết với hoạt động xúc tiến, kết nối giữa người lao động và cơ sở sản xuất, kinh doanh; ước tính có trên 20.866 lao động (65,36%) có việc làm ổn định trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại dịch vụ. Công tác cập nhật cơ sở dữ liệu lao động, tuyên truyền đào tạo nghề và thực hiện chính sách bảo hiểm cho người lao động được triển khai thường xuyên.

Công tác giảm nghèo tiếp tục được duy trì và hiện nay xã đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Các chương trình hỗ trợ, tín dụng ưu đãi và đào tạo nghề cho hộ nghèo được triển khai nhằm hạn chế tái nghèo, từng bước nâng cao đời sống Nhân dân. Chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" được duy trì thường xuyên. Công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm thực hiện, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

16.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Tiền Hải được thực hiện đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được tôn trọng và bảo đảm.

Trên địa bàn Tiền Hải có hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phong phú, góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương. Hiện toàn xã có 07 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia, 17 di tích cấp tỉnh; cùng với đó là 11 ngôi chùa, 01 giáo xứ, 05 giáo họ Công giáo và 01 nhóm đạo Tin lành đang hoạt động ổn định theo quy định của pháp luật. Toàn xã có 950 người/354 hộ theo công giáo, 70 người/20 hộ theo đạo tin lành. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản diễn ra bình thường, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của Nhân dân; công tác quản lý nhà nước về văn hóa, di tích và tôn giáo được quan tâm thực hiện, góp phần giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình phát triển đô thị của địa phương.

Chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng quy định; kịp thời giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

16.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Thường xuyên được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện hiệu quả; tiềm lực quốc phòng không ngừng được củng cố và tăng cường; nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc; Chỉ đạo thực hiện toàn diện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; công tác sẵn sàng chiến đấu, phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai được duy trì nghiêm túc, hiệu quả; công tác tổ chức, biên chế, xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ, dự bị động viên đúng quy định; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đều đạt 100% chỉ tiêu giao; công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng thực hiện theo kế hoạch; Công tác phối hợp quốc phòng, an ninh được chỉ đạo chặt chẽ; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định; thực hiện có hiệu quả các chính sách đền ơn đáp nghĩa, chính sách hậu phương quân đội đối với các gia đình có công; tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang xã không ngừng lớn mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định. Các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; không để phát sinh "điểm nóng", đảm bảo an ninh trong mọi tình huống. Công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả; các loại tội phạm được kiềm chế; công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm soát, từng bước kéo giảm. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được đẩy mạnh; lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự. Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được quan tâm; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và phù hợp với định hướng phát triển đô thị khi thành lập phường.

16.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

16.8.1. Tổ chức đảng

Đảng bộ xã Tiền Hải được thành lập theo Quyết định số 1852-QĐ/TU, ngày 17/06/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy; bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị trên địa bàn xã.

Hiện nay, Đảng ủy xã gồm Bí thư, các Phó Bí thư và các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã; trong đó Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Đảng ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy được tổ chức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính.

16.8.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy

Căn cứ Quyết định của Tỉnh ủy Hưng Yên về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng năm 2026, tổng số biên chế được tạm giao cho khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã Tiền Hải là 32 biên chế. Đảng ủy xã đã thực hiện phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị như sau:

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: tạm giao 05 biên chế, hiện đã bố trí đủ 05 biên chế.

- Văn phòng Đảng ủy: tạm giao 05 biên chế, hiện có 04 biên chế, còn thiếu 01 biên chế.

- Ban Xây dựng Đảng: tạm giao 06 biên chế, hiện đã bố trí đủ 06 biên chế.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: tạm giao 10 biên chế, hiện có 08 biên chế, còn thiếu 02 biên chế.

- Trung tâm Chính trị xã: được giao 04 viên chức, hiện đã bố trí đủ. Nhìn chung, việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương; các vị trí còn thiếu được phân công kiêm nhiệm, phối hợp thực hiện để bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả.

16.8.3. Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...) được kiện toàn, hoạt động theo đúng quy định.

- Các tổ chức đoàn thể đã phát huy tốt vai trò trong tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể từng bước được nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

16.8.4. Khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã

- Hội đồng nhân dân xã được tổ chức đảm bảo theo quy định, gồm:

+ 01 Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm).

+ 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách.

+ 02 Ban của Hội đồng nhân dân (Trưởng ban kiêm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban chuyên trách).

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân từng bước được nâng cao chất lượng, phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát việc thực hiện.

- Ủy ban nhân dân xã được tổ chức đảm bảo theo quy định, gồm: 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã được tổ chức tương đối đầy đủ, gồm: Văn phòng HĐND và UBND xã: 9/10 biên chế; phòng Kinh tế: 11/12 biên chế; phòng Văn hóa - Xã hội: 10/11 biên chế; Trung tâm Phục vụ hành chính công: 7/6 biên chế; Trung tâm dịch vụ tổng hợp: 04 viên chức và 01 hợp đồng lao động; Trạm Y tế xã: 39 viên chức và 6 hợp đồng chuyên trách dân số; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã 07 viên chức, có 03 người hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ.

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh về việc giao biên chế năm 2026, tổng số biên chế được giao trên địa bàn trong năm 2026 là 666 biên chế, gồm: 45 biên chế công chức và 621 biên chế viên chức. Đến nay, đã bố trí 629 biên chế, trong đó: công chức: 43/45 biên chế (còn khuyết 02 biên chế); viên chức: 586/621 biên chế (còn khuyết 35 biên chế).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của xã có trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm cao, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trong giai đoạn chuyển đổi lên phường.

17. Xã Kiến Xương

17.1. Lịch sử hình thành

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng bỏ cấp phủ, huyện Trực Định được đổi tên thành huyện Kiến Xương thuộc tỉnh Thái Bình. Lúc này, huyện Kiến Xương có 32 xã: An Bình, An Bồi, An Ninh, Bắc Hải, Bình Định, Bình Minh, Bình Nguyên, Bình Thanh, Đình Phùng, Hòa Bình, Hồng Thái, Hồng Tiến, Lê Lợi, Minh Hưng, Minh Tân, Nam Bình, Nam Cao, Phương Công, Quang Bình, Quang Hưng, Quang Lịch, Quang Minh, Quang Trung, Quốc Tuấn, Quyết Tiến, Tán Thuật, Thanh Tân, Thượng Hiền, Trà Giang, Vân Trường, Vinh Quang, Vũ Lăng. Ngày 12/7/1958, giải thể 2 xã Quang Minh và Vinh Quang. Ngày 17/6/1969, chuyển 13 xã: Vũ Đông, Vũ Tây,

Vũ Sơn, Vũ Lạc, Kiến Xương, Vũ Trung, Vũ Thắng, Vũ Công, Vũ Lễ, Vũ An, Vũ Ninh, Vũ Hòa, Vũ Bình thuộc huyện Vũ Tiên (cũ) về huyện Kiến Xương quản lý. Ngày 10/9/1969, chuyển 5 xã: Bắc Hải, Phương Công, Vân Trường, Vũ Lăng, An Ninh về huyện Tiền Hải quản lý. Năm 1974, tái lập xã Quang Minh.

Ngày 08/6/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 102-HĐBT thành lập thị trấn Kiến Xương trên cơ sở tách xóm Quang Trung và xóm Tân Tiến của xã Tán Thuật. Đây là trung tâm hành chính, chính trị và kinh tế của huyện. Đến ngày 12/4/2002, hợp nhất thị trấn Kiến Xương và xã Tán Thuật để thành lập thị trấn Thanh Nê và trở thành huyện lỵ mới của huyện Kiến Xương. Ngày 14/4/2002, Chính phủ ban hành Nghị định 45/2002/NĐ-CP. Theo đó, sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị trấn Kiến Xương và xã Tán Thuật để thành lập thị trấn Thanh Nê. Trung tâm huyện lỵ lúc bấy giờ của huyện Kiến Xương.

Ngày 13/12/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 181/2007/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đông Hưng, huyện Kiến Xương, huyện Vũ Thư để mở rộng thành phố Thái Bình; điều chỉnh địa giới hành chính phường, xã; thành lập phường thuộc thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Theo đó, chuyển 2 xã Vũ Lạc và Vũ Đông về thành phố Thái Bình quản lý. Huyện Kiến Xương lúc này có tổng cộng 37 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 01 thị trấn (thị trấn Thanh Nê) và 36 xã (An Bồi, Quang Trung, Quang Minh, Bình Minh, Thượng Hiền, Hoà Bình, Quang Bình, Quang Lịch, Vũ Trung, Vũ Quý, Vũ Công, Vũ Bình, Vũ Thắng, Vũ Hoà, Vũ Ninh, Vũ An, Vũ Lê, Vũ Tây, Vũ Sơn, An Bình, Trà Giang, Hồng Thái, Lê Lợi, Nam Cao, Đình Phùng, Thanh Tân, Bình Nguyên, Quốc Tuấn, Quyết Tiến, Quang Hưng, Minh Hưng, Minh Tân, Nam Bình, Bình Thành, Bình Định, Hồng Tiến).

Ngày 11/02/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Bình. Theo đó, sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của xã An Bồi vào thị trấn Thanh Nê để thành lập thị trấn Kiến Xương; nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Minh Hưng và xã Quang Hưng để thành lập xã Minh Quang; nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã xã Quyết Tiến vào xã Lê Lợi; nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Vũ Sơn và xã Vũ Tây để thành lập xã Tây Sơn. Sau khi sắp xếp, huyện Kiến Xương có 33 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn (Kiến Xương) và 32 xã (Quang Trung, Quang Minh, Bình Minh, Thượng Hiền, Hoà Bình, Quang Bình, Quang Lịch, Vũ Trung, Vũ Quý, Vũ Công, Vũ Bình, Vũ Thắng, Vũ Hoà, Vũ Ninh, Vũ An, Vũ Lê, Tây Sơn, An Bình, Trà Giang, Hồng Thái, Lê Lợi, Nam Cao, Đình Phùng, Thanh Tân, Bình Nguyên, Quốc Tuấn, Minh Quang, Minh Tân, Nam Bình, Bình Thành, Bình Định, Hồng Tiến).

Ngày 28/9/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1201/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Bình. Sau khi sắp xếp, huyện Kiến Xương có 29 đơn vị hành chính cấp xã, gồm

01 thị trấn (Kiến Xương) và 28 xã An Bình, Bình Định, Bình Minh, Bình Nguyên, Bình Thanh, Hòa Bình, Hồng Thái, Hồng Tiến, Hồng Vũ, Lê Lợi, Minh Quang, Minh Tân, Nam Bình, Quang Bình, Quang Lịch, Quang Minh, Quang Trung, Quốc Tuấn, Tây Sơn, Thanh Tân, Thống Nhất, Trà Giang, Vũ An, Vũ Công, Vũ Lễ, Vũ Ninh, Vũ Quý, Vũ Trung.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bình Minh, Quang Trung, Quang Minh, Quang Bình và thị trấn Kiến Xương thành xã mới có tên gọi là xã Kiến Xương và tồn tại cho đến ngày nay.

17.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Kiến Xương nằm ở phía Nam và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tiền Hải và xã Tây Tiền Hải;
- Phía Tây giáp xã Vũ Quý;
- Phía Nam giáp các xã Hồng Vũ, Bình Thanh, Bình Định;
- Phía Bắc giáp xã Quang Lịch và xã Lê Lợi.

17.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Kiến Xương có 36,73 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 11,88 km^2, đất nông nghiệp là 24,58 km^2 đất bằng chưa sử dụng là 0,04 km^2 và đất khác là 0,23 km^2.

17.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

17.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Kiến Xương có quy mô dân số là 47.848 người, trong đó dân số thường trú là 47.566 người và dân số tạm trú là 282 người.

17.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Kiến Xương là 18.252 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.874 người, chiếm tỷ lệ 21,22%; lao động công nghiệp và xây dựng là 7.541 người, chiếm tỷ lệ 41,32%; lao động thương mại - dịch vụ là 6.837 người, chiếm tỷ lệ 37,46%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 14.378 người, chiếm tỷ lệ 78,78%.

17.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Kiến Xương chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc QL.37B và các đường tỉnh lộ, tuyến đường chính trên địa bàn xã.

17.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

17.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Kiến Xương năm 2025 theo giá hiện hành đạt 5.531,250 tỷ đồng, tăng 16,18% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 3.211,53 tỷ đồng, tăng 23,36%; thương mại - dịch vụ đạt 1.373,941 tỷ đồng, tăng 8,58%, nông - lâm - thủy sản đạt 945,775 tỷ đồng, tăng 6,00% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 7,93%, trong đó: năm 2023 tăng 4,16%, năm 2024 tăng 5,52% và năm 2025 tăng 14,4%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 24,8%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 58,1% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 17,1% trong cơ cấu kinh tế của xã.

17.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Kiến Xương năm 2025 đạt 386,34 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 386,26 tỷ đồng. Cân đối đủ.

17.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 67,1 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 71,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,7 triệu đồng/người/năm.

17.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Kiến Xương là 1,65%, trong đó: năm 2023 là 1,88%, năm 2024 là 1,64%, năm 2025 là 0,07% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

17.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp tục được duy trì ổn định, góp phần bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đạt 945,775 tỷ đồng, tăng 6,00% so với cùng kỳ năm 2024. Năm 2025, tình hình dịch bệnh trên

cây trồng, vật nuôi cơ bản được kiểm soát tốt; hoạt động chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, thị trường tiêu thụ thuận lợi. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được điều chỉnh theo hướng phù hợp với nhu cầu thị trường, tăng tỷ trọng các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, giá trị kinh tế cao, bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bất lợi của thời tiết đã làm giảm năng suất một số loại cây trồng vụ mùa và sản lượng nuôi trồng thủy sản. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 927,9 tỷ đồng; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động toàn xã hội đạt 5.173/26.771 chiếm 21,34%.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 4.350,98 ha. Trong đó, diện tích gieo cấy lúa đạt 3.966,3 ha; năng suất lúa cả năm đạt 130 tạ/ha (vụ xuân đạt 70,5 tạ/ha, vụ mùa ước đạt 60 tạ/ha). Diện tích cây màu đạt 1.062,5 ha. Giá trị sản phẩm thu được trên 01ha đất trồng trọt (theo giá hiện hành) đạt 217 triệu đồng/năm. Cơ giới hóa trong sản xuất tiếp tục được quan tâm, áp dụng đồng bộ ở hầu hết các khâu, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất. Công tác phòng, trừ sâu bệnh được triển khai kịp thời theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Công tác tích tụ ruộng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì và mở rộng, với diện tích tích tụ đạt gần 500 ha. Liên kết sản xuất theo vùng hàng hóa tiếp tục được duy trì và phát triển, đạt 385 ha liên kết sản xuất (vụ xuân 200 ha, vụ mùa 185 ha), góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định và tăng so với cùng kỳ. Trên địa bàn xã hiện có 20 trang trại quy mô từ 300 con vật nuôi trở lên. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được triển khai đúng kế hoạch, bảo đảm quy trình kỹ thuật, an toàn và hiệu quả. Đồng thời, địa phương thực hiện tốt công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, chủ động phòng, chống dịch bệnh; kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các ổ dịch phát sinh và các trường hợp vi phạm quy định về phòng, chống dịch bệnh. Nhờ đó, trên địa bàn không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định ở mức 170ha. Nhân dân tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nhiều mô hình nuôi kết hợp giữa cá truyền thống và cá đặc sản như cá trắm, cá chép lai, rô phi đơn tính… cho năng suất cao, hiệu quả kinh tế vượt trội.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã tiếp tục duy trì ổn định và có bước phát triển tích cực. Năm 2025, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 3.211,53 tỷ đồng, tăng 23,36% so với năm 2024. Kết quả này đạt được nhờ sự tập trung chỉ đạo, đôn đốc quyết liệt các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng, đặc biệt là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Trung Nê, Bình Minh, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp triển khai xây dựng nhà xưởng, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng tiếp tục được tăng cường. Việc quản lý trật tự xây dựng, hành lang an toàn giao thông đường bộ và hành lang vỉa hè được triển khai đồng bộ, quyết liệt. Xã đã thực hiện nghiêm Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh về tăng cường kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định và các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, đê điều trên địa bàn.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng được quan tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng đạt 6.242 người, chiếm 34,2% tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công và các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do xã thực hiện đạt 59,2 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch được giao.

Nhiều công trình, dự án hạ tầng quan trọng được triển khai, góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: cải tạo, nâng cấp mở rộng đường ĐH35 đoạn từ Quang Trung đi cầu Bắc Trạch; xây dựng cầu Đồng Đen, cầu Bặt; đường vào Trường Mầm non Quang Minh; hạ tầng khu dân cư Giang Tiến, khu dân cư Hương Ngải; khu nhà ở xã hội phía Đông đường tỉnh ĐT.457,... Bên cạnh đó, công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đã cơ bản hoàn thành giai đoạn 1, góp phần tạo điểm nhấn về cảnh quan, đồng thời đáp ứng nhu cầu vui chơi, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.

c) Thương mại - dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng. Thu hút các nhà đầu tư vào khu thương mại dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư hình thành trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị, của hàng bán lẻ. Chú trọng đầu tư nâng cấp các chợ trung tâm, chợ truyền thống kết hợp và mở rộng sản xuất thương mại, dịch vụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ mở rộng quy mô, phạm vi và ngành nghề kinh doanh; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, mở rộng thị trường để phục vụ khu kinh tế, khu công nghiệp, khu dân cư. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ. Tăng cường quản lý nhà nước về thương mai, dịch vụ. Nâng cao chất lượng quản lý các hoạt động dịch vụ vận tải, dịch vụ nông nghiệp, các ngành nghề. Tình hình thị trường trên địa bàn xã cơ bản ổn định; hàng hóa đa dạng, phong phú về chủng loại, mẫu mã, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được quan tâm thực hiện tại một số cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chức năng, hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm trên địa bàn xã. Dịch vụ vận tải tư nhân tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 1.373,941 tỷ đồng, tăng 8,58% so với cùng kỳ năm 2024.

Các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn xã tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình cho vay tín dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và nhân dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ tiêu dùng và phát triển kinh tế. Công tác quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại thực hiện hiệu quả, các hoạt động dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, các cơ sở kinh doanh và hộ thương nhân phát triển tốt.

17.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

17.6.1. Giáo dục - đào tạo

Ngành giáo dục hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2024 - 2025; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt cao, chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được duy trì và nâng lên. Công tác khen thưởng giáo viên, học sinh đạt thành tích được thực hiện kịp thời. Đồng thời, địa phương quan tâm đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch đề ra.

Đối với cấp học Mầm non, công tác huy động trẻ ra lớp được thực hiện hiệu quả, 100% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ngay từ những năm đầu đời. Đối với cấp Tiểu học, chất lượng giáo dục tiếp tục được duy trì ổn định. Tổng số học sinh được xét hoàn thành chương trình lớp học đạt 3.147/3.159 học sinh, đạt tỷ lệ 99,6%; số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học là 12 em, chiếm tỷ lệ 0,4%. Đặc biệt, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học với 658/658 em được công nhận hoàn thành chương trình. Đối với cấp THCS, chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều chuyển biến tích cực. Về học tập, số học sinh đạt mức tốt là 1.145 em, chiếm 40,8%; mức khá 953 em, chiếm 33,9%; mức đạt 645 em, chiếm 22,9%; số học sinh chưa đạt chỉ chiếm 2,4%. Về rèn luyện, tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt đạt 89,47%; hoàn thành khá đạt 9,2%; mức đạt 1,0%; số học sinh chưa đạt chỉ chiếm 0,14%. 100% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS; tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 công lập đạt trên 90%, khẳng định chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục đại trà tiếp tục được nâng cao. Công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2025 - 2026 được triển khai nghiêm túc, đúng quy định, hoàn thành chỉ tiêu đề ra; trong đó tuyển sinh vào lớp 1 đạt 658/658 học sinh, tuyển sinh vào lớp 6 đạt 772 học sinh.

Quy mô mạng lưới trường lớp tiếp tục được củng cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tổng số học sinh năm học 2025 - 2026 toàn xã gồm: cấp Mầm non 2.234 trẻ, cấp Tiểu học 3.159 học sinh, cấp THCS 2.813 học sinh. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên ngành giáo dục hiện có 474 người, cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy và quản lý giáo dục trên địa bàn.

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia tiếp tục được chú trọng; toàn xã hiện có 15/16 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 8 trường đạt chuẩn quốc

gia mức độ I và 6 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Bên cạnh đó, địa phương tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa nhân kỷ niệm 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2025), góp phần tôn vinh truyền thống "tôn sư trọng đạo", động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên tiếp tục thi đua dạy tốt, học tốt.

17.6.2. Y tế

Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giám sát, phòng chống và xử lý các loại dịch bệnh truyền nhiễm; thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quan tâm thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người cao tuổi (từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi), qua đó tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục được nâng lên. Tham mưu xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Xây dựng phương án tổ chức, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm y tế, trạm y tế; duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh; nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn. Chủ động bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh và nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong các thời điểm cao điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về dược phẩm, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm và hoạt động khám, chữa bệnh. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt 100%.

Tình hình dịch bệnh trên địa bàn xã được kiểm soát, các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như sốt xuất huyết, sởi, đậu mùa khỉ, đau mắt đỏ, dịch cúm A, thuỷ đậu,... được ngành chức năng kiểm soát chặt chẽ; công tác tuyên truyền, tiêm vắc-xin phòng chống sự lây lan của dịch bệnh được thực hiện tốt. Trong năm 2025, trên địa bàn phát sinh 06 ca sốt xuất huyết, giảm 15 ca so với cùng kỳ. Chỉ đạo tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Toàn xã hiện có 368 cơ sở thực phẩm được quản lý. Đoàn kiểm tra chuyên ngành, liên ngành của xã đã kiểm tra 39 cơ sở, số đạt 32 cơ sở và 07 cơ sở có vi phạm về an toàn thực phẩm, xử phạt với số tiền gần 10,0 triệu đồng; trên địa bàn xã không ghi nhận trường hợp xảy ra ngộ độc thực phẩm.

17.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Các thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở được các cấp ủy, chính quyền quan tâm đầu tư xây dựng; hệ thống nhà văn hóa thôn đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, thực sự trở thành nơi gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng dân cư, nhằm đẩy mạnh Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở cơ sở và thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay. Năm 2025, có 14.247/14.784 hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa", đạt tỷ lệ 96,37%. Công tác quản lý nhà nước về dịch vụ văn hóa, thông tin, thể thao được duy trì nền nếp.

Công tác thông tin, tuyên truyền được duy trì ổn định với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương, công tác phòng, chống dịch bệnh và phòng chống thiên tai. Đồng thời, tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương như: 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; mừng Đảng, mừng Xuân Ất Tỵ; 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 02/9; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,… gắn với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ Nhân dân. Bên cạnh đó, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng diễn ra sôi nổi, góp phần tuyên truyền các ngày lễ kỷ niệm và sự kiện chính trị lớn của đất nước, của địa phương như: giải bóng đá nhi đồng các trường học, giải bóng chuyền hơi, giao lưu bóng chuyền da giữa các câu lạc bộ,… đồng thời tham gia tích cực các giải thể thao cấp tỉnh. Công tác tuyên truyền trực quan, thông tin cổ động tiếp tục được tăng cường, tạo khí thế phấn khởi, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn xã.Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn được quan tâm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn được thực hiện hiệu quả; các cơ sở kinh doanh dịch vụ như Internet, karaoke... cơ bản chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bảo đảm thời gian hoạt động và giữ vững ổn định an ninh trật tự trên địa bàn xã.

17.6.4. An sinh xã hội

Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể xã đã luôn quan tâm đến các đối tượng chính sách, bảo trợ an sinh xã hội trên địa bàn. Tổ chức các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa nhân dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2025).

Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp tuyên truyền, tuyển dụng và giới thiệu việc làm để nâng cao thu nhập cho nhân dân. Các doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định pháp luật lao động. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thăm tặng quà cho các cháu thiếu niên, nhi đồng nhân dịp tết Trung thu năm 2025. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội được giám sát chặt chẽ.

17.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

17.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được cấp ủy, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương theo chỉ thị, kế hoạch đề ra. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được triển khai chặt chẽ, đúng quy định. Tổ chức thành công Hội nghị tổng kết "20 năm ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc" và kỷ niệm "80 năm ngày truyền thống lực lượng Công an nhân dân Việt Nam". Chủ động xây dựng và triển khai phương án bảo vệ Đại hội Đảng bộ xã Kiến Xương lần thứ I, bảo vệ từ xã Đại hội Đảng biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2025, góp phần vào thành công chung của Đại hội Đảng các cấp.

Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã được duy trì, đảm bảo ổn định, không có các ổ nhóm tội phạm và tội phạm có tổ chức. Chỉ đạo các lực lượng xây dựng kế hoạch thường xuyên tổ chức tuần tra, nắm bắt tình hình và kịp thời ngăn chặn các vụ việc có thể xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại các khu vực trọng điểm, địa bàn giáp ranh. Huy động các lực lượng phối hợp, tập trung giải quyết các địa bàn, tụ điểm, điểm phức tạp về trật tự xã hội; đấu tranh mạnh mẽ với các loại tội phạm. Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng cháy chữa cháy, đến nay trên địa bàn xã có 66 tổ liên gia phòng cháy chữa cháy và 23 điểm chữa cháy công cộng. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; chấp hành nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chuyên môn; nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ xảy ra. Kiện toàn hội đồng giáo dục quốc phòng an ninh và triển khai nhiệm vụ giáo dục quốc phòng an ninh năm 2025. Triển khai công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2026 theo kế hoạch. Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự cho 316 công dân đủ 17 tuổi.

17.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

17.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

17.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã 24 nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 24 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 04 người, chiếm 16,67%; đại học 13 người, chiếm 54,16%; cao đẳng, trung cấp 03 người, chiếm 12,5%; trình độ khác 04 người, chiếm 16,67%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 06 người, chiếm 25%; trung cấp 11 người, chiếm 45,84%; sơ cấp 05 người, chiếm 20,83%; chưa qua đào tạo 02 người, chiếm 8,33%.

b) Ủy ban nhân dân xã Kiến Xương có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 19 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 16 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng).

17.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

17.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 648 chỉ tiêu, trong đó có 48 chỉ tiêu công chức, 590 chỉ tiêu viên chức và 01 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Số công chức, viên chức và người lao động, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP có mặt tại ngày 27/5/2026: 543. Trong đó: công chức: 38; viên chức: 504; Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 01.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 10 người, chiếm 1,84%; đại học có 456 người, chiếm 83,98 %; cao đẳng, trung cấp có 77 người, chiếm 14,18%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: 07 cao cấp lý luận, chiếm 1,29%; trung cấp lý luận chính trị 94 người, chiếm 17,31%; sơ cấp lý luận chính trị 288 người, chiếm 48,81%.

18. Xã Quỳnh Phụ

18.1. Lịch sử hình thành

Huyện Quỳnh Côi được thành lập vào ngày 17/6/1969 trên cơ sở hợp nhất hai huyện Quỳnh Côi và Phụ Dực. Khi hợp nhất, huyện gồm thị trấn Quỳnh Côi và 39 xã: An Ấp, An Bài, An Cầu, An Đồng, An Dục, An Hiệp, An Khê, An Lễ, An Mỹ, An Ninh, An Quý, An Thái, An Thanh, An Tràng, An Vinh, An Vũ,

Đông Hải, Đồng Tiến, Quỳnh Bảo, Quỳnh Châu, Quỳnh Giao, Quỳnh Hải, Quỳnh Hội, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hưng, Quỳnh Khê, Quỳnh Lâm, Quỳnh Lương, Quỳnh Lưu, Quỳnh Minh, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thái, Quỳnh Thọ, Quỳnh Trang, Quỳnh Vân, Quỳnh Xá.

Ngày 5/7/1977, hợp nhất hai xã Quỳnh Lưu và Quỳnh Thái thành xã Quỳnh Hoàng, hợp nhất hai xã Quỳnh Lương và Quỳnh Vân thành xã Quỳnh Hồng. Ngày 26/12/1990, mở rộng thị trấn Quỳnh Côi trên cơ sở sáp nhập 2,2891 ha diện tích tự nhiên và 199 nhân khẩu của xã Quỳnh Hồng; 0,5138 ha diện tích tự nhiên và 45 nhân khẩu của xã Quỳnh Mỹ.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính các cấp năm 2025, khu vực xã Quỳnh Phụ ngày nay bao gồm thị trấn Quỳnh Côi và các xã Quỳnh Hải, Quỳnh Hội, Quỳnh Hồng, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Hưng thuộc huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Quỳnh Côi và các xã Quỳnh Hải, Quỳnh Hội, Quỳnh Hồng, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Hưng thành xã mới có tên gọi là xã Quỳnh Phụ và tồn tại cho đến ngày nay.

18.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Quỳnh Phụ nằm ở phía Đông Nam và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Đồng Bằng;
- Phía Tây giáp xã Nguyễn Du;
- Phía Nam giáp xã Quỳnh An;
- Phía Bắc giáp xã Minh Thọ.

18.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Quỳnh Phụ có 31,98 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất nông nghiệp là 20,58 km^2, đất phi nông nghiệp là 11,38 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,02 km^2.

18.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

18.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Quỳnh Phụ có quy mô dân số là 52.076 người, trong đó dân số thường trú là 51.550 người và dân số tạm trú là 526 người.

18.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quỳnh Phụ là 31.206 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 7.833 người, chiếm tỷ lệ 25,1%; lao động công nghiệp và xây dựng là 12.774 người, chiếm tỷ lệ 40,94%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.599 người, chiếm tỷ lệ 33,96%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Quỳnh Phụ năm 2025 là 23.373 người, chiếm tỷ lệ 74,90%.

18.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Quỳnh Phụ chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp và dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

18.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

18.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Quỳnh Phụ năm 2025 theo giá hiện hành đạt 5.477,92 tỷ đồng, tăng 14,43% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 3.364,15 tỷ đồng, tăng 16,53%; thương mại - dịch vụ đạt 1.192,87 tỷ đồng, tăng 9,89%; nông - lâm - thủy sản đạt 920,89 tỷ đồng, tăng 13,03% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 11,37%, trong đó: năm 2023 tăng 11,22%, năm 2024 tăng 10,22% và năm 2025 tăng 12,68%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 21,78%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 61,41% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 16,81% trong cơ cấu kinh tế của xã.

18.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Quỳnh Phụ năm 2025 đạt 2.038,12 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 2.038,12 tỷ đồng. Cân đối đủ.

18.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Quỳnh Phụ tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,7 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

18.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Quỳnh Phụ là 2,27%, trong đó: năm 2023 là 2,50%, năm 2024 là 2,32%, năm 2025 là 0,38% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

18.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025 thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả (nhãn, cây có múi) có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng đầu tư thâm canh theo chiều sâu, chuyển đổi mô hình sản xuất từ phân tán sang tập trung; có giải pháp cải tạo, thay thế cây, con giống có giá trị kinh tế cao vào thâm canh sản xuất. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương thức chăn nuôi an toàn, hợp vệ sinh môi trường.

Về trồng trọt: Giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2025 đạt 255,15 tỷ đồng, tăng 4,39% so với năm 2024. Xã chú trọng tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, hiệu quả kế hoạch sản xuất, nhất là việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, lịch thời vụ; chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất; chỉ đạo cày lật đất sớm, vệ sinh đồng ruộng; tổ chức chiến dịch diệt chuột; điều tiết nước hợp lý, với phương châm chỉ đạo "Xuân muộn, Mùa sớm"; thực hiện tốt việc dự tính, dự báo, hướng dẫn cho Nhân dân chủ động phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Tổng diện tích gieo trồng cả năm đạt 4.899 ha, trong đó: diện tích lúa cả năm đạt 3.019,7 ha, sản lượng thóc đạt 20.282,7 tấn, năng suất lúa cả năm đạt 133,78 tạ/ha (lúa xuân đạt 71,78 tạ/ha; lúa mùa đạt 62 tạ/ha). Diện tích cây màu cả năm đạt 1.879,3 ha, tập trung vào các giống có giá trị kinh tế cao như cây ớt, khoai lang, ngô, dưa chuột, rau màu các loại. Công tác tích tụ, tập trung ruộng đất tiếp tục được triển khai thực hiện, với tổng diện tích gần 300 ha, tập trung nhiều ở Quỳnh Hội, Quỳnh Hồng và một số diện tích ở Quỳnh Hưng, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Hải.

Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định, giá trị sản xuất ngành Chăn nuôi ước thực hiện 235,18 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch, tăng 24,03% so với năm 2024; Thủy sản ước đạt 27,135 tỷ đồng, đạt 100,02% kế hoạch, tăng 0,67% so với năm 2024. Tập trung phát triển chăn nuôi trang trại, dần xóa bỏ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Tổng đàn lợn 29.264 con, giảm 1.000 con so với cùng kỳ năm 2024; đàn trâu, bò duy trì 1.194 con; đàn gia cầm 106.116 con. Công tác phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi được chú trọng, đặc biệt là phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm; chỉ đạo thực hiện tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ trên 80%; vệ sinh tiêu độc khử trùng trong chăn nuôi; tổ chức kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, không để dịch bệnh phát sinh trên địa bàn.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp và xây dựng có nhiều có thuận lợi so cùng kỳ năm 2024; hoạt động xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng từ nguồn vốn đầu tư công được quan tâm đẩy nhanh tiến độ thi công, kinh tế tư nhân, các làng nghề tiểu thủ công nghiệp được chú trọng, quan tâm phát triển.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển, trong đó công nghiệp địa phương đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị sản xuất đạt 1.238,877 tỷ đồng, đạt 107,5% kế hoạch, tăng 13,77% so với năm 2024. Xã chủ động nắm tình hình, tổ chức thăm, động viên các doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng triển khai dự án. Công tác quản lý hoạt động hộ kinh doanh được quan tâm, hướng dẫn kịp thời, góp phần mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Nhiều hộ kinh doanh đã chủ động chuyển đổi mô hình hoạt động, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh tế.

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư được đẩy mạnh. Do huyện và các địa phương trước đây làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nên đã có rất nhiều doanh nghiệp lớn đăng ký đầu tư vào cụm công nghiệp Quỳnh Côi. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện dự án.

Công tác quản lý về đầu tư xây dựng được tăng cường. Tổ chức tiếp nhận 38 dự án của huyện chuyển về; tiếp nhận 129 dự án của 06 xã, thị trấn (cũ); tiếp nhận 02 dự án của tỉnh chuyển về. Sau sắp xếp xã tiếp tục triển khai một số dự án có quy mô lớn dự án Khu dân cư Hải Vân Lương (giai đoạn 1, giai đoạn 2), dự án Khu dân cư Đồng Cửa, Thượng Đông với diện tích trên 40 ha. Công tác giải ngân vốn đầu tư công được triển khai quyết liệt, đến 30/12/2025 hoàn thành 100%. giải ngân vốn đầu tư công năm 2025. 6 tháng đầu năm 2026 dự kiến giải ngân tỷ lệ đạt 50% kế hoạch vốn năm 2026.

Công tác quy hoạch được quan tâm chú trọng, đảm bảo chất lượng và tiến độ; các khu dân cư được quy hoạch theo hướng văn minh, hiện đại, kết nối đồng bộ về hạ tầng. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông- thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số và khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thông tin của người dân, tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, hạ tầng thương mại, các chợ nông thôn được đầu tư nâng cấp, chỉnh trang theo tiêu chuẩn quy định; loại hình dịch vụ cung ứng, vận chuyển nhanh chóng, thuận lợi,… đảm bảo cung ứng nguồn hàng hóa phong phú, chất lượng, không có tình trạng găm hàng, gây sốt giá, đáp ứng cho sản xuất, kinh doanh cũng như nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn xã. Công tác kiểm tra đối với các hoạt động kinh doanh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Ngành điện cung cấp điện an toàn, ổn định, không xảy ra mất điện trên diện rộng, đảm bảo cung cấp điện phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống sinh hoạt của Nhân dân.

18.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

18.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Công tác rà soát quy mô trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất được thực hiện thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2026 - 2030. Chỉ đạo các trường học duy trì nền nếp, kỷ cương trường học, quản lý số lượng học sinh; đảm bảo an toàn, an ninh trường học. Năm học 2024 - 2025 toàn xã có 12 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, có 03 trường đạt chuẩn mức độ II; chất lượng giáo dục được củng cố và duy trì vững chắc, số học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,8%; các phong trào thi đua ngành giáo dục được phát động, nhận được sự tham gia rất tích cực và hăng say của cán bộ giáo viên và học sinh. Tại các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hoá, tham gia các giải thi đấu thể thao đảm bảo an toàn, chất lượng chuyên môn cao. Năm học 2025 - 2026, ngành giáo dục có 9.056 học sinh/275 lớp và 537 CBGVNV; cơ bản các trường đã chuẩn bị chu đáo các điều kiện để thực hiện tốt chương trình, kế hoạch năm học. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng duy trì hiệu quả.

Công tác rà soát, quản lý dạy thêm, học thêm; kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục ngoài công lập được thực hiện thường xuyên. UBND xã chỉ đạo rà soát, tổng hợp báo cáo các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; tăng cường quản lý việc tổ chức bán trú, trải nghiệm ngoài nhà trường, trang phục, trang thiết bị, sách vở trong các nhà trường, bảo đảm an toàn thực phẩm và đúng quy định, không để phát sinh tiêu cực. Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, nghiên cứu, đề xuất cụ thể phương án đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho các trường trên địa bàn xã đảm bảo đồng bộ, đầy đủ công năng sử dụng, đạt chuẩn quốc gia theo quy định, phù hợp với quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhu cầu phát triển.

18.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Quỳnh Phụ đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều

trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm Y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân ngày càng được quan tâm; công tác phòng chống dịch bệnh, các chương trình y tế có mục tiêu được duy trì, tổ chức tốt chương trình "Cải thiện dinh dưỡng". Công tác truyền thông dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe trẻ em được quan tâm.

Tăng cường công tác kiểm tra việc đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn xã; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. Không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Thực hiện các chỉ tiêu về giảm sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; tỷ lệ các chỉ số cơ bản đạt theo kế hoạch. Ban hành kịp thời các văn bản đình chỉ lưu hành, thu hồi các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, vật tư y tế thuộc danh mục phải thu hồi trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Tiếp tục triển khai thực hiện bao phủ BHYT trên địa bàn xã; đẩy mạnh các hoạt động phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; đến nay, số người tham gia BHYT trên địa bàn xã là 50.254 người, đạt 96,97%.

18.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Hoạt động thông tin, tuyên truyền thực hiện hiệu quả với nhiều đổi mới về hình thức và nội dung, đáp ứng nhu cầu Nhân dân. Hệ thống Đài truyền thanh được củng cố thực hiện tốt cả chương trình phát sóng của đài khu vực Quỳnh Phụ và đài truyền thanh của xã. Nội dung tập trung tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương; các sự kiện chính trị quan trọng và thành tựu nổi bật của xã trên lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phong trào hiến đất, hiến tài sản làm đường giao thông, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, công tác GPMB, vệ sinh môi trường; đặc biệt, đã tập trung cao tuyên truyền về công tác sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Đại hội Đảng các cấp, Đại hội MTTQ và các thành viên,… góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của xã. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử của xã.

Công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch được tăng cường; tổ chức kiểm tra hoạt động chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hoá; hoạt động nhà văn hoá, câu lạc bộ, văn nghệ quần chúng, thể dục, thể thao, thư viện diễn ra sôi nổi, rộng khắp, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, thu hút đông đảo người dân tham gia. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang tiếp tục được phát huy; Phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở khu dân cư, xây dựng gia đình, thôn văn hóa tiếp tục được triển khai sâu rộng. Năm 2025 toàn xã có 14.325/15048 hộ đạt gia đình văn hóa bằng 95,2%, 37/38 thôn đạt danh hiệu "Thôn văn hóa".

Công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa trên địa bàn được quan tâm, tổ chức phối hợp thực hiện dự án tu bổ, nâng cấp di tích quốc gia đền La Vân với tổng mức đầu tư theo chương trình mục tiêu là 5 tỷ đồng. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội được chú trọng, các lễ hội truyền thống được tổ chức chu đáo, trang trọng, thu hút du khách đến tham quan, chiêm bái; việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn công đức tại các di tích được công khai, minh bạch.

18.6.4. An sinh xã hội

Tình hình lao động, việc làm cơ bản ổn định, không có biến động nhiều, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ luật lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%, tăng 7% so với năm 2025. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo tiếp tục giảm so với năm trước; các chính sách hỗ trợ sinh kế, vay vốn ưu đãi, dạy nghề và tạo việc làm được triển khai hiệu quả. Thực hiện tốt phong trào thi đua "Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau"; triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chính sách trợ giúp người nghèo cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống được thực hiện nghiêm túc; Hoàn thành 100% kế hoạch xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và người có công với cách mạng. Công tác bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm. Làm tốt công tác xã hội hoá việc tặng quà; tổ chức chi trả trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội năm bảo đảm đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Các hoạt động vui Tết Trung thu năm 2025 cho thiếu niên, nhi đồng được tổ chức phù hợp với mô hình mới, đảm bảo ý nghĩa, tiết kiệm.

18.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

18.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được củng cố vững chắc. Tập trung cao cho công tác tuyển quân, tổ chức long trọng, chu đáo, thành công Lễ giao nhận quân năm 2025, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2025. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực cao điểm vào nghỉ Lễ, Tết. Công tác huấn luyện lực lượng thường trực, lực lượng dân quân được thực hiện nghiêm túc. Phối hợp thẩm định tiêu chuẩn chính trị, di chuyển nghĩa vụ quân sự cho 214 lượt thí sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng hoàn thiện thủ tục hồ sơ cho 07 thí sinh đủ điều kiện dự thi vào các trường Quân đội theo đúng quy định; tổ chức khám tuyển thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ năm 2025 đảm bảo đúng quy định; công tác tuyển quân năm 2026 có 85% thanh niên trong độ tuổi tham gia khám tuyển, có 131 thanh nhiên đủ điều kiện sức khỏe sẵn sàng nhập ngũ. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tổ chức thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân cán bộ, chiến sỹ, gia đình tân binh có hoàn cảnh khó khăn; chủ động triển khai các phương án và huy động lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã luôn được giữ vững, chủ động nắm chắc tình hình an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh văn hoá tư tưởng và an ninh trên không gian mạng. Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm và vi phạm pháp luật được tăng cường, không để xảy ra các vụ việc phức tạp phạm tội về trật tự xã hội, đã điều tra khám phá 11/11 vụ; tội phạm tệ nạn về ma túy còn tiềm ẩn phức tạp, đối tượng hoạt động với thủ đoạn ngày càng tinh vi, sau sáp nhập đã phát hiện, bắt quả tang 06 vụ/07 đối tượng mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy; phát hiện, xử lý 04 vụ việc vi phạm về kinh tế, môi trường.

18.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

18.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

18.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Quỳnh Phụ nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 25 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 02 người chiếm 8%; Thạc sĩ 05 người, chiếm 20%; đại học 18 người, chiếm 72%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 12 người, chiếm 48%; trung cấp 13 người, chiếm 52%.

b) Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 19 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 16 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế; 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; 01 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

18.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

18.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 683 biên chế trong đó có 50 biên chế cán bộ công chức, 631 biên chế viên chức và 0 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, 02 hợp đồng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt là 620 biên chế; trong đó 41 biên chế là cán bộ công chức của các cơ quan chuyên môn và 579 biên chế của đơn vị sự nghiệp; 02 lao động hợp đồng Dân số - Kế hoạch hoá gia đình.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 09 người, chiếm 1,45%; đại học có 530 người, chiếm 85,48%; cao đẳng 64 người, chiếm 10,32%, trung cấp có 17 người, chiếm 2,74%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 8 người, chiếm 1,29%; trung cấp lý luận chính trị 80 người, chiếm 12,9%; sơ cấp lý luận chính trị 120 người, chiếm 19,35 %.

19. Xã Hưng Phú

19.1. Lịch sử hình thành

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, khu vực xã Hưng Phú lúc bấy giờ bao gồm khu vực các xã Nam Phú, Nam Hưng và Nam Trung thuộc huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc

sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nam Phú, Nam Hưng và Nam Trung thành xã mới có tên gọi là xã Hưng Phú và tồn tại cho đến ngày nay.

19.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Hưng Phú nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp xã Nam Tiền Hải;
- Phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình;
- Phía Bắc giáp xã Nam Cường.

19.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hưng Phú có 53,11 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 16,73 km^2, đất nông nghiệp là 32,11 km^2, đất bằng chưa sử dụng là 0,06 km^2 và đất khác là 4,21 km^2.

19.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

19.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hưng Phú có quy mô dân số là 25.814 người, trong đó dân số thường trú là 25.684 người và dân số tạm trú là 130 người.

19.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hưng Phú là 14.758 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.084 người, chiếm tỷ lệ 20,87%; lao động công nghiệp và xây dựng là 5.972 người, chiếm tỷ lệ 40,53%; lao động thương mại - dịch vụ là 5,702 người, chiếm tỷ lệ 38,60%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 11.674 người, chiếm tỷ lệ 79,13%.

19.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Hưng Phú chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, các KCN, CCN, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

19.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

19.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Hưng Phú năm 2025: trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 33,07%; thương mại - dịch vụ đạt

31,56%, nông - lâm - thủy sản đạt 35,37%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 10,79%, trong đó: năm 2023 tăng 10,10%, năm 2024 tăng 10,90% và năm 2025 tăng 11,36%.

19.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Hưng Phú năm 2025 đạt 254,82 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 235,92 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 126,52 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 83,62 tỷ đồng. Cân đối có dư.

19.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 67,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,0 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,00 triệu đồng/người/năm.

19.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hưng Phú là 1,53%, trong đó: năm 2023 là 1,77%, năm 2024 là 1,48%, năm 2025 là 0,38% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

19.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 ước đạt 643,82 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 5 năm ước đạt 2,51%. Cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo hướng nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích; tập trung chuyển đổi cơ cấu giống lúa đưa giống có năng suất cao, sản phẩm chất lượng tốt vào sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học, nâng cao giá trị và sản lượng, chất lượng con vật nuôi. Việc tập trung, tích tụ đất đai được đẩy mạnh, đã cơ bản khắc phục tình trạng bỏ ruộng hoang ở các địa phương.

Chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ phân tán hộ gia đình, đàn gia súc gia cầm phát triển mạnh; chủ động và thực hiện nghiêm các chỉ đạo cấp trên các giải pháp phòng chống dịch bệnh đảm bảo chăn nuôi phát triển bền vững và không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên diện rộng.

Nuôi trồng thủy hải sản phát triển dựa trên lợi thế hệ thống sông, khu vực ven biển. Tổng giá trị sản xuất năm 2025 ước đạt 245,9 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 3,72%. Tổng diện tích nuôi trồng thủy hải sản khoảng 1.454,0 ha. Năng lực đánh bắt hải sản xa bờ được nâng lên, gắn kết chặt chẽ với bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, thực hiện nghiêm các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU).

b) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp và các nghề truyền thống tiếp tục được quan tâm khôi phục; phát triển các ngành dịch vụ vận tải, cơ khí, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, xuất

khẩu thủy sản, xây dựng,... tạo thêm nhiều việc làm cho người dân khu vực nông thôn. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 ước đạt 1.260 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 05 năm đạt 12,41%.

Hệ thống các tuyến đường trục xã, giao thông nông thôn tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp và khai thác hiệu quả, bảo đảm an toàn giao thông. Tập trung giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn; chú trọng đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ một số dự án phát triển nhà ở. Tổng giá trị sản xuất xây dựng năm 2025 ước đạt 323,3 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 5 năm ước đạt 11,77%.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ phát triển đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ bán lẻ tập trung chủ yếu tại xã Nam Trung đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân; các xã ven biển (xã Nam Hưng, xã Nam Phú) các ngành nghề dịch vụ thương mại phát triển còn nhỏ lẻ, thu nhập từ nguồn thương mại dịch vụ chưa tương xứng với lợi thế của xã, số thu chiếm tỷ lệ còn thấp trong cơ cấu kinh tế. Dịch vụ du lịch phát triển khá, nhất là du lịch tắm biển. Tổng giá trị sản xuất dịch vụ năm 2025 đạt 538,6 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 5 năm ước đạt 7,42%.

19.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

19.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giai đoạn 2021 - 2025 giáo dục, đào tạo tiếp tục được đổi mới căn bản, toàn diện; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; phương pháp dạy và học ở bậc phổ thông ngày càng hướng tới phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, lấy người học làm trung tâm, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội, đồng thời coi trọng chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, phát hiện, bồi dưỡng các tài năng. Học sinh phát triển về thể chất, trí tuệ, năng lực, năng khiếu, phẩm chất đạo đức; trình độ dân trí, chất lượng, trình độ của lực lượng lao động được nâng cao. Giai đoạn 2021 - 2025, các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, xã nhà luôn đạt trong tốp đứng đầu. Phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng rãi với nhiều mô hình hiệu quả trong xã hội; huy động nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; coi nguồn lực con người là then chốt, động lực lớn cho sự phát triển. Các chủ trương, chính sách phát triển toàn diện con người Hưng Phú ngày càng đồng bộ, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên được quan tâm phát triển thông qua tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng các tiêu chuẩn giáo viên ở các cấp học, bậc học; từng bước xử lý thừa thiếu cục bộ đội ngũ giáo viên do yếu tố cơ cấu và thực hiện chuẩn mới về chương trình giáo dục, đào tạo và giáo viên. Cơ

sở vật chất, trường, lớp học, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua sắm, hiện đại hóa gắn với thực hiện trường chuẩn quốc gia. Hầu hết các trường học, lớp học đều được xây dựng kiên cố. 4/7 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 01 trường (MN Nam Hưng) đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. UBND xã bảo đảm kinh phí cho giáo dục và đào tạo (bình quân chiếm 20% chi ngân sách địa phương).

19.6.2. Y tế

Giai đoạn 2021 - 2025 các chương trình y tế, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân là chương trình mục tiêu quốc gia đạt kết quả tốt. Công tác phòng bệnh vệ sinh môi trường thường xuyên được duy trì thường xuyên. Chủ động triển khai tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh covid-19 được thực hiện kịp thời và hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn diễn biến của dịch. Triển khai tốt các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế; an toàn vệ sinh thực phẩm được kiểm soát, tiêm chủng cho trẻ em đạt 100%. Trạm Y tế được đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị, khám chữa bệnh hàng năm đảm bảo, giữ vững danh hiệu đạt chuẩn y tế quốc gia về cơ sở giai đoạn 2.

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được triển khai sâu rộng, đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa UBND với Hội Liên hiệp phụ nữ xã trong việc tuyên truyền, vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Dân số tính đến thời điểm hiện tại của xã là 25.865 khẩu. Tỷ lệ dân số tự nhiên bình quân 5 năm đạt 0,88%; Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên bình quân 5 năm là 31%. Các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ em khuyết tật được cộng đồng quan tâm.

Thực hiện hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh, UBND xã đã ban hành quyết định sáp nhập 03 Trạm Y tế xã Hưng Phú, Trạm Y tế Nam Trung và Trạm Y tế Nam Phú thành Trạm Y tế xã Hưng Phú có trụ sở tại xã Nam Hưng (cũ) và duy trì 01 điểm trạm tại xã Nam Trung (cũ).

19.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Hoạt động văn hóa, thể thao và thông tin - truyền thông trên địa bàn xã giai đoạn 2021 - 2025 có nhiều khởi sắc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân và tạo khí thế thi đua trong toàn xã. Các sự kiện chính trị - văn hóa lớn được tổ chức trang trọng, kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7, Quốc khánh 2/9, các hoạt động văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. So với những năm trước sáp nhập, quy mô và tần suất năm 2025 tổ chức hoạt động văn hóa tăng rõ rệt, thể hiện sự chủ động sau khi bộ máy chính quyền mới đi vào vận hành.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng. Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa và gia đình văn hóa được duy trì. Hoạt động thể dục thể thao quần chúng phát triển

mạnh, đã tổ chức Giải thi đấu cầu lông, bóng bàn nhân kỷ niệm Quốc khánh 02/9, tạo sân chơi bổ ích, rèn luyện sức khỏe và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng và nhiều hoạt động thể dục thể thao khác, các câu lạc bộ Dân vũ duy trì phong trào.

Trong lĩnh vực thông tin - truyền thông, giai đoạn 2021 - 2025 Ban Biên tập thường xuyên được kiện toàn, hệ thống truyền thanh đã phát hơn 1500 lượt tin, bài, tập trung tuyên truyền về Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, cải cách hành chính, phòng chống thiên tai - dịch bệnh. Cổng thông tin điện tử của xã duy trì thường xuyên, cập nhật tin tức kịp thời. Ngoài ra, xã đã triển khai trên 350 lượt băng rôn, pa-nô, áp phích, khẩu hiệu tuyên truyền trong các dịp lễ và sự kiện chính trị trọng đại, tạo diện mạo văn hóa mới cho không gian công cộng.

19.6.4. An sinh xã hội

Công tác lao động - việc làm, giảm nghèo và các lĩnh vực xã hội khác trên địa bàn xã Hưng Phú giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục được quan tâm, thực hiện từng bước có hiệu quả. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội tiếp tục được duy trì, các chương trình vay vốn ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được triển khai thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội giúp hàng trăm hộ có điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

An sinh xã hội, các chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Thực hiện Nghị định 176/2025/NĐ-CP, sau sáp nhập xã đã chi trả trợ cấp hưu trí xã hội cho 419 đối tượng, bảo đảm đúng chế độ, đúng thời gian. Trong năm 2025, UBND xã đã họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xét 25 đối tượng, trong đó có 16 trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp.

19.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

19.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh chính trị được giữ vững ổn định; trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông được bảo đảm; không phát sinh điểm nóng; nội bộ cấp ủy, chính quyền đoàn kết.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ. Giai đoạn 2021 - 2025 xã luôn giao đủ và vượt chỉ tiêu giao quân, hoàn thành đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho nam thanh niên 17 tuổi. Tiếp tục rà soát nguồn năm 2026 là 592 công dân, đủ điều kiện sẵn sàng nhập ngũ

năm 2026 là 493 công dân. Công tác huấn luyện được duy trì nền nếp, đã tổ chức huấn luyện cho 204 dân quân và 16 quân nhân dự bị, cử 03 đồng chí đi đào tạo sĩ quan dự bị tại trường quân sự. Công tác hậu phương quân đội được quan tâm thực hiện tốt; các chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân quân nhân được chi trả, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, kịp thời. Lực lượng quân sự địa phương tích cực tham gia phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, góp phần bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

Công an xã, BCH quân sự xã, Đồn Biên phòng Cửa Lân chủ động triển khai nhiều kế hoạch, bảo đảm an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, văn hóa lớn như: Đại hội Đảng bộ xã lần thứ Nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030; công tác phòng, chống các cơn bão số 3 "Wipha", bão số 5, bão số 9, bão số 10 "Bualoi", bão số 11 "Matmo"; đồng thời phối hợp cấp phát quà cho nhân dân dịp Quốc khánh 02/9 an toàn, đúng quy định, an ninh mạng, tôn giáo, dân tộc ổn định, không xảy ra các hoạt động truyền đạo trái phép. Công tác quản lý xuất nhập cảnh được thực hiện nghiêm túc, quản lý chặt chẽ người nước ngoài cư trú, lao động và học tập trên địa bàn.

Công an xã đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm vi phạm pháp luật trên địa bàn; phối hợp với cán bộ đồn Biên phòng Cửa Lân phát động phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được duy trì thường xuyên, đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật, thu hút hàng nghìn lượt người dân tham gia, phát huy hiệu quả các mô hình tự quản về an ninh trật tự, tham mưu Đảng ủy, UBND xã họp triển khai xét duyệt địa bàn trọng điểm về ma túy và ra quân trấn áp tội phạm về ma túy.

Nhìn chung, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại tình trạng một số thanh niên né tránh nghĩa vụ quân sự, vi phạm an toàn giao thông, một số tệ nạn xã hội chưa được khắc phục triệt để, công tác phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở sản xuất, kinh doanh còn tiềm ẩn nguy cơ.

19.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

19.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

19.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Hưng Phú nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 20 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 03 người, chiếm 15%; đại học 13 người, chiếm 63,64%; trình độ khác 4 người, chiếm 20%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 05 người, chiếm 25%; trung cấp 11 người, chiếm 55%; chưa qua đào tạo 4 người, chiếm 20%.

b) Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 07 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 01 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm dịch vụ Tổng hợp).

19.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

19.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 351 chỉ tiêu, trong đó có 37 chỉ tiêu công chức, 314 chỉ tiêu viên chức. Hiện có mặt là 273 viên chức và 34 công chức.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 06 người, chiếm 1,95%; đại học có 266 người, chiếm 86,6%; cao đẳng có 31 người, chiếm 10,09 % trung cấp có 04 người, chiếm 1,3%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận có 05 người, chiếm 1,62%; trung cấp lý luận chính trị 48 người, chiếm 15,6%.

20. Xã Đông Hưng

20.1. Lịch sử hình thành

Xã Đông Hưng được thành lập theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Đông Hưng và các xã Nguyên Xá, Đông La, Đông Các, Đông Sơn, Đông Hợp thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (cũ).

20.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Đông Hưng nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Bắc Đông Hưng;

- Phía Tây giáp xã Bắc Tiên Hưng;

- Phía Nam giáp các xã Đông Tiên Hưng, Nam Đông Hưng, Bắc Đông Quan;

- Phía Bắc giáp xã Quỳnh An.

20.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Đông Hưng có 24,95 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 8,50 km^2, đất nông nghiệp là 15,73 km^2, đất bằng chưa sử dụng là 0,04 km^2 và đất khác là 0,68 km^2.

20.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

20.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Đông Hưng có quy mô dân số là 48.904 người, trong đó dân số thường trú là 47.942 người và dân số tạm trú là 962 người.

20.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Đông Hưng là 28.364 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 25.154 người, chiếm tỷ lệ 88,68%.

20.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Đông Hưng chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn và các xã cũ trước khi sắp xếp, các KCN, CCN, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

20.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

20.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã Đông Hưng chuyển dịch tích cực theo định hướng, trong đó: công nghiệp - xây dựng chiếm 53,03%; thương mại - dịch vụ chiếm 35,40% và nông - lâm - thủy sản chiếm 11,57%.

20.5.2. Thu, chi ngân sách

Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Đông Hưng đạt 407,09 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 402,34 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 97,46 đồng và chi thường xuyên đạt 259,26 tỷ đồng. Cân đối có dư.

20.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Đông Hưng tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,6 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,9 triệu đồng/người/năm.

20.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Đông Hưng là 1,13%, trong đó: năm 2023 là 1,40%, năm 2024 là 1,12%, năm 2025 là 0,14% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

20.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

- Về trồng trọt: Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 183,6 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch, tăng 2,0% so với cùng kỳ. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các đề án sản xuất theo kế hoạch đã phê duyệt. Tổng diện tích gieo trồng năm 2025 đạt 3.322 ha. Cơ cấu giống lúa có xu hướng chuyển dịch sang giống lúa chất lượng cao và quy mô sản xuất tập trung theo vùng. Diện tích gieo cấy bằng máy liên tục tăng qua các năm, ở vụ mùa năm 2025, diện tích lúa cấy bằng máy đạt 786 ha (đạt 59% diện tích). Sản xuất cây màu, cây vụ đông theo hướng sản xuất vùng tập trung, với các loại cây có giá trị kinh tế cao như: bí đỏ, ngô nếp, khoai tây và rau màu khác như: cải các loại,...

- Về chăn nuôi, thuỷ sản: Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 134,3 tỷ đồng, đạt 100,4% kế hoạch, tăng 1,67% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản đạt 11,7 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 0,86% so với cùng kỳ.

Chăn nuôi an toàn và không xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thực hiện tốt công tác tiêu độc khử trùng, tiêm vắc xin phòng bệnh trên đàn gia súc - gia cầm theo kế hoạch. Quy mô chăn nuôi theo hình thức trang trại, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh gắn với bảo vệ môi trường là xu hướng tất yếu theo sự phát triển thị trường.

Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai luôn đảm bảo được sự chủ động, sẵn sàng triển khai thực hiện; việc quản lý công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai được tăng cường kiểm tra và xử lý kịp thời. Xây dựng phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cụ thể phù hợp với từng tình huống xảy ra. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó với bão và duy trì tổ chức trực phòng chống thiên tai theo quy định.

b) Công nghiệp - xây dựng

- Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2025 đạt 2.479,3 tỷ đồng, đạt 102,8% kế hoạch, tăng 11,93% so với cùng kỳ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn vẫn duy trì được sự ổn định và phát triển, một số ngành hàng có mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ như: Dệt may, sản xuất khung nhà thép tiền chế, gia công cơ khí, sản xuất đồ gỗ,... Trong năm, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức thăm hỏi, động viên các doanh nghiệp thực hiện sản xuất và một số doanh nghiệp bị thiệt hại nặng nề sau cơn bão số 3 WIPHA, đồng thời lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất của các Doanh nghiệp, từ đó đưa ra giải pháp tháo gỡ cho các doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm.

- Về xây dựng cơ bản*:* Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản đạt 912,0 tỷ đồng, đạt 100,2% kế hoạch, tăng 10,95% so với cùng kỳ.

Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát công tác trật tự an toàn giao thông, nhất là vào các dịp nghỉ Lễ, nghỉ Tết. Thực hiện rà soát, xoá bỏ các điểm đen có nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn. Thực hiện duy tu và bảo dưỡng các tuyến đường theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Uỷ ban nhân dân xã Đông Hưng đã tiếp nhận, tiếp tục thực hiện 09 dự án dở dang (08 dự án dở dang của các xã cũ và 01 dự án dở dang của huyện chuyển về), triển khai khởi công mới 07 dự án (trong đó có 02 dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư do 02 xã (cũ) đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và 05 dự án mới do UBND xã Đông Hưng thực hiện các thủ tục đầu tư) và tiếp tục hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư 01 dự án do tỉnh quyết định đầu tư, giao UBND xã làm chủ đầu tư.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát các công trình, dự án để xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; phối hợp rất tích cực cùng các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư tại các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn xã. Thực hiện sửa chữa lại Trung tâm phục vụ Hành chính công, Trụ sở làm việc của HĐND - UBND xã để đáp ứng nhu cầu làm việc theo mô hình chính quyền 02 cấp mới, bố trí vốn sửa chữa cấp bách một số hạng mục phụ trợ của công trình trường học bị xuống cấp, hư hỏng. Uỷ ban nhân dân xã cũng đã chỉ đạo phòng chuyên môn rà soát các công trình đường giao thông bị xuống cấp, hư hỏng theo kiến nghị của cử tri để kịp thời thực hiện cải tạo, sửa chữa.

c) Thương mại - dịch vụ

Giá trị thương mại dịch vụ đạt 1.101,5 tỷ đồng, đạt 100,4% so với kế hoạch, tăng 9,33% so với cùng kỳ. Trong năm thị trường hàng hoá cơ bản vẫn ổn định; một số loại hình dịch vụ như: vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, bán lẻ hàng hóa có mức tăng khá so với cùng kỳ năm 2024. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tăng cường.

Sau khi hợp nhất các xã đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng đã thực hiện kiểm kê, vận chuyển, sắp sếp tài sản của 06 xã, thị trấn và các cơ quan, phòng ban của huyện về các phòng ban chuyên môn của xã quản lý, sử dụng tài sản, việc bố trí sử dụng tài sản tiếp nhận theo tiêu chuẩn, định mức sau khi thực hiện tổ chức, sắp xếp lại đơn vị hành chính hai cấp và lập phương án xử lý đối với tài sản dôi dư, không gây gián đoạn quản lý, thất thoát tài sản, ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ công.

20.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

20.6.1. Giáo dục - đào tạo

Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và triển khai các nhiệm vụ năm học 2025 - 2026. Quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được ổn định, trên địa bàn xã hiện có 21 cơ sở giáo dục: 16 trường công lập (06 trường mầm non, 04 trường tiểu học, 04 trường THCS, 02 trường TH&THCS), 2 trường mầm non tư thục và 03 cơ sở mầm non độc lập; công tác số lượng, phổ cập tiếp tục được duy trì (100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, 100% học sinh lớp 5 HTCT lên lớp 6), đội ngũ CBGV được quản lý, sử dụng cơ bản hợp lý, chất lượng đội ngũ được nâng lên. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao; Kết quả các cuộc thi Khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi lớp 9 được giữ vững trong tốp đầu của tỉnh. Kết quả các cuộc thi khác của thầy và trò ở cấp tỉnh, quốc gia ,quốc tế tiếp tục được nâng cao. Chỉ đạo các ngành phối hợp với Sở GD-ĐT và địa phương hoàn thiện các điều kiện để tổ chức kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2025 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh.

Công tác tuyển sinh cho năm học 2025 - 2026 được tiến hành nghiêm túc, công khai, minh bạch theo đúng hướng dẫn của ngành. Ngay từ đầu năm học 2025 - 2026, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Đồng thời, các nhà trường tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý như: triển khai phần mềm quản lý học sinh, học bạ điện tử, sổ liên lạc trực tuyến và các công cụ hỗ trợ dạy - học, quản lý hồ sơ trực tuyến.Triển khai cập nhật, báo cáo dữ liệu đầu năm học 2025 - 2026 trên Cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo theo quy định. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học; công tác vệ sinh môi trường, phun khử khuẩn, phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và thiên tai; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong công tác nuôi ăn bán trú.

20.6.2. Y tế

Các trạm y tế đã đi vào hoạt động ổn định, duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân, bảo đảm kịp thời tiếp nhận, xử lý các trường hợp cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Tăng cường triển khai các hoạt động dân số và phát triển năm 2025. Tổng số sinh toàn

xã là 531 cháu, giảm 18 cháu so với cùng kỳ năm 2024; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 0,7% giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2024; tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh là 109 nam/100 nữ. Tỷ lệ sinh năm 2025 trên địa bàn đạt 1,1%. Các chương trình y tế cơ sở như tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dinh dưỡng học đường được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Đặc biệt, chú trọng đến công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm soát dịch bệnh theo mùa nên không xảy ra ngộ độc thực phẩm, không có ổ dịch lớn xảy ra trên địa bàn; chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó khi có dịch xảy ra; dự trữ đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế.

20.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ đời sống tinh thần của Nhân dân; tăng cường công tác quản lý văn hóa, thông tin, văn nghệ, thể thao, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền và triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện nghiêm túc việc ứng dụng văn bản điện tử, hệ thống một cửa điện tử, chữ ký số; thường xuyên cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử của xã nhằm đăng tải kịp thời các nội dung chỉ đạo điều hành, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả. Tổ chức ký kết hợp tác chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo với VNPT Hưng Yên, giai đoạn 2025 - 2030 mở ra nhiều lợi ích thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường ứng dụng các nền tảng số, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Công tác quản lý hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao được thực hiện nghiêm túc; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được duy trì và phát triển. Hướng dẫn các thôn thực hiện việc bình xét, đề nghị công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa. Qua bình xét, toàn xã có 29/35 thôn đạt danh hiệu thôn văn hoá, tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 96,7%. Phối hợp tổ chức thành công Ngày hội "toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc",Chương trình nghệ thuật 20 năm ngày di sản Việt Nam 23/11 hưởng ứng tuần văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Hưng Yên năm 2025 và khánh thành công trình rối nước Nguyên Xá.

Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, di tích lịch sử trên địa bàn; hoàn thành bổ sung chỉnh sửa, xây dựng hương ước, quy ước, thống nhất chỉ đạo hoạt động văn hoá, tổ chức lễ hội đình, chùa,… ở các thôn trong xã. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ, văn hóa, thể thao, điểm cung cấp trò chơi trực tuyến chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước.

20.6.4. An sinh xã hội

Các chính sách đối với gia đình có công với cách mạng và các đối tượng Bảo trợ xã hội được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Tổ chức tốt các hoạt động thăm, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sỹ. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt.

Triển khai, thực hiện Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; tổ chức rà soát và ban hành quyết định cho trên 1369 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định. Thành lập Hội đồng xét duyệt mức độ khuyết tật, tiếp nhận 75 hồ sơ; họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, kết quả: đã xét duyệt đủ điều kiện 18 hồ sơ (trong đó: Mức độ khuyết tật nặng 15, đặc biệt nặng 5); Khuyết tật nhẹ 12 hồ sơ; không xác định được mức độ khuyết tật 15 hồ sơ, 0 hồ sơ đề nghị đối tượng tiếp tục hoàn thiện, bổ sung.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 45.976/47.701 người, tương đương 96,3%.

Tập trung chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã. Xây dựng Kế hoạch tổ chức vui tết Trung thu cho các cháu thiếu niên, nhi đồng trong xã, hỗ trợ cho 35 thôn cắm trại và tổ chức các đoàn đến thăm, tặng quà cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật, trẻ em mồ côi,… với tổng số tiền hỗ trợ là 80.000.000 đồng, góp phần động viên, khích lệ tinh thần, giúp các em có một Tết Trung thu ấm áp, ý nghĩa.

20.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

20.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện nghiêm túc chế độ trực và kế hoạch huấn luyện theo quy định. Hoàn thành kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025. Lực lượng Dân quân tự vệ được củng cố và huấn luyện chặt chẽ, với 100% quân số đạt yêu cầu. Chủ động tham mưu và triển khai phương án phòng, chống, khắc

phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân. Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2026 đã và đang được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, đảm bảo chặt chẽ. Thường xuyên phối hợp với các ngành có liên quan và cơ quan quân sự cấp trên làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, tiếp nhận và giải quyết kịp thời đúng đối tượng về các chế độ, chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, ổn định trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông được đảm bảo; duy trì quân số trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an ninh, an toàn tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, xã, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và xã, dịp lễ, Tết, các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn, kịp thời xử lý tốt mọi tình huống có thể xảy ra, không để bị động bất ngờ. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; không để hình thành các tụ điểm phức tạp, băng nhóm tội phạm hoạt động gây bức xúc trong nhân dân nên tình hình tội phạm về trật tự xã hội được kiềm chế và giảm so với cùng kỳ năm 2024. Tổ chức thành công điểm "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tổ chức thực hiện tốt Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030. Hoàn thành các chỉ tiêu làm sạch dữ liệu dân cư, đảm bảo thông tin công dân "đúng, đủ, sạch, sống", góp phần tạo thuận lợi cho hân dân sử dụng dịch vụ công trên môi trường mạng.

20.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

20.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

20.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Đông Hưng nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 24 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 04 người, chiếm 16,67%; đại học 20 người, chiếm 83,33%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 08 người, chiếm 33,33%; trung cấp 16 người, chiếm 66,67%.

b) Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 21 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 18 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế; 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; 01 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

19.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

20.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 722 biên chế trong đó có 52 biên chế cán bộ công chức, 670 biên chế viên chức.

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt là 680 biên chế; trong đó 50 biên chế là cán bộ công chức của các cơ quan chuyên môn và 630 biên chế của đơn vị sự nghiệp.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 12 người, chiếm 1,76%; đại học có 585 người, chiếm 86,03%; cao đẳng 83 người, chiếm 12,21%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận 10 người, chiếm 1,47%; trung cấp lý luận chính trị 136 người, chiếm 20%; sơ cấp lý luận chính trị 534 người, chiếm 78,53%.

21. Xã Vũ Thư

21.1. Lịch sử hình thành

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Vũ Thư và các xã Minh Khai, Minh Quang, Hòa Bình, Tam Quang, Dũng Nghĩa thành xã mới có tên gọi là xã Vũ Thư và tồn tại cho đến ngày nay.

21.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Vũ Thư nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Trần Hưng Đạo và phường Thái Bình;

- Phía Tây giáp xã Vạn Xuân và tỉnh Ninh Bình;

- Phía Nam giáp phường Vũ Phúc, xã Tân Thuận và tỉnh Ninh Bình;

- Phía Bắc giáp xã Thư Trì.

21.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vũ Thư có 29,07 km^2 diện tích tự nhiên.

21.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

21.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Vũ Thư có quy mô dân số là 44.116 người, trong đó dân số thường trú là 43.336 người và dân số tạm trú là 780 người.

21.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vũ Thư là 30.940 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 25.265 người, chiếm tỷ lệ 81,66%.

21.4.2. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Vũ Thư chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn và các xã cũ trước khi sắp xếp, các cụm công nghiệp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

21.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

21.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã Vũ Thư chuyển dịch tích cực theo định hướng, trong đó: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng - dịch vụ chiếm 78,68%; nông, lâm, thủy sản chiếm 21,32%.

21.5.2. Thu, chi ngân sách

Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã là 547.069,20 triệu đồng, trong khi tổng chi ngân sách là 528.486,27 triệu đồng. Theo đó, tỷ lệ tổng thu so với tổng chi ngân sách đạt khoảng 103,52%. Kết quả này cho thấy nguồn thu ngân sách của xã Vũ Thư không chỉ bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu chi ngân sách mà còn vượt mức chi, qua đó đáp ứng chỉ tiêu quy định "từ 100% trở lên", thể hiện năng lực cân đối ngân sách và tính bền vững về tài chính của địa phương theo chỉ tiêu quy định.

21.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Vũ Thư tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 64,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,7 triệu đồng/người/năm.

21.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vũ Thư là 1,51%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,51%, năm 2025 là 0,3% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

21.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các đề án sản xuất theo kế hoạch đã phê duyệt. Tổng diện tích gieo trồng năm 2025 đạt 3.322 ha. Cơ cấu giống lúa có xu hướng chuyển dịch sang giống lúa chất lượng cao và quy mô sản xuất tập trung theo vùng. Diện tích gieo cấy bằng máy liên tục tăng qua các năm, ở vụ mùa năm 2025, diện tích lúa cấy bằng máy đạt 786 ha (đạt 59% diện tích). Sản xuất cây màu, cây vụ đông theo hướng sản xuất vùng tập trung, với các loại cây có giá trị kinh tế cao như: bí đỏ, ngô nếp, khoai tây và rau màu khác như: cải các loại,...

Chăn nuôi an toàn và không xảy ra dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thực hiện tốt công tác tiêu độc khử trùng, tiêm vắc xin phòng bệnh trên đàn gia súc - gia cầm theo kế hoạch. Quy mô chăn nuôi theo hình thức trang trại, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh gắn với bảo vệ môi trường là xu hướng tất yếu theo sự phát triển thị trường.

Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai luôn đảm bảo được sự chủ động, sẵn sàng triển khai thực hiện; việc quản lý công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai được tăng cường kiểm tra và xử lý kịp thời. Xây dựng phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cụ thể phù hợp với từng tình huống xảy ra. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó với bão và duy trì tổ chức trực phòng chống thiên tai theo quy định.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trên địa bàn hiện có 03 Cụm công nghiệp: trong đó 02 cụm Tân Minh 75 ha và Vũ Thư 27,2 ha đã thu hút hàng chục nghìn người lao động; Cụm công nghiệp Tam Quang quy mô 39,51 ha đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng. Các cụm công nghiệp đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng lao động phi nông nghiệp và hình thành các không gian dịch vụ, dân cư theo hướng đô thị. Hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn vẫn duy trì được sự ổn định và phát triển, một số ngành hàng có mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ như: Dệt may, sản xuất khung nhà thép tiền chế,

gia công cơ khí, sản xuất đồ gỗ,... Trong năm, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức thăm hỏi, động viên các doanh nghiệp thực hiện sản xuất và một số doanh nghiệp bị thiệt hại nặng nề sau cơn bão số 3 WIPHA, đồng thời lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất của các Doanh nghiệp, từ đó đưa ra giải pháp tháo gỡ cho các doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm.

Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn được đầu tư tương đối đồng bộ, tạo khả năng kết nối thuận lợi với các trục giao thông đối ngoại và liên vùng. Xã Vũ Thư nằm trên trục Quốc lộ 10 - tuyến giao thông huyết mạch kết nối các tỉnh Nam đồng bằng Bắc Bộ với khu vực Đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; đồng thời có các tuyến giao thông động lực như đường Vành đai phía Nam Thái Bình, đường số 2 kéo dài đang được đầu tư, kết nối với trục Thái Bình - Phố Hiến và các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp của tỉnh. Với hệ thống hạ tầng giao thông kết nối ngày càng hoàn thiện, Vũ Thư đã từng bước hình thành vai trò là đầu mối liên kết giao thương và phát triển đô thị khu vực phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên.

Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát công tác trật tự an toàn giao thông, nhất là vào các dịp nghỉ Lễ, nghỉ Tết. Thực hiện rà soát, xoá bỏ các điểm đen có nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn. Thực hiện duy tu và bảo dưỡng các tuyến đường theo kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Thương mại - dịch vụ

Trong năm 2025, hoạt động thương mại trên địa bàn xã diễn ra sôi động, nguồn cung sản phẩm, hàng hóa dồi dào, đa dạng, phong phú, không có tình trạng khan hiếm, tăng giá đột biến; các chợ, cơ sở kinh doanh hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tăng cường.

21.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

21.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Hệ thống giáo dục trên địa bàn với 06 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở, 03 trường tiểu học và trung học cơ sở, 01 trường trung học phổ thông, 01 Trung tâm GDNN-GDTX và 01 trường THPT tư thục,

đáp ứng nhu cầu học tập của khoảng 14.500 học sinh các cấp học. Cơ sở vật chất trường lớp từng bước được chuẩn hóa, hiện đại.

21.6.2. Y tế

Trên địa bàn hiện có 01 Bệnh viện đa khoa Vũ Thư công lập quy mô khoảng 400 giường là một trong những công trình hạ tầng xã hội quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trên địa bàn. Trạm Y tế xã được tiếp nhận từ Trung tâm y tế huyện cũ và các điểm trạm, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Trong thời gian tới, địa phương định hướng rà soát các điểm trạm và đầu tư xây dựng Trạm Y tế thông minh nhằm từng bước đồng bộ, hiện đại, nâng cao năng lực khám chữa bệnh, giảm tải cho tuyến trên và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Vũ Thư.

21.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân; tăng cường công tác quản lý văn hóa, thông tin, văn nghệ, thể thao, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền và triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện nghiêm túc việc ứng dụng văn bản điện tử, hệ thống một cửa điện tử, chữ ký số; thường xuyên cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử của xã nhằm đăng tải kịp thời các nội dung chỉ đạo điều hành, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

Công tác quản lý hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao được thực hiện nghiêm túc; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được duy trì và phát triển. Hướng dẫn các thôn thực hiện việc bình xét, đề nghị công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa.

21.6.4. An sinh xã hội

Các chính sách đối với gia đình có công với cách mạng và các đối tượng Bảo trợ xã hội được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Tổ chức tốt các hoạt động thăm, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sỹ. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận

động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt.

21.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

21.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện nghiêm túc chế độ trực và kế hoạch huấn luyện theo quy định. Hoàn thành kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025. Lực lượng Dân quân tự vệ được củng cố và huấn luyện chặt chẽ, với 100% quân số đạt yêu cầu. Chủ động tham mưu và triển khai phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân. Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2026 đã và đang được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, đảm bảo chặt chẽ. Thường xuyên phối hợp với các ngành có liên quan và cơ quan quân sự cấp trên làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, tiếp nhận và giải quyết kịp thời đúng đối tượng về các chế độ, chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, ổn định trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông được đảm bảo; duy trì quân số trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an ninh, an toàn tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, xã, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và xã, dịp lễ, Tết, các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn, kịp thời xử lý tốt mọi tình huống có thể xảy ra, không để bị động bất ngờ.

21.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

21.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

21.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Vũ Thư nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 23 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 03 người, chiếm 13,04%; đại học 20 người, chiếm 86,96%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 07 người, chiếm 30,43%; trung cấp 16 người, chiếm 69,57%.

b) Ủy ban nhân dân xã Vũ Thư có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế; 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; 01 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

21.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

21.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 575 biên chế trong đó có 45 biên chế cán bộ công chức và 530 biên chế viên chức.

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt là 561 biên chế; trong đó 40 biên chế là cán bộ công chức của các cơ quan chuyên môn và 521 biên chế của đơn vị sự nghiệp.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 07 người, chiếm 1,25%; đại học có 409 người, chiếm 72,90%; cao đẳng 145 người, chiếm 25,85%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận 07 người, chiếm 1,25%; trung cấp lý luận chính trị 92 người, chiếm 16,40%; sơ cấp lý luận chính trị 462 người, chiếm 82,35%.

22. Xã Vũ Quý

22.1. Lịch sử hình thành

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng bỏ cấp phủ, huyện Trực Định được đổi tên thành huyện Kiến Xương thuộc tỉnh Thái Bình. Lúc này, huyện Kiến Xương có 32 xã: An Bình, An Bồi, An Ninh, Bắc Hải, Bình Định, Bình Minh, Bình Nguyên, Bình Thanh, Đình Phùng, Hòa Bình, Hồng Thái, Hồng Tiến, Lê Lợi, Minh Hưng, Minh Tân, Nam Bình, Nam Cao, Phương Công, Quang Bình, Quang Hưng, Quang Lịch, Quang Minh, Quang Trung, Quốc Tuấn, Quyết Tiến, Tán Thuật, Thanh Tân, Thượng Hiền, Trà

Giang, Vân Trường, Vinh Quang, Vũ Lăng. Ngày 12/7/1958, giải thể 2 xã Quang Minh và Vinh Quang. Ngày 17/6/1969, chuyển 13 xã: Vũ Đông, Vũ Tây, Vũ Sơn, Vũ Lạc, Vũ Quý, Vũ Trung, Vũ Thắng, Vũ Công, Vũ Lễ, Vũ An, Vũ Ninh, Vũ Hòa, Vũ Bình thuộc huyện Vũ Tiên (cũ) về huyện Kiến Xương quản lý. Ngày 10/9/1969, chuyển 05 xã: Bắc Hải, Phương Công, Vân Trường, Vũ Lăng, An Ninh về huyện Tiền Hải quản lý. Năm 1974, tái lập xã Quang Minh.

Ngày 08/6/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 102-HĐBT thành lập thị trấn Kiến Xương trên cơ sở tách xóm Quang Trung và xóm Tân Tiến của xã Tán Thuật. Đây là trung tâm hành chính, chính trị và kinh tế của huyện. Đến ngày 12/4/2002, hợp nhất thị trấn Kiến Xương và xã Tán Thuật để thành lập thị trấn Thanh Nê và trở thành huyện lỵ mới của huyện Kiến Xương. Ngày 13/12/2007, chuyển 02 xã Vũ Lạc và Vũ Đông về thành phố Thái Bình quản lý. Huyện Kiến Xương lúc này có tổng cộng 37 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 01 thị trấn (thị trấn Thanh Nê) và 36 xã (An Bình, An Bồi, Bình Định, Bình Minh, Bình Nguyên, Bình Thanh, Đình Phùng, Hòa Bình, Hồng Tiến, Hồng Thái, Lê Lợi, Minh Hưng, Minh Tân, Nam Bình, Nam Cao, Quang Bình, Quang Hưng, Quang Lịch, Quang Minh, Quang Trung, Quốc Tuấn, Quyết Tiến, Thanh Tân, Thượng Hiền, Trà Giang, Vũ An, Vũ Bình, Vũ Công, Vũ Hòa, Vũ Lễ, Vũ Quý, Vũ Ninh, Vũ Trung, Vũ Tây, Vũ Sơn, Vũ Thắng.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vũ An, Vũ Ninh, Vũ Trung và Vũ Quý thành xã mới có tên gọi là xã Vũ Quý và tồn tại cho đến ngày nay.

22.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Vũ Quý nằm ở khu vực phía Nam của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 53 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Quang Lịch;

- Phía Tây giáp xã Thư Vũ;

- Phía Nam giáp xã Hồng Vũ và xã Kiến Xương;

- Phía Bắc giáp phường Trần Lãm.

22.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vũ Quý có 15,10 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 5,88 km^2, đất nông nghiệp là 9,12 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,10 km^2.

22.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

22.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Vũ Quý có quy mô dân số là 27.062 người, trong đó dân số thường trú là 26.897 người và dân số tạm trú là 165 người.

22.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 15.730 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2.662 người, chiếm tỷ lệ 16,92%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.776 người, chiếm tỷ lệ 43,08%; lao động thương mại - dịch vụ là 6.292 người, chiếm tỷ lệ 40%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 13.068 người, chiếm tỷ lệ 83,08%.

22.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Vũ Quý chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp và dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

22.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

22.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Vũ Quý năm 2025 theo giá so sánh 2010 đạt 3.081,64 tỷ đồng, tăng 12,06% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.066,15 tỷ đồng, tăng 14,7%; thương mại - dịch vụ đạt 741,37 tỷ đồng, tăng 8,19%, nông - lâm - thủy sản đạt 274,12 tỷ đồng, tăng 4,03% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 7,45%, trong đó: năm 2023 tăng 3,88%, năm 2024 tăng 6,41% và năm 2025 tăng 12,06%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 23,7%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 66,9% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 9,4% trong cơ cấu kinh tế của xã.

22.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Vũ Quý năm 2025 đạt 257,13 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 257,13 tỷ đồng, trong đó: chi thường xuyên đạt 173,08

tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 46,13 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

22.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Vũ Quý tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 66,6 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 70,7 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

22.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn xã bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vũ Quý là 1,29%, trong đó: năm 2023 là 1,37%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 0,34% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

22.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Trong những năm qua, xã Vũ Quý luôn quan tâm tới việc khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng; thường xuyên theo dõi tình hình mưa lũ để có biện pháp phòng, chống lụt bão giúp người dân bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo giá so sánh đạt 274,12 tỷ đồng, tăng 4,03% so với năm 2024 và chiếm 9,4% trong cơ cấu kinh tế của xã. Tuy không còn chiếm tỷ trọng lớn nhưng ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, việc thay đổi kỹ thuật, cơ giới hóa nền nông nghiệp đã góp phần nâng cao giá trị cây trồng, vật nuôi. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nông nghiệp và thủy sản cũng có sự thay đổi. Theo đó, xã tập trung tiếp tục chuyển đổi cơ cấu thời vụ, cơ cấu giống cây trồng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào các khâu sản xuất; chỉ đạo sản xuất trồng trọt theo đúng kế hoạch đề ra; công tác gieo cấy lúa bảo đảm đúng khung thời vụ. Trong năm 2025, tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát tốt; năng suất các loại cây trồng duy trì ở mức cao; hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có thị trường tiêu thụ ổn định. Nhờ đó, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt được nhiều kết quả tích cực.

Các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn xã Vũ Quý chú trọng thực hiện tốt cơ cấu giống lúa, biện pháp gieo cấy và khung thời vụ; tăng diện tích lúa cấy bằng máy; thực hiện hiệu quả công tác phòng, trừ sâu bệnh, kiểm soát lúa cỏ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2025 đạt 978,3 ha; năng suất lúa cả năm đạt 130 tạ/ha.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng so với cùng kỳ. Hoạt động chăn nuôi được định hướng theo hướng bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đúng kế hoạch của

UBND xã và quy trình kỹ thuật hướng dẫn của ngành chuyên môn, bảo đảm an toàn, hiệu quả. Công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng, phòng chống dịch bệnh được triển khai thực hiện tốt trên phạm vi toàn xã. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản ổn định, không phát sinh dịch bệnh lớn.

Diện tích nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định với 66,58 ha; nhân dân tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế.

b) Công nghiệp - xây dựng

Những năm qua, tỉnh luôn quan tâm thực hiện quy hoạch, phát triển công nghiệp - xây dựng nhằm khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Địa bàn xã đã và đang thu hút các nhà đầu tư đến sản xuất, kinh doanh. Song song với việc hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, tỉnh luôn tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển ổn định. Vì vậy, những năm qua công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Vũ Quý có tốc độ tăng trưởng khá, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định.

Năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng đạt 2.066,15 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2024 và chiếm 66,9% trong cơ cấu kinh tế của xã; trong đó giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.619 tỷ đồng, tăng 11,7%, giá trị xây dựng đạt 447,15 tỷ đồng, tăng 27,08%. Các cơ sở sản xuất trên địa bàn tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hoạt động xây dựng trong nhân dân được quan tâm đầu tư nâng cấp, xây mới theo hướng hiện đại; giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tiếp tục được duy trì ổn định, hiệu quả. Nghề và làng nghề tiếp tục được duy trì, phát triển, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ và nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Công tác triển khai thực hiện các công trình sử dụng vốn đầu tư công luôn được xã quan tâm và chỉ đạo thực hiện tốt. Một số dự án trọng điểm đang được triển khai trên địa bàn xã như: Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.16 đoạn từ ngã ba chợ Đác xã Vũ Lễ đến đường 219 xã Quang Lịch, với tổng mức đầu tư 78,41 tỷ đồng; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.460 đoạn từ nhà văn hóa thôn 9 xã Vũ Trung đến đường ĐH.30 xã Vũ Hòa, với tổng mức đầu tư 75,36 tỷ đồng; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.28 đoạn từ cầu giáp xã Vũ Ninh đến giáp xã Vũ Lễ, với tổng mức đầu tư 3,7 tỷ đồng,...

Xã phối hợp thực hiện quy hoạch mở rộng các cụm công nghiệp trên địa bàn xã như: Cụm công nghiệp Vũ Quý, Cụm công nghiệp Vũ Ninh; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Ninh An; điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng khu Bắc đường xã Vũ Quý đi Vũ Trung. Đồng thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho Công ty cổ phần EIFFEL mở đường tạm vào cụm công nghiệp; hỗ trợ thực hiện thủ tục xây dựng dự án Nắp bồn cầu thông minh tại Cụm công nghiệp Vũ Ninh; hỗ trợ Công ty Logitex chuyển đổi mô hình doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo

quyết liệt công tác giải ngân vốn đầu tư công; thường xuyên thông báo, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trên địa bàn xã. Tổng số vốn đầu tư công phải giải ngân năm 2025 là 64.462 triệu đồng; đến hết tháng 11 đã giải ngân được 24.318 triệu đồng; số vốn còn lại là 40.144 triệu đồng.

c) Thương mại - Dịch vụ

Những năm qua, các cấp ủy Đảng và chính quyền xã Vũ Quý luôn chú trọng đầu tư, phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ cho các hoạt động về công nghiệp, nông nghiệp; đồng thời xây dựng các thương hiệu hàng hóa mang tính đặc thù của địa phương, xây dựng và phát triển thương mại - dịch vụ ở các khu trung tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất nhằm thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã.

Năm 2025, tình hình thị trường trên địa bàn xã ổn định; hàng hóa đa dạng, phong phú về chủng loại, mẫu mã, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được quan tâm thực hiện tại một số cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chức năng, hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm trên địa bàn xã. Hoạt động của 02 chợ truyền thống gồm chợ Sóc và chợ Niềm tiếp tục được duy trì hiệu quả. Dịch vụ vận tải tư nhân tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của Nhân dân trên địa bàn. Giá trị sản xuất dịch vụ ước đạt 741,37 tỷ đồng, tăng 8,19% so với năm 2024 và chiếm 23,7% trong cơ cấu kinh tế của xã.

22.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

22.6.1. Giáo dục - đào tạo

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã Vũ Quý nhận được sự quan tâm, đầu tư phát triển một cách toàn diện, đồng bộ trên các mặt từ quy mô, chất lượng đến điều kiện dạy và học. Đội ngũ giáo viên ở các cấp học từng bước được bổ sung về số lượng, nâng cao chất lượng. Mạng lưới cơ sở giáo dục mở rộng, tạo điều kiện tăng trưởng rõ rệt về số lượng học sinh trên địa bàn. Đặc biệt, xã Vũ Quý đã triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và chương trình kiên cố hóa trường, lớp học. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng phòng học bộ môn, mua sắm trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia được quan tâm chỉ đạo, thực hiện lồng ghép xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia gắn với tiêu chí nông thôn mới và xây dựng trường học thân thiện.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra,

giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Năm 2025, ngành giáo dục xã Vũ Quý hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học 2024 - 2025. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt cao; chất lượng giáo dục ở các cấp học tiếp tục được duy trì và nâng lên. Công tác động viên, khen thưởng học sinh, giáo viên đạt thành tích trong năm học được thực hiện kịp thời. Quan tâm chỉ đạo thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2030. Hiện nay, trên địa bàn xã có 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Phối hợp chặt chẽ với Ban Giám hiệu các nhà trường trên địa bàn trong công tác rà soát cơ sở vật chất; tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch tu sửa, nâng cấp trường lớp nhằm bảo đảm tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt công tác thống kê, rà soát số liệu phổ cập giáo dục các cấp, bảo đảm số liệu chính xác, cập nhật và báo cáo đúng tiến độ về Sở Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời tích cực phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trong công tác giáo dục kỹ năng sống; phòng, chống đuối nước, bạo lực học đường; bảo đảm an toàn giao thông và giữ gìn trật tự an toàn xã hội cho học sinh.

Duy trì hoạt động thường xuyên của Trung tâm Học tập cộng đồng; Hội Khuyến học tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt với nội dung hoạt động đa dạng, phong phú, thiết thực và hiệu quả; đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và đơn vị giai đoạn 2021 - 2030.

22.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Vũ Quý đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Xã chú trọng chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giám sát, phòng chống và xử lý các loại dịch bệnh truyền nhiễm; thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quan tâm thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người cao tuổi (từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi), qua đó tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục

được nâng lên. Tham mưu xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Những năm qua, cán bộ nhân viên y tế xã đã nỗ lực đoàn kết nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ "Lương y như từ mẫu", đội ngũ y, bác sỹ của xã luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm chăm sóc bệnh nhân chu đáo, tận tình. Để thực hiện nhiệm vụ là nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, trạm luôn duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh, nêu cao 12 điều y đức trong công tác. Các y, bác sỹ được học tập đầy đủ các quy chế chuyên môn. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót trong hoạt động khám chữa bệnh; thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Xây dựng phương án tổ chức, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế; duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh; nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn. Chủ động bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh và nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong các thời điểm cao điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về dược phẩm, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm và hoạt động khám, chữa bệnh. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt 100%.

22.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Trong những năm gần đây, việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa thể thao các thôn trên địa bàn xã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Các thôn đều có nhà văn hóa, sân tập thể thao. Các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng nhằm phục vụ cho các hoạt động hội họp; thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phổ biến kiến thức khoa học và đời sống cho Nhân dân; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe, nâng cao dân trí cho Nhân dân trên địa bàn thôn. Thông qua các hoạt động văn hóa đã góp phần nâng cao trình độ dân trí và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ngày càng phát triển; đóng góp thiết thực cho các phong trào xây dựng gia đình, thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Xã Vũ Quý thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phục vụ nhân dân vào dịp mừng Xuân, các ngày lễ lớn của dân tộc, lễ hội truyền thống tại địa phương; tổ chức các hoạt động sự kiện, lễ

hội, tuyên truyền cổ động - triển lãm, thông tin lưu động, thể dục thể thao đã đáp ứng được nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần và thể chất của Nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ổn định phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân dịp 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; mừng Đảng, mừng Xuân nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ; kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; Ngày Quốc tế Lao động; 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,... gắn với tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ đời sống tinh thần của Nhân dân. Tổ chức Lễ chào cờ toàn tỉnh với chủ đề "Tôi yêu Tổ quốc, quê hương tôi". Thực hiện công tác bình xét danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn văn hóa" theo quy định. Các câu lạc bộ tại đình làng, các thôn được duy trì hoạt động luyện tập và tổ chức giao lưu vào các dịp lễ hội, ngày kỷ niệm trong năm. Xây dựng kế hoạch và tổ chức Đại hội Thể dục thể thao xã Vũ Quý lần thứ nhất vào quý II năm 2026 và tham gia Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh.

Công tác thông tin tuyên truyền được duy trì ổn định, thực hiện nghiêm lịch tiếp âm, phát sóng theo quy định. Trong sáu tháng cuối năm đã phát trên 300 tin, bài và hơn 600 lượt thông báo trên hệ thống Đài truyền thanh của xã. Hệ thống Đài truyền thanh xã được nâng cấp, sửa chữa, thực hiện quy gọn đầu mối phát sóng từ 04 điểm (04 Đài truyền thanh xã cũ) về 01 điểm tại Đài truyền thanh xã Vũ Ninh cũ. Trụ sở chính của Đài truyền thanh xã Vũ Quý được đặt tại Đài truyền thanh xã Vũ Ninh cũ. Thường xuyên cập nhật, quản lý và vận hành tốt hệ thống truyền thanh thông minh, đảm bảo thông tin chính thống, kịp thời, có tính định hướng, không để xảy ra tình trạng sai sót hoặc truyền tin sai sự thật. Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền: cập nhật tin, bài trên Cổng thông tin điện tử xã, trang page của xã trên các nền tảng mạng xã hội, bảng tin điện tử nhằm truyền tải thông tin nhanh, chính xác đến người dân. Duy trì hoạt động tuyên truyền chuyên mục Chuyển đổi số đến từng thôn, tuyên truyền tham gia lớp "Bình dân học vụ số", hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc, phần mềm chữ ký số, đẩy mạnh việc xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số theo lộ trình.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn được quan tâm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn được thực hiện hiệu quả; các cơ sở kinh doanh dịch vụ như Internet, karaoke,... cơ bản chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bảo đảm thời gian hoạt động và giữ vững ổn định an ninh trật tự trên địa bàn xã. Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao. Trong năm, xã tổ chức bình xét danh hiệu "Gia đình văn hóa", tỷ lệ

gia đình văn hóa trên địa bàn xã đạt 95,5%. Công tác tổ chức vui Tết Trung thu cho thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn toàn xã được triển khai bảo đảm an toàn, vui tươi và tiết kiệm.

22.6.4. An sinh xã hội

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể trên địa bàn xã luôn quan tâm tổ chức triển khai có hiệu quả hệ thống luật pháp và chính sách xã hội về việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin nhằm cải thiện đời sống của người nghèo, người yếu thế trên địa bàn xã, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn xã.

Năm 2025, công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đúng, đủ. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân liệt sỹ, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết được thực hiện kịp thời. Công tác quản lý hồ sơ, cập nhật biến động đối tượng trên phần mềm quản lý người có công được thực hiện thường xuyên và kịp thời, đảm bảo chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, điều dưỡng tập trung và tại gia đình đúng quy định, kịp thời, không sai sót, không để chậm chi trả. Tình hình việc làm của người lao động trên địa bàn cơ bản được bảo đảm; người lao động được làm việc trong môi trường an toàn; các chế độ, chính sách đối với người lao động được các đơn vị sử dụng lao động quan tâm thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, đến nay toàn xã đã cơ bản hoàn thành Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã trong năm 2025 theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo xóa nhà tạm, nhà dột nát và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025. Xã đã hỗ trợ 03 hộ nghèo và 01 hộ cận nghèo (gồm 03 nhà xây mới, 01 nhà sửa chữa) với tổng kinh phí hỗ trợ 350 triệu đồng; Quỹ "Vì người nghèo" của xã hỗ trợ thêm 37 triệu đồng. Các chương trình giảm nghèo được triển khai thực hiện đồng bộ và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

22.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

22.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được cấp ủy, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương theo chỉ thị, kế hoạch đề ra. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được triển khai chặt chẽ, đúng quy định. Năm 2025, xã đã hoàn thành công tác giao quân với tổng số 48 thanh niên, đạt 100% chỉ tiêu giao; trong đó giao quân sự 45 thanh niên, giao Công an nhân dân 03 thanh niên. Ban Chỉ huy Quân sự xã tổ chức ra quân huấn luyện lực lượng dân quân cơ động; lực lượng dân quân năm thứ 2 đến năm thứ 4 và các binh chủng theo kế hoạch của cấp trên. Kết quả kiểm tra huấn luyện 100% đạt yêu cầu. Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 cho nam thanh niên theo quy định; qua rà soát, sơ tuyển có 184 thanh niên đủ điều kiện tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Tình hình an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh kinh tế, an ninh mạng trên địa bàn cơ bản ổn định; không phát sinh điểm nóng về an ninh, trật tự. Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được đông đảo Nhân dân đồng tình, ủng hộ; nội bộ cấp ủy, chính quyền đoàn kết, thống nhất. Công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật được tăng cường. Công an xã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

22.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

22.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

22.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Vũ Quý nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 05 người, chiếm 23,80%; Đại học 12 người, chiếm 57,14%; Cao đẳng 03 người, chiếm 14,28%; Trình độ khác 01 người, chiếm 4,76%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 5 người, chiếm 23,80%; Trung cấp 12 người, chiếm 57,14%; Sơ cấp 03 người, chiếm 14,28%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,76%.

b) Ủy ban nhân dân xã Vũ Quý có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 11 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục; 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế và 01 trung tâm dịch vụ tổng hợp.

22.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã có Ban Thường trực, gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

22.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Năm 2025, tạm giao biên chế cán bô, công chức và lao động hợp đồng làm công việc phục vụ trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã gồm 38 biên chế, trong đó:

- Văn phòng HĐND và UBND: 13 biên chế (lãnh đạo UBND xã: 03 biên chế; lãnh đạo HĐND: 01 biên chế; lãnh đạo các ban của HĐND: 02 biên chế; Công chức: 07 biên chế).

- Phòng Kinh tế: 10 biên chế.

- Phòng Văn hóa Xã hội: 08 biên chế.

- Trung tâm phục vụ Hành chính công: 07 biên chế.

- Tạm giao lao động hợp đồng làm công việc phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP là: 03 biên chế.

Hiện có mặt 33 công chức; không có chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 03 người, chiếm 9%; đại học có 30 người, chiếm 91%. Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận 01 người (Đang học), trung cấp lý luận chính trị 27 người, chiếm 82%; sơ cấp lý luận chính trị 6 người, chiếm 18%.

22.8.5. Viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp

Năm 2025, giao biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã Vũ Quý là 369 biên chế; 01 lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước là giáo viên mầm non; lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại trạm y tế là 04 người.

- Khối Mầm non: 130 biên chế; 01 lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước là giáo viên mầm non.

- Khối Tiểu học: 40 biên chế.

- Khối Trung học cơ sở: 32 biên chế.

- Khối các Trường Tiểu học và THCS: 145 biên chế.

- Trạm Y tế xã : 22 biên chế.

- Lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại trạm y tế: 04 người.

- Trung tâm dịch vụ tổng hợp đã đi vào hoạt động nhưng chưa được tạm giao biên chế.

- Trạm y tế được giao 22 viên chức; Lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại trạm y tế: 04 người.

Hiện có mặt tổng 361 viên chức; trong đó có 03 thạc sĩ; 299 Đại học; 59 Cao đẳng; trung cấp lý luận chính trị: 26.

23. Xã Phụ Dực

23.1. Lịch sử hình thành

Huyện Quỳnh Phụ được thành lập vào ngày 17/6/1969 trên cơ sở hợp nhất hai huyện Quỳnh Côi và Phụ Dực thuộc tỉnh Thái Bình. Sau khi hợp nhất, huyện có 01 thị trấn Quỳnh Côi và 40 xã: An Ấp, An Bài, An Cầu, An Đồng, An Dục, An Hiệp, An Khê, An Lễ, An Mỹ, An Ninh, An Quý, An Thái, An Thanh, An Tràng, An Vinh, An Vũ, Đông Hải, Đồng Tiến, Quỳnh Bảo, Quỳnh Châu, Quỳnh Giao, Quỳnh Hà, Quỳnh Hải, Quỳnh Hội, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hưng, Quỳnh Khê, Quỳnh Lâm, Quỳnh Lương, Quỳnh Lưu, Quỳnh Minh, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thái, Quỳnh Thọ, Quỳnh Trang, Quỳnh Vân, Quỳnh Xá.

Ngày 18/12/1976, thành lập xã Quỳnh Hoàng trên cơ sở hợp nhất hai xã Quỳnh Lưu và Quỳnh Thái; thành lập xã Quỳnh Hồng trên cơ sở hợp nhất hai xã Quỳnh Lương và Quỳnh Vân; giải thể xã Quỳnh Hà. Ngày 26/12/1990, mở rộng thị trấn Quỳnh Côi trên cơ sở sáp nhập 2.2891 ha diện tích tự nhiên và 199 nhân khẩu của xã Quỳnh Hồng; 0.5138 ha diện tích tự nhiên và 45 nhân khẩu của xã Quỳnh Mỹ. Ngày 16/5/2005, thành lập thị trấn An Bài trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã An Bài.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về

việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn An Bài và các xã An Ninh, An Vũ, An Mỹ, An Thanh thành xã mới có tên gọi là xã Phụ Dực và tồn tại cho đến ngày nay.

23.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Phụ Dực nằm ở khu vực phía Đông của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 46 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây giáp xã Đồng Bằng;

- Phía Nam giáp các xã Quỳnh An, Tân Tiến và Tây Thụy Anh;

- Phía Bắc giáp thành phố Hải Phòng.

23.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phụ Dực có 33,17 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 14,37 km^2 và đất nông nghiệp là 18,80 km^2.

23.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

23.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Phụ Dực có quy mô dân số là 42.672 người, trong đó dân số thường trú là 42.232 người và dân số tạm trú là 440 người.

23.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phụ Dực là 26.150 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.063 người, chiếm tỷ lệ 19,36%; lao động công nghiệp và xây dựng là 10.432 người, chiếm tỷ lệ 39,89%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.655 người, chiếm tỷ lệ 40.75%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 21.087 người, chiếm tỷ lệ 80,64%.

23.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Phụ Dực chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 10 và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

23.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

23.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Phụ Dực năm 2025 theo giá so sánh năm 2010 đạt 34.168,70 tỷ đồng, tăng 13,76% so với cùng kỳ năm 2024; trong

đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 25.885,90 tỷ đồng, tăng 16,16%; thương mại - dịch vụ đạt 4.051,40 tỷ đồng, tăng 10,62%; nông - lâm - thủy sản đạt 4.231,40 tỷ đồng, tăng 3,49% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng đạt 12,5%/năm.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 11,86%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 75,76% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 12,38% trong cơ cấu kinh tế của xã.

23.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Phụ Dực năm 2025 đạt 519,492 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 519,492 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 210,121 tỷ đồng. Cân đối đủ.

23.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

23.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phụ Dực là 1,84%, trong đó: năm 2023 là 2,02%, năm 2024 là 1,85% và năm 2025 là 0%.

23.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, hiệu quả kế hoạch sản xuất, nhất là việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, lịch thời vụ; chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất; tăng cường kiểm tra vật tư nông nghiệp..., quyết liệt chỉ đạo cày lật đất sớm; vệ sinh đồng ruộng; tổ chức đồng loạt chiến dịch diệt chuột; điều tiết nước phục vụ sản xuất hợp lý; thực hiện tốt việc dự tính dự báo sâu bệnh, tuyên truyền cho Nhân dân phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Trong năm, do ảnh hưởng mưa bão, tình hình thời tiết phức tạp gây nước dâng mức báo động 1 trên sông Hóa và hoàn lưu sau bão ảnh hưởng lớn đến giá trị sản xuất nông nghiệp cả năm 2025. Tổng diện tích trồng lúa và rau màu khoảng 1631,79 ha. Trong đó diện tích trồng lúa khoảng 1.579,41 ha diện tích trồng rau màu khoảng 187,90

ha. Công tác thu hoạch lúa mùa đã hoàn thành 100%. Triển khai cây vụ đông, tổng diện tích 411 ha (trong đó HTX An Ninh 153 ha, HTX Đông Mỹ 66 ha, HTX Đông An 66 ha, HTX An Bài 35 ha, HTX Đại Điền 21 ha, HTX Vũ Hạ 20 ha, HTX An Thanh 50 ha). Ủy ban nhân dân xã tích cực triển khai chương trình OCOP, hướng dẫn hồ sơ sản phẩm đăng ký 3 sao gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sản phẩm.

Trên địa bàn xã có trên 20 hộ trang trại chăn nuôi với tổng diện tích là 12 ha; Trong đó diện tích chuồng trại là 1 ha với trên 250 chuồng trại; tạo công ăn việc làm cho trên 50 lao động địa phương. Trong năm, trên địa bàn phát hiện 03 hộ có lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (tại thôn Đại Điền 02 hộ và thôn Vũ Hạ 01 hộ), UBND xã đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp xử lý, tiêu hủy kịp thời theo quy định; tổ chức phun tiêu độc, khử trùng nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan đồng thời UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND về việc triển khai thực hiện "Tháng tổng vệ sinh, tiêu độc môi trường trong chăn nuôi"; tổ chức phân bổ 200 lít dung dịch khử trùng để tổ chức tổng vệ sinh, khử trùng diện rộng, tập trung, với tần suất cao nhằm tiêu diệt mầm bệnh truyền nhiễm như dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng, tai xanh ở lợn, viêm da nổi cục trên trâu bò, cúm gia cầm,...

Trong năm, do ảnh hưởng của bão số 3, số 5, số 7 và hoàn lưu áp thấp nhiệt đới, mưa lớn từ bão số 6, nước dâng mức báo động 1 trên sông Hóa,... đã gây nhiều thiệt hại cho nuôi trồng thủy sản. Các hộ nuôi trồng thủy sản đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương gia cố các điểm xung yếu, đồng thời triển khai biện pháp phục hồi diện tích bị thiệt hại.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển trong đó công nghiệp địa phương đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị sản xuất ước đạt 1260 tỷ đồng, ước đạt 101,6% kế hoạch, tăng 12,6% so với năm 2024. Xã thường xuyên nắm tình hình, triển khai thực hiện tốt các giải pháp đồng hành cùng doanh nghiệp; tổ chức thăm, động viên các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2025. Giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 918 tỷ đồng, đạt 103,8% kế hoạch. Công tác quản lý về đầu tư xây dựng tiếp tục được tăng cường, các dự án công trình được triển khai đảm bảo đúng quy định, chất lượng và tiến độ thi công.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 2 Khu công nghiệp và 1 Cụm công nghiệp (KCN Cầu Nghìn; KCN THACO, CCN Quý Ninh.) với trên 200 doanh nghiệp; Hợp tác xã; quỹ tín dụng đang hoạt động tốt. Trên hệ thống đăng kí kinh doanh có trên 600 hộ kinh doanh đã được số hóa và còn khoảng trên 1100 hộ kinh doanh chưa được số hóa trên hệ thống. Tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Đến nay, các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh hoạt động ổn định và tập trung đẩy mạnh sản xuất.

Các dự án đã được phê duyệt đang được triển khai đúng tiến độ. UBND xã đã giao Phòng Kinh tế chủ trì, đôn đốc các đơn vị thi công nhanh chóng hoàn thiện các công trình, đặc biệt là các dự án trường học, nhằm đảm bảo môi trường học tập xanh - sạch - đẹp cho học sinh trong năm học mới. Công tác rà soát, kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang xây dựng được thực hiện thường xuyên; UBND xã tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thi công, sửa chữa các công trình, đảm bảo tuân thủ quy định, chất lượng và tiến độ. Đồng thời, UBND xã tiếp nhận các dự án do cơ quan cấp trên chuyển về và tổ chức triển khai các dự án trên địa bàn.

Trong năm, UBND xã đã khởi công nhiều công trình giao thông; đồng thời thực hiện thủ tục đấu thầu cho 05 dự án, đã ký hợp đồng và triển khai các bước tiếp theo để sớm đưa công trình vào thực hiện. UBND xã đã tổ chức hoàn thiện các thủ tục theo quy định để tổ chức thi công các công trình: Trường mầm non An Thanh; cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ Trường Tiểu học và Trường THCS An Mỹ; Trường THCS An Ninh, bếp ăn Trường mầm non An Mỹ,...

Tiếp tục rà soát các khó khăn, vướng mắc của các dự án cũ, tiếp tục triển khai, sớm đưa vào sử dụng, đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông dịp lễ quốc khánh ngày 02/09.

c) Thương mại - dịch vụ

Với sự quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của các địa phương, môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn ngày càng được cải thiện, góp phần tạo thêm nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Hoạt động thương mại phát triển đa dạng theo hướng hiện đại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại điện tử; hoạt động vận tải duy trì ổn định, chuỗi cung ứng hàng hóa được bảo đảm thông suốt, góp phần nâng cao giá trị thương mại và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa được chú trọng triển khai và đạt nhiều kết quả tích cực. Giá trị thương hiệu các sản phẩm địa phương từng bước được nâng cao thông qua thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP). Trên địa bàn hiện có 03 chợ truyền thống nông thôn hoạt động hiệu quả; trong đó đã thực hiện cải tạo, nâng cấp chợ Trương Xá với tổng kinh phí trên 13 tỷ đồng. Hệ thống thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng với 02 siêu thị gồm Điện Máy Xanh và WinMart cùng mạng lưới các cơ sở bán lẻ phân bố rộng khắp đến các thôn, khu dân cư.

Các sản phẩm OCOP của địa phương tiếp tục khẳng định chất lượng và thương hiệu trên thị trường. Hiện nay, trên địa bàn có các sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao gồm sản phẩm ngô sấy giòn của Hợp tác xã nông sản công nghệ cao Tâm Đức và sản phẩm giò chả của cơ sở Hùng Nhu; đồng thời có 02

sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao là long nhãn và hạt sen sấy giòn của Hợp tác xã nông sản công nghệ cao Tâm Đức.

Hoạt động thương mại, dịch vụ đảm bảo ổn định, nguồn cung hàng hóa phong phú, chất lượng đảm bảo, không có tình trạng găm hàng, gây sốt giá; tăng cường kiểm tra, quản lý thị trường hoạt động kinh doanh, buôn bán; thường xuyên kiểm tra tại các chợ trên địa bàn, chỉ đạo các khu vực có chợ thường xuyên đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

23.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

23.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đảm bảo an toàn trường học, an toàn giao thông, an ninh trường học, đặc biệt là việc chấp hành nghiêm Luật số 42 và Nghị định 137/2020/NĐ-CP. Quy mô, mạng lưới trường lớp duy trì ổn định; chỉ đạo các đơn vị trường học ổn định nề nếp dạy, học; tổ chức tốt các kỳ thi, cuộc thi cho học sinh, giáo viên; hoàn thành kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2024 - 2025. Chỉ đạo, quán triệt các đơn vị trường học tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh về Quy định về dạy thêm, học thêm tại Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng duy trì hiệu quả; tổ chức thành công hội nghị tổng kết phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2025.

Ban hành Quyết định về tiếp nhận hiện trạng của 13 trường học trên địa bàn xã khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Tổ chức Khai giảng và triển khai nhiệm vụ năm học mới. Tổ chức tặng quà khuyến học cho các học sinh. Kiện toàn BCĐ phổ cập giáo dục xóa mù chữ xã Phụ Dực; Tổ chức Kỷ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tổng kết công tác giáo dục năm học 2024 - 2025, phát động phong trào thi đua năm học 2025 - 2026.

23.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Phụ Dực đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và thực hiện chương trình y tế dự phòng được duy trì, bố trí kíp trực 24/24 giờ, bảo đảm đầy đủ thuốc, trang thiết bị y tế, phương tiện sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu và điều trị cho người bệnh, không xảy ra tai biến chuyên môn. Công tác quản lý hành nghề

y, dược tư nhân được tăng cường; Tiếp tục triển khai thực hiện bao phủ BHYT trên địa bàn giai đoạn đến năm 2025. Tổ chức tốt các hoạt động chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 - 27/02/2025).

Ban hành Quyết định về tiếp nhận hiện trạng của 05 trạm y tế trên địa bàn xã khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Thành lập ban chỉ đạo vệ sinh ATTP, xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn.

23.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Nhân dân xã Phụ Dực luôn chung sống đoàn kết, thương yêu giúp đỡ nhau, phát huy truyền thống cách mạng đánh đuổi thực dân phong kiến; đã đóng góp rất lớn sức người, sức của trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đã được sự hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân trong xã, từng bước nâng cao ý thức của người dân trong việc xây dựng và giữ gìn đường phố khang trang, sạch đẹp, không vứt rác bừa bãi, tạo môi trường sống trong lành.

Công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh, tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: thực hiện nghi thức chào cờ toàn tỉnh với chủ đề "Tôi yêu Tổ quốc, quê hương tôi", chào mừng đại hội đại biểu Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025 - 2030, đại hội MTTQ và các đoàn thể. Tổ chức tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và các di tích lịch sử trên địa bàn. Rà soát, thống kê các lễ hội trên địa bàn xã quản lý: tổng số 26 lễ hội. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng ĐSVH" và công tác gia đình được quan tâm chỉ đạo; tổ chức các hội nghị tập huấn về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình. Triển khai kế hoạch bình xét gia đình văn hóa, thôn văn hóa năm 2025 đảm bảo theo đúng quy định.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phục vụ kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đảm bảo đúng quy định.

23.6.4. An sinh xã hội

Các chính sách đối với gia đình có công với cách mạng và các đối tượng Bảo trợ xã hội được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Tổ chức tốt các hoạt động thăm, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sỹ. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt.

23.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo.

Thống kê, rà soát các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo trong địa bàn toàn xã; Hiện có 22 chùa, 05 nhà thờ công giáo, 22 đình, 23 miếu, 02 linh mục giáo xứ, 18 nhà sư (trù trì và trợ duyên). Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

23.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được củng cố vững chắc. Tập trung cao cho công tác tuyển quân, Thực hiện đầy đủ các khâu các bước trong công tác tuyển quân theo đúng luật định, tổ chức giao quân long trọng, chu đáo, đúng thời gian địa điểm tại khu di tích lịch sử quốc gia Đình, Đền, Bến Tượng A Sào (xã, đã bàn giao tổng số 64 công dân nhập ngũ các đơn vị quân đội: Quân chủng Hải quân, Quân đoàn 12, Sư đoàn 395 Quân khu 3, Cục tác chiến điện tử, Bộ tư lệnh Thủ đô và 01 công dân tham gia thực hiện nghĩa vụ công an nhân dân. Vượt chỉ tiêu giao quân năm 2025. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực cao điểm vào nghỉ Lễ, Tết. Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác huấn luyện năm 2025 cho lực lượng dân quân tự vệ. Tổ chức khám tuyển thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ năm 2026 đảm bảo đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tổ chức thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, thân nhân cán bộ, chiến sỹ, gia đình tân binh có hoàn cảnh khó khăn; chủ động triển khai các phương án và huy động lực lượng tham gia phòng, chống các cơn bão và lũ lớn tại các điểm trọng yếu trên địa bàn.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo. Công an xã đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, Trong đó, nổi bật là: Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự năm 2025; Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trước, trong sau Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025, Tổ chức tổng kết luật số 12/2024 ngày 29/6/2024 về quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Tham mưu Nghị quyết về công tác đảm bảo an ninh trật tự, Phương án đảm bảo an ninh trật tự dịp Lễ 30/4/2025 - 01/5/2025; Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình lấy ý kiến Nhân dân thực hiện chủ trương sáp nhập tỉnh, xã năm 2025 và vận hành bộ máy chính quyền địa phương hai cấp; Đảm bảo tuyệt đối an toàn

Đại hội Đảng bộ xã Phụ Dực đồng thời đã chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ.

23.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

23.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

23.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Phụ Dực nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 25 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 6 người, chiếm 24%; đại học 14 người, chiếm 56%; trung cấp 2 người, chiếm 8%; trình độ khác 3 người, chiếm 12%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 6 người, chiếm 24%; trung cấp 14 người, chiếm 56%; sơ cấp 5 người, chiếm 20%.

b) Ủy ban nhân dân xã Phụ Dực có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 20 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng).

23.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

23.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là

664 chỉ tiêu, trong đó có 41 chỉ tiêu công chức, 610 chỉ tiêu viên chức và 13 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 9 người, chiếm 1,35%; đại học có 586 người, chiếm 88,25%; cao đẳng, trung cấp có 69 người, chiếm 10,40%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 04 người, chiếm 0,6%; trung cấp lý luận chính trị 89 người, chiếm 13,40%; sơ cấp lý luận chính trị 457 người, chiếm 68,82%.

24. Xã Tiên Lữ

24.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Tiên Lữ là 01 trong 09 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Tiên Lữ thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Tiên Lữ và huyện Phù Cừ thành một huyện lấy tên là huyện Phù Tiên. Ngày 07/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 57-CP về việc thành lập thị trấn thuộc huyện Kim Môn và huyện Phù Tiên thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Khu vực huyện Tiên Lữ lúc bấy giờ thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/02/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc chia huyện Phù Tiên, thành lập một số phường, thị trấn thuộc thị xã Hưng Yên và huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Phù Tiên thành huyện Phù Cừ và Tiên Lữ. Lúc bấy giờ, huyện Tiên Lữ với 22 ĐVHC cấp xã và là 01 trong 07 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, trong đó có khu vực xã Tiên Lữ ngày nay. Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã, thành lập phường và điều chỉnh địa giới hành chính các phường thuộc thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, điều chỉnh toàn bộ: 541,12 ha diện tích tự nhiên với 8.913 nhân khẩu của xã Trung Nghĩa; 534 ha diện tích tự nhiên với 6.676 nhân khẩu của xã Liên Phương; 362 ha diện tích tự nhiên với 4.034 nhân khẩu của xã Hồng Nam và 830,30 ha diện tích tự nhiên với 7.540 nhân khẩu của xã Quảng Châu của huyện Tiên Lữ về thị xã Hưng Yên quản lý.

Huyện Tiên Lữ còn lại 9.242 ha diện tích tự nhiên và 104.072 nhân khẩu; có 18 ĐVHC trực thuộc gồm các xã: Hưng Đạo, Ngô Quyền, Nhật Tân, Dị Chế, Lệ Xá, An Viên, Đức Thắng, Trung Dũng, Hải Triều, Thủ Sĩ, Thiện Phiến, Thụy Lôi, Cương Chính, Minh Phương, Phương Chiểu, Tân Hưng, Hoàng Hanh và thị trấn Vương. Ngày 06/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về

việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động, Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, điều chỉnh 1.455 ha diện tích tự nhiên với 15.049 nhân khẩu của huyện Tiên Lữ (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của 03 xã: Hoàng Hanh, Phương Chiểu, Tân Hưng) về thành phố Hưng Yên quản lý. Huyện Tiên Lữ còn lại 7.841,50 ha và 83.039 nhân khẩu; có 15 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Vương và 14 xã: Hưng Đạo, Ngô Quyền, Nhật Tân, An Viên, Dị Chế, Hải Triều, Đức Thắng, Thụy Lôi, Lệ Xá, Trung Dũng, Cương Chính, Minh Phượng, Thiện Phiến, Thủ Sỹ và tồn tại cho đến ngày nay.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thành lập xã Hải Thắng trên cơ sở nhập nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đức Thắng và xã Hải Triều. Lúc bấy giờ, khu vực xã Tiên Lữ ngày nay bao gồm khu vực các Thụy Lôi, Hải Thắng, Thiện Phiến thuộc huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thụy Lôi, Hải Thắng, Thiện Phiến thành xã mới có tên gọi là xã Tiên Lữ và tồn tại cho đến ngày nay.

24.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Tiên Lữ nằm ở khu vực trung tâm của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 13 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tiên Hoa;

- Phía Tây giáp xã Hoàng Hoa Thám;

- Phía Nam giáp các xã Tân Hưng, xã Long Hưng và xã Ngự Thiên;

- Phía Bắc giáp xã Hoàng Hoa Thám và xã Tiên Hoa.

24.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tiên Lữ có 19,56 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 6,97 km^2 và đất nông nghiệp là 12,59 km^2.

24.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

24.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tiên Lữ có quy mô dân số là 27.305 người, trong đó dân số thường trú là 26.889 người và dân số tạm trú là 416 người.

24.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tiên Lữ là 13.540 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2.807 người, chiếm tỷ lệ 20,73%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.153 người, chiếm tỷ lệ 48,21%; lao động thương mại - dịch vụ là 4.580 người, chiếm tỷ lệ 31,06%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 10.733 người, chiếm tỷ lệ 79,27%.

24.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Tiên Lữ chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp và dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

24.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

24.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Tiên Lữ năm 2025 theo giá hiện hành đạt 6.562 tỷ đồng, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.896 tỷ đồng, tăng 13%; thương mại - dịch vụ đạt 2.988 tỷ đồng, tăng 12,4% và nông - lâm - thủy sản đạt 678 tỷ đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 10,6%, trong đó: năm 2023 tăng 10,10%, năm 2024 tăng 10,90% và năm 2025 tăng 10,8%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 45,53%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 44,14% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 10,33% trong cơ cấu kinh tế của xã.

24.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tiên Lữ năm 2025 đạt 618,56 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn năm 2025 đạt 617,94 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 304,58 tỷ đồng. Cân đối có dư.

24.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 68,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,8 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,2 triệu đồng/người/năm.

24.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiên Lữ là 0,75%, trong đó: năm 2023 là 1,11%, năm 2024 là 0,65%, năm 2025 là 0,3% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

24.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 424 tỷ đồng, tăng 3,9% với năm 2024. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; cơ giới hóa được áp dụng nhiều khâu trong sản xuất. Gieo cấy lúa bảo đảm đúng thời vụ, thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh. Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm 2.146 ha, đạt 102,1% kế hoạch; trong đó diện tích lúa 1.550 ha, đạt 100,6% kế hoạch (diện tích lúa chất lượng cao chiếm 69%); năng suất lúa bình quân đạt 59,5 tạ/ha, sản lượng lúa 9.222,5 tấn. Diện tích cây vụ đông 231 ha, đạt 106,5% kế hoạch (gồm ngô 48 ha, bí 16 ha, khoai tây 07 ha, rau các loại 160 ha,...). Diện tích cây ăn quả 269,5 ha (trong đó nhãn 174 ha, vải 19,6 ha; cam 21,1 ha; bưởi 18,6 ha; chuối 10 ha; cây ăn quả khác 26,3 ha). Sản lượng nhãn đạt 520 tấn (tăng 13,5% so với năm 2024). Sản lượng cây ăn quả có múi đạt 301,8 tấn (tăng 45% so với năm 2024). Thực hiện kế hoạch phát động Tết trồng cây mùa Xuân và tổ chức trồng cây nhân dân năm 2025 với tổng số 620 cây xanh, đạt 103% kế hoạch.

Chăn nuôi trang trại theo phương thức công nghiệp gắn với tổ chức theo mô hình liên kết trong chăn nuôi tiếp tục được hình thành và phát triển, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Đàn lợn 21.090 con; đàn trâu bò 770 con; đàn gia cầm (gà, vịt, ngan) 85.293 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 4.255 tấn, trong đó thịt lợn 3.960 tấn. Công tác giám sát, kiểm soát dịch bệnh, tiêm vắc xin, vệ sinh tiêu độc khử trùng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện theo quy định; tập trung khoanh vùng, xử lý dứt điểm bệnh dịch trên đàn gia súc, gia cầm.

Hướng dẫn các cơ sở dọn ao, hồ, xuống cá giống và các biện pháp phòng, trị bệnh nên đàn cá sinh trưởng phát triển tốt, không có dịch bệnh xảy ra. Thực hiện Đề án phát triển nuôi thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025; đến nay tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn xã đạt trên 106 ha, trong đó diện tích nuôi thâm canh thủy sản 45 ha. Sản lượng cá thương phẩm đạt 1.500 tấn. Trong năm, đã phối hợp với Ban Quản lý dự án tỉnh triển khai thực hiện nuôi thâm canh tại thôn Thuỵ Lôi với diện tích 05 ha.

Công tác thủy lợi được triển khai đồng bộ, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ kịp thời cho sản xuất; hoàn thành Kế hoạch nạo vét Đông Xuân 2024 - 2025 với tổng khối lượng toàn xã đã nạo vét hệ thống kênh mương nội đồng được 46.610 m^3, trong đó khối lượng nạo vét được hỗ trợ 33.110m^3, huy động từ nguồn đóng góp của Nhân dân 13.500 m^3.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị và nhân dân chung sức đồng lòng tích cực thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 8/13 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn kiểu mẫu. Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; bộ mặt nông thôn được đổi mới, cơ sở hạ tầng xã hội được cải thiện và nâng cao rõ rệt; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố. Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; xã đã xây dựng kế hoạch tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, thi công và giải ngân đối với các công trình/dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh giao vốn năm 2025. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, phối hợp, hướng dẫn các thôn được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu đầu tư, mua sắm các thiết chế văn hóa phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của Nhân dân trong thôn.

b) Công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.810 tỷ đồng, tăng 13% so cùng kỳ năm 2024. Toàn xã có 244 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và 23 HTX đang hoạt động trên địa bàn trong lĩnh vực khác nhau, duy trì việc làm cho khoảng 3.000 lao động, thu nhập bình quân 6 - 10 triệu đồng/người/tháng. Đảng ủy - HĐND - UBND xã tổ chức gặp mặt doanh nghiệp nhân kỷ niệm 21 năm ngày doanh nhân Việt Nam, thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo xã đối với cộng đồng doanh nghiệp, từ đó khơi dậy khát khao cống hiến của các doanh nghiệp, góp phần quan trọng giúp tăng trưởng kinh tế của địa phương. Tập trung rà soát các cụm công nghiệp trên địa bàn xã; thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt yêu cầu đề ra. Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiếp tục duy trì phát triển với các sản phẩm như giò phố Xuôi (thôn Thụy Lôi), long nhãn, hạt sen..., tạo việc làm cho hàng trăm lao động.

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã được chú trọng, công tác thẩm định dự án, công trình đầu tư, kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo theo quy định. Tập trung cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn và đường trục chính ra đồng, tăng cường vận động nhân dân hiến đất để đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn. Đến hết năm 2025, đã cứng hóa 29,55km đường giao thông nội đồng, đạt 166% kế hoạch; 100% các tuyến đường trục thôn, xã đã được cứng hóa. Kiện toàn Ban An toàn giao thông cấp xã, xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn xã.

c) Thương mại - Dịch vụ

Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 1.867 tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2024. Các hoạt động kinh doanh, mua bán diễn ra sôi động, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Trên địa bàn xã có trên 1.000 cơ sở hoạt động trong mọi lĩnh vực, tập trung ở các mặt hàng: tạp hóa, ăn uống, vật tư nông nghiệp, bán lẻ hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống, vận tải và sửa chữa cơ khí,… Tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và cơ sở sản xuất mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trên địa bàn xã có 02 chợ (chợ Xuôi và chợ Hới); hàng hóa phong phú về chủng loại, đa dạng về mẫu mã, chất lượng được đảm bảo, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Nhìn chung, giá cả hàng hóa tương đối ổn định, không xảy ra tình trạng thiếu hàng hay tăng giá đột biến. Thương mại điện tử phát triển nhanh, đa dạng, hỗ trợ xây dựng thương hiệu trực tuyến, cấp mã số, mã vạch và dán tem truy xuất nguồn gốc đối với một số sản phẩm được quan tâm. Qua đó đã giúp các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, nhà vườn quảng bá thương hiệu của mình, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát thị trường được chú trọng, duy trì thường xuyên; chưa phát hiện hàng giả, gian lận thương mại trên địa bàn. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm xã, kiểm tra 39 cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong đó có 24 cơ sở kinh doanh chấp hành đầy đủ thủ tục hành chính trong kinh doanh thực phẩm; cơ sở không đạt là 15. Đoàn kiểm tra đã tuyên truyền và nhắc nhở chủ cở sở về Luật an toàn thực phẩm và các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tổ chức ký cam kết với 221 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã, cam kết không sản xuất, kinh doanh hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ.

24.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

24.6.1. Giáo dục - đào tạo

Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và triển khai các nhiệm vụ năm học 2025 - 2026. Mạng lưới trường học công lập ổn định, chú trọng phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, chất lượng giáo dục các cấp học được cải thiện. Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên, kỷ cương nề nếp trong các hoạt động giáo dục được nâng cao. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS được nâng lên đạt chuẩn mức độ 3, xóa mù chữ đạt mức độ 2. Các trường học thực hiện nghiêm khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 do UBND tỉnh ban hành đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Công tác ăn bán trú đảm bảo an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn giao thông, công tác phòng cháy chữa cháy; đảm bảo

trường học an toàn trường học về công tác phòng, chống tai nạn thương tích, thực hiện tốt công tác phòng chống bạo lực học đường; công tác khuyến học, khuyến tài được triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục phát huy được tiềm năng của xã hội và thực hiện theo quy định; công tác chuyển đổi số về thực hiện số thu tiền thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đã thực hiện đồng bộ. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được duy trì, đến nay toàn xã có 8/9 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 88,8%. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm chặt chẽ, thực hiện đúng quy định.

24.6.2. Y tế

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giám sát, phòng chống và xử lý các loại dịch bệnh theo quy định; nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế. Các trạm y tế trên địa bàn xã thực hiện tốt các hoạt động khám chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân trên địa bàn, thực hiện nghiêm chế độ thường trực cấp cứu 24/24 tại trạm, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết và thời gian mưa bão. Tổ chức khám, chữa bệnh kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền cho 5.200 lượt người; giới thiệu chuyển tuyến kịp thời 91 trường hợp; phối hợp với Trung tâm Y tế Tiên Lữ và các đơn vị y tế khác tổ chức khám sàng lọc phát hiện các bệnh về mắt, bệnh mạn tính để tư vấn, chuyển lên tuyến trên điều trị. Công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh luôn được coi trọng, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Tuy nhiên, trên địa bàn xã cũng ghi nhận một vài ca bệnh (sốt xuất huyết 06 ca, covid-19 05 ca, nghi sởi 22 ca, tay chân miệng 03 ca), các ca bệnh đã được điều trị khỏi, bệnh nhân ổn định. Xây dựng phương án tổ chức, hoạt động và sắp xếp các y tế trên địa bàn xã.

Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ được duy trì vào ngày 07 và 25 hàng tháng, tỷ lệ trẻ em 1 tuổi được tiêm đủ 9 loại vắc xin đạt 98%; tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đạt 100%; trong năm triển khai 03 đợt chiến dịch tiêm vắc xin phòng bệnh Sởi cho các đối tượng trẻ từ 6 tháng tuổi đến 10 tuổi theo Kế hoạch của Bộ Y tế, Sở Y tế, đạt 97%. Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin Uốn ván - Bạch hầu (Td) cho trẻ 7 tuổi trên địa bàn năm 2025, dự kiến triển khai trong tháng 11 và tháng 12/2025 theo Kế hoạch của Sở Y tế tỉnh.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm triển khai thực hiện thường xuyên, trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra trên địa bàn. Công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân được quan tâm, các cơ sở khám chữa bệnh, kinh doanh dược tư nhân hoạt động tương đối ổn định, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về lĩnh vực hành nghề. Đầu năm 2025, xã được UBND tỉnh công nhận đạt Tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, dân số - KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tỷ số giới tính khi sinh là 141 nam/100 nữ; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 0,6%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 24,5%; tỷ lệ cặp vợ chồng sự dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 68,8%.

24.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội được tổ chức đảm bảo an toàn, lành mạnh, tạo không khí vui tươi, phấn khởi và củng cố niềm tin, khơi dậy tự hào truyền thống quê hương, đất nước, tăng cường đoàn kết trong nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở được tăng cường hoàn thiện và phát huy hiệu quả hoạt động. Xây dựng Kế hoạch, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 61/2023/NĐ-CP về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trong cộng đồng dân cư. Duy trì hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", nâng cao chất lượng các tiêu chí Khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa, Di tích lịch sử. Tổ chức Lễ đón nhận Quyết định công nhận xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với Nhà thờ họ Đoàn (thôn Hải Yến). UBND xã đã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục xin tu bổ, tôn tạo di tích Nhà thờ Họ Đoàn, hiện tại Nhà thờ đang tiến hành tu bổ, tôn tạo. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền chào mừng các Ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương được duy trì hàng ngày trên hệ thống Đài truyền thanh xã, cổng thông tin điện tử của xã. Các hoạt động thể thao quần chúng được nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng.

24.6.4. An sinh xã hội

Tình hình việc làm của người lao động cơ bản được bảo đảm, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 90,2%. Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Tiếp tục triển khai rà soát thu mẫu ADN cho thân nhân liệt sĩ chưa xác định được danh tính; tổ chức tốt các hoạt động thăm, tặng quà đối với người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết. Thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng kịp thời, đầy đủ cho 1.717 người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội; giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần cho gần 110 đối tượng chính sách từ trần. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người hưởng trợ cấp hàng tháng đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt. Thực hiện chi trả an xã hội không dùng tiền mặt cho 1.567 đối tượng, đạt 91,3% đối tượng quản lý. Tổ chức chi trả đầy đủ, kịp thời cho 27.036 người dân ăn Tết Độc lập với tổng số tiền 2.703.600.000 đồng. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 theo quy định. Hoàn thành xây mới, sửa chữa 68 nhà theo chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát (trong đó xây mới 36 nhà, sửa chữa 32 nhà) với tổng nguồn lực hỗ trợ thực hiện 8,93 tỷ đồng.

24.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

24.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2025, giao đủ chỉ tiêu cho các đơn vị nhận quân. Chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền, đăng ký nguồn tuyển quân và tổ chức tuyên truyền, đăng ký và khám tuyển sinh quân sự cho các thí sinh đảm bảo chặt chẽ theo quy định. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2026; hoàn thiện hồ sơ nhập học cho 02 công dân vào trường Quân đội. Ban Chỉ huy Quân sự xã phối hợp với Công an xã làm tốt công tác tuần tra, canh gác bảo vệ trong các ngày lễ lớn. Làm tốt công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ năm 2025 đạt kết quả cao. Thực hiện nghiêm túc chỉ thị, kế hoạch chỉ đạo của tỉnh, của xã về trực sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng tham gia phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, các phương án chiến đấu bảo vệ cơ sở, phòng chống cháy nổ, phòng chống khủng bố.Mở lớp cập nhật kiến thức Quốc phòng an ninh cho 60 người thuộc đối tượng 4.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội được ổn định, trên địa bàn xã không có tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, tội phạm có tổ chức, tội phạm băng nhóm. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; duy trì hiệu quả hoạt động của các mô hình tự quản trên địa bàn xã, nhân rộng 01 mô hình Tổ liên gia tự quản về an ninh trật tự khu vực giáo xứ Thụy Lôi. An ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh nông thôn, quản lý cư trú, quản lý hoạt động người nước ngoài tại địa phương được đảm bảo. Chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý, không để hình thành điểm nóng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự được chú trọng, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng được đảm bảo.Ban hành Kế hoạch xây dựng xã, phường không ma túy giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã. Công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ và phòng cháy, chữa cháy được quan tâm, không để xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng.

24.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

24.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

24.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Tiên Lữ nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 25 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 6 người, chiếm 24%; đại học 14 người, chiếm 56%; trung cấp 2 người, chiếm 8%; trình độ khác 3 người, chiếm 12%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 6 người, chiếm 24%; trung cấp 14 người, chiếm 56%; sơ cấp 5 người, chiếm 20%.

b) Ủy ban nhân dân xã Tiên Lữ có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 20 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng).

24.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

24.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 664 chỉ tiêu, trong đó có 41 chỉ tiêu công chức, 610 chỉ tiêu viên chức và 13 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 9 người, chiếm 1,35%; đại học có 586 người, chiếm 88,25%; cao đẳng, trung cấp có 69 người, chiếm 10,40%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 04 người, chiếm 0,6%; trung cấp lý luận chính trị 89 người, chiếm 13,40%; sơ cấp lý luận chính trị 457 người, chiếm 68,82%.

25. Xã Lạc Đạo

25.1. Lịch sử hình thành

Sau cách mạng tháng Tám, ngày 06/6/1947, Liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng đã ra Nghị định số 79 NV-QP/NgĐ chỉ rõ: "Về phương diện kháng chiến và hành chính, Khu 12 nay thuộc Khu 3. Huyện Văn Lâm trước thuộc Hưng Yên,

Khu 3 nay thuộc Khu 2". Trong giai đoạn 1968 - 1996, khi tỉnh Hưng Yên hợp nhất với tỉnh Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng thì huyện Văn Lâm thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 70-CP về việc: Hợp nhất hai huyện Văn Mỹ và Văn Yên (trừ 14 xã cắt sang huyện Khoái Châu) thành huyện Mỹ Văn. Sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang.

Ngày 06/11/1996 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX đã phê chuẩn việc tách tỉnh Hải Hưng thành 2 tỉnh Hưng Yên và Hải Dương. Ngày 01/01/1997, tỉnh Hưng Yên được tái lập, huyện Mỹ Văn thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Mỹ Văn thành 3 huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ. Huyện Văn Lâm có 7.521,4 ha diện tích tự nhiên và 92.301 nhân khẩu, gồm 11 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Tân Quang, Lạc Đạo, Đại Đồng, Chỉ Đạo, Việt Hưng, Lương Tài, Minh Hải, Lạc Hồng, Trưng Trắc, Đình Dù và thị trấn Như Quỳnh.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Chỉ Đạo, xã Minh Hải và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lạc Đạo thành xã mới có tên gọi là xã Lạc Đạo và tồn tại cho đến ngày nay.

25.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Lạc Đạo nằm ở phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 47 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Đại Đồng;

- Phía Tây giáp xã Như Quỳnh;

- Phía Nam giáp phường Mỹ Hào;

- Phía Bắc giáp thành phố Hà Nội và thành phố Bắc Ninh.

25.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Lạc Đạo có 22,10 km^2 diện tích tự nhiên.

25.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

25.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Lạc Đạo có quy mô dân số là 43.933 người, trong đó dân số thường trú là 39.824 người và dân số tạm trú là 4.109 người.

25.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Lạc Đạo là 20.520 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 924 người, chiếm tỷ lệ 4,80%; lao động công nghiệp và xây dựng là 13.279 người, chiếm tỷ lệ 64,71%; lao động thương mại - dịch vụ là 6.256 người, chiếm tỷ lệ 30,49%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 19.535 người, chiếm tỷ lệ 95,20%.

25.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Lạc Đạo chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến đường tỉnh (ĐT.385, ĐT.196,…), đường trục chính đô thị trên địa bàn xã.

25.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

25.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Lạc Đạo năm 2025 theo giá hiện hành đạt 2.589,58 tỷ đồng, tăng 14,81% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.692,82 tỷ đồng, tăng 15,90%; thương mại - dịch vụ đạt 548,55 tỷ đồng, tăng 13,50%, nông - lâm - thủy sản đạt 348,21 tỷ đồng, tăng 11,70% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 11,57%, trong đó: năm 2023 tăng 10,10%, năm 2024 tăng 10,90% và năm 2025 tăng 13,70%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 21,18%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 65,37% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 13,45% trong cơ cấu kinh tế của xã.

25.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã lạc Đạo năm 2025 đạt 346,67 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 346,67 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 185,83 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 96,65 tỷ đồng. Cân đối có đủ.

25.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 80,24 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 83,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 87 triệu đồng/người/năm.

25.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Lạc Đạo là 0,70%, trong đó: năm 2023 là 0,94%, năm 2024 là 0,66%, năm 2025 là 0,18% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

25.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã năm 2025 là 1.598,86 ha, trong đó diện tích lúa là 1.320,95 ha, đạt 100% so với kế hoạch đề ra. Diện tích lúa năng suất cao là 479,10 ha, chiếm 36,3%; lúa chất lượng cao là 841,85 ha, chiếm 63,7%; năng suất lúa cả năm ước đạt 56,23 tạ/ha; sản lượng đạt 7.427 tấn. Diện tích trồng cây rau mầu các loại là 277,91 ha.

- Chăn nuôi: Tổng số đàn lợn trên địa bàn xã là 1.712 con (giảm 377 con so với cùng kỳ năm trước, giảm đàn do ảnh hưởng của bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh), đàn trâu bò 423 con (tăng 122 con so với cùng kỳ năm trước), đàn gia cầm là 51.226 con (tăng 23.556 con so với cùng kỳ năm trước), diện tích thủy sản 52,4 ha, sản lượng thủy sản đạt khoảng 42 tấn. Xã chú trọng thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi trên địa bàn xã.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã Lạc Đạo tiếp tục duy trì và phát triển tốt. Toàn xã có khoảng 426 doanh nghiệp và 2.563 hộ cá thể đang hoạt động, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động trên địa bàn xã.

Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy nhanh tiến độ các dự án chuyển tiếp để tránh gián đoạn thi công, bảo đảm hoàn thành công trình đúng thời hạn. Một số dự án như: xây dựng đường ĐH.15 kéo dài từ đoạn ĐT.380 đến ĐH.13; cải tạo, nâng cấp đường ĐH.19; các công trình hạ tầng kỹ thuật tạo nguồn và các công trình dân dụng khác.

c) Thương mại - dịch vụ

Hàng hóa đa dạng về mẫu mã và chủng loại, giá cả ổn định theo từng nhóm thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn xã. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 13,11% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động thương mại dịch vụ có nhiều khởi sắc, các dịch vụ như: ăn uống, giải khát, làm đẹp, cửa hàng tạp hóa,... phát triển tốt. Số cơ sở sản xuất kinh doanh thường xuyên, ổn định tại 67 doanh nghiệp và 1.804 hộ cá thể đảm bảo đáp ứng đầy đủ hàng hóa phục vụ nhu cầu đời sống sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã.

25.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

25.6.1. Giáo dục - đào tạo

Triển khai hiệu quả các cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo", cùng phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Toàn xã hiện có 03 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS độc lập và 01 trường liên cấp TH&THCS, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh toàn xã. 100% trường công lập đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia, trong đó 06 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt yêu cầu theo quy định, kỷ cương nề nếp trong các nhà trường được duy trì tốt, công tác quản lý, chỉ đạo được chú trọng. Công tác xã hội hóa giáo dục và phong trào khuyến học, khuyến tài tiếp tục được đẩy mạnh. Chất lượng dạy và học được giữ vững; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, học sinh xét và hoàn thành tốt nghiệp THCS đạt trên 98%.

Tổ chức hội nghị tuyên dương, khen thưởng học sinh đỗ đại học trên địa bàn với tổng số 340 học sinh, trong đó 69 học sinh tiêu biểu và 12 học sinh xuất sắc được khen thưởng. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 hoàn thành theo kế hoạch. Năm học 2024 - 2025, 100% các trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, trong đó 01 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

25.6.2. Y tế

Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân và vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng thường xuyên. Trong năm 2025, trên địa bàn xã không phát sinh vụ việc vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm gây hậu quả nghiêm trọng. UBND xã đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, tổng kiểm tra 15 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân và cơ sở dịch vụ ăn uống; đồng thời ký cam kết về vệ sinh an toàn thực phẩm với các cơ sở chế biến, sản xuất thực phẩm.

Công tác y tế dự phòng được thực hiện hiệu quả, giám sát chặt chẽ dịch bệnh truyền nhiễm. Các hoạt động khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu được duy trì ổn định với khoảng 2.500 lượt người thăm khám và tư vấn. Công tác tiêm chủng đạt 98%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi về cân nặng là 5,6% (giảm 2,1% so với cùng kỳ 2024) và thể thấp còi là 6,65% (giảm 0,8% so với cùng kỳ). Tỷ lệ trẻ uống vitamin A từ 36 tháng tuổi đến 6 tuổi đạt 99,8%.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh thông qua tuyên truyền, giáo dục và vận động nhân dân. Công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em được quan tâm: Nhân dịp Tết Trung thu, UBND xã trích ngân sách hỗ trợ 21 thôn tổ chức Tết Trung thu với tổng số tiền 45 triệu đồng; tặng 42 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trị giá 12,6 triệu đồng; hỗ trợ 01 trẻ em bị tai nạn thương tích (đuối nước) 3 triệu đồng; lập danh sách đề nghị 03 trẻ em thuộc hộ nghèo tham gia chương trình "Mái ấm gia đình Việt" do Đài truyền hình HTV7 tài trợ.

25.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng, mừng Xuân Ất Tỵ 2025; kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025); kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); đồng thời triển khai tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2025. Triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thành lập Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử xã để tổ chức quản trị, đăng tải tin, bài; Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Các tổ chuyên trách cũng được thành lập gồm: Tổ ứng cứu công nghệ và hỗ trợ nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; Tổ công tác Cải cách hành chính; Tổ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Xã đã triển khai, tiếp nhận và vận hành Cổng thông tin phản ánh hoạt động của chính quyền 2 cấp. Thành lập Ban Chỉ đạo hoạt động hè và triển khai các chương trình, hoạt động dành cho thiếu niên, nhi đồng. Lễ hội truyền thống tại các thôn và Lễ hội truyền thống Chùa Hương Lãng ngày 10/3 (âm lịch) được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. Tháng 6/2025, Đình Làng thôn Thanh Đặng được UBND tỉnh Hưng Yên xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 11/6/2025. Trên địa bàn xã Lạc Đạo hiện nay có 10 di tích được xếp hạng, trong đó có 02 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 08 di tích cấp tỉnh; có 03 bảo vật quốc gia (Tượng sư tử đá, hệ thống thành bậc đá chùa Hương Lãng; Bia đá "Đại bi Diên Minh Tự bi" xã Lạc Đạo).

Biên tập và sản xuất 260 chương trình gốc với hơn 1.021 nội dung, phát sóng 658 lượt với tổng thời lượng 16.120 phút. Hệ thống truyền thanh không dây được đưa vào sử dụng, đáp ứng xu thế phát triển chung của xã hội và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác tuyên truyền trực quan được triển khai hiệu quả với gần 3.000 pa-nô, khẩu hiệu, cờ các loại phục vụ chào mừng các ngày lễ lớn. Tổ chức 05 cuộc giao lưu văn hóa, văn nghệ; 06 giải thi đấu thể dục thể thao cấp cơ sở; đồng thời tham gia 09 giải thi đấu cấp tỉnh và đạt tổng cộng 35 huy chương, gồm 09 Huy chương Vàng, 14 Huy chương Bạc và 12 Huy chương Đồng. Những kết quả trên góp phần thúc đẩy phong trào văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao của xã Lạc Đạo càng phát triển.

25.6.4. An sinh xã hội

Công tác lao động, thương binh và xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo an sinh xã hội; tổ chức thăm hỏi, tặng 3.737 suất quà (tổng trị giá 1.740 triệu đồng, trong đó 525 suất hiện vật) cho người có công, người cao tuổi, hộ nghèo và trẻ em khó khăn nhân Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025; nhân kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ, tặng 652 suất quà (141,2 triệu đồng) cho người có công và gia đình liệt sĩ; tổ chức vệ sinh, chỉnh trang và dâng hương tại Nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm và nhà truyền thống cách mạng trên địa bàn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp, BHYT, mai táng phí, hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người có công; lập, thẩm định và giải quyết hồ sơ, chi trả trợ cấp, hỗ trợ nhà ở, thờ cúng liệt sĩ, truy tặng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, phối hợp thu thập mẫu ADN thân nhân liệt sĩ theo quy định. Thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát của các cấp, trên địa bàn xã có 39 hộ được phê duyệt hỗ trợ kinh phí, trong đó 22 hộ xây mới, 17 hộ sửa chữa, với tổng số tiền hỗ trợ 3.675 triệu đồng.

Hội Chữ thập đỏ xã thực hiện phong trào "Tết Nhân ái - Xuân Ất Tỵ 2025", vận động các công ty, doanh nghiệp và nhà hảo tâm ủng hộ, trao tặng 130 suất quà Tết cho hộ nghèo, cận nghèo và gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tổng trị giá 39 triệu đồng. Hội cũng đã tuyên truyền, vận động 150 người tham gia hiến máu tình nguyện, trong đó 85 người hiến máu thành công.

25.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

25.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

UBND xã tham mưu với Đảng ủy ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác quân sự, quốc phòng địa phương năm 2025. Công tác duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xã đã hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2025 với 67/67 nam thanh niên lên đường nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Đồng thời, công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho thanh niên sinh năm 2008 được thực hiện đầy đủ với 322/322 trường hợp đạt 100%. Biên chế lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng đúng theo hướng dẫn, đảm bảo đủ chỉ tiêu và chất lượng tốt; kế hoạch huấn luyện cho các đối tượng dân quân được triển khai đúng tiến độ và biểu thời gian.

Lực lượng dân quân tự vệ đã được huy động tham gia báo động phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, bảo đảm đầy đủ quân số. Công tác thăm hỏi, động viên tân binh trước và sau giao quân được tổ chức chu đáo, đúng chế độ. Đồng thời, các chế độ, chính sách cho thân nhân quân nhân đang tại ngũ, gia

đình thương binh, liệt sĩ và người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước. Công tác quản lý, duy trì an ninh trật tự được đảm bảo, đã xử lý 73 vụ việc với 126 đối tượng, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy; điều tra, xử lý tội phạm về trật tự xã hội, ma túy, kinh tế, môi trường và các vụ cháy nổ nghiêm trọng. Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được chú trọng, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng được đảm bảo.

Công an xã đã chủ động khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đẩy mạnh công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội; tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, đảm bảo dữ liệu dân cư "đúng, đủ, sạch, sống", công tác phòng cháy, chữa cháy được triển khai có hiệu quả. Đã chỉ đạo tổ chức cấp đổi thẻ Đảng viên trong toàn Đảng bộ xã; tổ chức chiến dịch thu nhận, kích hoạt, đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho 100% công dân trên địa bàn xã.

25.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

25.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

25.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Lạc Đạo nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 22 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 07 người, chiếm 31,81%; đại học 13 người, chiếm 59,09%; cao đẳng 01 người, chiếm 4,55%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,55%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 15 người, chiếm 68,18%; trung cấp 06 người, chiếm 27,27%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,55%.

b) Ủy ban nhân dân xã Lạc Đạo có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban

nhân dân xã, trong đó gồm 08 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác.

25.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

25.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 463 chỉ tiêu, trong đó có 45 chỉ tiêu công chức, 418 chỉ tiêu viên chức và 25 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 20 người, chiếm 4,31%; đại học có 376 người, chiếm 81,20%; cao đẳng 64 người chiếm 13,82%, trung cấp có 03 người, chiếm 0,64%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận 8 người chiếm 1,72%; trung cấp lý luận chính trị 60 người, chiếm 12,95%; sơ cấp lý luận chính trị 139 người, chiếm 30,02%; chưa qua đào tạo 256 người, chiếm 55,29%.

26. Xã Tân Hưng

26.1. Lịch sử hình thành

Ngày 15/8/1946, Ủy ban Hành chính Bắc Bộ ra Nghị định số 1216 về việc thành lập thị xã Hưng Yên trên cơ sở 2 khu phố: Đầu Lĩnh, Đằng Châu. Ngày 12/5/1950, Đổng lý văn phòng Thủ hiến Bắc Việt Vũ Quý Mão ký Nghị định số 1979/THP-NĐ thành lập quận hành chính Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên. Ngày 03/8/1950, Đổng lý văn phòng Thủ hiến Bắc Việt Vũ Quý Mão ký Nghị định số 3980 thành lập tổng Liên Châu, thuộc quận Phố Hiến.

Ngày 05/5/1954, thị xã Hưng Yên có 6 phố lớn (tương đương phường) gồm: Hữu Môn, Mộc Sàng, Nguyệt Hồ, Tân Nhân, Tân Thị và Hậu Trường, được chia thành 20 phố nhỏ: Lê Lợi, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Trần Hưng Đạo, Đồng Khánh, Đinh Tiên Hoàng, Bà Triệu, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Thị Giang, Nguyễn Du, Nguyễn Tri Phương, Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Hoàng Diệu, Trần Bình Trọng, Vĩnh Phúc, Bến Tầu, Đê Hoàng Cao Khải, Ngô Quyền, Chi Lăng và xã Hiến Nam gồm 7 thôn: Nam Hòa, An Vũ, Nhân Dục, Mậu Dương, Lương Điền, Phương Cái, Nam Tiến. Ngày 6/4/1955, Ủy ban Hành chính tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 417/TCCB phân chia lại địa giới hành chính thị xã Hưng Yên. Theo đó: sáp nhập 03 thôn: Lương Điền, Phương Cái và Nam Tiến về huyện Tiên Lữ. Sáp nhập 02 thôn: An Vũ và Nhân Dục của xã

Hiến Nam về huyện Kim Động. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, thị xã Hưng Yên thuộc tỉnh Hải Hưng.

Sau năm 1975, thị xã Hưng Yên là thị xã thứ hai của tỉnh Hải Hưng (sau thị xã Hải Dương), với 03 ĐVHC cấp xã gồm 02 phường (Lê Lợi, Minh Khai) và 01 xã (Hồng Châu). Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó: sáp nhập 02 xã: Lam Sơn và Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi) vào thị xã Hưng Yên. Sáp nhập thôn Phương Độ của xã Hồng Nam và 02 thôn: Nam Tiến, Mậu Dương (trừ xóm Châu Dương) của xã Quảng Châu thuộc huyện Phù Tiên (nay là 02 huyện Phù Cừ và Tiên Lữ) vào thị xã Hưng Yên. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Thị xã Hưng Yên với 05 ĐVHC cấp xã, lúc bấy giờ là tỉnh lỵ của tỉnh Hưng Yên.

Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã, thành lập phường và điều chỉnh địa giới hành chính các phường thuộc thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó: Điều chỉnh toàn bộ: 541,12 ha diện tích tự nhiên với 8.913 nhân khẩu của xã Trung Nghĩa; 534 ha diện tích tự nhiên với 6.676 nhân khẩu của xã Liên Phương; 362 ha diện tích tự nhiên với 4.034 nhân khẩu của xã Hồng Nam và 830,30 ha diện tích tự nhiên với 7.540 nhân khẩu của xã Quảng Châu thuộc huyện Tiên Lữ; toàn bộ 397,82 ha diện tích tự nhiên và 5.692 nhân khẩu của xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Động về thị xã Hưng Yên quản lý.

Ngày 19/01/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 04/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Hưng Yên thuộc tỉnh Hưng Yên. Thành phố Hưng Yên có 4.685,51 ha diện tích tự nhiên và 121.486 nhân khẩu với 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 07 phường: Lê Lợi, Quang Trung, Minh Khai, Lam Sơn, Hiến Nam, An Tảo, Hồng Châu và 05 xã: Quảng Châu, Hồng Nam, Liên Phương, Trung Nghĩa, Bảo Khê. Ngày 06/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động, Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, điều chỉnh 1.188,92 ha diện tích tự nhiên với 10.740 nhân khẩu của huyện Kim Động (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của 02 xã: Hùng Cường, Phú Cường) và 1.455 ha diện tích tự nhiên với 15.049 nhân khẩu của huyện Tiên Lữ (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của 03 xã: Hoàng Hanh, Phương Chiểu, Tân Hưng) về thành phố Hưng Yên quản lý.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thành lập xã Phương Nam trên cơ sở nhập

toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,49 km^2, quy mô dân số là 6.286 người của xã Phương Chiểu sau khi điều chỉnh một phần về xã Liên Phương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,67 km^2, quy mô dân số là 4.941 người của xã Hồng Nam.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thủ Sỹ, Phương Nam và Tân Hưng thành xã mới có tên gọi là xã Tân Hưng và tồn tại cho đến ngày nay.

26.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Tân Hưng nằm ở phía Tây và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tiên Lữ;

- Phía Tây giáp phường Phố Hiến;

- Phía Nam giáp phường Hồng Châu, xã Long Hưng và tỉnh Ninh Bình;

- Phía Bắc giáp xã Hoàng Hoa Thám.

26.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tân Hưng có 19,30 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 8,00 km^2, đất nông nghiệp là 10,95 km^2, đất bằng chưa sử dụng là 0,09 km^2 và đất khác là 0,26 km^2.

26.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

26.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tân Hưng có quy mô dân số là 27.222 người, trong đó dân số thường trú là 27.016 người và dân số tạm trú là 206 người.

26.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tân Hưng là 14.839 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.502 người, chiếm tỷ lệ 23,6%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.508 người, chiếm tỷ lệ 43,86%; lao động thương mại - dịch vụ là 4.829 người, chiếm tỷ lệ 32,54%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Tân Hưng năm 2025 là 11.337 người, chiếm tỷ lệ 76,40%.

26.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Tân Hưng chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

26.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

26.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Tân Hưng năm 2025 theo giá hiện hành đạt 2.414,07 tỷ đồng, tăng 10,50% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 995,57 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 785,56 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 632,94 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 11,50%, trong đó: năm 2023 tăng 11,40%, năm 2024 tăng 12,60% và năm 2025 tăng 10,50%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 32,54%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 41,24% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 26,22% trong cơ cấu kinh tế của xã.

26.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tân Hưng năm 2025 đạt 302,86 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 261,93 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 161,28 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 79,85 tỷ đồng. Cân đối có dư.

26.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 69 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 76 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 85 triệu đồng/người/năm.

26.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tân Hưng là 0,70%, trong đó: năm 2023 là 0,73%, năm 2024 là 0,55%, năm 2025 là 0,37% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

26.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025 thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả (nhãn, cây có múi) có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng đầu tư thâm canh theo chiều sâu, chuyển đổi mô hình sản xuất từ phân tán sang tập trung; có giải pháp cải tạo, thay thế cây, con giống có giá trị kinh tế cao vào thâm canh sản xuất.

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương thức chăn nuôi an toàn, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích gieo cấy lúa năm 2025 đạt 356 ha (đạt 100% kế hoạch), lúa chất lượng cao chiếm 80% diện tích, cây rau, đậu sinh trưởng, phát triển tốt; năng suất, sản lượng rau, đậu đạt cao, giá bán ổn định. Tổng diện tích cây ăn quả 498 ha, trong đó chủ lực là cây nhãn với diện tích trên 330 ha. Sản lượng nhãn năm 2025 đạt khoảng 6.500 tấn, tăng 20 - 25% so với năm 2024, các giống nhãn chủ yếu: Hương chi, siêu ngọt, T6, T4, cùi cổ, nhãn cùi, đường phèn, đường phèn quả vuông.

Chăn nuôi trên địa bàn xã Tân Hưng phát triển ổn định; công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được triển khai thường xuyên, đồng bộ và kịp thời nên không có dịch bệnh xảy ra. Tổng đàn lợn trên địa bàn xã Tân Hưng khoảng 8.040 con, có 18 hộ chăn nuôi theo quy mô trang trại (07 trang trại quy mô vừa và 11 trang trại quy mô nhỏ). Ngoài ra, nhân dân còn đầu tư phát triển chăn nuôi đàn bò thịt, bò sinh sản, nuôi cá lồng có hiệu quả; tổng số cá lồng nuôi trên sông Hồng, sông Luộc trên địa bàn xã là 80 lồng, sản lượng cá đạt từ 400 tấn đến 530 tấn, giá trị thu ước đạt 30 tỷ đồng.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030 tiếp tục thực hiện tốt. Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí, phát triển kinh tế nông thôn bền vững, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Đồng thời, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, huy động nguồn lực và sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp và xây dựng có nhiều có thuận lợi so cùng kỳ năm 2024; hoạt động xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng từ nguồn vốn đầu tư công được quan tâm đẩy nhanh tiến độ thi công, kinh tế tư nhân, các làng nghề tiểu thủ công nghiệp được chú trọng, quan tâm phát triển như: làng nghề chế biến hoa quả Phương Chiểu, làng nghề bún đậu thôn Viên Tiêu, làng nghề đan đó, rọ tại thôn Tất Viên và thôn Nội Lăng,...; doanh nghiệp phát triển ngành nghề cơ khí, mộc, nề, sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc,...; hoạt động xây dựng từ khu vực kinh tế tư nhân của các doanh nghiệp và hộ gia đình tăng cao. Nguồn vốn đầu tư công được UBND tỉnh, các sở ngành, xã quan tâm, bổ sung góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, qua đó thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp, xây dựng.

Công tác quản lý trật tự xây dựng: Tăng cường tuyên truyền nhắc nhở các trường hợp buôn bán hàng rong dưới lòng đường, vỉa hè trái quy định; tháo dỡ băng rôn, khẩu hiệu hết hạn, cũ nát; giải tỏa lều lán, mái che mái vẩy vi phạm hành lang an toàn đường bộ; kiểm tra trường hợp xây dựng công trình.

c) Thương mại - dịch vụ

Trong năm 2025, hoạt động thương mại trên địa bàn xã diễn ra sôi động, nguồn cung sản phẩm, hàng hóa dồi dào, đa dạng, phong phú, không có tình trạng khan hiếm, tăng giá đột biến; các chợ, cơ sở kinh doanh hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh. Xã hiện có 16 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến kinh doanh sản phẩm nông sản: Nhãn quả, Hạt sen, Long nhãn, Mật ong, bột sắn dây, Mút Táo, mút ô mai, nuôi cá lồng và trồng cây dược liệu,.... đem lại hiệu quả kinh tế cao, các sản phẩm nông sản đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, sản phẩm OCOP,... Đã vận động các đơn vị, Hợp tác xã đăng ký trưng bày giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn tiêu biểu tại các lễ hội, hội chợ. Trong năm 2025, UBND xã Tân Hưng đã phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tổ chức hội nghị xúc tiến thương mại, tiêu thụ nhãn và các sản phẩm truyền thống của địa phương.

26.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

26.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Công tác rà soát quy mô trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất được thực hiện thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2026 - 2030. Toàn xã hiện có 09 trường công lập gồm: 04 trường Mầm non, với 38 lớp và 893 trẻ em. 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS và 03 trường Tiểu học và THCS. Khối tiểu học có 58 lớp và 1.871 học sinh; khối THCS có 46 lớp học với 1.477 học sinh. Toàn xã duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt 100%, phổ cập tiểu học và THCS đạt mức độ 3, xóa mù chữ đạt mức 2 năm 2025, số lượng học sinh thi đỗ vào trường THPT năm học 2025 - 2026 trên địa bàn xã đạt 68,42%, phong trào thi đua trong các nhà trường được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Công tác rà soát, quản lý dạy thêm, học thêm; kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục ngoài công lập được thực hiện thường xuyên. UBND xã chỉ đạo rà soát, tổng hợp báo cáo các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; tăng cường quản lý việc tổ chức bán trú, trải nghiệm ngoài nhà trường, trang phục, trang thiết bị, sách vở trong các nhà trường, bảo đảm an toàn thực phẩm và đúng quy định,

không để phát sinh tiêu cực. Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, nghiên cứu, đề xuất cụ thể phương án đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho các trường trên địa bàn xã đảm bảo đồng bộ, đầy đủ công năng sử dụng, đạt chuẩn quốc gia theo quy định, phù hợp với quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhu cầu phát triển.

26.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Tân Hưng đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm Y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân ngày càng được quan tâm với tổng số lượt khám 4.009 lượt người. Số trẻ em được sinh ra 232 trẻ, trong đó 123 bé trai/109 bé gái. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em 9,27%. Chủ động giám sát, phát hiện sớm, không để dịch bệnh xảy ra. Tổ chức tiêm chủng mở rộng đạt 100% kế hoạch, đảm bảo an toàn và đúng quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra việc đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn xã; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. Không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Thực hiện các chỉ tiêu về giảm sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; tỷ lệ các chỉ số cơ bản đạt theo kế hoạch. Ban hành kịp thời các văn bản đình chỉ lưu hành, thu hồi các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, vật tư y tế thuộc danh mục phải thu hồi trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế.

26.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Toàn xã hiện có 18 thôn 17 nhà văn hoá độc lập (01 thôn đang sử dụng thiết chế Đình làng), 04 hệ thống truyền thanh, trong đó 03 hệ thống ứng dụng CTTT-VT, 01 hệ thống sử dụng công nghệ FM. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, truyền thống cách mạng được triển khai sâu rộng, đa dạng hình thức,

nhất là trên các nền tảng số như Cổng thông tin điện tử, fanpage, zalo, hệ thống năm như: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng xuân Ất Tỵ 2025; Kỷ niệm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025); Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và quốc tế Lao động 01/5; Chào mừng kỷ niệm 71 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2025); kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7; kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9/2025. Đặc biệt tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, văn bản của Trung ương, Tỉnh về công tác sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Lấy ý kiến Nhân dân về sửa đổi Hiến pháp trên ứng dụng VneID.

Các thiết chế văn hóa được phát huy tối đa hiệu quả, các phong trào văn hóa, văn nghệ hoạt động mạnh mẽ, góp phần xây dựng và duy trì nếp sống văn minh tại các khu dân cư. Tham gia cuộc thi "Gia đình đọc sách - Gắn kết yêu thương năm 2025". Công tác đăng ký, xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa, cơ quan đơn vị văn hóa năm 2025 được tiến hành đảm bảo đúng quy định; năm 2025, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 95,72%, 6/18 thôn văn hóa (theo tiêu chí mới) đạt 33,3%. Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử của xã, công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương.

Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử của xã, công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương: Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã 6 tháng cuối năm 2025. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số"; tuyên truyền, hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10. Tổ chức triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số" và "Ngày chuyển đổi số quốc gia".

26.6.4. An sinh xã hội

Thực hiện tốt và đầy đủ chế độ chính sách người có công với cách mạng và tổ chức chi trả đầy đủ và kịp thời quà của Chủ tịch nước, quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh, xã cho đối tượng người có công. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025); xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ; tổ chức lễ dâng hương thắp nến tri ân thăm tặng 56 đối tượng với tổng kinh phí 13.200.000 đồng. Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025) cho nhân

dân trên địa bàn xã cho 26.878 nhân khẩu, với số tiền 2.687.800.000 đồng, đạt 100%, tiến hành đăng nhập trên phần mềm quản lý dữ liệu quốc gia đạt 100%.

Phối hợp tiếp nhận, thẩm định và chi trả trợ cấp người có công và bảo trợ xã hội theo đúng quy định, tiến hành chi trả trợ cấp Người có công tháng 8,9,10 năm với tổng kinh phí 5.117.348.000 đồng. Chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội tháng 8,9,10 năm 2025, tổng số đối tượng 1578 người, với tổng số tiền 3.446.500.000 đồng. Các chế độ chính sách cho người nghèo, bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng đối tượng cho 442 đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ. Quyết định chuyển chế độ trợ cấp cho 380 người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ- CP từ tháng 7/2025. Cấp mới, gia hạn thẻ BHYT cho 100% thành viên hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội. Tổ chức Lễ chúc thọ, mừng thọ năm 2025 cho các cụ cao tuổi vui Tết an toàn, tiết kiệm. Lập danh sách chúc thọ Người cao tuổi năm 2026, tổng số 739 người.

Ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế trên địa bàn; đôn đốc khắc phục tình trạng chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN; Kiện toàn ban quản lý Quỹ đền ơn đáp nghĩa; Thành lập văn phòng quỹ và ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa xã; Phối hợp tuyên truyền, điều tra 400 phiếu thông tin nhu cầu lao động của người dân và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn xã.

26.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

26.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự cơ sở ở xã được duy trì và nâng cao hiệu quả trong công tác trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, đặc biệt trong các ngày Lễ, Tết, kỷ niệm trong năm 2025; tổ chức tuần tra kiểm soát giữ gìn an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an toàn, không để xay ra tình huống bất ngờ, bị động. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2025 đạt 103,7% (55/53) chỉ tiêu được giao, đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 4 thanh niên không đi khám tuyển nghĩa vụ quân sự, tiến hành rà roát đăng ký độ tuổi 17 được 178/182 thanh niên

đạt 98%. Căn cứ Kế hoạch tuyển quân năm 2026 đã khám sơ tuyển, khám tuyển nghĩa vụ quân sự cho 150 nam thanh niên, trong đó có 66 nam thanh niên đạt điều kiện về sức khỏe. Xây dựng kế hoạch và tổ chức ra quân huấn luyện cho lực lượng Dân quân năm 2025 theo quy định. Công tác huấn luyện được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng yêu cầu, đảm bảo tuyệt đối an toàn. Thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành kế hoạch huấn luyện dân quân với 100% quân số.

Năm 2025, lực lượng Công an xã đã phát huy vai trò nòng cốt trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ động tham mưu UBND xã nhiều giải pháp hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định địa bàn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công an xã đã tham mưu UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự; bảo vệ tuyệt đối an toàn Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các hoạt động Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 80 năm ngày truyền thống công an nhân dân, 20 năm ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; tổ chức Lễ ra quân thực hiện mục tiêu xây dựng xã Tân Hưng không ma túy năm 2025 và các sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra trên địa bàn xã, triển khai hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường. Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của lực lượng Bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, trên địa bàn.

26.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

26.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

26.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Tân Hưng nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 22 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 07 người, chiếm 31,81%; đại học 13 người, chiếm 59,09%; Cao đẳng 01 người, chiếm 4,55%; trung cấp 0 người, chiếm 0%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,55%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 15 người, chiếm 68,18%; trung cấp 06 người, chiếm 27,27%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,55%.

b) Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 08 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác.

26.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

26.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 463 chỉ tiêu, trong đó có 45 chỉ tiêu công chức, 418 chỉ tiêu viên chức và 25 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 20 người, chiếm 4,31%; đại học có 376 người, chiếm 81,20%; cao đẳng 64 người chiếm 13,82%, trung cấp có 03 người, chiếm 0,64%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận 8 người chiếm 1,72%; trung cấp lý luận chính trị 60 người, chiếm 12,95%; sơ cấp lý luận chính trị 139 người, chiếm 30,02%; chưa qua đào tạo 256 người, chiếm 55,29%.

27. Xã Thái Ninh

27.1. Lịch sử hình thành

Huyện Thái Thụy được thành lập vào ngày 17/6/1969 trên cơ sở hợp nhất hai huyện Thái Ninh và Thụy Anh. Khi hợp nhất, huyện gồm 47 xã: Thái An, Thái Đô, Thái Dương, Thái Giang, Thái Hà, Thái Hoà, Thái Học, Thái Hồng, Thái Hưng, Thái Lộc, Thái Mỹ, Thái Nguyên, Thái Phúc, Thái Sơn, Thái Tân, Thái Thành, Thái Thịnh, Thái Thọ, Thái Thuần, Thái Thượng, Thái Thủy, Thái Xuyên, Thụy An, Thụy Bình, Thụy Chính, Thụy Dân, Thụy Dũng, Thụy Dương, Thụy Duyên, Thụy Hà, Thụy Hải, Thụy Hồng, Thụy Hưng, Thụy Liên, Thụy Lương, Thụy Ninh, Thụy Phong, Thụy Phúc, Thụy Quỳnh, Thụy Sơn, Thụy Tân, Thụy Thanh, Thụy Trình, Thụy Trường, Thụy Văn, Thụy Việt, Thụy Xuân. Ngày 05/7/1977, tách 4 thôn: Vũ Biên, Chỉ Thiện, Tân Minh, Liên Kết của xã Thái Mỹ và thôn Hải Linh của xã Thái Đô hợp nhất với xã Thái Lộc thành xã Mỹ Lộc; 2 thôn Xuân Bắc và Xuân Trung của xã Thái Mỹ vào xã Thái Thọ.

Ngày 06/8/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 1787/QĐ-UBND công nhận xã Thái Hưng (đô thị Thái Ninh) là đô thị loại V. Ngày 13/4/2018, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 487/QĐ-BXD công nhận thị trấn Diêm Điền mở rộng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (gồm thị trấn Diêm Điền và 9 xã: Thụy Trình, Thụy Lương, Thụy Hà, Thụy Hải, Thụy Liên, Thái Thượng, Thái Nguyên, Thái An, Thái Hòa) đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Ngày 11/02/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Bình. Theo đó, thành lập xã Hòa An trên cơ sở nhập toàn bộ 2,76 km^2 diện tích tự nhiên, 2.733 người của xã Thái An và toàn bộ 4,86 km^2 diện tích tự nhiên, 6.260 người của xã Thái Hòa. Lúc bấy giờ, khu vực xã Thái Ninh ngày nay bao gồm khu vực các xã Thái Hưng, Thái Thượng, Hòa An và Thái Nguyên thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các Thái Hưng, Thái Thượng, Hòa An và Thái Nguyên thành xã mới có tên gọi là xã Thái Ninh và tồn tại cho đến ngày nay.

27.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Thái Ninh nằm ở phía Đông của tỉnh và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp xã Bắc Thái Ninh;
- Phía Nam giáp xã Nam Thái Ninh và xã Đông Thái Ninh;
- Phía Bắc giáp xã Thái Thụy.

27.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Thái Ninh có 35,40 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 13,48 km^2 và đất nông nghiệp là 21,92 km^2.

27.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

27.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Thái Ninh có quy mô dân số là 31.109 người, trong đó dân số thường trú là 30.937 người và dân số tạm trú là 172 người.

27.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thái Ninh là 20.500 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6.134 người, chiếm tỷ lệ 29,92%; lao động công nghiệp và xây dựng là 7.166 người, chiếm tỷ lệ 34,96%; lao động thương mại - dịch vụ là 7.200 người, chiếm tỷ lệ 35,12%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 14.366 người, chiếm tỷ lệ 70,08%.

27.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Thái Ninh chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực thị trấn, trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

27.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

27.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Thái Ninh năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.509,38 tỷ đồng, tăng 6,38% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.141,36 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 638,61 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 1.729,42 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 4,40%, trong đó: năm 2023 tăng 4,40%, năm 2024 tăng 3,30% và năm 2025 tăng 5,50%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng chiếm 70,11% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,89% trong cơ cấu kinh tế của xã.

27.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Thái Ninh năm 2025 đạt 331,91 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 331,37 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 190,31 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 57,72 tỷ đồng. Cân đối có dư.

27.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 64,7 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,0 triệu đồng/người/năm.

27.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Thái Ninh là 2,22%, trong đó: năm 2023 là 2,36%, năm 2024 là 2,16%, năm 2025 là 0,41% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

27.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

- Sản xuất nông nghiệp: UBND xã đã chỉ đạo sản xuất trồng trọt theo kế hoạch; công tác gieo cấy lúa bảo đảm đúng thời vụ, thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 103 tỷ đồng. Tổng diện tích gieo cấy lúa cả năm đạt 1.941 ha, đạt 100% kế hoạch. Cơ cấu giống lúa chuyển dịch sang các giống chất lượng, diện tích gieo cấy lúa chất lượng đạt 912.27 ha, chiếm hơn 47% diện tích, còn lại là diện tích gieo cấy lúa năng suất cao, chống chịu tốt với sâu bệnh. Năng suất lúa cả năm đạt 65 tạ/ha; sản lượng lúa cả năm đạt trên 126.165 tạ. Tổng diện tích rau màu khoảng 350.7 ha; chủ yếu là nhóm rau, đậu đỗ các loại. UBND xã đã chỉ đạo các Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp chủ động kết hợp với các cơ sở thôn đôn đốc, hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp trồng xen, làm bầu,... đối với cây trồng vụ Đông. Cơ giới hóa trong sản xuất tiếp tục được chú trọng, đã cơ giới hóa 100% khâu làm đất, 90% khâu thu hoạch, 100% khâu xay xát lúa.

- Về chăn nuôi: Sản xuất chăn nuôi theo hướng bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Công tác giám sát, kiểm soát dịch bệnh, tiêm vắc xin, vệ sinh tiêu độc khử trùng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện theo quy định; tập trung khoanh vùng, xử lý dứt điểm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 84 tỷ đồng. Tổng đàn trâu đạt 25 con; tổng đàn bò đạt 300 con; đàn lợn đạt 13.167 con; đàn gia cầm đạt khoảng 240.000 con.

- Về thủy sản: Tập trung chỉ đạo phòng chống và kiểm soát dịch bệnh đốm trắng trên tôm. Giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 395 tỷ đồng. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 915 ha; tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản là 11.000 tấn. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản. Tiếp tục nâng cao năng lực khai thác thủy sản và quản lý tàu cá, toàn xã có 92 phương tiện khai thác/266 lao động (trong đó có 8 phương tiện dịch vụ hậu cần, 84 phương tiện khai thác). Khai thác thủy sản với 92 tàu, trong đó có 8 tàu xa bờ với sản lượng đạt 412 tấn/năm, giá trị sản xuất đạt 111 tỷ đồng. Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); thường xuyên thông báo danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm IUU và yêu cầu các chủ tàu cá không được xuất bến.

- Về lâm nghiệp: Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo. Khai thác ven bờ trong rừng ngập mặn đạt 15 tỷ đồng. Thường xuyên phối hợp với với Chi cục Kiểm Lâm tỉnh kiểm tra hiện trạng rừng, tổ chức tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn, bắt giữ và xử lý nghiêm các hành vi săn, bắt, mua, bán, vận chuyển trái phép các loài chim hoang dã; gỡ bỏ các thiết bị săn, bẫy bắt chim hoang dã, di cư trên địa bàn xã. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, xây dựng trên địa bàn xã được tăng cường. Công tác thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp luôn được chú trọng quan tâm. Năm 2025, giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng theo giá so sánh đạt 666,48 tỷ đồng, tăng 7,3%, trong đó, giá trị công nghiệp đạt 241,030 tỷ đồng, tăng 8,3% và giá trị xây dựng dựng đạt 425,453 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2024.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Duy trì phát triển các nghề sẵn như nghề vận tải, xay xát, mộc, nề, cơ khí, mây tre đan, góp phần mang lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh doanh và thu nhập ổn định cho lao động địa phương. Đến nay, trên địa bàn xã có khoảng 500 tổ chức, hộ sản xuất kinh doanh cá thể với trên 1.300 lao động. Một số doanh nghiệp trong xã tích cực đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nhiều sản phẩm phong phú đa dạng phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Trên cơ sở đó, xã đã triển khai nhiều nhiệm vụ cụ thể: tổ chức quy hoạch tổng mặt bằng Trường Mầm non Thái Thượng; nâng cấp, cải tạo và tổ chức khánh thành Nghĩa trang Liệt sĩ Thái Thượng; điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án; phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án Khu dân cư ven tuyến đường bộ ven biển và Quốc lộ 37B; chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng Dự án đầu tư vườn bưởi da xanh thương phẩm tại thôn Tử Các,…

Nhìn chung, công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ bản của xã Thái Ninh đã và đang được triển khai đồng bộ, bám sát các đồ án quy hoạch cấp trên và các dự án động lực đã được phê duyệt, đặc biệt là Khu công nghiệp Liên Hà Thái, qua đó từng bước hình thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội hoàn chỉnh, tạo nền tảng quan trọng để phát triển đô thị trong giai đoạn tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ duy trì ổn định và có sự chuyển biến rõ rệt. Ủy ban nhân dân xã đã triển khai, hướng dẫn hỗ trợ người dân sản xuất, tiêu thụ nông sản và hàng hóa đặc trưng của địa phương. Các hộ sản xuất kinh doanh cá thể tạo việc làm ổn định cho lực lượng lao động của địa phương. Các cửa hàng bán buôn, bán lẻ, cửa hàng tạp hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn. Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn xã đã phối hợp các ngành chức năng chỉ đạo công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong dịp Lễ, Tết, góp phần cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, phục vụ tiêu dùng của Nhân dân trên địa bàn.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân trên địa bàn. Hệ thống lưới điện tiếp tục được đầu tư nâng cấp, sửa chữa góp phần đảm bảo an toàn, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo cung cấp điện liên tục cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn xã.

27.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

27.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học. Công tác rà soát quy mô trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất được thực hiện thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2026 - 2030. Toàn xã hiện có 10 trường với tổng số lớp là 163, tổng số học sinh là 5.082; 300 cán bộ, giáo viên. Quan tâm phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng các tiêu chuẩn giáo viên ở các cấp học, bậc học. Cơ sở vật chất, trường, lớp học, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Các trường đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giảng dạy. Tổ chức tốt các kỳ thi, cuộc thi cho học sinh, giáo viên trên địa bàn, kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân đạt thành tích cao; chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, trong năm học nhiều thầy cô được công nhận giáo viên dạy giỏi các cấp. Tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2024 - 2025, triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 đối với từng cấp học; ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026.

Chỉ đạo các nhà trường tăng cường kiểm tra công tác ăn bán trú tại các trường học; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý bạo lực học đường năm 2025. Chỉ đạo quản lý công tác dạy thêm, học thêm. Ban hành Quyết định công nhận trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự". Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục, xoá mù chữ xã Thái Ninh và ban hành Kế hoạch đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập", "đơn vị học tập" cấp xã. Triển khai thực hiện hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh về các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn từ năm học 2025 - 2026. Hoàn thiện 78 hồ sơ đề nghị miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

27.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Thái Ninh đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống

các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Công tác phòng, chống dịch bệnh tiếp tục được quan tâm; các bệnh dịch truyền nhiễm tiếp tục được kiểm soát tốt, không xảy ra dịch lớn (sởi, sốt xuất huyết Dengue, tay chân miệng, Covid-19, bệnh do vi-rút Adeno, cúm B, cúm A,...). Công tác truyền thông y tế được tuyên truyền rộng rãi đến quần chúng nhân dân; góp phần nâng cao nhận thức trong công tác phòng, chống dịch bệnh, nâng cao sức khỏe của người dân. Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn năm 2025.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân ngày càng được quan tâm với tổng số lượt khám là 10.005 người, trong đó khám BHYT là 5.793 lượt người. Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ đạt 21%. Số trẻ em được sinh ra là 247 trẻ. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) là 8,7 %, giảm 0,2% so với cùng kỳ, tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi là 11,13%, giảm 0,3% so với cùng kỳ. Tổ chức tiêm chủng mở rộng đạt 100% kế hoạch, đảm bảo an toàn và đúng quy định. Thực hiện các chỉ tiêu về sàng lọc trước sinh và sơ sinh, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; tỷ lệ các chỉ số cơ bản đạt theo kế hoạch.

Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban Chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm xã Thái Ninh và ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban chỉ đạo; tổ chức kiểm tra, ký cam kết với các cơ sở kinh doanh thực phẩm, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm, trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra trên địa bàn. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được triển khai tích cực; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế là 28.895 người, đạt 94,5%.

27.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền được duy trì, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương như: Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng Đảng, mừng Xuân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ, 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4, Ngày Quốc tế lao động 01/5, 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5, 80 năm Ngày cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 02/9, Đại hội đảng bộ xã, Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ đời sống tinh thần của Nhân dân.

Lĩnh vực văn hóa, thể thao được quan tâm, cơ bản đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, giải trí của Nhân dân. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là ở cơ sở được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Công tác kiểm tra các hoạt động văn hóa, du lịch, lễ hội được chú trọng. Rà soát thống kê các di tích lịch sử, đình, chùa, nhà thờ trên địa bàn xã. Hiện toàn xã có 4 di tích, tín ngưỡng được công nhận Di tích cấp Quốc gia (Đình Bích Đoài, Đền Hét, Đình Các Đông, Đình Tử Các) và 11 di tích được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh (Đình Hà My; Đình Đoài; Đình, Chùa, Miếu làng Bích Du; Đền Sơn Thọ; Đình Thượng; Đình Gián; Đình Bắc; Đình Đoài; Đình Sơn Cao; Đình, Chùa làng Thuỳ Dương, Đình Đông Chùa Giang).

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào nề nếp và đạt nhiều tiến bộ. Ban hành Quyết định công nhận 30 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa và 8.490 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa năm 2025, khen thưởng 74 gia đình đạt thành tích tiêu biểu trong thực hiện các phong trào thi đua năm 2025, tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 94,99%. Công tác xây dựng Nhà văn hóa kiểu mẫu đã được quan tâm đầu tư, toàn xã có 28/30 thôn sinh hoạt tại Nhà văn hóa, đến nay đã có 21 Nhà văn hóa được công nhận Nhà văn hóa kiểu mẫu.

Các hoạt động thể thao quần chúng được nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng; hưởng ứng Ngày chạy Olympic vì sức khoẻ toàn dân; tổ chức chương trình đi bộ "Cùng Việt Nam tiến bước"; duy trì các câu lạc bộ thể thao trên địa bàn. Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức Chương trình vui Tết Trung thu trên địa bàn xã. Phong trào văn nghệ quần chúng diễn ra sôi nổi gắn với ngày Đại đoàn kết toàn dân góp phần tạo không khí vui tươi trong cộng đồng.

27.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định, góp phần ổn định tình hình địa phương, chi trả trợ cấp thường xuyên, kịp thời cho các đối tượng chính sách đúng đối tượng, định mức, không có sai sót nhầm lẫn, đơn thư, khiếu nại. Thực hiện tốt và đầy đủ chế độ chính sách người có công với cách mạng và tổ chức cấp đầy đủ, kịp thời quà của Chủ tịch nước, quà của tỉnh, của Đảng ủy - HĐND - UBND xã cho đối tượng người có công. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025); thăm hỏi, tặng quà cho người có công và nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025).

Phối hợp tiếp nhận, thẩm định và chi trả trợ cấp người có công và Bảo trợ xã hội theo đúng quy định. Các chế độ chính sách cho người nghèo, bảo trợ xã hội được quan tâm; cấp mới, gia hạn thẻ cho 100% thành viên hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội được đảm bảo. Tổ chức Lễ chúc thọ, mừng thọ năm 2025 cho các cụ cao tuổi vui Tết an toàn, tiết kiệm. Lập danh sách chúc thọ Người cao tuổi năm 2026, tổng số 919 người.

Ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế trên địa bàn; đôn đốc, khắc phục tình trạng chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN; Kiện toàn ban quản lý quỹ đền ơn đáp nghĩa; thành lập văn phòng quỹ và ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm có bước phát triển. Thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện.

27.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

27.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo lực lượng, phương tiên sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự theo quy định. Tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2025, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao . Xây dựng Kế hoạch phúc tra nguồn sẵn sàng nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, nguồn dự bị động viên năm 2026 . Toàn xã có 12 công dân viết đơn tình nguyện nhập ngũ năm 2026. UBND xã đã tổ chức Đoàn đến thăm và động viên đối các công dân viết đơn tình nguyện nhập ngũ. Làm tốt công tác hậu phương quân đội; thường xuyên tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết hồ sơ các chế độ, chính sách theo quy định. Lực lượng vũ trang và lực lượng biên phòng luôn tích cực, chủ động huy động lực lượng tham gia hỗ trợ, giúp Nhân dân phòng, chống thiên tai, bão, lụt, dịch bệnh và khắc phục hậu quả, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, đảm bảo an ninh biên giới biển, tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức của ngư dân và nhân dân ven biển trong tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo, tệ nạn xã hội được kiềm chế. Tội phạm hình sự và vi phạm pháp luật được kéo giảm trên 5% so với cùng kỳ năm 2024; tỷ lệ điều tra khám phá đạt 100%. Năm 2025, trên địa bàn xã không xảy ra trọng án, giết người, không xảy ra cháy nổ, không có tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng; tệ nạn cờ bạc được kiềm chế; đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm ma túy; tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, môi trường.

27.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

26.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

27.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Thái Ninh nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 04 người, chiếm 19,05%; đại học 13 người, chiếm 61,9%; trình độ khác 04 người, chiếm 19,05%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 09 người, chiếm 42,85%; trung cấp 8 người, chiếm 38,1%; chưa qua đào tạo 4 người, chiếm 19,05%.

b) Ủy ban nhân dân xã Thái Ninh có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học & Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế xã) và 01 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm dịch vụ Tổng hợp).

27.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

27.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 418 chỉ tiêu, trong đó có 40 chỉ tiêu công chức, 378 chỉ tiêu viên chức. Hiện có mặt là 351 viên chức và 34 công chức.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 11 người, chiếm 2,85%; đại học có 329 người, chiếm 85,45%; cao đẳng 38 người, chiếm 9,8%, trung cấp có 07 người, chiếm 1,9%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận có 05 người chiếm 1,29%; trung cấp lý luận chính trị 68 người, chiếm 17,6%.

28. Xã Tiên Tiến

28.1. Lịch sử hình thành

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, huyện Phù Cừ có 56 xã thuộc 6 tổng: Hoàng Tranh, Ba Đông, Viên Quang, Cát Dương, Võng Phan và Kim Phương. Khu vực xã Tiên Tiến lúc bấy giờ thuộc huyện Phù Cừ, phủ Khoái Châu.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Phù Cừ là 01 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 15 xã bao gồm: Ái Quốc, Bội Châu, Chí Minh, Duyên Hà, Kim Anh, Minh Hoàng, Minh Tân, Ngọc Thụ, Nguyên Hòa, Nhật Quang, Quang Hưng, Quang Trung, Quyết Tiến, Tống Trân và Trần Cao. Năm 1947, địa giới hành chính các xã thuộc huyện Phù Cừ được điều chỉnh. Theo đó, đổi tên xã Ái Quốc thành xã Phan Sào Nam; hợp nhất hai xã Ngọc Thụ và xã Bội Châu thành xã Trường Chinh; sáp nhập xã Duyên Hà vào xã Chí Minh; hợp nhất hai xã Quang Trung, Kim Anh thành xã Tiên Tiến. Lúc bấy giờ, huyện Phù Cừ có 12 xã bao gồm: Phan Sào Nam, Trường Chinh, Chí Minh, Tiên Tiến, Minh Hoàng, Minh Tân, Nguyên Hòa, Nhật Quang, Quang Hưng, Quyết Tiến, Tống Trân và Trần Cao.

Năm 1957, chia xã Nguyên Hòa thành hai xã Nguyên Hòa và Hạnh Phúc, chia xã Tiên Tiến thành hai xã Tiên Tiến và Minh Tiến. Lúc bấy giờ, huyện Phù Cừ có 14 xã bao gồm: Phan Sào Nam, Trường Chinh, Chí Minh, Tiên Tiến, Minh Tiến, Minh Hoàng, Minh Tân, Nguyên Hòa, Hạnh Phúc, Nhật Quang, Quang Hưng, Quyết Tiến, Tống Trân và Trần Cao. Về sau, một số xã lại được đổi tên: xã Trường Chinh đổi thành xã Đoàn Đào, xã Chí Minh đổi thành xã Đình Cao, xã Quyết Tiến đổi thành xã Tống Phan, xã Hạnh Phúc đổi thành xã Tam Đa. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Phù Cừ thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Tiên Lữ và huyện Phù Cừ thành một huyện lấy tên là huyện Phù Tiên. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Khu vực huyện Phù Cừ lúc bấy giờ thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/02/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc chia huyện Phù Tiên, thành lập một số phường, thị trấn thuộc thị xã Hưng Yên và huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Phù Tiên thành huyện Phù Cừ và Tiên Lữ. Lúc bấy giờ, huyện Phù Cừ là 01 trong 07 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 14 ĐVHC cấp xã gồm: Đình Cao, Đoàn Đào, Minh

Hoàng, Minh Tân, Minh Tiến, Nguyên Hòa, Nhật Quang, Phan Sào Nam, Quang Hưng, Tam Đa, Tiên Tiến, Tống Phan, Tống Trân và Trần Cao.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Minh Tiến vào xã Tiên Tiến. Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đình Cao, Nhật Quang và Tiên Tiến thành xã mới có tên gọi là xã Tiên Tiến và tồn tại cho đến ngày nay.

28.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Tiên Tiến nằm ở trung tâm và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;
- Phía Tây giáp xã Tiên Hoa;
- Phía Nam giáp xã Tống Trân;
- Phía Bắc giáp xã Đoàn Đào và xã Quang Hưng.

28.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tiên Tiến có 25,79 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 7,73 km^2, đất nông nghiệp là 18,05 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,01 km^2.

28.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

28.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tiên Tiến có quy mô dân số là 29.241 người, trong đó dân số thường trú là 29.106 người và dân số tạm trú là 135 người

28.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tiên Tiến là 15.985 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.690 người, chiếm tỷ lệ 29,34%; lao động công nghiệp và xây dựng là 5.541 người, chiếm tỷ lệ 34,65%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.754 người, chiếm tỷ lệ 36,01%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Tiên Tiến năm 2025 là 11.295 người, chiếm tỷ lệ 70,66%.

28.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Tiên Tiến chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

28.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

28.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Tiên Tiến năm 2025 theo giá hiện hành đạt 2.414,07 tỷ đồng, tăng 10,50% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 995,57 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 785,56 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 632,94 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 12,43%, trong đó: năm 2023 tăng 12,00%, năm 2024 tăng 12,50% và năm 2025 tăng 12,80%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng chiếm 70,23% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,77% trong cơ cấu kinh tế của xã.

28.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tiên Tiến năm 2025 đạt 681,92 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 476,43 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 168,28 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 289,25 tỷ đồng. Cân đối có dư.

28.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 67,1 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,2 triệu đồng/người/năm.

28.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiên Tiến là 0,89%, trong đó: năm 2023 là 1,13%, năm 2024 là 0,59%, năm 2025 là 0,09% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

28.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Năm 2025, tổng diện tích gieo trồng 2.144,55 ha, bao gồm: Trồng cây rau màu vụ xuân 105,7 ha; rau màu hè thu 52,85 ha; bước đầu trồng cây rau màu vụ Đông 96,0 ha/120,5 ha kế hoạch giao (đạt 79,7% kế hoạch), gồm một số cây trồng chính: bí các loại 14,7 ha; ngô 7,2 ha; đậu, đỗ các loại 4,1 ha; dưa các loại 5,7 ha; khoai tây, khoai lang 4,4 ha; hành tỏi, rau các loại 27,9 ha. Gieo cấy lúa cả năm 1.922 ha; năng suất lúa cả năm đạt 130 tạ/ha. Trồng cây nhân dân được trên 7.727 cây các loại (trong đó: trên 2.909 cây vải, 4.249 cây ăn quả khác và 569 cây bóng mát). Sản lượng nhãn, vải, cây có múi đạt trên 14.395 tấn (trong đó vải quả đạt trên 12.112 tấn, nhãn đạt trên 1.230 tấn, cây có múi đạt trên 1.053 tấn). Phối hợp khảo nghiệm, trình diễn 04 giống lúa; các giống khảo nghiệm sinh trưởng, phát triển, kháng bệnh tốt, có tiềm năng năng suất cao. Công tác dự tính, dự báo, phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng được triển khai kịp thời, hiệu quả. Đến nay, toàn xã thực hiện chuyển đổi được 540 ha cây trồng các loại trong đó 392,73 ha từ diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây vải lai chín sớm.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm và thuỷ cầm tiếp tục ổn định; quy mô đàn lợn tăng nhẹ ở các trang trại, gia trại đảm bảo điều kiện chăn nuôi an toàn dịch bệnh, theo hướng VietGap. Tổng đàn lợn ước cả năm đạt khoảng trên 13.646 con; tổng đàn trâu, bò 520 con; đàn gia cầm trên 43.716 con. Duy trì hiệu quả 243,53 ha nuôi trồng thủy sản, sản lượng cá thịt đạt trên 2.400 tấn. Công tác nắm bắt, dự báo, hướng dẫn và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đồng bộ, đạt hiệu quả; dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát tốt.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp và xây dựng có nhiều thuận lợi so cùng kỳ năm 2024; hoạt động xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng từ nguồn vốn đầu tư công được quan tâm đẩy nhanh tiến độ thi công, kinh tế tư nhân, các làng nghề tiểu thủ công nghiệp được chú trọng, quan tâm phát triển. Đẩy nhanh triển khai các dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2025; triển khai thực hiện 95 công trình. Hỗ trợ sửa chữa 01 nhà văn hoá thôn, hỗ trợ xây dựng 4,7km đường điện chiếu sáng khu dân cư. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đường bộ; sửa chữa, lắp đặt các biển báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

Công tác triển khai giải phóng mặt bằng thi công các dự án trên địa bàn xã: Dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên, tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án trên địa bàn xã Tiên Tiến: 25,41 ha (trong đó: đất nông nghiệp 17,39 ha, đất ở 1,87 ha, đất công cộng 5,07 ha, đất tôn táo 0,025 ha, đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,82 ha, đất mặt nước chuyên dùng, đất sông 0,22 ha); Tổng số hộ phải giải phóng mặt bằng là 110 hộ; Đã ban hành thông báo thu hồi: 106 hộ; Đã thực hiện công khai dự thảo phương án xét Tái định cư, phương án tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi đối với 106 hộ. Đã phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ban hành quyết định thu hồi đất đối với 27 hộ, tổng diện tích 7104,8 m^2.

c) Thương mại - dịch vụ

Trong năm 2025, hoạt động thương mại trên địa bàn xã diễn ra sôi động, nguồn cung sản phẩm, hàng hóa dồi dào, đa dạng, phong phú, không có tình trạng khan hiếm, tăng giá đột biến; các chợ, cơ sở kinh doanh hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; tham gia hội nghị kết nối tiêu thụ vải chín sớm Phù Cừ năm 2025; tham gia các gian hàng tại hội chợ, phiên chợ do tỉnh tổ chức. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng và buôn bán hàng không rõ nguồn gốc, chống đầu cơ, gây sốt giá tiếp tục được tăng cường; tổ chức kiểm tra 05 cơ sở sản xuất, kinh doanh; qua kiểm tra không phát hiện cơ sở vi phạm. Hiện nay trên địa bàn xã có 26 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và xây dựng; 368 hộ kinh doanh, sản xuất hiệu quả, đã đóng góp một phần vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.

28.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

28.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Công tác rà soát quy mô trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất được thực hiện thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2026 - 2030. Toàn xã hiện có 10 trường công lập gồm: 04 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học, 02 trường Trung học cơ sở, 02 trường Tiểu học và THCS và 01 Trung tâm chính trị xã. Xã hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học 2024-2025 với nhiều tiến bộ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng thực hành, giáo dục pháp luật, phòng chống dịch bệnh, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh,... Chất lượng giáo viên được chú trọng, nâng cao. Xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, chuẩn phổ cập THCS mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được phân luồng vừa học nghề vừa học THPT đạt trên 78%.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các nhà trường được tăng cường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; mua sắm thiết bị dạy học cho các khối lớp

các cấp học; xây dựng mới một số phòng học, phòng học bộ môn; sửa chữa cơ sở vật chất trường lớp học các nhà trường; hầu hết các trường đảm bảo 01 phòng học/lớp; tỉ lệ phòng kiên cố đạt cao. 01 trường đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục mức độ III, đạt chuẩn mức độ II.

Công tác rà soát, quản lý dạy thêm, học thêm; kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục ngoài công lập được thực hiện thường xuyên. UBND xã chỉ đạo rà soát, tổng hợp báo cáo các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; tăng cường quản lý việc tổ chức bán trú, trải nghiệm ngoài nhà trường, trang phục, trang thiết bị, sách vở trong các nhà trường, bảo đảm an toàn thực phẩm và đúng quy định, không để phát sinh tiêu cực. Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, nghiên cứu, đề xuất cụ thể phương án đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho các trường trên địa bàn xã đảm bảo đồng bộ, đầy đủ công năng sử dụng, đạt chuẩn quốc gia theo quy định, phù hợp với quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhu cầu phát triển.

28.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Tiên Tiến đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm Y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân ngày càng được quan tâm. Chủ động giám sát, phát hiện sớm, không để dịch bệnh xảy ra. Tổ chức tiêm chủng mở rộng đạt 100% kế hoạch, đảm bảo an toàn và đúng quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra việc đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn xã; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. Không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Thực hiện các chỉ tiêu về giảm sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản; tỷ lệ các chỉ số cơ bản đạt theo kế hoạch. Ban hành kịp thời các văn bản đình chỉ lưu hành, thu hồi các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, vật tư y tế thuộc danh mục phải thu hồi trên địa bàn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế.

Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 99% dân số. Tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh là 92 nam/109 nữ; tỷ lệ sinh con thứ 3^+ là 22,88 %; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em cân nặng dưới 5 tuổi 8,08 %; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em chiều cao theo tuổi 9,98 %. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%.

28.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Duy trì, nâng cao hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá. Các thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025. Công nhận 14/14 làng đạt làng văn hóa. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, truyền thống cách mạng được triển khai sâu rộng, đa dạng hình thức, nhất là trên các nền tảng số như Cổng thông tin điện tử, fanpage, zalo, hệ thống năm như: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mừng xuân Ất Tỵ 2025; Kỷ niệm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025); Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và quốc tế Lao động 01/5; Chào mừng kỷ niệm 71 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2025); kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7; kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9/2025. Đặc biệt tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, văn bản của Trung ương, Tỉnh về công tác sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Lấy ý kiến nhân dân về sửa đổi Hiến pháp trên ứng dụng VneID. Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh số hóa 06 di tích đã được xếp hạng.

Các thiết chế văn hóa được phát huy tối đa hiệu quả, các phong trào văn hóa, văn nghệ hoạt động mạnh mẽ, góp phần xây dựng và duy trì nếp sống văn minh tại các khu dân cư. Công tác đăng ký, xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa, cơ quan đơn vị văn hóa năm 2025 được tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử của xã, công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương: Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã 6 tháng cuối năm 2025. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số"; tuyên truyền, hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10. Tổ chức triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số" và "Ngày chuyển đổi số quốc gia".

Công tác tuyên truyền cổ động luôn được chú trọng đổi mới về nội dung, đa dạng hoá hình thức như: trên hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử xã, lồng ghép thông qua các hội nghị, cuộc họp; tuyên truyền lưu động, trực quan bằng tranh cổ động, pano, băng zôn, khẩu hiệu... nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tuyên truyền.

28.6.4. An sinh xã hội

Công tác lao động, giải quyết việc làm và đào tạo nghề được triển khai tích cực. Đào tạo nghề ngắn hạn cho trên 700 lao động; tạo việc làm mới cho 400 lao động. Thu thập, cập nhật thông tin người lao động và khảo sát nhu cầu cần tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Hỗ trợ học phí cho trên 100 học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng nghề và học sinh học ngành nghề độc hại với tổng số tiền trên 400 triệu đồng.

Thực hiện kịp thời, đúng, đủ các chế độ chính sách cho 5.690 lượt đối tượng người có công với tổng số tiền trên 18 tỷ đồng; trên 17.200 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, với tổng số tiền trên 14 tỷ đồng. Tổ chức thăm tặng trên 820 suất quà quà các dịp lễ, tết cho các đối tượng với tổng số tiền trên 1.8 tỷ đồng; 8 người trong tổ thu gom rác với tổng số tiền là 789.328.800 đồng; Thực hiện chương trình xoá nhà tạm nhà dột nát trên địa bàn xã đã hỗ trợ xây mới cho 16 hộ với tổng kinh phí 1.760.000.000 đồng; hỗ trợ sửa chữa 22 hộ với tổng kinh phí 1.191.385.000 đồng.

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn lao động và các chương trình mục tiêu giảm nghèo. Tổ chức phát động, quản lý, sử dụng đúng mục đích Quỹ bảo trợ trẻ em và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Thường xuyên kiểm tra, rà soát trợ cấp của các đối tượng hưởng trùng chế độ.

28.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

28.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm của đất nước, địa phương; Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2025. Tham mưu

xây dựng Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng - Quân sự địa phương 6 tháng cuối năm 2025. Tổ chức đón quân nhân xuất ngũ trở về địa phương và gặp mặt động viên tân binh nhập ngũ năm 2025. Giao 50/50 công dân cho các đơn vị Quân đội, Công an đảm bảo 100 chỉ tiêu cấp trên giao. Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho công dân đủ 17 tuổi trong năm là 155 công dân đảm bảo chất lượng, công khai, minh bạch. Thực hiện tốt công tác rà soát nguồn tuyển quân năm 2026, tổ chức Sơ tuyển NVQS cho 148/149 công dân đạt 99%. Huy động huấn luyện dân quân đạt 90% theo kế hoạch, đơn vị đạt khá. Duy trì, bảo quản tốt vũ khí thiết bị không để mất mát, han rỉ. Tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên đạt 100% theo kế hoạch. Xây dựng văn kiện sẵn sàng chiến đấu, tác chiến phòng thủ, Kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan theo đúng hướng dẫn của Bộ CHQS tỉnh. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chế độ thông tin báo cáo cấp trên và phối hợp với các lực lượng thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn trong các dịp lễ, Tết.

Tình hình an ninh chính trị, an ninh tôn giáo, an ninh chính trị nội bộ, an ninh nông thôn ổn định. Duy trì thực hiện tốt phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Tăng cường công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ và phòng cháy, chữa cháy; đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn, nhất là tình hình an ninh nông thôn, quản lý chặt chẽ hoạt động người nước ngoài tại địa phương. Chủ động nắm tình hình an ninh nông thôn, kịp thời xử lý, không để hình thành điểm nóng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

28.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

28.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

28.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Tiên Tiến nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 07 người, chiếm 22,5%; đại học 11 người, chiếm 52,3 %; trình độ khác 03 người, chiếm 14,2%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 12 người, chiếm 57%; trung cấp 7 người, chiếm 33,4%; sơ cấp 01 người, chiếm 4,8%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,8%.

b) Ủy ban nhân dân xã Tiên Tiến có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp

xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 13 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã).

28.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

28.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 362 chỉ tiêu, trong đó có 38 chỉ tiêu công chức, 324 chỉ tiêu viên chức và 32 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Tổng số biên chế công chức, viên chức có mặt: 357 biên chế

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 06 người, chiếm 1,7%; đại học có 304 người, chiếm 85,1%; cao đẳng, trung cấp có 47 người, chiếm 13,1%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 08 người, chiếm 2,3%; trung cấp lý luận chính trị 57 người, chiếm 16%; sơ cấp lý luận chính trị 292 người, chiếm 81,7%.

29. Xã Nghĩa Dân

29.1. Lịch sử hình thành

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cùng với quá trình cải cách hành chính của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, huyện Kim Động có nhiều thay đổi về địa giới và tổ chức hành chính. Trước năm 1955, huyện Kim Động có 14 xã gồm: Hiệp Hòa, Quảng Lãng, Nghĩa Dân, Ngũ Lão, Chính Nghĩa, Hiệp Cường, Phú Cường, Ngọc Thanh, Hùng An, Thống Nhất, Đồng Thanh, Toàn Tiến, Song Mai và Lam Sơn. Ngày 27/01/1968, Quốc hội quyết định hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng, huyện Kim Động thuộc tỉnh Hải Hưng. Sau năm 1975, huyện vẫn duy trì 22 xã hành chính. Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành huyện Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Từ đây, huyện Kim Động không còn tồn tại với tư cách đơn vị hành

chính độc lập trong một thời gian dài. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc sáp nhập hai xã Hiến Nam và Lam Sơn vào thị xã Hưng Yên quản lý.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi. Sau khi tái lập, huyện Kim Động có diện tích tự nhiên 11.633,61 ha và 124.507 nhân khẩu, gồm 20 xã: Bảo Khê, Chính Nghĩa, Đồng Thanh, Đức Hợp, Hiệp Cường, Hùng An, Hùng Cường, Lương Bằng, Mai Động, Nghĩa Dân, Ngọc Thanh, Nhân La, Phạm Ngũ Lão, Phú Cường, Phú Thịnh, Song Mai, Thọ Vinh, Toàn Thắng, Vĩnh Xá và Vũ Xá.

Ngày 22/3/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2002/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn Lương Bằng thị trấn huyện lỵ của huyện Kim Động trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Lương Bằng cũ. Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2003/NĐ-CP về việc sáp nhập xã Bảo Khê vào thị xã Hưng Yên quản lý. Sau điều chỉnh, huyện Kim Động còn lại 11.464,87 ha diện tích tự nhiên và 122.650 nhân khẩu; có 19 đơn vị hành chính gồm thị trấn Lương Bằng và các xã: Nghĩa Dân, Toàn Thắng, Vĩnh Xá, Phạm Ngũ Lão, Thọ Vinh, Đồng Thanh, Song Mai, Chính Nghĩa, Nhân La, Phú Thịnh, Mai Động, Đức Hợp, Hùng An, Ngọc Thanh, Vũ Xá, Hiệp Cường, Phú Cường, Hùng Cường.

Ngày 06/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về việc sáp nhập hai xã Hùng Cường và Phú Cường vào thành phố Hưng Yên quản lý. Sau khi điều chỉnh, huyện Kim Động còn 10.285,30 ha diện tích tự nhiên và 111.417 nhân khẩu, gồm thị trấn Lương Bằng và 16 xã: Toàn Thắng, Nghĩa Dân, Phạm Ngũ Lão, Vĩnh Xá, Đồng Thanh, Thọ Vinh, Phú Thịnh, Đức Hợp, Mai Động, Hùng An, Song Mai, Ngọc Thanh, Hiệp Cường, Chính Nghĩa, Nhân La và Vũ Xá.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đồng Thanh, Vĩnh Xá, Toàn Thắng và Nghĩa Dân thành xã mới có tên gọi là xã Nghĩa Dân và tồn tại cho đến ngày nay.

29.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Nghĩa Dân nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 17 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Nguyễn Trãi và xã Lương Bằng;

- Phía Tây giáp xã Chí Minh;

- Phía Nam giáp xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường;

- Phía Bắc giáp xã Việt Tiến và xã Xuân Trúc.

29.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nghĩa Dân có 23,30 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 6,84 km^2 và đất nông nghiệp là 16,46 km^2.

29.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

29.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Nghĩa Dân có quy mô dân số là 34.828 người, trong đó dân số thường trú là 34.533 người và dân số tạm trú là 295 người.

29.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nghĩa Dân là 20.845 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.370 người, chiếm tỷ lệ 20,96%; lao động công nghiệp và xây dựng là 7.803 người, chiếm tỷ lệ 37,44%; lao động thương mại - dịch vụ là 8.672 người, chiếm tỷ lệ 41,60%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 16.475 người, chiếm tỷ lệ 79,04%.

29.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Nghĩa Dân chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

29.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

29.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất năm 2025 theo giá hiện hành tăng 9,19%. Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng 1,78%, công nghiệp - xây dựng tăng 9,8%, thương mại - dịch vụ tăng 10,61% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,6%/năm.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 33,02%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 56,82% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 10,16% trong cơ cấu kinh tế của xã.

29.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân

sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nghĩa Dân năm 2025 đạt 529,357 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 472,806 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 176,607 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 240,524. Cân đối có dư.

29.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,9 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 73,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

29.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nghĩa Dân là 0,41%, trong đó: năm 2023 là 0,64%, năm 2024 là 0,36%, năm 2025 là 0,06% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

29.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục duy trì ổn định và phát triển. Tổng diện tích gieo cấy lúa năm 2025 đạt 1.006,34 ha, giảm 6,57 ha so với vụ xuân năm 2024. Trong đó, diện tích lúa chất lượng cao đạt 387,37 ha, chiếm 44,75% tổng diện tích gieo cấy lúa vụ xuân, đạt 68,8% kế hoạch đề ra. Công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tiếp tục được quan tâm, góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Sản xuất cây vụ đông đạt kết quả tích cực với tổng diện tích gieo trồng đạt 197,29 ha, đạt 128,95% kế hoạch. Trong đó gồm: ngô 10,3 ha; khoai lang 0,6 ha; khoai sọ 1,2 ha; sắn dây 1 ha; lạc, vừng, đậu tương 10,3 ha; rau các loại 99,71 ha; đậu, đỗ các loại 1,8 ha; hoa các loại 2,7 ha; cây dược liệu 2,33 ha và các loại cây trồng khác 11,97 ha.

- Diện tích cây màu vụ xuân hè đạt 141,81 ha, gồm: ngô 15,4 ha; khoai lang, khoai tây 1,6 ha; lạc, đậu tương 1 ha; rau các loại 162,85 ha; đậu, đỗ các loại 1,4 ha và cây dược liệu 5 ha.

- Các loại cây ăn quả tiếp tục sinh trưởng và phát triển tốt. Tổng diện tích cây ăn quả toàn xã đạt 449,85 ha, trong đó diện tích nhãn, vải 35,84 ha; cây có múi 362,64 ha; chuối 15,37 ha; các loại cây ăn quả khác như ổi, mít, đu đủ, thanh long, hồng xiêm, xoài,… đạt 36 ha. Công tác phòng, chống sâu bệnh hại trên cây trồng được triển khai chủ động, kịp thời, góp phần bảo đảm năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Hoạt động dịch vụ nông nghiệp tiếp tục được quan tâm phát triển. Tổng số HTX nông nghiệp trên địa bàn xã là 11 Hợp tác xã; xã có 17 sản phẩm OCOP được công nhận. Chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định.

Công tác thủy lợi được triển khai khá đồng bộ, tổ chức theo dõi sát diễn biến thời tiết, nguồn nước và chỉ đạo triển khai các giải pháp, vận hành hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, xây dựng được tăng cường. Công tác thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp được quan tâm. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, xã đã tiếp nhận quản lý 175 công trình, dự án. Trong đó, có 15 công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 đã hoàn thành; 03 công trình, dự án tạm dừng thi công để phục vụ công tác sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; 68 dự án đang tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 khu công nghiệp gồm: Khu công nghiệp số 5 với diện tích khoảng 6,17 ha trên địa bàn xã Nghĩa Dân và Khu công nghiệp sạch DĐK với diện tích khoảng 14,5 ha. Đồng thời, UBND tỉnh đã quy hoạch Khu công nghiệp số 4 với quy mô gần 200 ha và 01 cụm công nghiệp hiện hữu là Cụm công nghiệp Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân có tổng diện tích quy hoạch 75 ha, trong đó diện tích thuộc địa bàn xã Nghĩa Dân cũ khoảng 54 ha. Đến nay, công tác giải phóng mặt bằng của cụm công nghiệp đạt 98,67% diện tích; hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thành, hiện có 45 nhà đầu tư đăng ký thuê đất, tương đương 63,18% diện tích cụm công nghiệp.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định và phát triển. Toàn xã hiện có khoảng 80 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chế biến, chế tạo như sản xuất trang phục, thực phẩm; thương mại, dịch vụ vận tải, điện tử, vật liệu xây dựng, sửa chữa máy móc thiết bị,… Bên cạnh đó, có khoảng 620 cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các ngành nghề cơ khí, may mặc, nấu rượu, làm bánh đa, bún, xây dựng dân dụng…, tạo việc làm cho khoảng 450 lao động địa phương.

Công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông tiếp tục được quan tâm thực hiện. Xã đã tiếp nhận, quản lý các tuyến đường huyện cũ theo phân cấp của UBND tỉnh; đồng thời tăng cường quản lý chất lượng công trình, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường đối với các dự án giao thông đang triển khai và khai thác sử dụng.

Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng được triển khai bảo đảm đúng quy định. Trong thời gian qua, xã đã phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 03 dự án; cấp 02 hồ sơ đăng ký giấy phép xây dựng phục vụ triển khai dự án; tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà học đa năng Trường Tiểu học và THCS xã Đồng Thanh; tổ chức hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4. Đồng thời, xã đã tiến hành rà soát, đánh giá các tiêu chí đô thị, đề xuất lập quy hoạch chung đô thị xã Nghĩa Dân và thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Xá (đoạn từ ĐH.74 đến ĐH.73).

c) Thương mại - dịch vụ

Với sự quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của các địa phương, môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn ngày càng được cải thiện, góp phần tạo thêm nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Hoạt động thương mại phát triển đa dạng theo hướng hiện đại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại điện tử; hoạt động vận tải duy trì ổn định, chuỗi cung ứng hàng hóa được bảo đảm thông suốt, góp phần nâng cao giá trị thương mại và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa được chú trọng triển khai và đạt nhiều kết quả tích cực. Giá trị thương hiệu các sản phẩm địa phương từng bước được nâng cao thông qua thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP). Trên địa bàn hiện có 03 chợ truyền thống nông thôn hoạt động hiệu quả; trong đó đã thực hiện cải tạo, nâng cấp chợ Trương Xá với tổng kinh phí trên 12 tỷ đồng. Hệ thống thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng với 02 siêu thị gồm Điện Máy Xanh và WinMart cùng mạng lưới các cơ sở bán lẻ phân bố rộng khắp đến các thôn, khu dân cư.

Các sản phẩm OCOP của địa phương tiếp tục khẳng định chất lượng và thương hiệu trên thị trường. Hiện nay, trên địa bàn có các sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao gồm sản phẩm ngô sấy giòn của Hợp tác xã nông sản công nghệ cao Tâm Đức và sản phẩm giò chả của cơ sở Hùng Nhu; đồng thời có 02 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao là long nhãn và hạt sen sấy giòn của Hợp tác xã nông sản công nghệ cao Tâm Đức.

29.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

29.6.1. Giáo dục - đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Quy mô trường lớp ổn định đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Trang thiết bị dạy học đảm bảo mức tối thiểu theo quy định thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 96%. Công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia học nâng chuẩn; 98,9% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn. 100% các cơ sở giáo dục thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và các hoạt động của nhà trường; duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục của xã: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu

học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; đến nay, toàn xã có 9/11 trường học đạt Chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 81,8%.

29.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Nghĩa Dân đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Hiện tại, trên địa bàn xã có 04 Trạm Y tế với cơ sở vật chất được tập trung đầu tư xây dựng; 100% Trạm Y tế đã có bác sỹ làm việc đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn xã. Trong năm 2025 số lượt khám chữa bệnh tại các Trạm Y tế đạt 15.400 lần khám; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắcxin đạt trên 98%, 100% trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi được uống vitamin.

Công tác giám sát các dịch bệnh truyền nhiễm được tổ chức thực hiện thường xuyên, không để dịch lớn xảy ra. Công tác tuyên truyền các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên, dưới nhiều hình thức phong phú, năm 2025 tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên dưới 1%, tỷ số giới tính là 111 nam/100 nữ. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 8,6%.

Công tác đảm bảo An toàn thực phẩm được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm xã đã tổ chức 03 đợt kiểm tra liên ngành vào các dịp: Tết Nguyên đán - Lễ hội Xuân; Tháng hành động vì chất lượng an toàn thực phẩm; Tết Trung thu. Kết quả kiểm tra được 120 cơ sở, trong đó cơ chấp hành tốt là 115 cơ sở, nhắc nhở 05 cở sở hoàn thiện các giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh của cơ sở.Công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân được quan tâm, chú trọng.

29.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện xây dựng các bản tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, trọng tâm là các văn bản chỉ đạo, điều hành cấp ủy, chính quyền địa phương bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trực quan; tuyên truyền (băng rôn, Pano, khẩu hiệu và các loại cờ…); Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở; trên cổng thông tin điện tử xã… Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" được triển khai rộng khắp trên địa bàn các xã; có 16/17 thôn đạt Làng văn hóa chiếm tỷ lệ 94%;

tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 95,9%. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được tăng cường, trên địa bàn các xã có 40 di tích các loại (theo Danh mục kiểm kê tại Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên), trong đó 07 di tích, cụm di tích quốc gia, 05 di tích, cụm di tích cấp tỉnh. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực.

Phong trào "Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại" tiếp tục được duy trì và phát triển. Đến nay, số người luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 42%, số gia đình luyện tập thể dục, thể thao đạt 31,5%.

29.6.4. An sinh xã hội

Công tác giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 86,2% với 14.608 lao động, trong đó 5.876 lao động có bằng cấp, chứng chỉ nghề, chiếm 34,7%. Chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ.

Các hoạt động an sinh xã hội được triển khai hiệu quả. Đã tổ chức thăm tặng quà cho 772 lượt người có công, gia đình liệt sỹ nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ, 154,4 triệu đồng; tặng quà các gia đình người có công tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh khó khăn:18 gia đình với tổng kinh phí 14.4 triệu đồng. Thăm, tặng quà cho trẻ em trên địa bàn xã nhân dịp Tết Trung thu năm 2025 tại 17 thôn; 04 trường Mầm non trên địa bàn và 34 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với tổng số trẻ em được tặng quà là: 10.245 trẻ, với tổng kinh phí là 362.398.000 đồng.

Xây dựng và triển khai trên diện rộng công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; giảm tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt đuối nước trẻ em. Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, chống tệ nạn xã hội đặc biệt là phòng, chống ma túy, mại dâm.

29.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

29.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng địa phương luôn được cấp ủy, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo môi

trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự năm 2025, UBND xã đã tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an trong nắm bắt tình hình địa bàn, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Công tác giáo dục quốc phòng – an ninh được triển khai thường xuyên, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng và đúng luật. Lễ giao, nhận quân được tổ chức trang trọng, đúng thời gian quy định, đảm bảo 100% chỉ tiêu được giao, chất lượng tân binh ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, xã đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống Dân quân tự vệ, qua đó góp phần giáo dục truyền thống, bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm cho lực lượng vũ trang địa phương. Đồng thời, cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã cũng tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do tỉnh tổ chức sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã tiếp tục được giữ vững ổn định; không phát sinh các vụ việc phức tạp, không hình thành điểm nóng gây bức xúc trong Nhân dân. Công tác phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm và vi phạm pháp luật được tăng cường; các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vụ việc phát sinh, góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được triển khai sâu rộng, gắn với nhiều mô hình tự quản ở cơ sở. UBND xã đã thành lập Tổ công tác Đề án 06, Ban Chỉ đạo vận động giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Ban Chỉ đạo công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; đồng thời kiện toàn và duy trì hoạt động hiệu quả các mô hình tự quản về an ninh trật tự. Trên địa bàn hiện có 17 tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở với tổng số 50 thành viên, thường xuyên phối hợp lực lượng công an xã trong công tác tuần tra, kiểm soát, giữ gìn an ninh trật tự.

Công tác phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện tiếp tục được tăng cường. Các lực lượng chức năng đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, ổn định và lành mạnh trên địa bàn xã.

29.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

29.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng

Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

29.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Nghĩa Dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 07 người, chiếm 22,5%; đại học 11 người, chiếm 52,3 %; trình độ khác 03 người, chiếm 14,2%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 12 người, chiếm 57%; trung cấp 7 người, chiếm 33,4%; sơ cấp 01 người, chiếm 4,8%; chưa qua đào tạo 01 người, chiếm 4,8%.

b) Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Dân có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 13 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã).

29.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

29.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 362 chỉ tiêu, trong đó có 38 chỉ tiêu công chức, 324 chỉ tiêu viên chức và 32 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Tổng số biên chế công chức, viên chức có mặt: 357 biên chế

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 06 người, chiếm 1,7%; đại học có 304 người, chiếm 85,1%; cao đẳng, trung cấp có 47 người, chiếm 13,1%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 08 người, chiếm 2,3%; trung cấp lý luận chính trị 57 người, chiếm 16%; sơ cấp lý luận chính trị 292 người, chiếm 81,7%.

30. Xã Quang Hưng

30.1. Lịch sử hình thành

Theo những nguồn sử liệu cổ xưa, mảnh đất thuộc huyện Phù Cừ ngày nay có lịch sử định cư khá sớm. Đầu công nguyên, mảnh đất này thuộc huyện Cửu Diên, quận Giao Chỉ. Thời Tiền Lê đổi đạo thành lộ, dưới lộ là phủ, dưới phủ là hương, địa bàn của huyện thuộc Khoái Lộ. Sau đó, lại đổi lộ thành châu nên vẫn thuộc Khoái Châu. Vào năm Nhâm Tý (1252), cả nước có 12 phủ, dưới phủ là huyện, vùng đất Phù Cừ hiện nay là huyện Phù Dung thuộc phủ Khoái Châu. Khi nhà Mạc lên ngôi, kiêng tên húy của Mạc Thái Tổ (tức Mạc Đăng Dung) nên đổi tên thành huyện Phù Hoa. Đến thời Lê Trung Hưng lấy lại tên cũ là Phù Dung. Năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) Lê Hiển Tông đổi đạo thành trấn (có thượng trấn và hạ trấn) huyện Phù Dung thuộc phủ Khoái Châu của Sơn Nam thượng trấn. Đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831), tỉnh Hưng Yên được thành lập gồm có phủ Khoái Châu và phủ Tiên Hưng, từ đó huyện Phù Dung là một trong tám huyện của tỉnh Hưng Yên. Đến năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) huyện Phù Dung đổi tên là huyện Phù Cừ. Năm Tự Đức thứ 4 (1858), huyện Phù Cừ được chuyển về phủ Tiên Hưng cùng tỉnh.

Đến tháng 3/1946, các xã mới được thành lập trên cơ sở các làng. Huyện Phù Cừ gồm 15 xã: Ái Quốc, Bội Châu, Chí Minh, Duyên Hà, Kim Anh, Minh Hoàng, Minh Tân, Ngọc Thụ, Nguyên Hòa, Nhật Quang, Quang Hưng, Quang Trung, Quyết Tiến, Tống Trân, Trần Cao. Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Phù Cừ là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Phù Cừ thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 58-CP. Theo đó, hợp nhất hai huyện Phù Cừ và Tiên Lữ thành huyện Phù Tiên. Ngày 17/02/1997, chia lại huyện Phù Tiên thành hai huyện Phù Cừ và Tiên Lữ. Sau khi tái lập, huyện Phù Cừ có 14 xã: Đình Cao, Đoàn Đào, Minh Hoàng, Minh Tân, Minh Tiến, Nguyên Hòa, Nhật Quang, Phan Sào Nam, Quang Hưng, Tam Đa, Tiên Tiến, Tống Phan, Tống Trân, Trần Cao.

Ngày 22/9/2000, Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2000/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, thành lập thị trấn Trần Cao thuộc huyện Phù Cừ trên cơ sở toàn bộ quy mô dân số và diện tích tự nhiên của xã Trần Cao. Lúc bấy giờ huyện Phù Cừ có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Trần Cao) và 13 xã (Đình Cao, Đoàn Đào, Minh Hoàng, Minh Tân, Minh Tiến, Nguyên Hòa, Nhật Quang, Phan Sào Nam, Quang Hưng, Tam Đa, Tiên Tiến, Tống Phan, Tống Trân).

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Trần Cao và các xã Minh Tân, Tống Phan, Quang Hưng thành xã mới có tên gọi là xã Quang Hưng và tồn tại cho đến ngày nay.

30.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Quang Hưng nằm ở phía Đông bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 20 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây giáp xã Đoàn Đào;

- Phía Nam giáp xã Tiên Tiến;

- Phía Bắc giáp xã Nguyễn Trãi và thành phố Hải Phòng.

30.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Quang Hưng có 25,71 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 10,88 km^2, đất nông nghiệp là 14,49 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,34 km^2.

30.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

30.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Quang Hưng có quy mô dân số là 29.562 người, trong đó dân số thường trú là 29.221 người và dân số tạm trú là 341 người.

30.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quang Hưng là 15.300 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.917 người, chiếm tỷ lệ 25,6%; lao động công nghiệp và xây dựng là 8.157 người, chiếm tỷ lệ 53,32%; lao động thương mại - dịch vụ là 3.226 người, chiếm tỷ lệ 21,08%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 11.383 người, chiếm tỷ lệ 74,40%.

30.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Quang Hưng chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 38 và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

30.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

30.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Quang Hưng năm 2025 theo giá hiện hành đạt 1.842,66 tỷ đồng, tăng 9,96% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 734,67 tỷ đồng, tăng 19,00%; thương mại - dịch vụ đạt 724,72 tỷ đồng, tăng 12,00%, nông - lâm - thủy sản đạt 383,27 tỷ đồng, tăng 4,50% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 12,20%, trong đó: năm 2023 tăng 13,03%, năm 2024 tăng 13,62% và năm 2025 tăng 9,96%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 39,33%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 39,87% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 20,80% trong cơ cấu kinh tế của xã.

30.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Quang Hưng năm 2025 đạt 492,15 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 421,07 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 205,56 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển là 179,56 tỷ đồng. Cân đối có dư.

30.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 82 triệu đồng/người/năm.

30.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Quang Hưng là 0,65%, trong đó: năm 2023 là 0,98%, năm 2024 là 0,61%, năm 2025 là 0,07% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

30.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng diện tích gieo trồng 2.044 ha, bao gồm: Diện tích gieo cấy 02 vụ lúa cả năm 1.906 ha, năng suất lúa vụ bình quân cả năm đạt 59,75 tạ/ha, sản lượng ước đạt 11.380 tấn; trồng cây rau màu hè thu, cây công nghiệp ngắn ngày 72 ha; trồng cây vụ đông 66 ha. Toàn xã có khoảng 479,91 ha cây ăn quả, trong

đó nhãn 286,91 ha, vải 123 ha, cây có múi 60 ha, cây ăn quả khác 10 ha; có 25 ha được chứng nhận Vietgap; năng suất nhãn bình quân đạt 15 tấn/ha, sản lượng ước đạt 4.303 tấn; năng suất vải bình quân đạt 8 tấn/ha, sản lượng ước đạt 984 tấn; sản lượng cây có múi và cây ăn quả khác ước đạt 700 tấn (năng suất trung bình đạt 10 tấn/ha). Giá cả các mặt hàng nông sản nhìn chung thấp hơn so với năm trước (giá thu mua thóc tươi dao động từ 8.500 - 10.000 đ/kg, giá vải lai chín sớm dao động từ 15.000 - 25.000 đ/kg, vải trứng từ 100.000 - 150.000 đ/kg, nhãn đặc sản (đường phèn, cùi cổ): 40.000 - 50.000 đ/kg, các giống nhãn khác (Hương Chi, T6, Siêu ngọt) 5.000 - 15.000 đ/kg). Cây có múi đang trong giai đoạn thu hoạch, một số diện tích bị ảnh hưởng do mưa bão. Công tác dự tính, dự báo, phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng được triển khai kịp thời, hiệu quả.

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã phát triển ổn định, có xu hướng phát triển về quy mô đàn, tập trung ở các trang trại, gia trại có đầy đủ điều kiện đảm bảo chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Tổng đàn lợn ước cả năm đạt khoảng trên 13.500 con; tổng đàn trâu, bò 360 con; đàn gia cầm, thuỷ cầm trên 100.000 con. Diện tích nuôi thuỷ sản của xã khoảng 179,84 ha, trong đó diện tích nuôi thâm canh đạt khoảng 90 ha, diện tích ươm nuôi cá giống trên 20 ha; sản lượng cá thịt đạt trên 950 tấn; sản lượng tôm ước đạt 60 - 70 tấn; sản lượng ba ba ước đạt 12 - 13 tấn. Công tác nắm bắt, dự báo, hướng dẫn và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đồng bộ, đạt hiệu quả, nhất là bệnh dịch tả lợn châu Phi. Tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm vụ Thu - Đông năm 2025 theo đúng kế hoạch. Vì vậy, dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát tốt, trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm, chỉ xuất hiện rải rác các bệnh thông thường, đã phát hiện và xử lý kịp thời. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước tính: 383.273 triệu đồng. Giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt 225 triệu đồng/ha.

Công tác thủy lợi, đê điều được triển khai đồng bộ, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ kịp thời cho sản xuất, dân sinh và đảm bảo công tác phòng chống thiên tai, phòng, chống lụt bão úng theo phương châm "4 tại chỗ". Giao kế hoạch nạo vét Đông Xuân 2025 - 2026. Đang đề nghị UBND tỉnh chuyển chủ đầu tư từ UBND huyện Phù Cừ cũ sang xã Quang Hưng để tiếp nhận dự án Tu sửa khẩn cấp công trình cống tưới, tiêu ông Dục dưới đê Bắc Hưng Hải tại thôn Duyệt Lễ từ nguồn Quỹ, phòng chống thiên tai của tỉnh; phối hợp với các thôn kiểm tra, rà soát hiện trạng đê Bắc Hưng Hải ở 9 thôn để lên phương án xử lý các điểm xung yếu.

b) Công nghiệp - xây dựng

Toàn xã có khoảng trên 400 doanh nghiệp lớn, nhỏ và các cơ sở CN - TTCN hoạt động trên các lĩnh vực như: nghề mộc, xây dựng, sản xuất vật liệu

xây dựng, nghề may mặc, gia công cơ khí, sản xuất cung ứng nước ngọt, bia, nước đóng bình góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trên địa bàn. Cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng có quy mô 50,2 ha, quy hoạch xây dựng nhà xưởng 35,1 ha, đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, lành mạnh, thu hút các doanh nghiệp về đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Kết quả đến nay đã thu hút được 03 doanh nghiệp đến đăng ký đầu tư kinh doanh. Cân đối nguồn thu, bố trí vốn, triển khai các dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2025. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng ước tính: 761.011 triệu đồng.

Thực hiện giải phóng mặt bằng 06 dự án trên địa bàn gồm: Dự án cầu Hải Hưng qua sông Chanh kết nối hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương (cũ); dự án xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (Cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng) đến ĐH.85 huyện Phù Cừ; dự án Đường Trần Cao - Minh Tân và kè mái taluy đường ĐT.386 thuộc địa phận thị trấn Trần Cao (cũ); dự án di chuyển trạm bơm Quán Bầu phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường trục trung tâm huyện Phù Cừ (đoạn từ cầu Quán Bầu - ĐT.386 đến đường ĐH.80 - tuyến tránh QL.38); dự án di chuyển đường điện 110 KV, xây dựng trụ sở Công an xã Tống Phan cũ.

Công tác quản lý dự án: Đang triển khai thực hiện 70 công trình, trong đó: Đã thi công hoàn thành: 14 công trình; Đang thi công: 52 công trình; Đã ký hợp đồng, chưa triển khai thi công: 01 công trình; Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu: 02 công trình; Đang thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi: 01 công trình.

c) Thương mại - Dịch vụ

Thương mại và dịch vụ của xã hiện nay tập trung phát triển ở khu vực chợ Đầu Mối nông sản, và các chợ phiên, các khu dân cư mới, dọc đường 38B, 386 Các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ phát triển ngày càng đa dạng hóa. Đến nay trên địa bàn có khoảng trên 1200 hộ kinh doanh cá thể, trong đó từ 01/7/2025 đến nay có thêm 74 hộ đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh, với số vốn đăng ký 12.190 triệu đồng. Hệ thống kinh doanh, thương mại, dịch vụ hình thành và mở rộng, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa, phục vụ hoạt động sản xuất và đời sống của Nhân dân. Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ ước tính: 764.447 triệu đồng.

Công tác phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng và buôn bán hàng không rõ nguồn gốc, chống đầu cơ, gây sốt giá tiếp tục được tăng cường; phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, qua kiểm tra đã tiến hành nhắc nhở các hộ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật.

30.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

30.6.1. Giáo dục - đào tạo

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 với nhiều tiến bộ, nhiều học sinh đạt học sinh giỏi các cấp. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng thực hành, giáo dục pháp luật, phòng chống dịch bệnh, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh... Chất lượng giáo viên được chú trọng, nâng cao. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, chuẩn phổ cập THCS mức độ 3, xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ 2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được phân luồng vừa học nghề vừa học THPT đạt trên 20%.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các nhà trường được tăng cường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; mua sắm thiết bị dạy học, hầu hết các trường đảm bảo 01 phòng học/lớp; tỉ lệ phòng kiên cố đạt cao. Trường Mầm non Tống Phan đang tiến hành xây dựng mới, dự kiến đưa vào sử dụng trong năm học 2025 - 2026. Đến nay, có 11/12 trường đạt chuẩn quốc gia (Trường Mầm non Tống Phan chưa đạt chuẩn).

30.6.2. Y tế

Trạm y tế xã đã thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai nghiêm túc; duy trì đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm theo mùa. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh, không có vụ ngộ độc thực phẩm. Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện hiệu quả, đặc biệt là chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hoạt động tiêm chủng mở rộng được tổ chức đúng lịch, an toàn, không xảy ra tai biến; tỷ lệ trẻ trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt cao. Đã tổ chức uống vitamin A đợt I cho trẻ từ 6 đến 59 tháng tuổi, đạt kết quả tốt. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 6,89%, suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 9,23%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%. Xã tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động hành nghề y, dược tư nhân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, chấn chỉnh các trường hợp vi phạm.

30.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thành lập các Ban Chỉ đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" xã, Ban Chỉ đạo Công tác Gia đình, Ban Quản lý di tích xã. Duy trì, nâng cao hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", nâng cao chất lượng các tiêu chí làng văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa

được đẩy mạnh với sự tham gia tích cực của các hộ dân, qua đó thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng. Kết quả, năm 2025 có 7.465/7.804 hộ đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa", đạt 95,65%; 16/16 thôn được công nhận danh hiệu "Làng văn hóa".

Trên địa bàn xã có 12 di tích và cụm di tích được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp tỉnh. Tổ chức Lễ hội truyền thống các Di tích lịch sử Đình - Chùa trên địa bàn xã an toàn theo nghi lễ truyền thống ở địa phương, đảm bảo trang trọng, an toàn, văn minh. Các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì, phát triển: bóng chuyền hơi, dân vũ, cờ tướng, cầu lông, bóng bàn... tại các thôn, khu dân cư, công sở; phối hợp các ban, ngành đoàn thể tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao nhân các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị của địa phương. Tham gia Liên hoan nghệ thuật Chèo, Ca trù và Trống quân tỉnh Hưng Yên năm 2025, kết quả, đoàn nghệ thuật quần chúng xã đạt 01 tiết mục giải A, 01 tiết mục giải C và đạt giải ba toàn đoàn.

Công tác thông tin, tuyên truyền được tăng cường và đa dạng, tập trung vào các hoạt động mừng Đảng - mừng Xuân Ất Tỵ 2025, các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện kinh tế - xã hội của xã. Đài Truyền thanh xã duy trì phát sóng từ thứ Hai đến thứ Bảy, mỗi ngày 2 buổi, thời lượng từ 20 - 35 phút/chương trình. UBND xã phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên, các trang fanpage của Đảng ủy, MTTQ và các đoàn thể để đưa tin, phản ánh đầy đủ hoạt động của địa phương. Triển khai dự án mua sắm trang thiết bị để nâng cấp hệ thống truyền thanh thông minh của xã nhằm đáp ứng yêu cầu tuyên truyền trong tình hình mới.

30.6.4. An sinh xã hội

Thực hiện kịp thời, đúng, đủ các chế độ chính sách cho các đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã. Tổ chức thăm tặng trên 4.000 suất quà với tổng trị giá trên 2 tỷ 200 triệu đồng cho các đối tượng người có công, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người nghèo, quà mừng thọ người cao tuổi và đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán; thăm tặng quà cho 08 người có công, nhân dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, mỗi suất quà trị giá 1.000.000 đồng; thăm, tặng quà nhân dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 02/9 cho 16 người có công, thân nhân người có công mỗi suất quà trị giá 600.000 đồng và 04 người có công ốm, đau có hoàn cảnh khó khăn mỗi suất quà trị giá 3.000.000 đồng.

Thực hiện Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát; toàn xã đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà tạm, nhà dột nát cho 49 hộ, trong đó: xây mới 25 hộ; sửa chữa 24 hộ; đến nay đã hoàn thành xây mới, sửa chữa nhà ở 49/49 hộ. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, xã đã huy động nguồn lực xã hội hóa trên 220 triệu đồng để hỗ trợ thêm cho các hộ.

Thực hiện mua cấp mới BHYT cho trên 5.000 người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình,... Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn lao động. Ban hành quyết định và thực hiện chế độ hưu trí xã hội cho trên 900 người cao tuổi trên địa bàn. Thành lập Hội đồng xã định mức độ khuyết tật của xã, đã thẩm định, xét công nhận mức độ khuyết tật cho các đối tượng trên địa bàn, đảm bảo công khai, đúng quy định của pháp luật. Công tác lao động, giải quyết việc làm và đào tạo nghề được triển khai tích cực. Đào tạo nghề ngắn hạn cho trên 200 lao động; tạo việc làm mới cho trên 200 lao động. Thu thập, cập nhật thông tin người lao động và khảo sát nhu cầu cần tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Hỗ trợ học phí cho 136 học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng nghề và học sinh học ngành nghề độc hại với tổng số tiền gần 900 triệu đồng.

30.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

30.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng tiếp tục được quan tâm, duy trì; nâng cao hiệu quả trong công tác trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Ban CHQS xã đảm bảo đủ số lượng 04 đồng chí, hiện có 03 đồng chí, còn thiếu 01 đồng chí trợ lý Ban CHQS xã. Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã đã làm tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025, kết quả giao 49/49 thanh niên cho các đơn vị đảm bảo 100% chỉ tiêu giao quân năm 2025. Năm 2026, xã được giao 47 chỉ tiêu giao quân. Xã đã tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự đối với nam công dân đủ 17 tuổi năm 2025, thực hiện đăng ký được 180/180 công dân đạt 100% làm cơ sở tạo nguồn tuyển quân hàng năm; tổ chức khám sơ tuyển cho 150/150 công dân đạt 100% chỉ tiêu điều khám, kết quả 120 công dân đủ điều kiện phát lệnh khám tuyển. Ngày 30/11 đã tổ chức khám tuyển cho 120/120 công dân đạt 100% chỉ tiêu điều khám, tạo tiền đề hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2026. Xây dựng kế hoạch huấn luyện chiến đấu, giáo dục chính trị năm 2025.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững. Duy trì thực hiện tốt phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; nắm chắc địa bàn, tăng cường các biện pháp trấn áp, kiềm chế các loại tội phạm. Tăng cường lực lượng tuần tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định về an toàn giao thông, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Xây dựng xã Quang Hưng không ma tuý giai đoạn 2025 - 2030. Kiện toàn tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở tại 16/16 thôn. Phối hợp với Công an tỉnh hoàn thành và bàn giao nhà cho

bà Nguyễn Thị Chuốt ở thôn Cát Dương vào ngày 29/8/2025 trong thực hiện chương trình chung tay "xóa nhà tạm, nhà dột nát". Phối hợp với UBND xã tổ chức rà soát, cấp phát quà tặng cho nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9. Tiếp tục thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn xã.

30.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

30.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

30.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội).

b) Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

30.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

Cơ quan Ủy ban MTTQ xã là bộ phận nòng cốt, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động của Mặt trận; phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên trong việc triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền.

31. Xã Việt Yên

31.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Yên Mỹ đã có từ rất lâu đời, nằm ở vùng Bãi Sậy của tỉnh Hưng Yên với nhiều tên gọi đã đi vào lịch sử. Ngày 25/02/1890, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập đạo Bãi Sậy, bao gồm 04 huyện: Yên Mỹ, Mỹ Hào, Cẩm Lương và Văn Lâm. Năm 1891, bãi bỏ đạo Bãi Sậy, huyện Yên Mỹ nhập vào tỉnh Hưng Yên.

Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Yên Mỹ với 14 ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Văn Giang và huyện Yên Mỹ thành huyện Văn Yên, với 28 ĐVHC cấp xã trực thuộc. Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Văn Mỹ và 14 xã của huyện Văn Yên thành một huyện lấy tên là huyện Mỹ Văn; hợp nhất huyện Khoái Châu và 14 xã còn lại của huyện Văn Yên thành một huyện lấy tên là huyện Châu Giang. Lúc này, phần lớn huyện Yên Mỹ cũ thuộc huyện Mỹ Văn.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định 56-CP về việc thành lập thị trấn Yên Mỹ thuộc huyện Mỹ Văn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Trai Trang cũ. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Khu vực huyện Yên Mỹ cũ và xã Việt Yên lúc bấy giờ thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và chia các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Mỹ Văn thành 03 huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ; điều chỉnh 5 xã: Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa và Hoàn Long (huyện Châu Giang) về huyện Yên Mỹ. Huyện Yên Mỹ sau khi được thành lập có 9.004,7 ha diện tích tự nhiên và 121.927 nhân khẩu, gồm 17 ĐVHC cấp xã trực thuộc gồm thị trấn Yên Mỹ và các xã: Giai Phạm, Đồng Than, Ngọc Long, Thanh Long, Nghĩa Hiệp, Liêu Xá, Tân Lập, Trung Hưng, Lý Thường Kiệt, Tân Việt, Trung Hòa và 05 xã (thuộc huyện Châu Giang cũ chuyển về) Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa, Hoàn Long.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, thành lập xã Việt Yên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,62 km^2, quy mô dân số là 6.814 người của xã Yên Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,43 km^2, quy mô dân số là 5.544 người của xã Minh Châu và toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,62 km^2, quy mô dân số là 4.875 người của xã Việt Cường. Lúc bấy giờ, khu vực xã Việt Yên ngày nay bao gồm khu vực các xã Yên Phú, Thanh Long và Việt Yên thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày

16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Yên Phú, Thanh Long và Việt Yên thành xã mới có tên gọi là xã Việt Yên và tồn tại cho đến ngày nay.

31.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Việt Yên nằm ở khu vực phía Bắc và là 01 trong 104 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Yên Mỹ;

- Phía Tây giáp xã Hoàn Long;

- Phía Nam giáp xã Triệu Việt Vương và xã Việt Tiến;

- Phía Bắc giáp xã Hoàn Long và xã Nguyễn Văn Linh.

31.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Việt Yên có 24 km^2 diện tích tự nhiên.

31.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

31.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Việt Yên có quy mô dân số là 43.933 người, trong đó dân số thường trú là 42.940 người và dân số tạm trú là 993 người.

31.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Việt Yên là 25.858 người, trong đó: lao động nông - lâm nghiệp - thủy sản là 4.862 người, chiếm tỷ lệ 18,85%; lao động công nghiệp - xây dựng là 15.023 người, chiếm tỷ lệ 58,05%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.973 người, chiếm tỷ lệ 23,10%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 20.996 người, chiếm tỷ lệ 81,15%.

31.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Việt Yên chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, các KCN, CCN, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

31.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

31.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Việt Yên năm 2025 theo giá hiện hành đạt 18.694,49 tỷ đồng, tăng 10,50% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 15.928,36 tỷ đồng; thương mại -

dịch vụ đạt 1.809,47 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 956,66 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 12,30%, trong đó: năm 2023 tăng 12,60%, năm 2024 tăng 13,80% và năm 2025 tăng 10,50%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 14,23%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 79,01% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 6,76% trong cơ cấu kinh tế của xã.

31.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Việt Yên năm 2025 đạt 1.024,19 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 738,31 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 254,71 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 389,47 tỷ đồng. Cân đối có dư.

31.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 66,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,3 triệu đồng/người/năm.

31.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Việt Yên là 0,53%, trong đó: năm 2023 là 0,77%, năm 2024 là 0,44%, năm 2025 là 0,23% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

31.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng diện tích trồng cây hàng năm là 1.722 ha. Diện tích cây ăn quả và thuỷ sản là 565.5 ha. Kết quả gieo cấy vụ Mùa 135.7 ha, đạt 100% diện tích gieo cấy. Thực hiện Kế hoạch trồng cây nhân dân năm 2025, xã đã tổ chức trồng 450 cây, đạt 112% kế hoạch. Duy trì và nâng cấp chất lượng 11 sản phẩm OCOP đã được công nhận trên địa bàn xã. Phối hợp với Xí nghiệp KTCTTL quan tâm chú trọng tới công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất. Phối hợp các thôn chỉ đạo nhân dân tập trung chăm sóc cây ăn quả, rau màu, lúa phát triển.

Tập trung tuyên truyền hướng dẫn nhân dân nâng cao nhận thức và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch. Triển khai ký cam kết tới các hộ chăn nuôi, lập danh sách các hộ kinh doanh, chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm, cấp thuốc tiêu độc khử trùng tới các thôn tổ chức phun đường làng ngõ xóm. Tháng 7/2025, trên địa bàn xã xuất hiện 01 hộ có lợn bị dương tính với dịch tả Châu phi là 230 con, với khối lượng 7.950 kg. Xã đã thực hiện ngay công tác khoanh vùng, cách ly, phun thuốc khử khuẩn và rắc vôi bột toàn bộ trong ngoài trại lợn, lối đi và khu vực hố tiêu hủy, cắm cọc, căng dây và cắm biển cảnh báo hố tiêu

hủy lợn theo quy định, khống chế thành công không để lây lan. Năm 2025, tổng đàn vật nuôi gia súc, gia cầm và so với cùng kỳ năm 2024: trâu, bò 994 con, tăng 160 con; lợn 12.128 con, tăng 2.292 con; gia cầm 265.000 con, giảm 3.000 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 792 tấn, tăng 132 tấn. Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 35 ha, giảm 2,5 ha; tổng số trang trại trên địa bàn xã vẫn duy trì là 23 trang trại (21 chăn nuôi; 01 tổng hợp và 01 trồng trọt).

Công tác thủy lợi tưới, tiêu, phòng chống lụt bão được đảm bảo. Tổng khối lượng thực hiện nạo vét Đông Xuân năm 2025 là 14.570 m^3; trục vớt rau bèo trên các tuyến kênh mương là 12.000 m^3. Công tác phòng chống lụt bão được quan tâm và bảo đảm triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành ứng phó thiên tai. UBND xã thành lập Ban chỉ huy phòng thủ dân sự xã để kịp thời triển khai công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn. Xây dựng Kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm trong quản lý đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, đê điều trên địa bàn xã. Công tác giải tỏa theo Kế hoạch 93a của UBND tỉnh được thực hiện thường xuyên. Đã thực hiện công tác tuyên truyền, vận động xử lý giải tỏa 22/22 điểm vi phạm trên địa bàn.

b) Công nghiệp - xây dựng

- Thực hiện phát triển Cụm công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; hiện nay trên địa bàn xã có 02 Cụm Công nghiệp được UBND tỉnh Quyết định thành lập bao gồm: CCN Minh Châu - Việt Cường và CCN Làng nghề Thụy Lân, với tổng diện tích 59,52 ha, hiện đang phối hợp với chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, công trình sau tiếp nhận bàn giao từ huyện, ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện và 03 xã cũ:

UBND xã Việt Yên tiếp nhận bàn giao từ huyện cũ, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện cũ tổng số 21 nhiệm vụ, công trình, dự án chuyển giao; tiếp nhận bàn giao từ 03 xã cũ: Việt Yên, Thanh Long, Yên Phú tổng số các nhiệm vụ, công trình, dự án là 233 dự án, công trình và bổ sung 05 nhiệm vụ, công trình đầu tư xây dựng mới. Đến nay, đã thực hiện phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật 04 công trình là: cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Minh Châu; cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Yên Hòa; cải tạo sân vườn và các hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc UBND xã Việt Yên; bảo dưỡng, sửa chữa sân điểm trường cơ sở 1 trường tiểu học Yên Phú. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thanh Long (tuyến thôn Thụy Lân và thôn Long Vỹ); phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382; phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Khóa Nhu 1, xã Việt Yên. Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư công trình nội thất nhà làm việc xã Việt Yên và điều chỉnh lập Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu đô thị Việt Yên (trước là Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Hưng Yên đến

năm 2045). Chấp thuận tổng mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất máy bơm nước Ánh Dương.

- Hệ thống giao thông tiếp tục được quan tâm, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của xã. Tập trung giải tỏa các điểm vi phạm hành lang an toàn giao thông.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp - xây dựng phát triển khá mạnh. Đặc biệt, xã có làng nghề mộc mỹ nghệ và dân dụng, chạm khắc gỗ thôn Thụy Lân với 250 hộ; Làng nghề miến dong thôn Lại Trạch với 24 hộ được UBND tỉnh công nhận, hoạt động khá hiệu quả. Các hộ sản xuất đã thường xuyên cải tiến áp dụng khoa học, kỹ thuật đưa vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm mũi nhọn có thương hiệu, cung cấp sản phẩm ra thị trường trong nước và ngoài nước, được nhiều khách hàng ưa chuộng. Ngoài ra trên địa bàn xã còn có nhiều ngành nghề khác như chế biến lương thực thực phẩm, sửa chữa cơ khí, nghề lề...thu hút nhiều lao động tham gia.

c) Thương mại - Dịch vụ

Thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển mạnh mẽ. Toàn xã hiện có 2.320 hộ kinh doanh thương mại dịch vụ, tăng 114 hộ so với cùng kỳ năm 2024. Đẩy mạnh tuyên truyền các hộ kinh doanh trên địa bàn chủ động cài đặt hệ thống thu tiền bằng máy tự động; phát triển mạng lưới chợ, đặc biệt là các điểm chợ có trong quy hoạch chưa được đầu tư xây dựng tiến hành thực hiện đầu tư. Các đơn vị và nhân dân thực hiện tốt công tác chuẩn bị hàng hóa, bình ổn thị trường, phục vụ tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và nhu cầu của người dân. Hiệu quả từ lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đã đóng góp lớn vào tổng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và làm cho diện mạo xã ngày càng đổi mới. Hạ tầng lưới điện và viễn thông được đầu tư đảm bảo đủ công suất cung cấp cho nhu cầu về sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của nhân dân.

31.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

31.6.1. Giáo dục - đào tạo

Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên. Cơ sở vật chất trường học tiếp tục đươc quan tâm đầu tư. Ngành giáo dục xã tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản để hoàn thành năm học 2024 - 2025 với chủ đề "Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương". Sau khi sáp nhập, trên địa bàn xã có 02 trường THPT; 11 trường học công lập do xã quản lý đó là: 05 trường mầm non, 01 trường tiểu học; 01 trường THCS; 04 trường TH&THCS. Có 09/11 trường do xã quản lý đạt chuẩn quốc gia.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của xã không ngừng phát triển và nâng cao, các trường tiếp tục triển khai thực hiện 10 nhóm nhiệm vụ và 5 giải pháp cơ bản, tích cực hưởng ứng phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học" và

đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Kết quả đánh giá cuối năm các cháu 5 tuổi đến lớp đạt 100%, học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 99,4%, học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 98,1%.

Chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026, triển khai công tác điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ phục vụ cho khai giảng và thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026; cập nhật phần mềm hệ thống thông tin quản lý giáo dục phân hệ xã, phường. Cập nhật học bạ số với cấp tiểu học và trung học cơ sở; hướng dẫn thực hiện công tác BHYT năm học 2025 - 2026; tăng cường công tác đảm bảo an toàn trường học, công tác quản lý bán trú trong nhà trường; hướng dẫn các đơn vị cập nhật dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý giáo dục, chỉ đạo các đơn vị tổ chức ăn bán trú. Tăng cường công tác đảm an ninh an toàn trường học. Ban hành quyết định thành lập Trung tâm học tập cộng đồng xã. Hướng dẫn các đơn vị trường học triển khai các khóa học bình dân học vụ số theo chỉ đạo của UBND xã. UBND xã thành lập đoàn kiểm tra việc tổ chức dạy thêm, học thêm tại các trung tâm, sơ sở đăng ký kinh doanh. Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải tài khoản cho lãnh đạo các trường học, triển khai thanh toán học phí và các khoản thu bằng cách không dùng tiền mặt.

31.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Việt Yên đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm, chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc các văn bản của Trung ương, của Tỉnh. 5/5 Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tập trung chỉ đạo các Trạm y tế thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn; trong năm có 10.111 lượt người đến khám bệnh tại trạm. Công tác tiêm chủng mở rộng, y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh; chỉ đạo việc giám sát, thu hồi sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khoẻ; thu hồi các loại thuốc tân dược giả, không đúng thành phần công bố, lưu hành thuốc, mỹ phẩm lưu hành không đảm bảo chất lượng. Triển khai đăng ký nhu cầu cán bộ y tế về Trạm Y tế UBND xã. Xây dựng kế hoạch tổ chức Tết trung thu năm 2025 trên địa bàn; kế hoạch triển khai phòng chống dịch bệnh trên địa bàn xã. Tăng cường kiểm soát việc sản xuất, kinh doanh, quảng cáo sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ. Thực hiện rà soát,

chuyển mã hưởng bảo hiểm trợ cấp xã hội cho 265 người sang mã hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của nhà nước, điều chỉnh 478 hồ sơ hưởng chính sách trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP.

31.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Năm 2025 Ủy ban nhân dân xã xây dựng, ban hành, triển khai và tổ chức thực hiện các kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao như: tuyên truyền mừng Đảng - mừng xuân Ất Tỵ năm 2025; tuyên truyền các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh, của xã, treo trên 10 nghìn cờ Tổ quốc, Đảng kỳ, Hồng kỳ, 106 băng rôn khẩu hiệu, 560 pano áp phích chào mừng Đại hội Đảng bộ xã và các sự kiện trọng đại của đất nước; tổ chức liên hoan văn nghệ chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I và kỷ niệm kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống lực lượng CAND tuyên truyền ngày truyền thống các ngành; Đại hội thi đua yêu nước; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt nam và Đại hội Hội CCB, Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân,…Trong 05 tháng sau sáp nhập, xã chỉ đạo Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội (nay là Trung tâm dịch vụ tổng hợp) bám sát các nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới các tầng lớp nhân dân. Tập trung tuyên truyền công tác quản lý đất đai, sáp nhập các đơn vị hành chính. Đã xây dựng và đăng tải 280 nội dung tin bài, 780 tin nhanh, 96 chương trình phát thanh trên nền tảng Cổng thông tin điện tử xã, trang fanpage xã, truyền thanh cơ sở xã.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử của các di tích trên địa bàn xã đặc biệt là các di tích được Nhà nước xếp hạng. Tổng hợp báo cáo đánh giá thực trạng công tác đầu tư tu bổ, chống xuống cấp di tích trên địa bàn. Thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn xã. Xây dựng và ban hành các quyết định thành lập, quy chế hoạt động của các Ban chỉ đạo, để thực hiện nhiệm vụ: phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và Ban quản lý các di tích trên địa bàn xã. Phát động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng dân cư. Các câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền hơi, bóng bàn, câu lạc bộ dân vũ tại các thôn ngày càng phát triển, thu hút được nhiều thành viên tham gia. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 93%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 100%; tỷ lệ làng văn hóa đạt 100%. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 70%; số gia đình tập luyện thể dục thể thao đạt 60%.

Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý Hành chính nhà nước xã Việt Yên; UBND xã

đã thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính tại xã, Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã Việt Yên. Thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Việt Yên, Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã. Triển khai nắm bắt tình hình Nhân dân và dư luận xã hội về Đại hội Đảng các cấp; tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Chuyển đổi số, chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Xã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số và thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Việt Yên để giải quyết những vấn đề trong thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 và cải cách hành chính trên địa bàn xã.

31.6.4. An sinh xã hội

Thực hiện kịp thời, đúng, đủ các chế độ chính sách cho các đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã. Tiếp nhận, giải quyết 16 hồ sơ thôi hưởng trợ cấp xã hội; quyết định hỗ trợ chi phí mai táng cho 21 đối tượng là người cao tuổi, người khuyết tật, trợ cấp hưu trí kịp thời, đúng quy định. Tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công và chính sách an sinh xã hội. Chi trả trợ cấp hàng tháng cho 576 đối tượng người có công với tổng số tiền là 18,1 tỷ đồng; chi trả trợ cấp mai táng phí người có công là 21 người, với số tiền 509 triệu đồng; chi trả trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 447 người với số tiền là 626 triệu đồng; chi trợ cấp thanh niên xung phong 07 người với số tiền 37,8 triệu đồng. Nhân ngày thương binh liệt sĩ (27/7/2025), UBND xã đã tổ chức thăm, tặng quà với 849 suất quà trị giá 92 triệu đồng.

31.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

31.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được triển khai tổ chức thực hiện một cách toàn diện; duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; tiếp nhận và giải quyết các chế độ chính sách tại trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xã giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; làm tốt các bước

trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, kết quả đã bàn giao 77/77 thanh niên cho các đơn vị, đạt 100% chỉ tiêu giao. Tiếp tục kiện toàn củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quân sự ở cơ sở. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương năm 2025. Thành lập Ban chỉ huy phòng thủ dân sự xã, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã. Hội đồng giáo dục Quốc phòng, An ninh, Ban chỉ đạo phòng không nhân dân năm 2025 và ra Quyết định phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng Quốc phòng, An ninh cho cán bộ đối tượng 4 năm 2026. Tổ chức phúc tra rà soát nguồn tuyển quân năm 2026, đã bàn giao quyết định gọi sơ tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2026 cho 545 thanh niên. Kết quả, có 519 thanh niên lên sơ tuyển, số thanh niên chưa lên sơ tuyển Ban chỉ huy quân sự xã đã thành lập đoàn đi lập biên bản để xử lý theo quy định. Kiện toàn biên chế cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã; cán bộ, chiến sỹ đơn vị Dân quân tự vệ năm 2025 với quân số là 592 đồng chí.

Công an xã chủ động nắm tình hình phát hiện sớm và tham mưu xử lý nhanh, kịp thời, dứt điểm các vụ việc phức tạp, đông người tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh trật tự, các vụ việc là cơ hội để đối tượng xấu và các thế lực thù địch lợi dụng gây bất ổn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, kịp thời phát hiện các vấn đề liên quan đến an ninh trật tự ở cơ sở để giải quyết, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng, vi phạm trong quản lý đất đai,… Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước.

31.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

31.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

31.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Việt Yên nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 23 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 06 người, chiếm 26,1%; đại học 12 người, chiếm 52,2%; trung cấp 04 người, chiếm 17,4%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,3%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 10 người, chiếm 43,5%; trung cấp 09 người, chiếm 39,1%; sơ cấp 02 người, chiếm 8,7%; chưa qua đào tạo 02 người, chiếm 8,7%.

b) Ủy ban nhân dân xã Việt Yên có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế; 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; 01 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

31.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

31.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 560 biên chế trong đó có 53 biên chế cán bộ công chức, 507 biên chế viên chức và 36 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt là 486 biên chế; trong đó 48 biên chế là cán bộ công chức của các cơ quan chuyên môn và 438 biên chế của đơn vị sự nghiệp; 02 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 17 người, chiếm 3,49%; đại học có 410 người, chiếm 84,36%; cao đẳng, trung cấp có 59 người, chiếm 12,14%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 7 người, chiếm 1,44%; trung cấp lý luận chính trị 86 người, chiếm 17,69%; sơ cấp lý luận chính trị 229 người, chiếm 41,12%.

32. Xã Hoàn Long

32.1. Lịch sử hình thành

Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP chia huyện Mỹ Văn thành 03 huyện: Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ và điều chỉnh 05 xã: Minh Châu, Biệt Cường, Yên Phú, Yên Hòa và Hoàn Long thuộc huyện Châu Giang về huyện Yên Mỹ quản lý; chia huyện Châu Giang thánh 02 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Yên Mỹ có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: Giai Phạm, Đồng Than, Ngọc Long, Thanh Long, Nghĩa

Hiệp, Liêu Xá, Tân Lập, Trung Hưng, Lý Thường Kiệt, Tân Việt, Trung Hòa, Minh Châu, Việt Cường, Yên Phú, Yên Hòa, Hoàn Long và thị trấn Yên Mỹ. Huyện Khoái Châu có 25 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc: Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tư, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến và thị trấn Khoái Châu.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính các cấp năm 2025, khu vực xã Hoàn Long lúc bấy giờ bao gồm khu vực xã Đông Tảo thuộc huyện Khoái Châu và xã Đồng Than, xã Hoàn Long thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đông Tảo, Đồng Than và Hoàn Long thành xã mới có tên gọi là xã Hoàn Long và tồn tại cho đến ngày nay.

32.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Hoàn Long nằm ở phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 34 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Nguyễn Văn Linh;

- Phía Tây giáp xã Mễ Sở;

- Phía Nam giáp xã Triệu Việt Vương và xã Việt Yên;

- Phía Bắc giáp xã Văn Giang và xã Nghĩa Trụ.

32.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hoàn Long có 19,58 km^2 diện tích tự nhiên.

32.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

32.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hoàn Long có quy mô dân số là 33.415 người, trong đó dân số thường trú là 32.620 người và dân số tạm trú là 795 người.

32.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hoàn Long là 17.835 người, trong đó: lao động nông,

lâm nghiệp và thủy sản là 4.780 người, chiếm tỷ lệ 26,8%; lao động công nghiệp và xây dựng là 11.553 người, chiếm tỷ lệ 65,78%; lao động thương mại - dịch vụ là 1.502 người, chiếm tỷ lệ 8,42%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 13.055 người, chiếm tỷ lệ 73,20%.

32.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Hoàn Long chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm của các xã cũ và dọc theo các trục đường chính đi qua địa bàn.

32.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

32.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Hoàn Long năm 2025 theo giá hiện hành đạt 13.686,15 tỷ đồng, tăng 14,89% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 10.940,77 tỷ đồng, tăng 16,44%; thương mại - dịch vụ đạt 1.701,66 tỷ đồng, tăng 9,38%, nông - lâm - thủy sản đạt 1.043,72 tỷ đồng, tăng 8,71% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 12,50%, trong đó: năm 2023 tăng 12,43%, năm 2024 tăng 12,49% và năm 2025 tăng 12,58%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 7,62%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 79,95% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 12,43% trong cơ cấu kinh tế của xã.

32.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Hoàn Long năm 2025 đạt 982,485 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 474,238 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 171,73 tỷ đồng. Cân đối có dư.

32.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 64,1 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 70,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,1 triệu đồng/người/năm.

32.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hoàn Long là 0,46%, trong đó: năm 2023 là 0,81%, năm 2024 là 0,52% và năm 2025 là 0%.

32.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng diện tích đất nông nghiệp của xã là 1.066,28 ha gồm: 304,25 ha trồng lúa, 108 ha trồng hoa, cây cảnh, 485,57 ha cây ăn quả và 100,48 ha cây màu vụ xuân. Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng Nông thôn mới nâng cao; chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, có giá trị gia tăng, năng suất cao; chuyển từ đầu tư theo quy mô sang đầu tư tập trung chiều sâu, áp dụng công nghệ cao, phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả VietGap, rau an toàn, gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, bảo đảm yêu cầu hiện đại - hiệu quả - bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển mạnh, hoạt động thương mại - dịch vụ duy trì ổn định và có hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực như chế biến nông sản, hàng gia dụng, vật liệu xây dựng,…; khu chợ đầu mối Đông Tảo và chợ Đồng Than là điểm giao thương lớn, sôi động, cung ứng khối lượng hàng hóa cho nhân dân trong và ngoài xã, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho Nhân dân trên địa bàn.

Năm 2025 triển khai thực hiện 148 dự án, với tổng số vốn được giao là 650,2 tỷ đồng, trong đó:

- 136 dự án chuyển từ các xã cũ sang là 370,3 tỷ đồng, ước giải ngân 309,7 tỷ đồng, đạt 289,4% kế hoạch và dự kiến đến 31/12/2025 giải ngân vốn đầu tư công vốn xã làm chủ đầu tư được 101,65/107 tỷ đồng đạt 95% so với kế hoạch.

- 12 dự án chuyển từ huyện cũ về xã với tổng vốn được giao 279,9 tỷ đồng, giải ngân 135 tỷ đồng, đạt 48,2% kế hoạch.

32.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

32.6.1. Giáo dục - đào tạo

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy, chất lượng hổ cập giáo dục được nâng lên hàng trăm. Hàng năm đạt phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đạt mức độ 3; xóa mù chữ đạt mức độ 2, là mức độ cao nhất trong phổ cập giáp dục và xóa mù chữ.

Xã quản lý 07 trường học, trong đó 5/7 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 71,4%, chất lượng giáo dục tiếp tục nâng cao. Năm học 2024-2025 đã huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,4%, học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 đạt 96%.

32.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Hoàn Long đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Cơ sở hạ tầng của trạm y tế xã được đầu tư xây dựng mới, sữa chữa, nâng cấp đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch. Trong năm đã tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được 09 cơ sở; Quản lý 25 cơ sở dược và 8 cơ sở y tư nhân; Cơ quan y tế đang quản lý 18 người nhiễm HIV/AIDS, trong đó có 14 người đang điều trị ARV; Tổ chức tiêm chủng cho trẻ dưới 6 tuổi đạt 98%, trẻ 6-36 tháng tuổi được uống vitamin A đạt 100%, cấp phát thuốc thường xuyên cho 63 bệnh nhân tâm thần kinh. Trên địa bàn xã có 3/3 điểm Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030.

32.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng, ban hành, triển khai và thực hiện các kế hoạch năm 2025 tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và tuyên truyền mừng Đảng - mừng xuân Ất Tỵ năm 2025; tuyên truyền các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh, của xã. Hệ thống truyền thanh hoạt động ổn định, phát 20 - 25 lượt tin/bài mỗi tuần và hơn 100 tin, phóng sự/năm. Trong năm đã có 96,94% hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, 100% thôn đạt danh hiệu văn hóa; tổ chức được 10 chương trình văn nghệ lớn và 66 chương trình trong các khu dân cư. Phong trào thể dục, thể thao được phát triển rộng khắp tại 15 thôn, 70% người dân và 60% hộ gia đình tham gia tập luyện thường xuyên. Có 02/15 thôn đã xây dựng nghĩa trang đồng bộ, 100% cơ sở thôn đã xây dựng hương ước làng.

32.6.4. An sinh xã hội

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho Nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách

ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đúng, đủ. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân liệt sỹ, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết được thực hiện kịp thời. Công tác xét duyệt các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội được thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch, đúng đối tượng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người có công và thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng, bảo trợ xã hội đăng ký sử dụng dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt. Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo thực hiện; kết quả thực hiện các chế độ cho 1.635 đối tượng bảo trợ xã hội; giải quyết 498 hồ sơ hưu trí, 21 hồ sơ trợ cấp xã hội, 32 hồ sơ hỗ trợ mai táng phí; rà soát. Ngoài ra từ nguồn xã hội hóa, tính từ ngày 01/7/2025 xã đã hỗ trợ được 101 hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 237.800.000 đồng.

32.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

32.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác Quân sự, Quốc phòng địa phương được triển khai tổ chức thực hiện một cách toàn diện; duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; tiếp nhận và giải quyết các chế độ chính sách tại trụ sở Ban CHQS xã. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xã giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; làm tốt các bước trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, kết quả đã bàn giao 52/52 thanh niên cho các đơn vị, đạt 100% chỉ tiêu giao. Tiếp tục kiện toàn củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quân sự ở cơ sở. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tổ chức phúc tra rà soát nguồn tuyển quân năm 2026, đã bàn giao quyết định gọi sơ tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2026 cho 184 thanh niên. Kết quả, ngày 14/12 tổ chức khám được 177/184. Kiện toàn biên chế cán bộ Ban CHQS xã; cán bộ, chiến sỹ đơn vị Dân quân tự vệ năm 2025 với quân số là 441 đồng chí.

Công an xã chủ động nắm tình hình phát hiện sớm và tham mưu xử lý nhanh, kịp thời, dứt điểm các vụ việc phức tạp, đông người tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh trật tự, các vụ việc là cơ hội để đối tượng xấu và các thế lực thù địch lợi dụng gây bất ổn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, kịp thời phát hiện các vấn đề liên

quan đến an ninh trật tự ở cơ sở để giải quyết, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng, vi phạm trong quản lý đất đai,… Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước. Trong năm, trên địa bàn xã xảy ra 63 vụ việc các loại về an ninh trật tự, vi phạm về kinh tế, chức vụ tham nhũng; vi phạm về pháp luật môi trường vệ sinh an toàn thực phẩm; vi phạm tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông. Công an xã Hoàn Long đã khởi tố 09 vụ, xử phạt hành chính 49 vụ, chuyển đơn vị khác 02 vụ và đang xác minh, làm rõ 03 vụ. Triển khai tốt Đề án 06, Công an xã phối hợp cấp đổi thẻ đảng 1.077/1.078 đảng viên, đạt tỷ lệ 99,9%; kích hoạt định danh điện tử mức 2 cho 20.714/25.098, đạt tỷ lệ 82,53%, kích hoạt định danh tổ chức 156/204, đạt tỷ lệ 76,5%.

32.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

32.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

32.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Hoàn Long nhiệm kỳ 2026 - 2021 là 23 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 06 người, chiếm 26,1%; đại học 12 người, chiếm 52,2%; trung cấp 04 người, chiếm 17,4%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,3%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 10 người, chiếm 43,5%; trung cấp 09 người, chiếm 39,1%; sơ cấp 02 người, chiếm 8,7%; chưa qua đào tạo 02 người, chiếm 8,7%.

b) Ủy ban nhân dân xã Hoàn Long có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế; 01 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; 01 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

32.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

32.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 560 biên chế trong đó có 53 biên chế cán bộ công chức, 507 biên chế viên chức và 36 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt là 486 biên chế; trong đó 48 biên chế là cán bộ công chức của các cơ quan chuyên môn và 438 biên chế của đơn vị sự nghiệp; 02 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 17 người, chiếm 3,49%; đại học có 410 người, chiếm 84,36%; cao đẳng, trung cấp có 59 người, chiếm 12,14%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 7 người, chiếm 1,44%; trung cấp lý luận chính trị 86 người, chiếm 17,69%; sơ cấp lý luận chính trị 229 người, chiếm 41,12%.

32.8.5. Tổng số người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn xã là 28 người, có 25 người đã xin nghỉ giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (trong đó 23 người đã được giải quyết và đã nhận kinh phí hỗ trợ, 02 người mới làm hồ sơ gửi tỉnh xem xét phê duyệt); 01 người bố trí làm hợp đồng theo Nghị định 111; 02 người bố trí là người hoạt động không chuyên trách ở thôn. Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn là 50 người; người tham gia trực tiếp công việc ở thôn là 111 người.

33. Xã Nguyễn Trãi

33.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Ân Thi là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành một huyện lấy tên là Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành

Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, sáp nhập 02 xã: Lam Sơn và Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi) vào thị xã Hưng Yên quản lý. Ngày 27/01/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Ân Thi thuộc huyện Ân Thi trên cơ sở xã Thổ Hoàng và 4,43 ha diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 ha diện tích tự nhiên với 520 nahan khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 ha diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lăng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng và có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Ân Thi) và 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Ân Thi lúc bấy giờ là 01 trong 06 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm: 01 thị trấn (Ân Thi), 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Văn Nhuệ vào xã Đa Lộc. Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đặng Lễ, Cẩm Ninh, Đa Lộc và Nguyễn Trãi thành xã mới có tên gọi là xã Nguyễn Trãi và tồn tại cho đến ngày nay.

33.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Nguyễn Trãi nằm ở phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 34 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây giáp các xã Lương Bằng, Nghĩa Dân, Xuân Trúc;

- Phía Nam giáp các xã Hồng Quang, Quang Hưng;

- Phía Bắc giáp xã Ân Thi.

33.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nguyễn Trãi có 30,68 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 9,95 km^2, đất nông nghiệp là 20,71 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,02 km^2.

33.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

33.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Nguyễn Trãi có quy mô dân số là 30.646 người, trong đó dân số thường trú là 30.433 người và dân số tạm trú là 213 người.

33.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nguyễn Trãi là 16.014 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.954 người, chiếm tỷ lệ 24,14%; lao động công nghiệp và xây dựng là 10.541 người, chiếm tỷ lệ 66,41%; lao động thương mại - dịch vụ là 1.520 người, chiếm tỷ lệ 9,49%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 12.148 người, chiếm tỷ lệ 75,86%.

33.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ 38 và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

33.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

33.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Nguyễn Trãi năm 2025 theo giá hiện hành đạt 22.716,28 tỷ đồng, tăng 13,18% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 14.765,58 tỷ đồng, tăng 13,84%; thương mại - dịch vụ đạt 2.155,77 tỷ đồng, tăng 16,51%, nông - lâm - thủy sản đạt 5.794,93 tỷ đồng, tăng 13,84% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 12,37%, trong đó: năm 2023 tăng 11,48%, năm 2024 tăng 12,45% và năm 2025 tăng 13,18%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương

mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 9,49%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 63,47% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27,04% trong cơ cấu kinh tế của xã.

33.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nguyễn Trãi năm 2025 đạt 870,80 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 762,19 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 217,88 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 429,62. Cân đối có dư.

33.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 73,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,0 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

33.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nguyễn Trãi là 0,53%, trong đó: năm 2023 là 0,82%, năm 2024 là 0,43%, năm 2025 là 0,21% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

33.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Xã tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2025, gieo cấy đúng khung thời vụ. Năm 2025, tổng diện tích toàn xã gieo cấy lúa vụ Xuân là 1.618,82 ha, vụ Mùa là 1.618,82 ha, đạt 100% kế hoạch, nhân dân trong xã tập trung gieo cấy và hoàn thành gieo cấy trong khung lịch thời vụ. Lúa chất lượng cao chiếm 70 - 75% diện tích (gồm các giống Nếp thơm Hưng Yên, ĐH12, Tiền Hải,…), năng suất đạt 5,9 tấn/ha/vụ, tổng sản lượng 19.102 tấn. Cơ giới hóa được áp dụng ở toàn bộ các khâu làm đất, thu hoạch, tỷ lệ diện tích lúa được cấp bằng mạ khay đang dần được nâng cao. Diện tích cấy bằng máy cấy đạt tỷ lệ khoảng 30% diện tích toàn xã (cấy bằng máy cấy nhiều nhất ở các thôn Nhân Vũ, Mễ Xá, Văn Trạch, Cổ Lễ,…). Hiện nay lực lượng dong dẫn nước đang tổ chức lõng ải để chuẩn bị cày bật đất vụ Đông Xuân năm 2025 - 2026.

Ngành chăn nuôi duy trì ổn định. chăn nuôi gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, đàn gia súc, gia cầm được tiêm phòng đầy đủ, giám sát chặt chẽ dịch bệnh. Số lượng trâu, bò, lợn toàn xã có khoảng 8.642 con; số lượng gia cầm, toàn xã có 143.451 con. Ủy ban nhân dân xã tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc môi trường với diện tích 50.000 m^2 tại các khu chăn nuôi, nơi có nguy lây lan bệnh dịch cơ cao, nơi họp chợ,… Tổ chức đăng ký vắc xin và tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc gia cầm vụ Thu - Đông, đã thực hiện tiêm phòng bệnh Tụ huyết trùng và bệnh Dịch tả lợn cho 5.900 con, tiêm phòng bệnh Tụ huyết trùng trên trâu bò cho 390 con. Đã tổ chức triển khai tiêm phòng 75.000 liều vắc xin Cúm gia cầm cho đàn gia cầm, đây là nhiệm vụ trọng tâm

đang được ưu tiên để phòng ngừa các chủng virus cúm nguy hiểm, đặc biệt trong điều kiện thời tiết chuyển mùa.

Nuôi trồng thủy sản vẫn giữ ổn định, không có dịch bệnh xảy ra. Các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục đa dạng về cơ cấu giống nuôi trồng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật phòng, trị bệnh cho động vật thủy sản. Toàn xã có diện tích 112,09 ha nuôi trồng thủy sản, cho thu nhập ổn định.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trên địa bàn xã phát triển ổn định, doanh thu khá đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của xã, tăng thu nhập cho người lao động. Hiện tại trên địa bàn xã có 07 dự án cụm công nghiệp, cụ thể: 02 dự án CCN đã đi vào hoạt động: CCN Quảng Lãng - Đặng Lễ, CCN Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân; 03 dự án CCN đang triển khai thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật: CCN Kim Động, CCN Chính Nghĩa, CCN Đặng Lễ; 01 dự án đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: CCN Đa Lộc; 01 CCN vừa được UBND tỉnh Quyết định thành lập: CCN Văn Nhuệ. Thực hiện trình UBND tỉnh điều chỉnh quyết định thành lập đối với CCN Quảng Lãng - Đặng Lễ.

Thực hiện tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám (KCN Tân Á Đại Thành), với tổng diện tích 198,39 ha, trong đó diện tích trên địa bàn xã Nguyễn Trãi khoảng 92,5 ha, thuộc địa phận các thôn Anh Nhuệ, Văn Nhuệ và Văn Trạch. Hiện tại, dự án đã có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên), đang chuẩn bị công tác giải phóng mặt bằng theo quy định.

Công tác quản lý xây dựng được chỉ đạo quyết liệt; công trình xóa nhà tạm, nhà ở dột nát cho các hộ chính sách, hộ nghèo trên địa bàn xã được đẩy nhanh hoàn thiện sớm hơn so với kế hoạch; các dự án, các công trình công cộng, nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã, Công an, Quân sự, các Trạm y tế, các trường học trên địa bàn xã được đẩy nhanh tiến độ. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và quản lý trật tự xây dựng. Chỉ đạo tập trung giải ngân vốn đầu tư công. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo rà soát, đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026; thực hiện nghiêm túc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Trong năm 2025, UBND xã tiếp nhận 35 dự án chuyển Chủ đầu tư từ UBND huyện Ân Thi cũ với tổng số vốn ngân sách tỉnh là 247.706 triệu đồng, cụ thể: Theo các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 319/QĐ-UBND ngày 16/7/2025; số 632/QĐ-UBND ngày 20/7/2025 là 22 công trình, dự án, trong đó có 13 dự án đã hoàn thành, 07 dự án đang thi công dở dang, 02 dự án

đang hoàn thiện hồ sơ. Quyết định 1179/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên: 13 dự án hoàn thành.

Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 06 dự án với số kế hoạch vốn năm 2025 là 14.600 triệu đồng (theo các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 2789/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 và số 1698/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên) đang thực hiện thi công hoàn thiện khối lượng giải ngân.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã tương đối ổn định, hàng hóa đa dạng, phong phú về chủng loại, mẫu mã, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, nhất là trong dịp lễ, Tết Nguyên đán. Uỷ ban nhân dân xã kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh, an toàn thực phẩm, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng dịp Tết trung thu và Tết Nguyên đán 2025. Uỷ ban nhân dân xã chỉ đạo các thôn tiến hành rà soát các cơ sở kinh doanh, buôn bán sản phẩm từ nông, lâm nghiệp, các sản phẩm từ động vật, tổ chức cho các hộ ký cam kết an toàn thực phẩm cho các hộ đặc biệt các hộ giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn. Phối hợp cùng đoàn kiểm tra liên ngành của Sở kiểm tra an toàn thực phẩm tại Chợ Đìa và Chợ Cầu Ngọc trên địa bàn phát hiện 01 hộ kinh doanh buôn bán rau củ tại Chợ Đìa có hàm lượng Nitrat vượt mức quy định. Đã gửi thông báo và yêu cầu hộ ký cam kết an toàn thực phẩm và không được nhập hàng của cơ sở cũ trong những lần tiếp theo.

33.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

33.6.1. Giáo dục - đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên, kỷ cương nền nếp trong các hoạt động giáo dục được nâng cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, dự giờ việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Năm học 2025 - 2026, toàn xã hiện tại có 330 giáo viên với 5.276 học sinh ở các cấp học. Trong đó: Mầm non là 1.261 học sinh, tiểu học là 1.006 học sinh, THCS là 826 học sinh và TH&THCS là 2.183 học sinh. 100% các trường học chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cho năm học mới theo hướng dẫn của các cấp; 100% học sinh ra lớp đúng độ tuổi, duy trì kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; đẩy mạnh phong trào thi đua "Dạy tốt - học tốt - quản lý tốt".

33.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Nguyễn Trãi đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ

sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Trên địa bàn xã có 05 Trạm y tế với 33 biên chế; đã hoàn thành việc cấp đổi dấu trong tháng 8/2025. Đã khám và chữa bệnh cho người dân, tiêm vacxin trong chương trình mở rộng đảm bảo theo kế hoạch và chỉ tiêu đạt 99%, uống vitamin A cho các cháu đạt 100% các cháu trong độ tuổi, tỷ lệ hộ dùng nước sạch trên địa bàn xã đạt 100%. Các trạm y tế xã chủ động ban hành các Kế hoạch phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã. Tăng cường công tác giám sát các cơ sở hành nghề y ngoài công lập; yêu cầu các cơ sở kinh doanh thuốc, sử dụng những thuốc cấm lưu hành, các thực phẩm, mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc không có số đăng ký, những thuốc bị thu hồi do không đạt các tiêu chuẩn theo quy định hoặc có phản ứng có hại. Hiện chưa phát hiện thuốc cấm lưu hành trên địa bàn xã. Trên địa bàn xã không có ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra, tuyên truyền cho nhân dân về an toàn thực phẩm (dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân 2025).

Đẩy mạnh công tác truyền thông, dân số kế hoạch hóa gia đình, duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tiếp tục thực hiện Đề án ‘‘Phát triển y tế cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030’’. Công tác kiểm soát dịch bệnh tại 5/5 trạm y tế được tăng cường, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo trong công tác phòng, chống dịch bệnh theo mùa. Quản lý chặt chẽ công tác hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn xã, thường xuyên có tin bài trên hệ thống loa truyền thanh của thôn, xã.

33.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; tuyên truyền cho Nhân dân công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã; các hoạt động chào mừng kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng xuân Ất Tỵ, tặng quà Tết gia đình chính sách, hộ nghèo; Lễ giao nhận quân 2025, lễ hội mùa xuân; công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án; công tác cải cách hành chính, chính quyền điện tử, Đề án 06; tuyên truyền ngày 30/4, 01/5 giải phóng miền Nam, chiến thắng Điện Biên Phủ, 78 năm ngày 27/7 thương binh liệt sỹ, tuyên truyền kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, công tác tuyên truyền cho ngày kỉ niệm lớn cuối năm; phối hợp với công

an xã tuyên truyền, tổ chức chương trình "Việt Nam cùng tiến bước thực hiện 1000 bước chân", tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân chủ động phòng chống cơn bão số 5.

Tăng cường công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích; tổ chức các Lễ hội truyền thống trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của các tầng lớp Nhân dân. Tiến hành rà soát các di tích trong danh mục kiểm kê, lập kế hoạch ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho di tích xuống cấp nghiêm trọng.

Lắp mới 16 cụm loa thông minh ở 14 thôn thuộc hai khu vực Đặng Lễ và Văn Nhuệ cũ. Đối với các khu vực còn lại là: Nguyễn Trãi, Đa Lộc và Cẩm Ninh cũ, Ủy ban nhân dân xã cũng đã cho sửa chữa lại đường dây, hệ thống, loa để đảm bảo thu - phát, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân. Đài truyền thanh của xã đã sử dụng bộ thiết bị tích hợp tự động để kết nối các cụm loa có dây, cụm loa không dây FM với cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông để thiết lập thành 01 đài truyền thanh của đơn vị hành chính mới. Nhìn chung, hệ thống bước đầu đã đáp ứng một phần nhu cầu thông tin của người dân. Ngoài ra, Trung tâm còn viết trên 90 tin, bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử và các trang mạng xã hội phục vụ nhu cầu nắm bắt thông tin của Nhân dân. Tổ chức treo băng rôn, cờ, khẩu hiệu tại các tuyến đường chính, các trụ sở làm việc của xã nhân kỉ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I,…

32.6.4. An sinh xã hội

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đúng, đủ. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân liệt sỹ, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết được thực hiện kịp thời. Cụ thể:

- Tặng quà của Chủ tịch nước cho 1.049 đối tượng với số tiền 319,8 triệu đồng, tặng quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Hưng Yên cho 1.043 đối tượng với số kinh phí 938,7 triệu đồng. Thực hiện tốt công tác thăm, tặng quà cho người có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ nhân dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025), cụ thể: Tặng quà của Chủ tịch nước cho 1045 người với số tiền 318.600.000 đồng, tặng quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Hưng Yên cho 1.040 người với tổng kinh phí 936 triệu đồng, tặng quà của Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Nguyễn Trãi cho 30 người với tổng kinh phí 21.000.000 đồng.

- Thực hiện chi trả: Trợ cấp thường xuyên cho người có công với cách mạng và thân nhân cho khoảng 572 người với số tiền trên 21 tỷ đồng; trợ cấp Mai táng phí, trợ cấp một lần cho thân nhân người có công, cựu chiến binh, thanh niên xung phong đã từ trần theo quy định cho trên 65 người với tổng kinh

phí trên 1,4 tỷ đồng; trợ cấp thờ cúng liệt sĩ năm 2025 cho khoảng 630 người với số tiền trên 800 triệu đồng; chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe cho 212 người có công với cách mạng; trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình niên hạn 2025 cho 12 người với số tiền 35,220,000 đồng; trợ cấp ăn thêm ngày lễ tết theo quy định cho 5 người có công với cách mạng với số tiền 13.000.000 đồng; chế độ thăm viếng mộ liệt sĩ cho 02 người với số tiền 3.540.000 đồng; chế độ ưu dãi giáo dục đào tạo theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ cho 06 người với số tiền trên 25 triệu đồng. Thực hiện chế độ cấp bù học phí cho các đối tượng theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Chính phủ với số tiền khoảng trên 100 triệu đồng.

- Thực hiện mua thẻ BHYT cho khoảng 477 đối tượng người có công với số tiền trên 600 triệu đồng; 161 đối tượng thân nhân người có công với số tiền trên 200 triệu đồng; 164 đối tượng thân nhân liệt sỹ với số tiền trên 200 triệu đồng; 1.162 đối tượng cựu chiến binh, thanh niên xung phong tham gia kháng chiến với số tiền trên 1,4 tỷ đồng.

- Thực hiện việc đề nghị cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công cho 20 người theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; di chuyển hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng cho 05 người. Thực hiện chế độ chính sách đối với 04 cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; Nghị định số: 67/2025/NĐ-CP; 34 người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; giải quyết chế độ chính sách cho 01 người theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Về lĩnh vực bảo trợ xã hội: Ban hành 846 quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP; 1.011 quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 176/2025/NQ-CP.

33.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

33.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Duy trì và thực hiện nghiêm các chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác bảo đảm đúng quy định; thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh nông thôn, nhất là trong những ngày lễ, tết, diễn ra các sự kiện trọng đại của Đảng, Nhà nước và dân tộc. Đã huy động, huấn luyện được:

157 đồng chí dân quân tự vệ, 100% đạt loại khá; 30 đối tượng, cán bộ của Tiểu đoàn Bộ binh tham gia huấn luyện tại Trung đoàn 126 - Ban chỉ huy Quân sự tỉnh. Phối hợp tuyên truyền: Công tác tuyển sinh quân sự rộng rãi trên truyền thanh của xã; các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện chính trị của Đảng, đất nước, Quân đội, địa phương,... nhất là dịp kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9,... Duy trì nghiêm chế độ nền nếp đối thoại dân chủ; thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí trang bị kỹ thuật, chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí trang bị kỹ thuật chặt chẽ, không để xảy ra cháy nổ, bảo đảm an toàn tuyệt đối về mọi mặt. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025 được tổ chức thực hiện chặt chẽ đúng Luật Nghĩa vụ quân sự, đảm bảo chỉ tiêu trên giao cụ thể như sau: Tổ chức bàn giao giao nhận quân năm 2025 đảm bảo trang nghiêm, đúng nghi lễ, nhanh gọn, bàn giao 50 thanh niên đạt 100% chỉ tiêu công dân nhập ngũ cho các đơn vị. Đồng thời, tổ chức tiếp nhận, đăng ký, quản lý quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; tổ chức rà soát đăng ký tuổi 17 báo cáo nguồn tuyển quân theo đúng quy định. Tổ chức tổng kết công tác tuyển quân, công tác giáo dục quốc phòng quân sự địa phương năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026.

Tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn xã, an ninh nông thôn cơ bản ổn định. Chủ động nắm bắt tình hình, giải quyết ổn định các vụ việc xảy ra ảnh hưởng đến công tác đảm bảo an ninh chính trị tại địa phương. Trong năm 2025, trên địa bàn xã đã xảy ra 25 vụ việc vi phạm pháp luật trong đó có 18 vụ về ma tuý (03 vụ khởi tố, 15 vụ xử phạt hành chính), 02 vụ việc vi phạm trật tự quản lý kinh tế; 05 vụ việc vi phạm về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tình hình tai nạn an toàn giao thông trên địa bàn xã đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức, ý thức của cán bộ và nhân dân về chấp hành các quy định của pháp luật bảo đảm tai nạn an toàn giao thông được nâng lên. Tổ chức lễ ra quân triển khai "xã Nguyễn Trãi không ma túy" và đề xuất UBND tỉnh công nhận xã đạt tiêu chí "xã không ma túy năm 2025".

33.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

33.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

33.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Nguyễn Trãi nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 06 người, chiếm 28,57%; đại học 13 người, chiếm 61,90%; trung cấp 01 người, chiếm 4,76%; trình độ khác 01 người, chiếm 4,76%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 11 người, chiếm 52,38%; trung cấp 05 người, chiếm 23,81%; sơ cấp 03 người, chiếm 14,29%; chưa qua đào tạo 02 người, chiếm 9,52%.

b) Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 15 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục; 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp.

33.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

33.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 471 chỉ tiêu, trong đó có 47 chỉ tiêu công chức, 386 chỉ tiêu viên chức và 38 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 07 người, chiếm 1,5%; đại học có 367 người, chiếm 77,9%; cao đẳng, trung cấp có 43 người, chiếm 20,6%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 05 người, chiếm 1,06%; trung cấp lý luận chính trị 67 người, chiếm 14,2%; sơ cấp lý luận chính trị 260 người, chiếm 55,2%.

34. Xã Xuân Trúc

34.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Ân Thi là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành một huyện lấy tên là Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, sáp nhập 02 xã: Lam Sơn và Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi) vào thị xã Hưng Yên quản lý. Ngày 27/01/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Ân Thi thuộc huyện Ân Thi trên cơ sở xã Thổ Hoàng và 4,43 ha diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 ha diện tích tự nhiên với 520 nahan khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 ha diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lăng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng và có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Ân Thi) và 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Ân Thi lúc bấy giờ là 01 trong 06 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm: 01 thị trấn (Ân Thi), 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vân Du, Xuân Trúc và Quảng Lãng thành xã mới có tên gọi là xã Xuân Trúc và tồn tại cho đến ngày nay.

34.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Xuân Trúc nằm ở phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 34 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Ân Thi;

- Phía Tây giáp xã Việt Tiến;

- Phía Nam giáp xã Nghĩa Dân và xã Nguyễn Trãi;

- Phía Bắc giáp xã Yên Mỹ và xã Phạm Ngũ Lão.

34.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Xuân Trúc có 20,04 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 10,40 km^2, đất nông nghiệp là 9,63 km^2 và đất chưa sử dụng là 0,01 km^2.

34.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

34.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Xuân Trúc có quy mô dân số là 25.698 người, trong đó dân số thường trú là 25.337 người và dân số tạm trú là 361 người.

34.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Xuân Trúc là 14.882 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2.609 người, chiếm tỷ lệ 17,53%; lao động công nghiệp và xây dựng là 9.367 người, chiếm tỷ lệ 62,94%; lao động thương mại - dịch vụ là 2.906 người, chiếm tỷ lệ 19,53%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 12.273 người, chiếm tỷ lệ 82,47%.

34.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Xuân Trúc chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã các xã cũ trước khi sắp xếp, các KCN, CCN, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

34.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

34.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Xuân Trúc năm 2025 theo giá hiện hành đạt 11.358,14 tỷ đồng, tăng 11,55% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 8.961,57 tỷ đồng, tăng 14,30%; thương mại - dịch vụ đạt 1.517,45 tỷ đồng, tăng 12,60%, nông - lâm - thủy sản đạt 879,12 tỷ đồng, tăng 10,05% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 11,45%, trong đó: năm 2023 tăng 10,35%, năm 2024 tăng 13,74% và năm 2025 tăng 11,55%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 13,36%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 78,90% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 7,74% trong cơ cấu kinh tế của xã.

34.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Xuân Trúc năm 2025 đạt 399,49 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 392,36 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 139,63 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 124,53 tỷ đồng. Cân đối có dư.

34.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 73,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,0 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

34.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Xuân Trúc là 0,66%, trong đó: năm 2023 là 1,22%, năm 2024 là 0,41%, năm 2025 là 0,15% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

34.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã năm 2025 đạt 1.538,5 ha, trong đó: diện tích lúa vụ Xuân 2025 là 786,5 ha, đạt 106% kế hoạch, trong đó diện tích lúa chất lượng cao là 560 ha, chiếm 71,2% diện tích gieo cấy; diện tích lúa vụ Mùa là 752 ha, đạt 103% kế hoạch, trong đó lúa chất lượng cao là 670,4 ha, chiếm 89% diện tích gieo cấy. Năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, cụ thể năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 63 tạ/ha, sản lượng lúa cả năm ước đạt 9.709 tấn. Toàn xã có 79,9 ha diện tích cây ăn quả, sản lượng ước đạt 1.404 tấn. Tiếp tục truyên truyền, hướng dẫn người dân trồng cây vụ Đông trong khung lịch thời vụ. Đến nay, trồng được khoảng 11,3 ha cây vụ Đông như su hào, cải, khoai tây,...

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã ổn định. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm, kiểm soát tốt, không có dịch bệnh xảy ra. Hiện nay, đàn trâu, bò ước 420 con, đạt 102% kế hoạch; đàn lợn ước đạt 3.950 con, đạt 104% kế hoạch; đàn gia cầm ước trên 110 nghìn con, đạt 95% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 60 ha, sản lượng thủy sản thu hoạch ước đạt 714 tấn. Sản phẩm nuôi trồng phần lớn vẫn là những giống cá trắm, chép, trôi, rô phi,... cho năng suất cao, có giá trị thị trường.

Tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc gia cầm năm 2025 đảm bảo đúng kế hoạch và hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi; thực hiện tốt các biện

pháp an toàn sinh học, chủ động chống nóng cho đàn gia súc, gia cầm. Tổ chức phun 530 lít thuốc khử trùng chuồng trại chăn nuôi, đường làng, ngõ xóm, khu kinh doanh, chợ, bãi rác,...

Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã (nay là Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự xã) chỉ đạo công tác giải tỏa dòng chảy, tháo nước tại các hệ thống sông, kênh mương chính, kênh mương nội đồng, nước tại khu vực sản xuất nông nghiệp, chặt hạ cây có nguy cơ gãy đổ,… Kiểm tra công trình trước bão tuyến đê dài 2 km tại thôn Tượng Cước; tu sửa, chèn cống qua đê để đảm bảo nước sông Điện Biên không xâm nhập vào nội đồng khi có mưa lớn. Thực hiện nghiêm túc chế độ trực và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, lực lượng, vật tư phòng chống bão, sẵn sàng triển khai, ứng cứu khi có bão đổ bộ vào theo phương châm 4 tại chỗ. Sau bão trên địa bàn xã không có thiệt hại về người, nhà cửa, các công trình...., tổ chức tổng vệ sinh, phun thuốc khử khuẩn tại các thôn, trường học để đảm bảo việc sinh hoạt, học tập bình thường.

Thực hiện Kế hoạch nạo vét Đông Xuân 2025 - 2026, UBND xã chỉ đạo phòng chuyên môn xây dựng Kế hoạch nạo vét Đông Xuân năm 2025 - 2026 với tổng khối lượng nạo vét tiểu thuỷ lợi nội đồng (kênh mặt ruộng) huy động nhân dân tự làm là 6.800m^3; nạo vét kênh mương do UBND xã quản lý là 11.667 m^3.

b) Công nghiệp - xây dựng

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát khắc phục, thay thế các biển chỉ dẫn giao thông khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Trong năm, toàn xã thực hiện nâng cấp, duy tu, sửa chữa trên 8,5 km đường giao thông trong dự án đầu tư công. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thi công xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn. Trong năm, triển khai thực hiện mới 21 công trình, đưa vào bàn giao, sử dụng 31 công trình, dự án hoàn thành.

Hiện trong toàn xã còn 15 công trình, dự án đang thực hiện thi công, gồm có: Công trình cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn 1 từ nhà ông Trúc đến ngã ba nhà ông Chìu thôn Cù Tu, đoạn 2 từ ngã ba nhà ông Thát thôn Trúc Đình đến ngã ba nhà ông Năng thôn Trúc Lẻ; Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Xuân Nguyên; Công trình cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ trạm y tế xã đến nhà ông Tốt thôn Trúc Lẻ); Công trình nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ -Trường THCS Vân Du; Công trình cải tạo, sửa chữa chợ Kênh xã Vân Du và các hạng mục phụ trợ; Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Bình Câu, xã Quảng Lãng; Công trình cải tạo, nâng cấp đường giao thông (từ nhà bà Nết thôn Bình Cầu đến đường 38 mới; Tuyến nhánh từ ngã ba trường cấp 2 đền cầu Bình Hồ); Công trình cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quảng Lãng (đoạn qua các thôn Ngô Xá và Bình Cầu); Công trình trường mầm non Quảng Lãng (hạng mục: Xây mới dãy nhà 2 tầng phục vụ bố trí các phòng học và các phòng chức năng); Công trình trường

mầm non Quảng Lãng (hạng mục: San nền, nhà ăn, PCCC và các hạng mục phụ trợ khác); Công trình trường TH&THCS Quảng Lãng (hạng mục: Xây mới dãy nhà 2 tầng phục vụ bố trí các phòng học và các phòng chức năng); Công trình cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 cũ đến ĐT.384); Công trình xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Vân Du; Dự án hạ tầng kỹ thuật KDC mới xã Quảng Lãng. Các dự án trên đang được triển khai, thi công đảm bảo an toàn, cơ bản đáp ứng tiến độ.

c) Thương mại - dịch vụ

Lượng hàng hoá cung cấp và lưu thông trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân, giá cả cơ bản ổn định, lượng hàng hóa tiêu dùng không bị khan hiếm; hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng phi pháp được kiểm duyệt chặt chẽ, bảo đảm an toàn thực phẩm. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh, an toàn thực phẩm, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng.

34.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

34.6.1. Giáo dục - đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên, kỷ cương nền nếp trong các hoạt động giáo dục được nâng cao. Năm học 2024 - 2025 tổng số học sinh từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 hoàn thành chương trình lớp học là 2046/2047 học sinh, đạt 99,95 %; chưa hoàn thành có 01 học sinh, chiếm 0.05%. Xét tốt nghiệp học sinh Tiểu học đạt 100%. Thi học sinh giỏi lớp 6, 7, 8 cấp huyện có 18/38 học sinh được công nhận học sinh giỏi. Thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện có 14/22 học sinh được công nhận học sinh giỏi. Thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh đạt 04 giải. Xét công nhận tốt nghiệp THCS cho 340/340 học sinh, đạt 100%. Tham gia các cuộc thi do Bộ GDĐT tổ chức đều đạt giải. Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 công lập là 204 em, đạt 60%; THPT dân lập là 84 em, Trung tâm Giáo dục nghệ nghiệp - Giáo dục thường xuyên 47 học sinh, Cơ điện Thuỷ lợi 01 học sinh, Cao đẳng Tô Hiệu 01 học sinh, không đi học 03 học sinh; 39 học sinh trúng tuyển cao đẳng, đại học.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên được tăng cường; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đối với các cấp học đạt cao. Toàn ngành có 234 người (220 cán bộ quản lý, giáo viên và 14 nhân viên). Số cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn 217/220 người, đạt 98,6%; trên chuẩn là 72/220 người, đạt 32,7%.

Công tác kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia được tăng cường. Toàn xã có 8/8 trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt 100%. 8/8 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100%. Chất lượng phổ cập giáo dục luôn được duy trì; công tác phân luồng học sinh sau THCS đạt kết quả tốt. Tiếp tục duy trì và đảm bảo vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Chỉ đạo các nhà trường tổ chức Lễ khai giảng năm học mới 2025 - 2026 và triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH và THCS theo đúng kế hoạch. Phối hợp với Công an xã tổ chức triển khai công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học và phòng chống bạo lực học đường; ký kết quy chế phối hợp hoạt động các Cụm liên kết an toàn đảm bảo an ninh trật tự lấy trường học làm trung tâm trên địa bàn xã.

34.6.2. Y tế

Xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Xuân Trúc đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ bản ổn định, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các trạm y tế xã đã xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bảo đảm thường trực 24/24 giờ, sẵn sàng tiếp nhận, cấp cứu, khám chữa bệnh, xử lý kịp thời các tình huống y tế phát sinh. Các trạm Y tế trên địa bàn xã đã quản lý 100% số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng, thực hiện lập danh sách, theo dõi, giám sát chặt chẽ. Tính đến thời điểm báo cáo đã có 334 trẻ dưới 1 tuổi đã được tiêm chủng đầy đủ các mũi theo quy định. Trong năm, không xảy ra tai biến nặng trong tiêm chủng, bảo đảm tuyệt đối an toàn, tạo được niềm tin của người dân.

Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra công tác Vệ sinh an toàn thực phẩm, ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng tại 31 cơ sở trong dịp Tết Trung thu trên địa bàn xã; Đoàn đã lập biên bản, nhắc nhở một số cơ sở vi phạm, còn bày bán một số mặt hàng quá hạn sử dụng,… Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành công tác dược, mỹ phẩm; kết quả kiểm tra tại 12 cơ sở y, dược tư nhân hầu hết các cở sở đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định. Đoàn kiểm tra tiếp tục thực hiện kiểm tra tại các cơ sở y, dược tư nhân trên địa bàn xã.

Công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được tiến hành thường xuyên, liên tục, phấn đấu mở rộng và không ngừng tăng tỷ lệ bảo hiểm y tế so với kế hoạch tỉnh giao. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình có nhiều cố gắng, đảm bảo duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%.

34.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về văn hoá, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin truyền thông từ xã xuống cơ sở. Tổ chức tuyên truyền Kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh, của xã được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tổ chức thành công Lễ hội trong năm 2025, đặc biệt Tuyên truyền Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Xuân Trúc lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025). Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống an toàn, tiết kiệm đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của Nhân dân. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên để triển khai dự án tu bổ, chống xuống cấp di tích Đình Bình Cầu với tổng mức đầu tư 450.000.000 đồng; dự án tu bổ, chống xuống cấp di tích Đình Tượng Cước với tổng mức đầu tư 900.000.000 đồng. Ban quản lý di tích kiểm tra, rà soát thực trạng các cơ sở tín ngưỡng nhất là các di tích xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn.

Tình hình hoạt động của Trang thông tin điện tử xã: Trang thông tin điện tử cấp xã duy trì hoạt động ổn định, đảm bảo công tác thông tin, tuyên truyền tại địa phương. Tổng cộng đã đăng tải 225 tin bài, 362 văn bản chỉ đạo, điều hành từ UBND xã và các phòng ban chuyên môn. Đài truyền thanh xã đã biên tập 100 chương trình và trên 726 tin bài và tiếp âm đài truyền thanh của tỉnh để truyền tải kịp thời các chủ chương chính sách của Đảng, pháp của Nhà nước các văn bản của địa phương đến với nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả công khai thông tin và phục vụ người dân.

33.6.4. An sinh xã hội

Chi trả chế độ thường xuyên cho các đối tượng chính sách đầy đủ, kịp thời theo quy định. Hiện nay, tổng số đối tượng người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng là 385 đối tượng với kinh phí chi trả 1.233.395.000 đồng/tháng (trong đó: chi trả qua tài khoản là 350 đối tượng, kinh phí 1.127.707.000 đồng; chi trả bằng tiền mặt là 35 đối tượng, kinh phí 105.688.000 đồng). Kể từ khi sáp nhập địa phương đã thực hiện chi trả 4.986.963.000 đồng cho đối tượng người có công, thân nhân người có công.

Lập hồ sơ đề nghị chi trả chế độ thờ cúng liệt sĩ cho 238 đối tượng thân nhân liệt sĩ, với số tiền 459.200.000đ Lập tờ trình kèm danh sách thương binh, bệnh binh 81% đề nghị cấp kinh phí ăn thêm ngày Lễ, tết đối với 06 đối tượng. Lập danh sách đưa 24 người có công, thân nhân liệt sĩ đi điều dưỡng người có công năm 2025. Lập Tờ trình đề nghị cấp kinh phí điều dưỡng, phục hồi sức khỏe năm 2025 tại nhà cho 22 đối tượng người có công, thân nhân liệt sĩ với số tiền 55.222.200 đồng. Hướng dẫn, tiếp nhận và chuyển 36 hồ sơ trong đó 18 hồ sơ người có công từ trần; 11 hồ sơ đề nghị chuyển chế độ thờ cúng liệt sĩ, 04 hồ sơ đề nghị cấp đổi Bằng Tổ quốc ghi công, 04 hồ sơ điều chỉnh thông tin

thân nhân người có công. Thực hiện chi trả trợ cấp 01 lần cho 02 người có công với số tiền 61.527.000 đồng. Tổ chức tốt việc thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, gia đình liệt sỹ, thương binh, người có công, người nhiễm chất độc da cam nhân dịp tết Nguyên đán và Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7. Tổ chức phối hợp với Công an xã để thu thập dữ liệu phục vụ cho công tác lấy mẫu ADN đối với thân nhân liệt sĩ.

Thực hiện chi trả an sinh xã hội tổng số đối tượng BTXH, Trợ cấp hưu trí xã hội chi trả trợ cấp thường xuyên là 1329 người với tổng kinh phí 1.036.250.000 đồng/tháng (trong đó: chi trả qua tài khoản là 1304 đối tượng, kinh phí 1.013.000.000 đồng; chi trả bằng tiền mặt là 25 đối tượng, kinh phí 23.250.000 đồng). Kể từ khi sáp nhập địa phương đã chi trả 4.162.750.000 đồng cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, hưu trí xã hội. Tiếp nhận 34 hồ sơ đề nghị giải quyết mai táng cho người hưởng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội với số tiền đã chi 340.000.000 đồng. Tham mưu ban hành 743 Quyết định cho người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025. Ban hành Quyết định cho 28 đối tượng thôi hưởng trợ cấp xã hội, hưu trí xã hội; 32 Quyết định đối tượng người khuyết tật hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong công tác chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH trên nền cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025: Năm 2025 đã hỗ trợ tiền điện sinh hoạt cho 17.499.000 đồng hộ nghèo và bảo trợ xã hội với số tiền 9.980.200 đồng; Lập danh sách đề nghị hỗ trợ thẻ BHYT cho 83 người nghèo, 75 người cận nghèo 11 tháng đầu năm với số tiền 183.011.400 đồng; phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam rà soát, thẩm định và hỗ trợ cho 06 hộ xóa nhà tạm nhà dột nát trong đó có 03 hộ nghèo, cận nghèo; 01 hộ da cam, 02 hộ người có công xây mới nhà ở. Với số tiền 500.000.000 đồng. Thực hiện chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng người có công và thân nhân của họ, cựu chiến binh, thanh niên xung phong, người tham gia kháng chiến, bảo trợ xã hội cho 1.182 đối tượng với tổng số tiền 1.369.110.600 đồng. Tổng số người tham gia bảo hiểm y tế khoảng 25.026 người. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt 97.2% dân số, đạt 100% KH Bảo hiểm xã hội tỉnh tạm giao năm 2025. Thực hiện chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế đối với các đối tượng được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước Quý III/2025 với tổng số 11.514 đối tượng với số tiền 3.605.152.000 đồng. Nhân dịp Quốc Khánh, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các ngành, các thôn thực hiện việc chi quà tết Độc lập của Chính Phủ nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập nước (2/9/1945 - 2/9/2025) chi trả đúng, kịp thời cho 25.288 nhân khẩu với số tiền là 2.528.800.000 đồng. Việc hỗ trợ thực hiện xong trước 02/9 thể hiện được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước dành cho người dân tạo không khí vui tươi, phấn khởi của các tầng lớp Nhân dân nhân ngày Tết Độc lập. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em thường xuyên được quan tâm. Thực hiện chi trả kịp thời các chế độ, chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

34.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

34.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Duy trì và thực hiện nghiêm các chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác, bảo đảm đúng quy định; thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh nông thôn, nhất là trong những ngày lễ, tết. Tổ chức đăng ký cho 41 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương vào ngạch dự bị. Rà soát và đăng ký công dân nam đủ 17 tuổi trong năm được 150/158 công dân; rà soát công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi và từ 26 tuổi đến hết 27 tuổi có 866 công dân trong đó sẵn sàng nhập ngũ là 484, tạm hoãn là 382 công dân. Bàn giao 40/40 đạt 100% chỉ tiêu công dân nhập ngũ cho các đơn vị (quân sự là 35, công an là 05). Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ và sắp xếp quân nhân dự vào các đơn vị bảo đảm chỉ tiêu giao; tổ chức huy động, huấn luyện theo đúng kế hoạch, nội dung, chương trình quy định, hoàn thành chỉ tiêu giao.

Tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn xã, an ninh nông thôn ổn định. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn đối với các hoạt động chống phá của các tổ chức phản động trên địa bàn xã, đảm bảo an ninh thông tin, an ninh chính trị nội bộ. Về An toàn giao thông: Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiềm chế, làm giảm tai nạn giao thông; triển khai công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Ất Tỵ, Lễ hội Xuân năm 2025, Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương và Lễ 30/4, 1/5. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các phương tiện, chủ phương tiện vi phạm khi tham gia giao thông. Đã kiểm tra, phát hiện lập biên bản 26 trường hợp vi phạm Luật An toàn giao thông. Công an xã đã thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo phân công, phân cấp. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy", củng cố và duy trì Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chưa cháy. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền tại khu dân cư, trường học, cơ quan, doanh nghiệp về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

34.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

34.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

34.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Xuân Trúc nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 20 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 04 người, chiếm 20%; đại học 15 người, chiếm 75%; trung cấp 01 người, chiếm 5%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 09 người, chiếm 45%; trung cấp 07 người, chiếm 35%; sơ cấp 04 người, chiếm 20%.

b) Ủy ban nhân dân xã Xuân Trúc có 07 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 04 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công).

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục; 03 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp.

34.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

34.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 461 chỉ tiêu, trong đó có 45 chỉ tiêu công chức, 394 chỉ tiêu viên chức và 22 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 12 người, chiếm 2,60%; đại học có 398 người, chiếm 86,33%; cao đẳng, trung cấp có 51 người, chiếm 11,07%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 03 người, chiếm 0,65%; trung cấp lý luận chính trị 260 người, chiếm 56,40%; sơ cấp lý luận chính trị 198 người, chiếm 42,95%.

35. Xã Châu Ninh

35.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Khoái Châu là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết

định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu trên cơ sở xã Kim Ngưu cũ và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Khoái Châu) và 24 xã (Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tử, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến).

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đại Tập, Tứ Dân, Tân Châu và Đông Ninh thành xã mới có tên gọi là xã Châu Ninh cho đến tận ngày nay.

35.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Châu Ninh nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 25 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Khoái Châu;
- Phía Tây giáp thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp xã Chí Minh;
- Phía Bắc giáp xã Triệu Việt Vương.

35.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Châu Ninh có 22,26 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 8,39 km^2 và đất nông nghiệp là 13,87 km^2.

35.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

35.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Châu Ninh có quy mô dân số là 36.442 người, trong đó dân số thường trú là 36.179 người và dân số tạm trú là 263 người.

35.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Châu Ninh là 21.116 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.625 người, chiếm tỷ lệ 21,9%; lao động công nghiệp và xây dựng là 11.276 người, chiếm tỷ lệ 53,4%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.215 người, chiếm tỷ lệ 24,70%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 16.491 người, chiếm tỷ lệ 78,10%.

35.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Châu Ninh chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã.

35.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

35.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.909,20 tỷ đồng, tăng 8,70% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.828,63 tỷ đồng, tăng 9,35%; thương mại - dịch vụ đạt 1.356,85 tỷ đồng, tăng 8,92%, nông - lâm - thủy sản đạt 723,72 tỷ đồng, tăng 7,83% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 8,54%, trong đó: năm 2023 tăng 8,23%, năm 2024 tăng 8,70% và năm 2025 tăng 8,70%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 34,71%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 46,78% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 18,51% trong cơ cấu kinh tế của xã.

35.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025 đạt 280,87 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 265,38 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 184,23 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 56,13 tỷ đồng. Cân đối có dư.

35.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,3 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

35.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Châu Ninh là 0,71%, trong đó: năm 2023 là 1,05%, năm 2024 là 0,77%, năm 2025 là 0,30% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

35.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Lĩnh vực Nông nghiệp trên địa bàn xã đã được chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và hàng hóa. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch, kịp thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăn nuôi đến từng hộ gia đình. Nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và thị trường. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân có bước chuyển biến từ "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp". Một số mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa nông dân, tổ hợp tác và doanh nghiệp được thực hiện hiệu quả. Chăn nuôi có nhiều chuyển biến đáng kể về tổ chức sản xuất, chuyển dần sang chăn nuôi tập trung.

Tổng sản lượng lương thực ước đạt 791,5 tấn đạt 108,2% kế hoạch (trong đó thóc là 287,5 tấn, ngô là 504,0 tấn). Công tác kiểm tra, hướng dẫn chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh được tiến hành thường xuyên; nhân dân tiếp tục chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh các loại cây trồng, trong đó có cây chuối, nhãn, cây có múi, hoa đào,… nhìn chung cây sinh trưởng phát triển tốt.

Công tác giám sát, phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản luôn được quan tâm, đặc biệt là các loại dịch bệnh: Dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm,… đến thời điểm báo cáo không xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Trên địa bàn xã có 270 trang trại, gia trại đã thực hiện việc kê khai để kiểm soát. Tổng đàn bò 293 con cho sản lượng thịt khoảng 78 tấn; đàn lợn 15.286 con trong đó: 1.580 con lợn nái, 13.679 con lợn thịt, 27 con lợn đực giống so với năm 2024 đạt 117,5%. Sản lượng lợn hơi xuất chuồng khoảng 1.505 tấn; đàn gia cầm khoảng 116.090 con với sản lượng thịt là 5.500 tấn; diện tích nuôi trồng thuỷ sản là 136,0 ha với tổng sản lượng là 1.156 tấn.

b) Công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn xã có nhiều khởi sắc do đầu ra của vật liệu xây dựng tăng cao, đầu tư có lợi nhuận, các doanh nghiệp, nhà máy có điều kiện thu hồi vốn đầu tư, tái sản xuất để phát triển. Kết cấu hạ tầng, giao thông

nông thôn ngày càng được đầu tư mở rộng, đồng bộ. Một số ngành nghề truyền thống ổn định như mộc dân dụng, sản xuất, buôn bán thừng, bạt,... góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Ủy ban nhân dân xã đã tiếp nhận toàn bộ danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các xã: Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập và huyện Khoái Châu (cũ) với 311 dự án có tổng mức đầu tư 2.241,291 tỷ đồng và triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; đẩy nhanh tiến độ bảo đảm hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025. Đã có một số dự án hoàn thành đưa vào sử dụng: Đường GT từ ĐH 56 - Ông Thăng thôn Nội Doanh; đường từ cổng UBND xã Tân Châu - ngã 3 Bà Vừng; Trường Tiểu học xã Tân Châu,… Đồng thời, tiếp tục kêu gọi thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tăng cường công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện đúng các quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã.

c) Thương mại - Dịch vụ

Thương mại, dịch vụ bước phát triển ngày càng mở rộng, đáp ứng yêu cầu phát triển địa phương. Hệ thống các điểm bán lẻ, phát triển rộng khắp. Kinh tế Hợp tác, tổ hợp tác ngày càng ổn định, hiệu quả. Nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh, dịch vụ, nhất là phối hợp liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Duy trì ổn định hoạt động các chợ, các cửa hàng phục vụ tốt nhu cầu mua bán của Nhân dân. Chỉ đạo tập trung thực hiện công tác phòng, chống cháy nổ; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; kiểm tra thường xuyên quản lý chống hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường. Qua kiểm tra các điều kiện về an toàn phòng cháy chữa cháy đã xử phạt 01 hộ kinh doanh vi phạm về điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy.

35.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

35.6.1. Giáo dục - đào tạo

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng trung tâm học tập cộng đồng xã. Thành lập đoàn khảo sát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các trường học trên địa bàn. Chỉ đạo các nhà trường tổ chức Lễ khai giảng năm học mới 2025-2026 và ngày toàn dân đưa trẻ đến trường; tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam; thành lập đoàn đại biểu đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN thăm và chúc mừng các trường học ngày khai giảng, Ngày giáo Việt Nam 20/11. Chỉ đạo các trường tích cực tham dự các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh.

Năm học 2025 - 2026 trên địa bàn xã có 10 trường công lập (04 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS, 02 trường TH&THCS); 02 nhóm trẻ tư thục. Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có 293 người, cấp

Mầm non: 99 người, cấp TH: 63 người, cấp THCS: 53 người, cấp TH & THCS: 79 người. Kết quả huy động trẻ mầm non đến trường: 463/463 trẻ, đạt 100%; huy động trẻ đến tuổi vào lớp 1: 463/463 trẻ, đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 với 1678/1682 học sinh, đạt 99,76%; học sinh Tốt nghiệp THCS vào lớp 10 THPT: 1705/1727 học sinh, đạt 98,73%; Tỷ lệ học sinh Tốt nghiệp THCS vào học giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên: 1561/1715 học sinh, đạt 91,02%.

35.6.2. Y tế

Tổ chức Hội nghị họp kết luận dạng và mức độ khuyết tật cho: 58 đối tượng. Cấp Giấy xác nhận khuyết tật cho 26 đối tượng; Tiếp nhận thẩm định, xử lý cho 16 đối tượng hưởng trợ cấp Hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP; tiếp nhận, thẩm định xử lý hồ sơ biến động cho 511 hồ sơ đối tượng BTXH, chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội: 2.067 đối tượng; chi trả trợ cấp mai táng phí cho: 24 đối tượng, với số tiền 240.000.000đ.

Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nhất là dịch bệnh lây truyền qua đường hô hấp, dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đẩy mạnh các hoạt động cao điểm phòng, chống tay chân miệng, sốt xuất huyết…. Duy trì công tác tiêm chủng đảm bảo an toàn, công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường công tác phòng chống thuốc giả, thuốc cổ truyền mạo danh không rõ nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm bảo vệ sức khoẻ giả. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật, kiến thức về an toàn thực phẩm; giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các sự kiện trọng điểm trên địa bàn (Trong năm 2025, các Trạm y tế đã tổ chức khám chữa bệnh bằng BHYT cho 4.562 lượt người, khám dự phòng 1.004 lượt; Tổ chức uống vitamin A cho 2.066 trẻ; Phối hợp khám bệnh lao miễn phí cho 460 lượt người; Sàng lọc tăng huyết áp, đái tháo đường cho 518 lượt người dân trên 40 tuổi; Phối hợp khám mắt cho 1.953 người; khám sức khỏe cho 1.659 người cao tuổi; khám sức khoẻ cho 4.423 học sinh khối Mầm non, Tiểu học và THCS; hoàn thành tiêm chủng bổ sung vắc xin bạch hầu - ho gà cho 3 trường tiểu học: tổng số học sinh được tổng hợp rà soát là 463 học sinh.

35.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trong năm 2025, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã được triển khai nghiêm túc, theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo ổn định an ninh trật tự, đoàn kết trong nhân dân, phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong đời sống cộng đồng.

Xã hiện có tổng cộng 42 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm: 10 chùa, 23 đình, 04 đền, 01 lăng quan tạ (tín ngưỡng dân gian), và 08 họ giáo (Công giáo). Các cơ sở này gắn liền với nhiều lễ hội truyền thống tiêu biểu của địa phương, được tổ chức hằng năm, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương tham gia như: Lễ hội truyền thống Đền Ngự Dội, Đình Làng Phương Trù, Lễ hội

rước nước Đình Mạn Trù Châu, Đình Nội Doanh,… Việc duy trì và tổ chức các lễ hội không chỉ góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong việc giáo dục truyền thống "uống nước nhớ nguồn" trong cộng đồng.

35.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Lực lượng vũ trang duy trì và thực hiện nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Duy trì lực lượng dân quân tự vệ bảo đảm 100% quân số, bảo vệ an toàn tuyệt đối trước, trong và sau các ngày Lễ và các sự kiện quan trọng của đất nước của tỉnh. Tổ chức Lễ ra quân huấn luyện chiến đấu đầu năm 2025 đảm bảo; thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng.

Ủy ban nhân dân xã tổ tuyên truyền viên giáo dục quốc phòng, an ninh quy chế hoạt động đảm bảo theo quy định. Tổ chức rà soát các đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, lập danh sách báo cáo Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch. Thực hiện kế hoạch của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về việc xây dựng kiện toàn lực lượng Dân quân năm 2025, UBND xã kiện toàn xây dựng lực lượng dân quân theo biên chế. Công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân tự vệ bổ sung cho các đơn vị theo đúng chỉ tiêu được giao hàng năm. Thường xuyên duy trì chế độ đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, Quân nhân xuất ngũ theo đúng quy định. Thực hiện tốt việc nắm nguồn phục vụ cho công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và huy động lực lượng dự bị động viên tham gia huấn luyện theo kế hoạch. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được xác định là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, UBND xã chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự xã và các phòng, ban ngành, đơn vị có liên quan tập trung triển khai và gọi công dân nhập ngũ năm 2025. Kết quả năm 2025 đã giao 60 công dân, hoàn thành 100% chỉ tiêu. Công tác chuẩn bị cho khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2026 được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, công khai và đảm bảo đúng quy trình theo luật nghĩa vụ quân sự hiện hành. Công tác rà soát, phúc tra nguồn tuyển quân được triển khai tới từng cơ sở thôn để nắm nguồn phục vụ cho công tác chốt quân số phát lệnh gọi khám tuyển hoạch.

Lực lượng công an xã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu Ban chỉ đạo phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc xây dựng, ban hành kế hoạch xây dựng phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tham mưu Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 09 của Ban Bí thư "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Chương trình số 09/CTr-BCA-MTTQTW giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên với Bộ Công an về "Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới".

35.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

35.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

35.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Châu Ninh nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 25 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 6 người, chiếm 24%; đại học 14 người, chiếm 56%; trung cấp 2 người, chiếm 8%; trình độ khác 3 người, chiếm 12%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 6 người, chiếm 24%; trung cấp 14 người, chiếm 56%; sơ cấp 5 người, chiếm 20%.

b) Ủy ban nhân dân xã Châu Ninh có 8 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Ngoài ra, ở xã còn có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, đến thời điểm báo cáo hiện có 20 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, trong đó gồm 17 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục (Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và THCS); 01 đơn vị sự nghiệp lĩnh vực y tế (Trạm Y tế cấp xã) và 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng).

35.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

35.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động hiện có mặt năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 664 chỉ tiêu, trong đó có 41 chỉ tiêu công chức, 610 chỉ tiêu viên chức và 13 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 9 người, chiếm 1,35%; đại học có 586 người, chiếm 88,25%; cao đẳng, trung cấp có 69 người, chiếm 10,40%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận, cử nhân chính trị 04 người, chiếm 0,6%; trung cấp lý luận chính trị 89 người, chiếm 13,40%; sơ cấp lý luận chính trị 457 người, chiếm 68,82%.

36. Xã Triệu Việt Vương

36.1. Lịch sử hình thành

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Khoái Châu là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu trên cơ sở xã Kim Ngưu cũ và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1994 Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Khoái Châu) và 24 xã (Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tử, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích và quy mô dân của xã Dạ Trạch và xã Hàm Tử sáp nhập thành lập xã Phạm Hồng Thái. Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Phạm Hồng Thái, Tân Dân, Ông Đình và An Vĩ thành xã mới có tên gọi là xã Triệu Việt Vương cho đến tận ngày nay.

36.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Xã Triệu Việt Vương nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 28 km. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Việt Tiến;
- Phía Tây giáp xã Châu Ninh và thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp xã Khoái Châu;
- Phía Bắc giáp các xã Mễ Sở, Hoàn Long, Việt Yên.

36.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Triệu Việt Vương có 27,18 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất phi nông nghiệp là 8,74 km^2 và đất nông nghiệp là 18,44 km^2.

36.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

36.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Triệu Việt Vương có quy mô dân số là 44.927 người, trong đó dân số thường trú là 44.418 người và dân số tạm trú là 509 người.

36.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Triệu Việt Vương là 29.153 người, trong đó: lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 7.207 người, chiếm tỷ lệ 24,72%; lao động công nghiệp và xây dựng là 14.622 người, chiếm tỷ lệ 50,16%; lao động thương mại - dịch vụ là 7.324 người, chiếm tỷ lệ 25,12%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 21.946 người, chiếm tỷ lệ 75,28%.

36.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Triệu Việt Vương chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo Quốc lộ và các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã.

36.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

36.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Triệu Việt Vương năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.114,67 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.195,84 tỷ đồng, tăng 17,20%; thương mại - dịch vụ đạt 2.055,68 tỷ đồng, tăng 17,37%, nông - lâm - thủy sản đạt 420,48 tỷ đồng, giảm 6,60% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng

trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 9,93%, trong đó: năm 2023 tăng 7,00%, năm 2024 tăng 8,80% và năm 2025 tăng 14,00%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 44,00%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 47,00% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 9,00% trong cơ cấu kinh tế của xã.

36.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2125 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Triệu Việt Vương năm 2025 đạt 1.262,42 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 1.176,02 tỷ đồng. Cân đối có dư.

36.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 70,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 84,3 triệu đồng/người/năm.

36.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Triệu Việt Vương là 0,59%, trong đó: năm 2023 là 0,70%, năm 2024 là 0,54%, năm 2025 là 0,39% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

36.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tiếp tục duy trì phát triển ổn định, bảo đảm kế hoạch và tiến độ sản xuất đề ra. Công tác dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai chủ động; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng toàn năm đạt 1.577,3 ha (bao gồm diện tích cây lương thực, cây màu và cây ăn quả). Trong vụ xuân, địa phương đã triển khai hỗ trợ đưa vào sản xuất nhiều giống lúa chất lượng cao như Nếp Hưng Yên, Tiền Hải 1, VNR20,... góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Hiện nay, các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển ổn định; các vùng chuyên canh rau màu, cây ăn quả tiếp tục phát huy hiệu quả kinh tế, trong đó một số diện tích bưởi đang bước vào thời kỳ thu hoạch với năng suất dự kiến ổn định so với cùng kỳ. Các diện tích rau màu ngắn ngày đã

cơ bản hoàn thành thu hoạch; những diện tích bị ảnh hưởng bởi mưa lớn đầu vụ đã được khắc phục và phục hồi sản xuất.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, không phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng. Tổng đàn trâu, bò đạt khoảng 450 con; tổng đàn lợn trên 6.500 con (không bao gồm lợn con theo mẹ); tổng đàn gia cầm khoảng 99.000 con. Công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tỷ lệ theo quy định, góp phần kiểm soát hiệu quả các loại dịch bệnh.

Hệ thống thủy lợi nội đồng được quan tâm đầu tư, duy tu và nạo vét thường xuyên, bảo đảm khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được triển khai chủ động; các phương án, kế hoạch ứng phó với bão, lũ, ngập úng được xây dựng và tổ chức thực hiện kịp thời, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), địa phương đã đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn xã hiện có 14 hợp tác xã và 17 tổ hợp tác sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; quy hoạch 05 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư; có 48 trang trại và 100 gia trại đang hoạt động hiệu quả. Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả nổi bật. Đến nay, toàn bộ địa bàn đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; các xã Ông Đình và Tân Dân (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 13 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Hệ thống hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư tương đối đồng bộ với 01 nhà máy nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân; tỷ lệ hộ dân đấu nối và sử dụng nước sạch đạt khoảng 70%.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trên địa bàn tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng được tăng cường; hoạt động thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được quan tâm thực hiện, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh.

c) Thương mại - Dịch vụ

Đến nay, trên địa bàn có hơn 245 doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế địa phương, mở rộng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm ổn định cho người lao động và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp.

Hoạt động thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân. Hệ thống cơ sở kinh doanh, dịch vụ ngày càng được mở rộng, đa dạng về loại hình và nâng cao chất lượng phục vụ. Công tác quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa được thực hiện hiệu quả, góp phần ổn định thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong các dịp lễ, tết và các thời điểm cao điểm trong năm. Các ngành nghề truyền thống tiếp tục được duy trì và phát huy giá trị. Trong đó, làng nghề sản xuất đậu phụ An Vĩ được bảo tồn và phát triển ổn định, không chỉ góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân mà còn giữ gìn bản sắc văn hóa, nghề truyền thống của địa phương.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Nguồn cung cấp điện trên địa bàn được bảo đảm ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

36.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

36.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch tương đối đồng bộ, bảo đảm nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đạt chuẩn và hiện đại.

Hiện nay, trên địa bàn có 14 cơ sở giáo dục thuộc các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở với tổng số 7.032 học sinh đang theo học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tỷ lệ đạt chuẩn đạt 92%, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt 28%. Công tác phổ cập giáo dục và huy động học sinh đến trường được duy trì hiệu quả, với tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến lớp ở các cấp học luôn đạt mức cao.

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng lên. Các phong trào thi đua trong ngành giáo dục được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh được chú trọng, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và lành mạnh. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt trên 55%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình học và tiếp tục theo học ở cấp học cao hơn đạt mức cao; tình trạng học sinh bỏ học được kiểm soát hiệu quả.

Nhìn chung, hệ thống giáo dục trên địa bàn phát triển tương đối toàn diện cả về quy mô, chất lượng và cơ sở vật chất, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của

nhân dân, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu phát triển đô thị.

36.6.2. Y tế

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong điều kiện phát triển đô thị.

Các cơ sở y tế trên địa bàn duy trì hoạt động ổn định, cơ sở vật chất và trang thiết bị từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ và hiện đại. Công tác khám, chữa bệnh được thực hiện hiệu quả, với trên 30.000 lượt người được khám và điều trị trong năm; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe cộng đồng và tiêm chủng được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Các chương trình y tế quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và phòng, chống các bệnh không lây nhiễm được triển khai đồng bộ, đạt và vượt các chỉ tiêu được giao. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, hiệu quả. Hệ thống giám sát dịch tễ được duy trì thường xuyên; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm như sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm mùa, COVID-19 và các bệnh truyền nhiễm khác được thực hiện kịp thời, đồng bộ. Trong những năm gần đây, trên địa bàn không phát sinh các ổ dịch lớn, bảo đảm môi trường sống an toàn cho nhân dân.

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường thông qua việc kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống; ý thức chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh ngày càng được nâng cao. Trên địa bàn không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể nghiêm trọng.

Chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng an sinh xã hội. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,8% dân số; số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tiếp tục tăng qua các năm. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện thường xuyên, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế và các chính sách an sinh xã hội một cách thuận lợi.

Các chỉ tiêu về dân số và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 100%; tỷ lệ phụ nữ mang thai được quản lý và khám thai định kỳ đạt 100%; tỷ lệ sinh con

thứ ba được duy trì ở mức thấp. Chương trình dân số và phát triển được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dân số và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn.

Nhìn chung, hệ thống y tế và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của cộng đồng dân cư, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội và tạo nền tảng quan trọng cho phát triển của địa phương.

21.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, khoa học và thông tin trong năm 2025 tiếp tục được UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. UBND xã phối hợp với các đoàn thể, thôn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh và địa phương. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tiếp tục được duy trì; 98% hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, 100% thôn đạt thôn văn hóa. Hoạt động tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa được quan tâm; tổ chức tốt các lễ hội truyền thống bảo đảm an toàn, tiết kiệm, đúng quy định.

Công tác thông tin, tuyên truyền trên địa bàn được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống thông tin cơ sở từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại, bảo đảm việc truyền tải thông tin nhanh chóng, chính xác và kịp thời đến người dân.

Hệ thống truyền thanh cơ sở sau khi được kiện toàn và nâng cấp đã phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và các phong trào thi đua yêu nước. Nội dung tuyên truyền được đổi mới, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng đối tượng, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

Hoạt động văn hóa, thông tin được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, Internet, trò chơi điện tử, karaoke và hoạt động quảng cáo được thực hiện thường xuyên; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các trường hợp vi phạm, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh và an toàn.

Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và công tác tuyên truyền từng bước được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Hệ thống thông tin cơ sở hiện có cơ bản đáp

ứng yêu cầu tuyên truyền, quản lý và phục vụ cộng đồng dân cư trong điều kiện phát triển đô thị.

36.6.4. An sinh xã hội

Công tác lao động, người có công và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước.

Công tác giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực được quan tâm thực hiện. Thông qua các chương trình đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ phát triển sản xuất, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn đạt khoảng 98%, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả gắn với các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình. Công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện thường xuyên, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định. Nhiều hộ dân đã được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi và phát triển sinh kế, qua đó từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống và giảm nghèo bền vững.

Các chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội khác được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác chăm lo đời sống cho các đối tượng yếu thế trong xã hội luôn được quan tâm; việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được bảo đảm theo quy định, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và an sinh xã hội của người dân.

Công tác chăm sóc người có công với cách mạng và thân nhân người có công được thực hiện chu đáo, thể hiện truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc. Hiện nay, trên địa bàn có 635 đối tượng người có công và thân nhân liệt sĩ đang được quản lý, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định. Việc chi trả trợ cấp thường xuyên, thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, tết được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình chính sách.

Các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" được duy trì và triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân. Công tác quản lý, chăm sóc, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ được thực hiện thường xuyên, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và trách nhiệm xã hội cho các thế hệ.

36.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động

viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

36.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, tăng cường; tiềm lực quốc phòng địa phương từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Ban Chỉ huy Quân sự địa phương được kiện toàn, hoạt động nền nếp, phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được quan tâm thực hiện, bảo đảm về số lượng, chất lượng và cơ cấu hợp lý; lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ, sẵn sàng huy động khi có yêu cầu. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm được triển khai đúng quy trình, đúng luật, bảo đảm công khai, dân chủ và hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về nghĩa vụ quân sự được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của công dân trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Công tác bảo đảm an ninh quốc gia trên địa bàn được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh và của cấp trên về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Công tác nắm tình hình, dự báo, phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh mạng và an ninh xã hội được thực hiện thường xuyên. Các lực lượng chức năng duy trì tốt chế độ trực, tuần tra, kiểm soát; chủ động phát hiện, tham mưu xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh, không để hình thành các điểm nóng, các vụ việc phức tạp ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

36.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức

36.8.1. Đảng ủy

Về tổ chức bộ máy khối Đảng xã có Thường trực Đảng ủy (gồm Bí thư và các Phó Bí thư); các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy (Ban Xây dựng

Đảng, Văn phòng Đảng ủy và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Trung tâm Chính trị xã.

36.8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) HĐND xã có Thường trực HĐND xã và 02 Ban HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội). Tổng số đại biểu HĐND xã Triệu Việt Vương nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 21 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 04 người, chiếm 19,05%; đại học 13 người, chiếm 61,9%; trình độ khác 04 người, chiếm 19,05%.

- Lý luận chính trị: Cao cấp 09 người, chiếm 42,85%; trung cấp 8 người, chiếm 38,1%; chưa qua đào tạo 4 người, chiếm 19,05%.

b) Ủy ban nhân dân xã Triệu Việt Vương có 08 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 Ủy viên. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hiện bố trí 03 phòng chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; phòng Văn hóa - Xã hội; phòng Kinh tế) và Trung tâm Phục vụ hành chính công.

36.8.3. Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

Ủy ban MTTQ xã có Ban Thường trực (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đồng thời là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh). Mỗi tổ chức có Phó Chủ tịch và đội ngũ cán bộ chuyên trách.

36.8.4. Cán bộ, công chức cấp xã

Tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao năm 2026 của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp ở xã là 418 chỉ tiêu, trong đó có 40 chỉ tiêu công chức, 378 chỉ tiêu viên chức. Hiện có mặt là 351 viên chức và 34 công chức.

a) Về trình độ chuyên môn: sau đại học có 11 người, chiếm 2,85%; đại học có 329 người, chiếm 85,45%; cao đẳng 38 người, chiếm 9,8%, trung cấp có 7 người, chiếm 1,9%.

b) Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận có 5 người chiếm 1,29%; trung cấp lý luận chính trị 68 người, chiếm 17,6%.

II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

1. Điều kiện thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên

1.1. Phù hợp với chủ trương, định hướng, quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

Tại các văn bản quan trọng như: **(1)** Nghị quyết 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô

thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu giai đoạn tới đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại; kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy. **(2)** Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 05 năm 2026 - 2030 là tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 50%; phát triển hệ thống đô thị tập trung vào xây dựng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và sáng tạo; đồng thời chú trọng nâng cấp hạ tầng, cải thiện dịch vụ, đảm bảo an sinh, an toàn môi trường sống, hướng tới đô thị phát triển nhanh, bền vững và kết nối quốc tế; trong năm 2026 phát triển một số tỉnh trở thành thành phố, nâng cấp các xã đủ điều kiện trở thành phường. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. **(3)** Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đặt mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 50%. **(4)** Kết luận số 378-TB/TU, ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026. **(5)** Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xác định đến năm 2030, xây dựng tỉnh Hưng Yên là tỉnh có nền kinh tế năng động, phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển xanh; bảo đảm an ninh năng lượng; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, Hưng Yên đáp ứng tiêu chí đô thị loại I, là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Đặc biệt, khu vực 36 xã được hình thành từ các thị trấn năm 2025 hoặc đã có khu vực được phân loại đô thị hoặc có mức độ đô thị hóa rất cao như: Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng,

Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc đều được định hướng trở thành phường, hướng đến mục tiêu chung thành lập thành phố Hưng Yên trực thuộc Trung ương trong giai đoạn tiếp theo theo định hướng.

1.2. Việc thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương sau khi thành lập phường; bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước đối với khu vực đô thị đang phát triển mạnh mẽ và có tốc độ đô thị hóa cao (từ xã thành phường); bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên theo quy hoạch, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp; hệ thống hạ tầng đô thị được đầu tư đồng bộ theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, sáng tạo và tương tác cao; tạo tiền đề và động lực phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh Hưng Yên nói chung và các xã nói riêng, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

1.3. Việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Theo đó, việc thành lập các phường không những không làm ảnh hưởng đến công tác triển khai các nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn mà còn không ngừng được tăng cường và củng cố. Đặc biệt là các kế hoạch chuyên đề, kế hoạch mở đợt cao điểm tấn công trấn áp ác loại tội phạm, tệ nạn xã hội; nắm chắc tình hình chỉ đạo xử lý và giải quyết kịp thời các vụ việc tồn đọng phát sinh, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội được tăng cường; lực lượng công an chính quy được tăng cường, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc thành lập các phường góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân không ngừng được nâng cao góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo và lợi dụng.

1.4. Thành lập các phường bảo đảm sự đồng thuận cao của Nhân dân trên địa bàn. Theo đó, tỉnh Hưng Yên đã tổ chức lấy ý kiến toàn thể Nhân dân trên địa bàn các xã liên quan theo đúng quy định. Kết quả, việc thành lập các phường nhận được sự đồng thuận rất cao của Nhân dân trên địa bàn. Ngoài ra,

việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng không làm xáo trộn cuộc sống của người dân, đảm bảo đoàn kết dân tộc, giữ gìn lịch sử, truyền thống, văn hóa lâu đời của địa phương.

1.5. Đáp ứng các tiêu chuẩn thành lập phường thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2. Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn của phường

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến ngày 31/12/2025, kết quả đánh giá 05 tiêu chuẩn thành lập phường đối với 36 xã cụ thể như sau:

2.1. Đối với xã Nghĩa Trụ

2.1.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Nghĩa Trụ có quy mô dân số là 51.460 người, trong đó dân số thường trú là 42.099 người và dân số tạm trú là 9.361 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.1.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nghĩa Trụ có 22,79 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.1.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng

Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Nghĩa Trụ thuộc đô thị Văn Giang - đô thị trung tâm vùng phía Bắc. Xã Nghĩa Trụ có vị trí chiến lược phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng; địa bàn xã có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Vành đai 4, Vành đai 3.5 và các tuyến liên tỉnh tạo lợi thế lớn về liên kết vùng và giao thương. Trên địa bàn xã có nhiều khu đô thị hiện đại như Vinhomes Ocean Park 2, 3, Sunshine cùng dự án KCN Văn Giang - Hy PARK, tạo động lực phát triển mạnh mẽ về thương mại, dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao; Nghĩa Trụ là nơi đặt cơ sở đào tạo của Trường Đại học Mở và Đại học Bách khoa Hà Nội cơ sở 2, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

b) Đánh giá: Đạt.

2.1.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Nghĩa Trụ đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Nghĩa Trụ đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.1.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 2.677,86 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 1.382,46 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 193,70%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 97,32% trong cơ cấu kinh tế của xã Nghĩa Trụ.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nghĩa Trụ là 30.360 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 28.593 người, chiếm tỷ lệ 94,18%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Nghĩa Trụ năm 2023 đạt 81,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 đạt 87,4 triệu đồng/người/năm và năm 2025 đạt 97,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nghĩa Trụ là 0,15%, trong đó: năm 2023 là 0,45%, năm 2024 là 0% và năm 2025 là 0%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Nghĩa Trụ **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.2. Đối với xã Phụng Công

2.2.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Phụng Công có quy mô dân số là 35.712 người, trong đó dân số thường trú là 25.464 người và dân số tạm trú là 10.248 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.2.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phụng Công có 14,61 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.2.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, giáp thủ đô Hà Nội, thuộc đô thị Văn Giang - đô thị trung tâm vùng phía Bắc và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng. Địa bàn xã có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Vành đai 3.5 của thủ đô Hà Nội, tuyến đường di sản của tỉnh và các tuyến đường liên tỉnh ĐT.378, ĐT.379, ĐT.379B, ĐT.382B; xã có nhiều khu đô thị hiện đại như khu đô thị Ecopark, khu biệt thự cao cấp như Hải Trang Long, khu biệt thự và nhà phố vườn Vạn Tuế - Sago Palm Garden, khu nhà ở phố mới Văn Giang tạo động lực phát triển mạnh mẽ về thương mại, dịch vụ. Phụng Công là nơi đặt cơ sở đào tạo của trường Đại học Anh Quốc Việt Nam - BUV và Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam và hệ thống trường liên cấp góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương. Trên cơ sở vị trí địa lý và các tiềm năng, lợi thế, xã Phụng Công được xác định là trung tâm kinh tế - xã hội phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, phát triển đô thị - dịch vụ - thương mại - du lịch và phát triển nhà ở hiện đại, đồng bộ, sinh thái, thông minh; là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

b) Đánh giá: Đạt.

2.2.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Phụng Công đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Phụng Công đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.2.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 828,04 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 738,97 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 112,05%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 94,28% trong cơ cấu kinh tế của xã Phụng Công.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phụng Công là 21.276 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 16.800 người, chiếm tỷ lệ 78,96%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Phụng Công năm 2023 đạt 82,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 đạt 87,6 triệu đồng/người/năm và năm 2025 đạt 98,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phụng Công là 0,11%, trong đó: năm 2023 là 0,32%, năm 2024 là 0% và năm 2025 là 0%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Phụng Công **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.3. Đối với xã Văn Giang

2.3.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Văn Giang có quy mô dân số là 41.407 người, trong đó dân số thường trú là 39.752 người và dân số tạm trú là 1.655 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.3.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Văn Giang có 22,96 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.3.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Văn Giang có vị trí chiến lược phía Tây Bắc của tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng, thuộc đô thị Văn Giang - đô thị trung tâm vùng phía Bắc. Địa bàn xã có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, vành đai 3,5; Vành đai 4 và các tuyến liên tỉnh, tạo lợi thế lớn về liên kết vùng và giao thương. Xã Văn Giang hình thành trên cơ sở kế thừa phần lớn các điều kiện phát triển của thị trấn Văn Giang trước đây, vốn là trung tâm hành chính, kinh tế và dịch vụ của toàn khu vực. Xã có nhiều dự án động lực cấp vùng như Khu đô thị Xuân Cầu,

Khu đô thị mới Hưng Thịnh Phát, Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF bao gồm khu thể thao và Sân vận động quy mô 60.000 chỗ ngồi; tạo động lực phát triển mạnh mẽ về nhà ở, thương mại, dịch vụ, công nghệ cao; là nơi đặt cơ sở đào tạo của Trường Đại học Bách Khoa cơ sở 2, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương. Trên cơ sở vị trí địa lý và các tiềm năng, lợi thế, xã Văn Giang được định hướng phát triển không gian theo mô hình tiên tiến: Đô thị - thương mại dịch vụ - công nghiệp công nghệ cao. Đây là khu vực trọng điểm được lựa chọn để xây dựng các tổ hợp không gian sống hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, sinh thái, thông minh và thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá: Đạt.

2.3.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Văn Giang đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Văn Giang đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.3.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 1.623,75 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 775,89 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 209,28%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 92,04% trong cơ cấu kinh tế của xã Văn Giang.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Văn Giang là 26.915 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 20.404 người, chiếm tỷ lệ 75,81%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Văn Giang năm 2023 đạt 81,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 đạt 87,4 triệu đồng/người/năm và năm 2025 đạt 97,1 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Văn Giang là 0,15%, trong đó: năm 2023 là 0,44%, năm 2024 là 0% và năm 2025 là 0%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Văn Giang **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.4. Đối với xã Mễ Sở

2.4.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Mễ Sở có quy mô dân số là 30.569 người, trong đó dân số thường trú là 29.954 người và dân số tạm trú là 615 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.4.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Mễ Sở có 17,52 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.4.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Mễ Sở thuộc đô thị Văn Giang - đô thị trung tâm vùng phía Bắc, có vai trò là trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp và phát triển nhà ở, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo của khu vực và là đầu mối giao thông giao lưu quan trọng của Vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Xã Mễ Sở có hệ thống trụ sở hành chính hiện hữu khang trang, hiện đại; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phục vụ hoạt động đô thị đã được đầu tư xây dựng; đồng thời có vị trí thuận lợi trong mạng lưới giao thông và liên kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên, thuộc đô thị trung tâm vùng phía Bắc và nằm trong cấu trúc mạng lưới đô thị 30 phút, là đầu mối kết nối với hệ thống giao thông công cộng đô thị (MRT) của thủ đô Hà Nội.

b) Đánh giá: Đạt.

2.4.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Mễ Sở đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Mễ Sở đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.4.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 745,55 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 662,85 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 112,48%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,20% trong cơ cấu kinh tế của xã Mễ Sở.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Mễ Sở là 14.410 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 10.202 người, chiếm tỷ lệ 70,80%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Mễ Sở năm 2023 đạt 81,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 đạt 87,3 triệu đồng/người/năm và năm 2025 đạt 97,0 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Mễ Sở là 0,22%, trong đó: năm 2023 là 0,37%, năm 2024 là 0,15%, năm 2025 là 0,13% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Mễ Sở đạt **05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.5. Đối với xã Lương Bằng

2.5.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Lương Bằng có quy mô dân số là 39.678 người, trong đó dân số thường trú là 38.710 người và dân số tạm trú là 968 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.5.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Lương Bằng có 29,09 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.5.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Lương Bằng nằm trong khu vực định hướng phát triển đô thị Phố Hiến - đô thị trung tâm của tỉnh Hưng Yên, đóng vai trò hạt nhân phát triển đô thị, dịch vụ và dân cư của khu vực; là trung tâm thương mại - dịch vụ tổng hợp cấp tiểu vùng, phát triển thương mại, dịch vụ công cộng, tài chính, giáo dục, y tế và dịch vụ phục vụ dân cư khu vực lân cận, phát triển đô thị gắn với nông nghiệp công nghệ cao. Xã có hệ thống hạ tầng giao thông và không gian phát triển công nghiệp - đô thị tương đối đồng bộ, với các trục động lực quan trọng như đường nối 02 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình; QL39A; ĐT 377; ĐT 376B,… với tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại và logistics. Trên địa bàn và khu vực lân cận đã hình thành các khu công nghiệp, khu đô thị và trung tâm dịch vụ quy mô lớn, đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - đô thị - dịch vụ công nghệ cao, tạo sức hút đầu tư và gia tăng liên kết phát triển vùng.

Từ các lợi thế nội tại đó, xã giữ vai trò là khu vực động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, đồng thời là cửa ngõ chiến lược kết nối tỉnh với vùng Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế lớn như Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh. Với vị trí nằm trên hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, địa

phương có điều kiện thuận lợi để mở rộng giao thương, liên kết sản xuất, phát triển logistics và lan tỏa động lực phát triển kinh tế - xã hội cho toàn tỉnh trong giai đoạn tới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.5.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Lương Bằng đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Lương Bằng đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.5.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 716,72 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 563,78 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 127,13%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 93,37% trong cơ cấu kinh tế của xã Lương Bằng.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Lương Bằng là 27.981 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 24.394 người, chiếm tỷ lệ 87,18%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Lương Bằng năm 2023 là 63,9 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 73,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,8 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Lương Bằng là 0,44%, trong đó: năm 2023 là 0,75%, năm 2024 là 0,36%, năm 2025 là 0,08% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Lương Bằng **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.6. Đối với xã Nguyễn Văn Linh

2.6.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Nguyễn Văn Linh có quy mô dân số là 50.565 người, trong đó dân số thường trú là 33.974 người và dân số tạm trú là 16.591 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.6.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nguyễn Văn Linh có 20,89 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.6.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ

(điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Nguyễn Văn Linh thuộc đô thị Yên Mỹ - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5, Vành đai 4 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao.

b) Đánh giá: Đạt.

2.6.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Ngọc Long, Liêu Xá và Nguyễn Văn Linh *(thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nghĩa Hiệp và xã Giai Phạm theo Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)* theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực xã Giai Phạm cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên và khu vực xã Liêu Xá cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, 02 đô thị Giai Phạm, Nghĩa Hiệp trên địa bàn xã Nguyễn Văn Linh được công nhận sau chuyển tiếp là đô thị loại III, với quy mô dân số đô thị là 41.645 người (gồm dân số thường trú là 27.985 người và dân số tạm trú là 13.660 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính đạt 82,36% (41.645/50.565 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.6.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nguyễn Văn Linh đạt 669,98 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 470,65 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 142,35%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 99,56% trong cơ cấu kinh tế của xã Nguyễn Văn Linh.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Nguyễn Văn Linh là 37.721 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 36.465 người, chiếm tỷ lệ 96,67%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Nguyễn Văn Linh năm 2023 là 72,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nguyễn Văn Linh là 0,39%, trong đó: năm 2023 là 0,61%, năm 2024 là 0,44%, năm 2025 là 0,04% và hiện xã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Nguyễn Văn Linh **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.7. Đối với xã Việt Tiến

2.7.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Việt Tiến có quy mô dân số là 36.679 người, trong đó dân số thường trú là 34.207 người và dân số tạm trú là 2.472 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.7.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Việt Tiến có 20,20 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.7.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố.

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Việt Tiến thuộc đô thị Khoái Châu - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc, vừa thuộc Hành lang Đông - Tây, vừa thuộc Hành lang Bắc - Nam; được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Việt Tiến còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển kiểu đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; có vai trò là trung tâm cấp tiểu vùng về thương mại, dịch vụ, công nghiệp, đầu mối giao thông liên vùng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.7.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã: Đồng Tiến *(thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hồng Tiến và xã Đồng Tiến theo Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*, Dân Tiến và Việt Hòa theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực xã Dân Tiến cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên; khu vực xã Hồng Tiến cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên và khu vực xã Đồng Tiến cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, 03 đô thị Dân Tiến, Hồng Tiến và Đồng Tiến trên địa bàn xã Việt Tiến được công nhận sau chuyển tiếp là đô thị loại III, với quy mô dân số đô thị là 25.881 người (gồm dân số thường trú là 24.069 người và dân số tạm trú là 1.812 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính đạt 70,56% (25.881/36.679).

c) Đánh giá: Đạt.

2.7.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Việt Tiến đạt 979,74 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 751,98 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 130,29%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 92,06% trong cơ cấu kinh tế của xã Việt Tiến.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Việt Tiến là 21.712 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 19.642 người, chiếm tỷ lệ 90,47%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Việt Tiến năm 2023 là 75,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 80,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,4 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Việt Tiến là 0,68%, trong đó: năm 2023 là 0,87%, năm 2024 là 0,58%, năm 2025 là 0,50% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Việt Tiến **đạt 05/05 tiêu** chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.8. Đối với xã Yên Mỹ

2.8.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Yên Mỹ cung cấp, xã Yên Mỹ có quy mô dân số là 69.532 người, trong đó dân số thường trú là 68.631 người và dân số tạm trú là 901 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.8.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Yên Mỹ có 33,11 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.8.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Yên Mỹ là hạt nhân trung tâm của đô thị Yên Mỹ - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc; được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; có vai trò trung tâm về kinh tế tổng hợp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông liên vùng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.8.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Yên Mỹ *(thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Yên Mỹ và xã Trung Hưng theo Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)* và các xã Tân Lập (huyện Yên Mỹ), Trung Hòa, Tân Minh *(thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lý Thường Kiệt và xã Tân Việt theo Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)* theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực thị trấn Yên Mỹ chưa được công nhận loại đô thị và khu vực xã Tân

Lập cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, thị trấn Yên Mỹ và đô thị Tân Lập nay thuộc địa bàn xã Yên Mỹ được công nhận sau chuyển tiếp là đô thị loại III, với quy mô dân số đô thị là 43.780 người (gồm dân số thường trú là 43.211 người và dân số tạm trú là 569 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Yên Mỹ đạt 62,96% (43.780/69.532).

c) Đánh giá: Đạt.

2.8.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Yên Mỹ đạt 1.053,52 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 883,17 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 119,29%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 98,34% trong cơ cấu kinh tế của xã Yên Mỹ.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Yên Mỹ là 58.003 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 56.187 người, chiếm tỷ lệ 96,87%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Yên Mỹ năm 2023 là 79,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 82,8 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 88,8 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Yên Mỹ là 0,46%, trong đó: năm 2023 là 0,74%, năm 2024 là 0,36%, năm 2025 là 0,18% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Yên Mỹ **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.9. Đối với xã Như Quỳnh

2.9.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Như Quỳnh có quy mô dân số là 86.559 người, trong đó dân số thường trú là 58.789 người và dân số tạm trú là 27.770 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.9.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Như Quỳnh có 27,30 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.9.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ

(điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Như Quỳnh là hạt nhân của đô thị Văn Lâm - đô thị thuộc tiểu vùng đô thị phía Bắc, thuộc hành lang đô thị công nghiệp của tỉnh; được định hướng phát triển đô thị công nghiệp - dịch vụ thương mại - logistics trọng điểm khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên; là khu vực đầu mối giao thông quan trọng phía Bắc của tỉnh; giữ vai trò chủ đạo là cực tăng trưởng phía Bắc và cửa ngõ kết nối giao thương trọng điểm với Thủ đô Hà Nội. Là trung tâm hành chính - chính trị địa phương; khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khu vực phát triển các khu dân cư và khu đô thị mới; khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí, giao thông, làm cơ sở phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, dịch vụ logistics và nhà ở đô thị của địa phương; phát triển đô thị theo hướng bền vững, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước xây dựng diện mạo đô thị văn minh, hiện đại; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ y tế, giáo dục; gắn với bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, ổn định xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.9.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Như Quỳnh, các xã Tân Quang, Lạc Hồng, Trưng Trắc và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đình Dù theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực thị trấn Như Quỳnh, các xã Tân Quang, Lạc Hồng, Trưng Trắc và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đình Dù cũ đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 1005/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực đạt tiêu chí đô thị loại IV trung tâm huyện Văn Lâm (xã Như Quỳnh ngày nay) (gồm khu vực thị trấn Như Quỳnh và các xã: Tân Quang, Đình Dù, Lạc Hồng, Trưng Trắc cũ) được chuyển tiếp thành đô thị Văn Lâm - đô thị loại III, bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Như Quỳnh (86.559 người, trong đó dân số thường trú là 58.789 người và dân số tạm trú là 27.770 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Như Quỳnh đạt 100% (86.559/86.559 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.9.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Như Quỳnh đạt 1.062,98 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 1.062,98 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 99,39% trong cơ cấu kinh tế của xã Như Quỳnh.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Như Quỳnh là 62.519 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 60.718 người, chiếm tỷ lệ 97,12%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Như Quỳnh năm 2023 là 80,2 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 83,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 89,0 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Như Quỳnh là 0,23%, trong đó: năm 2023 là 0,46%,

năm 2024 là 0,13%, năm 2025 là 0,04% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Như Quỳnh **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.10. Đối với xã Ân Thi

2.10.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Ân Thi có quy mô dân số là 30.895 người, trong đó dân số thường trú là 30.511 người và dân số tạm trú là 384 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.10.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Ân Thi có 24,38 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.10.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Ân Thi, tỉnh Hưng Yên được phê duyệt tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Ân Thi là hạt nhân của đô thị Ân Thi, được định hướng phát triển đô thị công nghiệp, dịch vụ thương mại và nhà ở, là đô thị trung tâm vùng đô thị hóa - công nghiệp hóa phía Bắc của tỉnh Hưng Yên; là trung tâm dịch vụ thương mại - công nghiệp của khu vực phía Nam sông Luộc thuộc tiểu vùng đô thị phía Bắc tỉnh Hưng Yên, hỗ trợ cho sự phát triển của các xã khu vực Nam sông Luộc và kết nối các đô thị trong hệ thống các

đô thị tiểu vùng đô thị phía Bắc: Văn Giang - Khoái Châu - Văn Lâm - Yên Mỹ - Mỹ Hào - Ân Thi; có vai trò góp phần gìn giữ, bảo quản, phát triển các không gian di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch của tỉnh; có chức năng là trung tâm hành chính - chính trị địa phương; trung tâm tổng hợp về kinh tế, thương mại - dịch vụ và logistics của khu vực; trung tâm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khu vực phát triển các khu dân cư và khu đô thị mới; phát triển du lịch văn hóa - tâm linh gắn với các di tích lịch sử; cung cấp dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa phục vụ người dân và du khách.

b) Đánh giá: Đạt.

2.10.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Ân Thi đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Ân Thi đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.10.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Ân Thi đạt 697,86 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 560,71 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 124,46%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 93,07% trong cơ cấu kinh tế của xã Ân Thi.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ân Thi là 14.300 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 11.048 người, chiếm tỷ lệ 77,26%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Ân Thi năm 2023 là 72 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 76 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 80 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Ân Thi là 0,74%, trong đó: năm 2023 là 1,42%, năm 2024 là 0,41%, năm 2025 là 0,33% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Ân Thi **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.11. Đối với xã Hoàng Hoa Thám

2.11.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hoàng Hoa Thám có quy mô dân số là 47.213 người, trong đó dân số thường trú là 46.722 người và dân số tạm trú là 491 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.11.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hoàng Hoa Thám có 31,87 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.11.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Hoàng Hoa Thám nằm trong vùng quy hoạch đô thị Phố Hiến - đô thị trung tâm tỉnh, được định hướng phát triển theo hướng đô thị - công nghiệp - thương mại dịch vụ dựa trên lợi thế nằm trong mạng lưới giao thông quan trọng với QL.38B, ĐT.376, Đường tránh QL.38B, đường Phố Hiến - Hưng Hà và tuyến đường kết nối hai tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình, tạo khả năng liên kết thuận lợi với các trung tâm kinh tế, đô thị của tỉnh và khu vực. Xã Hoàng Hoa Thám có vai trò là đầu mối giao thông và cực phát triển đô thị - công nghiệp của khu vực, đặc biệt với định hướng hình thành và phát triển Khu công nghiệp Tiên Lữ - Kim Động - Ân Thi. Sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp và hệ thống giao thông liên vùng tạo động lực thúc đẩy thương mại, dịch vụ, logistics, nhà ở và các dịch vụ đô thị, đồng thời mở rộng không gian phát triển về phía Nam của tỉnh.

Với lợi thế về vị trí địa lý, lợi thế về hệ thống giao thông đối ngoại và tiềm năng phát triển công nghiệp - dịch vụ, Hoàng Hoa Thám được định hướng trở thành một trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ quan trọng của khu vực, đóng vai trò kết nối giữa các địa bàn Tiên Lữ, Kim Động, Ân Thi và các trung tâm phát triển của tỉnh. Trong thời gian tới, cần tập trung hoàn thiện hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và xã hội, phát triển các khu dân cư, thương mại - dịch vụ và không gian xanh đồng bộ, qua đó nâng cao vai trò đô thị trung tâm và cực tăng trưởng mới của tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.11.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hoàng Hoa Thám đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Hoàng Hoa Thám đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.11.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám đạt 776,44 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 738,15 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 105,19%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 80,25% trong cơ cấu kinh tế của xã Hoàng Hoa Thám.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hoàng Hoa Thám là 17.185 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 13.809 người, chiếm tỷ lệ 80,36%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Hoàng Hoa Thám năm 2023 là 68,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 83,5 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hoàng Hoa Thám là 0,73%, trong đó: năm 2023 là

1,12%, năm 2024 là 0,70%, năm 2025 là 0,15% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Hoàng Hoa Thám **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.12. Đối với xã Khoái Châu

2.12.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Khoái Châu có quy mô dân số là 49.501 người, trong đó dân số thường trú là 48.837 người và dân số tạm trú là 664 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.12.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Khoái Châu có 29,33 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.12.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Khoái Châu là hạt nhân của đô thị Khoái Châu - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, giữ vai trò trung tâm thương mại - dịch vụ, hành chính và cung cấp các dịch vụ xã hội cho dân cư trên địa bàn và khu vực lân cận; tập trung các hoạt động kinh doanh, giáo dục, y tế, vẽn hóa, thể dục thể thao và các dịch vụ đô thị. Đồng thời, xã là đầu mối hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, cây ăn quả, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm,

thương mại và du lịch sinh thái - trải nghiệm; được định hướng phát triển thành vùng phát triển vệ tinh phía Nam của tiểu vùng đô thị phía Bắc tỉnh Hưng Yên, kết nối khu vực đô thị phía Bắc với tiểu vùng đô thị trung tâm; phát triển xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức các khu dân cư, khu đô thị gắn với trung tâm hành chính - dịch vụ; phát triển các khu, cụm công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Đánh giá: Đạt.

2.12.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Khoái Châu đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Khoái Châu đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.12.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Khoái Châu đạt 680,34 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 651,25 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 104,47%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 77,47% trong cơ cấu kinh tế của xã Khoái Châu.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Khoái Châu là 27.542 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 22.223 người, chiếm tỷ lệ 80,69%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Khoái Châu năm 2023 là 74,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 78,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 85,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Khoái Châu là 0,65%, trong đó: năm 2023 là 0,87%, năm 2024 là 0,67%, năm 2025 là 0,31% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Khoái Châu **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.13. Đối với xã Thái Thụy

2.13.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Thái Thụy có quy mô dân số là 51.402 người, trong đó dân số thường trú là 50.721 người và dân số tạm trú là 681 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.13.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Thái Thụy có 47,45 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.13.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Diêm Điền và vùng phụ cận đến năm 2025 theo tiêu chí đô thị loại IV tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh (điều chỉnh tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 01/10/2018, Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 30/10/2018) và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Thái Thụy là hạt nhân trung tâm của đô thị Thái Thụy - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng đô thị ven biển; có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển hành lang kinh tế ven biển Bắc Bộ, nằm tại trung điểm kết nối giữa Hải Phòng - Ninh Bình, đồng thời là cửa ngõ hướng biển phía Đông của Hưng Yên; được định hướng phát triển là trung tâm phát triển kinh tế biển tổng hợp, bao gồm công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics cảng biển, đô thị - dịch vụ biển và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển; là vùng kinh tế mở, có cơ chế phát triển linh hoạt, thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời giữ vai trò trọng điểm về an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

b) Đánh giá: Đạt.

2.13.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Diêm Điền và các xã: Thụy Bình, Thụy Liên, Thụy Trình và Thụy Hải theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực thị trấn Diêm Điền và các xã: Thụy Liên, Thụy Trình, Thụy Hải cũ đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 487/QĐ-BXD ngày 13/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, thị trấn Diêm Điền mở rộng (gồm khu vực thị trấn Diêm Điền và các xã: Thụy Liên, Thụy Trình, Thụy Hải cũ) được chuyển tiếp thành đô thị Diêm Điền - đô thị loại III, trong đó, khu vực thuộc xã Thái Thụy ngày nay có quy mô dân số là 46.142 (gồm dân số thường trú là 45.528 người và dân số tạm trú là 614 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính đạt 89,77% (46.142/51.402).

c) Đánh giá: Đạt.

2.13.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Thái Thụy đạt 702,55 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 629,72 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 111,57%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 94,83% trong cơ cấu kinh tế của xã Thái Thụy.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Thái Thụy là 26.020 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 22.522 người, chiếm tỷ lệ 85,56%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Thái Thụy năm 2023 là 63,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Thái Thụy là 1,68%, trong đó: năm 2023 là 1,83%, năm 2024 là 1,67% và năm 2025 là 0,15%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Thái Thụy có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Thái Thụy nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Thái Thụy hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Thái Thụy **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.14. Đối với xã Hưng Hà

2.14.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hưng Hà có quy mô dân số là 54.887 người, trong đó dân số thường trú là 54.358 người và dân số tạm trú là 529 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.14.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hưng Hà có 38,94 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.14.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Long Hưng, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Hưng Hà thuộc đô thị Long Hưng - đô thị trung tâm chuyên ngành của tiểu vùng đô thị trung tâm, nằm trong hệ thống các đô thị ven sông Hồng của Tỉnh được gắn kết qua tuyến đường Di sản kéo dài và tuyến đường mới nối đô thị Phố Hiến - Thái Bình. Với vị trí nằm ở khu vực trung tâm tỉnh, xã Hưng Hà được định hướng phát triển đô thị, có hệ thống trụ sở hành chính cấp khu vực, hạ tầng kỹ thuật khung hiện đại, cùng vị thế là trung tâm công nghiệp - dịch vụ - di sản văn hóa - du lịch của tiểu vùng trung tâm tỉnh, đầu mối liên kết liên vùng với đường Vành đai 5 thủ đô, đường Thái Bình - Phố Hiến, đường Quốc lộ 39, kết hợp với mạng lưới đường liên tỉnh đồng bộ bao gồm ĐT.452, ĐT.454. Mạng lưới giao thông toàn diện này biến địa phương thành một đầu mối dịch vụ - thương mại, công nghiệp gắn với làng nghề và nông nghiệp sinh thái quan trọng trong khu vực trung tâm tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.14.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hưng Hà đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND

ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Hưng Hà đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.14.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương xã Hưng Hà đạt 828,88 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 800,25 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 103,58%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,53% trong cơ cấu kinh tế của xã Hưng Hà.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Hưng Hà là 28.242 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 22.994 người, chiếm tỷ lệ 81,42%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Hưng Hà năm 2023 là 66,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,3 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hưng Hà là 1,41%, trong đó: năm 2023 là 1,64%, năm 2024 là 1,32% và năm 2025 là 0,27%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Hưng Hà có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Hưng Hà nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Hưng Hà hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Hưng Hà **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.15. Đối với xã Long Hưng

2.15.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Long Hưng có quy mô dân số là 48.596 người, trong đó dân số thường trú là 48.187 người và dân số tạm trú là 409 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.15.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Long Hưng có 33,42 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.15.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Long Hưng, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Long Hưng là hạt nhân của đô thị Long Hưng - đô thị trung tâm chuyên ngành của tiểu vùng đô thị trung tâm, nằm trong hệ thống các đô thị ven sông Hồng của Tỉnh được gắn kết qua tuyến đường Di sản kéo dài và tuyến đường mới nối đô thị Phố Hiến - Thái Bình; được định hướng phát triển theo hướng đô thị hiện đại, xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; trở thành vùng phát triển vệ tinh phía Nam của tiểu vùng đô thị trung tâm, giữ vai trò kết nối hệ thống đô thị với khu vực nông thôn và các hành lang kinh tế. Phát triển đô thị đa ngành, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và logistics; đồng thời phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa tập trung và du lịch văn hóa - tâm linh của tiểu vùng trung tâm tỉnh.

b) Đánh giá: Đạt.

2.15.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Long Hưng đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Long Hưng đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.15.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương xã Long Hưng đạt 359,18 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 358,31 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,24%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,44% trong cơ cấu kinh tế của xã Long Hưng.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Long Hưng là 24.705 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 19.710 người, chiếm tỷ lệ 79,78%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Long Hưng năm 2023 là 72,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 79,9 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 92,5 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Long Hưng là 1,52%, trong đó: năm 2023 là 1,75%, năm 2024 là 1,44% và năm 2025 là 0,32%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Long Hưng có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Long Hưng nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Long Hưng hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Long Hưng **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.16. Đối với xã Tiền Hải

2.16.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tiền Hải có quy mô dân số là 42.447 người, trong đó dân số thường trú là 41.808 người và dân số tạm trú là 639 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.16.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tiền Hải có 32,98 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.16.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tiền Hải và vùng phụ cận đến năm 2030 theo tiêu chí đô thị loại IV tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Tiền Hải là hạt nhân trung tâm của đô thị Tiền Hải - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng đô thị ven biển. Là địa bàn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Đông của tỉnh, với định hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hậu cần cảng; là vùng kinh tế động lực phía Đông của tỉnh gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hậu cần cảng; đóng vai trò đầu tầu thúc đẩy quá trình phát triển đô thị, phát triển kinh tế, xã hội vùng Đông của tỉnh dựa trên lợi thế là đầu mối giao thông liên vùng đã được đầu tư đồng bộ như Quốc lộ 37B, ĐT.465, ĐT.462, đường trục 5 Khu kinh tế,… góp phần nâng cao khả năng liên kết vùng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, dịch vụ và du lịch.

Với vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng phát triển lớn và được xác định rõ trong các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Tiền Hải có đầy đủ điều kiện để trở thành trung tâm tổng hợp, đồng thời là khu vực có chức năng là trung tâm chuyên ngành cấp tiểu vùng về công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hậu cần cảng cấp tiểu vùng, đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Đông tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.16.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tiền Hải (thành lập trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Tiền Hải và các xã Tây An, Tây Sơn theo Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) và các xã An Ninh, Tây Ninh, Tây Lương, Vũ Lăng theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực thị trấn Tiền Hải và các xã Tây Ninh, Tây Giang, Đông Lâm, Đông Cơ cũ đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định 1038/QĐ-BXD ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, thị trấn Tiền Hải mở rộng (gồm khu vực thị trấn Tiền Hải và các xã Tây Ninh, Tây Giang, Đông Lâm, Đông Cơ cũ) được chuyển tiếp thành đô thị Tiền Hải - đô thị loại III, trong đó, khu vực thuộc xã Tiền Hải ngày nay có quy mô dân số là 23.563 (gồm dân số thường trú là 23.210 người và dân số tạm trú là 353 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính đạt 55,51% (23.563/42.447).

c) Đánh giá: Đạt.

2.16.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương xã Tiền Hải đạt 1.138,89 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 963,49 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 118,20%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 80,44% trong cơ cấu kinh tế của xã Tiền Hải.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tiền Hải là 35.655 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 29.861 người, chiếm tỷ lệ 83,75%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Tiền Hải năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,4 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiền Hải là 1,55%, trong đó: năm 2023 là 1,74%, năm 2024 là 1,58% và năm 2025 là 0,35%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Tiền Hải có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi

03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Tiền Hải nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Tiền Hải hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Tiền Hải **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.17. Đối với xã Kiến Xương

2.17.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Kiến Xương có quy mô dân số là 47.848 người, trong đó dân số thường trú là 47.566 người và dân số tạm trú là 282 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.17.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Kiến Xương có 36,73 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.17.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Kiến Xương là hạt nhân trung tâm của đô thị Kiến Xương - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng đô thị ven biển; được định hướng phát triển trở thành đô thị phụ trợ của đô thị Thái Bình và trung tâm vùng nông nghiệp tả ngạn sông Hồng; tăng cường kết nối đô thị - nông thôn và liên kết kinh tế vùng, phát triển xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức các khu dân cư, khu đô thị gắn với trung tâm hành chính - dịch vụ; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao và chế biến nông sản. Với tính chất đô thị dịch vụ - thương mại gắn với làng nghề và nông nghiệp sinh thái của tiểu vùng đô thị ven biển phía Bắc, thuộc hành lang sinh thái sông Hồng; đồng thời góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy các không gian di tích lịch sử - văn hóa, phát triển du lịch của tỉnh; đầu mối giao thông liên vùng với đường cao tốc CT08 Ninh Bình - Hải Phòng, kết hợp với các tuyến Quốc lộ 37B, ĐT.458 đi qua địa bàn sẽ giúp Kiến Xương liên kết với nhiều khu vực trong tỉnh và các tỉnh Ninh Bình, Hải Phòng và Quảng Ninh. Đây được coi là động lực chính để phát triển Kiến Xương trở thành một đô thị trung tâm dịch vụ hỗ trợ và thương mại dịch vụ phụ trợ cho đô thị Thái Bình và các đô thị lân cận.

b) Đánh giá: Đạt.

2.17.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Kiến Xương đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Kiến Xương đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.17.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương xã Kiến Xương đạt 386,34 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 386,26 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,02%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 73,14% trong cơ cấu kinh tế của xã Kiến Xương.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Kiến Xương là 18.252 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 14.378 người, chiếm tỷ lệ 78,78%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Kiến Xương năm 2023 là 67,1 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 71,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Kiến Xương là 1,65%, trong đó: năm 2023 là 1,88%, năm 2024 là 1,64% và năm 2025 là 0,07%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Kiến Xương có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu

quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Kiến Xương nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Kiến Xương hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Kiến Xương **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.18. Đối với xã Quỳnh Phụ

2.18.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Quỳnh Phụ có quy mô dân số là 52.076 người, trong đó dân số thường trú là 51.550 người và dân số tạm trú là 526 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.18.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Quỳnh Phụ có 31,98 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.18.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn đến năm 2050 tại Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 26/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Quỳnh Phụ được định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; tổ chức không gian đô thị hợp lý, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, nâng cao chất lượng sống và từng bước xây dựng diện mạo đô thị văn minh, hiện đại; gắn phát triển kinh tế với nâng cao đời sống nhân dân, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, y tế, giáo dục; thu hút đầu tư, hình thành các khu đô thị, khu công nghiệp và khu dịch vụ; khai thác lợi thế liên kết vùng, phát triển thương mại, dịch vụ logistics; đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự và ổn định xã hội. Với tính chất là đô thị loại III phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên, trung tâm kinh tế, công nghiệp - dịch vụ, đầu mối giao thông của tỉnh, thuộc hành lang đô thị công nghiệp; là vùng phát triển tổng hợp đa ngành, vừa là hạt nhân hành chính, đô thị, vừa là trung tâm sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ và logistics nội tỉnh; phát triển theo hướng đô thị hóa mạnh mẽ, từng bước hình thành các khu dân cư mới, khu đô thị vệ tinh với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng tổng hợp và bền vững, trong đó nông nghiệp được tổ chức theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Là hạt nhân phát triển của tiểu vùng, góp phần điều tiết phân bố dân cư và giảm áp lực cho các đô thị trung tâm; là đầu mối kết nối giao thông và giao thương với các khu vực kinh tế trong tỉnh và vùng lân cận; là khu vực phát triển đô thị, chuyển đổi kinh tế, phát triển kinh tế tổng hợp và thu hút đầu tư, tạo động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên. Có

các chức năng chính gồm trung tâm hành chính - chính trị cấp địa phương; trung tâm thương mại - dịch vụ và giao thương của khu vực; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển logistics; phát triển các khu dân cư và khu đô thị mới; phát triển du lịch văn hóa - tâm linh gắn với các di tích lịch sử, tín ngưỡng; cung cấp các dịch vụ du lịch và dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa phục vụ người dân và du khách.

b) Đánh giá: Đạt.

2.18.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Quỳnh Phụ đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Quỳnh Phụ đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.18.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương xã Quỳnh Phụ đạt 2.038,12 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 2.038,12 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 71,45% trong cơ cấu kinh tế của xã Quỳnh Phụ.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quỳnh Phụ là 31.206 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 23.373 người, chiếm tỷ lệ 74,90%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm)

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Quỳnh Phụ năm 2023 là 63,5 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,7 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Quỳnh Phụ là 2,27%, trong đó: năm 2023 là 2,50%, năm 2024 là 2,32% và năm 2025 là 0,38%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Quỳnh Phụ có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ

lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Quỳnh Phụ nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Quỳnh Phụ hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Quỳnh Phụ **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.19. Đối với xã Hưng Phú

2.19.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Hưng Phú có quy mô dân số là 25.814 người, trong đó dân số thường trú là 25.684 người và dân số tạm trú là 130 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.19.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hưng Phú có 53,11 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.19.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 05/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Hưng Phú được định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát

huy các giá trị văn hóa, lịch sử. Tổ chức không gian đô thị hợp lý, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước xây dựng diện mạo đô thị văn minh, hiện đại; gắn phát triển kinh tế với nâng cao đời sống nhân dân; chú trọng giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ y tế, giáo dục. Thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua việc hình thành các khu đô thị, khu công nghiệp và khu dịch vụ, địa phương có thể tạo ra môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điều này không chỉ giúp gia tăng nguồn thu ngân sách mà còn đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài của địa phương. Khai thác lợi thế liên kết vùng: Tận dụng lợi thế từ các tuyến giao thông lớn để phát triển thương mại, dịch vụ logistics. Đảm bảo quốc phòng - an ninh; Phát triển gắn với bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, ổn định xã hội. Với tính chất là đô thị loại III trong giai đoạn 2026 - 2030, đô thị lấn biển, đô thị trung tâm dịch vụ thương mại và nhà ở, đô thị du lịch sinh thái; đô thị phía Nam trong cấu trúc mạng lưới đô thị 30 phút - HungYen30, trong khu kinh tế. Với vai trò là một bộ phận của hành lang phát triển kinh tế ven biển Bắc Bộ, góp phần phát triển kinh tế biển, dịch vụ logistics, vận tải biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực ven biển; Đầu mối kết nối giao thông, logistics và dịch vụ cảng biển; góp phần thúc đẩy liên kết phát triển giữa các địa phương ven biển trong vùng; là một trong những cực tăng trưởng mới của tỉnh, cửa ngõ ra biển; trung tâm phát triển công nghiệp, logistics cảng biển, thương mại - dịch vụ, du lịch biển và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế biển tổng hợp và quá trình đô thị hóa của tỉnh. Có các chức năng chính gồm: Trung tâm hành chính - chính trị địa phương; trung tâm du lịch sinh thái biển, trung tâm thương mại - dịch vụ và logistics của khu vực; trung tâm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khu vực phát triển các khu dân cư và khu đô thị mới; phát triển du lịch văn hóa gắn với các di tích lịch sử; cung cấp dịch vụ xã hội phục vụ người dân và du khách.

b) Đánh giá: Đạt.

2.19.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hưng Phú đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Hưng Phú đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.19.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Hưng Phú đạt 254,82 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 236,32 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 107,83%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,68% trong cơ cấu kinh tế của xã Hưng Phú.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hưng Phú là 14.758 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 11.678 người, chiếm tỷ lệ 79,13%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Hưng Phú năm 2023 là 67,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,0 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hưng Phú là 1,53%, trong đó: năm 2023 là 1,77%, năm 2024 là 1,48% và năm 2025 là 0,38%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Hưng Phú có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với

các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Hưng Phú nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Hưng Phú hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Hưng Phú **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.20. Đối với xã Đông Hưng

2.20.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Đông Hưng có quy mô dân số là 48.904 người, trong đó dân số thường trú là 47.942 người và dân số tạm trú là 962 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.20.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Đông Hưng có 24,95 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.20.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên được phê duyệt tại Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Đông Hưng là hạt nhân trung tâm của đô thị Đông Hưng - đô thị trung tâm chuyên ngành của tiểu vùng đô thị trung tâm; được định hướng phát triển đô thị theo hướng trung tâm chuyên ngành về công nghiệp - dịch vụ - logistics khu vực nội địa tỉnh Hưng Yên và đô thị vệ tinh của đô thị Phố Hiến; tổ chức không gian đô thị và hệ thống hạ tầng đồng bộ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội và đời sống nhân dân; đồng thời phát triển du lịch sinh thái, văn hóa - tâm linh, bảo vệ cảnh quan, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Với tính chất là đô thị loại III giai đoạn 2026 - 2030, đô thị vệ tinh của đô thị Phố Hiến, giữ vai trò trung tâm kinh tế, công nghiệp - dịch vụ và đầu mối giao thông khu vực nội địa tỉnh Hưng Yên, thuộc hành lang đô thị - công nghiệp. Với vai trò là cực phát triển và đầu mối liên kết phía Nam tỉnh Hưng Yên, kết nối các hành lang kinh tế, khu vực phía Bắc sông Trà Lý với hành lang kinh tế ven biển và hệ thống logistics Hải Phòng; hỗ trợ phát triển các khu vực nông nghiệp lân cận, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút đầu tư vào công nghiệp, chế biến nông sản, thương mại, dịch vụ và logistics. Là trung tâm hành chính - chính trị địa phương, thương mại - dịch vụ, logistics, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển các khu đô thị, khu dân cư, du lịch văn hóa - tâm linh gắn với di tích lịch sử và cung cấp các dịch vụ xã hội phục vụ người dân và du khách.

b) Đánh giá: Đạt.

2.20.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Đông Hưng đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Đông Hưng 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.20.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Đông Hưng đạt 407,09 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 402,34 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 101,18%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 88,82% trong cơ cấu kinh tế của xã Đông Hưng.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Đông Hưng là 28.364 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 25.154 người, chiếm tỷ lệ 88,68%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Đông Hưng năm 2023 là 63,6 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,9 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh

Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Đông Hưng là 1,13%, trong đó: năm 2023 là 1,40%, năm 2024 là 1,12%, năm 2025 là 0,14% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Đông Hưng **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.21. Đối với xã Vũ Thư

2.21.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Vũ Thư có quy mô dân số là 44.116 người, trong đó dân số thường trú là 43.336 người và dân số tạm trú là 780 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.21.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vũ Thư có 29,07 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.21.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Vũ Thư là hạt nhân trung tâm của đô thị Vũ Thư - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng đô thị ven biển được định hướng phát triển trở thành đô thị cửa ngõ của tiểu vùng đô thị ven biển phía Bắc, tăng cường kết nối khu vực đô thị với nông thôn và các hành lang kinh tế ven biển; phát triển

xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức các khu dân cư, khu đô thị gắn với trung tâm hành chính - dịch vụ; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất và chế biến nông sản. Với tính chất là đô thị công nghiệp - dịch vụ - logistics và du lịch sinh thái của tiểu vùng đô thị ven biển phía Bắc, thuộc hành lang sinh thái sông Hồng. Phát triển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại; gắn dịch vụ đa ngành, dịch vụ kỹ thuật cao với công nghiệp sạch, công nghệ cao, nông nghiệp đô thị có giá trị kinh tế cao và du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái, cộng đồng mang bản sắc đồng bằng sông Hồng. Là đô thị cửa ngõ, đầu mối giao thương liên tỉnh, kết nối các tỉnh phía Nam với Hải Phòng, Quảng Ninh, khu vực phía Bắc Hưng Yên và Khu kinh tế ven biển thông qua các tuyến giao thông lớn; là trung tâm công nghiệp - dịch vụ, địa bàn chiến lược thu hút đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đồng thời là đô thị phụ trợ của đô thị Thái Bình, trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh; gìn giữ, bảo tồn và phát huy các không gian di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh.

b) Đánh giá: Đạt.

2.20.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Vũ Thư đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Vũ Thư đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.21.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Vũ Thư đạt 547,07 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 528,49 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 103,52%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 78,68% trong cơ cấu kinh tế của xã Vũ Thư.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vũ Thư là 30.940 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 25.265 người, chiếm tỷ lệ 81,66%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Vũ Thư năm 2023 là 64,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vũ Thư là 1,51%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,51% và năm 2025 là 0,3%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Vũ Thư có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn

vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Vũ Thư nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Vũ Thư hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Vũ Thư **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.22. Đối với xã Vũ Quý

2.22.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Vũ Quý có quy mô dân số là 27.062 người, trong đó dân số thường trú là 26.897 người và dân số tạm trú là 165 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.22.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vũ Quý có 15,10 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.22.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Vũ Quý thuộc đô thị Kiến Xương - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng đô thị ven biển; được định hướng phát triển trở thành đô thị phụ trợ của đô thị Thái Bình và trung tâm vùng nông nghiệp tả ngạn sông Hồng; tăng cường kết nối đô thị - nông thôn và liên kết kinh tế vùng, phát triển xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức các khu dân cư, khu đô thị gắn với trung tâm hành chính - dịch vụ; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao và chế biến nông sản. Phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa; tăng cường quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ thống thủy lợi; bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, phát triển du lịch văn hóa - tâm linh, nâng cao đời sống và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó khu vực xã Vũ Quý định hướng phát triển đô thị loại III giai đoạn 2026 - 2030; đô thị dịch vụ - thương mại gắn với làng nghề và nông nghiệp sinh thái; phát triển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại với trọng tâm là dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực; chú trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp sạch, công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái công nghệ cao.

b) Đánh giá: Đạt.

2.22.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Vũ Quý đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Vũ Quý đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.22.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Vũ Quý đạt 257,13 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 257,13 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 86,38% trong cơ cấu kinh tế của xã Vũ Quý.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vũ Quý là 15.730 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 13.068 người, chiếm tỷ lệ 83,08%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Vũ Quý năm 2023 là 66,6 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 70,7 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn xã bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vũ Quý là 1,29%, trong đó: năm 2023 là 1,37%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 0,34%.

Qua đánh giá, năm 2024, xã Vũ Quý có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm

nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Vũ Quý nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Vũ Quý hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Vũ Quý **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.23. Đối với xã Phụ Dực

2.23.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Phụ Dực có quy mô dân số là 42.672 người, trong đó dân số thường trú là 42.232 người và dân số tạm trú là 440 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.23.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phụ Dực có 33,17 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.23.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên, giai đoạn đến năm 2050 tại Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 26/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Phụ Dực được định hướng phát triển trở thành đô thị trung tâm chuyên ngành của tiểu vùng đô thị trung tâm. Phát triển đô thị Phụ Dực theo hướng trở thành vùng phát triển vệ tinh phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên, giữ vai trò cửa ngõ kết nối giữa khu vực nông nghiệp và các hành lang kinh tế ven biển phía Đông Bắc; định hướng phát triển trở thành đô thị loại III, phát triển kinh tế đa ngành, xây dựng hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất hàng hóa tập trung; tổ chức không gian đô thị hợp lý gắn với các trục giao thông quan trọng như Vành đai 2, các tuyến đường tỉnh và khả năng kết nối trực tiếp với Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng; phát triển hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng đời sống, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan nông thôn, hệ thống thủy lợi và các giá trị văn hóa truyền thống. Với tính chất là đô thị loại III trong giai đoạn 2026 - 2030, mang tính chất đô thị công nghiệp - dịch vụ - thương mại hiện đại, là một trong những hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội quan trọng khu vực phía Đông Nam của tỉnh, vừa là trung tâm sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ và logistics nội tỉnh; phát triển theo mô hình tuyến tính gắn với các hành lang kinh tế và trục giao thông huyết mạch kết nối liên tỉnh, liên vùng; đồng thời là không gian bảo tồn cảnh quan sinh thái, duy trì quỹ đất nông nghiệp và phát triển các mô hình kinh tế xanh, nông nghiệp sạch gắn với du lịch trải nghiệm. Có vai trò là địa bàn kết nối giữa khu vực nông thôn của Hưng Yên với các trung tâm kinh tế, công nghiệp và dịch vụ lớn trong vùng đồng bằng sông Hồng; hỗ trợ phát triển đô thị và dịch vụ ở phía đông Hưng Yên; thúc đẩy liên kết kinh tế, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, kết nối với hành lang kinh tế ven biển và hệ thống logistics của Hải Phòng; cung cấp nông sản, lao động và dịch vụ hỗ trợ cho các trung tâm công nghiệp, đô thị lân cận; đồng thời có vai trò trong bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch của tỉnh. Với các chức năng chính gồm trung tâm hành chính - chính trị cấp địa phương; trung tâm thương mại - dịch vụ và giao thương của khu vực; phát triển

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; phát triển các khu dân cư và khu đô thị mới; phát triển du lịch văn hóa - tâm linh gắn với các di tích lịch sử, tín ngưỡng; cung cấp các dịch vụ du lịch và dịch vụ xã hội phục vụ người dân và du khách.

b) Đánh giá: Đạt.

2.23.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Phụ Dực đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Phụ Dực đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.23.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Phụ Dực đạt 519,49 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 519,49 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 88,27% trong cơ cấu kinh tế của xã Phụ Dực.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phụ Dực là 26.150 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 21.087 người, chiếm tỷ lệ 80,64%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Phụ Dực năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phụ Dực là 1,84%, trong đó: năm 2023 là 2,02%, năm 2024 là 1,85% và năm 2025 là 0%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Phụ Dực có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Phụ Dực đã bằng 0% (năm 2025), đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Phụ Dực **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.24. Đối với xã Tiên Lữ

2.24.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tiên Lữ có quy mô dân số là 27.305 người, trong đó dân số thường trú là 26.889 người và dân số tạm trú là 416 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.24.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tiên Lữ có 19,56 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.24.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Tiên Lữ thuộc đô thị Phố Hiến - đô thị trung tâm Tỉnh; được định hướng phát triển trở thành trung tâm giao thương trên sông Luộc của vùng thông qua công trình cảng Thụy Lôi; là trung tâm vùng phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ du lịch, logistics và nông nghiệp công nghệ cao. Với lợi thế liền kề khu trung tâm tỉnh, khu đại học Phố Hiến, tại đây được định hướng bố trí các công trình công cộng, thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu của người dân. Đây sẽ là một đô thị trung tâm dịch vụ liên vùng về giao thương với khu vực trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh với các tỉnh thành trong khu vực thông qua lợi thế của Quốc lộ 39A và đường tránh Quốc lộ 38B, đường ĐT.376 đi qua địa bàn.

b) Đánh giá: Đạt.

2.24.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tiên Lữ đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Tiên Lữ đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.24.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Tiên Lữ đạt 618,56 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 617,94 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,10%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,49% trong cơ cấu kinh tế của xã Tiên Lữ.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tiên Lữ là 13.540 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 10.733 người, chiếm tỷ lệ 79,27%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Tiên Lữ năm 2023 là 68,8 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,8 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiên Lữ là 0,75%, trong đó: năm 2023 là 1,11%, năm 2024 là 0,65%, năm 2025 là 0,3% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Tiên Lữ **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.25. Đối với xã Lạc Đạo

2.25.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Lạc Đạo có quy mô dân số là 43.933 người, trong đó dân số thường trú là 39.824 người và dân số tạm trú là 4.109 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.25.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Lạc Đạo có 22,10 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.25.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm

2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Lạc Đạo thuộc đô thị Văn Lâm - đô thị thuộc tiểu vùng đô thị phía Bắc, thuộc hành lang đô thị công nghiệp của tỉnh; được định hướng phát triển là đô thị công nghiệp - dịch vụ thương mại - logistics trọng điểm khu vực cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hưng Yên; hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ cấp vùng nhằm khai thác tối đa năng lực giao thương của khu vực trên cơ sở lợi thế của đường Vành đai 4, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và tỉnh lộ 385 kết nối với Quốc lộ 5A; có vai trò trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.25.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Lạc Đạo đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Lạc Đạo đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.25.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn.

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Lạc Đạo đạt 346,67 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 346,67 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 98,70% trong cơ cấu kinh tế của xã Lạc Đạo.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Lạc Đạo là 20.520 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 19.535 người, chiếm tỷ lệ 95,20%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Lạc Đạo năm 2023 là 80,24 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 83,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 87,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Lạc Đạo là 0,70%, trong đó: năm 2023 là 0,94%, năm 2024 là 0,66%, năm 2025 là 0,18% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Lạc Đạo **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.26. Đối với xã Tân Hưng

2.26.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, xã Tân Hưng có quy mô dân số là 27.222 người, trong đó dân số thường trú là 27.016 người và dân số tạm trú là 206 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.26.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tân Hưng có 19,30 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.26.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đến năm 2035 tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Tân Hưng thuộc đô thị Phố Hiến - đô thị trung tâm Tỉnh. Thuộc khu vực nội thị của đô thị thành phố Hưng Yên cũ, xã Tân Hưng hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư; được tổ chức không gian phát triển đô thị là khu cải tạo, nâng cấp phía Nam và khu xanh ven sông Hồng với định hướng là khu ở hiện hữu được nâng cấp, cải tạo, gìn giữ không gian vườn quả, cây trái nhằm bảo tồn vùng nhãn Hưng Yên; là khu vực phát triển mới, đóng vai trò bổ trợ cho khu vực lõi trung tâm của đô thị, bổ sung một số chức năng đô thị cho đô thị trung tâm (thể dục thể thao, thương mại dịch vụ, các khu nhà ở mới, công viên, vui chơi giải trí và các tiện ích đô thị khác); kết hợp dịch vụ, du lịch sinh thái, nhà ở; kết nối du lịch đường thủy trên sông Hồng với Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến.

b) Đánh giá: Đạt.

2.26.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thủ Sỹ, Phương Nam *(thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tư nhiên và quy mô dân số của xã Phương Chiểu sau khi điều chỉnh một phần về xã Liên Phương và toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Hồng Nam theo Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 ngày*

24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) và Tân Hưng theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực xã Phương Nam, Tân Hưng cũ thuộc khu vực nội thị của thành phố Hưng Yên cũ đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 1012/QĐ-BXD ngày 17/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, toàn bộ thành phố Hưng Yên cũ được chuyển tiếp thành đô thị Hưng Yên - đô thị loại III, trong đó có khu vực xã Phương Nam, Tân Hưng cũ nay thuộc xã Tân Hưng, với quy mô dân số 16.797 (gồm dân số thường trú là 16.669 người và dân số tạm trú là 128 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Tân Hưng đạt 61,70% (16.797/27.222).

c) Đánh giá: Đạt.

2.26.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Tân Hưng đạt 267,74 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 261,93 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 102,22%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,54% trong cơ cấu kinh tế của xã Tân Hưng.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Tân Hưng là 14.839 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 11.337 người, chiếm tỷ lệ 76,40%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Tân Hưng năm 2023 là 69 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 76 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 85 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tân Hưng là 0,70%, trong đó: năm 2023 là 0,73%, năm 2024 là 0,55%, năm 2025 là 0,37% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Tân Hưng **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.27. Đối với xã Thái Ninh

2.27.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã cung cấp, xã Thái Ninh có quy mô dân số là 31.109 người, trong đó: dân số thường trú là 30.937 người và dân số tạm trú là 172 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.27.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Thái Ninh có 35,40 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.27.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Diêm Điền mở rộng đến năm 2030, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tại Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Thái Ninh thuộc quy hoạch đô thị Thái Thụy - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng đô thị ven biển; được định hướng phát triển thành đô thị trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội phía Đông Bắc của tỉnh, tập trung phát triển công nghiệp, logistics, dịch vụ tổng hợp và du lịch sinh thái; đảm bảo phát triển bền vững, phát triển xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu; có vai trò là trung tâm chuyên ngành cấp tiểu vùng về kinh tế, thương mại, dịch vụ du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, đầu mối giao thông liên vùng, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế khu vực cụm liên xã phía Đông tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.27.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các Thái Hưng, Thái Thượng, Hòa An và Thái Nguyên theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực xã Thái Hưng cũ (đô thị Thái Ninh) đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực các xã Thái Thượng, Thái Nguyên và xã Hòa An cũ thuộc quy hoạch thị trấn Diêm Điền mở rộng đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV tại Quyết định số 487/QĐ-BXD ngày 13/4/2018 của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Thái Ninh thuộc đô thị Diêm Điền và đô thị Thái Ninh đạt tiêu chí đô thị loại III. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Thái Ninh đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.27.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Thái Ninh đạt 331,91 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 331,37 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,16%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,11% trong cơ cấu kinh tế của xã Thái Ninh.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thái Ninh là 20.500 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 14.366 người, chiếm tỷ lệ 70,08%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Thái Ninh năm 2023 là 64,7 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,4 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Thái Ninh là 2,22%, trong đó: năm 2023 là 2,36%, năm 2024 là 2,16% và năm 2025 là 0,41%.

Qua đánh giá, năm 2023 và năm 2024, xã Thái Ninh có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước

biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Thái Ninh nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Thái Ninh hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Thái Ninh **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.28. Đối với xã Tiên Tiến

2.28.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Tiên Tiến có quy mô dân số là 29.241 người, trong đó dân số thường trú là 29.106 người và dân số tạm trú là 135 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.28.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tiên Tiến có 25,79 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.28.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Tiên Tiến có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị và mạng lưới các điểm dân cư trên địa bàn, giữ vai trò là đô thị trung tâm của khu vực, là nơi tập trung các chức năng hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật có tính chất đầu mối phục vụ dân cư trong đô thị và khu vực lân cận. Trên địa bàn xã đã hình thành tương đối rõ khu vực trung tâm hành chính - chính trị, tập trung trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, đoàn thể và các đơn vị sự nghiệp; đồng thời đã đầu tư xây dựng hệ thống các công trình công cộng, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Các công trình này tạo thành hạt nhân trung tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ và thực hiện chức năng quản lý hành chính cho phạm vi đô thị và khu vực xung quanh.

Về chức năng kinh tế - xã hội, xã Tiên Tiến là đầu mối tập trung các hoạt động thương mại, dịch vụ, giao dịch hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa và các hoạt động phục vụ sản xuất, đời sống của người dân. Sự tập trung của các cơ quan hành chính, cơ sở dịch vụ và công trình công cộng tạo điều kiện hình thành khu vực trung tâm có sức hút đối với dân cư, lao động và các hoạt động kinh tế từ các xã, khu dân cư lân cận. Về giao thông và liên kết vùng, xã nằm trên các tuyến giao thông có vai trò kết nối với các khu vực lân cận: ĐT.386, đường tránh Quốc lộ 38B,... tạo điều kiện thuận lợi cho luân chuyển hàng hóa, dịch vụ và tiếp cận các công trình đầu mối. Hệ thống đường giao thông đối ngoại và mạng lưới giao thông đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp, tạo sự liên kết giữa khu vực trung tâm với các khu chức năng, khu dân cư và các xã địa bàn xung quanh.

Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống công trình hành chính và hạ tầng đô thị đã được đầu tư, cùng với chức năng tập trung các hoạt động kinh tế - xã hội và khả năng kết nối với các khu vực lân cận, đô thị có đủ cơ sở để xác định là một trong những trung tâm và đầu mối kết nối quan trọng của khu vực, đóng vai

trò hạt nhân trong tổ chức không gian phát triển đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

b) Đánh giá: Đạt.

2.28.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Tiên Tiến đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Tiên Tiến đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.28.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tiên Tiến đạt 681,92 tỷ đồng, tổng chi ngân sách trên địa bàn là 478,11 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 142,63%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,23% trong cơ cấu kinh tế của xã Tiên Tiến.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tiên Tiến là 15.985 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 11.295 người, chiếm tỷ lệ 70,66%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Tiên Tiến năm 2023 là 67,1 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tiên Tiến là 0,89%, trong đó: năm 2023 là 1,13%, năm 2024 là 0,59%, năm 2025 là 0,09% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Tiên Tiến **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.29. Đối với xã Nghĩa Dân

2.29.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Nghĩa Dân có quy mô dân số là 34.828 người, trong đó dân số thường trú là 34.533 người và dân số tạm trú là 295 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.29.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nghĩa Dân có 23,30 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.29.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Nghĩa Dân được định hướng phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ kết hợp nông nghiệp công nghệ cao và công nghiệp sạch; phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ thương mại, logistics và các ngành nghề sản xuất theo hướng hiện đại dựa trên lợi thế về giao thông kết nối với Quốc lộ 39, các tuyến đường tỉnh, trục giao thông liên huyện và hệ thống giao thông kết nối với thành phố Hưng Yên cùng các khu vực trung tâm của tỉnh. Ngoài ra, khu vực xã Nghĩa Dân còn có lợi thế về quỹ đất phát triển, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tương đối đồng bộ, không gian phát triển rộng, thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, trung tâm thương mại dịch vụ, khu dân cư tập trung và các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đầu mối giao thông và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực cụm liên xã phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.29.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Xã Nghĩa Dân, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đồng Thanh, Vĩnh Xá, Toàn Thắng và Nghĩa Dân theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, khu vực xã Nghĩa Dân cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh và khu vực xã Toàn Thắng cũ đã được công nhận là đô thị loại V tại Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đô thị Nghĩa Dân và đô thị Toàn Thắng thuộc xã Nghĩa Dân được chuyển tiếp thành đô thị loại III, với quy mô dân số đô thị là 19.110 người (gồm dân số thường trú là 18.948 người và dân số tạm trú là 162 người). Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Nghĩa Dân đạt 54,87% (19.110/34.828).

c) Đánh giá: Đạt.

2.29.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nghĩa Dân

năm 2025 đạt 529,36 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 472,81 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 111,96%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 82,78% trong cơ cấu kinh tế của xã Nghĩa Dân.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nghĩa Dân là 20.845 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 16.475 người, chiếm tỷ lệ 79,04%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Nghĩa Dân năm 2023 là 63,9 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 73,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nghĩa Dân là 0,41%, trong đó: năm 2023 là 0,64%, năm 2024 là 0,36%, năm 2025 là 0,06% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Nghĩa Dân **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.30. Đối với xã Quang Hưng

2.30.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Quang Hưng có quy mô dân số là 29.562 người, trong đó dân số thường trú là 29.221 người và dân số tạm trú là 341 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.30.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Quang Hưng có 25,71 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.30.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Quang Hưng nằm ở khu vực Vùng động lực trung tâm của tỉnh Hưng Yên, hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; được định hướng phát triển đô thị, công nghiệp trên cơ sở trung tâm thị trấn Trần Cao và khu vực đô thị hóa mở rộng phát triển trên trục đường Quốc lộ 38B. Trung tâm này phát triển đô thị truyền thống gắn với các hoạt động dịch vụ đời sống và sinh hoạt cộng đồng đô thị, tại đây sẽ bố trí khu trung tâm hành chính của đô thị. Đây là khu vực thuận lợi phục vụ cho các cơ sở kinh tế được xây dựng đợt đầu như: CCN Trần Cao - Quang Hưng, khu vực xã Quang Hưng có vai trò trung tâm chuyên ngành cấp tiểu vùng về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.30.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Quang Hưng đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Quang Hưng đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.30.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Quang Hưng năm 2025 đạt 492,16 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 421,07 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 116,88%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 77,14% trong cơ cấu kinh tế của xã Quang Hưng.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quang Hưng là 15.300 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 11.383 người, chiếm tỷ lệ 74,40%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Quang Hưng năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 82 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh

Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Quang Hưng là 0,65%, trong đó: năm 2023 là 0,98%, năm 2024 là 0,61%, năm 2025 là 0,07% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Quang Hưng **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.31. Đối với xã Việt Yên

2.31.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Việt Yên có quy mô dân số là 43.933 người, trong đó dân số thường trú là 42.940 người và dân số tạm trú là 993 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.31.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Việt Yên có 24,00 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.31.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/9/206 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Việt Yên nằm ở trung tâm của đô thị Yên Mỹ - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc, thuộc Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội); được định hướng phát triển phát triển theo mô hình công

nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao. Trong đó, khu vực này có vai trò là một trong những không gian phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ và logistics quan trọng của tỉnh; đồng thời là khu vực có khả năng tạo động lực và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội đối với các địa bàn lân cận.

Về chức năng đô thị, quá trình phát triển công nghiệp, đô thị hóa và gia tăng dân số đã tạo điều kiện hình thành ngày càng rõ nét các chức năng trung tâm của khu vực, bao gồm các hoạt động hành chính, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, đời sống dân cư. Các chức năng này không chỉ phục vụ nhu cầu của dân cư trên địa bàn xã mà còn có khả năng đáp ứng một phần nhu cầu của dân cư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các khu vực lân cận, phù hợp với vai trò trung tâm của một cụm liên xã và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên. Về định hướng phát triển, Việt Yên được xác định là khu vực có điều kiện để hình thành không gian đô thị hiện đại, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ và không gian ở. Khu vực cũng được định hướng phát triển các hoạt động kinh tế tri thức, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, giáo dục, đào tạo nghề và các lĩnh vực công nghệ cao, tạo cơ sở nâng cao chất lượng đô thị và tăng cường khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư trong giai đoạn tới.

Như vậy, với vị trí nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh, trên các hành lang phát triển quan trọng, có khả năng kết nối thuận lợi với vùng Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế trong vùng, cùng với định hướng phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao, xã Việt Yên có vai trò là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - thương mại, dịch vụ và logistics của khu vực, đồng thời là đầu mối giao thông liên vùng và giao thương quan trọng của cụm liên xã khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, dựa trên lợi thế hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại như các tuyến ĐCT Hà Nội - Hải Phòng - Quốc lộ 5B, CT16 - ĐT.379 - Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên, ĐT.206, ĐT.382, liền kề với Quốc lộ 39A,… đi qua địa bàn.

b) Đánh giá: Đạt.

2.31.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Việt Yên đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Việt Yên đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.31.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Việt Yên đạt 1.024,19 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương đạt 738,31 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 138,72%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 86,61% trong cơ cấu kinh tế của xã Việt Yên.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Việt Yên là 25.858 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 20.996 người, chiếm tỷ lệ 81,15%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Việt Yên năm 2023 là 66 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,5 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,3 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Việt Yên là 0,53%, trong đó: năm 2023 là 0,77%, năm 2024 là 0,44%, năm 2025 là 0,23% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Việt Yên **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.32. Đối với xã Hoàn Long

2.32.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Hoàn Long có quy mô dân số là 33.415 người, trong đó dân số thường trú là 32.620 người và dân số tạm trú là 795 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.32.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hoàn Long có 19,58 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.32.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 08/9/206 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Hoàn Long thuộc đô thị Yên Mỹ - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hưng Yên; được xác định là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển không gian theo mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistic công nghệ cao. Đây là khu vực trọng điểm được lựa chọn để xây dựng tổ hợp khu công nghệ cao của tỉnh Hưng Yên hiện đại, đồng bộ về hạ tầng

kỹ thuật, sinh thái, thông minh và thân thiện với môi trường; nằm trên hành lang kinh tế trọng điểm, Hoàn Long là đầu mối giao thông đường bộ, giao lưu thương mại và dịch vụ kỹ thuật quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Như vậy, Xã Hoàn Long có vị trí chiến lược phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng; Địa bàn có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Vành đai 4 và các tuyến liên tỉnh, tạo lợi thế lớn về liên kết vùng và giao thương; Xã có nhiều dự án động lực cấp vùng như Khu công nghệ cao Hoàn Long, Khu đô thị mới PVF, các cụm công nghiệp Đồng Than, Ngọc Long 1&2, tạo động lực phát triển mạnh mẽ về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, công nghệ cao; Hoàn Long là nơi đặt cơ sở đào tạo của Trường Đại học Công Đoàn, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

b) Đánh giá: Đạt.

2.32.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Hoàn Long đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Hoàn Long đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.32.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách địa phương xã Hoàn Long đạt 982,49 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương đạt 474,24 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 207,17%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 82,90% trong cơ cấu kinh tế của xã Hoàn Long.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hoàn Long là 17.835 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 13.055 người, chiếm tỷ lệ 73,20%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Hoàn Long năm 2023 là 64,1 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 70,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,1 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hoàn Long là 0,46%, trong đó: năm 2023 là 0,81%, năm 2024 là 0,52% và năm 2025 là 0%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Hoàn Long **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.33. Đối với xã Nguyễn Trãi

2.33.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Nguyễn Trãi có quy mô dân số là 30.646 người, trong đó dân số thường trú là 30.433 người và dân số tạm trú là 213 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.33.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Nguyễn Trãi có 30,68 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.33.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Nguyễn Trãi thuộc đô thị Ân Thi - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc, được định hướng phát triển đô thị công nghiệp, dịch vụ thương mại và nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, phát triển các cụm công nghiệp, ngành nghề thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống, dịch vụ công nghiệp dựa trên lợi thế giao thông của Quốc lộ 38, đường tỉnh 386, đường tỉnh 376, đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình và các đường liên xã; ngoài lợi thế về giao thông; khu vực xã Nguyễn Trãi còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị.

b) Đánh giá: Đạt.

2.33.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nguyễn Trãi đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Nguyễn Trãi đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.33.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách địa phương xã Nguyễn Trãi năm 2025 đạt 870,80 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 762,19 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương

trên địa bàn đạt 114,25%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 72,96% trong cơ cấu kinh tế của xã Nguyễn Trãi.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nguyễn Trãi là 16.014 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 12.148 người, chiếm tỷ lệ 75,86%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Nguyễn Trãi năm 2023 là 73 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nguyễn Trãi là 0,53%, trong đó: năm 2023 là 1,60%, năm 2024 là 0,43% và năm 2025 là 0,21%.

Qua đánh giá, năm 2023, xã Nguyễn Trãi có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chưa đạt so với bình quân chung của tỉnh. Đây là giai đoạn nền kinh tế và thị trường lao động tiếp tục chịu tác động kéo dài của hậu quả đại dịch COVID-19; một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và hộ gia đình, nhất là các hộ mới thoát nghèo, chưa có khả năng chống chịu cao trước biến động việc làm, thu nhập, chi phí y tế, thiên tai và các rủi ro xã hội. Đối với các địa bàn có mật độ công nghiệp, lao động làm việc trong doanh nghiệp và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, những biến động này đã tác động trực tiếp đến thu nhập và khả năng duy trì mức sống của một bộ phận hộ dân. Vì vậy, số liệu của

một năm riêng lẻ chưa phản ánh đầy đủ xu hướng giảm nghèo và mức độ ổn định của kết quả giảm nghèo trên địa bàn. Việc đánh giá theo chuỗi 03 năm nhằm phản ánh đầy đủ hơn tính ổn định, xu hướng và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, tránh việc đánh giá đơn thuần theo một năm có biến động bất thường. Đồng thời, tỉnh xác định việc thành lập phường không phải là mục tiêu làm giảm chuẩn về an sinh xã hội. Ngược lại, khi trở thành đơn vị hành chính đô thị, các địa bàn này sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Do đó, kết quả giảm nghèo hiện tại và lộ trình giảm nghèo trong những năm tiếp theo là một trong những nội dung quan trọng được tỉnh cam kết tiếp tục thực hiện trong quá trình phát triển các phường sau khi được thành lập.

Năm 2026, sau khi tỉnh Hưng Yên tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện giảm nghèo bền vững để đạt mục tiêu đưa tỷ lệ hộ nghèo về 0%. Đến nay, kết quả rà soát định kỳ năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025), tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Nguyễn Trãi nói riêng đã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

Với tỷ lệ hộ nghèo của xã Nguyễn Trãi hiện đã bằng 0%, đây là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét đối với chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo; đồng thời, tỉnh Hưng Yên cam kết bảo đảm yêu cầu phát triển đô thị gắn với an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Nguyễn Trãi **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.34. Đối với xã Xuân Trúc

2.34.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Xuân Trúc có quy mô dân số là 25.698 người, trong đó dân số thường trú là 25.337 người và dân số tạm trú là 361 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.34.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Xuân Trúc có 20,04 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.34.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Xuân Trúc thuộc đô thị Ân Thi - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc, được định hướng phát triển đô thị công nghiệp công nghệ cao không gây ô nhiễm môi trường, thương mại, dịch vụ du lịch và nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển một số khu du lịch dịch vụ, vui chơi giải trí và không gian nghỉ dưỡng tái tạo sức lao động phục vụ cư dân địa phương và du khách; đầu mối giao thông liên vùng có vai trò thúc thẩy phát triển kinh tế - xã hội một cụm liên xã khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.34.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Xuân Trúc đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Xuân Trúc đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.34.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Xuân Trúc năm 2025 đạt 399,49 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 392,36 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 101,82%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 92,26% trong cơ cấu kinh tế của xã Xuân Trúc.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Xuân Trúc là 14.882 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 12.273 người, chiếm tỷ lệ 82,47%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Xuân Trúc năm 2023 là 73 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Xuân Trúc là 0,66%, trong đó: năm 2023 là 1,22%, năm 2024 là 0,41%, năm 2025 là 0,15% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Xuân Trúc **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.35. Đối với xã Châu Ninh

2.35.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã

cung cấp, xã Châu Ninh có quy mô dân số là 36.442 người, trong đó dân số thường trú là 36.179 người và dân số tạm trú là 263 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.35.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Châu Ninh có 22,26 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.35.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Châu Ninh nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), thuộc đô thị Khoái Châu - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Hưng Yên; được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Châu Ninh còn có lợi thế như quỹ đất rộng, được quy hoạch dự án khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái sân golf Khoái Châu có quy mô gần 1.000 ha, tổng mức đầu tư trên 1,5 tỷ USD; bao gồm hệ thống sân golf VIP 54 hố, khu nghỉ dưỡng, biệt thự cao cấp, quần thể đô thị hiện đại và các tiện ích theo tiêu chuẩn quốc tế; hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.35.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Châu Ninh đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Châu Ninh đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.35.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025 đạt 280,87 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 265,38 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 105,84%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,88% trong cơ cấu kinh tế của xã Châu Ninh.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Châu Ninh là 21.116 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 16.491 người, chiếm tỷ lệ 78,10%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Châu Ninh năm 2023 là 63,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,3 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,2 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh

Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Châu Ninh là 0,71%, trong đó: năm 2023 là 1,05%, năm 2024 là 0,77%, năm 2025 là 0,30% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Châu Ninh đạt **05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.36. Đối với xã Triệu Việt Vương

2.36.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh xã cung cấp, xã Triệu Việt Vương có quy mô dân số là 44,927 người, trong đó dân số thường trú là 44.418 người và dân số tạm trú là 509 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.36.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Triệu Việt Vương có 27,18 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.36.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên); Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2050 tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Triệu Việt Vương nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), thuộc đô thị Khoái Châu - đô thị chuyên ngành của tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, được định hướng phát triển đô thị thương mại, dịch vụ, các khu dân cư đô thị được bố trí theo định

hướng của quy hoạch hệ thống các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, được cải tạo nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; là khu trung tâm tiểu vùng giữa tỉnh; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Triệu Việt Vương còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Triệu Việt Vương có vai trò trung tâm về kinh tế, thương mại, dịch vụ du lịch, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

b) Đánh giá: Đạt.

2.36.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Triệu Việt Vương đã được đánh giá, công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. Do đó, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính của xã Triệu Việt Vương 100%.

c) Đánh giá: Đạt.

2.36.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Triệu Việt Vương năm 2025 đạt 1.262,42 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 1.176,02 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 107,35%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 77,69% trong cơ cấu kinh tế của xã Triệu Việt Vương.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Triệu Việt Vương là 29.153 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 21.946 người, chiếm tỷ lệ 75,28%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 63,3 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,6 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Triệu Việt Vương năm 2023 là 70,4 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,6 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 84,3 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh Hưng Yên trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,45%, năm 2024 là 1,15%, năm 2025 là 0,99%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Triệu Việt Vương là 0,59%, trong đó: năm 2023 là 0,70%, năm 2024 là 0,54%, năm 2025 là 0,39% và hiện không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Triệu Việt Vương **đạt 05/05** tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

I. HIỆN TRẠNG TỈNH HƯNG YÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CÓ LIÊN QUAN

1. Tỉnh Hưng Yên

1.1. Tỉnh Hưng Yên có 2.637,84 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 3.600.396 người; có 104 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 93 xã và 11 phường. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 10,58%.

1.2. Địa giới hành chính: Giáp Thành phố Hà Nội, thành phố Bắc Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Ninh Bình và Biển Đông.

2. Các đơn vị hành chính cấp xã có liên quan

2.1. Xã Nghĩa Trụ

a) Xã Nghĩa Trụ có 22,79 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.460 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Như Quỳnh, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Phụng Công và Văn Giang.

2.2. Xã Phụng Công

a) Xã Phụng Công có 14,61 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 35.712 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Như Quỳnh, Nghĩa Trụ, Văn Giang và Thành phố Hà Nội.

2.3. Xã Văn Giang

a) Xã Văn Giang có 22,96 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 41.407 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Nghĩa Trụ, Mễ Sở, Hoàn Long, Phụng Công và Thành phố Hà Nội.

2.4. Xã Mễ Sở

a) Xã Mễ Sở có 17,52 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.569 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Văn Giang và Thành phố Hà Nội.

2.5. Xã Lương Bằng

a) Xã Lương Bằng có 29,09 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 39.678 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Hồng Quang, Hiệp Cường, Hoàng Hoa Thám, Nghĩa Dân và Nguyễn Trãi.

2.6. Xã Nguyễn Văn Linh

a) Xã Nguyễn Văn Linh có 20,89 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 50.565 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Đường Hào và các xã Hoàn Long, Mỹ Hào, Nghĩa Trụ, Như Quỳnh, Việt Yên và Yên Mỹ.

2.7. Xã Việt Tiến

a) Xã Việt Tiến có 20,20 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.679 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Chí Minh, Khoái Châu, Nghĩa Dân, Triệu Việt Vương, Việt Yên, Xuân Trúc và Yên Mỹ.

2.8. Xã Yên Mỹ

a) Xã Yên Mỹ có 33,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 69.532 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Đường Hào và các xã Nguyễn Văn Linh, Phạm Ngũ Lão, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Việt Yên và Xuân Trúc.

2.9. Xã Như Quỳnh

a) Xã Như Quỳnh có 27,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 86.559 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Mỹ Hào và các xã Lạc Đạo, Nguyễn Văn Linh, Nghĩa Trụ, Phụng Công và Thành phố Hà Nội.

2.10. Xã Ân Thi

a) Xã Ân Thi có 24,38 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.895 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Nguyễn Trãi, Phạm Ngũ Lão, Xuân Trúc và thành phố Hải Phòng.

2.11. Xã Hoàng Hoa Thám

a) Xã Hoàng Hoa Thám có 31,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 47.213 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Phố Hiến và các xã Đoàn Đào, Hiệp Cường, Hồng Quang, Lương Bằng, Tân Hưng, Tiên Lữ và Tiên Hoa.

2.12. Xã Khoái Châu

a) Xã Khoái Châu có 29,33 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 49.501 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Châu Ninh, Chí Minh, Triệu Việt Vương và Việt Tiến.

2.13. Xã Thái Thụy

a) Xã Thái Thụy có 47,45 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.402 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Bắc Thái Ninh, Bắc Thụy Anh, Đông Thụy Anh, Thái Ninh, Thụy Anh và Biển Đông.

2.14. Xã Hưng Hà

a) Xã Hưng Hà có 38,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 54.887 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Thần Khê, Lê Quý Đôn, Tiên La, Tiên Hưng, Hồng Minh và Diên Hà.

2.15. Xã Long Hưng

a) Xã Long Hưng có 33,42 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 48.596 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Hồng Châu và các xã Lê Quý Đôn, Ngự Thiên, Tân Hưng, Tiên Lữ, Tiên La và tỉnh Ninh Bình.

2.16. Xã Tiền Hải

a) Xã Tiền Hải có 32,98 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 42.447 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Ái Quốc, Đồng Châu, Đông Tiền Hải, Kiến Xương, Lê Lợi, Nam Thái Ninh và Tây Tiền Hải.

2.17. Xã Kiến Xương

a) Xã Kiến Xương có 36,73 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 47.848 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Bình Định, Bình Thanh, Hồng Vũ, Lê Lợi, Quang Lịch, Tiền Hải, Tây Tiền Hải và Vũ Quý.

2.18. Xã Quỳnh Phụ

a) Xã Quỳnh Phụ có 31,98 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 52.076 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Đồng Bằng, Minh Thọ, Nguyễn Du và Quỳnh An.

2.19. Xã Hưng Phú

a) Xã Hưng Phú có 53,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.814 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Nam Cường, Nam Tiền Hải, tỉnh Ninh Bình và Biển Đông.

2.20. Xã Đông Hưng

a) Xã Đông Hưng có 24,95 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 48.904 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Bắc Đông Hưng, Bắc Đông Quan, Bắc Tiên Hưng, Đông Tiên Hưng, Nam Đông Hưng và Quỳnh An.

2.21. Xã Vũ Thư

a) Xã Vũ Thư có 29,07 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.116 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các phường Trần Hưng Đạo, Thái Bình, Vũ Phúc, các xã Vạn Xuân, Tân Thuận, Thư Trì và tỉnh Ninh Bình.

2.22. Xã Vũ Quý

a) Xã Vũ Quý có 15,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.062 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Trầm Lãm và các xã Hồng Vũ, Kiến Xương, Quang Lịch, Thư Vũ.

2.23. Xã Phụ Dực

a) Xã Phụ Dực có 33,17 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 42.672 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Đồng Bằng, Quỳnh An, Tân Tiến, Tây Thụy Anh và thành phố Hải Phòng.

2.24. Xã Tiên Lữ

a) Xã Tiên Lữ có 19,56 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.305 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Hoàng Hoa Thám, Long Hưng, Ngự Thiên, Tân Hưng và Tiên Hoa.

2.25. Xã Lạc Đạo

a) Xã Lạc Đạo có 22,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 43.933 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp phường Mỹ Hào, các xã Đại Đồng, Như Quỳnh và Thành phố Hà Nội, thành phố Bắc Ninh.

2.26. Xã Tân Hưng

a) Xã Tân Hưng có 19,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.222 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các phường Hồng Châu, Phố Hiến, các xã Hoàng Hoa Thám, Long Hưng, Tiên Lữ và tỉnh Ninh Bình.

2.27. Xã Thái Ninh

a) Xã Thái Ninh có 35,40 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 31.109 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Bắc Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh, Thái Thụy và Biển Đông.

2.28. Xã Tiên Tiến

a) Xã Tiên Tiến có 25,79 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 29.241 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Quang Hưng, Tiên Hoa, Tống Trân và thành phố Hải Phòng.

2.29. Xã Nghĩa Dân

a) Xã Nghĩa Dân có 23,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 34.828 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Chí Minh, Đức Hợp, Hiệp Cường, Lương Bằng, Nguyễn Trãi, Việt Tiến và Xuân Trúc.

2.30. Xã Quang Hưng

a) Xã Quang Hưng có 25,71 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 29.562 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Đoàn Đào, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Tống Trân và thành phố Hải Phòng.

2.31. Xã Việt Yên

a) Xã Việt Yên có 24,00 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 43.933 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến và Yên Mỹ.

2.32. Xã Hoàn Long

a) Xã Hoàn Long có 19,58 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 33.415 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Mễ Sở, Nghĩa Trụ, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Văn Giang và Việt Yên.

2.33. Xã Nguyễn Trãi

a) Xã Nguyễn Trãi có 30,68 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.646 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Ân Thi, Hồng Quang, Lương Bằng, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Xuân Trúc và thành phố Hải Phòng.

2.34. Xã Xuân Trúc

a) Xã Xuân Trúc có 20,04 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.698 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Ân Thi, Nghĩa Dân, Nguyễn Trãi, Việt Tiến, Phạm Ngũ Lão và Yên Mỹ.

2.35. Xã Châu Ninh

a) Xã Châu Ninh có 22,26 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.442 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Chí Minh, Khoái Châu, Triệu Việt Vương và Thành phố Hà Nội.

2.36. Xã Triệu Việt Vương

a) Xã Triệu Việt Vương có 27,18 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.927 người.

b) Địa giới hành chính: Giáp các xã Mễ Sở, Châu Ninh, Khoái Châu, Hoàn Long, Việt Tiến, Việt Yên, Yên Mỹ và Thành phố Hà Nội.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

1. Phường Nghĩa Trụ

a) Thành lập phường Nghĩa Trụ trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Nghĩa Trụ với 22,79 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.460 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nghĩa Trụ hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nghĩa Trụ: Giáp các phường Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Phụng Công, Văn Lâm và Văn Giang.

2. Phường Phụng Công

a) Thành lập phường Phụng Công trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Phụng Công với 14,61 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 35.712 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Phụng Công hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Phụng Công: Giáp các phường Nghĩa Trụ, Văn Giang, Văn Lâm và Thành phố Hà Nội.

3. Phường Văn Giang

a) Thành lập phường Văn Giang trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Văn Giang với 22,96 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 41.407 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Văn Giang hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Văn Giang: Giáp các phường Mễ Sở, Hoàn Long, Nghĩa Trụ, Phụng Công và Thành phố Hà Nội.

4. Phường Mễ Sở

a) Thành lập phường Mễ Sở trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Mễ Sở với 17,52 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.569 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Mễ Sở hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Mễ Sở: Giáp các phường Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Văn Giang và Thành phố Hà Nội.

5. Phường Kim Động

a) Thành lập phường Kim Động trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Lương Bằng với 29,08 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 39.678 người.

b) Qua rà soát, cân nhắc, nghiên cứu kỹ lưỡng và tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định, tỉnh Hưng Yên đặt tên phường sau thành lập là "Phường Kim Động". Việc đặt tên phường là "Phường Kim Động" là phù hợp với các yếu tố lịch sử, đây cũng là địa danh đã có từ lâu và nhằm giữ lại tên gọi của huyện Kim Động trước sắp xếp ĐVHC năm 2025; dễ đọc, dễ nhớ và dễ nhận diện. Việc đặt tên ĐVHC, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện theo đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và được đông đảo cử tri trên địa bàn đồng tình ủng hộ.

c) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Lương Bằng hiện có.

d) Địa giới hành chính phường Kim Động: Giáp các phường Hiệp Cường, Hoàng Hoa Thám, Nghĩa Dân, Nguyễn Trãi và xã Hồng Quang.

6. Phường Nguyễn Văn Linh

a) Thành lập phường Nguyễn Văn Linh trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Nguyễn Văn Linh với 20,89 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 50.565 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nguyễn Văn Linh hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nguyễn Văn Linh: Giáp các phường Đường Hào, Hoàn Long, Mỹ Hào, Nghĩa Trụ, Văn Lâm, Việt Yên và Yên Mỹ.

7. Phường Việt Tiến

a) Thành lập phường Việt Tiến trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Việt Tiến với 20,20 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.679 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Việt Tiến hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Việt Tiến: Giáp các phường Khoái Châu, Nghĩa Dân, Triệu Việt Vương, Việt Yên, Xuân Trúc, Yên Mỹ và xã Chí Minh.

8. Phường Yên Mỹ

a) Thành lập phường Yên Mỹ trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Yên Mỹ với 33,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 69.532 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Yên Mỹ hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Yên Mỹ: Giáp các phường Đường Hào, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Việt Yên, Xuân Trúc và xã Phạm Ngũ Lão.

9. Phường Văn Lâm

a) Thành lập phường Văn Lâm trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Như Quỳnh với 27,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 86.559 người.

b) Qua rà soát, cân nhắc, nghiên cứu kỹ lưỡng và tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định, tỉnh Hưng Yên đặt tên phường sau thành lập là "Phường Văn Lâm". Việc đặt tên phường là "Phường Văn Lâm" là phù hợp với các yếu tố lịch sử, đây cũng là địa danh đã có từ lâu và nhằm giữ lại tên gọi của huyện Văn Lâm trước sắp xếp ĐVHC năm 2025; dễ đọc, dễ nhớ và dễ nhận diện. Việc đặt tên ĐVHC, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện theo đúng quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và được đông đảo cử tri trên địa bàn đồng tình ủng hộ.

c) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Như Quỳnh hiện có.

d) Địa giới hành chính phường Văn Lâm: Giáp các phường Lạc Đạo, Mỹ Hào, Nguyễn Văn Linh, Nghĩa Trụ, Phụng Công và Thành phố Hà Nội.

10. Phường Ân Thi

a) Thành lập phường Ân Thi trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Ân Thi với 24,38 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.895 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Ân Thi hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Ân Thi: Giáp các phường Nguyễn Trãi, Xuân Trúc, xã Phạm Ngũ Lão và thành phố Hải Phòng.

11. Phường Hoàng Hoa Thám

a) Thành lập phường Hoàng Hoa Thám trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Hoàng Hoa Thám với 31,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 47.213 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Hoàng Hoa Thám hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Hoàng Hoa Thám: Giáp các phường Kim Động, Tân Hưng, Phố Hiến, Tiên Lữ và các xã Đoàn Đào, Hiệp Cường, Hồng Quang, Tiên Hoa.

12. Phường Khoái Châu

a) Thành lập phường Khoái Châu trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Khoái Châu với 29,33 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 49.501 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Khoái Châu hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Khoái Châu: Giáp các phường Châu Ninh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến và xã Chí Minh.

13. Phường Thái Thụy

a) Thành lập phường Thái Thụy trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Thái Thụy với 47,45 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.402 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Thái Thụy hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Thái Thụy: Giáp phường Thái Ninh, các xã Bắc Thái Ninh, Bắc Thụy Anh, Đông Thụy Anh, Thụy Anh và Biển Đông.

14. Phường Hưng Hà

a) Thành lập phường Hưng Hà trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Hưng Hà với 38,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 54.887 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Hưng Hà hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Hưng Hà: Giáp các xã Thần Khê, Lê Quý Đôn, Tiên La, Tiên Hưng, Hồng Minh và Diên Hà.

15. Phường Long Hưng

a) Thành lập phường Long Hưng trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Long Hưng với 33,42 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 48.596 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Long Hưng hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Long Hưng: Giáp các phường Hồng Châu, Tân Hưng, Tiên Lữ, các xã Lê Quý Đôn, Ngự Thiên, Tiên La và tỉnh Ninh Bình.

16. Phường Tiền Hải

a) Thành lập phường Tiền Hải trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Tiền Hải với 32,98 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 42.447 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Tiền Hải hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Tiền Hải: Giáp phường Kiến Xương và các xã Ái Quốc, Đồng Châu, Đông Tiền Hải, Lê Lợi, Nam Thái Ninh và Tây Tiền Hải.

17. Phường Kiến Xương

a) Thành lập phường Kiến Xương trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Kiến Xương với 36,73 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 47.848 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Kiến Xương hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Kiến Xương: Giáp các phường Tiền Hải, Vũ Quý và các xã Bình Định, Bình Thanh, Hồng Vũ, Lê Lợi, Quang Lịch, Tây Tiền Hải.

18. Phường Quỳnh Phụ

a) Thành lập phường Quỳnh Phụ trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Quỳnh Phụ với 31,98 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 52.076 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Quỳnh Phụ hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Quỳnh Phụ: Giáp các xã Đồng Bằng, Minh Thọ, Nguyễn Du và Quỳnh An.

19. Phường Hưng Phú

a) Thành lập phường Hưng Phú trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Hưng Phú với 53,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.814 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Hưng Phú hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Hưng Phú: Giáp các xã Nam Cường, Nam Tiền Hải, tỉnh Ninh Bình và Biển Đông.

20. Phường Đông Hưng

a) Thành lập phường Đông Hưng trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Đông Hưng với 24,95 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 48.904 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Đông Hưng hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Đông Hưng: Giáp các xã Bắc Đông Hưng, Bắc Đông Quan, Bắc Tiên Hưng, Đông Tiên Hưng, Nam Đông Hưng và Quỳnh An.

21. Phường Vũ Thư

a) Thành lập phường Vũ Thư trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Vũ Thư với 29,07 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.116 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Vũ Thư hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Vũ Thư: Giáp các phường Trần Hưng Đạo, Thái Bình, Vũ Phúc, các xã Vạn Xuân, Tân Thuận, Thư Trì và tỉnh Ninh Bình.

22. Phường Vũ Quý

a) Thành lập phường Vũ Quý trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Vũ Quý với 15,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.062 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Vũ Quý hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Vũ Quý: Giáp các phường Kiến Xương, Trầm Lãm và các xã Hồng Vũ, Quang Lịch, Thư Vũ.

23. Phường Phụ Dực

a) Thành lập phường Phụ Dực trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Phụ Dực với 33,17 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 42.672 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Phụ Dực hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Phụ Dực: Giáp các xã Đồng Bằng, Quỳnh An, Tân Tiến, Tây Thụy Anh và thành phố Hải Phòng.

24. Phường Tiên Lữ

a) Thành lập phường Tiên Lữ trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Tiên Lữ với 19,56 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.305 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Tiên Lữ hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Tiên Lữ: Giáp các phường Hoàng Hoa Thám, Long Hưng, Tân Hưng và các xã Ngự Thiên, Tiên Hoa.

25. Phường Lạc Đạo

a) Thành lập phường Lạc Đạo trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Lạc Đạo với 22,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 43.933 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Lạc Đạo hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Lạc Đạo: Giáp các phường Mỹ Hào, Văn Lâm, xã Đại Đồng và Thành phố Hà Nội, thành phố Bắc Ninh.

26. Phường Tân Hưng

a) Thành lập phường Tân Hưng trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Tân Hưng với 19,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.222 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Tân Hưng hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Tân Hưng: Giáp các phường Hồng Châu, Hoàng Hoa Thám, Long Hưng, Phố Hiến, Tiên Lữ và tỉnh Ninh Bình.

27. Phường Thái Ninh

a) Thành lập phường Thái Ninh trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Thái Ninh với 35,40 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 31.109 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Thái Ninh hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Thái Ninh: Giáp phường Thái Thụy, các xã Bắc Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh và Biển Đông.

28. Phường Tiên Tiến

a) Thành lập phường Tiên Tiến trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Tiên Tiến với 25,79 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 29.241 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Tiên Tiến hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Tiên Tiến: Giáp phường Phù Cừ, các xã Tiên Hoa, Tống Trân và thành phố Hải Phòng.

29. Phường Nghĩa Dân

a) Thành lập phường Nghĩa Dân trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Nghĩa Dân với 23,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 34.828 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nghĩa Dân hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nghĩa Dân: Giáp các phường Kim Động, Nguyễn Trãi, Việt Tiến, Xuân Trúc và các xã Chí Minh, Đức Hợp, Hiệp Cường.

30. Phường Phù Cừ

a) Thành lập phường Phù Cừ trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Quang Hưng với 25,71 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 29.562 người.

b) Qua rà soát, cân nhắc, nghiên cứu kỹ lưỡng và tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định, tỉnh Hưng Yên đặt tên phường sau thành lập là "Phường Phù Cừ". Việc đặt tên phường là "Phường Phù Cừ" là phù hợp với các yếu tố lịch sử, đây cũng là địa danh đã có từ lâu và nhằm giữ lại tên gọi của huyện Phù Cừ trước sắp xếp ĐVHC năm 2025; dễ đọc, dễ nhớ và dễ nhận diện. Việc đặt tên ĐVHC, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện theo đúng quy định tại Luật

Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và được đông đảo cử tri trên địa bàn đồng tình ủng hộ.

c) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Quang Hưng hiện có.

d) Địa giới hành chính phường Phù Cừ: Giáp các phường Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, các xã Đoàn Đào, Tống Trân và thành phố Hải Phòng.

31. Phường Việt Yên

a) Thành lập phường Việt Yên trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Việt Yên với 24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 43.933 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Việt Yên hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Việt Yên: Giáp các phường Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến và Yên Mỹ.

32. Phường Hoàn Long

a) Thành lập phường Hoàn Long trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Hoàn Long với 19,58 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 33.415 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Hoàn Long hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Hoàn Long: Giáp các phường Mễ Sở, Nghĩa Trụ, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Văn Giang và Việt Yên.

33. Phường Nguyễn Trãi

a) Thành lập phường Nguyễn Trãi trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Nguyễn Trãi với 30,68 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.646 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Nguyễn Trãi hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Nguyễn Trãi: Giáp các phoừng Ân Thi, Kim Động, Nghĩa Dân, Phù Cừ, Xuân Trúc, xã Hồng Quang và thành phố Hải Phòng.

34. Phường Xuân Trúc

a) Thành lập phường Xuân Trúc trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Xuân Trúc với 20,04 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.698 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Xuân Trúc hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Xuân Trúc: Giáp các phường Ân Thi, Nghĩa Dân, Nguyễn Trãi, Việt Tiến, Yên Mỹ và xã Phạm Ngũ Lão.

35. Phường Châu Ninh

a) Thành lập phường Châu Ninh trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Châu Ninh với 22,26 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.442 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Châu Ninh hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Châu Ninh: Giáp các phường Khoái Châu, Triệu Việt Vương, xã Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

36. Phường Triệu Việt Vương

a) Thành lập phường Triệu Việt Vương trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Triệu Việt Vương với 27,18 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.927 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Triệu Việt Vương hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Triệu Việt Vương: Giáp các phường Mễ Sở, Châu Ninh, Khoái Châu, Hoàn Long, Việt Tiến, Việt Yên, Yên Mỹ và Thành phố Hà Nội.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH HƯNG YÊN

1. Tỉnh Hưng Yên

1.1. Tỉnh Hưng Yên không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC cấp xã trực thuộc, trong đó cấp xã tăng 36 phường và giảm 36 xã.

Tỉnh Hưng Yên có 2.637,84 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 3.600.396 người; có 104 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 57 xã và 47 phường. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 45,19%.

1.2. Địa giới hành chính: Giáp Thành phố Hà Nội, thành phố Bắc Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Ninh Bình và Biển Đông.

2. Các phường sau khi thành lập

2.1. Phường Nghĩa Trụ

a) Phường Nghĩa Trụ có 22,79 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.460 người.

b) Địa giới hành chính phường Nghĩa Trụ: Giáp các phường Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Phụng Công, Văn Lâm và Văn Giang.

2.2. Phường Phụng Công

a) Phường Phụng Công có 14,61 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 35.712 người.

b) Địa giới hành chính phường Phụng Công: Giáp các phường Nghĩa Trụ, Văn Giang, Văn Lâm và Thành phố Hà Nội.

2.3. Phường Văn Giang

a) Phường Văn Giang có 22,96 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 41.407 người.

b) Địa giới hành chính phường Văn Giang: Giáp các phường Mễ Sở, Hoàn Long, Nghĩa Trụ, Phụng Công và Thành phố Hà Nội.

2.4. Phường Mễ Sở

a) Phường Mễ Sở có 17,52 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.569 người.

b) Địa giới hành chính phường Mễ Sở: Giáp các phường Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Văn Giang và Thành phố Hà Nội.

2.5. Phường Kim Động

a) Phường Kim Động có 29,09 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 39.678 người.

b) Địa giới hành chính phường Kim Động: Giáp các phường Hiệp Cường, Hoàng Hoa Thám, Nghĩa Dân, Nguyễn Trãi và xã Hồng Quang.

2.6. Phường Nguyễn Văn Linh

a) Phường Nguyễn Văn Linh có 20,89 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 50.565 người.

b) Địa giới hành chính phường Nguyễn Văn Linh: Giáp các phường Đường Hào, Hoàn Long, Mỹ Hào, Nghĩa Trụ, Văn Lâm, Việt Yên và Yên Mỹ.

2.7. Phường Việt Tiến

a) Phường Việt Tiến có 20,20 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.679 người.

b) Địa giới hành chính phường Việt Tiến: Giáp các phường Khoái Châu, Nghĩa Dân, Triệu Việt Vương, Việt Yên, Xuân Trúc, Yên Mỹ và xã Chí Minh.

2.8. Phường Yên Mỹ

a) Phường Yên Mỹ có 33,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 69.532 người.

b) Địa giới hành chính phường Yên Mỹ: Giáp các phường Đường Hào, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Việt Yên, Xuân Trúc và xã Phạm Ngũ Lão.

2.9. Phường Văn Lâm

a) Phường Văn Lâm có 27,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 86.559 người.

b) Địa giới hành chính phường Văn Lâm: Giáp các phường Lạc Đạo, Mỹ Hào, Nguyễn Văn Linh, Nghĩa Trụ, Phụng Công và Thành phố Hà Nội.

2.10. Phường Ân Thi

a) Phường Ân Thi có 24,38 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.895 người.

b) Địa giới hành chính phường Ân Thi: Giáp các phường Nguyễn Trãi, Xuân Trúc, xã Phạm Ngũ Lão và thành phố Hải Phòng.

2.11. Phường Hoàng Hoa Thám

a) Phường Hoàng Hoa Thám có 31,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 47.213 người.

b) Địa giới hành chính phường Hoàng Hoa Thám: Giáp các phường Kim Động, Tân Hưng, Phố Hiến, Tiên Lữ và các xã Đoàn Đào, Hiệp Cường, Hồng Quang, Tiên Hoa.

2.12. Phường Khoái Châu

a) Phường Khoái Châu có 29,33 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 49.501 người.

b) Địa giới hành chính phường Khoái Châu: Giáp các phường Châu Ninh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến và xã Chí Minh.

2.13. Phường Thái Thụy

a) Phường Thái Thụy có 47,45 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.402 người.

b) Địa giới hành chính phường Thái Thụy: Giáp phường Thái Ninh, các xã Bắc Thái Ninh, Bắc Thụy Anh, Đông Thụy Anh, Thụy Anh và Biển Đông.

2.14. Phường Hưng Hà

a) Phường Hưng Hà có 38,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 54.887 người.

b) Địa giới hành chính phường Hưng Hà: Giáp các xã Thần Khê, Lê Quý Đôn, Tiên La, Tiên Hưng, Hồng Minh và Diên Hà.

2.15. Phường Long Hưng

a) Phường Long Hưng có 33,42 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 48.596 người.

b) Địa giới hành chính phường Long Hưng: Giáp các phường Hồng Châu, Tân Hưng, Tiên Lữ, các xã Lê Quý Đôn, Ngự Thiên, Tiên La và tỉnh Ninh Bình.

2.16. Phường Tiền Hải

a) Phường Tiền Hải có 32,98 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 42.447 người.

b) Địa giới hành chính phường Tiền Hải: Giáp phường Kiến Xương và các xã Ái Quốc, Đồng Châu, Đông Tiền Hải, Lê Lợi, Nam Thái Ninh và Tây Tiền Hải.

2.17. Phường Kiến Xương

a) Phường Kiến Xương có 36,73 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 47.848 người.

b) Địa giới hành chính phường Kiến Xương: Giáp các phường Tiền Hải, Vũ Quý và các xã Bình Định, Bình Thanh, Hồng Vũ, Lê Lợi, Quang Lịch, Tây Tiền Hải.

2.18. Phường Quỳnh Phụ

a) Phường Quỳnh Phụ trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Quỳnh Phụ với 31,98 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 52.076 người.

b) Địa giới hành chính phường Quỳnh Phụ: Giáp các xã Đồng Bằng, Minh Thọ, Nguyễn Du và Quỳnh An.

2.19. Phường Hưng Phú

a) Phường Hưng Phú có 53,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.814 người.

b) Địa giới hành chính phường Hưng Phú: Giáp các xã Nam Cường, Nam Tiền Hải, tỉnh Ninh Bình và Biển Đông.

2.20. Phường Đông Hưng

a) Phường Đông Hưng có 24,95 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 48.904 người.

b) Địa giới hành chính phường Đông Hưng: Giáp các xã Bắc Đông Hưng, Bắc Đông Quan, Bắc Tiên Hưng, Đông Tiên Hưng, Nam Đông Hưng và Quỳnh An.

2.21. Phường Vũ Thư

a) Phường Vũ Thư có 29,07 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.116 người.

b) Địa giới hành chính phường Vũ Thư: Giáp các phường Trần Hưng Đạo, Thái Bình, Vũ Phúc, các xã Vạn Xuân, Tân Thuận, Thư Trì và tỉnh Ninh Bình.

2.22. Phường Vũ Quý

a) Phường Vũ Quý có 15,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.062 người.

b) Địa giới hành chính phường Vũ Quý: Giáp các phường Kiến Xương, Trầm Lãm và các xã Hồng Vũ, Quang Lịch, Thư Vũ.

2.23. Phường Phụ Dực

a) Phường Phụ Dực có 33,17 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 42.672 người.

b) Địa giới hành chính phường Phụ Dực: Giáp các xã Đồng Bằng, Quỳnh An, Tân Tiến, Tây Thụy Anh và thành phố Hải Phòng.

2.24. Phường Tiên Lữ

a) Phường Tiên Lữ có 19,56 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.305 người.

b) Địa giới hành chính phường Tiên Lữ: Giáp các phường Hoàng Hoa Thám, Long Hưng, Tân Hưng và các xã Ngự Thiên, Tiên Hoa.

2.25. Phường Lạc Đạo

a) Phường Lạc Đạo có 22,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 43.933 người.

b) Địa giới hành chính phường Lạc Đạo: Giáp các phường Mỹ Hào, Văn Lâm, xã Đại Đồng và Thành phố Hà Nội, thành phố Bắc Ninh.

2.26. Phường Tân Hưng

a) Phường Tân Hưng có 19,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 27.222 người.

b) Địa giới hành chính phường Tân Hưng: Giáp các phường Hồng Châu, Hoàng Hoa Thám, Long Hưng, Phố Hiến, Tiên Lữ và tỉnh Ninh Bình.

2.27. Phường Thái Ninh

a) Phường Thái Ninh có 35,40 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 31.109 người.

b) Địa giới hành chính phường Thái Ninh: Giáp phường Thái Thụy, các xã Bắc Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh và Biển Đông.

2.28. Phường Tiên Tiến

a) Phường Tiên Tiến có 25,79 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 29.241 người.

b) Địa giới hành chính phường Tiên Tiến: Giáp phường Phù Cừ, các xã Tiên Hoa, Tống Trân và thành phố Hải Phòng.

2.29. Phường Nghĩa Dân

a) Phường Nghĩa Dân có 23,30 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 34.828 người.

b) Địa giới hành chính phường Nghĩa Dân: Giáp các phường Kim Động, Nguyễn Trãi, Việt Tiến, Xuân Trúc và các xã Chí Minh, Đức Hợp, Hiệp Cường.

2.30. Phường Phù Cừ

a) Phường Phù Cừ có 25,71 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 29.562 người.

b) Địa giới hành chính phường Phù Cừ: Giáp các phường Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, các xã Đoàn Đào, Tống Trân và thành phố Hải Phòng.

2.31. Phường Việt Yên

a) Phường Việt Yên có 24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 43.933 người.

b) Địa giới hành chính phường Việt Yên: Giáp các phường Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Việt Tiến và Yên Mỹ.

2.32. Phường Hoàn Long

a) Phường Hoàn Long có 19,58 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 33.415 người.

b) Địa giới hành chính phường Hoàn Long: Giáp các phường Mễ Sở, Nghĩa Trụ, Nguyễn Văn Linh, Triệu Việt Vương, Văn Giang và Việt Yên.

2.33. Phường Nguyễn Trãi

a) Phường Nguyễn Trãi có 30,68 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 30.646 người.

b) Địa giới hành chính phường Nguyễn Trãi: Giáp các phoừng Ân Thi, Kim Động, Nghĩa Dân, Phù Cừ, Xuân Trúc, xã Hồng Quang và thành phố Hải Phòng.

2.34. Phường Xuân Trúc

a) Phường Xuân Trúc có 20,04 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 25.698 người.

b) Địa giới hành chính phường Xuân Trúc: Giáp các phường Ân Thi, Nghĩa Dân, Nguyễn Trãi, Việt Tiến, Yên Mỹ và xã Phạm Ngũ Lão.

2.35. Phường Châu Ninh

a) Phường Châu Ninh có 22,26 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 36.442 người.

b) Địa giới hành chính phường Châu Ninh: Giáp các phường Khoái Châu, Triệu Việt Vương, xã Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

2.36. Phường Triệu Việt Vương

a) Phường Triệu Việt Vương có 27,18 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.927 người.

b) Địa giới hành chính phường Triệu Việt Vương: Giáp các phường Mễ Sở, Châu Ninh, Khoái Châu, Hoàn Long, Việt Tiến, Việt Yên, Yên Mỹ và Thành phố Hà Nội.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY; BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA CÁC PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

1. Phương án tổ chức bộ máy; bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Về phương án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy

- Giữ nguyên trạng tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của các xã hiện tại, đồng thời thành lập mới các cơ quan, đơn vị theo quy định của Đảng, điều lệ của tổ chức và của pháp luật có liên quan; trong đó có thành lập phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị trên cơ sở phòng Kinh tế hiện nay.

- Tổ chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông ở các phường mới thành lập thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức của các trường trước khi thành lập phường; việc đổi tên các trường theo địa danh tên phường mới sẽ thực hiện theo định hướng của cấp có thẩm quyền.

- Tổ chức trạm y tế ở các phường trước mắt thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức của trạm y tế tại xã trước khi thành lập phường.

- Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập các phường, Hội đồng nhân dân các phường quyết định chuyển các thôn thành các tổ dân phố theo quy định.

b) Phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Trước mắt giữ nguyên trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của các xã như hiện nay; đồng thời tiếp tục xây dựng phương án, lộ trình thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự theo quy định bảo đảm phù hợp với chính quyền đô thị.

Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy, các phường sẽ triển khai thực hiện rà soát, đánh giá, lập kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình chính quyền đô thi và nâng cao chất lượng cán bộ ở cơ sở.

2. Phương án sắp xếp trụ sở, tài sản công

Trụ sở, tài sản công của các phường mới thành lập trước mắt được giữ nguyên trên cơ sở trụ sở, tài sản công hiện có của các xã cũ.

3. Phương án chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của cá nhân, tổ chức

Các loại giấy tờ cần chuyển đổi gồm giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nhân thân, quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm những loại cơ bản như thẻ căn cước công dân/căn cước, hộ chiếu quốc gia, giấy tờ hộ tịch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sẽ chỉ đạo cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đối với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách.

Đối với các loại giấy tờ còn lại, giao Ủy ban nhân dân các phường thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Đổi tên và con dấu của các đơn vị hành chính

Khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sẽ chỉ đạo cơ quan quan công an, phối hợp với các phường mới thành lập tiến hành đổi con dấu của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn phù hợp với tên ĐVHC mới đảm bảo theo quy định của Luật và hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Nguyên tắc thực hiện là kế thừa tối đa tổ chức bộ máy, nhân sự, trụ sở, tài sản và dữ liệu hiện có; việc sắp xếp, chuyển đổi được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị diễn ra liên tục, thông suốt, không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công và các giao dịch hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Phần thứ tư
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

- Việc thành lập các phường sẽ tác động đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền với phát triển công nghiệp mà còn gắn với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân địa phương. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa. Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe,... với điều kiện thuận lợi hơn và chất lượng tốt hơn. Bên cạnh đó việc thành lập phường cũng tạo điều kiện giao lưu và giữ gìn văn hóa các vùng miền, làm phong phú hơn văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa hiện đại.

- Các phường được thành lập là động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng sản xuất. Việc dành quỹ đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ được ưu tiên, từ đó thúc đẩy phát triển mạnh các ngành công nghiệp, dịch vụ cả về số lượng lẫn quy mô góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập bình quân đầu người một cách đáng kể. Sự phát triển công nghiệp, các khu công nghiệp, các nhà máy xí nghiệp,… sẽ thu hút lao động tập trung quanh vùng tạo thành các khu định cư mới. Đồng thời, kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, thương mại, giáo dục, y tế,…). Diện tích đất đô thị có xu hướng ngày càng tăng lên, đặc biệt là đất dân dụng và đất công nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng sang phi nông nghiệp để phục vụ các mục đích xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, khu dịch vụ,... kéo theo người dân vùng nông thôn dần chuyển từ hoạt động nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

- Thành lập phường tạo điều kiện khai thác hết tiềm năng, thế mạnh cho phát triển bền vững, đồng thời, cũng là để bảo vệ, giữ gìn được di sản, di tích quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng trên địa bàn; góp phần giữ gìn, củng cố bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập toàn cầu và nâng cao giá trị, sức thu hút du lịch. Đồng thời, thể hiện rõ nét và điển hình nhất quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, trong đó phát triển văn hóa là nền tảng, là động lực của phát triển kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh mới hiện nay; mở đường cho việc thu hút mọi nguồn lực cho bảo tồn và phát huy tối đa giá trị vô giá của di sản.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa rất cao trên địa bàn các phường mới thành lập sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như: tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; cấp giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị của một bộ phận người dân còn hạn chế. Việc phát triển lên đô thị sẽ cần nguồn lực đầu tư rất lớn; việc đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ quản lý đô thị các cấp cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện.

c) Giải pháp

- Tổ chức thực hiện và vận dụng đồng bộ các giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm phát huy cao nhất tiềm năng và nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tập trung phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường. Tập trung hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp đã được cấp phép đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng để đưa vào hoạt động.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là năng lực quản lý trật tự đô thị, kiến trúc cảnh quan, giữ vững tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; xây dựng phương án chủ động, sẵn sàng ứng phó với mọi diễn biến phức tạp do quá trình đô thị hoá mang lại, tránh bị động, bất ngờ.

- Có chính sách "đặt hàng đào tạo" giữa doanh nghiệp và các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn được ưu tiên nhằm đảm bảo lao động nhập cư đáp ứng đúng nhu cầu thị trường, tránh thất nghiệp tự nhiên; áp dụng quy hoạch đa

tầng, hạn chế xây dựng cao tầng tại các khu vực nhạy cảm; quy hoạch đất đai được thực hiện theo nguyên tắc "đất dành cho tương lai", ưu tiên quỹ đất cho hạ tầng giao thông kết nối và không gian công cộng, thay vì chỉ dành cho bất động sản nhà ở; triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tập trung, công khai minh bạch quy hoạch để ngăn chặn đầu cơ đất đai, đảm bảo tài nguyên đất được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích và mang lại giá trị gia tăng cao cho ngân sách; đầu tư mạnh vào hệ thống camera giám sát an ninh phủ khắp các khu vực công cộng, sử dụng trung tâm điều hành thông minh để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về trật tự đô thị, ùn tắc giao thông và các vấn đề an ninh.

2. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

a) Mặt tích cực

- Việc thành lập các phường là cơ sở để kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, các đơn vị, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành tiến tới tiêu chuẩn hóa các chức vụ lãnh đạo; đổi mới các khâu công tác cán bộ như đánh giá, quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ; hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức. Rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian sẽ giúp bộ máy hành chính vận hành đồng bộ và chuyên nghiệp hơn; kiện toàn các cơ quan chuyên môn theo hướng tập trung, đáp ứng các tiêu chuẩn đô thị, từ đó nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đô thị, đất đai, và dịch vụ công; đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số, việc liên thông dữ liệu từ cấp tỉnh đến cấp xã được thực hiện đồng bộ hơn, giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh cơ chế phân quyền, giúp địa phương chủ động hơn trong điều phối nguồn lực, tài chính và ra quyết định, giảm bớt sự phụ thuộc vào các tầng nấc trung gian.

- Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, do vậy tổ chức bộ máy của cấp ủy Đảng, chính quyền được giữ nguyên và ổn định như hiện nay, không làm tăng biên chế. Đồng thời, hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao hơn nữa trong quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Chính quyền đô thị có điều kiện đáp ứng tốt những nhiệm vụ quan trọng như quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bộ máy hành chính Nhà nước ở cơ sở sẽ phù hợp với sự phát triển của khu vực, làm nền tảng cho công tác quản lý Nhà nước và là cơ sở để phát triển đô thị nhanh, bền vững, đảm bảo theo định hướng.

- Việc thành lập phường sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, Hưng Yên sẽ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm tạo

điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử, giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công và giảm chi phí cho người dân. Việc nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng; nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

- Do yêu cầu đô thị hóa, số lượng giao dịch hành chính của các phường mới thành lập vốn đã cao sẽ tăng nhanh hơn nữa, nhất là ở các lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, hộ tịch,...; việc thành lập phường sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức; đồng thời, áp lực về các dịch vụ công sẽ gia tăng do người dân và các tổ chức sẽ có nhu cầu thay đổi địa chỉ, giấy tờ tùy thân, giấy tờ đăng ký kinh doanh,... từ đó kéo theo việc mất thời gian để chuyển đổi giấy tờ.

- Việc kiện toàn bộ máy thường dẫn đến vấn đề dôi dư cán bộ, công chức; vấn đề giải quyết chính sách tinh giản biên chế và đảm bảo công tác tư tưởng cho đội ngũ cán bộ là một thách thức lớn; nhu cầu đầu tư cho trụ sở làm việc, trang thiết bị công nghệ và hạ tầng dịch vụ công đòi hỏi sự đầu tư lớn và cơ chế phân bổ tài chính phù hợp; quá trình chuyển đổi từ chính quyền nông thôn sang đô thị thì việc đảm bảo tính liên tục của các hoạt động quản lý nhà nước và giữ vững sự ổn định về chính trị và trật tự xã hội tại địa bàn là nhiệm vụ trọng tâm nhưng đầy khó khăn.

c) Giải pháp

- Sau khi các phường được thành lập, tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thay đổi giấy tờ, địa chỉ, giấy phép đăng ký kinh doanh,... cho các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn theo quy định, sớm ổn định đời sống, tập trung phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử và áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hướng đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức ở các cấp chính quyền và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao thái độ phục vụ, trách nhiệm và năng lực của cán bộ công chức để tránh tình trạng gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch, công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính. Thực hiện đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, lấy sự hài lòng của người dân,

tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, phù hợp với chức năng, mô hình đô thị sau khi thành lập; đồng thời phục vụ người dân được tốt hơn.

3. Tác động đến đời sống Nhân dân

a) Mặt tích cực

- Việc thành lập các phường sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng quỹ đất xây dựng, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của địa phương để đầu tư vào xây dựng các cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa,... nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục vụ đời sống Nhân dân trên địa bàn được tốt hơn.

- Việc trở thành công dân của phường sẽ đặt ra yêu cầu cho Nhân dân trên địa bàn điều chỉnh nếp sống và cách sinh hoạt hiện nay theo hướng văn minh, tiến bộ hơn, phù hợp với mô hình đô thị văn minh của phường. Ngoài ra, việc thành lập phường sẽ là cơ sở để tạo điều kiện rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, du lịch, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh, sinh thái,… Việc đầu tư và phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, làm giảm áp lực lên hệ thống cơ sở hạ tầng của đô thị trung tâm, tạo ra sự cân đối giữa các khu vực trên địa bàn.

- Sau khi các phường được thành lập sẽ tạo sức hút lớn hơn nữa đối với các nhà đầu tư, thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; góp phần tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết có hiệu quả các vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người dân, giữ nguồn nhân lực dồi dào tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế ngay tại quê nhà. Đồng thời sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, thay đổi sự phân bố dân cư; thúc đẩy mô hình tăng trưởng bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

- Sau khi các phường được thành lập thì người dân trên địa bàn sẽ mất khoảng thời gian để thay đổi lại giấy tờ tùy thân, địa chỉ liên lạc cho phù hợp. Quá trình đô thị hóa sẽ làm nảy sinh các vấn đề về môi trường như tăng lượng khí thải, nước thải,… gây nên những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, sự cân bằng sinh thái. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng một diện tích lớn đất nông nghiệp, lâm nghiệp sang mục đích sử dụng khác sẽ ảnh hưởng

đến việc làm và giảm thu nhập của một bộ phận nông dân có đất nông nghiệp bị thu hồi.

- Nguồn nhân lực có trình độ cao có xu hướng dịch chuyển từ khu vực miền núi, vùng xa về các đô thị tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn, khiến khu vực này thiếu hụt đội ngũ lao động kỹ thuật, làm suy giảm khả năng đổi mới sáng tạo và năng suất lao động tại chỗ.

c) Giải pháp

- Chính quyền các cấp cần chủ động triển khai và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân hoặc liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi. Bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý của chính quyền đô thị. Thông qua tập huấn nâng cao kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng đô thị, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác quản lý nắm vững về các quy trình, thủ tục hành chính, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý công việc được giao.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về xây dựng, môi trường, nhất là công tác quản lý vệ sinh môi trường và trật tự xây dựng đô thị; kịp thời phát hiện vi phạm, xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Có chính sách phát triển phù hợp để bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển đô thị với việc bảo đảm sự phát triển đồng đều giữa các khu vực, tránh nguy cơ phân hóa giàu nghèo và chênh lệch phát triển; định kỳ đánh giá tác động của việc thành lập các phường và mức độ hài lòng của Nhân dân; tập trung nguồn lực đầu tư để nâng cấp cơ sở vật chất (trường học, trạm y tế, hạ tầng giao thông) từ chuẩn nông thôn lên chuẩn đô thị. Việc chuyển tiếp các chính sách hiện hành thường đi kèm với các đề án quy hoạch chỉnh trang đô thị, đảm bảo người dân được tiếp cận các dịch vụ công chất lượng cao hơn; áp dụng các phương án tái định cư gắn liền với chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm và ổn định thu nhập, tránh tình trạng "đô thị hóa" khiến người dân mất kế sinh nhai.

- Tiếp tục chính sách phát triển theo mô hình đa cực, mỗi cực giúp lan tỏa phát triển đồng đều giữa các địa phương; đẩy mạnh Chương trình xây dựng Nông thôn mới để hạ tầng, dịch vụ (y tế, giáo dục, internet) khu vực nông thôn tương đồng với khu vực đô thị; đầu tư kết nối hạ tầng giao thông xuyên suốt nhằm lưu thông hàng hóa, dịch vụ từ nông thôn ra thị trường nhanh hơn, giúp người nông dân có cơ hội tăng thu nhập mà không bị bỏ lại phía sau. Khai thác đặc trưng văn hóa các dân tộc tại khu vực miền núi để tạo ra sinh kế bền vững, biến bản sắc văn hóa thành sản phẩm kinh tế, từ đó giữ chân lao động tại địa phương.

- Tổ chức các tổ công tác lưu động của cơ quan công an, văn phòng đăng ký đất đai trực tiếp xuống từng tổ dân phố để nhận hồ sơ chuyển đổi giấy tờ cho Nhân dân, tạo điều kiện cho việc chuyển đổi được nhanh chóng, thuận lợi.

4. Tác động đến nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

- Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng nên không bổ sung biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không mất thêm kinh phí xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản công mới. Trên cơ sở quy hoạch và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, tỉnh sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án trên địa bàn các phường mới thành lập.

- Việc thành lập các phường tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (FDI) đầu tư vào các dự án hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, bất động sản, thương mại dịch vụ, du lịch. Tạo tiền đề cho sự phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn các phường.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ ưu tiên nguồn vốn lớn để thi công các dự án. Các dự án lớn được đầu tư sẽ giúp các phường ngày càng thu hút được nguồn vốn vào những lĩnh vực khác để từng bước nâng tầm phát triển theo định hướng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

- Tính hiệu quả trong quản lý điều hành của chính quyền đô thị, gây ra các khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân. Giá trị đất đai tăng cao đồng nghĩa với việc tăng chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn trong việc đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách.

- Cùng với quá trình phát triển nhanh chóng của các đô thị, quy mô dân số ngày càng tăng, ngày càng nhiều vấn đề đặt ra yêu cầu chính quyền các đô thị phải giải quyết; áp lực tài chính công, đầu tư hạ tầng, nhà ở, giao thông, xử lý nước thải, rác thải, chống ngập, ứng phó biến đổi khí hậu sẽ tăng nhanh.

c) Giải pháp

- Để huy động được nhiều nguồn vốn từ người dân, doanh nghiệp thì việc cấp phép, giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng phải nhanh gọn, thuận tiện. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công; cơ cấu lại chi đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy kinh tế - xã hội, "lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư", kích hoạt thu hút các nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư theo phương thức hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng chiến lược, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông.

- Đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số. Hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý, khai thác nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng

nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất theo quy hoạch và tại các khu vực phát triển đô thị để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững trở thành một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy chuyển đổi phương thức phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế của các phường.

- Công bố công khai thông tin về quy hoạch, tiến độ triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án bất động sản, đặc biệt là các dự án lớn và việc thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính,… tại địa phương để minh bạch thông tin, ngăn chặn hiện tượng đẩy giá đất tăng cao.

- Tranh thủ mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhân dân để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của địa phương, góp phần thay đổi diện mạo đô thị tiến tới đồng bộ, kết nối liên thông và hiện đại; tạo điều kiện và có phương án tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng.

5. Tác động về môi trường

a) Mặt tích cực

- Quá trình xây dựng và phát triển các phường sau khi thành lập sẽ tạo nên diện mạo mới gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hóa, tạo điều kiện và nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa,... công tác chăm sóc sức khỏe và phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn được tốt hơn.

- Quá trình đô thị hóa cũng sẽ tạo ra sự thay đổi cả về vật chất lẫn tinh thần của người dân; người dân trong khu vực đô thị sẽ được cung cấp các dịch vụ một cách đầy đủ hơn, với tiêu chuẩn cao hơn và đa dạng hơn, tạo động lực mới để tiếp tục vươn lên, với định hướng phát triển mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như: tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ; đời sống văn hóa, tinh thần của người dân sẽ được tiếp tục nâng cao,… Nguồn ngân sách cũng như việc huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường được tăng cường, các công trình hạ tầng kỹ thuật như: đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, thu gom rác thải,... sẽ được đầu tư bảo đảm cảnh quan môi trường khang trang sạch sẽ; chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Sau khi thành lập, định hướng tổng thể phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân và giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Nhu cầu nước sinh hoạt tăng cao do dân số phát triển và nhu cầu dùng nước trên đầu người gia tăng; nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường đất, nước và trầm tích ở các thủy vực tiếp nhận nước thải. Quá trình xây dựng hạ tầng đô thị làm phát sinh chất thải rắn, khí thải, nước thải gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí, đất và nước; quá trình hoạt động của đô thị phát sinh nước thải, chất thải rắn, khí thải từ hoạt động giao thông gây ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất. Đa dạng sinh học bị ảnh hưởng do các vùng sinh thái nhạy cảm, vùng đất ngập nước bị chiếm dụng; nước thải, chất thải rắn không được thu gom xử lý đổ vào nguồn nước gây ảnh hưởng đến các loài sinh vật.

c) Giải pháp

- Việc tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trương phải bảo đảm phù hợp với các điều kiện của địa phương. Theo đó, Hưng Yên và các phường phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế - xã hội và môi trường tại địa phương. Quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết, Chương trình của Tỉnh ủy; Kế hoạch, chỉ đạo của UBND tỉnh về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý hiệu quả rác thải, nước thải.

- Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể về bảo vệ môi trường ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt chú trọng ưu tiên cho công tác xử lý nước thải do hiện một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn vẫn chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc có nhưng vận hành chưa hiệu quả và xả khói bụi gây ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhiều hộ dân. Việc khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái, triển khai kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính,… cần được quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Đẩy mạnh đầu tư các công trình xử lý môi trường, ưu tiên sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế thu hút các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Tiến hành trồng dải cây xanh xung quanh khu vực xử lý chất thải sinh hoạt tập trung, nhằm ngăn ngừa sự phát tán bụi, khí ra môi trường xung quanh đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái khu vực xử lý.

- Xã hội hóa dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn nhằm chia sẻ trách nhiệm cho cộng đồng, từng bước giảm tải lên ngân sách nhà nước chi cho dịch vụ này. Nghiên cứu theo hướng đa thành phần tham gia, cùng với các công cụ kinh tế như phí ô nhiễm, thu thuế các bãi chôn nhằm giảm lượng chất thải và

chi phí đối với sản phẩm. Tổ chức mạng lưới thu gom, phân loại, tái sử dụng các chất thải nhằm làm sạch môi trường, đem lại lợi ích kinh tế, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí xử lý. Xử lý chất thải độc hại bằng quá trình hóa lý, sinh học, tách các chất độc hại ra khỏi rác.

- Tăng cường truyền thông, phát huy vai trò của Mặt trận, đoàn thể các cấp và nâng cao nhận thức của chính quyền, người dân trong việc bảo vệ cảnh quan, môi trường sống ngày càng chất lượng; kết hợp với kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu đô thị, địa điểm tham quan như: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung và thải ra sông, suối, kênh trên địa bàn; trong đó, triển khai thường xuyên phong trào "Chủ nhật xanh" tại khu dân cư như một nhiệm vụ lâu dài, góp phần giữ gìn môi trường sống ngày càng "xanh - sạch - sáng".

6. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

a) Mặt tích cực

Việc thành lập các phường sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ; tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, một cửa điện tử,… giúp giải quyết công việc nhanh và hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công. Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tái cấu trúc, rút ngắn đáng kể, loại bỏ nhiều loại giấy tờ không cần thiết, giúp giảm gánh nặng cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao sự hài lòng, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy môi trường đầu tư minh bạch và hiệu quả hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi thành lập các phường, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn sẽ phải thực hiện việc thay đổi một số loại giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép kinh doanh.

c) Giải pháp

- Chính quyền các cấp tăng cường công tác tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn trong việc thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan, đồng thời không thực hiện thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi.

- Tăng cường cung cấp và nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, góp phần hạn chế những khó khăn, tiết kiệm chi phí khi giải quyết các thủ tục hành chính.

7. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

- Đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn, việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện nâng cao tiềm lực về cơ sở vật chất, hạ tầng, được hưởng các quy định thuận lợi trong triển khai các mặt công tác công an, góp phần bảo đảm tốt tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn; nâng cao quy mô về nhân lực tham gia các hoạt động bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Việc điều thành lập các phường nhằm thiết lập ĐVHC có quy mô diện tích tự nhiên và dân số phù hợp với năng lực quản lý của bộ máy chính quyền địa phương, trong đó có lực lượng Công an; việc thành lập các phường là cơ sở sắp xếp, hoàn thiện tổ chức lực lượng Công an, tăng cường lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở góp phần củng cố, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự.

- Việc thành lập các phường là phù hợp với các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh. Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được cải thiện, ý thức, trách nhiệm của người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được nâng lên, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; hạn chế các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, tạo nhiều cơ hội việc làm, tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị, động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư; đời sống nhân dân sẽ được nâng cao, nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn; chính quyền, địa phương sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi các phường được thành lập, lưu lượng người từ các địa phương khác đến hợp tác, sinh sống và làm việc tại địa bàn tăng cao, việc thu hút đầu tư sẽ rất mạnh mẽ, số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, liên quan đến công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng sẽ tác động đến một số bộ phận nhân dân, từ đó đòi hỏi lực lượng công an phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tham gia nhiều với tải trọng lớn, các khu công cộng được hình thành nhiều hơn; các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự phát triển.

c) Giải pháp

- Tỉnh và các phường mới thành lập có các giải pháp quản lý nhà nước về

an ninh, trật tự; tiếp tục củng cố, kiện toàn, bố trí lực lượng, nâng cao chất lượng các mặt công tác công an để chủ động trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn. Xác định rõ quan điểm trong bất kỳ tình huống nào cũng phải bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và hội nhập của đất nước và địa phương.

- Chủ động nắm tình hình, xây dựng và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh kinh tế, thẩm định chặt chẽ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch, đề án, chương trình phát triển kinh tế. Triển khai hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên các lĩnh vực, mục tiêu, hoạt động kinh tế trọng điểm. Chủ động phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động tình báo kinh tế, các hoạt động lợi dụng hợp tác đầu tư để lũng đoạn kinh tế, thông qua kinh tế để chuyển hóa chính trị.

- Chủ động phát hiện sơ hở, thiếu sót để tham mưu, kiến nghị giải pháp, đối sách bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, phòng chống nội gián, bảo vệ bí mật nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; có đối sách với các đối tượng tác động quá trình hoạch định chính sách, thu thập bí mật nhà nước trên lĩnh vực kinh tế. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng ngừa và đấu tranh trấn áp tội phạm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đấu tranh với tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, nhất là các hành vi vi phạm, tội phạm lợi dụng chính sách phát triển kinh tế - xã hội để trục lợi.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân trong công tác quốc phòng, an ninh; làm cho mọi người dân có đủ kiến thức quốc phòng, an ninh và hiểu rõ những thách thức tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

8. Tác động đến hạ tầng, đô thị và cảnh quan

a) Mặt tích cực

- Việc thành lập các phường là cơ sở để địa phương triển khai Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch đô thị, Chương trình phát triển đô thị và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Là điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo theo tiêu chuẩn phường trong thời gian tới như: hệ thống cáp điện, viễn thông; phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại; nâng cấp, mở rộng, xây mới các khu vui chơi giải trí, trường học,… nhằm giải quyết nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân, là tác nhân thúc đẩy nâng cao trình độ dân trí của người dân. Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

- Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo đúng quy hoạch, tiếp thu, áp dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, kiến trúc hiện đại (hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đường điện ngầm, hệ thống ga thu nước mưa, cống mương thoát nước, hệ thống cáp điện, đường ống cấp nước, cáp thông tin đi trong hầm kỹ thuật,...) sẽ tạo ra diện mạo đô thị khang trang, sạch đẹp hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình xây dựng, phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của sự phát triển đô thị. Mặt khác, nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ và không thống nhất giữa các phường, xã trong khu vực. Bên cạnh đó, việc quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ cho các hộ dân bảo đảm chỉ giới xây dựng, kiến trúc cảnh quan, hình thành các tuyến phố chuyên doanh cần quan tâm quản lý chặt chẽ và tuyên truyền thực hiện sâu rộng.

c) Giải pháp

- Xác định mô hình quản trị của chính quyền của tỉnh Hưng Yên nói chung và các phường mới thành lập nói riêng theo hướng quản trị đa tầng, tích hợp và linh hoạt. Quản trị không gian phát triển dựa trên quy hoạch đa ngành, bảo đảm tính kết nối về hạ tầng giao thông giữa các vùng, xây dựng cơ chế tài chính nội bộ để điều tiết nguồn thu từ các khu vực phát triển mạnh sang hỗ trợ hạ tầng và an sinh cho các vùng khó khăn, miền núi; đồng thời, trao quyền tự chủ cao cho chính quyền địa phương cấp xã trong việc quản lý vận hành, có chính sách đặc thù về đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân vùng núi, vùng khó khăn để họ có thể tham gia vào chuỗi giá trị của đô thị du lịch hoặc công nghiệp; duy trì bản sắc địa phương trong quá trình đô thị hóa, mỗi vùng cần được quản trị riêng để giữ gìn nét riêng, tránh đô thị hóa rập khuôn.

- Công tác quy hoạch phải liên tục đi cùng để đảm bảo cuộc sống ổn định, tạo lập môi trường tốt cho người dân, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường do các hoạt động sản xuất công nghiệp. Tỷ lệ và cơ cấu đất đai, tài nguyên, sức lao động phải cân bằng; đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, đồng thời giữ gìn được cảnh quan, không làm mất đi tính thuần khiết của những không gian văn hóa.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng, khai thác. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng, san lấp mặt bằng không đúng quy định bảo đảm kiến trúc tổng thể của đô thị theo quy hoạch chung đô thị.

- Xác định rõ phát triển đô thị theo hướng bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề về môi trường, tự nhiên, kinh tế - xã hội. Do vậy, cần

triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, từ tuyên truyền, vận động đến ra quân tuần tra, kiểm soát, nhắc nhở và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm lấn chiếm, sử dụng hành lang vỉa hè để kinh doanh buôn bán; các cá nhân vi phạm trật tự an toàn giao thông cũng như xử lý triệt để các sai phạm của các đơn vị trong quá trình triển khai xây dựng các công trình nhằm lập lại trật tự công cộng, trật tự đô thị trên các tuyến phố, góp phần xây dựng và phát triển đô thị ngày càng văn minh, hiện đại hơn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

1. Quan điểm

- Phát triển phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng; phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan.

- Chủ động nhận diện sớm, tận dụng nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó, phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người Hưng Yên là nền tảng; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn chiến lược, vững vàng, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, vượt qua giới hạn, tạo đột phá phát triển, góp phần đưa Hưng Yên tiến nhanh, tiến kịp, tiến cùng và vượt lên các địa phương khác. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi nhất huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Tạo bước đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và tính hiệu quả, sức cạnh tranh của tỉnh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất. Thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới. Phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh.

- Phát triển nhanh và bền vững dựa vào khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị; kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy mọi nguồn lực, động lực. Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực. Phát triển theo hướng xanh -

tuần hoàn - số hóa - sáng tạo, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và phát triển xã hội, hướng tới mục tiêu chung xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ hiện đại, đô thị xanh thông minh và là đầu mối phát triển năng động của vùng đồng bằng sông Hồng.

- Phát huy giá trị truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng anh hùng và con người Hưng Yên trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Lấy con người làm trung tâm và mục tiêu của phát triển, bảo đảm mọi chính sách hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi và hạnh phúc của nhân dân. Văn hóa, lịch sử và truyền thống hiếu học, cần cù, sáng tạo của người dân Hưng Yên được coi là nền tảng tinh thần và nguồn lực nội sinh cho phát triển bền vững.

- Phát triển theo hướng tăng trưởng nhanh, toàn diện và bền vững, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải carbon thấp, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính. Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nhất là khu vực ven sông và vùng ven biển; bảo tồn hệ sinh thái, rừng ngập mặn và đa dạng sinh học. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, rừng và biển; phát triển kinh tế biển, công nghiệp năng lượng, nông nghiệp sinh thái và đô thị ven biển theo hướng xanh, thích ứng và bền vững.

- Phát triển đô thị và nông thôn hài hòa, lấy đô thị hóa làm động lực tái cấu trúc không gian kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống đô thị xanh, thông minh, hạ tầng đồng bộ, hướng tới mục tiêu chung đưa Hưng Yên trở thành cực tăng trưởng năng động của vùng đồng bằng sông Hồng và cửa ngõ phát triển ra biển Đông.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng xã hội ổn định, hài hòa, đoàn kết, trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh; Xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị phát triển, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, an toàn và hội nhập sâu rộng.

2. Mục tiêu

Phát triển nhanh, bền vững hơn với tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số; đẩy mạnh cơ cấu lại thực chất, hiệu quả hơn nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nhà nước tại doanh nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và môi trường kinh doanh. Góp phần lớn gắn với mục tiêu đến năm 2030, xây dựng tỉnh

Hưng Yên là tỉnh có nền kinh tế năng động, phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển xanh; bảo đảm an ninh năng lượng; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Cải cách, xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu quả, toàn diện trên các mặt thể chế, chính sách, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy chính quyền, chế độ công vụ và tài chính công; xây dựng chính quyền số và nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đảm bảo thông thoáng, thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; bãi bỏ các rào cản, hạn chế quyền tự do kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

- Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở 05 trụ cột chủ yếu: (1) Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế nhằm thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao; (2) Phát triển nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm hiệu quả, bền vững; (3) Phát triển mạnh hệ thống đô thị, thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; (4) Phát triển năng lượng sạch (điện gió ngoài khơi, điện sinh khối, điện khí LNG, Hydrogen xanh…) theo hướng đồng bộ, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh năng lượng; (5) Phát triển kinh tế biển theo mô hình khu kinh tế tự do, gắn kết tổng thể các hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư, tiền tệ, tài chính, đô thị, năng lượng, công nghệ, nhân lực, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, dịch vụ vận tải, logistics, cảng biển, sân bay theo xu hướng tập trung và lan tỏa nguồn nhân lực chất lượng cao, tinh hoa trí tuệ, khuyến khích thử nghiệm, sáng tạo, chia sẻ, tự do kết nối với phần còn lại của thế giới; bảo đảm liên thông chặt chẽ với các địa phương trong khu vực và được tổ chức quản lý, quản trị theo cơ chế đặc thù, vượt trội, mang tính khác biệt để dẫn dắt phát triển, hình thành cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Bắc.

- Tiếp tục thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác đối ngoại.

Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân; tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, nút thắt; khơi thông và huy động, sử dụng tối đa, hiệu quả nguồn lực, tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bứt phá, bền vững.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, coi đây là khâu đột phá, động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tiếp tục chú trọng phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh và động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững; thực hiện tốt chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện, có tri thức, kỹ năng, ý thức công dân, có ý chí vươn lên mạnh mẽ và khát vọng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

- Nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu vì mục tiêu phát triển bền vững; triển khai đồng bộ các giải pháp chống ô nhiễm môi trường, kiểm soát chặt chẽ, an toàn các nguồn phát thải, từng bước hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0". Đẩy mạnh thực hiện các mô hình sản xuất, kinh doanh và mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, an toàn để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Các khâu đột phá chiến lược

- Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách gắn với cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển; xây dựng chính quyền địa phương hai cấp tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính bảo đảm thực chất, nâng cao chất lượng dịch vụ công; đổi mới phương thức quản lý phát triển, quản trị xã hội hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp. Cải thiện liên tục, không ngừng môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo sự đột phá trong huy động nguồn lực phát triển. Tập trung mọi nguồn lực để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và không gian phát triển mới; đầu tư hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, khu đô thị mới, hạ tầng văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, hạ tầng công nghệ, hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, thủy lợi... Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng là tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển tỉnh bền vững.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, trở thành động lực chủ yếu của mô hình tăng trưởng mới; tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số; thu hút các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, phát triển, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo đầu tư vào địa bàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mới; phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất, kinh doanh mới.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số; tăng cường thu hút và trọng dụng nhân tài. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, đạo đức, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh.

4. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

4.1. Công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; gắn phát triển công nghiệp với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ; phát triển công nghiệp theo hướng sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động, thân thiện với môi trường, hướng tới cân bằng phát thải và mô hình kinh tế tuần hoàn. Góp phần chung đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng, là tỉnh có nền công nghiệp thông minh, thuộc tốp đầu áp dụng công nghiệp 4.0 và kinh tế số.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, có hàm lượng công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa cao, tạo động lực dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh (công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp dược phẩm - công nghệ sinh học; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến chế tạo hiện đại; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp biển và logistics; công nghiệp truyền thống nâng cấp...).

- Phát huy lợi thế vùng ven biển kết hợp với vùng công nghiệp nội địa để hình thành tổ hợp công nghiệp đa dạng, trong đó tích hợp cả công nghiệp đô thị và công nghiệp biển; xây dựng Khu kinh tế Hưng Yên thành Khu kinh tế tự do, đa ngành làm động lực đột phá cho công nghiệp tỉnh trong tương lai. Phát triển công nghiệp gắn liền với quá trình đô thị hóa; hình thành các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy mô lớn, hiện đại; thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, vận tải và các ngành dịch vụ hỗ trợ công nghiệp.

- Bảo tồn và phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề gắn với nhu cầu thị trường, đồng thời cải thiện điều kiện hạ tầng và môi trường để các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và làng nghề phát triển bền vững.

4.2. Dịch vụ

- Phát triển dịch vụ theo hướng hiện đại, năng suất cao và bền vững, có khả năng hỗ trợ và dẫn dắt sản xuất công nghiệp - xuất nhập khẩu - tiêu dùng, thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế biển; hướng tới trở thành trung tâm dịch vụ của vùng đồng bằng sông Hồng. Chú trọng phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dựa trên tri thức, công nghệ, hạ tầng số và liên kết chuỗi cung ứng vùng. Hình thành các cụm ngành dịch vụ tập trung có quy mô lớn hiện đại; ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao tại các vùng đô thị, Khu kinh tế tự do để thúc đẩy nhanh hơn quá trình đô thị hóa toàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại; phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở vùng nông thôn gắn với không gian đô thị, nông thôn mới; thúc đẩy mạnh mẽ phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử. Phát triển hệ thống logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn hiện đại, kết nối chặt chẽ với mạng lưới cảng và trung tâm logistics trong vùng đồng bằng sông Hồng, đưa Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng. Thúc đẩy và từng bước đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân và quảng bá hình ảnh địa phương. Xây dựng Hưng Yên trở thành điểm đến văn hóa - sinh thái đặc trưng vùng đồng bằng sông Hồng và ven biển, phát triển bền vững và gắn kết chặt chẽ trong chuỗi du lịch liên vùng. Phát huy tối đa các giá trị văn hóa - lịch sử, cảnh quan sông nước, làng nghề truyền thống, hệ sinh thái ven biển - ven sông và các giá trị nông nghiệp - nông thôn đặc trưng để xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc và có chiều sâu, đáp ứng nhu cầu đa tầng của khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Phát triển hệ thống dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, đa dạng và toàn diện, nhằm đáp ứng nhu cầu của cả doanh nghiệp, người dân và các nhà đầu tư trong và ngoài nước; hướng tới trở thành trung tâm dịch vụ tài chính - ngân hàng chiến lược của miền Bắc. Xây dựng các trung tâm logistics tập trung, gần các khu công nghiệp; hình thành trung tâm logistics quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu; phát triển hạ tầng vận tải đa phương thức.

4.3. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh, văn minh; nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh thông qua ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và phát triển chuỗi giá trị nông sản. Phát huy lợi thế vùng sinh thái ven sông, ven biển, đồng bằng, phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp gắn

với chế biến sâu và thị trường tiêu thụ Thủ đô Hà Nội, vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng. Từng bước hình thành nông nghiệp tri thức, hiệu quả, thu nhập cao, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của quốc gia. Xây dựng thương hiệu, mở rộng vùng tiêu thụ sản phẩm nông sản của tỉnh; liên kết liên ngành cho phát triển nông nghiệp; liên kết liên vùng, liên tỉnh nhằm xây dựng các vùng cung nguyên liệu cho chế biến sâu theo chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu. Tăng cường bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng ngập mặn; phát triển cây phân tán, phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển ngành thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả cao và bền vững, trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng góp phần đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân vùng ven biển.

5. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

5.1. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy nhanh ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ; phấn đấu để tỉnh Hưng Yên trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng sông Hồng; có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm là các lĩnh vực đột phá phát triển của tỉnh. Xây dựng Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo - đào tạo - ươm tạo - ứng dụng - sản xuất công nghệ cao quy mô vùng đồng bằng sông Hồng.

5.2. Văn hóa, thể thao

- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hưng Yên toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia, gắn với phát triển du lịch bền vững. Đa dạng các hoạt động nghệ thuật biểu diễn; phát huy tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa các cấp, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Phát triển mạnh phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn tỉnh có thế mạnh.

5.3. Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm

tinh gọn, hiện đại, đạt chuẩn, đa dạng về loại hình, có cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo hợp lý, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và thị trường lao động. Hướng đến mục tiêu chung đưa Hưng Yên nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước về trình độ, chất lượng phát triển giáo dục và đào tạo.

- Thu hút đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia, ASEAN, quốc tế; ưu tiên đào tạo các chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ. Có chính sách khuyến khích thúc đẩy đào tạo nghề gắn với chuyển đổi nghề, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển của tỉnh, vùng đồng bằng sông Hồng.

5.4. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng hiện đại, chất lượng, đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng; nâng cao các chỉ số đánh giá chất lượng cuộc sống tốt cho người dân; giảm thiểu tỷ lệ bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ người dân.

- Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao, tiệm cận tiêu chuẩn Thủ đô; đội ngũ cán bộ y tế có đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng; hệ thống y tế chất lượng, đồng bộ, hiệu quả; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người dân, hướng tới đưa Hưng Yên trở thành trung tâm y tế chất lượng cao trong vùng đồng bằng sông Hồng.

- Khuyến khích, thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao. Hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật quốc gia. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe Nhân dân, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các dịch bệnh trong tương lai.

5.5. An sinh xã hội

Hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về giáo dục dạy nghề, trợ giúp xã hội và phục vụ tốt cho đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; có chính sách hỗ trợ người nghèo, các đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm bền vững. Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập; khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội.

5.6. Quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong đấu tranh phòng chống âm mưu "diễn biến hòa

bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; chống xâm lược, bảo vệ chủ quyền và an toàn chung của khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ; chủ động, linh hoạt nắm bắt và xử lý tình huống, không để bị động, bất ngờ.

Xây dựng khu vực phòng thủ, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, hệ thống công trình phòng thủ vững chắc. Xây dựng lực lượng công an, quân đội trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện tốt phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

6. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội của các phường mới thành lập dựa trên cấu trúc khung phát triển gồm: 03 vùng kinh tế, 02 hành lang phát triển và các trục phát triển chính yếu của tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

6.1. Ba vùng kinh tế

- Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội): Có vị trí chiến lược nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của Thủ đô Hà Nội, tiếp giáp trực tiếp với Hưng Yên, Hải Phòng và Hà Nội, nằm trên trục hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, đóng vai trò cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5, Vành đai 4 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên.

- Vùng trung tâm tỉnh: Nằm ở trung tâm địa lý của không gian phát triển tỉnh Hưng Yên, có vị trí chiến lược trong việc liên kết vùng động lực phía Bắc với vùng ven biển, đồng thời là trục kết nối quan trọng trong mạng lưới phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và hành lang kinh tế ven biển; là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục của toàn tỉnh, giữ vai trò điều phối, cân bằng và lan tỏa phát triển không gian kinh tế - xã hội giữa hai vùng động lực phía Bắc và vùng kinh tế ven biển phía Nam. Đây là vùng phát triển tổng hợp đa ngành, vừa là hạt nhân hành chính, đô thị, vừa là trung tâm sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ và logistics nội tỉnh; Phát triển không gian theo mô hình trung tâm tổng hợp hành chính - đô thị - dịch vụ - công nghiệp sạch, trong đó đô thị Phố Hiến là trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục và dịch vụ cấp vùng.

- Vùng ven biển: Nằm ở khu vực ven biển phía Đông và Đông Nam của tỉnh, là vùng kinh tế biển tổng hợp, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển hành lang kinh tế ven biển Bắc Bộ, nằm tại trung điểm kết nối giữa Hải Phòng - Ninh Bình, đồng thời là cửa ngõ hướng biển của Hưng Yên. Vùng có lợi thế nổi bật về địa hình ven biển, quỹ đất rộng, giao thông thuận lợi và khả năng phát triển hệ thống cảng biển, khu kinh tế và năng lượng tái tạo; là vùng động lực tăng trưởng chiến lược mới của tỉnh, được định hướng là trung tâm

phát triển kinh tế biển tổng hợp, bao gồm công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics cảng biển, đô thị - dịch vụ biển và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển; phát triển không gian theo mô hình "Khu kinh tế tự do gắn với phát triển đô thị cảng biển, công nghiệp năng lượng xanh" với 03 tiểu vùng chức năng chính: Tiểu vùng đô thị - cảng biển phía Đông; Tiểu vùng công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo; Tiểu vùng du lịch, sinh thái biển.

6.2. Hai hành lang phát triển

- Hành lang sinh thái - kinh tế - văn hóa sông Hồng trải dài dọc theo bờ sông Hồng từ khu vực giáp ranh với Hà Nội đến cửa Ba Lạt, gắn với tuyến đường di sản ven sông Hồng (trục dọc số 03). Phát triển du lịch lịch sử, văn hóa và sinh thái gắn với tuyến đường "Di sản" ven sông Hồng.

- Hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với hệ thống các tuyến cao tốc (CT.16), trục dọc số 02 giữ vai trò xương sống tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời là cửa ngõ giao thương và liên kết vùng quan trọng với Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh và Ninh Bình. Là không gian phát triển tổng hợp đa ngành, đa chức năng, bao gồm công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics và đổi mới sáng tạo.

6.3. Các trục phát triển chủ yếu

a) Các trục dọc

- Trục dọc số 01: Đây là tuyến có vai trò kết nối dọc địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên và kết nối tới Sân bay Gia Bình, điểm đầu tại phường Thượng Hồng tiếp giáp tỉnh Hưng Yên, điểm cuối giao với đường bộ ven biển (gồm các tuyến đường: ĐT.387, ĐT.386C, ĐT.468).

- Trục dọc số 02: Điểm đầu tại xã Phụng Công tiếp giáp Thủ đô Hà Nội, điểm cuối giao với đường bộ ven biển (gồm các tuyến đường: ĐT.379, CT.16, ĐT.379C, Phố Hiến - Thái Bình, CT.16, ĐT.464).

- Trục dọc số 03: Điểm đầu tại xã Phụng Công tiếp giáp Thủ đô Hà Nội dọc theo sông Hồng, điểm cuối giao với đường bộ ven biển (gồm các tuyến đường: ĐT.378, ĐT.378B, ĐT.469).

b) Các trục ngang

- Vành đai 4 (CT.38): Là trục phát triển chiến lược phía Bắc tỉnh, nằm trong vành đai mở rộng của Thủ đô Hà Nội, kết nối Hưng Yên, Hà Nội, Hưng Yên.

- Cao tốc CT.14 (Chợ Bến - Yên Mỹ), QL.39: Là trục ngang động lực của tỉnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, đô thị - dịch vụ tổng hợp; tạo hành lang công nghiệp - đô thị - thương mại.

- Vành đai 5 (CT.39): Là trục liên kết vùng trung tâm đồng bằng sông

Hồng. Trục định hướng phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hỗ trợ, trung tâm logistics, đô thị - dịch vụ tổng hợp, tạo hành lang công nghiệp - đô thị - thương mại liên vùng.

- Cao tốc CT.08: Là trục động lực phát triển kinh tế biển gắn với Khu kinh tế tự do Hưng Yên, đóng vai trò "cửa ngõ ra biển" của tỉnh.

7. Phương án phát triển các khu chức năng

7.1. Phương hướng phát triển Khu kinh tế tự do Hưng Yên

Xây dựng, phát triển Khu kinh tế Hưng Yên thành Khu kinh tế tự do với tính chất là khu kinh tế tích hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, là động lực đột phá cho phát triển công nghiệp của tỉnh và hình thành một hệ sinh thái sống năng động. Khu kinh tế tự do được vận hành dưới cơ chế phân cấp phân quyền mạnh mẽ, cho phép thử nghiệm các chính sách phát triển mới với cơ chế đặc thù vượt trội, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo không ngừng, có chức năng phát triển đa dạng các ngành nghề, trong đó tập trung vào các lĩnh vực sản xuất giá trị cao, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và dịch vụ hiện đại. Khu kinh tế tự do đóng vai trò là nền tảng thu hút đầu tư chất lượng cao, thử nghiệm các mô hình phát triển mới và mở rộng không gian tăng trưởng cho vùng đồng bằng sông Hồng, hướng tới trở thành hình mẫu có thể nhân rộng cho các khu kinh tế trên toàn quốc.

7.2. Phương hướng phát triển Khu công nghiệp

Tỉnh Hưng Yên định hướng phát triển hệ thống khu công nghiệp trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gắn với thu hút đầu tư quy mô lớn, công nghệ cao, quản trị hiện đại và phát triển bền vững. Quy hoạch, phát triển khu công nghiệp theo hướng tập trung, chuyên môn hóa, ưu tiên các ngành, lĩnh vực công nghệ tiên tiến, ít phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng, thân thiện môi trường, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư hạ tầng, tỷ lệ lấp đầy và năng lực cạnh tranh của khu công nghiệp.

Phát triển khu công nghiệp kết hợp hài hòa giữa mở rộng quy mô với nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, bảo đảm gắn kết với phát triển đô thị, dịch vụ và các ngành kinh tế khác trên địa bàn, phù hợp đặc điểm không gian phát triển của từng khu vực, bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và an sinh xã hội. Việc bố trí, sử dụng quỹ đất phát triển khu công nghiệp được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng chỉ tiêu, định hướng quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và các quy định pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở đó, phát triển khu công nghiệp theo mô hình tích hợp, hướng tới hình thành các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy mô lớn, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Đồng thời, bảo đảm phát triển khu công nghiệp

đi kèm quy hoạch, đầu tư nhà ở và các thiết chế phục vụ người lao động, đáp ứng nhu cầu tối thiểu về chỗ ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và các dịch vụ thiết yếu, phù hợp quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Chú trọng yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, ưu tiên phát triển mô hình khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái, thúc đẩy sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo và tái sử dụng nước, chất thải theo quy định.

Việc thu hút dự án đầu tư thứ cấp vào khu công nghiệp thực hiện theo nguyên tắc lựa chọn, sàng lọc dự án có công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng lớn, có hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, có khả năng tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Đồng thời, gắn thu hút đầu tư với năng lực tiếp nhận và xử lý môi trường của từng khu công nghiệp, yêu cầu hoàn thiện hệ thống hạ tầng bảo vệ môi trường và hệ thống quan trắc, giám sát, bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các điều kiện hoạt động của khu công nghiệp theo quy định. Đến năm 2030, 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn cho phép.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Định hướng từng bước chuyển đổi, nâng cao chất lượng hoạt động của các KCN theo hướng xanh, bền vững, phù hợp điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực; ưu tiên các nội dung cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và thu hút đầu tư.

- Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục mở rộng và hoàn thiện chuyển đổi theo hướng phổ biến các mô hình KCN xanh, KCN sinh thái, bảo đảm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm tác động môi trường và tăng sức cạnh tranh của KCN.

7.3. Phương hướng phát triển hệ thống cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp với tính chất đa ngành, phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh. Tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại các cụm công nghiệp đã được phê duyệt thành lập.

Hình thành một số CCN chuyên ngành, làm vệ tinh cho các KCN, ưu tiên công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; đồng thời thúc đẩy hình thành mạng lưới liên kết ngành, liên kết vùng giữa các CCN trong và ngoài tỉnh,. Mục tiêu là sử dụng đất tiết kiệm, đóng góp nhiều vào ngân sách nhà nước và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Phấn đấu đến năm 2030, 100% cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Đến năm 2030, tỉnh Hưng Yên có 115 CCN (giảm 02 CCN so với phương án cũ), với tổng diện tích khoảng 7.319,76 ha (tăng 223,66 ha so với phương án cũ). Việc lựa chọn ngành nghề cụ thể tại từng CCN bảo đảm phù hợp tiềm năng từng địa bàn và yêu cầu

ưu tiên công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện môi trường, đồng thời tuân thủ quy định môi trường và điều kiện đấu nối hạ tầng kỹ thuật của CCN.

7.4. Phương hướng phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Phố Hiến để thu hút các trường đại học, học viện trong nước, quốc tế, trung tâm nghiên cứu và phát triển, viện nghiên cứu… đầu tư xây dựng, góp phần đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hình thành khu nghiên cứu đào tạo tại khu vực Quỳnh Phụ theo hướng trở thành một trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học của vùng và cả nước; tập trung các cơ sở nghiên cứu, hỗ trợ phát triển, ứng dụng công nghệ cao và các cơ sở đào tạo, giáo dục đại học nhằm thu hút các chuyên gia trong các ngành công nghệ cao, chuyên gia có trình độ cao làm công tác nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, giảng dạy.

7.5. Phương hướng phát triển khu du lịch

Tỉnh Hưng Yên có điều kiện thuận lợi đặc biệt để phát triển hệ thống không gian du lịch tổng hợp, kết hợp giữa vùng đồng bằng sông Hồng và vùng ven biển. Toàn tỉnh hình thành trục phát triển du lịch đa hướng, trong đó các hành lang sông, biển và đô thị trở thành động lực chính thúc đẩy du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và thể thao trên cơ sở khai thác các giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với nền văn minh lúa nước sông Hồng, bao gồm:

- Phát triển du lịch lễ hội, tâm linh: Dòng sản phẩm này được khai thác gắn với các đình, đền, chùa (đền Mẫu, đền Trần, chùa Chuông, Văn Miếu Xích Đằng, đền Chử Đồng Tử, chùa Nôm...), các lễ hội (các lễ rước gắn liền với sông Hồng như lễ hội Đền Mẫu, Đền Dạ Trạch, Đền Đa Hòa, Đền An, Đền Vương, Đền Hoàng Hoa Thám...). Du lịch Phố Hiến kết hợp du lịch sinh thái sông Hồng: Đây là sản phẩm du lịch quan trọng nhất, định vị cho thương hiệu du lịch Hưng Yên.

- Phát triển du lịch tham quan, nghỉ dưỡng cuối tuần kết hợp khám phá cụm di tích Đa Hòa - Dạ Trạch - nơi thờ Chử Đồng Tử - Tiên Dung, một trong tứ thánh bất tử của người Việt. Phát huy lợi thế gần Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên tập trung đầu tư phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần thông qua việc thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng tại khu vực ven sông Hồng; phát triển mô hình homestay nhà vườn, sản phẩm du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển du lịch sinh thái, điều dưỡng, dưỡng lão, giải trí, trải nghiệm tại không gian du lịch khu rừng ngập mặn Thụy Trường, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước, khu nuôi trồng thuỷ sản chất lượng cao; Khu du lịch sinh thái biển Cồn Vành; Khu du lịch sinh thái biển Cồn Đen. Dã ngoại tắm khoáng và chăm sóc sức khỏe tại khu nghỉ dưỡng cao cấp Duyên Hải, du lịch sinh thái bãi Tam tỉnh ven sông Hồng, kết hợp với du lịch cộng đồng, trải nghiệm nông

nghiệp, sản phẩm Sen của HTX sen Vân Đài, làng nghề chiếu Hới, Làng thêu Minh Lãng, Làng nghề đúc đồng Lộng Thượng, Làng nghề làm hương Cao Thôn, Làng nghề chạm bạc thôn Huệ Lai, Làng nghề long nhãn Hồng Nam...).

- Phát triển du lịch làng nghề dược liệu Nghĩa Trai kết hợp với khu di tích Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác.

- Phát triển du lịch văn hóa ẩm thực với các đặc sản tự nhiên: Đây là loại hình du lịch rất phù hợp bởi Hưng Yên là quê hương của nhiều đặc sản nổi tiếng, hấp dẫn khách du lịch như: Gà Đông Tảo, bánh khúc Bình Minh; bánh Cáy Làng Nguyễn, Canh cá Quỳnh Côi, Nhãn lồng, sen, bún thang lươn Phố Hiến, tương Bần, ếch om Phượng Tường, Bánh cuốn Mễ Sở, bánh dày làng Gàu Cửu Cao.

- Quy hoạch hệ thống bến tàu du lịch đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, bảo vệ môi trường và phù hợp với điều kiện khai thác du lịch. Các bến tàu du lịch được nghiên cứu bố trí gắn với các tuyến du lịch đường thủy nội địa, không gian cảnh quan ven sông và các khu, điểm du lịch trọng điểm. Đồng thời, định hướng phát triển các sản phẩm du lịch chung mang tính liên kết, khai thác giá trị văn hóa - lịch sử, sinh thái và cảnh quan đặc trưng của khu vực, qua đó phát huy hiệu quả hành lang văn hóa - lịch sử, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ và sức hấp dẫn của du lịch tỉnh Hưng Yên.

7.6. Phương hướng phát triển khu bảo tồn thiên nhiên

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh; bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo tồn thiên nhiên;... nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về trách nhiệm và quyền lợi trong hoạt động bảo tồn thiên nhiên.

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ liên quan đến công tác bảo tồn thiên nhiên như: Điều tra, thống kê hiện trạng các khu bảo tồn, quan trắc, lập danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm, các loài ngoại lai xâm hại; lưu giữ, bảo tồn các nguồn gen quý, hiếm của địa phương; xây dựng các mô hình quản lý khu bảo tồn thiên nhiên có sự tham gia của cộng đồng và chia sẻ hài hòa các lợi ích giữa các bên; xây dựng các mô hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững; triển khai các dự án tăng độ che phủ rừng ngập mặn...

7.7. Phương hướng tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Bố trí không gian sản xuất nông nghiệp theo hướng khai thác có hiệu quả điều kiện đất đai, sinh thái địa phương và hạ tầng thủy lợi để hình thành phát

triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, hình thành các dải xanh, vành đai xanh giữa các đô thị, trọng tâm là vùng sản xuất lúa chất lượng cao, ứng dụng công nghệ cao tại các xã; vùng sản xuất dược liệu tại các xã; vùng cây ăn quả tại các xã.

Chuyển dịch chăn nuôi tập trung trang trại từ vùng có mật độ dân số cao, đô thị đến những vùng có mật độ dân số thấp, các xã có điều kiện bố trí đất đai để phát triển chăn nuôi, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung xa đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư. Tập trung hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tại các xã.

Phát triển mạnh vùng nuôi trồng thủy sản ven biển, tận dụng lợi thế vùng triều và đầm phá, hình thành khu nuôi trồng thủy sản tập trung quy mô lớn, công nghệ cao kết hợp với du lịch sinh thái ven biển.

7.8. Phương hướng phân bổ, sử dụng không gian biển

Phương án phát triển không gian biển của tỉnh Hưng Yên hướng tới việc sử dụng tổng hợp, bền vững và an toàn vùng biển, ven biển sau sáp nhập; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế biển (cảng biển, công nghiệp, năng lượng, du lịch) với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đảm bảo quốc phòng - an ninh; Việc phát triển không gian biển tuân thủ Quy hoạch không gian biển quốc gia và yêu cầu phối hợp đa ngành, tránh xung đột lợi ích giữa các lĩnh vực (giao thông, thủy sản, du lịch, năng lượng, bảo tồn…). Bên cạnh đó, tăng cường hợp tác với các bộ ngành và địa phương lân cận (Hải Phòng, Ninh Bình) trong quản lý vùng biển liên tỉnh, xử lý hiệu quả các vấn đề như ô nhiễm biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng,…

Tỉnh Hưng Yên không gian biển tương đối lớn đòi hỏi quy hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững. Tổng diện tích vùng biển ven bờ (từ đường bờ ra 6 hải lý) của tỉnh khoảng 487 km². Trong đó, có khoảng 2.944 ha diện tích mặt biển nằm trong ranh giới KKT Hưng Yên, đã được quy hoạch tích hợp cảng biển, khu công nghiệp…. Phân vùng không gian biển của tỉnh theo các chức năng sử dụng chính, trên cơ sở các tiêu chí về quốc phòng - an ninh, bảo tồn thiên nhiên và phát triển kinh tế biển. Cụ thể, không gian biển Hưng Yên được chia thành các vùng chức năng sau:

a) Vùng an ninh - quốc phòng: Bao gồm các khu vực trọng yếu ven biển phục vụ phòng thủ và kiểm soát an ninh trên biển. Tỉnh quy hoạch 09 khu vực phòng thủ ven biển với tổng diện tích khoảng 1.128 ha (chủ yếu tại các bãi triều và cửa sông quan trọng như cửa Diêm Điền, cửa Trà Lý, khu vực Cồn Thủ, Cồn Vành). Các công trình phòng thủ (trận địa, trạm radar, đồn biên phòng…) được bố trí tại đây theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, đảm bảo yêu cầu sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chủ quyền.

b) Vùng cảng biển, giao thông biển và logistics: Hệ thống cảng biển địa phương tập trung tại 3 khu bến chính: khu bến Diêm Điền (cửa sông Diêm Hộ,

khu vực Thái Thụy) - phục vụ tổng hợp cho KKT (hàng tổng hợp, container, hàng lỏng/khí) với cỡ tàu đến khoảng 3.000 tấn (dài hạn có thể 5.000 tấn); khu bến Trà Lý (cửa Trà Lý, khu vực Tiền Hải cũ) - phục vụ trung tâm điện khí LNG và cơ sở công nghiệp ven sông (tàu 2.000-5.000 tấn) và khu bến Ba Lạt (cửa sông Ba Lạt trên ranh giới Hưng Yên - Ninh Bình) - định hướng phát triển bến cảng tổng hợp và khu neo đậu tránh bão cho tàu đến 5.000 tấn, kết hợp cảng khách du lịch nếu khả thi. Ngoài ra, tỉnh nghiên cứu hình thành bến cảng ngoài khơi (phao neo, khu chuyển tải) để tiếp nhận tàu lớn đến 200.000 tấn nằm ngoài cửa sông (ngoài 6 hải lý) phục vụ trung chuyển hàng hóa khi điều kiện cho phép. Song song, luồng tuyến giao thông đường biển ven bờ qua Thái Bình (tuyến Quảng Ninh - Quảng Trị đi qua cửa Thái Bình, Trà Lý) được quản lý chặt chẽ, bảo đảm an toàn hàng hải. Kết cấu hạ tầng logistics như trung tâm logistics cảng, kho bãi, khu dịch vụ hậu cần cảng biển sẽ được phát triển đồng bộ quanh các khu bến, phục vụ chuỗi cung ứng của KKT và tỉnh.

c) Vùng nuôi trồng và khai thác thủy sản: Vùng nuôi trồng, vùng bảo vệ nguồn lợi (khu cấm khai thác thủy sản có thời hạn, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu cư trú nhân tạo cho loài thủy sản) và khai thác thủy sản. Khu vực bãi triều ven biển tiếp tục được quy hoạch cho nuôi trồng thủy sản (như nuôi ngao, nuôi tôm công nghiệp ở vùng bãi triều) kết hợp bảo vệ hệ sinh thái. Ngư trường Vịnh Bắc Bộ tiếp tục là nơi khai thác hải sản truyền thống của ngư dân (đánh bắt cá, tôm, cua, ngao tự nhiên) với quy mô phù hợp trữ lượng và mùa vụ. Sắp xếp lại các tuyến luồng, bãi trú đậu cho tàu cá; đầu tư nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh bão (như khu neo đậu Cửa Lân, Cửa Ba Lạt) để đảm bảo an toàn cho hoạt động đánh bắt. Đồng thời, khuyến khích ngư dân chuyển đổi sang các hình thức đánh bắt bền vững, giảm cường lực khai thác ven bờ nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản lâu dài. Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các địa phương ven sẽ được mở rộng có kiểm soát, áp dụng công nghệ cao nâng năng suất và hạn chế ô nhiễm môi trường biển.

d) Vùng bảo tồn thiên nhiên, lâm nghiệp và nghiên cứu khoa học: Trên địa bàn có hai khu vực đất ngập nước ven biển quan trọng đã được công nhận: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy (diện tích khoảng 6.560 ha) và Khu bảo tồn đất ngập nước Tiền Hải (diện tích khoảng 12.500 ha). Đây là các vùng bãi triều, rừng ngập mặn có tính đa dạng sinh học cao, là nơi cư trú của nhiều loài chim di cư và thủy sinh quý hiếm.

Tiếp tục giữ nguyên hiện trạng và mở rộng diện tích rừng ngập mặn (rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển khoảng 5000 ha) để bảo vệ bờ biển, chống xói lở và tạo sinh cảnh cho hệ sinh thái. Các hoạt động nuôi trồng, du lịch trong ranh giới khu bảo tồn được kiểm soát chặt, ưu tiên cho mục tiêu bảo tồn. Bên cạnh đó, khuyến khích nghiên cứu khoa học biển tại các khu vực này, hợp tác với các viện nghiên cứu để quan trắc môi trường, nghiên cứu về biến đổi khí hậu, nước

biển dâng nhằm đề xuất giải pháp ứng phó. Việc bảo tồn thiên nhiên biển gắn liền với phát triển du lịch sinh thái có trách nhiệm, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng ngư dân địa phương.

đ) Vùng khai thác tài nguyên biển: Tổng diện tích khu vực khai thác cát biển khoảng 1.716 ha (trong phạm vi 6 hải lý), tập trung tại các bãi triều có trữ lượng cát bồi lắng. Việc khai thác cát sẽ được quản lý theo giấy phép, đảm bảo không gây sạt lở bờ biển hay ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái và công trình ven bờ. Ngoài ra, tỉnh cũng khảo sát khả năng khai thác năng lượng khí (nếu phát hiện mỏ khí nông hoặc dự án LNG ngoài khơi) cũng như các tài nguyên khác như nước biển phục vụ công nghiệp muối, khoáng sản biển (nếu có) theo quy hoạch ngành quốc gia. Mọi hoạt động khai thác tài nguyên sẽ tuân thủ nghiêm ngặt đánh giá tác động môi trường và có phương án phục hồi môi trường sau khai thác.

e) Vùng phát triển năng lượng tái tạo: Không gian biển của tỉnh có tiềm năng phát triển điện gió ven bờ và ngoài khơi. Quy hoạch tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030 phát triển điện gió (gồm trên bờ, gần bờ và xa bờ) đạt khoảng 1.024 MW công suất, trước mắt, tỉnh đã xác định khu vực điện gió ven bờ khoảng 600 ha trên bãi bồi (vùng biển nông <6 hải lý) và một vùng 4.286 ha ngoài khơi để nghiên cứu khảo sát điện gió xa bờ trong tương lai. Các dự án điện gió (như trang trại điện gió Thái Thụy 70MW, Tiền Hải 1-2 giai đoạn đầu) sẽ được triển khai theo quy hoạch điện lực quốc gia. Tỉnh ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có năng lực để phát triển điện gió đồng bộ với lưới truyền tải, bảo đảm không ảnh hưởng đến luồng hàng hải và khu bảo tồn. Bên cạnh điện gió, tỉnh cũng xem xét tiềm năng điện mặt trời nổi (trên các vùng nước lợ) và điện sóng, thủy triều nếu khả thi, góp phần đa dạng hóa nguồn năng lượng sạch cho tỉnh và KKT. Việc phát triển năng lượng tái tạo ven biển không chỉ cung cấp điện cho khu công nghiệp, dân sinh mà còn giảm phát thải, phù hợp mục tiêu tăng trưởng xanh.

f) Vùng phát triển du lịch và dịch vụ biển: Phát triển các khu du lịch với nhiều loại hình đa dạng. Các khu du lịch sinh thái biển như Đồng Châu, Cồn Vành, Cồn Thủ, Cồn Đen được đầu tư thành các điểm đến hấp dẫn. Cồn Vành - Cồn Thủ định hướng phát triển khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, thể thao biển, du lịch sinh thái rừng ngập mặn kết hợp khu đô thị du lịch và sân golf, với quy mô khoảng 275 ha. Cồn Đen phát triển khu du lịch biển đại chúng kết hợp vui chơi giải trí, gắn với bảo tồn rừng ngập mặn. Nghiên cứu quy hoạch cảng du lịch Cồn Vành phục vụ tuyến du lịch đường biển, vận chuyển hành khách tham quan vịnh Bắc Bộ và kết nối với Hải Phòng, Quảng Ninh. Sản phẩm du lịch sẽ đa dạng: từ du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển truyền thống đến du lịch sinh thái, du lịch khám phá văn hóa - như tham quan trải nghiệm làm muối tại đồng muối Diêm Điền, lễ hội "bà Chúa Muối" gắn với làng nghề muối. Phát triển liên kết du lịch vùng: kết nối tour tuyến Thái Bình với các trung tâm du lịch lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình) để thu hút khách và phát huy lợi thế vị trí. Phát

triển du lịch biển đi đôi với bảo tồn thiên nhiên và đảm bảo an toàn (bố trí khu neo đậu tránh bão cho tàu du lịch, nâng cấp đê biển bảo vệ khu du lịch).

Khuyến khích mô hình du lịch cộng đồng ven biển, giúp người dân địa phương tham gia cung cấp dịch vụ (ẩm thực hải sản, lưu trú homestay, hướng dẫn du lịch) qua đó nâng cao thu nhập và gìn giữ văn hóa bản địa.

g) Vùng lấn biển phát triển công nghiệp và đô thị, dịch vụ: Nhằm mở rộng không gian phát triển, dự kiến thực hiện các dự án lấn biển có chọn lọc để tạo quỹ đất cho công nghiệp, đô thị, dịch vụ biển. Nghiên cứu một số khu vực bãi triều sẽ được xem xét cải tạo, lấn biển sau năm 2030, gắn với mở rộng Khu Kinh tế tự do Hưng Yên, trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng thứ tự ưu tiên, quy mô và công nghệ lấn biển, đảm bảo không làm ảnh hưởng xấu đến thoát lũ, môi trường và hệ sinh thái ven bờ.

8. Phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông Quốc gia, đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, liên thông và kết nối thúc đẩy phát triển liên kết vùng.

8.1. Đường bộ

- Hệ thống đường cao tốc: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên địa bàn tỉnh hình thành 06 tuyến cao tốc: Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04); Cao tốc Vành đai 4 (CT.38); Cao tốc Vành đai 5 (CT.39); Cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14); cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08) và tuyến Thái Bình - Hưng Yên (CT.16).

- Hệ thống quốc lộ bao gồm 9 tuyến, cụ thể: QL.5, QL.38, QL.38B, QL.10, QL.39, QL.37, QL.37B, QL.38C và QL.39B. Các tuyến quốc lộ được thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng phê duyệt.

- Các tuyến đường tỉnh: Quy hoạch các tuyến đường tỉnh có quy mô tối thiểu đạt cấp II đồng bằng. Các tuyến đường tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, đảm bảo có kết nối đường bộ thuận lợi với các phường, xã và đô thị. Một số tuyến đường liên xã (đường huyện cũ) trọng điểm có kết nối với các trục dọc, vành đai vùng và các trục ngang chính yếu được nâng cấp lên thành đường tỉnh.

8.2. Đường thủy

Đối với các tuyến đường thủy quốc gia, thực hiện theo quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nghiên cứu đầu tư xây dựng một số cảng quan trọng trên sông quốc gia (sông Hồng, sông Trà Lý, sông Luộc, sông Hóa và sông Thái Bình) và tuyến đường bộ kết nối; đề xuất bổ sung công năng một số cảng chuyên dùng hiện có thành cảng tổng hợp theo quy định.

Đối với các tuyến đường thủy địa phương, quy hoạch tối thiểu cấp kỹ thuật cấp VI. Quy hoạch các cảng, bến thủy nội địa phù hợp với nhu cầu của địa phương.

8.3. Đường sắt: Đối với hệ thống đường sắt Quốc gia tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đối với hệ thống đường sắt vùng và đô thị, quy hoạch các tuyến vùng kết nối các trung tâm đô thị của tỉnh theo các trục dọc số 02, 03… và liên kết các tỉnh thành lân cận.

8.4. Đường hang không: Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung 01 cảng hàng không trong Khu kinh tế tự do Hưng Yên vào quy hoạch hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế, du lịch, công tác cứu hộ, cứu nạn, an ninh quốc phòng khu vực biên giới biển.

8.5. Hàng hải: Cảng biển Hưng Yên thuộc nhóm cảng biển số 1, gồm các khu bến Diêm Điền, khu bến Trà Lý, khu bến Ba Lạt, các khu neo đậu, bến phao chuyển tải và khu neo đậu trú bão tuân thủ theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam và Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nghiên cứu đầu tư bến cảng tại khu bến Trà Lý và khu bến Diêm Điền có thể tiếp nhận tàu trọng tải đến 200.000 tấn phía ngoài khơi cửa Trà Lý và cửa Diêm Điền.

8.6. Hệ thống cảng cạn, trung tâm logistics và các công trình hạ tầng giao thông khác: Phát triển hệ thống cảng cạn nhằm tối ưu hóa vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của từng khu vực trên địa bàn tỉnh; đồng thời bổ sung các cảng cạn, trung tâm logistics và các công trình hạ tầng giao thông khác cho phù hợp với quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

9. Phát triển hạ tầng xã hội

9.1. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học công nghệ, huy động nguồn lực, đặc biệt là của doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học công nghệ. Xây dựng và thay đổi chính sách nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển từ mô hình sử dụng ngân sách Nhà nước sang đồng tài trợ, Nhà nước đặt hàng đối với cơ sở nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học, vật liệu mới trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2030, Hưng Yên hình thành được hệ sinh thái đổi mới sáng tạo năng động, có sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu,

trường đại học và doanh nghiệp; tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt trên 45%; kinh tế số chiếm khoảng 35% GRDP của tỉnh.

- Phát triển Sàn giao dịch Công nghệ và Thiết bị Hưng Yên trở thành trung tâm kết nối, trao đổi và thương mại hóa công nghệ của vùng đồng bằng sông Hồng, hoạt động theo mô hình sàn giao dịch điện tử hiện đại, đa chức năng.

9.2. Văn hóa, thể thao

- Đến năm 2030, xây dựng và phát triển tỉnh Hưng Yên là một trong những địa phương có hoạt động văn hoá - thể thao lớn của cả nước về cơ sở vật chất, thành tích thể thao, chất lượng vận động viên. Tạo dựng một xã hội ổn định và phát triển trên cơ sở gia đình là hạt nhân.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm văn hóa, thể thao của Vùng Đồng bằng Bắc bộ.

- Xây dựng văn hóa, con người Hưng Yên phát triển toàn diện với các phẩm chất: Nhân cách, đạo đức, trí tuệ, khát vọng, năng động, văn minh, thân thiện, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và truyền thống và bản sắc của Hưng Yên.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể), cùng các giá trị văn hóa khác, tái hiện, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, sản phẩm du lịch đặc trưng, có chất lượng cao mang đậm bản sắc Hưng Yên, phù hợp với xu thế thời đại. Tiếp tục giữ vững, phát huy hào khí Hưng Yên và không ngừng lan tỏa tinh thần hào khí Hưng Yên trong mọi phương diện của đời sống.

- Triển khai phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các cuộc vận động có liên quan văn hóa ngày càng sâu rộng và thực chất hơn; hoàn thiện đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống thiết chế văn hóa thể thao, xây dựng các chương trình, dự án mới nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động, hưởng thụ, sáng tạo và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, nhất là thanh thiếu niên và công nhân lao động (ưu tiên đầu tư xây mới các công trình biểu tượng như Nhà hát Phố Hiến, Khu Liên hợp thể thao tỉnh và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao).

- Tiếp tục giữ vững vị trí là một trung tâm thể dục thể thao mạnh của cả nước. Phát triển sâu rộng phong trào thể dục thể thao; tập trung đầu tư phát triển thể thao thành tích cao có trọng tâm, trọng điểm. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trên địa bàn toàn tỉnh đồng bộ, hiện đại, đủ điều kiện tổ chức các hoạt động tại địa phương, quốc gia và quốc tế.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Hưng Yên trở thành ngành kinh tế quan trọng, trong đó tập trung phát triển có trọng tâm, trọng

điểm một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

9.3. Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh theo hướng mở, hiện đại, đồng bộ, liên thông, chất lượng cao; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân; xây dựng hệ thống giáo dục tiên tiến, hội nhập, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của tỉnh.

- Phát triển toàn diện con người về phẩm chất, năng lực, kỹ năng số, năng lực ngoại ngữ, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; gắn giáo dục và đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động. Sắp xếp, quy hoạch và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp điều kiện tỉnh sau hợp nhất; thu hẹp khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng; đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp; phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo hướng ứng dụng, gắn với doanh nghiệp và nhu cầu nhân lực của tỉnh. Đổi mới quản trị giáo dục theo hướng hiện đại, hiệu quả; hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo đột phá phát triển giáo dục; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

- Phấn đấu đến năm 2030, hệ thống giáo dục của tỉnh phát triển đồng bộ, hiện đại, chất lượng cao; giáo dục phổ thông thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập; từng bước đưa tỉnh trở thành trung tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng và cả nước, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2045.

9.4. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng hiện đại, chất lượng, đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng; nâng cao các chỉ số đánh giá chất lượng cuộc sống tốt cho người dân; giảm thiểu tỷ lệ bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ người dân.

- Phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; huy động mọi nguồn lực để tăng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình đối với một số nhóm đối tượng chính sách. Xây dựng chính sách, mở rộng quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hoá dân số và nguồn lực bảo hiểm y tế. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách tài chính về y tế để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh.

- Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; tập trung nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ tuyến trung ương, tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật và bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân.

- Xây dựng một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm nhận chức năng vùng; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu, hiện đại; phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Tổ chức lại, củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng đủ mạnh để mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu có chất lượng. Nâng cao dinh dưỡng và tầm vóc người Việt Nam. Phát triển hệ thống chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi thích ứng với già hoá dân số.

- Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao, tiệm cận tiêu chuẩn Thủ đô; đội ngũ cán bộ y tế có đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng hệ thống y tế chất lượng, đồng bộ, hiệu quả; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người dân, hướng tới đưa Hưng Yên trở thành trung tâm y tế chất lượng cao trong Vùng đồng bằng sông Hồng.

9.6. An sinh xã hội

- Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Hưng Yên hướng tới xây dựng một hệ thống mạng lưới cơ sở dạy nghề, việc làm và an sinh xã hội đồng bộ, hiện đại, đa dạng và bao trùm, bảo đảm mọi người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đều được tiếp cận bình đẳng, thuận tiện và hiệu quả với các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phát triển toàn diện mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập có đủ năng lực, quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu về tiếp cận, chăm sóc, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội. Từng bước chuẩn hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp, thân thiện và lấy người thụ hưởng làm trung tâm.

- Song song với đó, tỉnh tập trung phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm dịch vụ việc làm thành mạng lưới liên thông, thống nhất, có khả năng dự báo, điều phối và đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. Mỗi khu vực kinh tế trọng điểm sẽ có trung tâm dạy nghề - việc làm vệ tinh để kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, góp phần tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và giảm nghèo đa chiều.

- Bên cạnh đó, Hưng Yên hướng tới thực hiện hiệu quả, toàn diện các chính sách xã hội, trong đó bao gồm: Chính sách người có công với cách mạng

được chăm lo đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình khu dân cư; Chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được lồng ghép trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; Chính sách hỗ trợ người nghèo, người yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở, thông tin, dạy nghề và việc làm, hướng tới mục tiêu an sinh toàn dân, bao trùm và bền vững.

- Tỉnh cũng đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực trợ giúp xã hội, khuyến khích các cơ sở ngoài công lập, các tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp và cá nhân tham gia đầu tư, vận hành cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm phục hồi chức năng, trung tâm dạy nghề và chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật. Nhà nước đóng vai trò định hướng, quản lý, đồng thời hỗ trợ kinh phí tương đương mức nuôi dưỡng tại cộng đồng để đảm bảo tính công bằng và khuyến khích xã hội cùng chung tay chia sẻ trách nhiệm.

- Quan điểm này hướng tới mục tiêu xây dựng hệ thống an sinh xã hội Hưng Yên hiện đại, nhân văn và hội nhập, trong đó mọi người dân đều được bảo đảm an toàn xã hội, được đào tạo, có việc làm bền vững và được chăm sóc toàn diện, góp phần củng cố nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh đến năm 2050.

10. Các giải pháp phát triển

10.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy Đảng, đồng thời phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần được triển khai theo hướng chủ động, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình đã được xác định. Các cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến cơ sở cần xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, từ đó tập trung nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Công tác tuyên truyền, vận động cần được đẩy mạnh, nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ ý nghĩa, mục tiêu, lợi ích của việc thành lập thành phố, đồng thời giải thích, làm rõ các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Qua đó, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, góp phần bảo đảm ổn định chính trị, xã hội trong quá trình triển khai.

Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần gắn với việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với mô hình thành phố, nhất là trong các lĩnh

vực phân cấp, phân quyền, quản lý đô thị, tài chính - ngân sách và quản lý biên chế. Việc chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của của tỉnh Hưng Yên nói chung và các phường mới thành lập nói riêng là hết sức cần thiết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển nhanh và bền vững của thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện theo từng giai đoạn, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả. Việc đánh giá cần được thực hiện trên cơ sở các chỉ tiêu cụ thể, có so sánh, đối chiếu với mục tiêu đã đề ra, từ đó kịp thời điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nhìn chung, giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo giữ vai trò then chốt, quyết định đến thành công của việc tổ chức thực hiện, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân.

10.2. Về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức

Việc tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các phường mới thành lập. Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị đô thị hiện đại.

Trước hết, việc tổ chức bộ máy chính quyền cần được thực hiện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, bảo đảm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn cần bám sát quy định của Trung ương, đồng thời linh hoạt vận dụng phù hợp với đặc thù của đô thị lớn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Đối với cấp cơ sở, việc sắp xếp đơn vị hành chính cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm quy mô, tiêu chuẩn theo quy định, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Mô hình chính quyền đô thị cần được tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở trong quản lý và cung ứng dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; xây dựng chính quyền số, chính quyền đô thị hiện đại; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng điều hành.

Song song với việc tổ chức bộ máy, công tác quản lý, sử dụng biên chế cần được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, gắn với vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế. Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật; đồng thời có giải pháp phù hợp để xử lý số lượng cán bộ dôi dư phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần được đặc biệt chú trọng, nhằm đáp ứng yêu cầu của mô hình quản trị đô thị hiện đại. Cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, nhất là kỹ năng quản trị đô thị, quản lý kinh tế, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là đội ngũ chuyên gia, cán bộ có trình độ cao trong các lĩnh vực then chốt như quy hoạch, xây dựng, công nghệ thông tin và quản lý đô thị.

Bên cạnh đó, việc đổi mới phương thức quản lý cán bộ, công chức, viên chức cần được triển khai theo hướng hiện đại, dựa trên kết quả, hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Cần xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ khoa học, khách quan, gắn với các chỉ tiêu cụ thể, làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Có cơ chế bảo vệ, khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Việc đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức cũng là yêu cầu cấp thiết, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Hệ thống cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức cần được xây dựng đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, phục vụ hiệu quả công tác quản lý. Ngoài ra, cần bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, chuyển đổi vị trí công tác, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai.

Nhìn chung, giải pháp về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức cần được triển khai đồng bộ, toàn diện, bảo đảm xây dựng được hệ thống chính quyền tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

10.3. Thực hiện các chương trình phát triển

10.3.1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiệu quả, bền vững, chú trọng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Khai thác hiệu quả chợ đầu mối và khu vực nông sản gắn với chuỗi tiêu thụ trong và ngoài nước. Phát triển các khu nông nghiệp chất lượng cao, khu trồng trọt và khu vực chăn nuôi với quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, đảm bảo môi trường. Đầu tư hạ tầng thủy lợi, nhất là các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu trên địa bàn. Phát triển các vùng chuyên canh với các loại cây trồng có giá trị thương phẩm cao, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng từng vùng. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, sinh thái. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản gắn với chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, đảm bảo an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn xuất khẩu. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường sinh thái.

10.3.2. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, mở rộng các thành phần kinh tế

Tạo lập môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch để hỗ trợ sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, khai thác tiềm năng, sức sáng tạo của người dân và doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh và tinh thần yêu nước, bản lĩnh, trí tuệ, lòng tự tôn dân tộc và khát vọng cống hiến.

Định hướng phát triển các doanh nghiệp Nhà nước có vai trò dẫn dắt và năng lực cạnh tranh quốc tế trong các lĩnh vực trọng điểm như công nghệ, chuyển đổi số, tài chính, nông nghiệp và viễn thông. Tăng cường cơ chế giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược.

Chú trọng nâng cao năng lực và quy mô doanh nghiệp địa phương. Đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khuyến khích các loại hình hợp tác xã phát triển lớn mạnh. Ưu tiên phát triển kinh tế tập thể gắn với nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.

Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao, có giá trị gia tăng; thúc đẩy liên kết, chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước.

10.3.3. Phát triển văn hóa, thể thao và du lịch ngang tầm với phát triển kinh tế

Xây dựng và phát triển toàn diện nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện, thân thiện, nghĩa tình, năng động, sáng tạo; khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân văn, khát vọng vươn lên. Triển khai hiệu quả "Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035", tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Quy hoạch, xây dựng đồng bộ thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư các công trình hiện đại, đủ điều kiện tổ chức sự kiện cấp khu vực và quốc tế. Phát triển phong trào thể thao quần chúng, thể thao học đường; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng tài năng, nâng cao thành tích thể thao ở các môn thế mạnh của tỉnh. Thu hẹp chênh lệch hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản. Đầu tư trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng, gắn kết khai thác giá trị văn hóa với phát triển du lịch. Tăng cường xây dựng văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, ngăn chặn sự xuống cấp đạo đức xã hội, phòng chống sản phẩm văn hóa độc hại.

Phát triển công nghiệp văn hóa, sản phẩm dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch chất lượng cao; đẩy mạnh hợp tác, giao lưu văn hóa, ngoại giao văn hóa, quảng bá mạnh mẽ hơn nữa hình ảnh Hưng Yên trong và ngoài nước. Ứng dụng công nghệ số trong quảng bá văn hóa, du lịch, gia tăng khả năng tiếp cận cho người dân và du khách.

10.3.4. Phát triển mạng lưới y tế hiện đại và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong giai đoạn 2026 - 2030. Lồng ghép và ưu tiên các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong các quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Sắp xếp hệ thống y tế tinh gọn, hiệu quả, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng theo hướng hiện đại. Nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở, nhất là khu vực khó khăn, hạn chế trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế bảo đảm đồng bộ về số lượng, chất lượng, nhất là nhân lực phục vụ y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực y tế.

Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số toàn diện trong ngành y tế. Vận hành hiệu quả sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử; kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời. Có cơ chế hỗ trợ thu hút hiệu quả nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

10.3.5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển mới và hội nhập quốc tế

Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo, tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, lý tưởng với trách nhiệm xã hội, lối sống văn hóa, truyền thống lịch sử, chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, tài chính, quốc phòng và an ninh,... Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo, hình thành môi trường học tập thông minh, học tập suốt đời.

Quy hoạch mạng lưới trường học từ thành phố đến cơ sở; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; xây dựng trường học thông minh, trường học hạnh phúc. Đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp, nhất là các trường vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới. Xây dựng cơ sở giáo dục chuyên biệt

tới cấp trung học phổ thông. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo. Khuyến khích đầu tư xây dựng các trường chất lượng cao ở các cấp học, bậc học, các cơ sở giáo dục giảng dạy chương trình quốc tế.

11. Các giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

11.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của Bộ ngành, nhằm đảo bảo vốn cho đầu tư phát triển.

Phối hợp với các địa phương trong vùng đề xuất quy hoạch và thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng liên tỉnh, liên vùng. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng của tỉnh; tránh đầu tư dàn trải, phân tán; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất như giao thông, hạ tầng ngoài hàng rào các KCN, các dự án thoát nước, xử lý môi trường, các công trình thủy lợi, hạ tầng xã hội.

Khai thác nguồn lực tài chính từ thu tiền thuê đất, thu tiền sử dụng đất, sử dụng quỹ nhà, đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng trên cơ sở thực hiện rà soát việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả để phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển. Có biện pháp phù hợp, đúng quy định để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, bao gồm khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, xây dựng khu, cụm công nghiệp.

11.2. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước có vai trò quyết định đến việc thực hiện thành công các mục tiêu quy hoạch. Trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện các biện pháp sau:

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh:

Tạo điều kiện thuận lợi tối đa hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục hành chính và triển khai dự án đầu tư; xử lý nghiêm minh các hành

vi tiêu cực, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; rà soát, tối ưu hóa các quy trình xử lý giao dịch hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hướng tới xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp có năng lực, trình độ và phẩm chất, đạo đức tốt.

Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp tiếp cận kịp thời, đầy đủ, thuận lợi các thông tin về quy hoạch, cơ hội đầu tư, đất đai, mặt bằng sản xuất. Xây dựng và công khai danh mục các dự án đầu tư, các ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên, ưu đãi đầu tư. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, nhất là đối với nhà đầu tư lớn, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với quy hoạch, định hướng, chiến lược phát triển và thu hút đầu tư.

Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng; quy hoạch quỹ đất để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các tiện ích xã hội đi kèm cho các KCN, CNN.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư:

Hàng năm, tổ chức các cuộc xúc tiến đầu tư cấp tỉnh, cấp quốc gia; tổ chức đối thoại, gặp gỡ, tiếp xúc doanh nghiệp; tiếp nhận, tập trung giải quyết nhanh, dứt điểm những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phù hợp với từng đối tượng thu hút đầu tư, đặc biệt là các tập đoàn xuyên quốc gia, tập đoàn lớn trong nước. Đa dạng hóa các kênh tuyên truyền về đầu tư; liên kết với các kênh truyền thông quốc tế lớn; tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư tại các thị trường trọng điểm.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận PPP với các nhà đầu tư tiềm năng.

12. Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Trong bối cảnh Hưng Yên đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 10 - 11%/năm, xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh; nền kinh tế hiện đại, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển xanh, hướng tới mô hình tăng trưởng bền vững, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao. Vì vậy, phát triển nhân lực khu vực công trong giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ là yêu cầu nội tại của bộ máy hành chính, mà là điều kiện nền tảng để Hưng

Yên nâng cao năng lực cạnh tranh thể chế, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi và bảo đảm thực thi hiệu quả các mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững và hiện đại hóa giai đoạn tới. Do đó, đòi hỏi phát triển nhân lực khu vực công cần được tiếp cận như một đột phá về năng lực thể chế, chứ không đơn thuần là nâng cao trình độ cá nhân, với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân lực trình độ cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh; tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài, xây dựng nguồn cán bộ lâu dài.

Đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống khám, chữa bệnh các tuyến để nâng cao sức khỏe người dân. Đồng thời, tuyên truyền mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế để mọi người dân được tiếp cận với dịch vụ y tế cơ bản.

Đầu tư hiện đại hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học các cấp và đa dạng hoá các loại hình dạy học nhằm nâng cao đội ngũ nhân lực tương lai. Xây dựng cơ chế tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các tổ chức, công dân Việt Nam, cá nhân ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đồng thời, tiếp tục mở rộng hoạt động của các trường đại học trong và ngoài nước trong đào tạo nhân lực chất lượng cao của tỉnh Hưng Yên.

Nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; bồi dưỡng, chuẩn hóa nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; đổi mới chương trình, giáo trình; chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động đào tạo; xây dựng quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành) theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh.

Khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh tự đào tạo nghề cho người lao động và phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc liên kết đào tạo và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên. Trong đó doanh nghiệp tham gia từ xác định nhu cầu ngành nghề đào tạo, xây dựng nội dung, cơ sở vật chất, thiết bị, quản lý đào tạo đến giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên khi tốt nghiệp. Tạo điều kiện gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng chỉ tiêu 85% lực lượng lao động qua đào tạo vào năm 2030; thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo với các cơ sở GDĐT không phân biệt hình thức sở hữu. Tổ chức phân luồng, hướng nghiệp từ bậc học phổ thông, xây dựng chương trình đào tạo nghề cho học sinh phổ thông và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, nhất là các kỹ năng mềm, nâng cao ý thức chấp hành tốt kỷ luật lao động cho học sinh, sinh viên.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, dự báo nguồn nhân lực của tỉnh Hưng Yên gắn với hệ thống của cả nước; kết nối giữa các cơ quan dự báo nhu cầu nhân lực với các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh để triển khai kế hoạch đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm hiệu quả. Trong đó, nâng cao năng lực của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hưng Yên và hoạt động sàn giao dịch việc làm góp phần kết nối cung - cầu lao động hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu thị trường nhân lực trong tương lai gần và xa hơn. Nghiên cứu nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong cuộc CMCN 4.0 để định hướng đào tạo đối với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, nông nghiệp công nghệ cao, chăm sóc sức khỏe, ngoại ngữ sẽ có nhu cầu lao động rất lớn mở ra cơ hội việc làm cho thanh niên ở cả trong nước và quốc tế.

13. Các giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ

13.1. Bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường (đặc biệt là môi trường đất, môi trường nước và không khí); tăng cường sự phối hợp, chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành; tổ chức công tác thanh tra, kiểm soát môi trường và xử lý các sai phạm một cách toàn diện, hiệu quả. Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch kết hợp với thanh tra, kiểm tra đột xuất, giám sát chặt chẽ đối với những cơ sở phát sinh chất thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đối với lực lượng cảnh sát môi trường và chú trọng hiện đại hoá cơ sở vật chất, thiết bị trong công tác kiểm tra, giám sát môi trường.

Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư ứng dụng công nghệ cao để giảm thiểu, tái sử dụng chất thải. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư công nghệ nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái do trước đây để lại. Tiếp tục triển khai các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và đa dạng hóa các hình thức truyền thông đến các đối tượng để nâng cao nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường.

13.2. Khoa học công nghệ

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của KHCN trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

Xây dựng hệ thống hạ tầng khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ với sự tham gia chủ động, tích cực của tất cả các ngành, các cấp; huy động mọi nguồn lực của xã hội, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài; chú trọng biện pháp khuyến khích doanh nghiệp trích một phần lợi nhuận trước thuế lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, đầu tư trang thiết bị nghiên cứu và thành lập các đơn vị nghiên cứu mạnh trong doanh nghiệp; ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác thẩm định công nghệ của các dự án thu hút đầu tư. Quan tâm đến công tác chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là trong quá trình đàm phán, xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư các dự án FDI, các dự án tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật,...

Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thông tin khoa học và công nghệ. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường, nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của các doanh nghiệp. Nhà nước nghiên cứu, có giải pháp khuyến kích, hỗ trợ hoạt động này của các doanh nghiệp.

Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện dự án đổi mới khoa học, công nghệ. Tăng cường hiệu quả quản lý, năng lực kỹ thuật của hoạt động đo lường thử nghiệm về năng suất, chất lượng của các sản phẩm hàng hóa chủ lực tại địa phương; đánh giá trình độ, chất lượng của sản phẩm hàng hóa.

Nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch, từng bước nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm chế biến phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Từng bước ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, chất lượng tốt; ứng dụng công nghệ tự động hóa vào sản xuất.

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các xã Nghĩa Trụ, Phụng Công, Hưng Phú, Nguyễn Văn Linh, Việt Tiến, Văn Giang, Yên Mỹ, Thái Thụy, Như Quỳnh, Ân Thi, Hưng Hà, Long Hưng, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Lương Bằng, Kiến Xương, Hoàng Hoa Thám, Khoái Châu, Đông Hưng, Phụ Dực, Vũ Thư, Vũ Quý, Mễ Sở, Tiên Lữ, Lạc Đạo, Tân Hưng, Thái Ninh, Tiên Tiến, Nghĩa Dân, Quang Hưng, Việt Yên, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Nguyễn Trãi, Châu Ninh, Xuân Trúc trong việc phát huy mọi nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân ngày một được nâng cao. Thành lập các phường có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành và phát triển của các xã, đặc biệt là trong giai đoạn mới hình thành sau sắp xếp và tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Tạo động lực để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất của địa phương.

Việc thành lập các phường thuộc tỉnh Hưng Yên là cần thiết, phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 và các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Là bước ngoặt để các xã tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; đồng thời đáp ứng được nguyện vọng thiết tha của Nhân dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nói chung và khu vực các xã nói riêng.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

(Đề án này thay thế Đề án số 402/ĐA-UBND ngày 29/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026)./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Xây dựng;
- Lưu: VT, NC[Thủy].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 19/11/2026 16:07:47

Nguyễn Mạnh Quyền